TƯ MÃ QUANG
Chủ biên

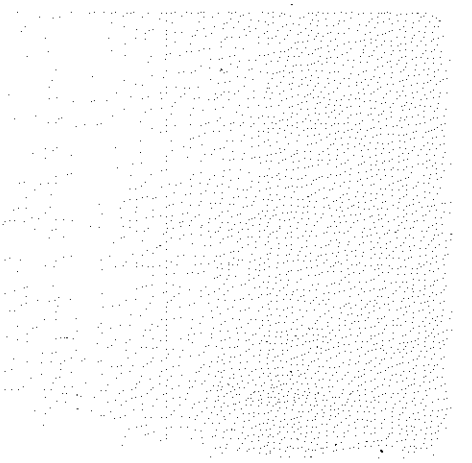
TƯ TRỊ THÔNG GIÁM

TẬP 2

Dịch giả: BÙI THÔNG
Hiệu đính: NGUYỄN ĐỨC VỊNH

vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TƯ TRỊ THÔNG GIÁM



BẢN QUYỀN TIẾNG VIỆT © CÔNG TY TNHH
SÁCH VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM 2017
Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép
sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc
phương tiện nào mà không có sự cho phép trước
bằng văn bản của

Tư trị thông giám Tập 2 có 180 phiên bản **Đặc biệt**
được đánh số từ 001-180 đều có chữ ký của Dịch giả và trên đó

TƯ MÃ QUANG
Chủ biên
Đồng soạn: PHẠM TỒ VŨ - LƯU THỨ - LƯU BAN

TƯ TRỊ THÔNG GIÁM

TẬP 2

Dịch giả: **BÙI THÔNG**
Hiệu đính: NGUYỄN ĐỨC VỊNH

vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TÀI LIỆU DỊCH VÀ THAM KHẢO

Dịch từ nguyên bản Hán văn cổ

Tư trị thông giám (资治通鉴)

Tư Mã Quang chủ biên.

Trung Hoa thư cục ấn bản năm 2009

Tham khảo:

1- Tư trị thông giám Âm chú (资治通鉴音注)

Hồ Tam Tỉnh, Trung Hoa thư cục ấn bản năm 2009

2- Bạch thoại Tư trị thông giám (白话资治通鉴)

Thẩm Chí Hoa chủ biên

Trung Hoa thư cục ấn bản năm 1993.

NHÓM CỔ THƯ LÂU

Bùi Thông – 1

Phạm Thành Long -2

Nguyễn Đức Vịnh -3

Võ Hoàng Giang -4

5- Lê Hải An

6- Cao Thế Khải

7- Nguyễn Đỗ Thuyên

8- Trần Minh Tiến

LỜI NÓI ĐẦU

Tư trị thông giám, là bộ sử quan trọng hàng đầu của Trung Quốc, viết theo thể biên niên. Tập 1 của bộ sử này đã được NXB Văn học kết hợp với Nhà sách Tri thức trẻ phát hành vào cuối tháng 11 năm 2017. Và sau nhiều tháng miệt mài, tập 2 của bộ sử này cũng đã được hoàn thành, gửi tới tay bạn đọc.

Tư trị thông giám tập 1 bao trùm toàn bộ lịch sử về giai đoạn Chiến Quốc, có thể điểm lại sơ qua những sự kiện lớn sau đây:

- Chu Uy Liệt vương của nhà Chu (năm 403 TCN) chia đất phong hầu cho ba nhà Hàn, Triệu, Ngụy, từ đấy kỷ cương suy vữa cùng cực, các thế lực chư hầu với đủ mưu mô, thủ đoạn ra sức đánh lẫn nhau để tranh giành mở mang cương thổ, thời kỳ Chiến Quốc chính thức bắt bắt đầu.

- Tần Thủy Hoàng sử dụng sức mạnh quân sự, thủ đoạn của kẻ sĩ du thuyết, chia rẽ các nước, phá thế hợp tung chống Tần, lần lượt đánh bại Lục Quốc, thống nhất toàn bộ Trung Quốc, sáng lập ra triều Tần, hình thành chế độ phong kiến tập quyền trung ương.

- Chính sách cai trị khốc bạo của nhà Tần khiến dân chúng oán hận, nổi lên làm phản, rút cục nhà Tần mau chóng bị diệt sau hai đời cai trị. Hai thế lực lớn là Lưu Bang, Hạng Vũ tranh chiến liên miên, Lưu Bang diệt Hạng Vũ, lập nên nhà Hán.

- Nhà Hán đạt đến sự thịnh trị vào thời Hán Văn đế và Hán Cảnh đế thông qua các chính sách hòa hoãn với Hung Nô, giảm thuế khóa và dao dịch, khuyến khích nông nghiệp, nới lỏng các hình phạt, khiến kinh tế phát triển cực thịnh, đến mức "kho lẫm

đầy tràn, phủ khố dư của cải; tiền chồng chất, dây xâu tiền mục nát; thóc trong kho lớp lớp đè lên nhau, mục nát chẳng thể ăn được", thiên hạ ca ngợi là thời "Văn Cảnh chi trị".

Tuy vậy, chính trong thời đại trị, mối nguy loạn lại nảy sinh từ chế độ phân phong đất đai rộng lớn cho các chư hầu. Bấy giờ chư hầu đất rộng, kinh tế quốc gia hưng khởi, nước phong giàu có, số hộ khẩu tăng nhanh, thực lực của chư hầu mạnh mẽ dần, tạo thành thế cục "đuôi to khó vẫy", thiên tử không thể khống chế nổi chư hầu. Đương nhiên, hệ quả của việc ấy là loạn Thất Quốc nảy sinh, quốc gia nghiêng nguy chao đảo. Vì thế sau khi dẹp loạn, Hán triều bắt đầu dùng các chính sách tước đất, chia nhỏ và làm suy yếu chư hầu, từng bước xóa bỏ dần nạn cát cứ, khiến vương triều ổn định lại.

Tư trị thông giám tập 2 dành rất nhiều trang cho những ghi chép về thời cai trị của Hán Vũ đế, vị hoàng đế để lại dấu ấn không thể phai mờ trong lịch sử Trung Quốc, thường được so sánh với Tần Thủy Hoàng.

Mở đầu và quan trọng nhất, có ảnh hưởng sâu rộng nhất là sự kiện Hán Vũ đế thuận theo kiến nghị của Nho sinh Đổng Trọng Thư thi hành chính sách "bãi truất bách gia, độc tôn Nho thuật", dẹp bỏ tình trạng "trăm hoa đua nở" lúc trước, thay đổi hoàn toàn phương châm "vô vi nhi trị" thời hai vua Văn, Cảnh, điều đó không chỉ khiến tư tưởng và hệ thống lý luận Nho học trở thành nền tảng tinh thần căn bản cho tất cả các triều đại phong kiến từ đó về sau, mà còn khiến Nho học trở thành một phương tiện truyền bá tri thức chủ đạo, chi phối mọi mặt đời sống xã hội đến tận đầu thế kỷ thứ 20 ở Trung Quốc cũng như các nước đồng văn là Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam.

Một quyết định mang tính bản lề khác của Hán Vũ đế cũng được *Tư trị thông giám* chú trọng biên chép là quyết định ban hành chính sách "Thôi ân lệnh" dựa theo đề xuất của Chủ Phụ Yển. "Thôi ân lệnh", tức là cho phép các con thứ của chư hầu

được tập tước kém hơn con trưởng một bậc và được nhận đất phong cắt từ phần đất phong của chư hầu. Chính sách từng bước chia nhỏ rồi đi đến xóa bỏ đất phong của chư hầu này tiếp nối chiến lược mà Giả Nghị, Triều Thố đề xuất trước kia nhưng lại khéo léo che đậy bằng lớp vỏ tình nghĩa, được số đông con cháu chư hầu tán đồng nên việc thực thi rất thuận lợi, giúp nhà Hán vĩnh viễn gạt bỏ được mối lo loạn Thất quốc tái xuất hiện.

Bên cạnh đó Hán Vũ đế đặt ra chức Mậu tài, lệnh cho quan chức địa phương mỗi năm phải khảo hạch và đề cử nhân tài để triều đình bổ dụng; đặt chức Thứ sử làm nhiệm vụ tuần tra, xem xét hoạt động của hệ thống quan lại từ Thái thú trở xuống. Đây đều là những chính sách có tác dụng hoàn thiện và củng cố hệ thống chính trị, thâu tóm quyền lực vào tay triều đình trung ương, mang tính định hướng làm khuôn mẫu cho đời sau, đều được *Tư trị thông giám* tập 2 trần thuật, định giá xác đáng.

Song song với vấn đề nội trị, *Tư trị thông giám* tập 2 ghi chép rất đầy đủ và chi tiết về lĩnh vực ngoại giao. Từ chuyến đi sứ của Trương Khiên, đến thúc đẩy hoạt động thương mại với các nước Tây Vực, thông qua đó tuyên truyền, dụ dỗ, lôi kéo, từng bước xây dựng ảnh hưởng, rốt cuộc đặt Đô hộ phủ, đóng quân đồn trú, tiến hành bảo hộ các thành quốc, vừa mở rộng được lãnh thổ vừa chặt đứt sức khống chế của Hung Nô; từ việc tận dụng quốc lực dồi dào được kế thừa từ thời Văn, Cảnh để đầu tư vào nhân lực, vật lực cho việc binh bị, cất nhắc bổ nhiệm các tướng lĩnh, cho đến việc thay đổi chủ trương hòa thân với Hung nô, chuyển sang sử dụng vũ lực, liên tiếp chủ động tấn công, đuổi người Hung Nô về phương bắc, hóa giải nguy cơ bị Hung Nô uy hiếp; từ thủ đoạn xúi giục, ly gián, mua chuộc, tác động, xâm lấn, đồng hóa từng bước, cho đến chiến tranh quy mô lớn thôn tính lãnh thổ các nước Đông Việt, Mân Việt, Nam Việt, Dạ Lang ở phía tây và phía nam. Tất thảy bạn đọc đều có thể tìm thấy ở *Tư trị thông giám* tập 2.

Tất nhiên, một mặt nêu rõ những thành tựu chính trị quân sự rực rỡ thời bấy giờ, mặt khác *Tư trị thông giám* cũng không bỏ qua tình trạng cạn kiệt nguồn lực, quốc khố sung túc nhờ tích trữ suốt thời gian tại vị cần kiệm của hai vua Văn, Cảnh dần dần trở thành trống rỗng vì tham vọng mở mang lãnh thổ và khuếch trương ảnh hưởng cùng thói xa xỉ vô độ của Hán Vũ đế. Kinh tế suy bại, thu nhập quốc gia không gánh vác nổi chi phí chiến tranh và xây dựng là những nguyên nhân chính khiến triều đình nhà Hán cho ra đời những chính sách nhằm tận thu của cải trong xã hội như cho phép dùng tiền mua chức tước, chuộc tội; phát hành và buộc dân chúng sử dụng tiền chế tác từ da; nắm giữ độc quyền kinh doanh các loại mặt hàng thiết yếu muối, sắt, rượu trong tay quan phủ.

Với đánh giá của Tư Mã Quang: *"Hiếu Vũ xa hoa hết mức, ham muốn cùng cực, phép nhiều thuế nặng, trong cung thất xa xỉ, ngoài chinh thảo Tứ Di, mê hoặc tin chuyện thần tiên quái lạ, tuần du vô độ, khiến bách tính nhọc mệt tàn tạ, nổi lên làm đạo tặc, việc mà Hiếu Vũ làm so với Tần Thủy Hoàng không mấy khác nhau. Thế nhưng triều Tần bởi thế diệt vong, Hán triều nhờ thế lại hưng thịnh, là vì Hiếu Vũ có thể tuân theo cái đạo của tiên vương, biết cách thống thủ, tiếp nhận lời trung thực, ghét kẻ man trá che đậy, yêu người hiền không biết mệt, thưởng phạt nghiêm minh, đến lúc tuổi già lại biết sửa lỗi lầm, phó thác đúng người, đấy là cái lý do khiến nhà Hán đã mắc cái lỗi sai diệt vong của triều Tần mà tránh được cái họa vong quốc của triều Tần chăng?" Tư trị thông giám* đã dựng cây cầu nối, liên kết thời đại của Hán Vũ đế với thời đại Hán Chiêu đế, Hán Tuyên đế - được sử gọi chung là "Chiêu Tuyên trung hưng" - kế tiếp. Trong đó người đóng vai trò then chốt ở giai đoạn đầu là Hoắc Quang, một trong các đại thần được Hán Vũ đế chọn làm phụ tá cho Hán Chiêu đế lên ngôi lúc còn nhỏ tuổi. Đối mặt với thế cục nghiêng nguy, hấp thu bài học thời Vũ đế, Hoắc Quang tích cực chủ trương giảm hình nhẹ luật, xá miễn tô thuế, bãi bỏ

độc quyền kinh doanh muối và sắt của quan phủ, dốc sức hỗ trợ nông tang, thúc đẩy hoạt động thương mại, quay lại với chính sách hòa thân, vỗ yên bốn phương, ổn định xã hội.

Với *Tư trị thông giám* tập 2, di sản của thời đại "Chiêu Tuyên trung hưng" không gói gọn trong phạm vi tái thiết các định chế kinh tế, khôi phục quốc kế dân sinh. Thời Hán Tuyên đế để lại tiền lệ quyền thần thao túng triều chính. Gia tộc Hoắc Quang hàng chục người đeo ấn thao nắm thực quyền, sau khi Tuyên đế qua đời, Hoắc Quang đón Xương Ấp vương Lưu Hạ về lập làm hoàng đế rồi sau 27 ngày lại phế bỏ, là sự kiện hi hữu trong lịch sử. Đến thời Hán Chiêu đế, phong khí hủ bại dần dần xuất hiện, ngoại thích lộng hành lũng đoạn lấn át pháp chế và đây đó thấp thoáng bạn đọc có thể tìm thấy bóng dáng của một Vương Mãng thủa mới dấn thân vào chính trường.

Cũng như tập 1, *Tư trị thông giám* tập 2 nêu tấm gương soi tỏ bài học thành bại được mất, làm rõ lý lẽ hưng thịnh suy vong, ngoài ra còn giúp bạn đọc có thể hình dung được chiến lược đối ngoại căn bản và xuyên suốt của Trung Quốc đối với các quốc gia láng giềng; nắm được cách tư duy, suy nghĩ và phương thức thực hiện, những mục tiêu ngắn và dài hạn của chính sách này.

Quan trọng không kém, chúng ta bắt đầu nhìn thấy những tư liệu đầu tiên liên quan đến lịch sử Việt Nam được ghi chép trong một bộ sử chính thống của Trung Quốc. Những dấu vết này sẽ giúp chúng ta hình dung được về hình hài đất nước ở giai đoạn sơ khai thông qua các câu chuyện về Nam Việt vương Triệu Đà, Tể tướng Lã Gia...

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Tháng 02 năm 2018

NHÓM CỔ THƯ LÂU

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ CHÍN]

THẾ TÔNG HIẾU VŨ HOÀNG ĐẾ

Năm Kiến Nguyên nguyên niên (Tân Sửu – TCN 140)

1. Mùa đông, tháng mười, Đế chiếu lệnh sai đại thần tiến cử kẻ sĩ hiền lương phương chính dám trực ngôn can gián thẳng, chúa thượng đích thân ban chiếu thư hỏi về "đạo" trị lý thiên hạ xưa nay, tham dự khảo thí hơn trăm người. Người quận Quảng Xuyên là Đổng Trọng Thư dâng đối sách rằng:

"Cái gọi là đạo, là con đường mà nhờ đó đưa thiên hạ đến đại trị vậy. Nhân, nghĩa, lễ, nhạc, đều là công cụ để hành đạo vậy. Thế nên thánh vương dẫu mất đi, nhưng con cháu họ thống trị lâu dài, yên ổn mấy trăm năm, đấy đều là công hiệu của lễ nhạc giáo hóa vậy. Phàm là bậc quân chủ, chẳng ai không muốn quốc gia yên ổn trường tồn, nhưng những điều khiến chính trị hỗn loạn, quốc gia nguy vong rất nhiều; dùng người không thích đáng, phương cách trị quốc không đúng đạo, vì thế chính sự mỗi ngày một suy bại. Cái đạo thời nhà Chu suy ở hai vua U, Lệ, đấy không phải vì đạo trị quốc mất đi, mà vì U, Lệ không tuân theo đạo vậy. Cho đến thời Tuyên vương, nghĩ đến đức hạnh của thánh vương đời trước, hưng cơ nghiệp đã trì trệ, bổ vá tàn khuyết, phát dương công nghiệp của Văn, Vũ, đạo nhà Chu lại phục hưng xán lạn, đấy là vì sớm khuya chẳng trễ lười thi hành việc thiện mà dẫn đến như thế vậy.

Khổng tử nói: 'Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân.'[1] *Cho nên trị, loạn, phế, hưng là ở mình, trừ phi do trời giáng mệnh, chẳng thể vãn hồi được; nếu quân chủ có hành vi sai lầm trái đạo, địa vị thống trị ắt phải mất đi. Người làm vua, cốt ở tư tưởng đoan chính để triều đình được tề chỉnh, triều đình tề chỉnh mới khiến trăm quan nghiêm túc, trăm quan nghiêm túc mới khiến muôn dân đứng đắn, muôn dân đứng đắn mới khiến bốn phương nghiêm chỉnh. Bốn phương nghiêm chỉnh, thì xa gần chẳng ai dám không hướng theo chính đạo, lại không có khí gian tà lẫn trong trời đất, vì thế âm dương hài hòa mà gió mưa thuận thời, quần sinh hòa thuận mà muôn dân sinh sôi, vật mang điềm phúc, việc mang điềm lành, hết thảy đều xuất hiện, như thế thì vương đạo được trọn vẹn rồi!*

Khổng tử nói: 'Phượng điểu bất chí, Hà bất xuất đồ, ngô dĩ hĩ phù.'[2] *Đấy là tự bi thương vì cho rằng đức hạnh có thể chiêu vời được điềm lành, nhưng thân phận mình thấp hèn chẳng chiêu vời được vậy. Nay Bệ hạ là Thiên tử quý hiển, có được cái giàu có của bốn bể, ở ngôi vị chiêu vời được, nắm cái hình thế chiêu gọi được, lại có tư chất có thể vời điềm lành đến; phẩm hạnh cao thượng mà ân đức rộng, trí tuệ sáng suốt mà ý tưởng cao đẹp, yêu mến dân lại tôn trọng hiền sĩ, có thể gọi là bậc quân chủ có đạo nghĩa rồi. Thế nhưng trời đất chưa cảm ứng mà các điềm lành không xuất hiện, là vì sao? Đại để vì giáo hóa chưa được dựng lập mà muôn dân chưa theo đường chính vậy. Muôn dân đuổi theo lợi ích như dòng nước chảy xuôi, chẳng dùng giáo hóa đắp thành đê thì chẳng thể ngăn họ được. Bậc thánh vương thời xưa hiểu rõ được điều ấy, cho nên ngoảnh mặt về nam mà trị thiên hạ, chẳng thứ gì không dùng giáo hóa làm đại sự căn bản. Lập Thái*

---

[1] "Con người có thể phát dương đạo, chứ chẳng phải đạo mở rộng người." Lời trong sách *Luận ngữ*.

[2] "Chim phượng không đến, Hà đồ chẳng xuất hiện, đạo của ta bỏ đi rồi." Người xưa cho rằng hình tượng Chim phượng và Hà đồ (bức đồ hình trên lưng con long mã ở sông Hoàng Hà) xuất hiện, đấy là điềm báo thánh vương ra đời. Khổng tử không thấy hai vật đó, cho rằng thánh vương không ra đời, than rằng cái đạo của mình chẳng thể thi hành được.

học để giáo dục ở quốc đô, dựng học phủ để giáo hóa nơi hương ấp, dùng nhân dạy dỗ dân, dùng nghĩa cảm hóa dân, dùng lễ tiết chế dân, thế nên hình phạt rất nhẹ mà không ai phạm pháp, giáo hóa được thi hành mà tập tục cao đẹp vậy.

Thánh vương kế nối sau thời loạn, quét sạch tàn tích mà vứt bỏ đi, phục tu giáo hóa lại đặc biệt xem trọng việc ấy; giáo hóa đã sáng rõ, tập tục đã hình thành, con cháu đã noi theo, thi hành năm sáu trăm năm vẫn chưa suy bại vậy. Nhà Tần hủy diệt đạo trị của bậc thánh vương đời trước, trị quốc cẩu thả, cho nên lập quốc mười bốn năm đã diệt vong, cái tàn dư độc hại của triều Tần còn lưu lại như lửa cháy đến nay chưa tắt, khiến cho tập tục bạc ác, người dân trí trá tham lam, ngang ngược mạo phạm, liều chết kháng cự, hủ bại đến mức cực điểm như thế vậy. Thần trộm ví rằng: Đàn cầm đàn sắt nếu chẳng hài hòa, đã nghiêm trọng thì nhất định phải tháo dây mà căng lại, mới có thể đánh được vậy; việc trị quốc không thi hành được, đã nghiêm trọng thì nhất định phải cải biến mà đổi mới, mới có thể trị lý được vậy. Vì thế, từ lúc Hán triều có được thiên hạ đến nay, thường muốn đại trị, nhưng đến nay chưa thể trị lý tốt, là vì có những thứ đáng phải thay đổi mà không thay đổi vậy.

Thần nghe nói bậc thánh vương trị lý thiên hạ, thần tử ít tuổi thì cho học tập rèn luyện, lớn lên thì lấy quan vị để thử tài năng, dùng tước lộc để dưỡng phẩm đức, nêu hình phạt để nạt ác niệm, vì thế dân thông hiểu lễ nghĩa mà hổ thẹn với việc xúc phạm người trên. Vũ vương thi hành đại nghĩa, bình dẹp tàn uế, Chu công chế định lễ nhạc, tu chỉnh chính sự; cho đến thời đại trị của Thành, Khang, nhà ngục trống rỗng hơn bốn chục năm trời. Đấy cũng là nhờ giáo hóa đã thấm đẫm mà nhân nghĩa lan truyền rộng rãi, không phải vì công hiệu của hình phạt độc ác hủy hoại da thịt vậy. Đến thời nhà Tần thì không như thế nữa, nhà Tần đề cao pháp lệnh của Thân, Thương[1], thi hành học thuyết của Hàn Phi, căm ghét đạo trị thế của thánh vương, khiến

[1] Tức Thân Bất Hại (申不害) và Thương Ưởng (商鞅).

tham lam thành thói tục, theo danh mà chẳng xét thực, người làm việc thiện không hẳn tránh khỏi tội mà kẻ phạm tội ác không hẳn bị trừng phạt vậy. Vì thế trăm quan đều dùng lời sáo rỗng mà chẳng quan tâm tình thực, bề ngoài tỏ vẻ kính lễ quân vương, bên trong thực có lòng bội chúa, ra sức che đậy xảo trá, đuổi theo tài lợi vô sỉ; thế nên kẻ chịu hình phạt rất nhiều, người chết nối dài, mà việc gian dối vẫn không dừng, đấy là phong tục giáo hóa khiến thành như thế vậy. Nay Bệ hạ thống trị khắp thiên hạ, chẳng có ai không theo phục, thế nhưng công đức chẳng ban xuống trăm họ, đại khái là vì Bệ hạ chưa chú ý đến việc này. Trong sách của Tăng tử có lời rằng: 'Tôn trọng cái đạo lý nghe được, là rất cao minh vậy; thi hành cái đạo lý biết được, là rất sáng suốt vậy. Điều cao minh sáng suốt, chẳng ở tít tận đâu xa, chỉ ở cái chỗ chú ý nhận biết mà thôi.' Mong Bệ hạ hãy chọn dùng cái đạo lý mình nghe được, chân tâm thành ý thi hành đạo lý ấy, thì so với Tam vương có khác gì đâu?

Ôi, lúc bình thời chẳng dưỡng kẻ sĩ mà muốn cầu người hiền, cũng ví như không mài giũa ngọc mà đòi có ngọc khí vẽ hoa văn vậy. Cho nên cách trọng yếu để dưỡng kẻ sĩ, chẳng gì hơn là hưng nhà Thái học; nhà Thái học, là nơi chủ yếu sản sinh ra hiền sĩ, là gốc của giáo hóa vậy. Nay lấy tất thảy dân chúng của một quận, một nước ra đối đáp, mà không có được nhân tài phù hợp chiếu thư, đấy là vì vương đạo đã thường xuyên dứt tuyệt vậy. Thần mong Bệ hạ hưng lại nhà Thái học, bố trí thầy giỏi, để dạy dỗ sĩ nhân trong thiên hạ, thường xuyên khảo vấn để họ trổ hết tài năng của mình, như thế thì mới có thể có được nhân tài kiệt xuất vậy. Nay các Quận thú, Huyện lệnh là tấm gương của dân, chức trách của họ là vâng mệnh đem cái đức của bậc quân chủ tuyên dương giáo hóa; cho nên tấm gương bất thiện, thì cái đức của quân chủ chẳng được tuyên dương, ân trạch chẳng được lưu truyền. Hiện nay quan lại đã không giáo huấn dân chúng, có người không tuân thủ pháp độ của triều đình, bạo ngược trăm họ, cùng kẻ gian câu kết, mưu thủ lợi riêng, trăm họ bần khốn cô cùng, hàm oan mất nghiệp, rất không xứng ý của Bệ hạ; vì thế âm dương

thác loạn, oán khí chất đầy, quần sinh khổ sở, lê dân không được cứu giúp, đấy đều bởi Trưởng lại bất minh khiến hậu quả thành ra như thế vậy!

Xét ra, Trưởng lại đa phần xuất thân từ Lang trung, Trung lang, con em của quan Nhị thiên thạch, tuyển người làm quan Lang lại dựa vào điều kiện tiền tài, người được tuyển lựa không hẳn là hiền vậy. Vả lại, cái mà người xưa gọi là "công", là xét chính tích của người nhận chức quan có xứng chức theo thứ bậc hay không, chứ không phải là nói thời gian nhận chức ngắn hay dài vậy; cho nên kẻ có tài năng nhỏ dẫu thời gian nhận chức dài, vẫn chỉ là tiểu lại, người hiền tài dẫu giữ chức vị không lâu, vẫn chẳng có gì ngăn trở việc làm phụ tá đại thần, vì thế Hữu ti kiệt lực tận trí, chuyên tâm với chức vụ của mình mà kiến công lập nghiệp. Hiện nay thì không như thế. Làm quan lâu ngày thì được quý hiển, giữ chức lâu dài thì được thăng quan, vì thế liêm sỉ lẫn lộn, hiền năng, bất tiếu hỗn tạp, hiền tài chân chính chẳng xét rõ được. Thần ngu dốt cho rằng nên sai các Liệt hầu, Quận thú và Nhị thiên thạch đều chọn lấy người hiền trong số quan dân của mình, mỗi năm tiến cử lên triều đình hai người để dùng làm Túc vệ, lại dùng ngay việc ấy để quan sát tài năng của các đại thần; người mà họ tiến cử lên là hiền, thì có thưởng, người mà họ tiến cử lên chẳng ra gì, phải bị phạt. Làm như thế, các quan Nhị thiên thạch đều phải tận tâm với việc cầu hiền, kẻ sĩ trong thiên hạ sẽ có nhiều cơ hội được làm quan lại vậy. Có được người hiền khắp thiên hạ rồi, thì cái thịnh của Tam vương dễ thành mà thanh danh của Nghiêu, Thuấn có thể theo kịp được. Không dùng thời gian nhận chức tính công, mà lấy khảo xét thực tế sự hiền năng của quan lại làm đầu, liệu tài mà trao chức quan, xét đức mà định địa vị, thì liêm sỉ khác biệt, hiền năng hay bất tiếu rất minh bạch rồi!

Thần nghe nói 'chúng thiểu thành đa, tích tiểu trí cự'[1], *cho nên thánh nhân chẳng ai không đi từ chỗ tối tăm đến sáng suốt, từ địa vị*

[1] Tích cái ít thành cái nhiều, tích cái nhỏ thành cái lớn.

thấp hèn đến quý hiển; vì thế vua Nghiêu phát lên từ địa vị chư hầu, vua Thuấn hưng khởi ở giữa chốn rừng sâu,[1] *không phải một ngày mà hiển hách vậy, đại khái là dần dần đạt đến địa vị đó thôi. Lời nói xuất ra từ mình, chẳng thể lấp đi được; hành vi phát ra từ mình, chẳng thể che đậy được; lời nói và hành vi, là thứ cốt yếu với việc trị lý, người quân tử dựa vào đó mà cảm động trời đất vậy. Vì thế, tích hết cái nhỏ thì thành cái lớn, cẩn trọng hành vi mọn thì cái thiện nổi rõ; tích thiện ở bản thân, cũng như lâu ngày lớn dần mà người ta không biết vậy; tích ác ở bản thân, cũng như lửa cháy hao dần mà người ta không thấy vậy; đấy là cái lý do khiến Đường Nghiêu, Ngu Thuấn có được danh tiếng tốt, còn Hạ Kiệt, Thương Trụ khiến người ta sợ hãi đau thương.*

Vui sướng mà không dâm loạn, nghĩ xét lại mà chẳng chán mệt, đấy gọi là đạo vậy. Theo đạo hành sự thì vạn đời không tệ hại, tệ hại nảy sinh là do hành sự lỗi đạo vậy. Vì thế chính trị hôn ám, chính lệnh chẳng thi hành được, nhất định là do thi hành cái đạo của tiên vương có chỗ thiên lệch, chỉ có cách là phải tìm ra chỗ thiên lệch ấy để bổ vá cứu chữa tệ bệnh mà thôi. Đạo trị quốc của Tam vương, tuy chẳng giống nhau, nhưng không phải là mâu thuẫn với nhau, thảy đều ngăn chỗ tràn nâng chỗ suy, chỉ vì tình huống khác nhau nên đạo trị quốc mới biến đổi như thế vậy. Vì thế Khổng tử nói: 'Vô vi nhi trị, giả kỳ Thuấn hồ?'[2] *Các việc cải chính sóc, đổi sắc phục, là để thuận theo thiên mệnh thôi; còn những thứ khác đều noi theo Nghiêu đạo, có thay đổi gì đâu! Cho nên thánh vương chỉ lấy tiếng là cải biến chế độ, nhưng không thực chất thay đổi cái đạo trị quốc. Mà nhà Hạ chuộng trung thực, nhà Ân chuộng cung kính, nhà Chu chuộng lễ nghi, lúc triều sau lên kế nối, cái khiếm khuyết của triều trước vẫn tồn tại, cho nên mới phải làm như thế để bổ cứu. Khổng tử nói: 'Nhà Ân theo lễ chế nhà Hạ, những chỗ thêm bớt về lễ chế ta có thể biết được vậy; nhà*

---

[1] Sư Cổ nói: Vua Nghiêu từ ngôi Đường hầu thăng lên làm Thiên tử; Mạnh Khang nói: Vua Thuấn cày ruộng ở Lịch Sơn.

[2] Vô vi mà trị, là vua Thuấn đấy chăng?

Chu theo lễ chế nhà Ân, những chỗ thêm bớt về lễ chế ta có thể biết được vậy; ví như có triều nào nối theo lễ chế nhà Chu, những thêm bớt lễ chế, dẫu trăm đời cũng có thể biết được vậy.'[1] *Đấy là nói cái đạo trị quốc mà trăm vương sử dụng, chỉ có ba thứ là trung, kính, lễ mà thôi. Nhà Hạ theo lễ chế của nhà Ngu, nhưng Khổng tử không nói chỗ thêm bớt về lễ chế, là vì đạo trị quốc của hai nhà ấy thống nhất mà cái chuộng của hai nhà ấy tương đồng vậy. Cái gốc lớn của đạo xuất ra bởi trời, trời bất biến, đạo cũng bất biến; vì thế vua Vũ kế nối vua Thuấn, vua Thuấn kế nối vua Nghiêu, ba vị thánh vương trao nhường thiên hạ cho nhau mà noi theo đạo trị tương đồng, không có tệ bệnh về chính trị phải bổ cứu vậy, cho nên Khổng tử không nói cái thêm bớt về lễ chế của các nhà ấy vậy. Từ đấy mà xét, kế nối đời trị thì đạo trị quốc tương đồng, kế nối đời loạn thì đạo trị quốc phải biến đổi.*

Nay nhà Hán kế nối sau thời đại loạn, nên phải giảm bớt cái lễ nghi quá mức của nhà Chu, dùng cái đạo trung thực của nhà Hạ. Thiên hạ thời cổ đại, cũng là thiên hạ hiện nay, cùng là thiên hạ cả, so thiên hạ thời cổ với thiên hạ hiện nay, vì sao hết thảy mọi việc lại khác xa nhau đến vậy? Có sai sót gì mà suy kém đến mức như thế? Phải chăng là do cái đạo trị quốc hiện nay lầm lỗi so với đạo trị quốc thời cổ, có những việc làm dối trá với đạo trời sao?

Sự ban phát của trời cao đối với muôn loài tất có sự phân chia: Đã ban cho răng sắc thì bỏ đi sừng dài, cấp cho đôi cánh thì chỉ có hai chân, đấy là đã cho nhận cái lợi lớn thì không cho thêm cái lợi nhỏ vậy. Quan viên thời xưa đã nhận bổng lộc thì không kiếm ăn nhờ sức lực, không mưu làm nghiệp ngọn,[2] *đấy cũng là đã nhận cái lợi lớn thì không được thêm cái lợi nhỏ, so với ý trời cũng giống vậy. Đã nhận cái lợi lớn, lại nhận cái lợi nhỏ, đến trời cũng chẳng thể cấp nổi, huống chi là người ru? Đấy là lý do khiến bách tính muôn phần oán thán, cơm áo chẳng đủ vậy. Thân được quý sủng lại ở địa vị cao,*

---

[1] Câu trong sách *Luận ngữ*.

[2] Đã làm quan hưởng lộc thì không kiếm ăn bằng nghiệp cày cấy và buôn bán.

trong nhà no ấm lại hưởng lộc hậu, dựa vào tiền của và thế lực để cùng dân tranh lợi ở dưới, dân chúng có thể so bì được với bọn họ sao? Dân chúng bị tước đoạt yếu mòn theo ngày tháng, dần dần tới chỗ khốn cùng. Kẻ giàu có xa xỉ thừa mứa, người bần khốn sầu khổ khôn cùng; dân chúng chẳng vui sống, làm sao tránh xa tội lỗi được! Đấy là căn nguyên khiến hình phạt rất nhiều mà việc dối gian chẳng thể ngăn nổi vậy. Đại phu ở triều đình của Thiên tử, là những người mà hạ dân ngưỡng vọng và bắt chước, người ở bốn phương xa lại ngóng theo và bắt chước bọn họ; xa gần quan sát bắt chước nhau, há có thể ở địa vị hiền nhân lại theo hành vi của kẻ thứ dân sao? Vội vã truy cầu tài lợi, thường lo sợ thiếu khốn, là tâm ý của thứ dân vậy; vội vã truy cầu nhân nghĩa, thường lo sợ chẳng cảm hóa được dân, là tâm ý của Đại phu vậy. 'Kinh Dịch' nói: 'Phụ thả thừa, trí khấu chí.[1]' Ngồi xe, là nói về địa vị của người quân tử vậy; mang vác, là nói việc làm của kẻ tiểu nhân vậy; ý tứ của lời ấy là giữ địa vị người quân tử mà theo hành vi của kẻ thứ dân, họa hoạn tất đến vậy. Nếu đã giữ địa vị người quân tử, phải theo hành vi của người quân tử, nếu bỏ đi cách nghĩ của Tướng quốc Công Nghi Hưu nước Lỗ, thì không còn biện pháp nào hữu hiệu nữa rồi.[2]

Kinh Xuân Thu xem trọng sự nhất thống, đấy là đạo thường trong trời đất, là đạo nghĩa xuyên suốt xưa nay vậy. Hiện tại cái đạo mà các lão sư truyền thụ bất đồng, nghị luận của mỗi người có điểm dị biệt, hướng nghiên cứu của trăm nhà không giống nhau, ý tưởng không cùng một dạng, vì thế chúa thượng không có phương cách trị quốc thống nhất, phép chế nhiều lần biến đổi, thần dân ở dưới không biết phải tuân thủ thế nào. Thần ngu dốt cho rằng, phàm là những điều mục không thuộc về 'Lục nghệ', không phù hợp với học thuật của

---

[1] Đã mang vác lại ngồi xe, là chiêu vời cường đạo đến.

[2] Công Nghi Hưu (公仪休), là tướng quốc nước Lỗ thời Xuân Thu, có lần rời sở quan về nhà, trông thấy tấm lụa đẹp mà vợ dệt, liền nổi giận đuổi vợ ra khỏi nhà, đốt bỏ khung cửi, nói: "Ta đã làm quan hưởng lộc, mà đoạt cái lợi làm vườn của kẻ nông phu, cái lợi dệt cửi của nữ nhân sao?"

Khổng tử, đều nên nhất luật cấm tuyệt, không cho các đạo ấy được cùng phát triển với Nho học, khiến các học thuyết tà ác bất chính đều diệt hẳn, rồi sau đấy kỷ cương mới thống nhất, pháp độ mới sáng rõ, dân chúng biết được cái chỗ phải theo về rồi!"

Thiên tử khen đối sách của Trọng Thư, lấy Trọng Thư làm Tướng quốc nước Giang Đô. Người quận Cối Kê là Trang Trợ[1] cũng lấy thân phận là bậc hiền lương dâng đối sách, Thiên tử cất nhắc cho làm Trung đại phu.

Thừa tướng Vệ Oản tấu:

- Những người hiền lương được tiến cử, hễ có ai nghiên cứu cái học thuyết của Thân Bất Hại, Hàn Phi, Tô Tần, Trương Nghi, gây nhiễu loạn quốc chính, xin đuổi hết về.

Lời tấu được chấp thuận.

Đổng Trọng Thư thời trẻ nghiên cứu *kinh Xuân Thu*, thời Hiếu Cảnh làm Bác sĩ, hành vi cử chỉ đúng mực, điều phi lễ không làm, các học giả đều kính trọng xem là thầy. Lúc Trọng Thư làm Tướng quốc nước Giang Đô, thờ Dịch vương. Dịch vương, là anh của Đế, vốn kiêu ngạo, thích dũng lực. Trọng Thư dùng lễ nghĩa giúp nắn sửa, Dịch vương rất kính trọng.

2. Mùa xuân, tháng hai, Đế ban xá lệnh.

3. Triều đình phát hành tiền Tam thù[2].

4. Mùa hạ, tháng sáu, Thừa tướng Vệ Oản bị cách chức. Ngày Bính Dần, lấy Ngụy Kỳ hầu Đậu Anh làm Thừa tướng, Vũ An hầu Điền Phân làm Thái úy. Chúa thượng vốn đã hướng về Nho thuật, Anh và Phân đều thích đạo Nho, liền tiến cử Triệu Oản người đất Đại làm Ngự sử đại phu, Vương Tang người quận Lan Lăng làm Lang trung lệnh. Triệu Oản thỉnh xin

---

[1] Hán thư chép tên người này là Nghiêm Trợ (嚴助), là vì tránh húy của Hán Minh đế Lưu Trang vậy.

[2] Nhà Tần loại bỏ tiền Tứ thù, nay phát hành tiền này, nặng ba thù.

lập Minh Đường để tiếp kiến các chư hầu, lại tiến cử thầy của mình là Thân Công. Mùa thu, Thiên tử sai sứ giả đem lụa bó, ngọc bích, dùng an xa tứ mã[1] đi nghênh đón Thân Công. Thân Công đến, gặp Thiên tử. Thiên tử hỏi về việc trị loạn, Thân Công năm ấy hơn tám mươi tuổi, đáp rằng:

- Người trị lý thiên hạ không nhất thiết phải nói nhiều, chỉ xem nên dốc sức thực hiện thế nào thôi!

Bấy giờ, Thiên tử đang thích lời lẽ văn vẻ, bị Thân Công đối đáp như thế, lặng im; nhưng vì đã chiêu vời đến, bèn dùng làm Thái trung đại phu, cho ở phủ đệ của Lỗ vương tại kinh sư,[2] nghị bàn các việc dựng Minh Đường, đi tuần thú, đổi lịch pháp và sắc phục.

5. Năm ấy, Nội sử Ninh Thành mắc tội, bị phán xử hình phạt khôn kiềm.[3]

Năm Kiến Nguyên thứ hai (Nhâm Dần – TCN 139)

1. Mùa đông, tháng mười, Hoài Nam vương Lưu An đến triều kiến. Chúa thượng vì An thuộc hàng cha chú lại có tài cao, rất tôn trọng An,[4] mỗi khi nhàn tản triệu gặp nói chuyện, đến tối mịt mới dừng.

An vốn thân thiện với Vũ An hầu Điền Phân, lúc An về triều, Vũ An hầu đến Bá Thượng nghênh đón, bảo An rằng:

---

[1] Ở Trung Quốc thời cổ, xe bình thường chỉ có chỗ đứng, xe có chỗ ngồi gọi là an xa (安车), chủ yếu dành cho phụ nữ và người già. An xa đa số chỉ có một ngựa kéo, dùng an xa tứ mã là thể hiện sự tôn trọng rất lớn.

[2] Theo phép chế nhà Hán thời ấy, các quận, quốc đều lập phủ đệ ở kinh sư, khi chư hầu về chầu thì nghỉ tại đó. Vì Thân công là người nước Lỗ, cho nên nghỉ ở phủ đệ của Lỗ vương.

[3] Khôn kiềm (髡钳), tức hình phạt cạo trọc đầu và quấn vòng sắt vào cổ.

[4] Lưu An là con trưởng của Hoài Nam vương Lưu Trường, Lưu Trường là em của Hán Văn đế, An là em họ của Hán Cảnh đế, với Vũ đế thuộc hàng cha chú.

- Chúa thượng không có Thái tử, Vương thân là cháu của Cao hoàng đế, hành vi nhân nghĩa, thiên hạ chẳng ai không nghe biết. Một khi Hoàng đế thốt nhiên băng hà, ngoài đại vương còn ai đáng lập đây?

An cả mừng, đưa tặng Phân tiền vàng tài vật rất hậu.

2. Thái hoàng Đậu thái hậu ưa cái học thuật của Hoàng, Lão, không thích Nho thuật. Triệu Oản thỉnh xin không tấu việc với Đông cung.[1] Đậu thái hậu cả giận nói:

- Người này muốn làm Tân Viên Bình thứ hai chăng?[2]

Bèn ngầm truy tầm các việc gian tham của Triệu Oản, Vương Tang, lấy đó để trách chúa thượng. Chúa thượng vì thế phế việc dựng Minh Đường, các việc bọn Oản đề xướng đều bị phế. Oản, Tang bị bắt giao cho quan lại xử trí, đều tự sát; Thừa tướng Anh, Thái úy Phân bị cách chức, Thân Công cũng mượn cớ mắc bệnh xin về quê.

Khi trước, Cảnh đế vì Thái tử Thái phó Thạch Phấn và bốn con của Phấn đều làm quan Nhị thiên thạch, bèn hợp cha con họ thành một nhà, gọi Phấn là "Vạn Thạch quân". Vạn Thạch quân không có văn tài, nhưng cung kính cẩn thận không ai sánh được. Con cháu làm tiểu lại, quay về bái yết, Vạn Thạch quân đều mặc triều phục tương kiến, không gọi danh tự bọn họ. Con cháu mắc lỗi, Vạn Thạch quân không trách cứ, mà rời khỏi chỗ ngồi tại chính thất đến phòng riêng, đối mặt họ qua bàn, không ăn cơm; sau đấy con cháu phê bình lẫn nhau, người mắc lỗi thông qua bậc trưởng bối cầu xin, cởi trần đến tạ tội, tỏ ý sửa đổi, Vạn Thạch quân mới đồng ý. Con cháu đã thành niên ở bên cạnh, dẫu lúc ở nhàn vô sự, nhất định phải mũ áo tề chỉnh. Vạn Thạch quân chủ trì tang sự, thương xót rất bi thống.

---

[1] Cung Trường Lạc của nhà Hán ở phía đông kinh thành, Thái hậu ở đó, cho nên gọi là Đông cung.

[2] Xem lại Hán kỷ, quyển thứ bảy, sự kiện năm Hậu Nguyên nguyên niên, thời Hán Văn đế.

Con cháu tuân lễ giáo, đều vì hiếu thuận cẩn thận vang danh các quận, quốc[1]. Lúc Triệu Oản, Vương Tang vì việc chọn học thuật mắc tội, Đậu thái hậu cho là nho sinh văn chương thừa thãi lại thiếu chất phác; nay người nhà Vạn Thạch quân chẳng nói mà cung kính hành sự, bèn dùng con trưởng của Vạn Thạch quân là Thạch Kiến làm Lang trung lệnh, con nhỏ của Vạn Thạch quân là Thạch Khánh làm Nội sử. Kiến ở cạnh chúa thượng, thấy có việc nên can gián, sau khi mọi người tránh đi hết, liền nói tất cả những điều mình muốn nói, hết sức khẩn thiết, lúc trăm quan triều kiến, lại tựa như chưa hề nói năng gì; chúa thượng vì thế thân gần Kiến. Khánh từng làm Thái bộc, giúp chúa thượng gióng xe xuất hành, chúa thượng hỏi xe có mấy ngựa, Khánh vẫy roi đếm từng con ngựa, xong, thu tay lại đáp:

- Có sáu ngựa.

Khánh là người dễ dãi không câu nệ nhất trong số các con của Phấn.

Sau khi Đậu Anh, Điền Phân bị cách chức, giữ phận Liệt hầu nhàn tản ở nhà. Phân tuy không nhận chức, vì có quan hệ với Vương thái hậu, nên được Đế thân gần sủng ái, nhiều lần bàn việc, đa phần được nghe theo; sĩ nhân và quan lại xu phụ quyền thế lợi lộc đều bỏ Đậu Anh mà theo phục Phân, Phân ngày càng kiêu căng ngang ngược.

3. Mùa xuân, tháng hai, ngày Bính Tuất là ngày sóc, có nhật thực.

4. Tháng ba, ngày Ất Mùi, lấy Thái thường Bách Chí hầu Hứa Xương làm Thừa tướng.

5. Khi trước, Đường Ấp hầu Trần Ngọ lấy cô của Đế là Quán Đào công chúa Lưu Phiêu, Đế được lập làm Thái tử, công chúa giúp sức; Công chúa đem con gái của mình gả cho Thái tử làm Phi, lúc Đế tức vị, Phi làm Hoàng hậu. Đậu thái chủ cậy công,

---

[1] Các quận và các nước phong.

đòi hỏi không biết chán, chúa thượng lo lắng việc ấy.[1] Hoàng hậu kiêu căng đố kỵ, độc chiếm sủng ái lại không có con, xin cấp cả thảy chín nghìn vạn tiền thuốc men, muốn nhờ đó sinh được con trai, nhưng rút cục không sinh nở; sự sủng ái của Đế với Hậu dần suy giảm. Hoàng thái hậu bảo chúa thượng rằng:

- Ngươi mới tức vị, đại thần chưa phục, lúc trước dựng Minh Đường, Thái hoàng thái hậu đã giận; nay lại ngỗ ngược với Đậu thái chủ, nhất định đắc tội nặng. Bản tính người phụ nữ dễ cao hứng thôi, ngươi rất nên thận trọng!

Chúa thượng vì thế lại dần dần dùng ân huệ, lễ nghĩa đối đãi với Đậu thái chủ và Hoàng hậu.

Chúa thượng cầu phúc trừ vạ tại Bá Thượng, quay về, ghé qua phủ của chị gái là Bình Dương công chúa, yêu thích ca nữ Vệ Tử Phu. Mẹ của Tử Phu là Vệ Ảo, làm nô tì trong nhà Bình Dương công chúa; Bình Dương công chúa nhân đó đưa Tử Phu vào cung, ân sủng ngày càng thịnh. Trần hoàng hậu nghe biết chuyện, tức giận, suýt chết mấy lần; chúa thượng vì thế càng giận Trần hoàng hậu.

Em cùng mẹ của Tử Phu là Vệ Thanh, cha của Thanh là Trịnh Quý, vốn làm Huyện lại huyện Bình Dương, tới làm việc trong nhà Bình Dương hầu, cùng Vệ Ảo tư thông mà sinh ra Thanh, để Thanh mạo nhận họ Vệ. Thanh lớn lên, làm nô bộc cưỡi ngựa theo hầu người nhà Bình Dương hầu. Đại trưởng công chúa[2] bắt giữ cầm tù Thanh, muốn giết đi; bạn của Vệ Thanh là Kỵ lang Công Tôn Ngao cùng tráng sĩ cướp Thanh về. Chúa thượng nghe tin, bèn triệu Thanh tới phong cho làm Kiến Chương giám, Thị trung, trong vòng mấy ngày ban thưởng đến nghìn vàng.

---

[1] Đậu thái chủ, tức Quán Đào công chúa vậy. Hán Vũ đế nhờ Quán Đào công chúa giúp, đoạt được sủng ái của vua Hán, sau này thành Thái tử. Xem việc này ở Hán kỷ, quyển tám, sự kiện năm Tiền Nguyên thứ sáu và thứ bảy, đời Hán Cảnh đế.

[2] Tức Quán Đào công chúa vậy.

Không lâu, lấy Tử Phu làm Phu nhân, Thanh làm Thái trung đại phu.

6. Mùa hạ, tháng tư, giữa đêm xuất hiện ngôi sao sáng như mặt trời.

7. Bắt đầu dựng lập Mậu Lăng ấp.

8. Bấy giờ đại thần nghị bàn về kế sách tước phiên của Triều Thố[1] bày ra nhiều chuyện oan uổng, ra sức bẻ diệt đè nén chư hầu, nhiều lần cử tấu bêu lỗi lầm và tội ác của bọn họ, thậm chí bới lông tìm vết, dùng hình phạt đánh roi bức bầy tôi của chư hầu khuất phục, sai họ chứng minh tội lỗi của các Vương chư hầu; Vương chư hầu chẳng ai không đau xót oán hận.

Năm Kiến Nguyên thứ ba (Quý Mão – TCN 138)

1. Mùa đông, tháng mười, Đại vương Lưu Đăng, Trường Sa vương Lưu Phát, Trung Sơn vương Lưu Thắng, Tế Xuyên vương Lưu Minh đến triều kiến. Chúa thượng bày tiệc rượu khoản đãi, Thắng nghe tiếng nhạc mà khóc. Chúa thượng hỏi nguyên cớ vì sao, Thắng đáp:

- Kẻ bi lụy chẳng nên nghe tiếng sụt sùi, kẻ sầu lo chẳng nên nghe lời than thở. Nay nỗi buồn thương của thần uất kết lâu ngày, mỗi khi nghe tiếng nhạc tinh vi thần diệu, chẳng biết vì sao nước mắt lại chan hòa vậy. Thần may nhận ân phế phụ[2] làm phiên thần tại phương đông, theo quan hệ thân thuộc lại xưng là anh của Bệ hạ. Nay quần thần không có cái thân thiết cùng huyết thống, không gánh vác trọng nhiệm quốc gia; lại kết tụ thành bè đảng nghị luận thiên lệch, cấu kết với nhau, khiến người trong tông thất bị ruồng đuổi, thân tình cốt nhục tan lìa, thần trộm vì thế mà bi thương!

---

[1] Xem Hán kỷ, quyển tám, sự kiện năm Tiền Nguyên thứ ba, đời Hán Cảnh đế.

[2] Ý nói là người thân thích của Đế vậy.

Rồi đem hết những việc bị quan lại xâm đoạt báo lên. Vì thế chúa thượng liền dùng lễ hậu đãi chư hầu, phế bớt các việc mà chư hầu bị Hữu ti tấu báo, gia tăng ân huệ với người thân thích.

2. Nước sông Hoàng Hà tràn bờ ở huyện Bình Nguyên.

3. Có nạn đói lớn, người ăn thịt lẫn nhau.

4. Mùa thu, tháng bảy, có sao chổi hiện ở hướng tây bắc.

5. Tế Xuyên vương Lưu Minh mắc tội giết quan Trung phó,[1] bị phế vương vị, đày đến huyện Phòng Lăng.

6. Lúc thất quốc phản loạn thua bại,[2] con của Ngô vương là Lưu Câu trốn chạy đến vùng Mân Việt, oán hận người Đông Âu giết cha mình, thường khuyên người Mân Việt đánh người Đông Âu. Mân Việt vương theo lời, phát binh vây Đông Âu. Đông Âu vương sai người cáo cấp với Thiên tử. Thiên tử hỏi Điền Phân, Phân đáp rằng:

- Người Việt tiến đánh lẫn nhau, vốn là việc thường; bọn họ nhiều lần phản phúc, từ thời nhà Tần bị bỏ rơi, không thuộc vào Trung Quốc, chẳng đáng để Trung nguyên nhọc nhằn đi cứu họ vậy.

Trang Trợ nói:

- Chỉ lo sức chẳng thể cứu giúp họ, đức chẳng thể che chở họ; nếu làm được, cớ gì lại vứt bỏ họ? Vả lại nhà Tần đem cả Hàm Dương mà vứt, há chỉ vứt bỏ người Việt đâu! Nay nước nhỏ đã cùng khốn mới đến cáo cấp, thiên tử chẳng cứu, họ còn biết cáo cấp với ai; Bệ hạ lấy gì để khiến muôn nước theo phục đây?

Chúa thượng nói:

- Thái úy chẳng đáng để cùng bàn kế.[3] Ta mới tức vị, chẳng muốn xuất hổ phù phát binh của các quận, quốc.

---

[1] Ứng Thiệu cho rằng: Trung phó (中傅), là hoạn quan.

[2] Xem Hán kỷ, quyển tám, sự kiện năm Tiền Nguyên thứ ba đời, Hán Cảnh đế.

[3] Điền Phân lúc này đã không còn là Thái úy, chép như vậy có lẽ là sai.

Bèn phái Trợ đem phù tiết phát binh ở quận Cối Kê. Thái thú Cối Kê muốn dùng phép tắc cự lệnh không phát binh,[1] Trợ bèn chém một viên Tư mã, tuyên dụ ý chỉ, rồi phát binh vượt biển cứu Đông Âu. Chưa đến nơi, Mân Việt dẫn binh lui về. Đông Âu vương xin đem cả nước nội thuộc, rồi đem hết bộ chúng của mình đến, triều đình liền an trí họ ở khu vực giữa sông Giang và sông Hoài.

7. Tháng chín, ngày Bính Tý là ngày hối, có nhật thực.

8. Chúa thượng từ lúc mới tức vị, chiêu vời tuyển chọn kẻ sĩ học rộng có tài trí, phá cách trọng dụng bọn họ. Kẻ sĩ khắp bốn phương đa phần dâng thư nghị luận các việc được mất, số kẻ tự tâng bốc và tự tiến cử tính kể nghìn, chúa thượng tuyển bạt những người tài tuấn khác thường trong bọn họ, sủng tín trọng dụng. Trang Trợ được tiến cử trước nhất; về sau lại tuyển được bọn Chu Mãi Thần người nước Ngô, Ngô Khâu Thọ Vương người nước Triệu, Tư Mã Tương Như người nước Thục, Đông Phương Sóc người quận Bình Nguyên, Mai Cao người Ngô quận, Chung Quân người quận Tế Nam, đều cho làm tả hữu, thường lệnh cho bọn họ cùng đại thần luận xét biện bác, quan viên trong ngoài dùng nghĩa lý văn từ biện bác căn vặn nhau, đại thần nhiều lần chịu khuất. Nhưng Tương Như chỉ vì giỏi từ phú mà được sủng ái; Sóc, Cao lập luận chẳng có căn cứ, thích nói trào phúng, chúa thượng thu dùng họ làm nghệ nhân diễn trò, dẫu nhiều lần ban thưởng, rút cục chẳng đem việc nước ủy thác cho họ. Sóc cũng quan sát vẻ mặt chúa thượng, thường lựa lúc đưa lời can thẳng, có chỗ ích lợi.

Năm ấy, chúa thượng bắt đầu đổi trang phục đi vi hành, lên bắc đến huyện Trì Dương, sang tây đến cung Hoàng Sơn, xuôi nam đến cung Trường Dương săn bắn, sang đông đến cung Nghi Xuân du ngoạn, cùng tả hữu có tài cưỡi ngựa bắn tên hẹn

[1] Theo phép nhà Hán, không thấy hổ phù không được phát binh.

nhau hội ở trước cửa điện. Thường vào ban đêm ra ngoài, tự xưng là Bình Dương hầu; sáng sớm, đến chân núi Chung Nam, bắn hươu, lợn, cáo, thỏ, ruổi ngựa dẫm xéo vào ruộng cấy, người dân quát gọi mắng chửi. Hộ lệnh, Đỗ lệnh[1] muốn bắt giữ bọn họ, bọn họ đem vật dụng của Thiên tử ra làm chứng, mới được thoát. Lại có lần vào ban đêm Đế tới Bách Cốc, đến nghỉ trọ ở khách điếm, gặp chủ nhân của khách điếm đòi rượu, ông lão chủ khách điếm nói:

- Không có rượu, chỉ có nước đái thôi!

Lại nghi ngờ chúa thượng là kẻ gian trộm, liền tụ bọn trẻ tuổi muốn đánh đuổi; bà già chủ khách điếm thấy thể trạng dung mạo của chúa thượng khác thường, ngăn ông lão lại, nói:

- Khách là người phi thường vậy; vả lại họ đã có sự chuẩn bị, chẳng thể mưu đánh họ vậy.

Ông lão không nghe, bà lão lấy rượu cho ông lão uống, đợi say thì trói lại. Bọn trẻ tuổi đều tan chạy, bà lão bèn giết gà làm cơm tạ lỗi với khách. Sáng hôm sau, chúa thượng quay về, triệu bà lão, ban cho nghìn cân vàng, bái chồng bà lão làm Vũ Lâm lang.

Về sau, Đế đặt chỗ đổi áo bí mật ở các nơi đi vi hành, từ cung Tuyên Khúc về hướng nam tổng cộng đặt mười hai chỗ, ban đêm đến nghỉ ở các cung Trường Dương, Ngũ Tạc.

Chúa thượng cho rằng đường xa lao khổ, lại bị bách tính oán hận, bèn sai Thái trung đại phu Ngô Khâu Thọ Vương ngăn địa giới từ A Thành xuôi nam, Chu Chất sang đông, Nghi Xuân về tây, thống kê số đất đai và giá cả để đăng ký vào sổ bộ, muốn dùng chỗ đó dựng thành vườn Thượng lâm, liên tiếp đến Nam Sơn. Lại hạ chiếu lệnh sai Trung úy, Tả, Hữu nội sử thông báo số lượng đất hoang ở các huyện thuộc lên, muốn dùng đất

[1] Huyện lệnh huyện Hộ, huyện Đỗ.

ấy đền bù cho dân ở hai huyện Hộ, Đỗ. Thọ Vương lo liệu xong tấu việc lên, chúa thượng rất đẹp lòng, khen ngợi. Bấy giờ Đông Phương Sóc ở bên cạnh, dâng lời can rằng:

- Nam Sơn, là bình chướng thiên nhiên của quốc gia vậy. Nhà Hán hưng, rời khỏi Tam Hà,[1] dừng lại ở chỗ phía tây sông Bá, sông Sản, phía nam sông Kính, sông Vị lập đô thành, đấy gọi là chỗ đất giàu có sản vật trong thiên hạ, nhà Tần dựa vào chỗ đó mà thu phục Tây Nhung, kiêm tính vùng Sơn Đông vậy. Núi ấy xuất ra ngọc, đá, vàng, bạc, đồng, sắt, gỗ tốt, trăm nghề nhờ chỗ đó cấp dùng, muôn dân trông vào đó được no đủ vậy. Chỗ đó lại có nhiều lúa nương, lúa gié, quả lê, hạt dẻ, cây dâu, cây gai, tre trúc, đất đai thích hợp để trồng khoai, trồng gừng, dưới nước có lắm ếch, nhiều cá, người bần khốn dựa vào đó được no ấm, không có nỗi lo đói rét; vì thế vùng đất giữa sông Phong, sông Cảo, được gọi là chỗ đất màu mỡ, một mẫu đất giá một cân vàng. Nay mưu lấy chỗ đất ấy làm vườn nuôi thú, cắt đứt nguồn lợi của ao hồ đầm lạch, đoạt chỗ đất màu mỡ của dân, trên làm giảm phí dụng của quốc gia, dưới đoạt nghiệp nông tang của dân chúng, đấy là một điều không nên vậy. Rừng cây gai góc lan tràn, vườn nuôi cáo, thỏ mở rộng, gò hoang của hổ, lang thêm lớn, phần mộ của bách tính bị phá nát, phòng ốc của trăm họ bị hủy hoại, khiến trẻ nhỏ lưu luyến đất cũ mà nghĩ nhớ, người già đau khóc rơi nước mắt mà bi thương, đấy là hai điều không nên vậy. Mở đất xây dựng, quây tường làm vườn, cưỡi ngựa ruổi rong đông tây, xe giá ngược xuôi nam bắc, có hào sâu kênh lớn. Xét ra, cái niềm vui săn bắn một ngày, chẳng đáng để xe kiệu lội chỗ hiểm phạm gian nguy, đấy là ba điều không nên vậy. Ôi, nhà Ân làm cung Cửu Thị mà chư hầu phản loạn, Linh vương dựng đài Chương Hoa mà dân nước Sở

[1] Tức Hà Nam, Hà Nội, Hà Đông. Hán Cao tổ ban đầu ở Lạc Dương, sau sang tây đóng đô ở Quan Trung, vì thế gọi là rời khỏi Tam Hà.

tan lìa,[1] nhà Tần dựng điện A Phòng mà thiên hạ loạn lạc.[2] Thần hèn hạ nói lời dơ bẩn, mạo phạm nghịch ý chỉ của Bệ hạ, tội đáng muôn chết!

Chúa thượng bèn bái Sóc làm Thái trung đại phu, Cấp sự trung, thưởng cho trăm cân vàng. Nhưng sau đấy vẫn dựng vườn Thượng lâm, như lời mà Thọ Vương tấu báo.

Chúa thượng lại thích tự mình đi đánh gấu lớn và lợn rừng, phi ngựa đuổi dã thú. Tư Mã Tương Như dâng sớ can rằng:

"Thần nghe nói có những thứ hình thể tương đồng mà tài sức chẳng giống nhau, cho nên khi luận về sức lực thì khen Ô Hoạch, nói về nhanh nhẹn thì khen Khánh Kỵ, bàn về dũng mãnh thì kể đến Bôn, Dục[3]. Thần ngu muội trộm cho rằng nếu đánh giá về người như thế, thì với dã thú cũng vậy thôi. Nay Bệ hạ thích trèo lên chỗ hiểm, bắn giết thú mạnh, nếu thốt nhiên gặp loại dã thú cực kỳ hung mãnh, hoảng sợ vì lâm vào tuyệt cảnh, liều chết phạm tới xe giá, xe ngựa chẳng kịp chuyển hướng, thị vệ chẳng kịp trổ kỹ xảo, dẫu có cái kỹ nghệ siêu quần của Ô Hoạch, Bàng Mông[4] cũng chẳng có chỗ dùng, cây khô gốc mục đều thành họa vậy. Lúc ấy, ví như người Hồ, người Việt nổi dậy ở kinh thành mà người Khương, người Di tiếp cận xe giá, chẳng phải là rất nguy hiểm sao? Dẫu được vạn toàn mà không lo họa hại, thì chỗ đó vẫn không phải là nơi mà bậc Thiên tử nên tiếp cận vậy. Vả lại Bệ hạ khi ra ngoài có quân dẹp đường rồi mới xuất hành, mà giữa đường ruổi rong, vẫn có lúc gặp biến cố lật xe bung cương ngựa; huống chi lặn lội nơi cỏ rậm, ruổi ngựa lên gò hoang, trước mắt có niềm vui săn thú mạnh mà trong lòng không có ý đề phòng sự biến,

---

[1] Sở Linh vương dựng đài Chương Hoa làm nơi vui chơi hưởng lạc, thu nạp dân lưu vong để sung vào vùng ấy, rút cục xảy ra cái họa Kiển Khê.

[2] Tần Thủy Hoàng dựng cung A Phòng cực lớn, động dụng sức dân quá mức, vì thế thiên hạ loạn lạc, làm mất nhà Tần.

[3] Trỏ Mạnh Bôn (孟贲), Hạ Dục (夏育), Ô Hoạch (乌获), Khánh Kỵ (庆忌), đều là những dũng sĩ nổi tiếng thời Xuân Thu, Chiến Quốc.

[4] Bàng Mông (逄蒙), là người bắn giỏi nổi tiếng thời cổ.

cái hại đối với Bệ hạ thực khó lường vậy. Xem nhẹ địa vị tôn quý vạn thặng, chẳng quan tâm đến sự an toàn của bản thân, lại thích thú tiến vào chỗ muôn vàn nguy hiểm lấy săn bắn làm vui, thầm trộm cho rằng Bệ hạ không nên như thế. Đại khái là người sáng suốt thấy được sự việc từ lúc nó chưa xảy ra mà người có trí tránh được mối nguy từ lúc nó chưa thành hình, tai họa vốn ẩn náu ở chỗ kín rồi phát ra vào lúc người ta sao nhãng vậy. Cho nên ngạn ngữ nói: 'Gia lũy thiên kim, tọa bất tùy đường'[1] Lời ấy tuy nói việc nhỏ, lại dùng để ví dụ việc lớn vậy."

Chúa thượng khen lời ấy.

Năm Kiến Nguyên thứ tư (Giáp Thìn – TCN 137)

1. Mùa hạ, có cơn gió cuộn mịt mù, sắc đỏ như máu.

2. Tháng sáu, trời hạn hán.

3. Mùa thu, tháng chín, có sao chổi xuất hiện ở hướng đông bắc.

4. Năm ấy, Nam Việt vương Triệu Đà chết, người cháu của Đà là Văn vương Triệu Hồ nối lập.

Năm Kiến Nguyên thứ năm (Ất Tỵ – TCN 136)

1. Mùa xuân, bãi bỏ tiền Tam thù, phát hành tiền Bán lượng.

2. Triều đình đặt chức Ngũ kinh Bác sĩ.

3. Mùa hạ, tháng năm, nạn hoàng trùng rất nghiêm trọng.

4. Mùa thu, tháng tám, Quảng Xuyên Huệ vương Lưu Việt, Thanh Hà Ai vương Lưu Thừa đều hoăng, không có con nối, nước phong bị xóa bỏ.

---

[1] "Trong nhà có nghìn vàng, chẳng ngồi dưới mái hiên nhà." Ý rằng, người giàu có thường không ngồi dưới mái hiên nhà, sợ gạch ngói rơi vào đầu thì nguy hiểm.

Năm Kiến Nguyên thứ sáu (Bính Ngọ – TCN 135)

1. Mùa xuân, tháng hai, ngày Ất Mùi, miếu Cao tổ ở quận Liêu Đông bị hỏa tai.

2. Mùa hạ, tháng tư, ngày Nhâm Tý, biệt điện tại vườn lăng của Cao tổ bị cháy; chúa thượng mặc áo trắng năm ngày.

3. Tháng năm, ngày Đinh Hợi, Thái hoàng thái hậu băng.

4. Tháng sáu, ngày Quý Tỵ, Thừa tướng Hứa Xương bị cách chức; Vũ An hầu Điền Phân làm Thừa tướng. Phân kiêu căng xa xỉ: Sửa dựng nhà cửa đẹp nhất so với các ngôi nhà khác, ruộng vườn chiếm chỗ đất tốt nhất; người nhà ra mua vật phẩm ở các chợ quận huyện nối nhau trên đường; nhận quà hối lộ khắp bốn phương; vàng ngọc, phụ nữ, chó ngựa, ca kỹ vũ nữ, đồ trân ngoạn đầy nhà chẳng thể tính xuể. Phân mỗi khi vào tấu việc, ngồi nói chuyện hết ngày, nói gì cũng được vua nghe theo; có người Phân tiến cử vốn chưa hề làm gì mà được lên tới chức Nhị thiên thạch, quyền lấn cả chúa thượng. Chúa thượng bèn hỏi:

- Quan lại ngài đề cử đã hết chưa? Ta cũng muốn đề cử quan lại.

Phân từng thỉnh xin lấy đất của quan Khảo công[1] để mở rộng thêm nhà cửa, chúa thượng nổi giận nói:

- Sao ngài chẳng lấy luôn cả vũ khố đi?

Từ đấy về sau Phân mới bớt xin xỏ.

5. Mùa thu, tháng tám, có sao chổi xuất hiện ở phương đông, đuôi dài quét ngang trời.

6. Mân Việt vương là Dĩnh hưng binh đánh ấp biên cảnh của Nam Việt; Nam Việt vương tuân thủ ước định của Thiên tử, không dám thiện tiện hưng binh, sai người dâng thư báo với Thiên tử. Vì thế Thiên tử khen cái nghĩa của Nam Việt vương,

---

[1] Khảo công (考工), là thuộc quan của Thiếu phủ, chủ quản việc chế tác khí giới.

đại phát binh, phái Đại hành Vương Khôi lĩnh quân tiến từ Dự Chương, Đại nông lệnh[1] Hàn An Quốc lĩnh quân tiến từ Cối Kê, đi đánh Mân Việt.

Hoài Nam vương Lưu An dâng thư can rằng:

"Bệ hạ thống quản thiên hạ, bày đức thi ân, thiên hạ yên bình, mọi người vui nghiệp, tự cho rằng suốt đời không gặp cảnh binh đao. Nay nghe nói Hữu ti sắp cất binh đi đánh giết Mân Việt, thần là An trộm vì Bệ hạ thấy không yên.

Nước Việt, là đất ở phương ngoài, dân chúng đều cắt tóc vẽ mình, chẳng thể dùng pháp độ của quốc gia là nước đại mũ để trị lý vậy. Từ lúc thịnh thế thời Tam đại, người Hồ và người Việt không chịu theo chính sóc, đấy không phải là thế chẳng chinh phục được bọn họ, uy chẳng thể khống chế được bọn họ; mà Tam vương cho rằng đất Việt không ở được, dân Việt không quản được, chẳng đáng để người Trung Quốc lao nhọc vậy. Từ khi Hán triều bình định thiên hạ đến nay đã bảy mươi hai năm, người Việt đánh lẫn nhau chẳng thể tính xuể, mà Thiên tử chưa từng cử binh tiến vào đất của họ.

Thần nghe nói nước Việt không có thành quách, làng xóm, mà dân chúng sống giữa vùng khe lũng, trong chỗ tre trúc, thạo đánh đấu trên mặt nước, giỏi việc dùng thuyền, đất sâu cây rậm lại nhiều suối hiểm; người Trung Quốc chẳng biết cái thế hiểm của đất ấy mà tiến vào trong cõi, dẫu trăm người chẳng đương nổi một người của họ. Chiếm đất ấy, chẳng thể lập quận huyện vậy, tiến đánh bọn họ, chẳng thể nhanh chóng lấy được vậy. Lấy địa đồ xét các chỗ yếu hại của núi sông đất ấy, chẳng qua chỉ mấy tấc, mà thực tế cách nhau mấy trăm đến nghìn dặm, các chỗ hiểm trở, rừng rậm chẳng thể rõ ràng hết; trông qua tưởng là dễ mà đi thì rất khó khăn. Thiên hạ cậy nhờ anh linh của tổ tông, toàn cõi bình yên, người già bạc tóc chẳng thấy cảnh

---

[1] Đại nông lệnh (大农令), vốn là chức Trị túc nội sử (治粟内史) của nhà Tần, đầu thời Hán noi theo; đến năm Trung Nguyên thứ sáu đời Hán Cảnh đế, đổi tên thành Đại nông lệnh. Sau này, đến nơi Thái Sơ nguyên niên (đời Hán Vũ đế), lại đổi tên thành Đại tư nông (大司农).

binh đao, giữa nhân gian, vợ chồng vui bên nhau, cha con nuôi dưỡng bảo vệ nhau, đều nhờ ân đức của Bệ hạ vậy.

Người Việt tiếng là phiên thần, nhưng họ chẳng chịu chuyển rượu ngon và đồ cống đến Đại Nội, không cấp một binh một tốt cho việc dao dịch của chúa thượng; bọn họ tự đánh lẫn nhau, mà Bệ hạ lại phát binh cứu họ, là việc trái nghịch khiến người Trung Quốc lao nhọc ở đất Man Di vậy. Vả lại, người Việt ngu gàn khinh bạc, phụ ước phản phúc, không tuân theo pháp độ của Thiên tử, không phải chỉ một ngày mà từ rất lâu rồi. Mỗi lần họ không phụng chiếu, lại cất binh đánh giết họ, thần e rằng việc binh đao sau này không lúc nào dừng nghỉ được.

Gần đây, liên tục mấy năm mùa màng kém thu, dân chúng chỉ dựa vào bán tước vị, gửi con làm nô tì để đổi lấy cơm áo. May nhờ đức trạch của Bệ hạ cứu giúp, dân chúng không phải chết nơi ngòi rãnh; năm kia không được mùa, năm ngoái lại chịu nạn hoàng trùng, đời sống của dân chưa khôi phục. Nay phát binh đi hàng nghìn dặm, tự mang cơm áo, tiến vào đất Việt, khiêng kiệu lên núi, kéo thuyền xuống sông, hành quân mấy nghìn dặm, hai bên đường tùng trúc tốt um, dòng nước trên dưới có đá chặn; trong rừng lắm rắn độc, mãnh thú, mùa hạ thì nóng nực, bệnh nôn mửa, thổ tả theo nhau đến; chưa kịp bày binh giao chiến, số người bị tử thương tất đã rất nhiều rồi.

Thời trước Nam Hải vương phản loạn, bầy tôi đã mất trước kia[1] của Bệ hạ sai Tướng quân Gian Kỵ[2] đem binh đến đánh, Nam Hải vương đem quân quy hàng, được an trí ở thượng lưu sông Cam. Về sau lại phản, đúng lúc trời nắng nóng mưa nhiều, binh tốt trong lâu thuyền ngâm nước khua mái chèo, chưa giao chiến mà bệnh tật chết quá nửa; cha mẹ già sa nước mắt, con côi khóc gào, bán gia tài sản nghiệp, ra đón thây ngoài nghìn dặm, gom bọc hài cốt đưa về quê. Đau thương ngất trời, nhiều năm không dứt, người già lão đến nay

---

[1] Nguyên văn: "tiên thần", tức Hoài Nam vương Lưu Trường, là cha của Hoài Nam vương Lưu An, Lưu An tránh húy nên viết như vậy.

[2] Nhan Sư Cổ cho rằng: Chữ đúng ở đây nên là Giản Kỵ (简忌) chứ không phải Gian Kỵ (间忌).

còn nhớ rõ, là chưa từng vào được đất Việt mà họa đã đến mức như thế rồi. Bệ hạ đức sánh với trời đất, rạng ngời như nhật nguyệt, ân ban đến cầm thú, ơn thấm đẫm cỏ cây, một người đói rét chẳng hưởng trọn tuổi trời mà chết, Bệ hạ cũng vì họ thương cảm. Hiện nay trong cõi không có điếm răn chó sủa,[1] lại khiến cho binh tốt của Bệ hạ tử vong, thây phơi giữa cánh đồng, máu tươi thấm nhuộm sơn cốc, dân biên cảnh vì thế buổi sớm đóng cửa thành, mặt trời lên cao mới mở, bần khốn khôn cùng, thần là An trộm vì Bệ hạ thấy không yên.

Người chẳng thạo địa hình phương nam, đa phần cho rằng nước Việt người đông binh mạnh, có thể gây nạn cho thành trì biên cảnh. Lúc nước Hoài Nam toàn vẹn đất phong,[2] nhiều người làm quan nơi biên cảnh, thần trộm nghe họ nói, phong thổ nước Việt so với Trung Quốc có khác biệt; bị ngăn cách bởi núi cao, người đi mất dấu chân, đường xe đi nghẽn tắc, đấy là trời đất đã cách biệt nước trong và nước ngoài vậy. Người nước ấy vào Trung Quốc, tất phải men theo sông Lĩnh, nơi sông Lĩnh chảy qua, núi cao chót vót, nước xiết hiểm trở, đá lớn húc vỡ thuyền, chẳng thể dùng thuyền lớn chở lương xuôi dòng mà xuống vậy. Người Việt muốn gây biến, nhất định phải làm ruộng trong địa giới huyện Dư Can từ trước, tích lương thực, rồi mới tiến vào cõi, chặt cây đóng thuyền. Nếu các thành trì ở biên cảnh phòng thủ thực cẩn mật, có người Việt vào cõi chặt cây, liền bắt lấy, đốt bỏ các đồ vật họ tích chứa, dẫu trăm nước Việt, há có thể uy hiếp thành trì nơi biên ải sao! Thêm nữa, người Việt sức yếu tài hèn, chẳng thể tác chiến nơi đất bằng, lại không dùng chiến xa, kỵ binh, cung nỏ, nhưng ta chẳng thể tiến chiếm đất ấy, vì người Việt giữ đất hiểm, mà người Trung Quốc lại chẳng chịu được thủy thổ đất ấy vậy. Thần nghe nói binh tốt mặc giáp người Việt chẳng dưới mấy chục vạn, để chiếm được đất ấy, phải có binh gấp năm lần mới đủ, những người kéo xe chuyển lương không tính trong số ấy. Đất phương Nam nóng nực ẩm

---

[1] Ý chỉ sự bất ổn, loạn lạc.

[2] Ý nói nước Hoài Nam trước kia thời cha của Lưu An là Lưu Trường làm Hoài Nam vương, nước phong chưa bị chia thành ba nước.

thấp, mùa hè sinh bệnh tật, quân lính đi trận phơi lộ ngoài trời, sinh hoạt dưới nước, rắn độc đầy rẫy, bệnh tật phát tác nhiều, binh khí chưa vấy máu mà người chết bệnh đã hai, ba phần mười, dẫu lấy được cả nước Việt mà cầm tù bọn họ, chẳng đủ để bù lại sự mất mát vậy.

Thần nghe được lời ở bên đường rằng: Em của Mân Việt vương là Giáp thí vua rồi lại bị người ta giết, Giáp chết rồi, dân nước ấy không có ai thống quản. Bệ hạ muốn họ quy thuận, an trí họ ở Trung Quốc, hãy sai một trọng thần đến thăm hỏi, bày đức ban thưởng để chiêu vời dẫn dụ họ, dân ấy nhất định cõng người già dắt con nhỏ đến quy thuận thánh đức. Nếu Bệ hạ không dùng đến bọn họ, thì tiếp nối dòng vua đã tuyệt, bảo tồn nước Việt đã vong, phong dựng Vương hầu nước ấy, để nuôi dưỡng người Việt, nước ấy tất gửi con tin chịu làm phiên thần, đời đời vâng phận cống tiến. Bệ hạ chỉ dùng cái ấn một tấc vuông, dây thao đeo ấn một trượng hai, mà trấn ngự phương ngoài, không nhọc một binh tốt, không tổn một cây giáo, mà uy đức song hành. Nay đem binh tiến vào đất ấy, người Việt nhất định hoảng sợ, cho là Hữu ti muốn diệt sạch bọn họ, tất như gà đồng thỏ hoang trốn chạy, vào nơi rừng rú hiểm trở. Ta quay lưng mà rút đi, thì họ lại quần tụ với nhau; nếu ở lại mà giữ đất ấy, tháng năm dằng dẵng, thì sĩ tốt nhọc mệt, lương thực thiếu thốn, dân trong nước khổ sở vì việc binh, đạo tặc tất nổi lên.

Thần nghe bậc trưởng lão nói: Vào thời nhà Tần, từng sai Đô úy Đồ Tuy đánh nước Việt, lại sai quan Giám là Lộc đào kênh thông đường, người Việt trốn vào nơi núi sâu rừng rậm, chẳng thể đánh được; lưu quân đóng trú giữ chỗ đất không, dằng dai lâu ngày, sĩ tốt nhọc mệt; người Việt ra đánh họ, binh Tần đại bại, vì thế mới điều phát tội phạm và dân hèn sung quân sai đi đóng giữ phòng bị người Việt. Đương lúc bấy giờ, trong ngoài xao động, đều không có cách gì sinh sống, người bị sai đi theo nhau bỏ trốn, quần tụ thành đạo tặc, vì thế cái nạn Sơn Đông mới bùng lên. Binh đao là việc hung hiểm, một phương có việc gấp, bốn phía đều rung động. Thần sợ biến loạn nảy sinh, gian tà xuất hiện, bắt đầu từ việc này vậy.

Thần nghe nói binh của Thiên tử "hữu chinh nhi vô chiến"[1], là nói chẳng ai dám chống cự vậy. Ví như người Việt có kẻ liều chết cầu may chống lại đội quân tiên phong của kẻ chấp sự bên ta, một tên lính kiếm củi của ta nhất thời không phòng bị phải chạy trốn, dẫu quân Hán có lấy được đầu của Việt vương, thần vẫn trộm vì Đại Hán mà hổ thẹn vậy. Bệ hạ xem bốn bể là cương vực, sinh dân sống trong đó đều là nô bộc của Bệ hạ. Bệ hạ giáng đức chính ơn huệ để che trùm bọn họ, khiến họ an cư lạc nghiệp, thì ân trạch trùm phủ vạn đời, truyền đến cháu con, lan đến vô cùng, thiên hạ được yên ổn, cũng như núi Thái, lại có thêm bốn phương ràng buộc giữ lấy vậy; đất của người Di Địch, sao đủ cho thiên tử nhàn tản rong chơi một ngày, há đáng để ngựa phải đổ mồ hôi nhọc mệt sao? Kinh Thi nói: 'Vương do duẫn tắc, Từ phương ký lai.'[2] Đấy là nói cái đạo của Vương rất lớn khiến người tận phương xa mến phục theo về vậy. Thần là An trộm lo rằng tướng lại lĩnh mười vạn binh đi chỉ làm nổi cái trách nhiệm của một vị sứ giả mà thôi!"

Bấy giờ binh Hán đã xuất phát, chưa vượt Dương Sơn Lĩnh, Mân Việt vương là Dĩnh phát binh giữ chỗ hiểm. Em của Dĩnh là Dư Thiện cùng với Quốc tướng và người trong tông tộc bàn mưu rằng:

- Vương vì không thỉnh ý tự tiện phát binh đánh Nam Việt cho nên binh của Thiên tử đến hỏi tội. Quân Hán đông mạnh, ví như ta may mắn nhất thời thắng họ, lần sau họ kéo đến nhiều hơn, rút cục phải diệt được nước ta họ mới dừng. Nay hãy giết Vương để tạ lỗi với Thiên tử, nếu Thiên tử nghe theo mà bãi binh, cố nhiên nước ta được bảo toàn; Thiên tử không nghe, ta liều chết đánh; không thắng được, thì lập tức trốn ra biển.

Chúng đều nói: "Phải!" Liền dùng đoản mâu giết Mân Việt vương, sai sứ giả đem đầu đến chỗ Đại hành. Đại hành nói:

---

[1] "Chỉ có việc xuất chinh nhưng không có việc chiến đấu." Ý rằng ra binh đi đánh dẹp là để ra uy, không cần đánh mà kẻ địch sợ phải quy hàng.

[2] Mưu lược của vua sung mãn, nước Từ đã thành tâm quy phục.

- Cái lý do mà quân Hán kéo đến, là để giết Mân Việt vương. Nay họ đưa đầu Mân Việt vương đến, tạ tội; không đánh mà được, cái lợi chẳng gì lớn bằng.

Bèn tùy nghi đóng binh lại, báo với quân của Đại nông lệnh, rồi sai sứ giả đem đầu của Mân Việt vương tức tốc về kinh báo với Thiên tử. Đế hạ chiếu bãi binh của hai tướng, nói:

- Bọn Dĩnh thủ ác, duy có cháu của Vô Chư là Diêu quân[1] tên Sửu không dự mưu.

Bèn sai Trung lang tướng lập Sửu làm Việt Diêu vương, coi việc tế tự tổ tiên Mân Việt vương.

Sau khi Dư Thiện giết Dĩnh, uy vọng lan rộng ở trong nước, dân chúng trong nước đa phần quy thuộc, Dư Thiện tự lập làm Vương, Diêu vương chẳng thể cấm chế. Chúa thượng nghe tin ấy, cho rằng Dư Thiện chẳng đáng để lần nữa hưng binh, nói:

- Dư Thiện mấy lần cùng Dĩnh mưu loạn; rồi sau cầm đầu giết Dĩnh, khiến binh sư không phải lao nhọc.

Liền lập Dư Thiện làm Đông Việt vương, cho đứng ngang hàng với Diêu vương.

Chúa thượng sai Trang Trợ đi tuyên dụ ý chỉ với Nam Việt. Nam Việt vương Triệu Hồ khấu đầu nói:

- Thiên tử vì thần hưng binh đánh dẹp Mân Việt, thần chết cũng không lấy gì để báo đức!

Liền phái Thái tử Anh Tề vào kinh làm Túc vệ, bảo Trợ rằng:

- Nước ta mới bị cướp, xin sứ giả đi về trước, Hồ này sẽ ngày đêm sắm sửa hành trang, về triều kiến Thiên tử.

Trợ quay về, qua Hoài Nam, chúa thượng lại sai Trợ nói rõ dụng ý đánh dẹp Mân Việt với Hoài Nam vương Lưu An, khen ngợi đáp lại cái ý dâng thư, An tạ tỏ ý mình không theo kịp tiên liệu của chúa thượng.

---

[1] Trương Yên nói: Diêu, là Ấp hiệu vậy.

Sau khi Trợ rời Nam Việt, đại thần Nam Việt đều can ngăn Vương của mình rằng:

- Nhà Hán hưng binh giết Dĩnh, cũng dùng việc ấy để kinh động Nam Việt. Vả lại tiên vương lúc trước nói: 'Thờ Thiên tử cốt ở chỗ không thất lễ.' Rút lại, chẳng nên vì lời nói khéo mà về triều kiến, về rồi thì chẳng quay trở lại được, đấy là cái thế vong quốc vậy.

Vì thế Hồ xưng bệnh, rút cục không về chầu gặp.

7. Năm ấy, Hàn An Quốc làm Ngự sử đại phu.

8. Thái thú Đông Hải là Cấp Ảm người huyện Bộc Dương, làm Chủ tước đô úy. Ban đầu, Ảm làm Yết giả, vì uy nghiêm được mọi người kính sợ. Người Đông Việt đánh lẫn nhau, chúa thượng sai Ảm đi tuần xét; Ảm không tới tận nơi, đi đến đất Ngô rồi quay về, báo rằng:

- Người Việt đánh lẫn nhau, vốn là cái tục tự nhiên của họ, chẳng đáng để nhục đến sứ thần của Thiên tử.

Quận Hà Nội phát hỏa, cháy lan ra hơn nghìn nóc nhà, chúa thượng sai Ảm đi tuần xét; Ảm quay về, báo rằng:

- Người dân sơ ý để lửa cháy, nhà liền nhau nên lửa bén đến, chẳng đáng lo vậy. Thần đi qua quận Hà Nam, hơn vạn nhà dân nghèo ở quận Hà Nam bị cái hại lụt lội hạn hán, có chỗ cha con ăn thịt nhau, thần kính cẩn tùy nghi hành sự, dùng cờ tiết sai mở kho lương của Hà Nam để phát chẩn cho dân nghèo. Thần xin đem cờ tiết về, cúi mình chịu tội giả chiếu chỉ của Hoàng thượng.

Chúa thượng khen là hiền mà tha tội cho Ảm.

Ảm ở quận Đông Hải, chỉnh đốn quan lại, trị lý bách tính, ưa thanh tĩnh, chọn người làm Thừa, Sứ[1] đem việc giao cho họ, chỉ đòi hỏi đại thể mà thôi, không quan tâm xét nét tiểu tiết.

---

[1] Quận thừa, Tào duyện sứ.

Ảm lắm bệnh, nằm trong phòng riêng không ra ngoài; được hơn năm, Đông Hải đại trị, mọi người khen ngợi Ảm. Chúa thượng nghe tin, triệu Ảm về kinh cho làm Chủ tước đô úy, địa vị ngang hàng với Cửu khanh. Ảm xử trị cốt ở chỗ "vô vi", chỉ dẫn đại thể, không câu nệ điều văn pháp lệnh.

Bản tính Ảm nghênh ngang thiếu lễ độ, ưa bắt bẻ trước mặt, chẳng dung thứ cho lỗi lầm của người khác. Bấy giờ chúa thượng đang chiêu vời kẻ sĩ có văn tài và các nhà Nho, chúa thượng nói:

- Ta muốn thế này, thế này ...

Ảm đáp lời rằng:

- Bệ hạ trong lòng nhiều ham muốn mà bề ngoài lại bày vẻ nhân nghĩa, muốn bắt chước cách cai trị đời Đường, đời Ngu há được sao?

Chúa thượng lặng yên, giận, biến sắc mặt rồi bãi triều, Công khanh đều sợ thay cho Ảm. Chúa thượng lui vào, bảo tả hữu rằng:

- Cái cương trực ngu gàn của Cấp Ảm thật là quá lắm!

Quần thần có người trách Ảm, Ảm nói:

- Thiên tử đặt công khanh làm đại thần phụ tá, há lại muốn cho họ a dua đón ý, hãm chủ vào chỗ bất nghĩa sao? Vả lại ta đã ở địa vị công khanh, lại còn luyến tiếc thân mình, để nhục đến triều đình sao?

Ảm lắm bệnh, ốm gần ba tháng;[1] chúa thượng thường cho kéo dài kỳ hạn để chữa trị, rút cục bệnh không khỏi. Sau cùng ốm nặng, Trang Trợ thay mặt Ảm xin từ quan. Chúa thượng hỏi:

- Cấp Ảm là người thế nào?

Trợ nói:

---

[1] Pháp chế nhà Hán quy định, khi đang chức, ốm ba tháng phải nghỉ việc.

- Sai Ảm giữ chức làm quan, chẳng có gì hơn người; nhưng nói đến việc phò tá ấu chúa, ông ấy vững ý chắc chắn, dẫn dụ không đến, mắng đuổi không đi, dẫu có người tự cho mình là Mạnh Bôn, Hạ Dục cũng không thể bức ông ấy được!

Chúa thượng nói:

- Đúng! Thời xưa có bậc tôi thần của xã tắc, người như Ảm, là gần đến mức ấy rồi!

9. Hung Nô lại xin hòa thân, Thiên tử lệnh sai quần thần bàn việc ấy. Đại hành Vương Khôi, là người đất Yên, thạo việc của người Hồ, bàn rằng:

- Nhà Hán cùng Hung Nô hòa thân, đại để chẳng được mấy năm, bọn họ lại bội ước; chẳng gì bằng không đồng ý, hưng binh đánh bọn họ.

Hàn An Quốc nói:

- Người Hung Nô dời chuyển như chim bay, khó chế phục được họ, từ thời thượng cổ đến nay đều chẳng xem bọn họ là người. Nay quân Hán hành binh mấy nghìn dặm cùng họ tranh lợi, thì người ngựa mỏi mệt; giặc lấy sức nhàn đợi sức mỏi, đấy là đường lối nguy hiểm vậy. Chẳng bằng hòa thân.

Quần thần nghị bàn đa phần theo dựa An Quốc, vì thế chúa thượng đồng ý hòa thân.

Năm Nguyên Quang nguyên niên (Đinh Mùi – TCN 134)

1. Mùa đông, tháng mười một, bắt đầu lệnh cho các quận, quốc đề cử Hiếu liêm, mỗi quận, quốc cử một người, là theo kiến nghị của Đổng Trọng Thư vậy.

2. Vệ úy Lý Quảng làm Kiêu kỵ tướng quân, trú ở quận Vân Trung, Trung úy Trình Bất Thức làm Xa kỵ tướng quân, trú giữ quận Nhạn Môn; tháng sáu, bãi chức hai người.

Quảng và Bất Thức đều lấy thân phận Thái thú quận biên cảnh lĩnh binh, có danh tiếng đương thời. Quảng không chia bộ ngũ, không bày trận thế; chọn những nơi có nước, cỏ mọc tốt để đóng trú, người người được tự tiện, đêm không đánh cồng để tự vệ, trong quân doanh giản lược việc giấy tờ, sổ sách; thường sai quân đi dò ngóng ngoài xa, doanh quân chưa từng bị hại. Trình Bất Thức thì sắp xếp bộ khúc, bày hàng ngũ, lập doanh trận, đêm đánh cồng tuần canh; quan lại trong quân biên sổ sách quân lính rất rõ ràng, binh không được tùy ý nghỉ ngơi; nhưng cũng chưa từng bị hại.

Bất Thức nói:

- Cách trị quân của Lý Quảng rất giản dị, nếu giặc đột nhiên tới xâm phạm, thì không lấy gì để chống lại; nhưng sĩ tốt của họ cũng nhàn nhã vui sướng, đều can tâm tình nguyện chết vì chủ. Quân ta tuy phiền nhiễu, nhưng giặc cũng chẳng thể xâm phạm ta được.

Nhưng Hung Nô sợ mưu lược của Lý Quảng, sĩ tốt cũng đa phần thích theo Quảng, lấy làm khổ sở khi phải theo Trình Bất Thức.

Thần Quang nói: Kinh Dịch nói: "Sư xuất dĩ luật, bĩ tang hung."[1] *Là nói trị quân mà chẳng dùng phép tắc, thì không thể không bị nguy hiểm vậy. Lý Quảng làm tướng, cho mọi người được tự tiện. Dựa vào cái tài của Lý Quảng, làm như thế có thể được; nhưng chẳng thể lấy đấy làm khuôn phép. Vì sao thế? Là vì người kế nối Quảng làm theo phương cách ấy đã rất khó; huống chi là người làm tướng cùng thời với Lý Quảng đây! Bản tính của thường nhân, là thích được tùy ý an nhàn mà chẳng biết đấy là đến gần với mối họa, binh sĩ bên kia đã cho rằng Trình Bất Thức làm việc phiền nhiễu mà vui lòng theo Quảng, thế tất thành thù hận cấp trên của mình mà bất phục. Như thế thì, cái*

[1] Xuất quân phải có kỷ luật, bằng không, được hay thua đều hung hiểm cả.

nguy hại của việc trị quân dễ dãi, không phải chỉ là quân của Quảng không có cách phòng chống địch nhân thốt nhiên xâm phạm mà thôi! Cho nên nói "Cái cốt yếu của việc trị binh là phải trước sau nghiêm cẩn", người làm tướng soái cũng chỉ cần nghiêm chỉnh mà thôi. Như thế thì học theo Trình Bất Thức, dẫu không có công, cũng chẳng chịu thất bại; học theo Lý Quảng, ít khi không thua bại nguy vong!

3. Mùa hạ, tháng tư, đại xá thiên hạ.

4. Tháng năm, Đế hạ chiếu xét cử những bậc hiền lương, có tài văn học, chúa thượng tự mình khảo vấn bọn họ.

5. Mùa thu, tháng bảy, ngày Quý Mùi, có nhật thực.

---ॐ---

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ MƯỜI]

THẾ TÔNG HIẾU VŨ HOÀNG ĐẾ

Năm Nguyên Quang thứ hai (Mậu Thân – TCN 133)

1. Mùa đông, tháng mười, xa giá chúa thượng đến đất Ung, tại Ngũ Chỉ cử hành tế tự.

2. Lý Thiếu Quân dựa vào việc thờ cúng thần Táo cầu thuật trường sinh, yết kiến chúa thượng, chúa thượng rất tôn kính hắn. Thiếu Quân, là Xá nhân của cố Thâm Trạch hầu[1], hắn giấu tuổi tác và nơi sinh trưởng của mình, đi du ngoạn khắp các nước chư hầu, không có vợ con. Người ta nghe nói Thiếu Quân có thể sai khiến quỷ thần vạn vật và bất tử, tranh nhau đưa lễ biếu tặng hắn, hắn thường dư thừa tiền vàng, cơm áo. Mọi người đều cho rằng hắn không kinh doanh sản nghiệp mà giàu có, lại chẳng biết hắn là người ở đâu, càng tin tưởng, tranh nhau thờ phụng. Thiếu Quân khéo dùng lời xảo diệu nói trúng việc lạ. Từng có lần theo Vũ An hầu đi uống rượu, trong tiệc có ông lão hơn chín mươi tuổi, Thiếu Quân bèn nói những nơi mình cùng tổ phụ ông ta đi chơi săn bắn; ông lão lúc nhỏ từng đi theo tổ

---

[1] Công thần của Hán Cao tổ có người tên là Triệu Tương Tịch, được phong tước Thâm Trạch hầu; năm thứ ba đời Hán Cảnh đế, người cháu của Triệu Tương Tịch là Tu kế tước; năm thứ bảy, mắc tội, mất nước phong. Thiếu Quân thời ấy là Xá nhân của Tu.

phụ mình, nhớ những chỗ ấy, người trong tiệc đều kinh lạ. Thiếu Quân nói với chúa thượng rằng:

- Thờ cúng thần Táo gọi được vật lạ đến, gọi được vật lạ đến thì có thể biến đan sa thành vàng, có thể tăng tuổi thọ, người tiên ở Bồng Lai có thể gặp được; gặp người tiên rồi, cử hành lễ phong thiện thì bất tử, Hoàng Đế[1] làm được như thế vậy. Thần từng ngao du trên biển, gặp An Kỳ Sinh[2], ông ấy cho thần ăn táo, quả táo lớn như quả dưa. An Kỳ Sinh là tiên, qua lại trong chốn Bồng Lai, ai hợp thì gặp, không hợp thì ẩn.

Vì thế Thiên tử mới tự mình thờ cúng thần Táo, phái phương sĩ ra ngoài biển tìm loại người như An Kỳ Sinh, rồi theo việc chế đan sa và các thứ thuốc giống như thế thành vàng. Rất lâu sau, Lý Thiếu Quân mắc bệnh chết, Thiên tử cho rằng ông ta hóa thân thành tiên, bất tử; thế rồi bọn phương sĩ quái đản xằng bậy ở vùng ven biển nước Yên, nước Tề đa phần đến gặp Đế nói chuyện thần tiên.

3. Người huyện Bạc là Mậu Kỵ dâng tấu xin Đế tế tự thần Thái Nhất rằng:

"Vị thần tôn quý nhất trên trời là thần Thái Nhất, phụ tá cho thần Thái Nhất là Ngũ đế[3]."

Vì thế Thiên tử lập đàn tế thần Thái Nhất ở bên ngoài thành phía đông nam Trường An.

4. Hào phú của huyện Mã Ấp quận Nhạn Môn là Niếp Nhất, thông qua Đại hành Vương Khôi nói:

---

[1] Trỏ Hoàng Đế Hiên Viên, một trong Ngũ đế thời cổ.

[2] An Kỳ Sinh (安期生), người quận Lang Nha, bán thuốc ở Đông Hải, người thời ấy đều nói ông ta nghìn tuổi.

[3] Ngũ đế ở đây là nói Thanh đế chủ phương đông; Xích đế chủ phương nam; Bạch đế chủ phương tây; Hắc đế chủ phương bắc và Trung ương hoàng đế. Một thuyết nói rằng Thương (thanh) đế tên là Linh Phù; Xích đế tên là Văn Tổ; Bạch đế tên là Hiển Kỷ; Hắc đế tên là Huyền Củ; Hoàng đế tên là Thần Đẩu.

- Hung Nô mới hòa thân, thân gần tín nhiệm quan dân biên cảnh, có thể dùng lợi dụ họ đến, ta phục binh tập kích, đấy là đường lối để phá diệt họ vậy.

Chúa thượng triệu hỏi công khanh. Vương Khôi nói:

- Thần nghe nói thời nước Đại toàn cõi,[1] phía bắc chịu sự uy hiếp của cường địch người Hồ, mặt trong bị lôi dắt bởi binh các nước Trung nguyên, nhưng vẫn có thể dưỡng già, nuôi trẻ, theo mùa tiết cấy trồng, kho lẫm thường đầy chặt, người Hung Nô không dám xem thường xâm nhập vậy. Nay dựa vào uy của Bệ hạ, hải nội thống nhất; nhưng Hung Nô phạm cướp không dừng, không có nguyên nhân nào khác, chỉ vì ta không có gì khiến Hung Nô sợ hãi thôi. Thần trộm cho rằng đánh chúng là tiện nhất.

Hàn An Quốc nói:

- Thần nghe nói Cao hoàng đế từng bị vây ở Bình Thành,[2] bảy ngày không có lương ăn; lúc được giải vây quay về đô thành, không hề có ý phẫn nộ. Bậc thánh nhân có khí độ bao dung được thiên hạ, không vì cái giận riêng làm phương hại đến đại cục thiên hạ, cho nên phái Lưu Kính đi kết hòa thân, đến nay thành cái lợi năm đời. Thần trộm cho rằng không đánh họ là tiện.

Khôi nói:

- Không phải. Cao đế thân khoác áo giáp dầy, tay cầm binh khí sắc, chinh chiến mấy chục năm trời, sở dĩ không báo thù cái hận Bình Thành, không phải vì sức chẳng đủ, mà vì có ý để thiên hạ nghỉ ngơi vậy. Nay biên cảnh nhiều lần bị kinh hãi, sĩ tốt tử thương, xe chở áo quan của người Trung Quốc ngó thấy

---

[1] Vào đầu thời Chiến Quốc, nước Đại là một nước độc lập, sau khi Triệu Tương tử diệt nước Đại, đất Đại mới thuộc về nước Triệu.

[2] Xem Hán kỷ, quyển thứ ba, sự kiện năm thứ bảy đời Hán Cao tổ.

nhau trên đường,[1] đấy là điều khiến người có lòng nhân đau xót vậy. Cho nên thần nói đánh là tiện.

An Quốc nói:

- Không đúng. Thần nghe nói khéo dụng binh thì dùng quân no đợi quân đói, nghiêm binh đợi quân loạn, an quân doanh đợi quân mỏi; cho nên giao binh phá vỡ giặc, đánh nước địch hủy thành vững, thường ngồi yên mà sai khiến được nước địch, đấy là binh của thánh nhân vậy. Nay muốn cuốn giáp xông lên, tiến sâu ruổi dài, rất khó để nên công; quân cô tiến sâu thì bị uy hiếp, hai đầu cùng tiến thì trung gian bị cắt đứt, tiến gấp thì thiếu lương ăn, tiến chậm thì không được lợi, đi chẳng đến nghìn dặm, người ngựa đã thiếu đói rồi. *Binh pháp* nói: "Di nhân, hoạch dã."[2] Đấy là lý do thần nói không đánh là tiện.

Khôi nói:

- Không đúng. Nay thần nói đánh Hung Nô, vốn không phải là việc phát quân tiến sâu vào cõi địch vậy; mà là lợi dụng cái lòng tham của Thiền vu, dẫn dụ họ đến biên cảnh, ta tuyển quân kiêu kỵ và tráng sĩ ngầm mai phục để đề phòng quân địch, cẩn trọng giữ chỗ hiểm để tăng cường phòng ngự. Thế trận của ta sắp đặt xong, có quân đánh bên tả, có quân đánh bên hữu, có quân ngăn phía trước, có quân chẹn mặt sau, Thiền vu có thể cầm bắt, toàn vẹn cả trăm bề, nhất định đại thắng.

Chúa thượng theo lời bàn của Khôi.

5. Mùa hạ, tháng sáu, lấy Ngự sử đại phu Hàn An Quốc làm Hộ quân tướng quân, Vệ úy Lý Quảng làm Kiêu kỵ tướng quân, Thái bộc Công Tôn Hạ làm Khinh xa tướng quân, Đại hành Vương Khôi làm Tướng đồn tướng quân, Thái trung đại phu Lý Tức làm Tài quan tướng quân, thống suất quân chiến xa, bộ kỵ

---

[1] Ý nói việc giao chiến với Hung Nô ở biên ải khiến nhiều người tử thương, xe chở người chết từ biên ải về nội địa nối nhau không dứt.

[2] Phái quân tiến đi, sẽ bị địch nhân cầm bắt.

cả thảy hơn ba mươi vạn náu ở trong lũng bên cạnh Mã Ấp, hẹn nhau đợi Thiền vu tiến vào Mã Ấp thì tung binh ra đánh. Lại ngầm phái Niếp Nhất làm gián điệp, trốn đến chỗ Hung Nô, bảo Thiền vu rằng:

- Ta có thể chém được quan Lệnh, Thừa của Mã Ấp, khiến cả thành quy hàng, tài vật có thể lấy hết được.

Thiền vu rất mừng tin tưởng, cho là đúng rồi theo kế. Niếp Nhất bèn trá lừa chém kẻ tử tội, treo đầu hắn dưới cửa thành Mã Ấp, bảo sứ giả của Thiền vu xem để hắn tin, nói:

- Trưởng lại của Mã Ấp đã chết, nên đến gấp!

Vì thế Thiền vu vượt biên hiểm, đem chục vạn người tiến vào biên ải huyện Vũ Châu. Còn cách Mã Ấp hơn trăm dặm, thấy súc vật la liệt ngoài đồng, rất lấy làm lạ, bèn phái người đánh Đình, bắt được Úy sử quận Nhạn Môn,[1] định giết đi; Úy sử bèn bảo cho Thiền vu biết chỗ binh Hán náu. Thiền vu cả kinh nói:

- Ta vốn nghi rồi.

Bèn dẫn binh quay về, ra khỏi biên cảnh, nói:

- Ta bắt được Úy sử, là trời giúp vậy!

Bèn gọi Úy sử là "Thiên vương". Quân thủ giữ biên ải truyền báo là Thiền vu đã rút đi, binh Hán truy đuổi đến biên hiểm, liệu rằng không đuổi kịp, bèn đều bãi binh. Vương Khôi chỉ huy một cánh quân từ đất Đại xuất phát, đánh xe truy trọng của người Hồ, nghe tin Thiền vu quay về, binh nhiều, cũng không dám tiến.

Chúa thượng giận Khôi. Khôi nói:

- Ban đầu ước định là dẫn quân Hung Nô vào thành Mã Ấp, binh ta và Thiền vu tiếp chiến, còn thần đánh xe truy trọng của

---

[1] Phép nhà Hán chia đất cứ mười dặm là một đình, mười đình là một làng. Nhà Hán đặt chức Úy sử tại các quận huyện, sai đi tuần xét các nơi trong địa hạt, nếu gặp giặc thì giữ các nơi ấy chống giặc. Bấy giờ Úy sử quận Nhạn Môn đi tuần, gặp giặc, giữ Đình ấy nên bị bắt.

chúng, có thể được lợi. Nay Thiền vu không đến mà về, thần dùng ba vạn người chẳng thể cùng địch đối kháng, chỉ tự rước nhục. Thần vẫn biết rằng về thì bị chém, nhưng làm như vậy sẽ giữ vẹn được ba vạn quân của Bệ hạ.

Vì thế Đế giao Khôi xuống cho Đình úy xét, Đình úy phán:

- Khôi dùng dằng quanh co tránh địch, đáng chém.

Khôi ngầm đưa nghìn vàng hối lộ Thừa tướng Phân, Phân không dám báo lên chúa thượng, nhưng nói với Thái hậu rằng:

- Vương Khôi chủ xướng việc Mã Ấp, nay việc chẳng thành mà giết Khôi, đấy là giúp Hung Nô báo thù vậy.

Chúa thượng chầu gặp Thái hậu, Thái hậu đem lời của Phân nói với chúa thượng. Chúa thượng nói:

- Chủ xướng việc ở Mã Ấp là Khôi, sở dĩ điều phát mấy chục vạn binh thiên hạ, là theo lời của Khôi mà làm thế. Vả lại, ví như không đuổi đến chỗ Thiền vu được, quân bộ thuộc của Khôi đánh xe truy trọng của chúng, vẫn có chút chiến quả để phủ dụ yên lòng sĩ đại phu. Nay chẳng giết Khôi, không lấy gì để tạ lỗi với thiên hạ.

Khôi nghe được lời ấy, liền tự sát. Từ đấy về sau, Hung Nô dứt việc hòa thân, tiến đánh chẹn giữ đường yếu hại, thường vào cướp phá các chỗ biên cảnh của nhà Hán, số lần chẳng thể tính xuể; nhưng họ vẫn tham việc mua bán ở chợ biên ải, ham thích tài vật của nhà Hán; nhà Hán cũng mở chợ cửa ải không dứt tuyệt ý thích của người Hung Nô.

Năm Nguyên Quang thứ ba (Kỷ Dậu – TCN 132)

1. Mùa xuân, sông Hoàng Hà vỡ, đổi dòng, từ phía đông nam huyện Đốn Khâu chảy đi. Mùa hạ, tháng năm, ngày Bính Tý, lại vỡ đê Hồ Tử tại Đông Quận, nước chảy vào huyện Cự Dã, thông với sông Hoài, sông Tứ, mười sáu quận bị ngập chìm. Thiên tử

sai Cấp Ám và Trịnh Đương Thì điều phát chục vạn binh tốt lấp chỗ đê vỡ, lấp xong lại vỡ ngay. Bấy giờ thực ấp của Điền Phân tại huyện Du; huyện Du ở Hà Bắc, Hoàng Hà vỡ ở phía nam, huyện Du không bị thủy tai, thu nhập tại thực ấp nhiều. Phân nói với chúa thượng rằng:

- Trường Giang, Hoàng Hà bị vỡ đều là việc trời, không dễ dùng sức người cưỡng lấp, lấp chỗ vỡ vị tất đã hợp ý trời.

Rồi người xem khí gió và phương sĩ dùng thuật số cũng cho là đúng. Vì thế rất lâu sau Thiên tử không sai lấp lại chỗ đê vỡ.

2. Khi trước, thời Hiếu Cảnh, Ngụy Kỳ hầu Đậu Anh làm Đại tướng quân, Vũ An hầu Điền Phân mới là quan Lang, lúc hầu rượu quỳ xuống đứng lên như hạng con cháu; không lâu sau Phân ngày càng được sủng ái, làm Thừa tướng. Ngụy Kỳ thất thế, tân khách qua lại ngày một ít, chỉ có cố Tướng quốc nước Yên là Quán Phu người huyện Dĩnh Âm không bỏ đi. Anh vì thế hậu đãi Phu, hai người nâng đỡ, tôn trọng nhau, qua lại như cha con. Phu là người cương trực, say rượu hung hăng, với những kẻ quyền quý có thế lực ở trên mình thì Phu nhất định lấn át họ; nhiều lần mượn rượu ngỗ nghịch với Thừa tướng. Thừa tướng bèn tấu hặc tội rằng:

- Gia thuộc Quán Phu hoành hành ở Dĩnh Xuyên, dân khốn khổ vì bọn ấy.[1]

Liền sai bắt trói Phu và gia thuộc, phán tội tất cả phải bị chém bỏ thây ngoài chợ. Ngụy Kỳ dâng thư mưu cứu Quán Phu, chúa thượng lệnh sai Ngụy Kỳ và Vũ An đến Đông cung tranh biện việc ấy. Ngụy Kỳ và Vũ An nhân cơ hội vu cáo bới móc nhau. Chúa thượng hỏi quần thần:

- Trong hai người ai là phải?

---

[1] Trong lời tấu hặc có dẫn câu ca của dân Dĩnh Xuyên rằng: "Sông Dĩnh xanh, Quán thị yên; Sông Dĩnh đục, Quán thị vẫn."

Duy có Cấp Ẩm cho Ngụy Kỳ là phải, Hàn An Quốc cho là cả hai đều đúng; Trịnh Đương Thì cho là Ngụy Kỳ đúng, sau không dám vững ý. Chúa thượng giận, mắng Đương Thì rằng:

- Ta chém luôn cả hạng người như ngươi đi đấy!

Lập tức bãi triều. Đứng dậy, đi vào, hầu Thái hậu ăn cơm, Thái hậu giận không ăn, nói:

- Nay ta còn sống, mà người ta đều giẫm xéo em ta, nếu ta trăm tuổi rồi, bọn họ xem nó là cá thịt chăng?

Chúa thượng không biết làm sao, bèn diệt tộc Quán Phu; sai Hữu ti tra vấn Ngụy Kỳ, phán tội chém bỏ thây ngoài chợ.

Năm Nguyên Quang thứ tư (Canh Tuất – TCN 131)

1. Mùa đông, tháng mười hai, ngày hối, căn cứ luận tội, giết Ngụy Kỳ ở Vị Thành.

Mùa xuân, tháng ba, ngày Ất Mão, Vũ An hầu Điền Phân cũng hoăng. Đến lúc Hoài Nam vương Lưu An mưu phản thất bại, chúa thượng nghe nói Phân nhận vàng của An, có lời đại nghịch bất đạo,[1] nói:

- Nếu Vũ An Hầu còn sống thì ta giết cả họ rồi!

2. Mùa hạ, tháng tư, sương lạnh rơi chết cỏ.

3. Ngự sử đại phu Hàn An Quốc coi việc Thừa tướng, dẫn xa giá của chúa thượng, ngã khỏi xe, bị què chân. Tháng năm, ngày Đinh Tỵ, Đế lấy Bình Cức hầu Tiết Trạch làm Thừa tướng, An Quốc mắc bệnh nghỉ chức.

4. Động đất, đại xá thiên hạ.

---

[1] Việc của Hoài Nam vương Lưu An sẽ được nói đến ở Hán kỷ, quyển thứ mười một, sự kiện năm Nguyên Thú nguyên niên. Việc Điền Phân nhận vàng của Lưu An, đã nói đến ở Hán kỷ, quyển thứ chín, sự kiện năm Kiến Nguyên thứ hai.

5. Tháng chín, Đế lấy Trung úy Trương Âu làm Ngự sử đại phu. Hàn An Quốc khỏi bệnh, lại làm Trung úy.

6. Hà Gian vương Lưu Đức ra sức nghiên cứu học vấn, thích điển tịch cổ, chú trọng cầu sự thực, dùng vàng lụa tìm mua các sách hay khắp bốn phương, sách vở có được nhiều hơn số sách của Hán triều. Bấy giờ Hoài Nam vương cũng thích thư tịch, sách vở mà Hoài Nam vương trưng tập đa phần là sách xảo biện; sách của Hiến vương có được, đều là sách cũ dùng văn tự cổ thời Tiên Tần. Hiến vương chọn lựa các việc xưa về chế độ lễ nhạc, tu sửa đính chính thêm, biên tập thành sách đến hơn năm trăm thiên, tư tưởng và đường lối trong sách ấy đều hợp với Nho thuật, các nhà Nho vùng Sơn Đông đa phần noi theo Hiến vương, cùng giao vãng.

Năm Nguyên Quang thứ năm (Tân Hợi – TCN 130)

1. Mùa đông, tháng mười, Hà Gian vương đến kinh sư triều kiến, dâng Nhã nhạc, thưa đáp về chế độ của Tam Ung[1] và hơn ba mươi việc mà chiếu sách hỏi; lời đáp của Vương nói đến việc thúc đẩy Nho thuật, trúng các vấn đề then chốt, lời văn giản lược, xác đáng rõ ràng. Thiên tử hạ lệnh sai quan Thái nhạc luyện tập kỹ Nhã nhạc mà Hà Gian vương dâng lên, chế thành hạng mục trong điển lễ theo mùa tiết, nhưng bình thời rất ít khi tấu diễn.

Mùa xuân, tháng giêng, Hà Gian vương hoăng, Trung úy Thường Lệ đem việc báo lên, nói:

- Vương lập thân đoan chính, hành vi cẩn trọng, nhân đức ôn hòa, nhún nhường kiệm ước, tôn kính người trên, mến yêu

[1] Theo Ứng Thiệu thì tam Ung, tức là Tích Ung, Minh Đường, Linh Đài; chữ Ung, có nghĩa là hòa hợp. Đại khái, ở đây nói đến việc hòa hợp trời đất, quân thần và dân chúng.

kẻ dưới, thông minh sáng trí, suy xét tinh vi, ban ân huệ đến người quan quả.

Đại hành lệnh tấu rằng:

- Theo phép đặt thụy: "Thông minh sáng trí gọi là Hiến."

Bèn ban thụy là Hiến vương.

Ban Cố tán rằng: Xưa kia Lỗ Ai công từng nói: "Quả nhân sinh ra trong chốn thâm cung, lớn lên trong tay người phụ nữ, chưa từng biết lo buồn, chưa từng biết sợ hãi." Lời ấy đáng tin thay, (Hạng người như thế làm vua), dù không muốn nguy vong, cũng chẳng được vậy! Vì thế cổ nhân xem việc yên hưởng an nhàn là rượu độc, vô đức mà ở ngôi phú quý gọi là bất hạnh. Nhà Hán hưng, đến thời Hiếu Bình, chư hầu vương tính kể trăm, đa phần kiêu dâm lỗi đạo. Vì sao thế? Là vì chìm đắm trong cảnh phóng túng, giữ ngôi vị quyền thế mà khiến họ thành như thế vậy. Đến như thường nhân còn câu nệ với tập tục, huống chi là hạng người như Lỗ Ai công? "Học thức uyên bác, vượt hẳn muôn người", Hà Gian Hiến vương gần được như thế rồi.

2. Khi trước, lúc Vương Khôi đi đánh Đông Việt,[1] sai Phiên Dương lệnh Đường Mông đi truyền ý chỉ với Nam Việt. Người Nam Việt mời Mông ăn món Củ tương[2] của đất Thục. Mông hỏi thứ ấy từ địa phương nào đưa đến, họ nói:

- Từ phía tây bắc sông Tang Kha. Sông Tang Kha rộng mấy dặm, qua dưới thành Phiên Ngu.

Mông quay về đến Trường An, hỏi thương nhân đất Thục. Thương nhân nói:

- Riêng đất Thục xuất ra món Củ tương, nhiều người ngầm đem bán ở nước Dạ Lang. Nước Dạ Lang, kề gần sông Tang Kha, sông rộng hơn trăm bước, đủ để đi thuyền. Nước Nam Việt

---

[1] Xem Hán kỷ, quyển mười một, sự kiện năm Kiến Nguyên thứ sáu.

[2] Người đời Hán là Lưu Đức chú: Cây củ như cây dâu, quả dài từ hai đến ba tấc, vị chua, lấy hạt của nó để làm tương, ngon, người quận Thục cho là món ăn quý.

dùng tài vật để sai khiến dẫn dụ nước Dạ Lang và cả khu vực từ đấy về phía tây đến đất Đồng Sư, nhưng cũng không thể khiến người vùng ấy hoàn toàn thần phục theo mệnh được.

Mông bèn dâng thư khuyên chúa thượng rằng:

"Nam Việt vương ngồi xe lọng vàng cắm cờ tả đạo, đất hai phía đông tây hơn vạn dặm, tiếng là nước phiên thần ở ngoài, nhưng thực sự là chủ một châu vậy. Nay nếu đem quân từ các quận Trường Sa, Dự Chương đi đánh họ, đường thủy nhiều chỗ ngăn cách, khó đi. Thần trộm nghe nói tinh binh của nước Dạ Lang ước chừng hơn chục vạn, ta chèo thuyền theo sông Tang Kha mà xuống, xuất kỳ bất ý, đấy là một kế hay để chế phục người Nam Việt vậy. Nếu thực dựa uy cường của Hán triều, dựa sự giàu đủ của đất Ba, đất Thục, thông đường đến nước Dạ Lang, đặt quan cai trị, thì rất dễ thực hiện."

Chúa thượng theo lời.

Bèn bái Mông làm Trung lang tướng, lĩnh một nghìn người và hơn vạn phu chở lương thực đồ vật, từ đất Ba, đất Thục qua ải Tạc tiến vào, rồi gặp Dạ Lang hầu là Đa Đồng. Mông ban tặng hậu, dùng uy đức để dụ, ước hẹn đặt quan lại, sai con của Đa Đồng làm quan Lệnh. Người các ấp nhỏ bên cạnh nước Dạ Lang đều ham tơ lụa của nhà Hán, cho rằng đường mà quân Hán đi hiểm trở, nhất định chẳng thể chiếm đất của mình, bèn tạm nghe ước hẹn của Mông. Mông quay về báo, chúa thượng liền lập quận Kiền Vi, phát binh tốt đất Ba, đất Thục sửa đường, từ Bặc Đạo thẳng đến sông Tang Kha, người làm đến mấy vạn, sĩ tốt lăn ra chết rất nhiều, có người bỏ trốn; bọn Mông dùng "quân hưng pháp"[1] giết cừ súy của bọn bỏ trốn, dân đất Ba, đất Thục rất kinh hãi. Chúa thượng nghe nói việc ấy, sai Tư Mã Tương Như trách tội bọn Mông, nhân đó cáo dụ với dân Ba,

---

[1] Quân của các huyện trưng tập gọi là "hưng", nói "quân hưng" là vì thế. Quân hưng pháp, đại khái là pháp lệnh thời chiến.

Thục rằng đấy không phải bản ý của chúa thượng; Tương Như xong việc quay về tấu báo.

Bấy giờ, Quân trưởng của đất Cung, đất Tạc nghe nói người Nam Di và người Hán kết giao, được ban thưởng rất nhiều, đa phần muốn được làm thần dân nội thuộc, xin làm Lại như cách thức của Nam Di. Thiên tử hỏi Tương Như, Tương Như nói:

- Các xứ Cung, Tạc, Nhiễm Mang gần sát đất Thục, đường cũng dễ thông; thời nhà Tần từng khai thông, lập thành quận huyện, đến khi nhà Hán hưng thì bãi bỏ. Nay nếu lần nữa khai thông, nhân đó lập quận huyện, sẽ còn tốt hơn cả vùng Nam Di.

Thiên tử cho là đúng, bèn bái Tương Như làm Trung lang tướng, cầm cờ tiết đi sứ, cùng bọn phó sứ Vương Nhiên Vu cưỡi ngựa trạm dịch, dùng lụa là tài vật ở phủ quan đất Ba, đất Thục đem hối lộ Tây Di; Quân trưởng các xứ Cung, Tạc, Nhiễm Mang, Tư Du đều xin làm thần dân thống thuộc. Rồi phế bỏ quan tại biên ải; quan ải mở rộng dần, phía tây đến sông Muội, sông Nhược, phía nam đến Tang Kha, lập mốc giới, thông đường Linh Quan, tại sông Tôn làm cầu để thông với đất Cung Đô, đặt một viên Đô úy, hơn chục huyện, đều thuộc quận Thục. Thiên tử rất đẹp lòng.

3. Đế hạ chiếu trưng phát một vạn binh tốt sửa chỗ ải hiểm của quận Nhạn Môn.

4. Mùa thu, tháng bảy, gió lớn đổ cây to.

5. Nữ đồng cốt là bọn Sở Phục dạy Trần hoàng hậu tế thần cầu đảo dùng bùa chú tà thuật, trừ bỏ kẻ tranh sủng;[1] việc bị phát giác, chúa thượng sai Ngự sử Trương Thang tra xét xử trị đến tận cùng. Thang ngầm truy cứu bè đảng có liên quan, những kẻ mắc tội liên đới bị giết hơn ba trăm người, Sở Phục bị

---

[1] Vệ Tử Phu là thiếp yêu của Hán Vũ đế, được sủng ái, Trần hoàng hậu không có con, muốn dùng thuật bùa chú tà ác để hãm hại Vệ Tử Phu. Việc Hán Vũ đế thu nạp Vệ Tử Phu nói đến ở sự kiện năm Kiến Nguyên thứ hai.

chém bêu đầu ngoài chợ. Ngày Ất Tỵ, Đế ban chiếu sách cho Hoàng hậu, thu hồi tỷ thụ, phế bỏ tôn hiệu, biếm ở cung Trường Môn. Đậu thái chủ vừa thẹn vừa sợ, rập đầu tạ tội với chúa thượng. Chúa thượng hạ chiếu rằng:

"Việc mà Hoàng hậu làm không phù hợp với đại nghĩa, chẳng thể không phế truất. Thái chủ nên tin tưởng đạo nghĩa để tự yên, chớ nghe lời xằng mà nảy sinh lo sợ. Hậu tuy bị phế truất, nhưng việc cung phụng vẫn theo đúng phép tắc, ở Trường Môn cung không khác gì ở Thượng cung vậy."

6. Khi trước, chúa thượng từng bày tiệc rượu ở nhà Đậu thái chủ, gặp người bán ngọc châu mà Đậu thái chủ sủng ái là Đổng Yển, chúa thượng ban áo mũ cho Đổng Yển, tỏ ý tôn trọng, không gọi danh tự mà gọi là "chủ nhân ông", sai Đổng Yển hầu rượu; từ đấy Đổng quân được quý sủng, thiên hạ chẳng ai không nghe biết. Đổng Yển thường theo Đế đi chơi ở cung điện phía bắc, ruổi ngựa ở quán Bình Lạc, dự hội đấu gà, đá cầu, đua chó, đua ngựa, chúa thượng rất thích thú với hắn. Đế vì Đậu thái chủ bày tiệc rượu ở Tuyên Thất[1], sai Yết giả dẫn Đổng Yển vào. Bấy giờ Trung lang Đông Phương Sóc cầm kích đứng thẳng ở dưới bệ, buông kích rồi tiến lên nói:

- Đổng Yển có ba tội đáng chém, sao được tiến vào đây?

Chúa thượng hỏi:

- Sao ngươi nói vậy?

Sóc nói:

- Yển thân phận là kẻ nhân thần mà tư thông với công chúa, là tội thứ nhất của hắn vậy. Bại hoại giáo hóa nam nữ, làm loạn lễ nghĩa hôn nhân, hại đến vương chế, là tội thứ hai của hắn vậy. Bệ hạ đang tuổi tráng niên, chính là lúc phải chuyên tâm nghiên cứu *Lục kinh*; Yển không tuân giáo huấn khuyến học của

---

[1] Tuyên Thất (宣室), là nơi ban bố chính giáo vậy.

kinh sách, trái lại chuộng thói hào hoa, chăm chăm với việc xa xỉ, hết mình với cái thú vui đua chó ngựa, đến cực điểm của cái dục vọng tai mắt, đấy là kẻ đại tặc của quốc gia, là kẻ đại ma mị của bậc nhân chủ, đấy là tội thứ ba của hắn vậy.

Chúa thượng lặng yên không đáp, hồi lâu mới nói:

- Hôm nay ta đã bày yến tiệc, rồi sau sẽ tự sửa đổi.

Sóc nói:

- Tuyên Thất, là nơi xử lý chính sự của tiên đế, người không thảo luận chính sự can hệ đến pháp chế thì không được vào. Để mầm mống của dâm loạn phát triển, sẽ biến thành việc soán đoạt. Đấy là lý do Thụ Điêu làm việc dâm loạn mà Dịch Nha tác họa,[1] Khánh Phủ chết mà nước Lỗ được bảo toàn[2]."

Chúa thượng nói: "Hay!"

Bèn dừng việc triệu Đổng Yển, lại bày tiệc rượu ở cung điện phía bắc, dẫn Đổng quân theo cửa Tư mã phía đông mà vào; lại ban cho Sóc ba chục cân vàng. Sự sủng ái với Đổng quân từ đấy ngày một suy. Sau đấy, công chúa, quý nhân đa phần vượt lễ chế.

7. Chúa thượng dùng Trương Thang làm Thái trung đại phu, Thang và Triệu Vũ cùng chế định các luật lệnh, chú trọng

---

[1] Thụ Điêu (竖貂), Dịch Nha (易牙) là bầy tôi của Tề Hoàn công thời Xuân Thu. Quản Trọng ốm nặng, Hoàn công hỏi: "Tướng quốc có gì dạy quả nhân?" Quản Trọng nói: "Mong nhà vua tránh xa Thụ Điêu, Dịch Nha." Hoàn công nói: "Dịch Nha nấu thịt con mình dâng cho quả nhân ăn, còn nghi gì nữa?" Quản Trọng đáp: "Người ta không quý gì hơn tình máu mủ, mà nỡ dứt bỏ, thì còn thương được ai nữa?" Hoàn công hỏi: "Thụ Điêu tự thiến mình để được gần gũi ta, còn nghi gì nữa?" Quản Trọng nói: "Người ta chẳng yêu gì hơn thân mình, thân mình mà nỡ dứt, thì thương gì đến vua?" Hoàn công nói: "Phải." Quản Trọng chết, Hoàn công đuổi bọn Thụ Điêu và Dịch Nha, mấy năm sau, lại triệu dùng bọn họ. Năm sau Hoàn công lâm bệnh, Thụ Điêu, Dịch Nha tác loạn, ngăn cách trong ngoài, Tề Hoàn công chết đói, hối hận vì không nghe lời Quản Trọng. Nước Tề loạn.

[2] Khánh Phủ (庆父), là con thứ của Lỗ Hoàn công thời Xuân Thu, anh của vua Lỗ Trang công, tư thông với nàng Ai Khương. Trang công chết, giết con của Trang công, làm loạn cướp ngôi nhưng bị người nước Lỗ xua đuổi, phải bỏ trốn, nước Lỗ mới yên định.

ở chỗ dùng điều luật nghiêm khắc. Câu thúc quan lại giữ chức phận, lập phép "kiến tri"[1], sai quan lại dò xét, giám sát lẫn nhau. Việc dùng phép tắc ngày một hà khắc bắt đầu từ đấy.

8. Tháng tám, có nạn sâu hại lúa.

9. Năm ấy, trưng triệu người hiểu rõ về chính vụ đương thời, người thạo thuật trị quốc của thánh vương đời xưa trong số quan dân đến triều đình nhận chức, người được trưng triệu và quan Thượng kế sở tại cùng đi, các huyện trên đường cấp lương ăn.

Người huyện Tri Xuyên là Công Tôn Hoằng dâng đối sách rằng:

"Thần nghe nói đời Nghiêu, Thuấn thời thượng cổ, không thưởng tước hậu mà dân hướng thiện, chẳng trọng hình phạt mà dân bất phạm, là vì Nghiêu, Thuấn chính trực lấy mình làm gương, dùng tín đãi ngộ dân vậy. Đến thời mạt thế, thưởng tước hậu mà dân không gắng sức, hình phạt nặng mà việc gian không dừng, là vì người trên bất chính, đãi ngộ dân bất tín vậy. Xét ra, thưởng hậu phạt nặng, chưa đủ để khuyến khích người thiện, ngăn cấm phạm tội, tất phải dùng tín mới xong.

Thế nên dựa tài trao chức, thì chức phận rõ mà chính trị sáng; vứt bỏ lời bàn vô dụng, thì hiểu được chân tướng của sự việc; không chế tác vật vô dụng, thì giảm bớt được thuế khóa; không đoạt thời vụ của dân, không phương hại đến sức dân, thì trăm họ được giàu; tiến cử người có đức, trừ bỏ kẻ vô đức, thì triều đình được tôn kính; thăng chức người có công, giáng cấp kẻ vô công, thì quần thần có thứ bậc; phạm tội xử phạt đúng, thì việc gian tà dừng; người hiền được thưởng xứng, thì bầy tôi gắng sức. Đại để tám điều ấy, là cái gốc của việc trị lý vậy.

---

[1] Kiến tri (见知), tức quan lại thấy (kiến), biết (tri) kẻ có tội mà không tấu báo thì khép vào tội cố tình thả tội nhân (cố túng), xử tội cực nặng.

Với dân, yên nghiệp thì họ chẳng tranh giành, lý rõ thì họ không oán hận, dùng lễ đối đãi thì họ không bạo lực, yêu mến họ thì được họ thân gần, đấy là việc cấp thiết đáng phải quan tâm của người có được thiên hạ vậy. Lễ nghĩa, là thứ mà dân chúng theo phục; mà thưởng phạt thuận lễ nghĩa, thì dân không phạm cấm rồi.

Thần nghe nói: 'Khí đồng tắc tòng, thanh bỉ tắc ứng'[1] Nay nhân chủ thi hành đức chính ở trên, bách tính hòa hợp đồng lòng ở dưới, vốn dĩ tâm hòa thì khí hòa, khí hòa thì hình hòa, hình hòa thì thanh hòa, thanh hòa thì trời đất ứng theo rồi. Cố nhiên âm dương hòa, thì mưa gió hợp thời, sương móc giáng, ngũ cốc được mùa, lục súc đông, lúa tốt sinh sôi, cây cỏ xanh tươi, núi không trọc, đầm không cạn, đấy là nhờ hòa hợp mà dẫn đến như thế vậy."

Bấy giờ tham gia khảo thí đối sách có hơn trăm người, Thái thường tấu báo, địa vị của Hoằng ở bậc hạ đẳng. Đối sách tấu trình lên, Thiên tử cho đối sách của Hoằng là hạng nhất, bái làm Bác sĩ, đợi chiếu ở cửa Kim Mã.

Người nước Tề là Viên Cố, hơn chín mươi tuổi, cũng được tuyển làm Hiền lương, triệu về kinh. Công Tôn Hoằng liếc mắt không nhìn thẳng vào Cố, Cố nói:

- Công Tôn tiên sinh, nhất định phải dựa vào Nho thuật để nói, không được bẻ cong Nho học để a dua thế tục!

Các nhà Nho đa phần ghét hận hủy báng Cố, Cố bèn mượn cớ già lão xin về nghỉ.

Bấy giờ người bốn quận xứ Ba, Thục[2] đào núi thông đường đến chỗ người Di miền tây nam, chuyển lương ăn cho lính thú hơn nghìn dặm. Mấy năm, đường đất chẳng thông, quân lính mỏi mệt đói lả, gặp nắng nóng ẩm thấp chết rất nhiều; người Di miền tây nam lại nhiều lần làm phản, phát binh đến đánh, hao

---

[1] Khí tương đồng thì ảnh hưởng lẫn nhau, thanh âm hòa với nhau thì hô ứng.

[2] Thục Quận, Quảng Hán, Kiền Vi, Ba Quận.

phí tính kể ức vạn mà không công hiệu gì. Chúa thượng lo, hạ chiếu sai Công Tôn Hoằng đến thị sát. Hoằng quay về tấu việc, ra sức chê việc thông đường đến chỗ người Di phía tây nam không có tác dụng gì, chúa thượng không nghe. Hoằng mỗi khi hội triều thảo luận, khai mở bày kể đầu mối các việc, để bậc nhân chủ tự quyết, không chịu đối mặt tranh biện tại triều đình. Vì thế chúa thượng xét thấy hành vi của Hoằng cẩn thận trung hậu, tài biện luận có thừa, thạo về văn thư pháp lệnh và công vụ ở phủ quan, lại biết dùng Nho thuật để tô điểm, rất vui lòng, trong vòng một năm thăng đến chức Tả nội sử.

Hoằng tấu việc, có chỗ không được nghe theo, không tranh biện tại triều đình. Thường cùng Cấp Ảm xin gặp riêng, Ảm đề xuất vấn đề trước, Hoằng bổ sung ý kiến sau, Thiên tử thường đẹp lòng, lời Hoằng nói đều được nghe theo, vì thế Hoằng ngày càng được Đế thân gần quý sủng. Hoằng có lần cùng công khanh ước hẹn kiến nghị, khi đến trước mặt chúa thượng, lại hoàn toàn trái ước định để vâng thuận ý chỉ. Cấp Ảm giữa triều đình cật vấn mắng Hoằng rằng:

- Người Tể đa phần trí trá mà không thành thực; ban đầu cùng bọn thần nghị bàn như thế, nay lại trái ước định, đấy là bất trung!

Chúa thượng hỏi Hoằng. Hoằng tạ rằng:

- Người hiểu được thần, cho thần là trung; người không hiểu thần, cho thần là bất trung.

Chúa thượng cho là nói đúng. Tả hữu thân tín bên cạnh Đế thường chê mỉa Hoằng, chúa thượng càng hậu đãi Hoằng.

Năm Nguyên Quang thứ sáu (Nhâm Tý – TCN 129)

1. Mùa đông, bắt đầu thu thuế xe chở của thương nhân.

2. Đại tư nông Trịnh Đương Thì kiến nghị:

- Nay đào kênh từ sông Vị, nối xuống Hoàng Hà, theo đường thủy vận thóc từ Quan Trung thẳng về đông dễ dàng, lại có thể tưới tiêu cho hơn vạn khoảnh ruộng của dân dọc đường kênh.

Mùa xuân, Đế hạ chiếu trưng phát mấy vạn phu dịch đào kênh, như kế sách của Đương Thì; ba năm mới thông, người người cho là tiện.

3. Người Hung Nô phạm quận Thượng Cốc, giết cướp quan dân. Đế phái Xa kỵ tướng quân Vệ Thanh ra quận Thượng Cốc, Kỵ tướng quân Công Tôn Ngao ra Đại Quận, Khinh xa tướng quân Công Tôn Hạ ra quận Vân Trung, Kiêu kỵ tướng quân Lý Quảng ra quận Nhạn Môn, đều lĩnh vạn quân kỵ, đánh rợ Hồ ở dưới chợ cửa ải. Vệ Thanh đến Long Thành[1], chém được bảy trăm đầu rợ Hồ; Công Tôn Hạ không đánh được gì; Công Tôn Ngao bị rợ Hồ đánh tan, mất bảy nghìn quân kỵ; Lý Quảng cũng bị rợ Hồ đánh bại. Người Hồ bắt sống Quảng, đặt vào giữa hai con ngựa, kết dây buộc Quảng nằm thẳng cẳng, đi hơn chục dặm; Quảng vờ chết, thốt nhiên tung mình vọt lên con ngựa mà gã người Hồ đang cưỡi, đoạt lấy cây cung của nó, quất ngựa gióng về phương Nam, vì thế thoát được. Hán triều giao Ngao, Quảng cho quan lại xét tội, đáng chém, sau xuất tiền chuộc làm thứ dân; duy có Thanh được ban tước Quan nội hầu. Thanh tuy xuất thân từ hạng nô bộc[2], nhưng khéo cưỡi ngựa bắn tên, tài sức vượt người thường; với sĩ đại phu dùng lễ đối đãi, với sĩ tốt có ân, bộ chúng vui lòng chịu sai khiến, có tài làm tướng soái, cho nên mỗi khi xuất chiến thường lập công. Thiên hạ từ đấy phục chúa thượng biết xét người.

4. Mùa hạ, đại hạn; có nạn hoàng trùng.

5. Tháng sáu, chúa thượng đến huyện Ung.

---

[1] Long Thành (龙城), là chỗ tế trời của người Hung Nô, các bộ lạc đại hội tại đó.

[2] Vệ Thanh vốn là nô bộc cưỡi ngựa theo hầu người nhà Bình Dương công chúa.

6. Mùa thu, người Hung Nô nhiều lần cướp phá biên cảnh, quận Ngư Dương bị hại nghiêm trọng. Đế dùng Vệ úy Hàn An Quốc làm Tài quan tướng quân, đóng đồn ở Ngư Dương.

Năm Nguyên Sóc nguyên niên (Quý Sửu – TCN 128)

1. Mùa đông, tháng mười một, Đế hạ chiếu rằng:

"Trẫm nhiều lần chiếu lệnh sai quan Chấp sự, khuyến khích liêm lại, tiến cử hiếu tử, hy vọng gây dựng thành phong khí, kế thừa và phát dương sự nghiệp cao đẹp của thánh nhân xưa. "Ấp có mười nhà, tất có người trung tín; ba người cùng trên đường, nhất định có người là thầy ta.[1]" Nay thậm chí có nơi cả quận không tiến cử nổi một người hiền lên triều đình, đấy là giáo hóa đã không truyền sâu xuống dưới, mà người quân tử tích đức hạnh bị khuất lấp không truyền lên trên được vậy. Vả lại tiến cử người hiền thì được trọng thưởng cao, che lấp người hiền thì bị công khai chém giết, là đạo lý từ xưa vậy. Nay hãy nghị bàn xem các quan Nhị thiên thạch không tiến cử nhân tài thì kết tội gì?"

Hữu ti tấu:

- Không cử hiếu tử, là không tuân chiếu lệnh, phải khép vào tội bất kính; không xét liêm lại, là không gánh vác nổi chức vụ, đáng phải bãi chức.

Tấu được chấp thuận.

2. Tháng mười hai, Giang Đô Dịch vương Lưu Phi hoăng.

3. Hoàng tử Lưu Cứ sinh, là con của Vệ phu nhân vậy. Tháng ba, ngày Giáp Tý, Đế lập Vệ phu nhân làm Hoàng hậu, đại xá thiên hạ.

4. Mùa thu, hai vạn quân kỵ Hung Nô xâm nhập biên cảnh nhà Hán, giết Thái thú Liêu Tây, cướp hơn hai nghìn người, vây

---

[1] Câu trong sách *Luận ngữ*.

doanh lũy của Hàn An Quốc; lại vào quận Ngư Dương, Nhạn Môn, đều giết cướp hơn nghìn người. An Quốc lại dời sang phía đông, đóng trại ở Bắc Bình; mấy tháng sau, bị bệnh chết. Thiên tử bèn triệu lại Lý Quảng, bái làm Thái thú Hữu Bắc Bình. Người Hung Nô gọi Quảng là "Hán chi phi tướng quân"[1], tránh Quảng, mấy năm không dám xâm phạm quận Hữu Bắc Bình.

5. Xa kỵ tướng quân Vệ Thanh thống suất ba vạn quân kỵ ra quận Nhạn Môn, tướng quân Lý Tức tiến ra Đại Quận; Thanh chém được mấy nghìn đầu rợ Hồ.

6. Quân trưởng người Uế rợ Đông Di là bọn Nam Lư cùng đem hai mươi tám vạn người đến hàng, triều đình lập quận Thương Hải; nhân đấy tính phí dụng sắp xếp bọn họ, phỏng theo cách tính với người Nam Di, vì thế miền Yên, Tề nhớn nhác xao động.

7. Năm ấy, Lỗ Cung vương Lưu Dư, Trường Sa Định vương Lưu Phát đều hoăng.

8. Người đất Lâm Tri là Chủ Phụ Yển,[2] Nghiêm An; người huyện Vô Chung là Từ Nhạc, đều dâng thư luận chính sự.

Ban đầu, Yển du ngoạn ở vùng Yên, Tề, Triệu, chẳng có nhà nào hậu đãi, các nho sinh liên hợp nhau bài bác, ruồng đuổi Yển không chịu dung; nhà Yển nghèo, không vay mượn ở đâu được, bèn sang tây vào Quan Trung, đến dưới cửa khuyết dâng thư, sáng sớm thư tấu lên, chiều tối được triệu gọi. Lời thư mà Yển dâng lên bàn về chín mục việc, tám việc trong đó nói về luật lệnh; có một việc là can gián việc đánh Hung Nô, lời về việc ấy viết rằng:

"Tư Mã pháp[3] viết: 'Nước dẫu lớn mạnh, hiếu chiến ắt tiêu vong. Thiên hạ dẫu thái bình, quên chiến tranh tất nguy hiểm.' Phẫn nộ là

---

[1] Tướng quân biết bay của nhà Hán.

[2] Triệu Vũ Linh vương tự xưng là Chủ phụ, một chi thứ lấy hiệu đấy làm họ.

[3] Sách binh thư của Tư Mã Nhương Thư.

nghịch với đức, binh khí là vật bất tường, tranh giành là khí tiết mọn. Truy cầu chiến thắng, lạm dụng binh đao, chưa ai không hối hận vậy.

Xưa kia Hoàng đế nhà Tần thôn tính liệt quốc, truy cầu thắng lợi không dừng, muốn đánh Hung Nô. Lý Tư can rằng: 'Không nên. Người Hung Nô, không trú ở thành quách, không có kho lẫm tàng chứa tiền lương, dời chuyển như chim bay, khó mà chế phục được họ vậy. Khinh binh tiến vào sâu, lương thực cung ứng tất bị cắt đứt; hành quân mang lương đi theo, mang vác nặng chẳng theo kịp bọn họ. Thu được đất đai của họ, chẳng đủ để làm lợi vậy; lấy được dân của họ, chẳng thể thu xếp ổn thỏa mà quản lý vậy; thắng tất phải giết họ, đấy không phải hành vi của người làm cha mẹ dân vậy; khiến cho Trung Quốc mỏi mệt, người Hung Nô được khoái ý, không phải là kế sách hay vậy.' Tần hoàng đế không nghe, bèn sai Mông Điềm đem binh đánh rợ Hồ, khai mở nghìn dặm đất, lấy sông Hoàng Hà làm biên cảnh. Chỗ ấy vốn là đầm trũng đất mặn, chẳng gieo trồng ngũ cốc được. Rồi sau phải phát đinh trong thiên hạ đi giữ Bắc Hà, quân lính phơi sương ngoài trời hơn chục năm, người chết chẳng thể tính xuể, rút cục chẳng thể vượt sông Hoàng Hà chiếm mạn bắc, há phải vì nhân lực chẳng đủ, binh giáp chẳng hoàn bị? Mà thực vì hình thế chẳng thể làm được vậy. Lại còn sai thiên hạ cấp tốc kéo thuyền vận rơm cỏ, từ các quận Đông Thụy, Lang Nha ven biển chuyển đến Bắc Hà, mang đi ba mươi chung mà đến nơi còn một thạch.[1] *Nam tử bán mạng cầy ruộng, chẳng đủ để nạp quân lương, nữ tử hết sức xe sợi, chẳng đủ để may màn trướng, trăm họ mệt lử, cô quả lão ấu chẳng được ai nuôi dưỡng, người chết trên đường ngó trông nhau, thiên hạ từ đấy bắt đầu phản lại nhà Tần vậy.*

Đến lúc Cao hoàng đế định thiên hạ, tuần hành ở biên ải, nghe nói Hung Nô tụ ở phía ngoài Đại Cốc liền muốn đánh họ. Ngự sử tên

---

[1] Nhan Sư Cổ chú: "Sáu hộc bốn đấu là một chung, tính hết chi phí đi đường, tổn mất một trăm chín mươi hai hộc mới mang được một thạch tới nơi." Một thạch bằng mười đấu, tương đương một hộc.

Thành tiến lên can rằng: 'Không nên. Tập tính của người Hung Nô, chợt như thú tụ, vụt như chim bay, theo họ như đuổi hình bắt bóng. Nay dùng cái đức thịnh của Bệ hạ đánh Hung Nô, thần trộm thấy nguy.' Cao đế không nghe, bèn lên bắc tiến đến Đại Cốc, quả nhiên bị Hung Nô vây ở Bình Thành. Đại khái là Cao hoàng đế rất hối hận, bèn sai Lưu Kính qua đất Hung Nô kết ước hòa thân,[1] *rồi sau thiên hạ mới quên được việc can qua.*

Xét ra người Hung Nô khó chế phục, không phải chỉ ở một đời vậy; họ phạm biên cảnh cướp bắt người và gia súc, đấy là sinh nghiệp của họ vậy, là thiên tính cố nhiên. Trên từ thời Ngu, Hạ, Ân, Chu, vốn chẳng thể trưng thu thuế khóa, đốc trách được bọn họ, xem họ như cầm thú, chẳng coi họ là người. Nay trông lên chẳng xét kỹ cái truyền thống của các nhà Ngu, Hạ, Ân, Chu, mà ngoái xuống lại noi theo cái lỗi sai của đời gần đây, đấy là điều mà thần rất lo lắng vậy, là việc làm khiến trăm họ phải khốn khổ vậy."

Nghiêm An dâng thư nói:

"Nay người khắp thiên hạ dùng tiền của xa xỉ, xe ngựa, áo cừu, cung thất, đều ra sức sửa sang tô điểm, điều hòa ngũ thanh[2] *khiến âm nhạc có tiết tấu, pha trộn ngũ sắc khiến sắc màu loang lổ, chế món ngon bày la liệt trước mắt, tỏ ý khoe khoang khiến thiên hạ ngưỡng mộ. Chí thú của dân, hễ thấy cái đẹp thì mong có được, thì đấy là việc dạy dân theo đuổi sự xa xỉ vậy; xa xỉ mà không tiết chế, thì chẳng có cách gì lấp đầy được dục vọng, dân rời nghiệp gốc mà chạy theo nghiệp ngọn rồi. Cái lợi của nghiệp ngọn chẳng thể bỗng không mà có được, cho nên kẻ mặc quan phục chẳng kiêng tránh việc trá lừa, kẻ đeo kiếm ham thích việc giết người cướp bóc, mà người đời chẳng biết thẹn, vì thế kẻ phạm pháp đông dần. Thần mong Bệ hạ hãy vì dân chế định pháp lệnh để phòng cấm dục vọng của họ, khiến người giàu không khoa trương với kẻ nghèo để điều hòa nhân tâm; nhân tâm đã*

---

[1] Xem Hán kỷ, quyển ba, sự kiện năm thứ bảy, đời Hán Cao tổ.

[2] Năm thứ thanh âm trong âm nhạc xưa là cung, thương, giốc, chủy, vũ.

định, thì đạo tặc sẽ tiêu trừ, hình phạt giảm thiểu, âm dương hòa hợp, vạn vật tươi tốt vậy.

Xưa kia Tần vương đắc chí thả lòng, muốn ra uy với hải ngoại, sai Mông Điềm đem binh lên phương bắc đánh rợ Hồ, lại sai quan Úy là Đồ Tuy đem binh sĩ cưỡi thuyền lầu đi đánh người Việt. Đang lúc ấy, triều Tần ở phía bắc kết họa với Hung Nô, ở phương nam gây thù với người Việt, trú binh ở chỗ đất vô dụng, chỉ tiến lên mà chẳng thể lui được. Qua hơn chục năm, phu nam mặc giáp, nữ tử chuyển chở, khổ sở chẳng sinh sống được, tự thắt cổ ở gốc cây ven đường, người chết nối trông nhau. Lúc Tần hoàng đế băng, thiên hạ phản loạn, hậu duệ bị diệt, tế tự dứt tuyệt, là bởi cái họa hại lạm dụng binh lực vậy. Cho nên nhà Chu mất là do suy yếu, nhà Tần mất là do cường bạo, đều vì chẳng biết biến thông mà họa sinh ra vậy.

Nay triều đình muốn chinh phục Tây Di, khiến nước Dạ Lang đến chầu, thu hàng người Khương người Bặc, cướp lấy Uế Châu, dựng thành lập ấp, vào sâu cõi Hung Nô, đốt cháy Long Thành của họ, kẻ nghị bàn khen ngợi các việc đó; đấy là mối lợi với kẻ nhân thần, không phải kế sách lâu dài với việc trị lý thiên hạ vậy."

Từ Nhạc dâng thư nói:

"Thần nghe nói họa hại trong thiên hạ, là bởi 'thổ băng', chẳng tại 'ngõa giải', xưa nay đều thế cả.[1]

Thế nào thì gọi là 'thổ băng?' Đời cuối nhà Tần là 'thổ băng' vậy. Trần Thiệp không có địa vị tôn quý nghìn thặng, không có thước đất phong nào, thân không phải là dòng dõi vương công, đại nhân, danh gia vọng tộc, không được làng xóm ngợi khen, không có cái hiền của Khổng tử, Tăng tử, Mặc tử, không có cái giàu có như Đào Chu công,

---

[1] Nguyên văn: "Thiên hạ chi họa, tại ư thổ băng, bất tại ngoã giải." Thổ băng ngõa giải (土崩瓦解), là thành ngữ, nghĩa đen của nó là "Đất lở ngói tan", ý nói tới sự sụp đổ tan tành, rời rạc tan nát.. Đất là nền móng, nhà xây trên đất, đất sụt xuống thì nhà đổ, ngói vỡ. Như thế thì gốc họa sinh ra là bởi đất lở. Từ Nhạc muốn nhấn mạnh rằng: Mối họa trong thiên hạ sinh ra là bởi lòng người tan lìa, nền móng (chính sự triều đình) sụp (lỗi đạo) thì tất cả các thứ trên đó đều đổ xuống (lòng người ly tán) vậy.

Y Đốn vậy;[1] *nhưng nổi lên từ nơi cùng đường cuối ngõ, cất tay giơ cao cán giáo, cởi áo trần vai hô lớn, thiên hạ trông gió ứng theo. Vì đâu được như thế vậy? Đấy là bởi dân khốn khổ mà quân chủ không thương xót, kẻ dưới oán hận mà người trên không biết, phong tục đã loạn mà chính sự không tu chỉnh. Ba điều ấy, là thứ mà Trần Thiệp sử dụng làm vốn liếng vậy, như thế được gọi là 'thổ băng'.*

Thế nào thì gọi là 'ngõa giải?' Binh loạn của Ngô, Sở, Tề, Triệu là 'ngõa giải' vậy. Bảy nước mưu việc đại nghịch, đều xưng là quân chủ có vạn cỗ xe, có chục vạn quân đai giáp, uy lực đủ để chỉnh trị bờ cõi, tài lực đủ để khích lệ sĩ dân; nhưng chẳng thể sang tây đoạt được thước tấc đất đai mà bản thân bị cầm bắt ở Trung nguyên. Nguyên do của việc ấy là vì đâu? Đấy không phải vì quyền của họ nhẹ hơn kẻ thất phu mà binh lực của họ yếu hơn Trần Thiệp vậy, mà vì đương lúc bấy giờ, đức của tiên đế chưa suy, bách tính yên vui với tập tục nhiều, cho nên chư hầu không có sự viện trợ ở bên ngoài, đấy gọi là 'ngõa giải'. Thế nên mới nói họa hại trong thiên hạ chẳng ở 'ngõa giải' vậy.

Hai điều cốt lõi ấy, là điểm mấu chốt của sự an nguy, là điều mà bậc nhân chủ nên lưu tâm suy xét kỹ.

Thời gian gần đây, ngũ cốc vùng Quan Đông nhiều lần thất thu, mùa màng chưa khôi phục, dân chúng nhiều người bần khốn, lại thêm việc quân ở biên cảnh; chiếu theo quy luật và lẽ thường mà xét, trong dân hẳn có kẻ không yên phận rồi. Không yên phận, nhất định dễ động loạn; dễ động loạn, là cái thế 'thổ băng' vậy. Thế nên bậc quân chủ hiền minh chỉ quan sát cái căn nguyên biến hóa của vạn vật, hiểu rõ cái cơ an nguy, nắn sửa việc trị lý ở chốn miếu đường thì sẽ tiêu trừ được họa hại từ lúc nó chưa thành hình, chỉ có như thế mới là cách khiến thiên hạ không có cái hình thế 'thổ băng' mà thôi."

Thư tấu lên, Thiên tử triệu kiến ba người, bảo rằng:

---

[1] Tương truyền, Phạm Lãi (范蠡) sau khi giúp Việt vương đánh diệt Ngô vương Phù Sai, đến ở đất Đào, xưng hiệu là Đào Chu công (陶朱公); Y Đốn (猗頓), là kẻ sĩ nghèo khó người nước Lỗ, nổi lên từ nghề buôn muối, giàu có ngang bậc Vương.

- Các ngài đều vốn ở đâu? Sao ta gặp nhau muộn vậy!

Đều bái họ làm Lang trung. Chủ Phụ Yển rất được tín nhiệm sủng ái, trong một năm thăng chức cả thảy bốn lần, làm Thái trung đại phu; đại thần úy kỵ miệng lưỡi của Yển, hối lộ tặng tài vật tính kể nghìn vàng. Có người bảo Yển rằng:

- Ngài ngang ngạnh quá lắm!

Yển nói:

- Ta lúc sống chẳng hưởng món ở ngũ đỉnh, lúc chết cũng phải bị nấu ở nồi ngũ đỉnh mới được![1]

Năm Nguyên Sóc thứ hai (Giáp Dần – TCN 127)

1. Mùa đông, Đế ban cho Hoài Nam vương kỷ trượng, không phải về chầu.

2. Chủ Phụ Yển khuyên chúa thượng rằng:

- Chư hầu thời cổ đại đất phong chẳng quá trăm dặm, thành cái thế triều đình mạnh chư hầu yếu, dễ chế phục. Nay chư hầu hoặc liền mấy chục thành, hoặc đất vuông nghìn dặm, nới lỏng thì họ kiêu xa, dễ dãi thì họ dâm loạn, quản gắt thì họ cậy lớn mạnh mà hợp tung để chống kinh sư; dùng pháp lệnh tước bớt đất của họ, thì mầm phản nghịch nổi; như việc của Triều Thố ngày trước vậy.[2] Nay con em của chư hầu đến mấy chục, mà chỉ con kế tự được thay lập, những người khác dẫu là cốt nhục, không được thước tấc đất phong, thì cái đạo nhân hiếu chẳng được tuyên dương. Mong Bệ hạ ban lệnh cho Vương chư hầu

---

[1] Ngũ đỉnh (五鼎), là năm chiếc đỉnh nấu năm món ăn quý thời xưa gồm: Thịt bò, dê, lợn, cá, nai. Ăn thức ăn từ ngũ đỉnh là đãi ngộ chỉ dành cho bậc chư hầu. Đại khái ý của Chủ Phụ Yển tương tự câu "nếu ta không lưu danh trăm đời, thì cũng di xú vạn niên."

[2] Xem việc về Triều Thố ở Hán kỷ, quyển tám, sự kiện năm Tiền Nguyên thứ ba, đời Hán Cảnh đế.

"thôi ân"[1], chia đất phong của mình cho con em, chúa thượng phong cho bọn họ tước Hầu, thì người người đều vui mừng thỏa nguyện; chúa thượng dùng đức thi ân, nhưng thực ra là chia nước phong của họ, chẳng cần tước đoạt mà họ dần dần suy yếu vậy.

Chúa thượng theo lời. Mùa xuân, tháng giêng, hạ chiếu rằng:

"Trong số các Vương chư hầu có ai muốn nhường ân riêng chia ấp phong cho con em, yêu cầu đều phải nhất nhất tấu báo lên, trẫm sẽ tự thân xác định ấp phong và cấp danh hiệu cho họ."

Từ đấy các nước phiên thuộc bắt đầu phân chia, mà con em các Vương đều thành Hầu cả.

3. Hung Nô phạm quận Thượng Cốc, Ngư Dương, cướp giết quan dân hơn nghìn người. Đế phái Vệ Thanh, Lý Tức tiến ra quận Vân Trung hướng về tây đến quận Lũng Tây, đánh Lâu Phiền vương và Bạch Dương vương của rợ Hồ ở phía nam sông Hoàng Hà, chém mấy nghìn đầu rợ Hồ, bắt hơn trăm vạn bò, dê, đuổi Lâu Phiền vương và Bạch Dương vương, đoạt lấy đất Hà Nam. Đế hạ chiếu phong Thanh làm Trường Bình hầu; Hiệu úy của Thanh là Tô Kiến, Trương Thứ Công đều có công, Đế phong Kiến làm Bình Lăng hầu, Thứ Công làm Ngạn Đầu hầu.

Chủ Phụ Yển nói:

- Đất đai Hà Nam màu mỡ, bên ngoài có Hoàng Hà ngăn trở, Mông Điềm đắp thành chỗ đó để xua đuổi người Hung Nô, bên trong tiết giảm việc chuyển chở và đóng lính thú, lại mở rộng cương vực của Trung Quốc, là cơ sở để diệt rợ Hồ vậy.

Chúa thượng đem ý chuyển xuống cho công khanh nghị bàn; mọi người đều nói bất tiện. Đế rút cục dùng kế của Yển, lập quận Sóc Phương, sai Tô Kiến hưng hơn chục vạn người

---

[1] Thôi ân (推恩), tức là rộng rãi chia nhường ân huệ mà mình được nhận (thiên tử ban đất phong làm Vương) cho người khác.

đắp thành Sóc Phương, sửa sang lại chỗ cũ mà Mông Điềm thời nhà Tần lập lũy, dựa sông Hoàng Hà làm chỗ giữ. Đường chuyển chở thủy lục rất xa, dân cùng Sơn Đông mang vác lao nhọc, hao phí vô kể, phủ khố đều rỗng không; nhà Hán cũng bỏ đất Tạo Dương của một huyện xa xôi thuộc quận Thượng Cốc cho rợ Hồ.

4. Tháng ba, ngày Ất Hợi là ngày hối, có nhật thực.

5. Mùa hạ, chiêu mộ hơn chục vạn dân dời họ đến trú ở quận Sóc Phương.

6. Chủ Phụ Yển khuyên chúa thượng rằng:

- Ấp Mậu Lăng mới lập, hào kiệt thiên hạ, các hộ lớn giàu có kiêm tính dân, kẻ kích động dân gây loạn, đều nên dời họ đến Mậu Lăng; trong thì sung đầy người vào kinh sư, ngoài thì tiêu trừ kẻ gian hoạt, đấy gọi là không giết mà trừ được hại vậy.

Chúa thượng theo lời, dời bọn hào cường của các quận, quốc và người có tài sản từ ba trăm vạn tiền trở lên đến Mậu Lăng.

Quách Giải, người huyện Chỉ, là đại hiệp vùng Quan Đông, cũng ở trong số người bị dời đi. Vệ tướng quân vì ông ta nói:

- Quách Giải nhà nghèo, không đáng phải di dời.

Chúa thượng nói:

- Giải, là kẻ áo vải, quyền thế đến mức khiến tướng quân vì ông ta đưa lời, thế thì nhà Giải không nghèo vậy.

Rút cục di dời cả nhà Giải. Giải lúc bình thời vì cái trừng mắt giết người rất nhiều, chúa thượng nghe nói, lệnh sai quan lại bắt Giải tra xét, kết quả là những việc giết người của Giải đều xảy ra trước khi ban lệnh ân xá. Có vị nho sinh ở huyện Chỉ hầu quan lại xét án, trong số khách có người khen Quách Giải, nho sinh nói:

- Giải chuyên làm việc gian phạm phép công, sao gọi là hiền được?

Khách của Giải nghe nói, giết nho sinh ấy, cắt lưỡi hắn. Quan vì thế bắt tội Giải, Giải thực sự không biết kẻ giết người, mà hung thủ cũng tuyệt tích chẳng ai biết kẻ đó là người nào. Quan lại tấu rằng Giải vô tội. Công Tôn Hoằng nghị án rằng:

- Giải, là kẻ áo vải, dựa việc nghĩa hiệp lộng quyền, vì cái liếc mắt giết người; Nho sinh huyện Chỉ bị giết, Giải tuy không biết, nhưng tội này nặng hơn tội là Giải giết, đáng khép vào tội đại nghịch vô đạo.

Bèn diệt cả họ nhà Quách Giải.

Ban Cố nói: Thiên tử thời xưa dựng nước chư hầu, chư hầu phong lập nhà đại phu, từ khanh đại phu đến thứ dân, đều có đẳng cấp thứ bậc, vì thế dân phục tùng người trên của mình mà kẻ dưới không có ý dòm dỏ.

Sau khi Chu thất suy vi, chế độ lễ nhạc và lệnh chinh phạt phát ra từ chư hầu; sau thời Tề Hoàn, Tấn Văn, đại phu nắm quyền thế, bầy tôi gia thần giữ mệnh.[1] *Suy bại đến thời Chiến quốc, xuất hiện việc hợp tung liên hoành, vì thế có các Công tử của Liệt quốc, nước Ngụy có Tín Lăng quân, nước Triệu có Bình Nguyên quân, nước Tề có Mạnh Thường quân, nước Sở có Xuân Thân quân, đều dựa thế Vương công, đua nhau lôi kéo kẻ du hiệp, đến cả bọn trộm cướp cũng được đãi như khách quý. Rồi có việc Tướng nước Triệu là Ngu Khanh, quên nước bỏ vua, giải cứu vận nạn cho bằng hữu kết giao là Ngụy Tề; Tín Lăng quân Vô Kỵ, trộm binh phù giả truyền Vương mệnh, giết tướng lĩnh, chiếm binh sư, chạy đến cứu mối nguy cho Bình Nguyên quân;*[2] *bọn họ đều vì thế mà được chư hầu thêm trọng vọng, danh tiếng lan xa trong thiên hạ, lũ người du thuyết chống tay đàm luận, cho rằng bốn vị hào kiệt ấy xứng là kẻ đứng đầu. Vì thế hình thành cái nạn bội*

---

[1] Đại phu nắm quyền thế là trỏ việc Lục khanh nước Tấn, Tam Hoàn nước Lỗ, Điền thị nước Tề nắm quyền của nhà vua vậy. Gia thần giữ mệnh là trỏ hạng người như Dương Hổ vậy.

[2] Về các công tử Liệt quốc kể trên, xin xem lại các việc nói ở phần cuối của Chu kỷ và phần đầu của Tần kỷ.

phản quốc gia mà giao kết bè đảng riêng, đạo nghĩa tuân thủ chức phận phụng thờ người trên bị phế bỏ đi rồi.

Đến thời Hán hưng, cấm chế ràng buộc lỏng lẻo, không biết nắn sửa cải chính. Thế nên Tướng quốc nước Đại là Trần Hi có nghìn cỗ xe tùy tùng, mà Ngô vương Lưu Tỵ, Hoài Nam vương Lưu An chiêu vời tân khách phải lấy hàng nghìn mà tính; bọn đại thần ngoại thích là Ngụy Kỳ hầu, Vũ An hầu đua nhanh tranh lợi ở kinh sư, kẻ du hiệp áo vải là lũ Kịch Mạch, Quách Giải nhởn nhơ chốn xóm làng, hoành hành khắp châu huyện, thế lực đè lấn cả công hầu, số đông dân chúng coi danh tiếng và sự tích về họ là vinh diệu, hướng theo mà ngưỡng mộ bọn họ. Dẫu như phạm tội bị hãm vào tử địa, lấy việc sát thân thành danh để tự hào, tự ví mình như Quý Lộ, Cừu Mục,[1] chết mà không hối tiếc. Vì thế Tăng Tử nói: "Thượng thất kỳ đạo, dân tán cửu hĩ."[2] Nếu không có quân chủ thánh minh ở trên, đem những điều thiện ác chỉ bảo, dùng lễ nghĩa pháp độ sửa trị, dân chúng sao biết được phép cấm mà thay đổi hành vi?

Theo chính pháp thời cổ: Ngũ bá, là tội nhân của Tam vương vậy; mà Lục quốc, là tội nhân của Ngũ bá vậy; còn Tứ công tử, lại là tội nhân của Lục quốc vậy. Huống chi loại người như Quách Giải, là kẻ thất phu nhỏ mọn, mà trộm đoạt đại quyền sinh sát, cái tội của Giải chẳng thể dung tha được rồi. Xét đến cái lòng ôn hòa, thiện lương, bác ái của Quách Giải, chu cấp cứu giúp người cùng khốn, khiêm nhường chẳng tự khoa trương, cũng đều mang phong thái bất phàm. Tiếc thay, hành vi của Giải chẳng hợp với đạo đức, cẩu thả phóng túng theo thói hạ lưu, chết thân diệt tộc, không phải là bất hạnh vậy.

Tuân Duyệt luận rằng: Trên đời có "tam du", là giặc của đức vậy: Thứ nhất là du hiệp, thứ hai là du thuyết, thứ ba là du hành. Gây

---

[1] Quý Lộ (季路), còn gọi là Tử Lộ, học trò của Khổng Tử, bị giết khi cứu chủ mình là Vệ Xuất công; Cừu Mục (仇牧), là Đại phu nước Tống thời Tống Mẫn công, Nam Cung Trường Vạn làm phản giết Mẫn Công, lại giết luôn Cừu Mục. Việc này được chép trong *Tả truyện*.

[2] Người trên lỗi đạo, lòng dân ly tán lâu rồi.

dựng khí thế, tác uy tác phúc, giao kết riêng tư để xưng hùng ở đời, gọi là du hiệp; che đậy biện bác, bày đặt mưu trá, ruổi rong thiên hạ để thao túng thời thế, gọi là du thuyết; coi sắc diện người để hợp ý thích, kết liên bè đảng, khuếch đại hư danh để mưu quyền lợi, gọi là du hành. Ba hạng người ấy, là căn nguyên để sinh ra họa loạn vậy, bọn họ phá đạo hại đức, bại hoại pháp độ, mê hoặc người đời, là hạng người mà bậc tiên vương xem chừng vậy. Nước có tứ dân,[1] đều đi theo chức nghiệp của mình; người chẳng theo nghiệp của tứ dân, gọi là "gian dân" vậy. Không có "gian dân" vương đạo sẽ thành.

Đại để hạng "tam du" này hình thành, đều xuất hiện vào thời mạt thế, đến cuối đời Chu, Tần lại càng nghiêm trọng. Vua trên bất minh, hạ thần bất chính, chế độ chẳng lập, kỷ cương bê trễ; dựa vào lời khen chê quyết vinh nhục, chẳng thẩm xét tình thật; dựa vào sự yêu ghét quyết lợi hại, chẳng luận rõ người thực; dựa vào sự mừng giận quyết thưởng phạt, chẳng xét kỹ đạo lý. Trên dưới mạo phạm lẫn nhau, muôn sự hỗn loạn, vì thế kẻ ngôn luận tính xét giao tình nông sâu mà thổ lời, người tuyển cử tính liệu quan hệ thân sơ mà cất bút, phân biệt thiện ác sai khác với phê bình của chúng nhân, phán định công tội mâu thuẫn với pháp luật của triều đình. Như thế thì lợi chẳng thể dùng nghĩa lý để cầu, hại chẳng thể dùng đạo lý mà tránh vậy. Vì thế quân tử phạm lễ, tiểu nhân phạm pháp, bôn tẩu ruổi rong, vượt chức lấn phép, che đậy phù hoa, phế bỏ sự thực, ra sức ganh đua, cầu lợi nhất thời. Xem thường sự tôn kính cha anh mà chuộng lễ tiết tân khách, bạc đãi cái ân cốt nhục lại ưu ái tình bằng hữu, nhãng quên đạo tu thân mà truy cầu tiếng khen của chúng nhân, cắt nghiệp áo cơm để lấp đầy dục vọng hưởng yến tiệc, người đưa tặng lễ vật đè lấn nhau ở môn đình, kẻ thăm viếng giao nhau trên đường cái, người đưa thư tín nhung nhúc nơi phủ quan, xử lý các việc riêng nhiều hơn việc công, vì thế thói tục hình thành mà chính đạo băng lở vậy.

Thế nên thánh vương ở trên, trị quốc quản dân, nghiêm minh chế độ; phân biệt thiện ác nhất định ở công tội mà chẳng bị nhiễu loạn bởi

---

[1] Tứ dân tức bốn hạng người tiêu biểu xưa, đó là: Sĩ, nông, công, thương.

khen chê, nghe lời nói nhưng đòi hỏi ở việc làm, cử người theo danh nhưng yêu cầu tài thực. Cho nên danh thực chẳng xứng thì gọi là "hư hão", trong ngoài bất nhất thì gọi là "trá ngụy", khen chê trái thực tế thì gọi là "xằng bậy", nói bàn lỗi nguyên tắc thì gọi là "vu khống". Hành vi hư hão trá ngụy không xuất hiện, lời nói xằng bậy vu khống không lưu truyền, kẻ có tội không cầu may thoát được, người vô tội không phải lo sợ, thỉnh xin không có chỗ thi hành, hối lộ không có người tiếp nhận, dứt lời văn hoa lệ, bỏ câu từ phù phiếm, cấm chỉ lời ngụy biện, lấp tuyệt mưu bất chính, ruồng bỏ cái rối loạn của học thuật bách gia, thống nhất đạo thuật tối cao của thánh nhân, dùng nhân huệ giáo dục bách tính, dùng lễ nhạc tô điểm chế độ, thì phong tục ổn định mà giáo hóa lớn thành công rồi.

7. Yên vương Lưu Định Quốc và người thiếp của phụ thân là Khang vương thông gian; lại đoạt vợ của em mình làm thiếp. Rồi giết Phì Như lệnh là Dĩnh Nhân, anh em của Dĩnh Nhân dâng thư tố cáo, Chủ Phụ Yển từ triều đình đưa chuyện ấy ra ngoài. Công khanh xin giết Định Quốc, chúa thượng đồng ý. Định Quốc tự sát, nước bị phế trừ.

Tề Lệ vương Lưu Thứ Xương cũng cùng chị gái mình là Kỷ ông chủ[1] tư thông. Chủ Phụ Yển muốn dâng con gái mình cho Tề vương, mẫu thân của Tề vương là Kỷ thái hậu không đồng ý. Yển nhân đó nói với chúa thượng rằng:

- Đô thành Lâm Truy của nước Tề có ba chục vạn hộ, tô thuế ở chợ đến nghìn vàng, người đông giàu đủ, vượt quá Trường An, nếu không phải là em thân, con yêu thì không được làm Vương ở đất ấy. Tề vương hiện nay với Bệ hạ quan hệ thân thuộc đã xa, lại nghe nói Tề vương cùng chị gái mình thông gian loạn luân, xin tra xét xử trị!

---

[1] Ông chủ (翁主), là cách xưng hô đối với con gái của Vương chư hầu. Kỷ ông chủ vốn là con gái của Tề Ý vương Lưu Thọ, do có mẹ ruột mang họ Kỷ cho nên được gọi như vậy.

Vì thế Đế bái Yển làm Tướng quốc nước Tề, đồng thời tra xét việc ấy. Yển đến nước Tề, gấp rút trừng trị hoạn quan trong cung của Vương hậu, lời cung liên đới đến Tề vương; Vương lo sợ, uống thuốc độc tự sát. Yển thời trẻ du ngoại ở các nước Tề, Yên, Triệu, lúc quý hiển, liên tiếp phá hoại hai nước Yên, Tề. Triệu vương Lưu Bành Tổ sợ, dâng thư tố cáo Chủ Phụ Yển nhận vàng của chư hầu, đấy là nguyên nhân khiến con em chư hầu nhiều người được phong. Lúc Tề vương tự sát, chúa thượng nghe tin ấy, cả giận, cho là Yển bức Vương của mình lệnh phải tự sát, liền triệu Yển về giao cho quan lại xử trị. Yển thừa nhận tội nhận vàng của chư hầu, nhưng thực không bức Tề vương tự sát. Chúa thượng định không giết Yển, Công Tôn Hoằng nói:

- Tề vương tự sát, không có con, nước bị trừ thành quận sát nhập vào nhà Hán. Việc giết người diệt nước của người khác, Chủ Phụ Yển tội đứng đầu, Bệ hạ chẳng giết Yển, không lấy gì để tạ lỗi với thiên hạ.

Đế bèn diệt tộc Chủ Phụ Yển.

8. Trương Âu bị bãi chức, chúa thượng muốn dùng Liệu hầu Khổng Tang làm Ngự sử đại phu. Tang từ chối, nói:

- Nhà thần nối đời lấy việc truyền Kinh học làm nghiệp, xin được làm Thái thường, coi giữ nghiệp của nhà thần, cùng với em họ mình là Thị trung An Quốc quản lý giáo huấn của cổ nhân, khiến Nho học mãi lưu truyền hậu thế.

Chúa thượng bèn dùng Tang làm Thái thường, dùng lễ nghi đối đãi như với bậc Tam công.

Năm Nguyên Sóc thứ ba (Ất Mão – TCN 126)

1. Mùa đông, Thiền vu Hung Nô là Quân Thần chết. Em của Quân Thần là Tả Lộc Lê vương Y Trĩ Tà tự lập làm Thiền vu,

đánh bại Thái tử của Thiền vu Quân Thần là Ư Đan. Ư Đan trốn đến hàng nhà Hán.

2. Đế dùng Công Tôn Hoằng làm Ngự sử đại phu. Bấy giờ, mới khai thông đường đi Tây Nam Di, ở phía đông đặt quận Thương Hải, tại phía bắc đắp dựng quận thành Sóc Phương. Công Tôn Hoằng nhiều lần can ngăn, cho rằng Trung Quốc mỏi mệt vì cung phụng cho chỗ đất vô dụng, xin bãi bỏ việc lập quận Sóc Phương. Thiên tử sai bọn Chu Mãi Thần phản bác Hoằng, kể ra cái tiện lợi của việc đặt quận Sóc Phương, nêu ra mười điều, Hoằng không đáp được một. Hoằng bèn tạ tội rằng:

- Thần là người thô bỉ ở Sơn Đông, không biết cái tiện lợi của việc đặt quận Sóc Phương như thế, xin bãi việc ở Tây Nam Di, Thương Hải mà chuyên tâm dựng quận Sóc Phương.

Chúa thượng bèn đồng ý. Mùa xuân, tháng giêng, bãi bỏ việc đặt quận Thương Hải.

Hoằng dùng vải bố làm áo, ăn cơm không dùng hai món thịt. Cấp Ảm nói:

- Hoằng địa vị ở ngôi Tam công, nhận lộc rất nhiều, nhưng dùng áo vải bố, đấy là trá lừa người khác vậy.

Chúa thượng hỏi Hoằng, Hoằng tạ rằng:

- Có việc ấy. Trong số Cửu khanh có quan hệ tốt với thần thì không ai hơn được Ảm, nhưng hôm nay ở giữa triều đình cật vấn Hoằng, thực đúng vào chỗ kém của Hoằng. Thân phận là Tam công mà dùng vải bố làm áo, so với kẻ tiểu lại không khác biệt, đích thực là giả dối che đậy, muốn mua lấy tiếng khen, chính như Cấp Ảm nói. Vả như không có cái trung của Cấp Ảm, Bệ hạ làm sao nghe được những lời này!

Thiên tử cho là Hoằng khiêm nhường, càng tôn trọng hơn.

3. Tháng ba, đại xá thiên hạ.

4. Mùa hạ, tháng tư, ngày Bính Tý, phong Thái tử Ư Đan của Hung Nô làm Thiệp An hầu, được mấy tháng thì chết.

5. Khi trước, người Hung Nô đến hàng nói:

- Người Nguyệt Chi vốn trú ở vùng Đôn Hoàng, Kỳ Liên, là nước mạnh, Mặc Đốn người Hung Nô đánh phá họ. Thiền vu Lão Thượng giết vua của người Nguyệt Chi, dùng đầu lâu của hắn làm đồ đựng rượu. Bộ chúng người Nguyệt Chi còn lại trốn chạy đến phương xa, oán hận người Hung Nô, không có người liên hợp cùng đánh Hung Nô.

Chúa thượng mộ người có thể thông sứ với người Nguyệt Chi. Người quận Hán Trung là Trương Khiên lấy thân phận quan Lang ứng mộ, xuất phát từ Lũng Tây, đi thẳng vào đất người Hung Nô; Thiền vu bắt được Khiên, giữ Khiên lại hơn chục năm. Khiên có được cơ hội liền bỏ trốn, hướng về nước Nguyệt Chi ở phía tây chạy, mấy chục ngày, đến được nước Đại Uyển. Người nước Đại Uyển nghe nói về sự giàu có của nhà Hán, muốn thông sứ mà không được, gặp Khiên, mừng rỡ, bố trí người dẫn đường và phiên dịch tiếng giúp Khiên đến nước Khang Cư, lại nhờ người Khang Cư đưa Khiên đến nước Đại Nguyệt Chi. Thái tử của nước Đại Nguyệt Chi làm Vương, đã đánh được nước Đại Hạ, chia đất của nước ấy mà cư trú, đất đai phì nhiêu, ít bị phạm cướp, không còn có lòng báo thù người Hung Nô. Khiên lưu lại hơn một năm, rút cục chẳng biết được ý tứ của người Nguyệt Chi là thế nào, bèn trở về; men Nam Sơn mà đi, muốn từ giữa đất của người Khương quay về, lại bị người Hung Nô bắt, giữ lại hơn một năm. Đúng lúc Y Trĩ Tà xua đuổi Ư Đan, nước Hung Nô loạn ở trong, Khiên bèn cùng nô lệ của Đường Ấp thị là Cam Phủ trốn thoát về. Chúa thượng bái Khiên làm Thái trung đại phu, Cam Phủ làm Phụng sứ quân. Khiên lúc bắt đầu đi có hơn trăm người, đi mười ba năm, chỉ có hai người về được.

6. Mấy vạn quân kỵ người Hung Nô vào biên hiểm, giết Thái thú Đại Quận là Cung, cướp bắt hơn nghìn người.

7. Tháng sáu, ngày Canh Ngọ, Hoàng thái hậu băng.

8. Mùa thu, bãi việc đặt khu Tây Di, chỉ đặt một viên Đô úy ở hai huyện Nam Di, Dạ Lang, ít lâu lại sai người quận Kiến Vi tự giữ, để dốc sức đắp quận thành Sóc Phương.

9. Người Hung Nô lại xâm phạm quận Nhạn Môn, cướp giết hơn nghìn người.

10. Năm ấy, Đế lấy Trung đại phu Trương Thang làm Đình úy. Thang là người lắm mưu trá, thích dùng cơ trí thủ đoạn để khống chế người. Bấy giờ chúa thượng đang dốc lòng với Nho học, Thang tỏ vẻ kính mộ các Nho gia đại sư, thờ bọn Đổng Trọng Thư, Công Tôn Hoằng; nhậm dụng Nghê Khoan người huyện Thiên Thừa làm Tấu nghị duyện, dùng pháp lệnh và nghĩa kinh thời cổ đại xét quyết các án ngục khó quyết. Thủ pháp thẩm xét của Thang là: Nếu chúa thượng có ý muốn trị tội, Thang giao cho Giám, Sứ thẩm xét nghiêm khắc nghiệt ngã; nếu chúa thượng có ý định buông tha, Thang giao cho Giám, Sứ thẩm xét bình thường nhẹ nhàng; chúa thượng vì thế rất hài lòng. Thang đối với con em bằng hữu cũ thường chiếu cố giúp đỡ rất hậu; lại thường đến thăm hỏi các công khanh, trọng thần, chẳng ngại tiết trời nóng lạnh. Vì thế tuy Thang chấp pháp hà khắc, nội tâm đố kỵ, xử trị không công bằng, nhưng vẫn có được tiếng khen. Cấp Ảm nhiều lần đối mặt chất vấn Thang ở trước mặt chúa thượng rằng:

- Ngài là Chính khanh, trên không nêu cao được công nghiệp của tiên đế, dưới không áp chế nổi tà tâm của thiên hạ, khiến nước yên dân giàu, nhà ngục rỗng không, vì sao lại làm rối loạn ước thúc của Cao hoàng đế rồi sửa đổi pháp lệnh? Ngài làm thế sẽ mất nòi đấy!

Ảm thường cùng Thang tranh luận, Thang lúc tranh biện thì luôn chú ý đến văn điều luật lệnh, truy cầu tiểu tiết; Ảm thì ngay thẳng nghiêm túc, giữ đúng khuôn phép, nhưng không thể khuất được Thang, phát phẫn, mắng rằng:

- Thiên hạ nói kẻ thư lại dụng đao bút không thể làm công khanh, quả nhiên như vậy! Cứ theo Thang, sẽ khiến thiên hạ chồng chân lên nhau mà đứng, liếc mắt mà trông thôi!

Năm Nguyên Sóc thứ tư (Bính Thìn – TCN 125)

1. Mùa đông, xa giá của chúa thượng đến Cam Tuyền.

2. Mùa hạ, người Hung Nô xâm phạm Đại Quận, Định Tương, Thượng Quận, mỗi nơi đều có ba vạn quân kỵ, sát hại cướp bắt mấy nghìn người.

---ॐ---

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ MƯỜI MỘT]

THẾ TÔNG HIẾU VŨ HOÀNG ĐẾ

Năm Nguyên Sóc thứ năm (Đinh Tỵ – TCN 124)

1. Mùa đông, tháng mười một, ngày Ất Sửu, Tiết Trạch bị bãi chức. Lấy Công Tôn Hoằng làm Thừa tướng, phong tước Tân Bình hầu. Thừa tướng được phong hầu, là bắt đầu từ Hoằng.

Bấy giờ chúa thượng đang hưng công nghiệp, vì thế Hoằng mở cửa nách phía đông tướng phủ để chiêu vời người hiền, cùng bọn họ tham mưu nghị bàn. Mỗi khi chầu hầu tấu việc, liền nói các việc thích hợp có lợi với quốc gia, chúa thượng cũng sai bầy tôi tả hữu có văn tài cùng Hoằng biện bác tranh luận. Hoằng thường tấu rằng:

- Mười tên giặc giương nỏ, trăm viên quan chẳng dám tiến. Xin Bệ hạ cấm dân chúng không được đeo cung nỏ, là tiện.

Chúa thượng đưa ý xuống sai quan lại nghị luận. Thị trung Ngô Khâu Thọ Vương dâng tấu thư rằng:

"Thần nghe nói người xưa chế ra năm loại binh khí, không phải dùng để hại lẫn nhau, mà dùng để cấm bạo dẹp tà vậy. Nhà Tần kiêm tính thiên hạ, tiêu hủy giáp binh, bẻ gãy mũi đao; sau đấy dân chúng dùng cày, bừa, roi, gậy đánh nhau, người phạm pháp càng đông thêm, nạn đạo tặc chẳng ngăn nổi, rút cục nhà Tần vì loạn mà vong. Thế nên thánh vương đời xưa chuyên dùng giáo hóa mà giảm thiểu cấm

lệnh phòng phạm, vì biết rõ cấm lệnh phòng phạm chẳng đủ để nhờ cậy vậy. Lễ ký viết: 'Nam tử sinh, tang hồ, bồng thỉ dĩ cử chi',[1] tỏ rõ cái sự nghiệp của kẻ nam tử vậy. Lễ đại xạ,[2] từ Thiên tử đến thứ dân đều phải tuân theo, là đạo lý của thời Tam đại vậy. Ngu thần nghe thánh vương dùng 'xạ lễ' giáo hóa bách tính, chưa hề nghe nói việc cấm cung tên vậy. Vả lại cái nguyên nhân của việc cấm cung tên, là vì đạo tặc dùng cung tên vào việc đánh cướp; đánh cướp là tội phải chết, nhưng chẳng thể cấm tuyệt được, rõ ràng là lũ gian đại ác không hề né tránh trọng hình. Thần e rằng kẻ có tà tâm giấu cung tên hại người mà quan lại chẳng thể cấm chỉ, dân lành dùng cung tên tự vệ lại phạm phải phép cấm, thì đấy là giúp uy cho kẻ gian mà đoạt thứ cứu mệnh của dân vậy. Thần trộm cho rằng đấy là việc đại bất tiện."

Thư tấu lên, chúa thượng đem ý ấy căn vặn Hoằng, Hoằng chịu khuất.

Hoằng bản tính rất đố kỵ, bề ngoài khoan hòa mà trong lòng thâm hiểm; phàm là người từng hiềm khích với Hoằng, bất kể quan hệ xa gần, dẫu giả vờ thân thiện, về sau nhất định sẽ báo thù. Đổng Trọng Thư là người thanh liêm chính trực, cho rằng Hoằng a dua xu nịnh, Hoằng ghét Trọng Thư. Giao Tây vương Lưu Đoan kiêu căng buông thả, mấy lần phạm phép, giết hại rất nhiều quan Nhị thiên thạch. Hoằng bèn tiến cử Trọng Thư làm Giao Tây tướng; Trọng Thư vì mắc bệnh được miễn chức. Cấp Ảm thường chê mỉa nhà Nho, đối mặt xúc phạm Hoằng, Hoằng muốn mượn việc để giết Ảm, bèn nói với chúa thượng rằng:

- Trong phạm vi quản lý của Hữu nội sử có nhiều quý thần, tông thất, khó trị, nếu không có một trọng thần có uy vọng thì chẳng thể gánh vác được việc. Xin chuyển Ảm làm Hữu nội sử.

---

[1] "Sinh con trai, dùng gỗ dâu chế cung, lấy cỏ bồng làm tên, bắn đi bốn phương." Đại khái, người xưa khi sinh được con trai, thì làm việc này, để tỏ ý rằng nam tử có chí ở bốn phương trời (chí khí lớn lao, dựng công lập nghiệp).

[2] Thời cổ trọng võ lực, luyện bắn tên, thường cử hành lễ xạ (bắn tên). Tùy theo đẳng cấp chia thành bốn loại: Đại xạ, tân xạ, yến xạ, hương xạ, mỗi loại có quy định riêng rất nghiêm ngặt về lễ nghi, loại cung, tên, đích bắn, nhạc tiết, người phục vụ.

Chúa thượng theo lời.

2. Mùa xuân, trời đại hạn.

3. Hữu hiền vương của Hung Nô nhiều lần xâm nhiễu quận Sóc Phương. Thiên tử lệnh sai Xa kỵ tướng quân Vệ Thanh thống lĩnh ba vạn quân kỵ tiến ra Cao Khuyết, lấy Vệ úy Tô Kiến làm Du kích tướng quân, Tả nội sử Lý Trở làm Cường nỗ tướng quân, Thái bộc Công Tôn Hạ làm Kỵ tướng quân, Đại tướng Lý Thái làm Khinh xa tướng quân, cùng thuộc quyền quản lĩnh của Xa kỵ tướng quân, đều tiến ra quận Sóc Phương; lấy Đại hành Lý Tức, Ngạn Đầu hầu Trương Thứ Công làm Tướng quân, đều tiến ra quận Hữu Bắc Bình; cả thảy hơn chục vạn người, đánh Hung Nô. Hữu hiền vương cho rằng binh Hán đi xa, không đến được, uống rượu, say. Binh của bọn Vệ Thanh ra khỏi đất hiểm sáu, bảy trăm dặm, ban đêm đến nơi, bao vây Hữu hiền vương. Hữu hiền vương cả kinh, trốn trong đêm, chỉ có mấy trăm quân kỵ tinh tráng ruổi theo, phá vỡ vòng vây chạy về phía bắc. Quân Hán bắt được hơn chục tên Tì vương[1] của Hữu hiền vương, hơn một vạn năm nghìn trai gái, gần trăm vạn gia súc, liền đó dẫn binh về.

Về đến biên hiểm, Thiên tử sai sứ giả cầm ấn Đại tướng quân đến, ngay trong quân bái Vệ Thanh làm Đại tướng quân, chư tướng đều chúc mừng.

Mùa hạ, tháng tư, ngày Ất Mùi, lại ban thêm cho Thanh tám nghìn bảy trăm hộ ấp, phong ba con của Thanh là Kháng, Bất Nghi và Đăng, đều làm Liệt hầu.[2] Thanh cố từ tạ, nói:

- Thần nhờ ân được ra sức trong quân, cậy uy thần của Bệ hạ, ra quân đại thắng, đều là công lao gắng sức chiến đấu của các vị Hiệu úy vậy. Bệ hạ đã thêm hộ ấp cho thần; con của thần còn ở trong địu, chưa có công lao, chúa thượng cắt đất phong

---

[1] Tức tiểu vương của người Hung Nô vậy.

[2] Kháng làm Nghi Xuân hầu, Bất Nghi làm Âm An hầu, Đăng làm Phát Can hầu.

cho ba người tước hầu, đấy vốn không phải bản ý của thần lúc ra sức ở trong quân, khích lệ tướng sĩ gắng sức chiến đấu vậy.

Thiên tử nói:

- Ta không quên công của các vị Hiệu úy vậy.

Bèn phong Hộ quân Đô úy Công Tôn Ngao làm Hợp Kỵ hầu, Đô úy Hàn Thuyết làm Long Ngạch hầu, Công Tôn Hạ làm Nam Giáo hầu, Lý Thái làm Lạc An hầu, Hiệu úy Lý Sóc làm Thiệp Chỉ hầu, Triệu Bất Ngu làm Tùy Thành hầu, Công Tôn Nhung Nô làm Tòng Bình hầu, Lý Trở, Lý Tức và Hiệu úy Đậu Như Ý đều được ban tước Quan nội hầu.

Bấy giờ Thanh được tôn quý sủng tín, quần thần không còn ai khác được đối xử như thế, từ công khanh trở xuống đều cúi mình cung kính trước Thanh, duy có Cấp Ảm đối xử với Thanh ngang hàng. Có người bảo Ảm rằng:

- Thiên tử muốn hết thảy quần thần ở dưới Đại tướng quân, Đại tướng quân địa vị tôn quý, ngài chẳng nên không bái lạy.

Ảm nói:

- Giữ thân phận Đại tướng quân có người khách vái dài,[1] là không được tôn trọng sao?

Đại tướng quân nghe nói thế, càng khen Ảm là hiền, thường thỉnh giáo đại sự quốc gia mà triều đình khó quyết, đối xử với Ảm hơn hẳn ngày trước.

Đại tướng quân tuy địa vị quý hiển, nhưng có lúc vào cung chầu hầu, chúa thượng ngồi xổm bên mép giường mà nhìn Thanh; Thừa tướng Hoằng yết kiến, chúa thượng có lúc không đội mũ; còn như Cấp Ảm vào gặp, thấy chúa thượng không đội mũ thì không gặp. Có lần chúa thượng ngồi trong trướng võ, Ảm đến tấu việc, chúa thượng không đội mũ, trông xa thấy

---

[1] Vái dài, tức là dùng lễ với kẻ sĩ, chỉ chắp tay hành lễ chứ không quỳ lạy, đối xử ngang lễ với nhau.

Ảm, liền tránh ra sau trướng, sai người chuẩn y lời tấu. Ảm được kính lễ như thế.

4. Mùa hạ, tháng sáu, Đế hạ chiếu rằng:

"Trẫm thường nghe nói dùng lễ để dẫn dắt dân, dùng nhạc để giáo hóa phong tục. Nay lễ bại nhạc hỏng, trẫm rất lấy làm lo. Lệnh cho các quan viên phụ trách lễ giáo hãy khuyến khích bách tính học tập, chấn hưng lễ giáo, làm gương cho thiên hạ!"

Vì thế bọn Thừa tướng Hoằng tấu:

"Xin tuyển năm mươi người làm đệ tử cho quan Bác sĩ, miễn trừ thuế khóa, dao dịch cho bọn họ; sắp xếp theo thứ bậc cao thấp, để bổ sung vào các chức Lang trung, Văn học, Chưởng cố; ví như được kẻ có tài lạ, thì lập tức đề danh tiến cử; kẻ không chăm học kém tài, lập tức bãi bỏ đi. Thêm nữa, kẻ tiểu lại tinh thông từ một thứ kỹ nghệ trở lên, xin tuyển hết để bổ chức."

Chúa thượng theo lời ấy. Từ đấy công khanh, đại phu, quan viên, tiểu lại đều văn nhã có lễ, đa phần là kẻ sĩ có học vấn.

5. Mùa thu, một vạn quân kỵ Hung Nô xâm phạm Đại Quận, giết Đô úy Chu Anh, cướp hơn nghìn người.

6. Khi trước, Hoài Nam vương Lưu An ham đọc sách, viết văn chương, thích mua danh lập tiếng, chiêu vời mấy nghìn tân khách và những kẻ sĩ có phương thuật. Quần thần, tân khách của Hoài Nam vương đa phần là kẻ sĩ khinh bạc của vùng Giang, Hoài, thường đem việc Lệ vương bị lưu đày, chết ở trên đường để kích động An.[1] Năm Kiến Nguyên thứ sáu, sao chổi xuất hiện, có người khuyên Vương rằng:

- Trước kia lúc quân Ngô khởi binh, sao chổi xuất hiện, dài có mấy thước, mà còn lưu huyết nghìn dặm. Nay sao chổi kéo ngang trời, e là thiên hạ sắp đại khởi binh.

---

[1] Việc Hoài Nam vương Lưu Trường bị lưu đày chết, đã nói ở sự kiện năm Tiền Nguyên thứ sáu, đời Hán Văn đế.

Lưu An cho là đúng, bèn khẩn trương chế tạo chiến cụ, tích lũy tiền vàng.

Lang trung Lôi Bị đắc tội với Thái tử Thiên,[1] bấy giờ Đế ban chiếu thư, ai muốn tòng quân thì đến Trường An, Bị lập tức bày tỏ ý nguyện xin đi đánh Hung Nô. Thái tử nói xấu Bị với Vương, khiến Vương chỉ lỗi cách chức Bị, để ngăn cấm người sau bắt chước theo việc lỗi. Năm ấy, Bị trốn đến Trường An, dâng thư tự minh oan. Đế giao việc xuống cho Đình úy xử trị, việc liên lụy đến Hoài Nam vương, công khanh xin bắt trị tội Vương. Thái tử Thiên bàn mưu sai người mặc y phục Vệ sĩ, cầm kích ở bên cạnh Vương, nếu như sứ giả nhà Hán có ý bất thường thì lập tức đâm chết sứ giả, liền đó phát binh làm phản. Thiên tử sai Trung úy Hoành đến tra hỏi Vương, Vương nhìn kỹ thấy thần sắc Trung úy ôn hòa, bèn không phát binh.

Công khanh tấu:

- An lấp cái chí của người xin đi đánh Hung Nô, ngăn trở minh chiếu, đáng chém bỏ thây ngoài chợ.

Đế hạ chiếu tước bớt hai huyện của An. Sau việc đấy, An tự thương cảm oán hận nói:

- Ta thi hành nhân nghĩa, lại bị tước đất

Vì việc đó thẹn nhục, nên mưu đồ làm phản càng nặng.

An cùng Hành Sơn vương Lưu Tứ chỉ trích oán trách nhau, lễ tiết chẳng dung hòa. Hành Sơn vương nghe nói Hoài Nam vương mưu phản nghịch, sợ bị An thôn tính, cũng kết giao tân khách, chuẩn bị vũ khí, cho là sau khi Hoài Nam vương tây tiến, mình có thể phát binh bình định vùng Giang, Hoài mà chiếm chỗ ấy. Vương hậu của Hành Sơn vương lại gièm pha Thái tử Lưu Sảng với Vương, muốn phế Sảng mà lập em của

---

[1] Lôi Bị giỏi đánh kiếm, Lưu Thiên học kiếm thuật, tự phụ không ai bằng mình, ép Lôi Bị tỉ thí, rút cục Thái tử bị Lôi Bị đâm trúng, cho nên đắc tội.

Sảng là Hiếu. Vương liền tù cấm Thái tử rồi đem ấn của Vương đeo cho Hiếu, lệnh sai chiêu vời tân khách. Tân khách đến ngầm biết rằng Hoài Nam vương và Hành Sơn vương có kế phản nghịch, liền đêm ngày khuyên Lưu Tứ khởi sự. Vương bèn sai tân khách của Hiếu là Mai Hách, Trần Hỉ người huyện Giang Đô chế tạo chiến xa, tên sắt, khắc ấn tỉ của thiên tử và ấn tín của quan viên văn võ. Mùa thu, Hành Sơn vương theo lệ về kinh đô triều kiến, đi qua nước Hoài Nam; Hoài Nam vương bèn dùng tình thân huynh đệ nói chuyện, trừ bỏ hiềm khích lúc trước, ước hẹn cùng phản lại triều đình. Hành Sơn vương lập tức dâng thư về triều tạ rằng có bệnh, chúa thượng ban thư đồng ý cho Tứ không phải về chầu.

Năm Nguyên Sóc thứ sáu (Mậu Ngọ – TCN 123)

1. Mùa xuân, tháng hai, Đại tướng quân Vệ Thanh ra quận Định Tương, đánh Hung Nô; Đế lấy Hợp Kỵ hầu Công Tôn Ngao làm Trung tướng quân, Thái bộc Công Tôn Hạ làm Tả tướng quân, Hấp hầu Triệu Tín làm Tiền tướng quân, Vệ úy Tô Kiến làm Hữu tướng quân, Lang trung lệnh Lý Quảng làm Hậu tướng quân, Tả nội sử Lý Trở làm Cường nỗ tướng quân, đều thuộc quyền thống lĩnh của Đại tướng quân; chém mấy nghìn đầu giặc rồi về, nghỉ binh dưỡng mã ở quận Định Tương, Vân Trung, Nhạn Môn.

2. Đại xá thiên hạ.

3. Mùa hạ, tháng tư, Vệ Thanh lại thống lĩnh sáu vị tướng quân tiến ra Định Tương, đánh Hung Nô, chém hơn vạn đầu giặc rợ. Hữu tướng quân Tô Kiến, Tiền tướng quân Triệu Tín hợp hơn ba nghìn quân kỵ đơn độc gặp binh của Thiền vu, cùng địch giao chiến hơn một ngày, binh Hán thương vong gần hết. Tín vốn là Tiểu vương người Hồ, hàng nhà Hán, nhà Hán phong làm Hấp hầu, lúc bại trận, Hung Nô dụ Tín, Tín bèn đem

hơn tám trăm quân bản bộ mà mình thống lĩnh theo hàng Hung Nô. Tô Kiến toàn quân bị diệt hết, chỉ thoát được thân mình, tự quay về chỗ Đại tướng quân.

Nghị lang Chu Bá nói:

- Từ khi Đại tướng quân xuất binh, chưa từng chém một vị Tì tướng. Nay Kiến vứt bỏ quân, nên chém, để tỏ rõ cái uy của tướng quân.

Quân chính Hoành, Trưởng sử An nói:

- Không đúng. *Binh pháp* nói: "Tiểu địch chi kiên, đại địch chi cầm dã."[1] Nay Kiến đem mấy nghìn người chống mấy vạn quân của Thiền vu, ra sức đánh hơn một ngày, quân sĩ hết, không dám hai lòng, tự quay về, mà chém Kiến, là tỏ rõ rằng người sau nếu có thua trận thì không quay về được, chẳng nên chém vậy.

Đại tướng quân nói:

- Thanh này may nhờ là thân thích của chúa thượng, thống lĩnh đại quân, chẳng lo không có uy quyền, mà Bá khuyên ta dựng lập uy tín, là rất lỗi với bổn phận của kẻ thần tử. Vả lại kẻ giữ phận bầy tôi dẫu có quyền chém tướng, nhưng thần là đại thần được quý sủng, ta vẫn chẳng dám thiện tiện giết tướng ở ngoài cõi, nên đem toàn bộ việc này báo lên Thiên tử, Thiên tử tự quyết định việc đó, làm thế là tỏ rõ được rằng bậc nhân thần chẳng dám chuyên quyền, chẳng cũng nên sao?

Quân lại đều nói: "Hay!"

Bèn giam tù Kiến đưa đến dinh sở chỗ Đế tuần hành.

Khi trước, Huyện lại huyện Bình Dương là Hoắc Trọng Nhụ làm việc trong nhà Bình Dương hầu, tư thông với chị gái của Thanh là Vệ Thiếu Nhi, sinh ra Hoắc Khứ Bệnh. Khứ Bệnh mười

---

[1] Bên quân ít dù kiên cường chiến đấu đến mấy, rốt cuộc vẫn bị bên quân nhiều cầm bắt vậy.

tám tuổi, làm Thị trung, khéo cưỡi ngựa bắn tên. Trong lần thứ hai đi theo Đại tướng quân đánh Hung Nô, làm Phiêu diêu Hiệu úy, cùng tám trăm quân khinh kỵ dũng mãnh, đi cách xa đại quân mấy trăm dặm tìm lợi, chém và bắt giặc nhiều hơn số bị tổn thất. Vì thế Thiên tử hạ chiếu:

"Phiêu diêu Hiệu úy Khứ Bệnh, chém hơn hai nghìn đầu giặc, bắt Tướng quốc và Đương hộ, chém đại phụ hàng[1] của Thiền vu là Tạ Nhược hầu Sản, bắt sống quý phụ[2] La Cô của Thiền vu, chiến công đứng đầu trong quân, nay phong Khứ Bệnh làm Quán Quân hầu. Thái thú Thượng Cốc là Hác Hiên bốn lần đi theo Đại tướng quân ra trận, bắt chém hơn hai nghìn đầu giặc rợ, nay phong Hiên làm Chúng Lợi hầu."

Năm ấy, tổn thất hai vị tướng quân, mất Hấp hầu, quân công không nhiều, cho nên Đại tướng quân không được thêm ấp phong, chỉ ban cho nghìn cân vàng. Hữu tướng quân Kiến bị giải đến, Thiên tử không giết, đem tiền chuộc tội làm thứ dân.

Thiền vu sau khi có được Hấp hầu, cho làm Tự Thứ vương[3], đem chị gái của mình gả cho, cùng mưu đánh Hán, Tín dạy Thiền vu lên bắc xuyên đại mạc, để dẫn dụ khiến quân Hán lao nhọc, rình lúc quân Hán mỏi mệt cực độ thì đánh lấy, không đến gần biên hiểm. Thiền vu theo kế ấy.

Bấy giờ, Hán triều hàng năm điều phát hơn chục vạn người đi đánh rợ Hung Nô, tướng sĩ bắt chém đầu giặc rợ được ban thưởng hơn hai mươi vạn cân vàng, nhưng binh mã và sĩ tốt quân Hán chết hơn chục vạn, phí tổn binh giáp, chuyển chở chẳng thể tính xuể. Vì thế phủ khố của Đại tư nông dốc kiệt, chẳng đủ để cung ứng cho chiến sĩ. Tháng sáu, Đế hạ chiếu lệnh cho dân được phép xuất tiền mua tước và chuộc cấm cố, nộp

---

[1] Đại phụ hàng (大父行), tức người cùng hàng ông nội.

[2] Quý phụ (季父), tức chú ruột.

[3] Tự Thứ vương (自次王) ức là tước Vương được tôn trọng chỉ dưới Thiền vu.

tiền miễn trừ tội tham ô. Đặt "thưởng quan", gọi là "Vũ công tước"[1], cấp thứ nhất nộp mười bảy vạn tiền, lên cấp thì tăng tiền nộp, tổng cộng số tiền bán tước được hơn ba mươi vạn cân vàng. Người mua tước Vũ công đến hàng Thiên phu, được ưu tiên bổ làm quan lại. Từ đấy con đường đi đến chức quan phức tạp lại lắm cách, quan chức hỗn loạn mất giá trị.

Năm Nguyên Thú nguyên niên (Kỷ Mùi – TCN 122)

1. Mùa đông, tháng mười, chúa thượng tuần hành đến đất Ung, tế tự ở Ngũ Chỉ, bắt được con thú một sừng mà chân có năm móng. Hữu ti nói:

- Bệ hạ cung kính tế giao, Thượng đế đáp lại, ban cho con thú một sừng, có lẽ là Kỳ lân vậy.

Vì thế đem thú một sừng vào hiến tế ở Ngũ Chỉ, mỗi đàn tế thiêu thêm một bò. Hồi lâu, Hữu ti nói:

- Niên hiệu mới nên dùng điềm lành trời giáng để định tên, không nên dùng số mục một, hai, niên hiệu thứ nhất xưng là "Kiến", niên hiệu thứ hai vì có sao dài xuất hiện nên xưng là "Quang", niên hiệu hiện nay vì lúc tế giao bắt được thú một sừng nên ứng xưng là "Thú".[2]

Thời ấy, Tế Bắc vương cho là Thiên tử sắp phong thiện, dâng thư hiến đất Thái Sơn và các ấp lân cận;[3] Thiên tử đem các huyện khác đền cho.

---

[1] Vũ công tước bao gồm mười một cấp, lần lượt là: Tạo sĩ (造士), Nhàn dư vệ (闲舆卫), Lương sĩ (良士), Nguyên nhung sĩ (元戎士), Quan thủ (官首), Bình đạc (秉铎), Thiên phu (千夫), Nhạc khanh (乐卿), Chấp nhung (执戎), Chính lệ thứ trưởng (政戾庶长), Quân vệ (军卫)

[2] Đại để ứng với các niên hiệu Kiến Nguyên, Nguyên Quang, Nguyên Thú.

[3] Vì làm lễ phong thiện ở Thái Sơn, Thái Sơn là đất thuộc quyền của Tế Bắc vương, vì thế Tế Bắc vương tự nguyện dâng đất ấy cho Thiên tử.

2. Hoài Nam vương Lưu An cùng tân khách là bọn Tả Ngô đêm ngày lập mưu phản, xét dư địa đồ, sắp xếp đường tiến binh. Các sứ giả An phái đến Trường An trở về, nói xằng rằng: "Chúa thượng không có con trai, Hán triều không yên", thì mừng; nếu ai nói: "Hán triều thịnh trị, chúa thượng có con trai", Vương giận, cho là nói bừa.

Hoài Nam vương triệu Trung lang là Ngũ Bị cùng mưu việc phản, Bị nói:

- Sao Vương lại nói được những lời vong quốc ấy? Thần thấy trong cung cỏ gai mọc tốt, vạt áo ướt đẫm sương mai vậy![1]

Vương giận, bắt cha mẹ của Ngũ Bị, cầm tù họ.

Tháng ba, lại triệu Bị đến hỏi, Bị nói:

- Xưa kia triều Tần làm việc vô đạo, xa xỉ bạo ngược cùng cực, bách tính mười nhà thì sáu bảy nhà nghĩ đến cảnh loạn. Cao hoàng đế quật khởi giữa chốn hàng trận, tự lập làm Thiên tử, đấy gọi là lợi dụng khuyết điểm của đối phương nắm lấy thời cơ, nhân lúc triều Tần băng lở mà hành động vậy. Nay đại vương thấy Cao hoàng đế lấy được thiên hạ dễ, chẳng xét đến việc của Ngô, Sở[2] thời gần đây sao? Ngô vương có bốn quận, nước giàu dân đông, kế định mưu thành, cử binh sang tây; nhưng bị phá ở Đại Lương, trốn chạy về đông, thân chết tuyệt tế tự. Đấy thực là trái đạo trời, chẳng biết thời thế vậy. Binh lính của đại vương hiện nay chẳng đông bằng một phần mười của Ngô, Sở, thiên hạ yên ổn hơn gấp vạn lần so với thời Ngô, Sở. Đại vương chẳng theo kế của thần, thần đã thấy đại vương vứt bỏ ngôi vương nghìn thặng, ban thư tuyệt mệnh, chịu chết trước quần thần ở Đông cung[3] vậy.

---

[1] Ý nói nước sắp bị diệt, kinh đô thành bãi hoang, cỏ dại mọc um tùm.

[2] Chỉ việc bảy nước Ngô, Sở làm loạn. Xem sự kiện ở quyển mười lăm, sự kiện năm Tiền Nguyên thứ ba, đời Hán Cảnh đế.

[3] Ở đây trỏ nơi ở của Hoài Nam vương vậy.

Vương rơi nước mắt mà đứng dậy.

Vương có người con dòng thứ là Lưu Bất Hại, lớn tuổi nhất, Vương không yêu mến, Vương hậu không coi Bất Hại là con, Thái tử không xem Bất Hại là anh. Bất Hại có người con tên Kiến, tài cao lại có khí phách, thường oán hận Thái tử, ngầm sai người tố cáo việc Thái tử mưu giết quan Trung úy của Hán triều, Đế đem việc giao xuống cho Đình úy xử trí.

Vương lo lắng, muốn cử binh, lại hỏi Ngũ Bị rằng:

- Ngài cho rằng Ngô vương[1] hưng binh, là đúng hay sai?

Bị nói:

- Sai vậy. Thần nghe nói về sau Ngô vương rất hối hận, mong Vương không gặp cảnh ngộ hối hận như Ngô vương.

Vương nói:

- Ngô vương đâu hiểu thuật tạo phản! Để một ngày hơn bốn chục tướng của nhà Hán đi qua Thành Cao; nay ta cắt đứt đường qua Thành Cao, giữ cái hiểm của Tam Xuyên,[2] chiêu vời binh vùng Sơn Đông, cử sự như thế, Tả Ngô, Triệu Hiền, Chu Kiêu đều cho là việc mười phần thành đến chín, chỉ có ngài cho là có họa không có phúc, là sao? Nếu nhất định như lời ngài nói, ta chẳng có chút cơ may nào sao?

Bị nói:

- Nếu bất đắc dĩ phải phản, Bị có ngu kế. Hiện nay chư hầu không nước nào hai lòng, bách tính không ai có khí oán, đại vương nên vờ làm tấu chương của Thừa tướng, Ngự sử, xin dời các hào kiệt và những hộ giàu có của các quận, quốc đến Sóc Phương, phát binh giáp sai họ tập hợp khẩn trương theo kỳ hạn; lại vờ làm Chiếu ngục thư,[3] lùng bắt các Thái tử và sủng thần của vua chư hầu; như thế thì dân oán, chư hầu sợ, sau đấy

---

[1] Tức hỏi việc Ngô vương Lưu Tỵ thời loạn thất quốc đời Hán Cảnh đế vậy.

[2] Tam Xuyên là nói chỗ giao lưu của ba con sông Y, Lạc, Hoàng Hà.

[3] Chiếu ngục thư, là chiếu thư của Hoàng đế sai Hữu ti bắt tội nhân giam vào ngục.

đại vương sai biện sĩ đi du thuyết các nơi, họa chăng mới có được một phần mười hy vọng!

Vương nói:

- Kế ấy có thể dùng. Tuy nhiên, ta cho là không đến nỗi phải làm thế.

Thế rồi Vương bèn chế ấn tỉ của Hoàng đế, ấn tín của Thừa tướng, Ngự sử đại phu, Tướng quân, Quân lại, quan Trung nhị thiên thạch và ấn của Thái thú, Đô úy các quận lân cận, chế phù tiết của sứ thần Hán triều. Lại chuẩn bị phái người giả làm kẻ phạm tội trốn sang tây, đến phụng sự Đại tướng quân, chờ ngày phát binh, lập tức đâm chết Đại tướng quân. Còn nói:

- Đại thần của Hán triều, chỉ có Cấp Ảm ưa can gián thẳng, thủ tiết chết vì nghĩa, khó dùng lời trái để mê hoặc, còn như việc du thuyết bọn Thừa tướng Hoằng, chỉ như rung tán cây mà lá rụng thôi!

Hoài Nam vương muốn phát binh trong nước, nhưng sợ Tướng quốc và các quan Nhị thiên thạch không nghe, Vương bèn cùng Ngũ Bị bàn mưu, giết Tướng quốc và các quan Nhị thiên thạch trước. Lại chuẩn bị sai người mặc y phục của kẻ đi lùng bắt đạo tặc, cầm vũ hịch từ phương đông chạy đến, hô rằng: "Binh Nam Việt xâm phạm biên giới!" Muốn nhân đấy mượn cớ phát binh.

Gặp đúng lúc quan Đình úy của Hán triều đến bắt Thái tử nước Hoài Nam, Hoài Nam vương nghe tin ấy, cùng Thái tử bàn mưu, triệu Tướng quốc và các quan Nhị thiên thạch đến, muốn giết họ rồi phát binh. Triệu Tướng quốc, Tướng quốc đến, quan Nội sử và Trung úy đều không đến. Vương nghĩ, chỉ giết Tướng quốc, là vô ích, lập tức đuổi Tướng quốc ra. Vương do dự, kế chưa quyết. Thái tử lập tức đâm cổ tự sát, không chết.

Ngũ Bị tự đến chỗ Đình úy, báo rằng mình cùng Hoài Nam vương mưu phản tình tiết thế nào. Đình úy nhân đó bắt Thái

tử, Vương hậu, bao vây cung điện của Vương, lùng bắt hết các tân khách trong nước giúp Hoài Nam vương mưu phản, tìm được hết chứng cứ, tấu báo lên. Chúa thượng giao xuống cho công khanh trị tội bè đảng của Vương, sai Tông chính cầm phù tiết đến trị tội Vương. Chưa đến nơi, Hoài Nam vương tự cắt cổ chết, Vương hậu Đồ và Thái tử Thiên bị giết, những người cùng mưu phản đều bị diệt tộc.

Thiên tử cho rằng Ngũ Bị thường nói lời trung, nhiều lần ca tụng cái cao đẹp của Hán triều, định không giết Bị. Đình úy Thang nói:

- Bị cầm đầu giúp Hoài Nam vương vạch kế phản, tội chẳng thể tha miễn.

Đế bèn giết Ngũ Bị. Thị trung Trang Trợ vốn cùng Hoài Nam vương giao kết với nhau, từng nghị luận việc riêng, Vương gửi biếu Trợ nhiều của cải; chúa thượng cho rằng tội của Trợ nhẹ, muốn không giết. Trương Thang tranh biện, cho rằng:

- Trợ ra vào nơi cung cấm, là bầy tôi tâm phúc, mà bên ngoài cùng chư hầu giao kết riêng như thế; không giết, ngày sau chẳng thể chỉnh trị được thần tử.

Trợ rút cục bị chém vứt xác ngoài chợ.

Hành Sơn vương dâng thư, xin phế Thái tử Sảng, lập em của Sảng là Hiếu làm Thái tử. Sảng nghe tin, lập tức phái người thân tín của mình là Bạch Doanh đến Trường An dâng thư, nói "Hiếu chế tác chiến xa, tên sắt, lại cùng người thiếp của phụ thân thông gian", muốn trừ bỏ Hiếu. Đúng lúc Hữu ti lùng bắt người dự mưu phản với Hoài Nam vương, bắt được Trần Hỉ ở trong nhà con của Hành Sơn vương là Hiếu, quan lại hặc tội Hiếu cầm đầu việc chứa chấp Hỉ. Hiếu nghe nói "Theo luật: Tự thú tội trước, được miễn trừ tội lỗi", lập tức tự trình báo trước việc mình cùng bọn Trần Hỉ, Mai Hách mưu phản. Công khanh xin bắt Hành Sơn vương trị tội, Vương tự đâm cổ chết. Vương hậu

Từ Lai, Thái tử Sảng và Hiếu đều bị chém bỏ thây ngoài chợ, những kẻ cùng dự mưu phản đều bị diệt tộc.

Tính ra, hai án ngục Hoài Nam vương và Hành Sơn vương mưu phản, các Liệt hầu, Nhị thiên thạch và hào kiệt liên lụy bị xử tử, chết đến mấy vạn người.

3. Mùa hạ, tháng tư, đại xá thiên hạ.

4. Ngày Đinh Mão, lập Hoàng tử Lưu Cứ làm Thái tử, bấy giờ mới bảy tuổi.

5. Tháng năm, ngày Ất Tỵ là ngày hối, có nhật thực.

6. Một vạn quân Hung Nô xâm nhập quận Thượng Cốc, giết mấy trăm người.

7. Khi trước, Trương Khiên từ nước Nguyệt Chi quay về,[1] kể đầy đủ hết với Thiên tử, nói về phong thổ và thói tục của các nước Tây Vực rằng:

- Nước Đại Uyển ở phía chính tây của nước Hán, cách chừng vạn dặm. Phong tục người nước ấy bám đất định cư, cày cấy gieo trồng; nước ấy lắm ngựa tốt, mồ hôi ngựa đỏ như máu[2]; có thành quách, phòng ốc, giống như ở Trung Quốc. Phía đông bắc nước ấy có nước Ô Tôn, phía đông có nước Vu Điền. Từ nước Vu Điền về tây, thì sông đều chảy theo hướng tây đổ ra bể Tây, phía đông nước ấy, dòng nước đều chảy về đông đổ vào Diêm Trạch[3]. Sông ở vùng Diêm Trạch chảy ngầm dưới đất, xuôi về nam thành đầu nguồn sông Hoàng Hà. Diêm Trạch cách Trường An chừng năm nghìn dặm. Người Hung Nô chiếm ở từ Diêm Trạch về phía đông, đến Trường Thành của Lũng Tây, phía nam tiếp giáp với đất của người Khương, ngăn cách nhà Hán với Tây Vực. Các nước Ô Tôn, Khang Cư, Yểm Thái, Đại

---

[1] Việc nói ở Hán kỷ, quyển 10, sự kiện năm Nguyên Sóc thứ ba.

[2] Hãn huyết mã.

[3] Theo *Hán thư - Tây Vực truyện*, Diêm Trạch (đầm muối) còn được gọi là biển Bồ Xương.

Nguyệt Chi, đều là hành quốc[1], theo đàn gia súc chăn thả, giống với tập tục của người Hung Nô. Nước Đại Hạ ở phía tây nam nước Đại Uyển, giống với tập tục của nước Đại Uyển. Thần lúc ở nước Đại Hạ, thấy cây gậy trúc xuất ra ở núi Cung[2] và vải bố xuất ra ở đất Thục, hỏi rằng: "Sao có được thứ này?" Người nước Đại Hạ nói: "Người đi buôn nước ta mua từ chợ nước Thân Độc." Nước Thân Độc ở phía đông nam nước Đại Hạ cách chừng mấy nghìn dặm, tập tục nước ấy bám đất định cư, giống với nước Đại Hạ. Như Khiên này tính xét, nước Đại Hạ cách nước Hán một vạn hai nghìn dặm, ở phía tây nam của nước Hán; mà nước Thân Độc lại cách phía đông nam nước Đại Hạ mấy nghìn dặm, có sản vật đất Thục, nước ấy cách đất Thục không xa lắm. Nay sứ giả của ta đến nước Đại Hạ, vào trong đất người Khương, đường hiểm, người Khương ghét; nếu đi vòng lên bắc, thì rơi vào tay người Hung Nô; theo đường đất Thục, đường thẳng thích hợp, lại không có giặc cướp.

Thiên tử nghe nói nước Đại Uyển và các nước Đại Hạ, An Tức, đều là nước lớn, lắm sản vật lạ, dân chúng bám đất định cư, nghề nghiệp gần giống với Trung Quốc, nhưng binh yếu, quý tài vật của nhà Hán. Mặt bắc có các nước Đại Nguyệt Chi, Khang Cư, binh mạnh, nhưng có thể dùng của cải hối lộ, dùng lợi dụ dỗ họ. Nếu dùng nghĩa khiến họ quy phục được thì mở đất vạn dặm, phương xa chín lần dịch tiếng đến chầu, nước khác tục theo về, uy đức lan rộng bốn bể. Đế hớn hở cho là lời của Khiên đúng, bèn lệnh sai Khiên thông qua Thục Quận, Kiền Vi phái bọn Vương Nhiên Vu làm sứ giả tìm đường, chia bốn hướng cùng khởi hành, theo hướng Mang, Nhiễm, Tư và Cung Bặc, mong tìm được nước Thân Độc. Các hướng đều đi một nghìn

---

[1] Hành quốc (行国), ý nói các quốc gia này dời chuyển bất thường, đi theo đàn gia súc chăn thả, không dựng thành quách, đại khái là dân du mục.

[2] Núi Cung (邛), thuộc đất Thục, xứ ấy có loại trúc tốt, đốt cao, ống đặc, dùng làm gậy được.

hai trăm dặm, đường hướng bắc bị ngăn trở ở Đê, Tạc, đường hướng nam bị ngăn trở ở Huề, Côn Minh. Một dải Côn Minh không có Quân trưởng, lắm giặc cướp, thường cướp giết sứ giả của nhà Hán, rút cục chẳng đi qua được. Lần ấy vì sứ giả Hán triều tìm đường đến nước Thân Độc, mới bắt đầu thông đường đến nước Điền. Điền vương là Đương Khương hỏi sứ giả nhà Hán rằng:

- Nước Hán so với nước ta thì nước nào lớn hơn?

Rồi Dạ Lang hầu cũng hỏi như thế. Là vì đường đất không thông, nên họ đều tự cho rằng mình là chúa một châu, chẳng biết đến cái rộng lớn của nhà Hán. Sứ giả trở về, nhân đó ra sức nói nước Điền là nước lớn, đáng để thân thiết; Thiên tử cũng để ý đến nước ấy, bèn lại mưu tính việc thông đường đến xứ Tây Nam Di.[1]

Năm Nguyên Thú thứ hai (Canh Thân – TCN 121)

1. Mùa đông, tháng mười, chúa thượng tuần hành đến đất Ung, tế tự ở Ngũ Chỉ.

2. Tháng ba, ngày Mậu Dần, Bình Tân Hiến hầu Công Tôn Hoằng hoằng. Ngày Nhâm Thìn, lấy Ngự sử đại phu Lạc An hầu Lý Thái làm Thừa tướng, Đình úy Trương Thang làm Ngự sử đại phu.

3. Đế phong Hoắc Khứ Bệnh làm Phiêu kỵ tướng quân[2], lĩnh một vạn quân kỵ tiến ra Lũng Tây, đánh Hung Nô, đi qua năm nước, đánh vòng quanh sáu ngày, vượt qua núi Yên Chi hơn nghìn dặm, giết Chiết Lan vương, chém Lô Hầu vương, cầm bắt Vương tử cùng Tướng quốc, Đô úy của Hồn Gia vương,

[1] Năm Nguyên Sóc thứ ba, đã bãi việc thông đường đến Tây Nam Di, đến đây lại tính việc thông đường tới đó.

[2] Chức Phiêu kỵ tướng quân bắt đầu có từ đây.

chém hơn tám nghìn chín trăm đầu giặc rợ, đoạt được người vàng tế trời của Hưu Đồ vương. Đế hạ chiếu phong cho Khứ Bệnh hai nghìn hộ.

Mùa hạ, Khứ Bệnh lại cùng Hợp Kỵ hầu Công Tôn Ngao suất lĩnh mấy vạn quân kỵ cùng tiến ra quận Bắc Địa, đi khác đường. Vệ úy Trương Khiên, Lang trung lệnh Lý Quảng cùng tiến ra quận Hữu Bắc Bình, đi khác đường. Quảng thống suất bốn nghìn quân kỵ đi tiên phong, cách đại quân mấy trăm dặm, Khiên đem một vạn quân kỵ đi sau. Tả hiền vương của Hung Nô đem bốn vạn quân kỵ vây Quảng. Quân sĩ của Quảng đều hoảng sợ; Quảng bèn sai con mình là Cảm một mình cùng mấy chục quân kỵ ruổi thẳng vào chỗ quân kỵ người Hồ, Cảm xông xáo bên phải bên trái rồi quay về, báo với Quảng rằng: "Rợ Hồ dễ đối phó thôi!" Quân sĩ mới yên.

Quảng bày trận thành vòng tròn, hướng ra ngoài. Quân Hồ đánh gấp vào trận, tên bay như mưa, binh Hán chết quá nửa, tên của quân Hán gần hết. Quảng bèn lệnh cho quân sĩ cứ giương cung nhưng không bắn, rồi Quảng tự thân dùng nỏ Đại hoàng[1] bắn tỳ tướng của giặc, giết mấy người, rợ Hồ nản dần. Đến lúc chiều muộn, tướng sĩ đều thất sắc, nhưng Quảng ý khí vẫn như thường, đốc trận càng hăng hái. Trong quân đều phục cái dũng của Quảng.

Hôm sau, lại ra sức đánh, người chết quá nửa, số địch bị giết nhiều hơn quân Hán bị tổn thất. Đúng lúc quân của Bác Vọng hầu[2] cũng đến, quân Hung Nô bèn giải vây bỏ đi. Quân Hán mệt, không truy đuổi được, bãi binh trở về.

Theo phép tắc nhà Hán: Bác Vọng hầu dùng dằng đến sau kỳ hẹn, đáng phải chém, nhưng cho chuộc tội làm thứ dân. Quân

---

[1] Đại khái là một loại nỏ lớn vậy.

[2] Tức Trương Khiên vậy. Trương Khiên theo Đại tướng quân đi đánh Hung Nô, biết chỗ có nước và cỏ, quân mã không bị thiếu đói, được phong tước Bác Vọng hầu.

của Quảng công tội ngang nhau, không được thưởng. Còn Phiêu kỵ tướng quân Hoắc Khứ Bệnh vào sâu đất Hung Nô hơn hai nghìn dặm, cùng Hợp Kỵ hầu lạc nhau, không hội được quân. Phiêu kỵ tướng quân vượt đầm Cư Diên, qua nước Tiểu Nguyệt Chi,[1] đến tận núi Kì Liên, bắt được Đan Hoàn vương và Tù Đồ vương. Tướng quốc và Đô úy của họ đem hai nghìn năm trăm bộ chúng đến hàng, chém được ba vạn hai trăm đầu giặc rợ, bắt sống hơn bảy mươi Tì tiểu vương. Thiên tử phong cho Khứ Bệnh năm nghìn hộ, phong cho tì tướng có công của Khứ Bệnh là Ưng kích tư mã Triệu Phá Nô làm Tòng Phiêu hầu[2], Hiệu úy Cao Bất Thức làm Nghi Quan hầu, Hiệu úy Phó Đa làm Huy Cừ hầu. Hợp Kỵ hầu Ngao mắc tội nửa đường tiến binh dùng dằng, không cùng Phiêu kỵ hội quân, đáng chém, cho chuộc tội làm thứ dân.

Bấy giờ binh khí và trang bị binh mã của các tướng lĩnh lão luyện không so được với Phiêu kỵ, binh sĩ thủ hạ của Phiêu kỵ thường qua tuyển chọn; nhưng Phiêu kỵ cũng đích xác dám quân cô thâm nhập, thường cùng quân kỵ tráng kiện tiến trước đại quân, quân đội cũng được trời giúp, chưa từng lâm cảnh khốn đốn tuyệt vọng vậy. Còn các tướng lão luyện thường dùng dằng trì hoãn cho nên không lập được công, bởi thế Phiêu kỵ ngày càng được thân gần quý hiển, gần bằng với Đại tướng quân.

Người Hung Nô lại vào xâm phạm Đại Quận, Nhạn Môn, cướp giết mấy trăm người.

4. Giang Đô vương Lưu Kiến cùng Náo Cơ - là thiếp yêu của Dịch vương Lưu Phi, cha của Kiến – và em gái là Chinh Thần thông gian. Kiến đi Lôi Pha du ngoạn, trời nổi gió lớn, Kiến sai hai quan Lang cưỡi thuyền nhỏ vào giữa hồ, thuyền lật, hai

---

[1] Người Hung Nô phá nước Đại Nguyệt Chi, người Nguyệt Chi sang tây đánh nước Đại Hạ chiếm đất, thu phục họ, một bộ phận người Nguyệt Chi lui giữ Nam Sơn, lấy hiệu là nước Tiểu Nguyệt Chi.

[2] Tòng phiêu, tức là đi theo Phiêu kỵ, vì thế lấy nghĩa đó làm hiệu.

quan Lang rơi xuống nước, bám vào thuyền, lúc chìm lúc nổi; Kiến nhìn xem cười lớn, lệnh không được cứu, hai người đều chết. Kiến chuyên làm việc hoang dâm bạo ngược, kẻ vô tội bị giết cả thảy là ba mươi lăm người. Kiến tự biết mình lắm tội, sợ bị giết, liền cùng Vương hậu của mình là Thành Quang sai tì nữ người Việt thỉnh xin thần linh giáng hạ, nhân đó nguyền rủa chúa thượng. Lại nghe nói Hoài Nam vương, Hành Sơn vương ngầm mưu phản, Kiến cũng chế tác binh khí, khắc ấn tỉ Hoàng đế, chuẩn bị phản, việc bị phát giác, Hữu ti xin bắt giết; Kiến tự sát, bọn Vương hậu Thành Quang đều bị chém vứt xác ngoài chợ, nước phong bị xóa.

5. Giao Đông Khang vương Lưu Ký hoăng.

6. Mùa thu, Hồn Gia vương của người Hung Nô đến hàng. Bấy giờ, Hồn Gia vương và Hưu Đồ vương trú ở phương tây bị quân Hán bắt giết mấy vạn người, Thiền vu giận, muốn triệu họ đến giết đi. Hồn Gia vương và Hưu Đồ vương sợ hãi, bàn mưu hàng nhà Hán, trước hết phái sứ giả đến biên cảnh chặn đường người Hán, nhờ họ báo lên Thiên tử. Lúc ấy, Đại hành Lý Tức đắp thành bên sông Hoàng Hà, bắt được sứ giả của Hồn Gia vương, liền sai người ruổi ngựa đem việc truyền lên. Thiên tử nghe tin, sợ bọn họ trá hàng mà tập kích biên ải, bèn lệnh sai Phiêu kỵ tướng quân qua nghênh đón họ. Hưu Đồ vương về sau hối, Hồn Gia vương giết đi, thâu gồm bộ chúng của hắn. Phiêu kỵ sau khi vượt sông, cùng bộ chúng của Hồn Gia vương trông sang nhau. Tì tướng của Hồn Gia vương gặp quân Hán, nhưng nhiều người không muốn hàng, rối rít đi trốn. Phiêu kỵ bèn ruổi ngựa tiến vào, cùng Hồn Gia vương tương kiến, chém những người của hắn muốn bỏ trốn, cả thảy giết tám nghìn tên, sau đó phái một mình Hồn Gia vương ngồi xe dịch trạm đến dinh sở của Đế, đồng thời đem hết bộ chúng của hắn qua Hoàng Hà. Người đến hàng hơn bốn vạn, nói phao lên là chục vạn. Hồn Gia vương đến Trường An rồi, được Thiên tử ban thưởng mấy chục

vạn tiền, thực ấp vạn hộ, phong làm Tháp Âm hầu, phong Tì vương của hắn là bốn người bọn Hô Độc Ni đều làm Liệt hầu; phong thêm cho Phiêu kỵ một nghìn bảy trăm hộ.

Lúc Hồn Gia vương quy hàng, nhà Hán điều phát hai vạn cỗ xe đi đón rước, phủ quan không có tiền, tới nhà dân mua ngựa chịu, dân chúng có người giấu ngựa đi, ngựa không đủ. Chúa thượng nổi giận, muốn chém Trường An lệnh, Hữu nội sử Cấp Ảm nói:

- Trường An lệnh vô tội, xin chém ngay một mình Ảm, dân mới chịu đưa ngựa ra. Vả lại Hung Nô phản chủ của mình mà hàng nhà Hán; Hán triều chỉ việc thong thả đặt nhà trạm ở các huyện lần lượt đưa họ đến, sao đến nỗi khiến thiên hạ xáo động, Trung Quốc nhọc mệt vì cung phụng người Di, Địch?

Chúa thượng lặng yên. Lúc bọn Hồn Gia đến, số thương nhân vì mua bán với họ mắc tội chết hơn năm trăm người, Ảm xin yết kiến lúc chúa thượng rỗi rãi ở điện Cao Môn, nói:

- Hung Nô tấn công đường xá nơi biên hiểm, dứt hòa thân, Trung Quốc hưng binh đánh giết họ, người tử thương chẳng thể tính xuể, hao phí hàng trăm vạn tiền. Thần ngu dốt cho rằng Bệ hạ được người Hồ, tất sẽ cho toàn bộ làm nô tì, ban cho những gia đình có người tòng quân chết, tài vật lấy được của người rợ, đem cấp cho họ, để đáp tạ nỗi khổ của thiên hạ, an ủi lòng trăm họ. Nay lại không làm thế, Hồn Gia thống suất mấy vạn bộ chúng đến hàng, Bệ hạ còn vét rỗng kho ban thưởng, điều phát dân lành hầu hạ chăm dưỡng chúng, như nuôi đứa con cưng, dân ngu đâu biết được mua bán đồ vật ở Trường An mà cũng bị quan lại chiếu điều văn buộc tội là đem tài vật phi pháp ra khỏi biên quan![1] Bệ hạ đã không có được của cải của Hung Nô

[1] Theo luật, khi buôn bán với người Hồ, quan dân không được để sắt và vũ khí ra khỏi biên quan (không được bán sắt và vũ khí cho người Hồ). Lúc này tuy mua bán ở Trường An, nhưng vẫn là phạm luật. Hồ Tam Tỉnh chú: Ứng Thiệu nói là "tiền và vũ khí", trong *Hán thư* chép là "sắt và vũ khí" có lẽ đúng hơn.

để tạ lỗi với thiên hạ, lại dựa vào một điều văn không quan trọng để giết hơn năm trăm người không hiểu biết, đấy gọi là "Che chở lá làm thương tổn đến cành" vậy. Thần trộm cho Bệ hạ làm thế là không phải.

Chúa thượng trầm ngâm, không nghe theo, nói:

- Ta rất lâu không nghe Cấp Ảm nói, nay lại nói sằng rồi!

Không lâu sau, lại phân chia dời người hàng tới ven biên của năm quận cho ở ngoài biên ải cũ,[1] đều tại phía nam Hoàng Hà, cho họ giữ nguyên tập tục, lập thành năm thuộc quốc. Kể từ đó, từ Kim Thành ở bờ tây Hoàng Hà, nối Nam Sơn thẳng đến Diêm Trạch, không có người Hung Nô ở, chỉ ngẫu nhiên có người Hung Nô đến dò xét nhưng rất ít thôi.

Thái tử của Hưu Đồ vương là Nhật Đê và mẹ là Yên chi, em là Luân đều bị phạt bắt vào phủ quan, sai đến làm người nuôi ngựa của Hoàng môn. Rất lâu sau, Đế du ngoạn ăn yến, lúc duyệt ngựa, người của hậu cung ngồi đầy, mấy chục người bọn Nhật Đê dắt ngựa đi qua dưới điện, chẳng ai không nhìn trộm cung nhân, đến khi Nhật Đê đi qua, không dám nhìn. Nhật Đê cao tám thước hai tấc, dung mạo rất nghiêm trang, ngựa nuôi lại béo tốt, chúa thượng thấy lạ liền gọi hỏi, Nhật Đê đem thực trạng gốc gác của mình thưa lại; chúa thượng cho là lạ, ngay hôm ấy cho tắm gội, ban mũ áo, bái làm Mã giám, sau thăng làm Thị trung, Phò mã đô úy, Quang lộc đại phu. Nhật Đê được thân gần sủng ái, chưa từng mắc lỗi lầm, chúa thượng rất yêu mến tin tưởng; ban thưởng nhiều lần đến nghìn vàng, ra thì ngồi bên xe, vào thì hầu ở cạnh. Quý thích nhiều người ngầm oán rằng:

---

[1] Năm quận ấy là Lũng Tây, Bắc Địa, Thượng Quận, Sóc Phương, Vân Trung. Nói biên ải cũ vì chỗ đấy là cửa ải mà nhà Tần và Hung Nô tranh chiếm, sau khi Mông Điềm đuổi Hung Nô, mở rộng biên cương lên bắc, lúc Trung Quốc loạn, Mặc Đốn lấn xuống phía nam, chiếm lại. Cho đến khi Vệ Thanh đánh Hung Nô, lấy lại biên cương thời Mông Điềm, nên chỗ đó gọi là biên ải cũ.

- Bệ hạ kiếm đâu ra đứa trẻ ranh người Hồ, lại quý trọng nó.

Chúa thượng nghe nói, càng hậu đãi Nhật Đê. Vì Hưu Đồ vương chế người vàng để tế tự trời, nên Đế ban cho Nhật Đê mang họ Kim.[1]

Năm Nguyên Thú thứ ba (Tân Dậu – TCN 120)

1. Mùa xuân, có sao chổi xuất hiện ở phương đông.

2. Mùa hạ, tháng năm, đại xá thiên hạ.

3. Đang lúc Hoài Nam vương mưu phản, Giao Đông Khang vương Lưu Ký phong thanh nghe nói việc ấy, ngầm chuẩn bị việc tác chiến. Đến lúc quan lại xử trị việc của Hoài Nam, lời cung nói ra việc của Ký. Mẹ của Ký là Vương phu nhân, tức em gái của Hoàng thái hậu vậy, quan hệ với chúa thượng rất thân. Ký tự ngộ ra hối hận, phát bệnh mà chết, không dám lập người kế nối. Chúa thượng nghe tin thương xót, lập con trưởng của Ký là Hiền làm Giao Đông vương; lại phong người con út được Ký sủng ái là Khánh làm Lục An vương, đất của Lục An vương là đất của Hành Sơn vương lúc trước vậy.[2]

4. Mùa thu, người Hung Nô xâm phạm quận Hữu Bắc Bình, Định Tương, mỗi nơi đều có mấy vạn quân kỵ, giết cướp hơn một nghìn người.

5. Vùng Sơn Đông nước dâng cao, dân chúng nhiều người thiếu đói. Thiên tử phái sứ giả dốc rỗng thương khố của các quận, quốc để phát chẩn cứu dân nghèo, vẫn chẳng đủ, lại trưng tập hào phú, quan dân, vay mượn tiền lương của họ để cấp giúp dân nghèo, chép danh tính bọn họ báo lên triều đình; vẫn không giải cứu hết được, vì thế bèn dời hơn bảy mươi vạn dân nghèo về phía tây Hàm Cốc quan để sung vào phía nam quận

---

[1] Người vàng, là "kim nhân", nên ban họ Kim (金).

[2] Quốc đô của nước Hành Sơn cũ là Lục, đổi tên thành Lục An.

Sóc Phương là vùng Tân Tần Trung[1], cơm áo đều ngẩng trông vào huyện quan, cấp cho sản nghiệp mấy năm. Triều đình phái sứ giả tới chia ra từng khu vực mà quản lý, xe lọng của sứ giả ngóng thấy nhau trên đường. Phí tổn cho việc ấy hàng ức, chẳng thể tính xuể.

6. Nhà Hán lấy được đất của Hồn Gia vương, các quận Lũng Tây, Bắc Địa, Thượng Quận càng ít bị rợ Hồ vào cướp, Đế hạ chiếu giảm một nửa lính thú của ba quận ấy, để nhẹ bớt dao dịch cho người thiên hạ.

7. Chúa thượng sắp đi đánh Côn Minh,[2] vì Côn Minh có ao Điền Trì chu vi ba trăm dặm, Đế bèn cho đào "ao Côn Minh"[3] để luyện tập thủy chiến. Bấy giờ pháp lệnh ngày càng nghiêm khắc, quan lại bị bãi miễn nhiều. Binh đao liên tục phát động, dân chúng nhiều người mua tước Ngũ đại phu,[4] quân sĩ trưng phát được lại càng thiếu. Vì thế triều đình bổ những người làm Thiên phu và Ngũ đại phu làm chức Lại,[5] những người nào không muốn thì phải nộp ngựa. Phàm là quan lại đùa bỡn pháp lệnh, đều bị phạt đi phát cỏ ở Thượng Lâm, đào ao Côn Minh.

8. Năm ấy, bắt được con ngựa thần ở giữa sông Ác Oa. Chúa thượng đang lập Nhạc phủ, sai bọn Tư Mã Tương Như sáng tác thơ phú, dùng hoạn quan Lý Diên Niên làm Hiệp luật đô úy, đeo ấn Nhị thiên thạch; đem thơ phú mới sáng tác phối nhạc để hợp điệu bát âm. Vì thơ phú văn từ nhã nhặn ảo diệu, người chỉ thông hiểu một bộ kinh sách không hiểu nổi lời trong ấy, nhất

---

[1] Thời nhà Tần, Mông Điềm đuổi người Hung Nô, lấy được hơn nghìn dặm đất phía nam Hoàng Hà, đất chỗ ấy rất tốt, vì thế đắp thành quách, dời dân đến đó ở, chỗ ấy gọi là Tân Tần (đất mới của nhà Tần).

[2] Lấy lý do là họ đóng cửa ải ngăn sứ giả của nhà Hán vậy.

[3] Ao Côn Minh ở phía Tây nam Trường An, chu vi bốn mươi dặm.

[4] Năm Nguyên Sóc thứ sáu đặt "thường quan", bán tước cho dân, lấy tiền bù đắp quốc khố. Nay dân mua tước để được làm quan, miễn trừ dao dịch.

[5] Người làm quan vì pháp luật nghiêm nên mắc lỗi bị bãi chức rất nhiều, nếu nộp tiền thì không phải làm quan.

định phải tụ hội các danh gia về *Ngũ kinh* cùng nhau nghiên cứu tụng đọc mới có thể thông hiểu ý nghĩa. Lúc bắt được ngựa thần, Đế lần nữa sai sáng tác thơ phối thành ca khúc. Cấp Ảm nói:

- Phàm là bậc thánh vương chế tác nhạc, trên để ca ngợi tổ tông, dưới để giáo hóa muôn dân. Nay Bệ hạ bắt được ngựa, dùng thơ phổ thành ca khúc, hòa xướng ở tông miếu, tiên đế và bách tính há hiểu được thanh âm ấy hay chăng?

Chúa thượng lặng yên không nói.

Chúa thượng chiêu vời sĩ đại phu, không câu nệ lễ thường; nhưng tính tình rất nghiêm khắc, quần thần dẫu bình thời được sủng tín, nhưng nếu phạm lỗi nhỏ, hoặc phát hiện hành vi trá lừa, liền chiếu phép tắc giết đi, không hề khoan thứ. Cấp Ảm can rằng:

- Bệ hạ cầu hiền rất lao nhọc, chưa dùng hết tài của họ, liền đem giết đi. Lấy số kẻ sĩ có hạn, cấp cho cái giết chóc vô hạn, thần sợ rằng hiền tài thiên hạ sẽ hết nhẵn, Bệ hạ sẽ cùng ai trị lý quốc gia?

Lời Ảm nói rất giận dữ, chúa thượng cười rồi bảo rõ với Ảm rằng:

- Lo gì trên đời không có nhân tài, chỉ lo người ta chẳng biết đến họ thôi. Ví như tìm được, hà tất phải sợ không có người! Người được gọi là tài, cũng như khí vật hữu dụng vậy, có tài mà chẳng dốc sức để ta sử dụng, so với kẻ vô tài cũng giống, chẳng giết thì để làm gì?

Ảm nói:

- Thần tuy chẳng thể dùng lời để khuất được Bệ hạ, nhưng trong lòng vẫn cho là việc sai; mong Bệ hạ từ nay sửa đổi đi, không vì thần là kẻ ngu mà không thấu hiểu đạo lý vậy.

Chúa thượng ngoảnh sang bảo quần thần rằng:

- Ảm tự nói mình a dua đón ý thì không đúng, tự nói mình là ngu, há chẳng đúng thế sao!

Năm Nguyên Thú thứ tư (Nhâm Tuất – TCN 119)

1. Mùa đông, Hữu ti tấu nói:

- Phí dụng ở phủ quan rỗng không, nhưng bọn con buôn nhà giàu và những cửa hiệu lớn đúc đồng, nấu muối, tiền của tích lũy đến vạn cân vàng, lại chẳng chịu giúp đỡ cái gấp của quốc gia; xin hãy đổi tiền thành "tệ"[1] để cung cấp phí dụng, lại diệt hết được bọn tham lam khinh bạc và lũ chiếm đoạt tài vật của người khác.

Bấy giờ, trong vườn cấm của chúa thượng có loại hươu trắng còn Thiếu phủ có nhiều bạc và thiếc, Đế bèn sai cắt da hươu trắng thành tấm vuông một tấc, viền xung quanh hình rong biển, gọi là "bì tệ", định giá bằng bốn mươi vạn tiền. Vương hầu, tông thất đến chầu hoặc dâng lễ tế tự đều phải dâng ngọc bích đặt trên "bì tệ", rồi sau mới được đi. Lại dùng bạc pha thiếc chế ba loại "bạch kim tệ": "đại tệ" hình tròn, trên ấy vẽ rồng, giá trị ba nghìn tiền; "thứ tệ" hình vuông, trên ấy vẽ ngựa, giá năm trăm tiền; "tiểu tệ" hình bầu dục, trên ấy vẽ rùa, giá ba trăm tiền. Lệnh sai các phủ quan tiêu hủy tiền Bán lượng, lại đúc tiền Tam thù, kẻ nào đúc trộm tiền các loại thì đều xử tội chết; nhưng quan dân vẫn đúc trộm bạch kim tệ nhiều không kể xiết.

Vì thế Đế dùng Đông Quách Hàm Dương[2] và Khổng Cận làm Đại nông thừa, quản việc muối và sắt; Tang Hoằng Dương vì khéo tính toán được trọng dụng. Hàm Dương, là người nấu muối lớn ở đất Tề, Cận là người nấu kim khí lớn ở đất Nam Dương, đều có sản nghiệp tích chứa đến nghìn vàng; Hoằng Dương là con một nhà bán hàng ở Lạc Dương, vì giỏi tính nhẩm, năm mười ba tuổi làm Thị trung. Ba người này khi bàn việc lợi, phân tích việc đến tận chân tơ kẻ tóc.

---

[1] Tệ, là các vật dùng để thay thế cho tiền mặt, được coi là vật ngang giá.

[2] Người này họ Đông Quách, tên là Hàm Dương.

Đế hạ chiếu lệnh cấm dân, ai dám tự ý nấu muối và đúc sắt thì bị xiềng chân trái, tịch thu hết khí cụ. Công khanh lại xin lệnh cho những người buôn bán theo nghiệp ngọn đều phải tự khai báo tài sản, theo đó cứ hai nghìn xâu tiền thì nộp một "toán"[1]; dân có xe nhỏ cũng như có thuyền từ năm trượng trở lên, đều nộp một "toán". Ai giấu giếm không tự khai hay khai không hết, liền bắt đi lính thú ở biên giới một năm, tịch thu hết tiền tài vào phủ quan. Ai tố cáo ra người giấu tiền thì thưởng cho người đó một nửa số tiền giấu. Phép ấy đại để xuất ra từ Trương Thang. Thang mỗi khi hội triều tấu việc, nói về phí dụng của quốc gia, đều báo muộn, Thiên tử vì thế quên cả ăn; Thừa tướng sung ngôi vị cho đủ số, việc thiên hạ đều quyết bởi Thang. Trăm họ xao động, chẳng yên tâm sinh sống, đều oán hận Thang.

2. Khi trước, người đất Hà Nam là Bốc Thức nhiều lần xin chuyển tiền riêng vào phủ quan để giúp việc biên giới. Thiên tử sai sứ giả hỏi Thức:

- Ngươi muốn làm quan chăng?

Thức nói:

- Thần từ nhỏ chỉ cầy ruộng chăn thả, không thạo làm quan, không muốn vậy.

Sứ giả hỏi rằng:

- Trong nhà có điều oan ức muốn bày tỏ chăng?

Thức nói:

- Thần bình sinh không hề tranh chấp với ai, người trong ấp ai nghèo khó thì thần cho họ vay, ai bất thiện thì thần dạy dỗ họ, người ở địa phương đều theo Thức, Thức làm gì có việc bị oan khuất với người khác! Không có gì muốn bày tỏ cả.

---

[1] Một toán là một trăm hai mươi tiền. Chế độ này gọi là "mân tiền lệnh". Mân, là cái dây xâu tiền.

Sứ giả nói:

- Nếu như thế thì ngài muốn gì?

Thức nói:

- Thiên tử giết Hung Nô, kẻ ngu này cho rằng người hiền thì nên tử tiết ở biên giới, người có tiền của thì nên giao nộp, như thế, Hung Nô mới có thể tiêu diệt được.

Chúa thượng vì thế cho là Bốc Thức hiền, muốn đề cao cho được hiển dương để khuyến khích trăm họ, bèn triệu bái Bốc Thức làm Trung lang, ban tước Tả thứ trưởng, thưởng cho mười khoảnh ruộng, bố cáo thiên hạ, khiến người người đều biết. Không lâu, lại thăng Thức làm Thái phó của Tề vương.

3. Mùa xuân, có sao chổi xuất hiện ở phía đông bắc. Mùa hạ, có ngôi sao tua dài hiện ra ở phía tây bắc.

4. Chúa thượng và chư tướng nghị bàn rằng:

- Hấp hầu Triệu Tín giúp Thiền vu vạch kế, thường cho rằng quân Hán chẳng thể đem khinh binh vượt đại mạc lưu trú lại, nay đại phát sĩ tốt, về hình thế nhất định sẽ đến được cái chỗ mà mình muốn.

Bèn trưng dụng thóc cấp đủ cho mười vạn ngựa, lệnh sai Đại tướng quân Thanh, Phiêu kỵ tướng quân Khứ Bệnh đều lĩnh năm vạn quân kỵ, riêng số ngựa theo vận hành trang là bốn vạn con, bộ binh và phu chuyển đồ truy trọng đi sau có mấy chục vạn người, số quân sĩ dám vào sâu tác chiến đều thuộc quyền Phiêu kỵ. Phiêu kỵ ban đầu tiến ra Định Tương, đối địch với Thiền vu; người rợ bị bắt nói Thiền vu ở phía đông, Đế bèn đổi lệnh sai Phiêu kỵ tiến ra Đại Quận, lệnh cho Đại tướng quân tiến ra Định Tương. Lang trung lệnh Lý Quảng mấy lần tự xin đi, Thiên tử cho là Quảng già lão, không đồng ý, mãi lâu sau, mới đáp ứng, cho làm Tiền tướng quân. Thái bộc Công Tôn Hạ làm Tả tướng quân, Chủ tước đô úy Triệu Thực Kỳ làm Hữu tướng quân, Bình Dương hầu Tào Tương làm Hậu tướng quân,

đều phụ thuộc vào Đại tướng quân. Triệu Tín giúp Thiền vu bàn mưu rằng:

- Binh Hán sau khi vượt đại mạc, người ngựa mỏi mệt, Hung Nô có thể ngồi mà bắt tù binh rồi.

Bèn chuyển hết đồ truy trọng của mình đi xa lên phía bắc, đem tinh binh đợi ở phía bắc sa mạc.

Đại tướng quân đã ra ngoài biên hiểm, bắt được giặc rợ biết được chỗ ở của Thiền vu, bèn tự đem tinh binh chạy theo, rồi lệnh sai Tiền tướng quân Quảng cùng Hữu tướng quân hợp quân, tiến ra con đường phía đông. Đường phía đông quanh co rất xa lại thiếu cỏ và nước, Quảng tự xin rằng:

- Chức của thần là Tiền tướng quân, nay Đại tướng quân lại đổi, lệnh sai thần tiến ra con đường phía đông. Vả lại thần từ lúc búi tóc đã cùng với Hung Nô giao chiến, nay mới một lần được đối địch với Thiền vu, thần nguyện đi ở phía trước, liều chết với Thiền vu.

Đại tướng quân từng ngầm nhận lời dặn của chúa thượng, cho rằng "Lý Quảng già lão, vận khí trắc trở, không nên cho đối địch với Thiền vu, sợ không đạt được điều mong muốn." Còn Công Tôn Ngao mới mất tước hầu, Đại tướng quân cũng muốn sai Ngao cùng mình đối địch Thiền vu, cho nên mới chuyển Quảng đi theo con đường phía đông. Quảng biết chuyện ấy, cố tự từ chối với Đại tướng quân, Đại tướng quân không nghe, Quảng không từ biệt mà tự khởi hành, ý rất phẫn nộ.

Đại tướng quân ra ngoài biên hiểm hơn nghìn dặm, vượt đại mạc, thấy binh của Thiền vu bày thành hàng trận mà đợi. Vì thế Đại tướng quân lệnh sai đem xe binh kết thành vòng tròn làm doanh, rồi tung năm nghìn quân kỵ qua đối địch Hung Nô; Hung Nô cũng tung chừng một vạn quân kỵ ra nghênh chiến. Đúng lúc mặt trời sắp lặn, gió lớn nổi lên, cát đá quất vào mặt, quân sĩ hai bên không thấy được nhau, quân Hán tung thêm

hai cánh bên tả bên hữu vây chung quanh Thiền vu. Thiền vu nhìn thấy quân Hán rất đông mà binh mã vẫn mạnh, tự liệu rằng quân mình giao chiến chẳng bằng được binh Hán, bèn cưỡi xe sáu la kéo, quân kỵ tinh tráng đi theo chừng mấy trăm, xông thẳng vào vòng vây quân Hán, theo hướng tây bắc chạy đi. Bấy giờ trời đã tối mịt, quân Hán và Hung Nô không phân biệt được nhau, đại để hai bên tổn thất tương đương. Giặc rợ bị Tả hiệu của quân Hán bắt nói rằng Thiền vu bỏ đi lúc trời chưa tối, quân Hán phái binh khinh kỵ trong đêm truy đuổi, quân của Đại tướng quân theo ngay phía sau, binh Hung Nô cũng tan chạy. Trời sắp sáng, truy kích hơn hai trăm dặm, không đuổi được Thiền vu, bắt chém đầu một vạn chín nghìn giặc rợ, bèn đến thành của Triệu Tín ở núi Điền Nhan, đoạt được chỗ chứa lương thảo của Hung Nô đem cấp cho quân, lưu lại một ngày, thiêu sạch số lương còn lại rồi quay về.

Quân của Tiền tướng quân Lý Quảng và Hữu tướng quân Thực Kỳ không có người dẫn đường, có lúc lạc lối, rớt lại phía sau Đại tướng quân, không kịp cùng Thiền vu giao chiến. Đại tướng quân dẫn quân về, qua phía nam sa mạc, mới gặp hai vị tướng quân. Đại tướng quân sai Trưởng sử trách hỏi Quảng và Thực Kỳ về thực trạng lạc đường, gấp đòi Quảng đến mạc phủ thẩm vấn. Quảng nói:

- Các vị Hiệu úy vô tội, là ta tự lạc đường, nay ta tự đến mạc phủ chịu thẩm vấn.

Quảng bảo thuộc hạ của mình rằng:

- Quảng này từ lúc búi tóc đánh với Hung Nô, lớn nhỏ hơn bảy mươi trận, nay may được theo Đại tướng quân tiếp chiến với binh của Thiền vu, mà Đại tướng quân lại điều Quảng đi riêng, đường xa lòng vòng, còn bị lầm đường, há chẳng phải tại ý trời sao? Vả lại Quảng đã hơn sáu mươi tuổi rồi, rút cục chẳng thể đối mặt với bọn tiểu lại đao bút được!

Bèn rút đao tự cắt cổ.

Quảng là người thanh liêm, được ban thưởng liền chia cho thuộc hạ, ăn uống chung với sĩ tốt, làm quan Nhị thiên thạch hơn bốn chục năm, trong nhà không có của thừa. Tay vượn, bắn giỏi, liệu rằng không trúng thì không bắn. Đem quân đi, thấy nước ở nơi thiếu thốn, sĩ tốt chưa uống xong thì Quảng không đến gần nước; sĩ tốt chưa ăn xong thì Quảng không bao giờ ăn; sĩ tốt vì thế yêu mến, vui lòng chịu sai khiến. Lúc Quảng chết, toàn quân đều khóc; bách tính nghe tin, người biết hay không biết Quảng, bất kể già trẻ đều vì Quảng rơi nước mắt.

Hữu tướng quân được giao cho quan lại xét án, ứng tội chết, cho chuộc tội làm thứ dân.

Thiền vu chạy trốn, binh của Thiền vu ở các nơi hỗn loạn với quân Hán rồi đuổi theo Thiền vu, Thiền vu rất lâu không hợp được với đại quân của mình. Hữu Lộc Lê vương của Thiền vu cho rằng Thiền vu đã chết, bèn tự lập làm Thiền vu. Hơn chục ngày sau, Thiền vu thật lại tụ hợp được bộ chúng, Hữu Lộc Lê vương bèn bỏ hiệu Thiền vu của mình.

Phiêu kỵ tướng quân lĩnh quân kỵ và xe truy trọng bằng với Đại tướng quân, nhưng không có Tì tướng, đều dùng bọn Lý Cảm làm Đại hiệu, gánh vác việc của Tì tướng, ra xa hơn hai nghìn dặm ngoài Đại Quận và Hữu Bắc Bình, vượt đại mạc, cùng quân Tả bộ của Hung Nô gặp nhau,[1] bắt sống ba người bọn Đồn Đầu vương, Hàn vương và bọn Tướng quân, Tướng quốc, Đương hộ, Đô úy gồm tám mươi ba người, làm lễ tế trời ở núi Lang Cư Tư, tế đất núi Cô Diễn, lên núi ở gần bờ Hàn Hải[2] nhìn ra xa, bắt sống bảy vạn bốn trăm bốn mươi ba tên giặc rợ. Thiên tử phong thêm cho Phiêu kỵ tướng quân năm nghìn tám

---

[1] Hung Nô chia nước thành Tả và Hữu, các Tả vương giữ phương đông, từ quận Thượng Cốc về phía đông, đến giáp địa giới rợ Uế, Mạch và Triều Tiên; các Hữu vương giữ phương tây, từ Thượng Quận về phía tây, giáp với đất của người Đê, người Khương.

[2] Tức Bắc Hải, ngày nay gọi là hồ Baikal.

trăm hộ; thuộc hạ của Phiêu kỵ tướng quân có bốn người bọn Thái thú Hữu Bắc Bình Lộ Bác Đức được phong làm Liệt hầu,[1] hai người bọn Tòng Phiêu hầu Phá Nô được thêm ấp phong, Hiệu úy Cảm được phong làm Quan nội hầu, ban thực ấp; Quân lại và binh tốt thuộc quyền được thăng quan, ban thưởng rất nhiều. Còn Đại tướng quân không được ban thưởng thêm, Quân lại đều không được phong hầu.

Lúc hai cánh quân ra ngoài biên hiểm, kiểm duyệt tại biên ải, tổng số ngựa quan và ngựa tư cả thảy mười bốn vạn con, nhưng lúc quay lại biên ải thì chẳng đầy ba vạn.

Triều đình đặt thêm ngôi vị Đại tư mã, Đại tướng quân và Phiêu kỵ tướng quân đều làm Đại tư mã, chế định thành lệnh, quy định phẩm trật, bổng lộc của Phiêu kỵ tướng quân ngang bằng với Đại tướng quân.[2] Từ đấy về sau, quyền thế của Đại tướng quân Thanh ngày một suy kém mà Phiêu kỵ tướng quân ngày một quý hiển. Người quen cũ và môn hạ của Đại tướng quân đa phần bỏ đi phụng sự Phiêu kỵ, liền được ban quan tước, duy có Nhâm Am không chịu làm thế.

Phiêu kỵ tướng quân là người trầm tĩnh ít biểu lộ, có dũng khí, hành sự quả cảm. Thiên tử từng muốn dạy binh pháp Tôn, Ngô[3] cho Khứ Bệnh, Khứ Bệnh đáp rằng:

- Đánh trận chỉ cần xét đến phương lược thôi, không tới mức phải học binh pháp thời cổ.

Thiên tử vì Phiêu kỵ sửa dựng phủ đệ, sai Phiêu kỵ đến xem, Phiêu kỵ đáp rằng:

- Hung Nô chưa diệt, không dùng nhà để làm gì!

---

[1] Lộ Bác Đức làm Bi Li hầu, Vệ Sơn làm Nghĩa Dương hầu, Phúc Lục Chi làm Đỗ hầu, Y Tức Can làm Chúng Lợi hầu.

[2] Theo *Hán quan nghi* của Ứng Thiệu: Bấy giờ kẻ nghị bàn cho rằng trong quân có Hậu tư mã, cho nên thêm chữ "Đại" thành Đại tư mã để khác biệt hẳn.

[3] Tức Tôn Vũ và Ngô Khởi vậy.

Vì thế chúa thượng ngày càng coi trọng yêu mến Phiêu kỵ. Nhưng Khứ Bệnh từ nhỏ quý hiển, không hề quan tâm đến binh sĩ, lúc mang quân xuất chinh, Thiên tử sai Thái quan đem đến mấy chục xe lương cấp riêng cho; lúc quay về, trên xe truy trọng còn chất đầy lương thịt ăn thừa, mà quân sĩ có người chịu đói; lúc ở ngoài biên ải, binh lính thiếu lương, có người chẳng tự đứng được, nhưng Phiêu kỵ lại sai làm sân đá cầu; các việc như thế rất nhiều. Còn Đại tướng quân là người nhân ái, quý kẻ sĩ, biết nhún nhường, nhờ sự ôn nhu hòa thuận mà được lòng chúa thượng. Chí khí và tiết tháo của hai người đại loại như thế.

Lần ấy người Hung Nô bị quân Hán giết tổng cộng tám, chín vạn, mà sĩ tốt của nhà Hán vô cớ tử vong cũng mấy vạn. Từ đấy về sau người Hung Nô trốn lủi xa, mà phía nam đại mạc không có Vương đình của Hung Nô.[1] Quân Hán vượt Hoàng Hà, từ quận Sóc Phương sang phía tây đến huyện Linh Cư, nơi nơi khai thông kênh rạch, đặt chức Điền quan, phái năm, sáu vạn quan binh khai khẩn, dần dần lấn đất Hung Nô về phía bắc; nhưng cũng vì ngựa thiếu, không đại xuất binh đánh người Hung Nô được nữa.

Hung Nô dùng kế của Triệu Tín, sai sứ đến Hán triều, nói lời hay xin được hòa thân. Thiên tử lệnh sai nghị bàn việc ấy, có người nói nên hòa thân, có người nói nên nhân cơ hội bắt họ thần phục. Thừa tướng Trưởng sử Nhâm Xưởng nói:

- Hung Nô mới bị thua khốn, nên sai họ làm nước phiên bên ngoài, cho triều bái ở biên giới.

Hán triều sai Nhâm Xưởng đi sứ nói với Thiền vu. Thiền vu cả giận, giữ lại không cho về nước. Bấy giờ Bác sĩ Địch Sơn nghị bàn cho rằng hòa thân là tiện, chúa thượng đem việc hỏi Trương Thang, Thang nói:

---

[1] Hung Nô thời Mặc Đốn cường thịnh, lấy lại phần đất đai mà Mông Điềm chiếm, đặt Vương đình ở phía nam sa mạc, đến lúc này phải bỏ vùng này.

- Đấy là nho sinh ngu dốt không biết gì.

Địch Sơn nói:

- Thần vốn ngu, nhưng là ngu trung; như Ngự sử đại phu Thang, mới là trá trung.

Vì thế chúa thượng biến sắc nói:

- Ta sai tiên sinh giữ một quận, tiên sinh khiến giặc rợ không vào cướp được chăng?

Địch Sơn đáp:

- Thần không thể.

Chúa thượng hỏi:

- Giữ một huyện thì sao?

Địch Sơn đáp:

- Thần không thể.

Lại hỏi:

- Giữ một cửa ải thì sao?

Sơn tự liệu, biện bác đến cùng tất bị giao xuống cho quan lại xử, bèn nói:

- Thần có thể.

Vì thế chúa thượng phái Sơn giữ một ải hiểm; hơn một tháng sau, Hung Nô chém đầu Sơn rồi bỏ đi. Từ đấy về sau, quần thần run sợ, không ai dám ngỗ ngược phạm đến Thang.

5. Năm ấy, Cấp Ảm mắc tội phạm phép, bị cách chức, Đế lấy Thái thú Định Tương là Nghĩa Tung làm Hữu nội sử, Thái thú Hà Nội là Vương Ôn Thư làm Trung úy.

Trước đấy, Ninh Thành làm Đô úy Hàm Cốc quan, quan dân ra vào quan ải ấy đều nói: "Thà gặp hổ dữ nuôi con, còn hơn gặp Ninh Thành phát giận."[1] Lúc Nghĩa Tung nhận chức Thái thú

---

[1] Hổ cái nuôi con rất dữ tợn, thấy người là cắn ngay.

Nam Dương, đi qua quan ải, Ninh Thành nghiêng mình cung kính đón đưa; Tung đến quận, bèn tra xét tội trạng họ Ninh, phá diệt hết gia quyến hắn; quan dân Nam Dương run chân không bước nổi. Về sau Tung chuyển đi làm Thái thú Định Tương, vừa tới nhiệm sở, đột nhiên đem hơn hai trăm trọng phạm, khinh phạm trong ngục Định Tương nhốt chặt. Lúc tân khách, anh em họ hàng của họ đến thăm phạm cũng hơn hai trăm người, Tung nhất thời cho bắt hết, tuyên bố tội rằng "họ giúp giải thoát tử tội", hôm ấy, đem hơn bốn trăm người ra giết rồi tấu báo lên, sau việc đấy, người trong quận không rét mà run.

Bấy giờ Triệu Vũ và Trương Thang vì khắc bạo được nhận vị Cửu khanh, nhưng xử trị còn dựa vào phép tắc mà thi hành; Tung thì chuyên dùng thủ đoạn chim ưng đánh bắt để xử trị.

Lúc Vương Ôn Thư bắt đầu làm Đô úy Quảng Bình, lựa hơn chục kẻ hào kiệt quả cảm một đi không ngoái lại cho làm chức Lại, dùng làm nanh vuốt, đều nắm giữ đầy đủ trọng tội kín của bọn họ, rồi phóng tay sai đi đốc xét đạo tặc. Những kẻ được sai đi làm việc đúng ý muốn, kẻ đó dẫu có trăm tội, cũng không hề xét tội lúc trước; nếu như có ý né tránh, thì nhân việc cũ giết kẻ đó, thậm chí diệt tộc. Vì thế, đạo tặc ở bên ngoài thành nước Tề, nước Triệu không dám đến gần Quảng Bình, trong quận thanh tĩnh, có tiếng là "người đi đường không nhặt của rơi". Ôn Thư được điều đi làm Thái thú Hà Nội; đến nhậm chức vào tháng chín, lệnh cho quận chuẩn bị năm mươi thớt ngựa làm "dịch mã"[1], bắt những kẻ cương ngạnh xảo trá trong quận, người bị mắc tội liên đới đến hơn nghìn nhà. Ôn Thư dâng thư thỉnh xin triều đình, kẻ mắc tội lớn thì giết cả gia tộc, mắc tội nhỏ thì xử tử người đó, gia sản của họ đều tịch thu hết làm tang vật để bồi thường. Tấu dâng lên chỉ hai, ba ngày đã được chấp thuận, vì thế y lệnh hành hình, khiến máu chảy hơn chục dặm, người

[1] Ngựa trạm, chuyên đưa truyền tin tức.

quận Hà Nội đều kinh lạ về bản tấu ấy, cho là thần tốc. Cuối tháng mười hai, người trong quận không dám cất tiếng, chẳng ai dám đi đêm, thôn dã không có tiếng chó sủa trộm. Những tội phạm không bắt được, bỏ trốn sang quận bên cạnh, Ôn Thư liền phái người truy bắt. Đúng lúc sang xuân, Ôn Thư giậm chân than rằng:

- Than ôi! Nếu mùa đông dài thêm một tháng, đủ để ta xong việc vậy![1]

Thiên tử nghe nói việc mà bọn họ làm, cho là có tài, nên cất nhắc họ làm Trung nhị thiên thạch.

6. Người nước Tề là Thiếu Ông dựa thuật quỷ thần được gặp chúa thượng. Người mà chúa thượng sủng ái là Vương phu nhân chết, Thiếu Ông dùng phương thuật, đương đêm triệu quỷ đến, dung mạo giống như Vương phu nhân, Thiên tử từ trong màn nhìn thấy. Vì thế bái Thiếu Ông làm Văn Thành tướng quân, ban thưởng rất nhiều, dùng lễ tân khách đối đãi. Văn Thành lại khuyên chúa thượng dựng cung Cam Tuyền, bên trong làm đài thất, vẽ trời, đất, các quỷ thần như Thái Nhất rồi đặt đủ thứ đồ cúng tế. Qua hơn một năm, phương cách ấy ngày càng không linh, thần không đến. Thiếu Ông bèn viết thư trên tấm lụa trắng trộn vào cỏ đem cho bò ăn, vờ không biết, nói rằng: "Trong bụng con bò này có vật lạ." Giết bò xem kỹ, lấy được bức thư, lời trong thư rất quái lạ. Thiên tử nhận ra nét chữ trên thư ấy, tra hỏi, quả nhiên là thư trá; vì thế giết Văn Thành tướng quân rồi giấu kín việc ấy.

---ॐ---

[1] Theo luật thời ấy, sau tiết lập xuân không thực hiện hành hình tội nhân, cho nên Ôn Thư mới tiếc là không giết được tụi người kia mà nói thế.

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ MƯỜI HAI]

THẾ TÔNG HIẾU VŨ HOÀNG ĐẾ

Năm Nguyên Thú thứ năm (Quý Hợi – TCN 118)

1. Mùa xuân, tháng ba, ngày Giáp Ngọ, Thừa tướng Lý Thái mắc tội trộm dùng đất trống ven vườn lăng của Hiếu Cảnh, chôn táng người chết tại đó, tội phải giao xuống cho quan lại thẩm xét, Lý Thái tự sát.

2. Bãi bỏ tiền Tam thù, đổi đúc tiền Ngũ thù.[1] Vì thế dân chúng nhiều người đúc tiền trộm, ở đất Sở càng nghiêm trọng.

3. Chúa thượng cho rằng quận Hoài Dương là chỗ giao thông xung yếu của đất Sở, bèn triệu bái[2] Cấp Ảm làm Thái thú Hoài Dương. Ảm phục xuống lạy tạ không nhận ấn, chiếu thư mấy lần cưỡng ép, rồi sau mới phụng chiếu. Ảm khóc nói với chúa thượng rằng:

- Thần tự cho rằng mình phải chết nơi ngòi rãnh, không còn gặp lại Bệ hạ nữa, chẳng ngờ Bệ hạ lại thu dụng thần. Thần thường hay mắc bệnh, không đủ sức gánh vác việc ở quận. Thần nguyện làm Trung lang, ra vào nơi cung cấm, bổ vá nhặt nhạnh những lỗi sót, đấy là nguyện ước của thần vậy.

---

[1] *Hán thư – Thực hóa chí* chép: Năm trước bỏ tiền Bán lượng, ban hành tiền Tam thù, năm sau cho là tiền Tam thù nhẹ, đổi đúc tiền Ngũ thù.

[2] Năm trước Ảm bị cách chức, cho nên mới triệu gọi bái chức.

Chúa thượng nói:

- Ngươi khinh thường Hoài Dương sao? Ta sẽ sớm gọi ngươi về. Nghĩ đến việc quan dân Hoài Dương không hòa hợp, ta chỉ mượn cái uy vọng của ngươi, ngươi cứ nằm mà trị lý.

Sau khi Ảm từ giã ra đi, qua chỗ Đại hành Lý Tức, nói:

- Ảm bị đuổi bỏ ra giữ quận, không được dự bàn việc triều đình nữa. Ngự sử đại phu Trương Thang, trí đủ để chống lại lời can, trá đủ để che đậy điều sai, chuyên dùng lời gian nịnh, câu từ xảo biện, không chịu vì thiên hạ phát lời chính nghĩa, chuyên xu phụ a dua theo ý chỉ. Chúa thượng không ưa ai, ông ta nhân đó gièm pha họ, chúa thượng ưa ai, ông ta nhân đó khen ngợi họ. Rất thích gây việc, lật lọng điều văn pháp lệnh, trong nghĩ việc gian trá để chiều ý chúa thượng, ngoài dựa bọn quan ác để gây dựng uy vọng. Ngài thân giữ vị Cửu khanh, chẳng sớm nói điều ấy, cả ngài và hắn đều chịu tội chém giết thôi.

Tức sợ Thang, rút cục không dám mở miệng; lúc Thang bại, chúa thượng xử Tức đồng tội.

Đế cho Ảm hưởng phẩm trật của Tướng quốc chư hầu, giữ Hoài Dương, được mười năm thì chết.

3. Đế hạ chiếu đầy các quan dân gian hoạt đến biên ải.

4. Mùa hạ, tháng tư, ngày Ất Mão, lấy Thái tử Thiếu phó Vũ Cường hầu Trang Thanh Địch làm Thừa tướng.

5. Thiên tử mắc bệnh nặng tại cung Đỉnh Hồ, bọn thầy đồng, thầy thuốc chữa chạy hết cách, vẫn không đỡ. Du Thủy Phát Căn[1] nói ở Thượng Quận có vị thầy đồng, khi mắc bệnh thì có quỷ thần xuống nhập. Chúa thượng triệu đến, sai cúng tế ở cung Cam Tuyền, lúc thầy đồng phát bệnh, Đế phái người hỏi thần quân, thần quân nói:

---

[1] Theo Phục Kiền: Du Thủy là tên huyện, Phát Căn là tên người. Theo Tấn Chước dẫn *Địa lý chí* thì Du Thủy là tên sông. Sư Cổ cho rằng cả hai người đều nói sai, mà Du Thủy là họ, Phát Căn là tên người.

- Thiên tử không lo bệnh, sau khi bệnh bớt, hãy gượng cùng ta hội ở cung Cam Tuyền.

Vì thế lúc bệnh đỡ, chúa thượng khởi xa giá đến cung Cam Tuyền, bệnh lành hẳn, liền bày tiệc rượu ở Thọ cung để kính thần quân. Không trông thấy thần, chỉ nghe thanh âm, giống tiếng người nói, chợt đến chợt đi, đến thì có gió lay động, ở trong màn trướng. Lời mà thần quân nói, chúa thượng sai người thu nhận, ghi chép lời ấy, lệnh đặt tên là "hoạch pháp". Những lời ấy, là lời mà thế tục hiểu, không có gì đặc biệt cả, nhưng Thiên tử riêng lòng thích ý; việc ấy bí mật, người ngoài chẳng ai hay biết vậy.

Lúc chúa thượng đột nhiên khởi giá đến cung Cam Tuyền, đi qua địa phận cai quản của Hữu nội sử, đường đất nhiều chỗ không tu sửa, chúa thượng giận nói:

- Nghĩa Tung cho là ta không đi qua con đường này được nữa sao?

Bèn ngầm giận trong lòng.

Năm Nguyên Thú thứ sáu (Giáp Tý – TCN 117)

1. Mùa đông, tháng mười, mưa tuyết, chưa kết thành băng.

2. Sau khi chúa thượng ban "mân tiền lệnh" mà tôn sùng Bốc Thức,[1] trăm họ rút cục chẳng ai chia tiền của để giúp phủ quan, vì thế sai Dương Khả chủ trì việc tố cáo người buôn giấu tài sản. Nghĩa Tung cho rằng đấy là việc làm loạn dân, sai quan lại thuộc hạ bắt sứ giả của Khả sai đi. Thiên tử cho là Tung chống thánh chỉ, ngăn trở việc cáo mật, liền chém Tung vứt bỏ ngoài chợ.

3. Lang trung lệnh Lý Cảm oán Đại tướng quân khiến cha mình phải ôm hận mà chết,[2] bèn đả thương Đại tướng quân,

---

[1] Việc nói ở Hán kỷ, quyển thứ mười một, sự kiện năm Nguyên Thú thứ tư.

[2] Lý Cảm, là con của Lý Quảng. Việc này nói ở sự kiện năm Nguyên Thú thứ tư.

Đại tướng quân giấu giếm việc ấy. Không bao lâu sau, Cảm theo chúa thượng đến đất Ung, tới cung Cam Tuyền săn bắn, Phiêu kỵ tướng quân Khứ Bệnh bắn giết Cảm. Bấy giờ Khứ Bệnh đang được quý sủng hiển hách, chúa thượng giấu, nói tránh việc ấy, rằng hươu húc chết Cảm.

4. Mùa hạ, tháng tư, ngày Ất Tỵ, tại Thái miếu lập Hoàng tử Lưu Hoành làm Tề vương, Lưu Đán làm Yên vương, Lưu Tư làm Quảng Lăng vương, từ đấy bắt đầu chế "cáo sách"[1].

5. Từ sau khi chế Bạch kim tệ, tiền Ngũ thù, quan dân mắc tội đúc tiền trộm bị giết mấy chục vạn người, những người chưa bị phát giác thì chẳng thể tính xuể, người thiên hạ đại để đều đúc tiền riêng. Người phạm tội đông, quan lại chẳng thể nào giết hết được.

6. Tháng sáu, Đế hạ chiếu phái sáu người bọn Bác sĩ Trữ Đại, Từ Yển chia nhau đi tuần xét các quận, quốc, tấu xét hặc tội bọn kiêm tính đất cày của dân nghèo, các Quận thú, Hầu tướng và quan lại địa phương phạm tội.

7. Mùa thu, tháng chín, Quán Quân Cảnh Hoàn hầu Hoắc Khứ Bệnh hoăng. Thiên tử rất thương xót, cho làm mộ phần cao, hình dáng tựa núi Kỳ Liên.

Khi trước, Hoắc Trọng Nhụ trả chức về nhà, lấy vợ, sinh con là Quang. Khứ Bệnh sau khi trưởng thành, bèn tự biết cha mình là Hoắc Trọng Nhụ. Lúc làm Phiêu kỵ tướng quân, đi đánh Hung Nô, trên đường qua Hà Đông, phái quan lại đón Trọng Nhụ đến tương kiến, mua cho nhiều ruộng đất và nô tì rồi đi; khi quay về, nhân tiện đem Hoắc Quang sang tây đến Trường An, bảo cử cho làm quan Lang, ít lâu thăng đến chức Phụng xa đô úy, Quang lộc đại phu.

8. Năm ấy, Đại nông lệnh Nhan Dị bị giết.

---

[1] Bắt đầu dùng hình thức ban bố sách mệnh phong các Vương ở nhà Thái miếu.

Khi trước, Dị vì liêm khiết chính trực, dần được thăng đến vị Cửu khanh. Lúc chúa thượng và Trương Thang nghị bàn chế da hươu trắng làm tiền,[1] hỏi Dị, Dị nói:

- Nay các Vương hầu đến chầu chúc mừng dùng ngọc bích xanh, giá mấy nghìn tiền, nhưng dùng da lót ngọc dâng lên giá đến bốn chục vạn, gốc ngọn không tương xứng.

Thiên tử không vui. Trương Thang lại bất hòa với Dị, lúc có người tố cáo Dị vì việc khác, Đế giao cho Thang định tội Dị. Vì có người khách nói với Dị là lệnh mới ban xuống có điều bất tiện, Dị không đáp lời, hơi bĩu môi. Thang tấu tội rằng:

- Dị là Cửu khanh, thấy lệnh bất tiện, không vào nói mà phỉ báng trong bụng, ứng tội chết.

Từ đấy về sau, do có lệ xét tội "phỉ báng trong bụng", nên các công khanh và đại phu đa phần a dua siểm nịnh để được yên thân.

Năm Nguyên Đỉnh nguyên niên (Ất Sửu – TCN 116)

1. Mùa hạ, tháng năm, đại xá thiên hạ.

2. Tế Đông vương Lưu Bành Ly ngang ngược hung hãn, mỗi lúc chập tối, hay cùng gia nô và bọn thiếu niên vong mệnh đi cướp bóc giết người, đoạt lấy tài vật coi thế làm thích, số người bị giết hại phát giác được là hơn trăm, vì thế bị phế truất, đày đến Thượng Dung.

Năm Nguyên Đỉnh thứ hai (Bính Dần – TCN 115)

1. Mùa đông, tháng mười một, Trương Thang mắc tội, tự sát.

Khi trước, Ngự sử trung thừa Lý Văn hiềm khích với Trương Thang, viên Lại được Thang hậu đãi là Lỗ Yết Cư ngầm sai

[1] Việc này nói ở Hán kỷ, quyển mười một, sự kiện năm Nguyên Thú thứ tư.

người dâng thư tố cáo các việc gian của Văn, việc giao xuống cho Thang xử trị, luận tội chết. Thang trong lòng biết rõ là Yết Cư tố cáo, chúa thượng hỏi:

- Việc cáo giác đó từ đâu mà ra?

Thang vờ kinh ngạc nói:

- Việc này có lẽ do người quen cũ của Văn oán hận tố cáo.

Yết Cư mắc bệnh, Thang đích thân xoa bóp chân cho Yết Cư. Triệu vương vốn oán Thang, dâng thư tố cáo rằng: "Thang là đại thần, lại giúp xoa chân cho viên Lại, thần ngờ họ cùng làm việc đại gian." Việc giao xuống cho Đình úy xét. Yết Cư ốm chết, việc liên lụy đến em của Yết Cư. Em của Yết Cư bị giam tù ở chỗ Đạo quan[1], Thang cũng đến chỗ Đạo quan thẩm vấn tù phạm, gặp em của Yết Cư, muốn ngầm giúp đỡ, nhưng vờ như không biết hắn. Em của Yết Cư chẳng biết điều đó, oán Thang, sai người dâng thư, tố cáo việc Thang cùng Yết Cư chung mưu tố cáo Lý Văn. Đế giao việc xuống cho Giám Tuyên xét. Tuyên từng có hiềm khích với Thang, lúc được xét việc này, truy đến tận cùng vụ việc, nhưng chưa tấu báo. Gặp lúc có người ăn trộm tiền chôn giấu trong vườn lăng của vua Hiếu Văn, Thừa tướng Thanh Địch lên triều, cùng Thang ước hẹn đều tạ tội, lúc đến trước chúa thượng, riêng Thang không tự tạ tội.[2] Chúa thượng sai Ngự sử xét xử Thừa tướng, Thang muốn dẫn điều văn "Thừa tướng kiến tri"[3], Thừa tướng lo sợ. Trưởng sử của Thừa tướng là Chu Mãi Thần, Vương Triều và Biên Thông, vốn đều là Cửu khanh, Nhị thiên thạch lúc trước, ra làm quan trước Thang lâu. Thang nhiều lần coi thay việc Thừa tướng, biết ba vị Trưởng sử

---

[1] Đạo quan (导官), là chức quan đặt ra thời nhà Hán, chủ về việc chọn thóc gạo. Có thể bấy giờ tội phạm rất đông, các nhà ngục đều đầy chặt, nên lấy chỗ đó làm nơi tạm giam phạm nhân, chờ xét xử.

[2] Ý của Thang là Thừa tướng coi việc vườn lăng, Ngự sử đại phu không dự, không biết, cho nên không tạ.

[3] Tội "kiến tri" được nói đến ở Hán kỷ, quyển 10, năm Nguyên Quang thứ năm.

ấy vốn tôn quý, cố ý lấn hiếp chiết nhục họ, xem họ như tiểu lại, ba vị Trưởng sử đều oán hận, muốn lấy cái chết để phát lộ gian mưu của Thang, bèn cùng Thừa tướng bàn mưu, sai quan lại đi bắt và tra vấn bọn nhà buôn là Điền Tín, vung tin rằng: "Trương Thang hễ muốn tấu việc thỉnh xin, Tín thường biết trước việc đó, liền tích trữ đồ vật để bán kiếm lời, cùng Thang chia chác." Lời nói về việc ấy truyền đi, chúa thượng hỏi Thang rằng:

- Việc ta làm, nhà buôn thường biết trước, tích chứa nhiều đồ vật quan hệ tới việc đó, tựa như có người đem mưu của ta bảo với bọn họ.

Thang không tạ lỗi, lại vờ kinh ngạc nói:

- Cố nhiên là việc đáng ngờ.

Giảm Tuyên cũng tấu việc của bọn Yết Cư lên. Thiên tử cho là Thang mang lòng gian trá lại đối mặt dối lừa, sai Triệu Vũ nghiêm trách Thang, Thang bèn viết thư tạ tội, nhân đó nói:

- Hãm hại thần, là ba vị Trưởng sử vậy.

Rồi tự sát. Sau khi Thang chết, gia sản trị giá chẳng quá năm trăm cân vàng. Anh em con cháu muốn hậu táng Thang, mẹ của Thang nói:

- Thang là đại thần của Thiên tử, chịu lời ô uế mà chết, sao lại hậu táng được!

Bèn dùng xe bò chở đi, có áo quan không có quách. Thiên tử nghe nói việc ấy, bèn xét tận án, giết chết ba vị Trưởng sử.

Tháng mười hai, ngày Nhâm Thìn, Thừa tướng Thanh Địch bị tống ngục, tự sát.

2. Mùa xuân, Đế khởi dựng đài Bách Lương. Làm mâm hứng sương, cao hai mươi trượng, lớn bảy vòng ôm, dùng đồng chế thành; bên trên có bàn tay người tiên hứng sương, để hòa với bột ngọc mà uống, nghe nói có thể nhờ thế được trường sinh bất lão. Việc tu sửa cung thất từ đấy ngày một thịnh.

3. Tháng hai, lấy Thái tử Thái phó Triệu Chu làm Thừa tướng.

4. Tháng ba, ngày Tân Hợi, lấy Thái tử Thái phó Thạch Khánh làm Ngự sử đại phu.

5. Có mưa tuyết lớn.

6. Mùa hạ, nước dâng cao, dân Quan Đông chết đói tính kể nghìn

7. Năm ấy, Khổng Cận làm Đại nông lệnh, còn Tang Hoằng Dương làm Đại nông trung thừa, dần dần đặt ra chức Quân thâu, để lưu thông hàng hóa.[1]

8. Bạch kim tệ dần dần bị rẻ rúng, dân không muốn dùng, rút cục phế bỏ tiền ấy. Vì thế cấm tất cả các quận, quốc không được đúc tiền, mà giao riêng cho ba vị quan ở Thượng Lâm đúc, lệnh rằng tiền trong thiên hạ không phải do ba vị quan này đúc thì không được lưu hành. Thế nên việc đúc tiền trong dân ngày càng ít, tính ra phí tổn đúc tiền và lợi thu được không tương xứng, duy có thợ tay nghề cao và bọn đại gian mới làm việc ấy.

9. Hồn Gia vương đã hàng nhà Hán, binh Hán đánh đuổi Hung Nô đến phía bắc đại mạc, từ Diêm Trạch về đông trống không, không có người Hung Nô, đường đi Tây Vực thông suốt. Vì thế Trương Khiên kiến nghị rằng:

- Ô Tôn vương Côn Mạc vốn là phiên thần của Hung Nô, về sau binh lực dần cường mạnh, không chịu thờ phục Hung Nô nữa, người Hung Nô đánh họ không thắng được rồi bỏ đi. Nay Thiền vu mới bị khốn bởi nhà Hán, mà đất của Hồn Gia trước đây không có người ở, thói tục của người Man Di là lưu luyến đất cũ, lại tham tài vật của người Hán, nay nếu ta dùng lễ vật hậu đãi hối lộ nước Ô Tôn, chiêu dụ họ dời về phía đông, ở chỗ đất cũ của Hồn Gia vương, cùng nhà Hán kết thành nước huynh

---

[1] Chức quan này được đặt ở khắp các quận, quốc, có nhiệm vụ chuyển chở hàng hóa từ nơi thừa đến cấp cho nơi thiếu, giúp cân bằng giá cả, đại khái là bình ổn vật giá.

đệ, xét về hình thế họ sẽ nghe theo ta, họ nghe rồi thì chặt được cánh tay của Hung Nô vậy[1]. Sau khi ta liên kết với Ô Tôn, các nước ở phía tây như nước Đại Hạ đều có thể chiêu vời đến làm nước phiên thuộc bên ngoài.

Thiên tử cho là đúng, bái Khiên làm Trung lang tướng, suất lĩnh ba trăm người, mỗi người hai ngựa, bò dê tính kể vạn, đem theo vàng và lụa bạch trị giá mấy nghìn vạn tiền; đặt nhiều phó sứ giữ phù tiết, nếu đường có thể đi được, thì phái phó sứ đi tiếp sang nước lân bang.

Sau khi Khiên đến nước Ô Tôn, Côn Mạc gặp Khiên, lễ tiết rất ngạo mạn. Khiên truyền dụ chỉ rằng:

- Nếu nước Ô Tôn có thể về đông ở đất cũ, thì nhà Hán sẽ phái một vị Công chúa đi làm phu nhân, kết thành nước huynh đệ, cùng cự Hung Nô, Hung Nô chẳng thể phá hoại được vậy.

Ô Tôn vương tự cho rằng nhà Hán ở cách mình rất xa, chưa biết nước ấy lớn hay nhỏ; vốn phụ thuộc vào Hung Nô lâu ngày, vả lại ở gần Hung Nô, đại thần nước Ô Tôn đều úy kỵ Hung Nô, không muốn dời chuyển. Khiên lưu lại Ô Tôn rất lâu, không nhận được chủ trương rõ ràng, liền phân phái phó sứ đi sứ các nước Đại Uyển, Khang Cư, Đại Nguyệt Chi, Đại Hạ, An Tức, Thân Độc, Vu Điền và các nước bên cạnh. Nước Ô Tôn phái phiên dịch, hướng đạo đưa Khiên quay về, sứ giả mấy chục người, ngựa mấy chục con, theo Khiên đi đáp tạ, nhân đó lệnh sai dò xét xem nước Hán lớn nhỏ thế nào.

Năm ấy, Khiên về, đến kinh sư, được bái làm Đại hành. Hơn một năm sau, sứ giả mà Khiên phái đi thông sứ với các nước

---

[1] Theo *Hán thư - Trương Khiên truyện*: Cha của Côn Mạc là Nan Đâu Mĩ vốn cùng người Đại Nguyệt Chi đều ở khu vực giữa Kỳ Liên, Đôn Hoàng, thống quản một nước nhỏ. Về sau người Đại Nguyệt Chi đánh giết Nan Đâu Mĩ, đoạt lấy đất của ông ta. Rồi Đại Nguyệt Chi lại bị Hung Nô công phá, liền sang tây đánh Tái vương mà đoạt lấy nước. Côn Mạc muốn báo thù cha, sang tây đánh phá nước Đại Nguyệt Chi, rồi liền ở lại đó mà dựng nước Ô Tôn. Trương Khiên nói muốn dụ người Ô Tôn về đất cũ là vì căn nguyên như thế.

như Đại Hạ đều cùng sứ của các nước ấy đến, từ đấy các nước Tây Vực bắt đầu qua lại với nhà Hán.

Xứ Tây Vực cả thảy có ba mươi sáu nước[1], hai phía nam bắc có núi lớn, ở giữa có sông ngăn cách, đông tây hơn sáu trăm dặm, nam bắc hơn nghìn dặm, phía đông tiếp giáp với Ngọc Môn, Dương Quan của nhà Hán, phía tây giới hạn bởi Thông Lĩnh. Dòng sông ngăn cách ở giữa có hai nguồn, một chảy ra từ Thông Lĩnh, một chảy ra từ Vu Điền, sau khi hợp lưu thì chảy về phía đông đổ vào Diêm Trạch. Diêm Trạch cách Ngọc Môn và Dương Quan hơn ba trăm dặm. Từ Ngọc Môn, Dương Quan sang Tây Vực có hai đường: Từ nước Thiện Thiện men theo chân núi phía bắc của Nam Sơn, lại đi dọc theo dòng nước hướng về tây đi đến nước Toa Xa, là con đường phía nam; theo con đường phía nam đi sang tây vượt Thông Lĩnh, thì tới nước Đại Nguyệt Chi, An Tức. Từ vương đình của Xa Sư Tiền vương đi men Bắc Sơn rồi thuận theo dòng nước sang tây đến nước Sơ Lặc, là con đường phía bắc; theo đường phía bắc sang tây vượt Thông Lĩnh, thì tới nước Đại Uyển, Khang Cư, Yểm Thái. Từ trước họ đều chịu sự sai khiến của Hung Nô, Nhật Trục vương của tây bộ Hung Nô đặt chức Đồng phó đô úy, sai cai quản Tây Vực, thường trú tại vùng Yên Kỳ, Nguy Tu, Úy Lê, trưng thu thuế khóa, đoạt của cải ở các nước ấy.

Sau khi Ô Tôn vương không chịu dời về phía đông, nhà Hán bèn lấy đất cũ của Hồn Gia vương đặt ra quận Tửu Tuyền, rồi dần dần điều phát chuyển dân để sung đầy đất ấy; sau lại chia đặt quận Vũ Uy, để dứt tuyệt đường đi lại giữa người Hung Nô và người Khương.

Thiên tử có được ngựa Hãn huyết[2] của nước Đại Uyển, rất thích ngựa ấy, đặt tên là "Thiên mã". Sứ giả đi Đại Uyển tìm

---

[1] Xứ Tây Vực ban đầu qua lại với nhà Hán có 36 nước, sau phân thành 50 nước.

[2] Tức giống ngựa có mồ hôi màu đỏ như máu mà quyển trước đã nói vậy.

ngựa trên đường trông thấy nhau. Các sứ giả ra nước ngoài thành đoàn, lớn thì mấy trăm người, nhỏ thì hơn trăm người, mang theo của cải, phù tiết đại để như lúc Trương Khiên đi sứ, về sau đã quen thuộc thì số người đi và của cải mang theo giảm dần. Đại khái trong vòng một năm, sứ giả mà nhà Hán phái đi các nước, nhiều thì hơn chục đoàn, ít thì năm sáu đoàn; nước xa thì đi tám chín năm, nước gần thì đi mấy năm mới quay về.

Năm Nguyên Đỉnh thứ ba (Đinh Mão – TCN 114)

1. Mùa đông, dời vị trí ải Hàm Cốc đến huyện Tân An.[1]

2. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Mậu Tý, vườn lăng của Cảnh đế phát hỏa.

3. Mùa hạ, tháng tư, có mưa đá.

4. Hơn chục quận, quốc vùng Quan Đông bị nạn đói, người ăn thịt lẫn nhau.

5. Thường Sơn Hiến vương Lưu Thuấn hoăng, con là Bột nối tự, bị buộc tội lúc Hiến vương mắc bệnh không hầu hạ, cư tang không đúng lễ chế, phế bỏ tước, đày đến huyện Phòng Lăng. Hơn một tháng sau, Thiên tử lại phong một người con khác của Hiến vương là Bình làm Chân Định vương, đổi Thường Sơn thành quận, vì thế toàn bộ Ngũ nhạc[2] đều thuộc quản hạt của Thiên tử.

6. Chuyển Đại vương Lưu Nghĩa làm Thanh Hà vương.

7. Năm ấy, Thiền vu Hung Nô là Y Trĩ Tà chết, con là Thiền vu Ô Duy nối lập.

---

[1] Theo *Hán thư* của Ban Cố, quan ải cũ nằm ở huyện Hoằng Nông, huyện Hoằng Nông cách huyện Tân An ba trăm dặm. Sách *Thuật chinh ký* viết: Huyện Tân An, đến nay vẫn gọi là Tân quan (quan ải mới).

[2] Ngũ nhạc là năm ngọn núi Tung Sơn, Hoa Sơn, Hằng Sơn, Hành Sơn và Thái Sơn.

Năm Nguyên Đỉnh thứ tư (Mậu Thìn – TCN 113)

1. Mùa đông, tháng mười, chúa thượng tuần hành đến huyện Ung, cử hành tế lễ ở Ngũ Chỉ. Hạ chiếu rằng:

"Nay kính Thượng đế, thì trẫm đích thân tế Giao, còn Hậu thổ thì không tế, về lễ là không xứng vậy, nay lệnh cho Hữu ti nghị bàn!"

Hữu ti kiến nghị lập đền thờ Hậu thổ ở gò đất trong đầm. Chúa thượng bèn từ Hạ Dương sang đông đi đến Phần Âm. Bấy giờ, Thiên tử bắt đầu đi tuần các quận, quốc; Quận thú Hà Đông chẳng ngờ xa giá đến, cung ứng không đủ, hoảng sợ tự sát. Tháng mười một, ngày Giáp Tý, lập đền thờ Hậu thổ ở trên gò Phần Âm, chúa thượng tự thân bái vọng, như lễ Thượng đế. Lễ xong, xa giá tới Huỳnh Dương, rồi về, đến Lạc Dương, phong hậu duệ nhà Chu là Cơ Gia làm Chu tử Nam quân.

2. Mùa xuân, tháng hai, Trung Sơn Tĩnh vương Lưu Thắng hoăng.

3. Lạc Thành hầu Đinh Nghĩa tiến cử phương sĩ là Loan Đại, nói rằng hắn và Văn Thành tướng quân học cùng một thầy. Chúa thượng đang hối hận đã giết Văn Thành,[1] được Loan Đại, cả mừng. Đại lúc trước thờ Giang Đông Khang vương, là người khéo nói lời ngon ngọt, lắm phương lược, lại dám đại ngôn, người khác nghe không nghi ngờ. Đại nói rằng:

- Thần thường qua lại giữa biển, gặp lũ An Kỳ, Tiện Môn, họ cho rằng thần địa vị hèn mọn, không tin thần; lại cho rằng Khang vương chỉ là chư hầu thôi, chẳng đáng giúp phương thuật. Thầy của thần nói: "Vàng có thể luyện thành mà sông Hoàng Hà vỡ có thể lấp, thuốc bất tử có thể có được, thần tiên có thể vời đến được." Nhưng thần sợ mình lại bị giống như Văn Thành, thì phương sĩ đều ngậm miệng, há dám nói về phương thuật sao!

---

[1] Xem việc này ở sự kiện năm Nguyên Thú thứ năm.

Chúa thượng nói:

- Văn Thành ăn gan ngựa nên chết thôi. Ngươi nếu thực có thể tìm được phương cách trường sinh, ta há tiếc sao!

Đại nói:

- Thầy của thần không cầu người khác, người khác phải cầu thầy của thần. Bệ hạ nhất định muốn vời thầy của thần đến, thì phải quý trọng sứ giả của ông ấy, khiến người đó thành thân thuộc của mình, dùng khách lễ đối đãi, như thế thầy của thần mới có thể giúp Bệ hạ chuyển lời đến thần tiên.

Vì thế chúa thượng sai Đại thử nghiệm thuật nhỏ, Đại cho các lá cờ đấu nhau, các lá cờ quả nhiên tự va chạm.

Bấy giờ chúa thượng đang lo Hoàng Hà vỡ mà vàng không có cách luyện thành, bèn bái Đại làm Ngũ Lợi tướng quân, sau lại bái làm Thiên sĩ tướng quân, Địa sĩ tướng quân, Đại thông tướng quân. Mùa hạ, tháng tư, ngày Ất Tỵ, phong Đại làm Nhạc Thông hầu, thực ấp hai nghìn hộ, ban nhà ở hạng nhất, tôi tớ nghìn người, đem các thứ xe kiệu, màn trướng và khí vật mình không dùng chất đầy nhà hắn, lại gả Vệ trưởng công chúa làm vợ hắn, đưa tặng chục vạn cân vàng. Thiên tử thân đến nhà Ngũ Lợi, sứ giả đi hỏi han cung ứng cho hắn, chen chúc ở trên đường. Từ Thái chủ, Thừa tướng, Tướng quân trở xuống, đều đặt tiệc rượu ở nhà hắn, dâng tặng vật phẩm cho hắn. Thiên tử lại khắc ấn ngọc "Thiên đạo tướng quân", sai sứ giả mặc áo lông vũ, ban đêm đứng trên đám cỏ tranh màu trắng; Ngũ Lợi tướng quân cũng mặc áo lông vũ, đứng trên đám cỏ tranh màu trắng nhận ấn, để tỏ ý rằng mình không phải là bầy tôi của Đế nữa. Đại gặp Đế được mấy tháng, đeo sáu ấn[1], quý hiển chấn động thiên hạ. Vì thế người vùng duyên hải đất Yên, Tề, chẳng ai không chống tay tự nói mình có bí thuật, có thể thấu đến thần tiên.

---

[1] Năm ấn Tướng quân: Ngũ Lợi, Thiên sĩ, Đại sĩ, Đại thông, Thiên đạo và ấn Nhạc Thông hầu.

4. Tháng sáu, thầy đồng ở Phần Âm tên là Cẩm bắt được cái đỉnh lớn ở bên cạnh đền thờ Hậu thổ tại Ngụy Thùy, Thái thú Hà Đông đem việc báo lên. Thiên tử sai sứ giả tới kiểm chứng, việc thầy đồng bắt được đỉnh không hề có sự gian trá, bèn dùng để tế lễ, rước đỉnh đến cung Cam Tuyền, Đế đem đỉnh đi cùng, dâng lên tông miếu và Thượng đế, cất giấu ở cung Cam Tuyền; quần thần đều hướng lên chúc thọ.

5. Mùa thu, lập con của Thường Sơn Hiến vương là Thương làm Tứ Thủy vương.

6. Khi trước, Điều hầu Chu Á Phu làm Thừa tướng,[1] Triệu Vũ làm Thừa tướng sử, người trong phủ đều khen Triệu Vũ công bằng liêm khiết, nhưng Á Phu không trọng dụng Vũ, nói:

- Ta biết rõ là Vũ công bằng, nhưng văn thâm[2], chẳng nên để nắm quyền ở đại phủ.

Lúc Vũ làm Thiếu phủ, chấp pháp so với Cửu khanh hà khắc hơn hẳn; đến khi Vũ cao tuổi, các quan lại chuyên dùng hình pháp nghiêm khốc, nhưng Vũ lại có tiếng là người công bằng và khoan hòa.

Trung úy Doãn Tể bình thời chém giết không kiêng tránh bất kỳ ai, vì thế nổi danh, lúc làm Trung úy, quan dân càng thêm tàn tạ. Năm ấy, Tể bị tố cáo không gánh vác nổi chức trách, bị hạch tội. Chúa thượng lại dùng Vương Ôn Thư làm Trung úy, Triệu Vũ làm Đình úy. Bốn năm sau, Vũ vì già yếu, bị biếm làm Tướng quốc nước Yên.

Thời ấy quan lại cai trị đều dùng pháp luật hết sức thảm khốc, duy có Tả nội sử Nghê Khoan khuyến khích nghề nông, nới lỏng hình phạt, xử lý ngục tụng rạch ròi, cốt thu lấy nhân tâm; tuyển dụng kẻ sĩ nhân hậu, dùng tình cảm đối đãi thuộc hạ,

---

[1] Chu Á Phu và năm Tiền Nguyên thứ bảy (đời Cảnh đế) làm Thừa tướng, đến năm Trung Nguyên thứ ba (đời Cảnh đế) bị bãi chức.

[2] Ý nói Vũ chấp pháp rất hà khắc, là khốc lại, cho nắm quyền thì hại nhiều hơn lợi.

chẳng cầu lấy tiếng tăm, quan dân rất yêu mến tin tưởng; lúc thu tô thuế, thì căn cứ vào mùa tiết mà quyết định, không trưng thu gấp, vay mượn giúp cho dân, vì thế tô thuế nhiều khi không nộp kịp. Về sau có việc trưng phát quân dịch, Tả nội sử vì thiếu số tô đã định, thành tích đứng hạng bét, đáng bị cách chức; dân nghe nói Khoan sắp bị bãi chức, đều lo sợ mất Khoan, hộ lớn nhà giàu dùng xe bò, hộ nhỏ nhà nghèo vác cõng tô thuế, chuyển nộp liên miên không dứt, khóa sổ tính lại, thành tích của Khoan thành tốt nhất. Chúa thượng vì thế càng kinh lạ về Khoan.

7. Khi trước, Nam Việt vương phái con mình là Anh Tề vào triều làm Túc vệ,[1] ở tại Trường An, lấy con gái họ Cù, người Hàm Đan làm vợ, sinh con là Hưng. Văn vương hoăng, Anh Tề nối lập, bèn giấu ấn của Vũ đế[2] lúc trước, dâng thư xin lập con gái họ Cù làm Vương hậu, Hưng làm người nối tự. Hán triều nhiều lần sai sứ sang khuyên dụ Anh Tề vào triều bái yết. Anh Tề thích hưởng lạc, nắm giữ đại quyền ban sống chết, sợ đi rồi sẽ bị ước thúc, phải theo pháp luật của nhà Hán như chư hầu ở trong nước, bèn cố ý xưng có bệnh, không về triều kiến. Anh Tề hoăng, được ban thụy là Minh vương. Thái tử là Hưng thay lập, mẹ của Hưng làm Thái hậu.

Thái hậu từ lúc chưa làm vợ của Anh Tề, từng cùng An Quốc Thiếu Quý người huyện Bá Lăng tư thông. Năm ấy, chúa thượng phái An Quốc Thiếu Quý sang dụ Vương và Vương thái hậu về chầu, như các chư hầu trong nước, sai bọn biện sĩ là Chung Quân làm Gián đại phu đi theo giúp tuyên dụ chỉ của triều đình, dũng sĩ là bọn Ngụy Thần đi theo giúp quyết định, Vệ úy là Lộ Bác Đức đem binh đóng đồn ở Quế Dương để đợi sứ giả.

---

[1] Việc Anh Tề vào triều làm Túc vệ nói ở Hán kỷ quyển thứ chín, sự kiện năm Kiến Nguyên nguyên niên.

[2] Triệu Đà, làm vua Nam Việt, tự xưng hiệu Nam Việt Vũ đế. Văn vương, tức Triệu Hồ, hiệu là Nam Việt Văn vương (do Triệu Đà bỏ hiệu Đế, xưng vương).

Nam Việt vương ít tuổi, Thái hậu là người Trung Quốc, sau khi An Quốc Thiếu Quý đến, lại cùng tư thông. Người trong nước nghe biết chuyện, đa phần không theo Thái hậu. Thái hậu sợ loạn nổi lên, cũng muốn dựa uy nhà Hán, nhiều lần khuyên Vương cùng quần thần xin nội thuộc; liền thông qua sứ giả dâng thư, xin được xem như chư hầu ở trong nước, ba năm một lần vào chầu, bỏ quan ải biên giới. Vì thế Thiên tử ưng thuận, ban cho Thừa tướng của Vương là Lã Gia ấn bạc, bọn Nội sử, Trung úy, Thái phó cũng đều được triều đình ban ấn, các chức khác thì được tự đặt; phế bỏ hình phạt cũ là chạm mặt, cắt mũi, dùng pháp luật của nhà Hán, coi như chư hầu trong nước. Sứ giả đều ở lại, để vỗ về phủ dụ nước ấy.

8. Chúa thượng tuần hành đến đất Ung, sắp cử hành tế Giao, có người nói:

- Ngũ đế trợ giúp thần Thái Nhất vậy. Nên lập miếu thờ thần Thái Nhất, rồi chúa thượng đích thân tế Giao.

Chúa thượng nghi ngờ chưa quyết. Người nước Tề là Công Tôn Khanh nói:

- Năm nay bắt được bảo đỉnh, đông này, vào ngày Tân Tỵ là ngày sóc, sáng sớm ứng với tiết đông chí, giống thời Hoàng Đế.

Khanh có thẻ thư viết: "Hoàng Đế có được bảo đỉnh, năm ấy, ngày Kỷ Dậu là ngày sóc, sáng sớm ứng với tiết Đông chí, tính ra qua ba trăm tám mươi năm, Hoàng Đế thành tiên bay lên trời." Bèn thông qua kẻ được Đế sủng ái tấu lời ấy. Chúa thượng cả mừng, triệu hỏi, Khanh đáp rằng:

- Thần nhận thẻ thư này từ Thân Công, Thân Công nói: "Nhà Hán hưng thịnh cũng như thời Hoàng Đế, thánh vương của Hán triều nằm trong số cháu chắt của Cao tổ vậy. Bảo đỉnh xuất hiện lại tương thông với ý của thần minh, Hoàng Đế nghênh tiếp cả vạn thần minh ở Minh đình, Minh đình là cung Cam Tuyền vậy. Hoàng Đế lấy đồng ở Thủ Sơn, đúc đỉnh dưới Kinh Sơn,

sau khi đỉnh đúc thành, có rồng rủ râu xuống đón Hoàng Đế, Hoàng Đế cưỡi lên lưng rồng, cùng với quần thần và hơn bảy mươi người ở hậu cung đều bay lên trời.

Vì thế Thiên tử nói:

- Than ôi! Nếu thực được như Hoàng Đế, ta xem việc rời bỏ vợ con như cởi giày mà thôi!

Bèn bái Khanh làm quan Lang, sai hắn đi về phía đông ngóng đợi thần ở núi Thái Thất.

Năm Nguyên Đỉnh thứ năm (Kỷ Tỵ – TCN 112)

1. Mùa đông, tháng mười, chúa thượng tế Ngũ Chỉ ở đất Ung, rồi vượt Lũng Để, sang tây lên núi Không Động. Thái thú Lũng Tây vì Đế thốt nhiên đến, không cung ứng kịp đồ ăn cho quan lại đi theo Thiên tử, hoảng sợ tự sát. Thế rồi chúa thượng lên bắc ra Tiêu Quan, mấy vạn quân kỵ đi theo đến Tân Tần Trung săn bắn, để khuyến khích binh sĩ đồn trú tại biên giới rồi quay về. Tại Tân Tần Trung có khi nghìn dặm không đặt chỗ trú phòng, vì thế giết Thái thú Bắc Địa và bọn hạ cấp có liên can. Chúa thượng lại đến Cam Tuyền, lập đàn tế thần Thái Nhất, khí cụ dùng tế tự phỏng như khí cụ ở đàn Nhất Chỉ đất Ung nhưng đồ lễ tăng thêm. Lại dựng đàn tế Ngũ đế bao quanh bên dưới đàn tế thần Thái Nhất, bày đồ tế để tế tự các vị thần tùy tòng cùng sao Bắc Đẩu. Tháng mười một, ngày Tân Tỵ là ngày sóc, tiết Đông chí; tảng sáng, Thiên tử bắt đầu tế thần Thái Nhất, sáng sớm hướng về đông bái tế mặt trời, chiều tối hướng về tây nam bái tế mặt trăng. Lúc tế tự, đuốc cháy đầy đàn, bên cạnh đàn đặt dụng cụ thổi nấu. Hữu ti nói:

- Trên đàn tế có ánh sáng.

Lại nói:

- Ban ngày có luồng khí vàng bay lên trời.

Bọn Thái sử lệnh Tư Mã Đàm, Từ quan Khoan Thư thỉnh xin Thiên tử cứ ba năm một lần tế Giao, Đế hạ chiếu đồng ý.

2. Nam Việt vương, Vương thái hậu sắm sửa hành trang, quà biếu, chuẩn bị về kinh triều cống. Thừa tướng Nam Việt là Lã Gia tuổi đã cao, trải chức Thừa tướng ba đời vua, tông tộc làm quan, làm Trưởng lại đến hơn bảy mươi người, con trai đều lấy con gái Vương, con gái đều lấy con em của Vương hoặc người trong tông thất, lại cùng với Tần vương ở quận Thương Ngô có quan hệ thông gia, người trong nước rất tôn trọng, được lòng dân hơn Vương. Lúc Vương dâng thư, Lã Gia mấy lần can ngăn, Vương không nghe; Gia có ý phản, nhiều lần xưng bệnh, không tiếp sứ giả nhà Hán. Các sứ giả đều chú ý đến Gia, nhưng về thế chưa thể giết được. Vương và Vương thái hậu cũng sợ bọn Gia phát động trước, muốn nhờ uy quyền các sứ giả nhà Hán, mưu giết bọn Gia, bèn đặt tiệc rượu mời sứ giả, đại thần đều đến hầu rượu. Em của Gia làm tướng võ, lĩnh binh tốt ở ngoài cung. Lúc mời rượu, Thái hậu bảo Gia rằng:

- Nước Nam Việt nội thuộc, là cái lợi của quốc gia vậy; mà Thừa tướng lại cho là bất tiện, sao vậy?

Muốn lấy lời đó để kích giận sứ giả. Các sứ giả chần chừ ngó nhau, nhưng không ai dám phát động. Gia thấy tình thế khác thường, lập tức đứng dậy mà lui. Thái hậu giận, muốn lấy mâu đâm Gia, Vương ngăn Thái hậu lại. Gia bèn đi ra, thu binh của em quay về phủ, xưng bệnh, không chịu gặp Vương và sứ giả, ngầm cùng các đại thần bàn mưu tác loạn. Vương vốn không có ý giết Gia, Gia biết điều ấy, vì thế mấy tháng không phát binh.

Thiên tử nghe nói Gia không theo mệnh, Vương và Vương thái hậu thế cô lực nhược chẳng thể chế ngự được, sứ giả khiếp nhát không quả quyết; lại cho là Vương và Vương thái hậu đã quy phục Hán, một mình Lã Gia làm loạn, không đáng để hưng binh, muốn sai Trang Sâm đem hai nghìn người sang sứ Nam Việt. Sâm nói:

- Lấy tình hòa hảo qua đó, mấy người là đủ rồi; dùng vũ lực qua đó, hai nghìn người không đủ để dùng vậy.

Liền từ chối mà không đi, Thiên tử bãi chức Sâm. Tráng sĩ ở huyện Giáp là Hàn Thiên Thu, từng làm Tướng quốc nước Tế Bắc ngày trước hăng hái nói:

- Lấy cái nước Việt mỏn mọn, lại có Vương và Vương thái hậu làm nội ứng, chỉ một mình Thừa tướng Lã Gia gây hại, thần xin được cấp ba trăm dũng sĩ, nhất định chém Gia để báo đáp.

Vì thế Thiên tử phái Thiên Thu cùng em của Vương thái hậu là Cù Lạc đem hai nghìn người qua đó. Vào đến biên cảnh nước Việt, bọn Lã Gia bèn phản loạn, hạ lệnh ở trong nước rằng:

- Vương ít tuổi. Thái hậu là người Trung Quốc, lại cùng sứ giả dâm loạn, một lòng muốn nội thuộc, đem hết bảo khí của tiên vương về dâng Thiên tử để nịnh nọt; đem nhiều người đi theo, đến Trường An, bán cho người ta làm tôi đòi; chỉ chọn cái lợi thoát thân nhất thời, không đoái hoài gì đến xã tắc họ Triệu, không có ý lo tính cho con cháu vạn đời.

Gia bèn cùng em mình đem binh tốt đánh giết Vương, Vương thái hậu cùng các sứ giả nhà Hán, phái người báo với Tần vương ở quận Thương Ngô và các quận huyện; lại lập con trưởng của Minh vương với vợ người Việt là Thuật Dương hầu Kiến Đức làm Vương. Rồi binh của Thiên Thu tiến vào, phá được mấy ấp nhỏ. Sau đấy quân Việt mở thẳng đường chở lương thực, cách Phiên Ngu bốn mươi dặm, đem binh Việt đánh bọn Thiên Thu, diệt được họ; sai người niêm phong cờ tiết của sứ giả nhà Hán đem đặt ở cửa ải, dùng lời dối trá tạ tội, lại phát binh giữ các chỗ trọng yếu.

Mùa xuân, tháng ba, ngày Nhâm Ngọ, Thiên tử nghe tin Nam Việt phản, nói:

- Hàn Thiên Thu tuy không thành công, cũng vẫn đứng đầu quân tiên phong, nay phong cho con của Thiên Thu là Diên Niên

làm Thành An hầu; chị của Cù Lạc là Vương thái hậu, là người đứng đầu xin quy thuộc nhà Hán, nay phong cho con của Lạc là Quảng Đức làm Long Kháng hầu.

3. Mùa hạ, tháng tư, đại xá thiên hạ.

4. Ngày Đinh Sửu là ngày hối, có nhật thực.

5. Mùa thu, Đế phái Phục ba tướng quân Lộ Bác Đức tiến từ quận Quế Dương, xuôi sông Hoàng; Lâu thuyền tướng quân Dương Bộc tiến từ quận Dự Chương, xuôi sông Trinh; Quy Nghĩa hầu người Việt là Nghiêm làm Qua thuyền tướng quân tiến ra Linh Lăng, xuôi sông Ly; Giáp làm Hạ lại tướng quân, tiến xuống quận Thương Ngô; đều thống lĩnh bọn tội nhân cùng chục vạn quân thủy ở vùng phía nam sông Giang, sông Hoài.[1] Sai Trì Nghĩa hầu người Việt tên Di lĩnh riêng tội nhân đất Ba, đất Thục, lại điều phát binh của nước Dạ Lang, xuôi sông Tang Kha, các lộ quân đều hội ở Phiên Ngu.

Tướng quốc nước Tề là Bốc Thức dâng thư lên triều đình, xin cho cha con mình và những người thạo đi thuyền sang Nam Việt liều chết. Thiên tử hạ chiếu biểu dương Thức, ban cho tước Quan nội hầu, thưởng mười sáu cân vàng, chục khoảnh ruộng, bố cáo thiên hạ; thiên hạ chẳng ai hưởng ứng. Bấy giờ Liệt hầu tính kể trăm, không có người nào tòng quân đi đánh nước Việt. Chính lúc tháng chín hành lễ dâng rượu tế tông miếu, Liệt hầu theo lệnh dâng vàng trợ tế. Thiếu phủ xét vàng, những người có vàng không đủ phân lượng hoặc sắc xấu, chúa thượng đều lệnh sai hặc tội bất kính, sáu trăm người bị đoạt tước. Ngày Tân Tỵ, Thừa tướng Triệu Chu mắc tội biết Liệt hầu dâng vàng không đủ phân lượng lại bao che, bị tống ngục, Triệu Chu tự sát.

6. Ngày Bính Thân, Đế lấy Ngự sử đại phu Thạch Khánh làm Thừa tướng, phong tước Mục Khâu hầu. Bấy giờ quốc gia

---

[1] Nghiêm là người nước Việt, vì hàng nhà Hán nên được ban tước Quy Nghĩa hầu (ý là theo về đại nghĩa); Giáp, cũng là người Việt, quy hàng nhà Hán.

lắm việc, bọn Tang Hoằng Dương mưu thủ lợi, lũ Vương Ôn Thư chấp pháp nghiêm khốc, còn bọn Nghê Khoan lại xem trọng Nho kinh, đều làm Cửu khanh, ganh nhau nắm quyền; các việc chẳng được chốt quyết bởi Thừa tướng, Thừa tướng Khánh chỉ thuần hậu, cẩn thận mà thôi.

7. Ngũ Lợi tướng quân sửa soạn khởi hành, đi về phía đông vào biển tìm thầy của mình. Sau khi đi rồi không dám vào biển, mà đến Thái Sơn cúng tế. Chúa thượng sai người theo sau tra xét, thực không thấy có thần tiên nào xuất hiện. Ngũ Lợi nói bừa rằng gặp được thầy mình, phương thuật của Ngũ Lợi đã dùng hết, đa phần không linh ứng, bị buộc tội "trá lừa dối gạt", chém ngang lưng; Lạc Thành hầu cũng bị chém vứt xác ngoài chợ.

8. Bộ tộc Tây Khương hơn chục vạn người làm phản, cùng Hung Nô thông sứ, đánh huyện Cố An, vây Phu Hãn. Hung Nô xâm phạm quận Ngũ Nguyên, giết Thái thú.

Năm Nguyên Đỉnh thứ sáu (Canh Ngọ – TCN 111)

1. Mùa đông, phát binh tốt hơn chục vạn người, phái Tướng quân Lý Tức, Lang trung lệnh Từ Tự làm Chinh Tây Khương, bình dẹp bạo loạn.

2. Lâu thuyền tướng quân Dương Bộc tiến vào đất Việt, đến trước, hãm Tầm Hiệp, phá Thạch Môn, bẻ gãy quân tiên phong của Nam Việt, đem mấy vạn người đợi Phục ba tướng quân Lộ Bác Đức đến cùng tiến, quân của Lâu thuyền tiến trước, đến Phiên Ngu, Nam Việt vương Kiến Đức và Thừa tướng Lã Gia thủ thành. Lâu thuyền giữ mặt đông nam, Phục ba giữ mặt tây bắc. Đến chiều tối, Lâu thuyền đánh bại quân Việt, phóng hỏa đốt thành. Phục ba lập doanh, phái sứ giả chiêu hàng; kẻ hàng được ban ấn thụ, lại thả cho về, sai chiêu dụ lẫn nhau. Lâu thuyền ra sức đánh, đốt địch, xua đuổi quân Việt vào doanh của Phục ba. Đến tảng sáng, người trong thành đều hàng. Kiến Đức,

Lã Gia nhân đêm tối trốn ra biển, Phục ba phái người truy đuổi chúng. Hiệu úy Tư mã Tô Hoằng bắt được Kiến Đức, Việt lang Đô Kê bắt được Gia. Binh của Qua thuyền tướng quân, Hạ lại tướng quân và binh nước Dạ Lang do Trì Nghĩa hầu điều phát chưa đến, Nam Việt đã bình được rồi. Bèn lấy đất này lập thành chín quận là: Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đam Nhĩ. Binh sư quay về, chúa thượng phong thêm thực ấp cho Phục ba, phong Lâu thuyền làm Tương Lương hầu, Tô Hoằng làm Hải Thường hầu, Đô Kê làm Lâm Thái hầu, hàng tướng nước Việt cũ là bọn Thương Ngô vương Triệu Quang có bốn người được phong tước hầu.[1]

3. Công Tôn Khanh chờ thần tiên ở Hà Nam, nói gặp được dấu vết của người tiên trên thành Câu Thị. Mùa xuân, Thiên tử đích thân đến thành Câu Thị xem dấu tích, hỏi Khanh:

- Ngươi không bắt chước Văn Thành và Ngũ Lợi chứ?

Khanh nói:

- Thần tiên thì không tìm bậc nhân chủ, bậc nhân chủ phải cầu gặp thần tiên; cái đạo cầu thần không rộng rãi, thần tiên không đến. Nói việc thần tiên tựa như nói việc hoang đường, phải nhiều năm tháng, mới có thể vời đến được.

Chúa thượng tin lời ấy. Vì thế các quận, quốc đều mở đường xá, sửa sang cung quán, núi non, đền tế thần để mong thần tiên giáng.

4. Lại hành lễ báo ơn thần tiên bảo hộ đánh được Nam Việt,[2] tế thần Thái Nhất, tế Hậu thổ, bắt đầu dùng nhạc múa.

5. Trì Nghĩa hầu điều phát binh các tộc Nam Di, muốn dùng họ đi đánh Nam Việt. Quân trưởng bộ tộc Thả Lan sợ sau khi

---

[1] Bốn người này là: Triệu Quang làm Tùy Đào hầu, Sử Định làm An Đạo hầu, Tất Thủ làm Doanh hầu, Cư Ông làm Tương Thành hầu.

[2] Năm ấy đã tế tự vào đầu năm, bấy giờ tế lần nữa nên nói là lại hành lễ.

hành quân đi xa, bộ tộc bên cạnh đánh bắt người già trẻ của bộ tộc mình, bèn cùng bộ chúng của mình làm phản, giết sứ giả nhà Hán và Thái thú Kiền Vi. Hán triều bèn điều phát tội nhân ở đất Ba, đất Thục sắp đi đánh Nam Việt giao cho tám vị Hiệu úy, phái Trung lang tướng Quách Xương, Vệ Quảng thống lĩnh họ đánh bọn phản, giết Quân trưởng của Thả Lan, Cung Đô và Tạc Đô hầu, bèn bình Nam Di đặt thành quận Tang Kha. Dạ Lang hầu lúc trước cậy dựa nước Nam Việt, sau khi Nam Việt bị diệt, Dạ Lang hầu bèn vào chầu, chúa thượng cho làm Dạ Lang vương. Các tộc Nhiễm Mang đều hoảng sợ, xin thần phục được đặt quan lại, Hán triều bèn lấy nước Cung Đô lập quận Việt Huề, lấy nước Tạc Đô lập quận Thẩm Lê, lấy nước Nhiễm Mang lập quận Vấn Sơn, lấy đất Bạch Mã phía tây Quảng Hán lập quận Vũ Đô.

6. Khi trước, Đông Việt vương Dư Thiện dâng thư, xin đem tám nghìn binh tốt theo Lâu thuyền tướng quân đi đánh Lã Gia; binh đến Yết Dương, lấy cớ là trên biển sóng to gió lớn, không đi được, lòng mang hai mối, ngầm sai sứ đi Nam Việt. Lúc nhà Hán phá Phiên Ngu, quân Đông Việt chưa đến nơi. Dương Bộc dâng thư xin thừa thế dẫn binh đánh Đông Việt; Đế vì sĩ tốt lao nhọc, không đồng ý, lệnh cho các vị Hiệu úy đóng quân ở Dự Chương, Mai Lĩnh để đợi mệnh. Dư Thiện nghe nói Lâu thuyền xin giết mình, binh Hán đã đến biên cảnh, vì thế tạo phản, phát binh chặn đường quân Hán, ban hiệu cho bọn Tướng quân Sô Lực là "Thôn Hán tướng quân", tiến vào Bạch Sa, Vũ Lâm, Mai Lĩnh, giết ba vị Hiệu úy của nhà Hán. Bấy giờ, Hán triều sai Đại nông Trương Thành, nguyên Sơn Châu hầu Lưu Xỉ đem binh giữ đất, hai người không dám đánh, lui giữ chỗ an toàn, đều mắc tội hèn yếu sợ địch, bị giết. Dư Thiện tự xưng là Vũ đế.

Chúa thượng muốn lần nữa sai Dương Bộc cầm quân đánh Đông Việt, Dương Bộc cậy công lao khổ đánh dẹp lúc trước, Đế hạ chiếu thư trách rằng:

"Công lao của tướng quân chỉ là tiến phá Thạch Môn, Tầm Hiệp, không phải là thực sự chém tướng, nhổ cờ vậy, sao đủ để kiêu ngạo với người khác đây? Lúc trước phá Phiên Ngu, tướng quân bắt kẻ hàng coi là tù binh, đào xác người chết coi là bắt chém, là lỗi thứ nhất vậy. Để cho Kiến Đức, Lã Gia thoát được cầu Đông Việt làm ngoại viện, là lỗi thứ hai vậy. Sĩ tốt phơi sương qua năm, tướng quân chẳng nghĩ đến cái siêng năng lao khổ của họ, lại thỉnh xin được ngồi xe trạm dịch tuần hành biên ải, rồi nhân đó dùng xe về nhà, mang theo ấn tín bạc vàng, đeo ba ấn thụ,[1] khoa trương với làng xóm, là lỗi thứ ba vậy. Tướng quân vì quyến luyến thê thiếp lỡ hẹn quay về, lại giải thích rằng đường đi hiểm ác, là lỗi thứ tư vậy. Trẫm hỏi về giá tiền của Thục đao mà tướng quân vờ như không biết, dùng sự trá lừa mạo phạm quân chủ, là lỗi thứ năm vậy.[2] Tướng quân thụ chiếu mà không đến cung Lan Trì, hôm sau lại không giải thích; ví như thuộc hạ của tướng quân, hỏi mà kẻ đó không đáp, mệnh lệnh kẻ đó không phục tùng, tội ấy xử thế nào? Ví như mọi người đều mang tâm ý như thế, thiên hạ còn có gì là tín nghĩa đây? Nay Đông Việt xâm nhập đất Hán, tướng quân có thể thống suất bộ chúng để bổ vá lỗi lầm chăng?"

Bộc hoảng sợ đáp chiếu thư rằng: "Thần xin được dốc sức chuộc tội!" Chúa thượng bèn phái Hoành hải tướng quân Hàn Thuyết tiến từ Câu Chương, vượt biển theo hướng đông tiến đánh; Lâu thuyền tướng quân Dương Bộc tiến từ Vũ Lâm, Trung úy Vương Ôn Thư tiến từ Mai Lĩnh, lấy các hàng tướng người Việt đã được phong hầu làm Qua thuyền tướng quân, Hạ lại tướng quân, từ Nhược Gia, Bạch Sa, tiến đánh Đông Việt.

7. Bác Vọng hầu sau khi thông sứ Tây Vực được tôn quý, bộ hạ của Bác Vọng hầu tranh nhau dâng thư nói về vật trân quý

---

[1] Dương Bộc giữ chức Chủ tước đô úy, làm Lâu thuyền tướng quân, tước Tinh Lương hầu. Cho nên nói là đeo ba ấn thụ.

[2] Thục đao (蜀刀), tức thanh đao do người nước Thục chế ra. *Hán thư, Văn Ông truyện* chú rằng: Phàm là Thục đao, đều có vòng ngọc vậy. Có lẽ là thứ đao quý cho nên Hán Vũ đế mới hỏi về giá tiền, mà Dương Bộc làm tướng, vũ khí nhập xuất ra khỏi kho hàng ngày, lại không biết giá tiền là việc phi lý.

và sự kỳ quái của các nước bên ngoài cùng việc lợi hại của quan hệ với phương xa, xin đi sứ. Thiên tử cho là xứ Tây Vực rất xa xôi, không phải là chỗ mà người ta thích đi, liền nghe theo lời xin, ban phù tiết, mộ quan dân, không hỏi họ từ đâu đến, vì họ chuẩn bị bộ chúng rồi phái đi, để mở rộng đường thông sứ. Đến lúc họ quay về, không tránh khỏi việc xâm phạm tài vật và làm trái ý chỉ, Thiên tử cho rằng bọn họ đã quen việc đi sứ, liền xét cứu khép vào trọng tội, để kích giận họ phải lập công chuộc tội, lại xin đi sứ, vì thế người đi sứ không ngớt, mà lại coi nhẹ việc phạm pháp. Quan lại và sĩ tốt đi theo sứ thần cũng thường ca tụng các thứ lấy được ở nước ngoài, ai lớn tiếng tung hô thì được ban phù tiết chính sứ, ai không lớn tiếng tung hô thì được phong làm phó sứ, vậy nên lũ vô hạnh nói xằng tranh nhau bắt chước họ. Những người đi sứ đều là con em nhà nghèo, họ bèn chiếm lễ vật của phủ quan mà họ mang đến Tây Vực làm của riêng, đem bán rẻ tại chợ nước ngoài để thu lợi. Người nước ngoài cũng chán ghét sứ giả của nhà Hán, vì bọn họ nói năng bất nhất không thành thực, đồ rằng binh của Hán triều đường xa không đến được, nhân đó dứt tuyệt việc cấp lương ăn để làm khốn sứ giả của Hán triều. Sứ giả nhà Hán thiếu đói, tích oán đến nỗi đánh lẫn nhau. Hai tiểu quốc Lâu Lan, Xa Sư, là yếu đạo nối thông nhà Hán sang Tây Vực đánh bức sứ giả của Hán triều là bọn Vương Khôi rất thậm tệ, rồi kỳ binh của Hung Nô lại thường chặn đánh sứ Hán. Sứ giả tranh nhau báo về, nói rằng các nước Tây Vực đều có thành ấp, binh yếu dễ đánh. Vì thế Thiên tử phái Phù Tự tướng quân Công Tôn Hạ đem một vạn năm nghìn quân kỵ từ quận Cửu Nguyên ra ngoài biên hiểm hơn hai nghìn dặm, đến giếng Phù Tự rồi quay về; phái Hung Hà tướng quân Triệu Phá Nô đem hơn một vạn quân kỵ từ huyện Lệnh Cư ra xa ngoài biên hiểm mấy nghìn dặm, đến sông Hung Hà rồi quay về; mục đích là xua đuổi Hung Nô, không để họ chặn sứ giả nhà Hán, nhưng không thấy một người

Hung Nô nào. Vì thế chia đất Vũ Uy, Tửu Tuyền, đặt quận Trương Dịch và quận Đôn Hoàng, dời dân để sung đầy vào đó.

8. Năm ấy, Tướng quốc nước Tề là Bốc Thức làm Ngự sử đại phu. Sau khi Thức tại vị, bèn nói:

- Các quận, quốc đối với việc phủ quan quản lý muối và sắt đa phần cho là bất tiện; đồ xấu mà giá cao; có nơi cưỡng ép dân phải mua và bán các thứ ấy; mà người có thuyền phải nộp thuế, người buôn ít, vật giá đắt đỏ.

Vì thế chúa thượng không thích Bốc Thức.

9. Khi trước, Tư Mã Tương Như bị bệnh sắp chết, có để lại di thư, ca tụng công đức của Đế, nói có điềm lành, khuyên chúa thượng đến Thái Sơn làm lễ phong thiện. Chúa thượng cảm kích lời ấy, lúc bắt được bảo đỉnh, bèn cùng các công khanh, nho sinh nghị bàn việc phong thiện. Việc phong thiện ít cử hành lại cách quá xa rồi, chẳng ai biết nghi lễ ra sao, còn các phương sĩ lại nói:

- Ý nghĩa của việc phong thiện là lưu lại cái danh bất hủ vậy. Từ thời Hoàng đế ngược lên, việc phong thiện đều là chiêu gọi quái vật, cùng thần linh tương thông, Hoàng đế nhà Tần còn không lên được Thái Sơn làm lễ tế trời. Bệ hạ nhất định muốn lên Thái Sơn, nên leo chậm một chút, nếu không có gió mưa, có thể leo lên đỉnh Thái Sơn để làm lễ tế trời rồi.

Thế rồi chúa thượng bèn lệnh cho các nhà Nho chọn các ghi chép ở sách *Thượng thư, Chu quan, Vương chế*, thảo lễ nghi phong thiện, mấy năm không thành. Chúa thượng đem việc hỏi Tả nội sử Nghê Khoan, Khoan nói:

- Tế trời tại Thái Sơn, tế đất lại Lương Phụ, hiển dương họ tộc tổ tiên, mong cầu trời cao giáng điềm lành, là lễ nghi cực lớn của bậc đế vương vậy; nhưng nghi thức hiến tế lại chẳng được ghi chép trong kinh sách. Thần cho rằng để điển lễ phong thiện thành công, tương thông với ý của trời đất và thần minh, chỉ có

tài năng của bậc quân chủ thánh minh mới chế định được lễ nghi đúng đắn, đấy không phải là việc mà lũ bầy tôi kém tài nghĩ được. Nay sắp cử hành đại điển, suy xét đã nhiều năm, khiến quần thần người người dốc sức, rút cục chẳng nghĩ ra. Duy có Thiên tử thấy được cái chỗ cao xa của lẽ trung hòa, tổng hợp hết các đầu mối ngọn ngành, hãy xuất lời vàng ngọc để thuận lợi tác thành khánh điển, làm phép tác cho vạn đời noi theo.

Chúa thượng bèn tự chế định lễ nghi, chọn dùng học thuyết của Nho gia để nhuận sắc. Lại chế đồ tế dùng vào lễ phong thiện, đem bảo với các Nho sinh, có kẻ nói "không giống với thời cổ đại", vì thế chúa thượng bãi hết các Nho sinh không dùng họ. Thế rồi chiếu theo phép tắc thời cổ, trước hết thu binh khí, giải tán quân, rồi sau cử hành điển lễ phong thiện.

Năm Nguyên Phong nguyên niên (Tân Mùi – TCN 110)

1. Mùa đông, tháng mười, Đế hạ chiếu rằng:

"Nam Việt, Đông Âu, đều chịu phục tội; nhưng Tây Man, Bắc Di, vẫn chưa chịu hòa mục; trẫm sắp đi tuần xét biên cương, đích thân cầm phù tiết, sắp đặt tướng quân mười hai lộ, tự mình thống suất binh sư."

Bèn đi, từ Vân Dương lên bắc, đi qua Thượng Quận, Tây Hà, Ngũ Nguyên, ra Trường Thành, lại lên bắc trèo đài của Thiền vu, đến Sóc Phương, rồi tới Bắc Hà; phái sứ giả là Quách Cát báo với Thiền vu rằng:

- Đầu của Nam Việt vương đã treo ở cửa bắc cung khuyết nhà Hán. Nay Thiền vu nếu có thể đánh, Thiên tử tự thống suất quân đợi ở biên cảnh; nếu không thể đánh, nên lập tức ngoảnh mặt về nam xưng thần với Hán, sao lại trốn lánh ở vùng mạc bắc lạnh lẽo khốn khổ nơi không có nước ít cỏ cây, vô vị thế ư?

Nói xong thì Thiền vu cả giận, lập tức chém đầu người dẫn khách vào tiếp kiến, rồi giữ Quách Cát lại, đời Cát đến ven bờ

Bắc Hải. Nhưng Hung Nô cũng mất vía, rút cục không dám ra đánh. Chúa thượng bèn quay về, tế Hoàng Đế ở núi Kiều, đến Tu Như thì giải tán quân. Chúa thượng nói:

- Ta nghe nói Hoàng Đế bất tử, nay lại có mộ, là sao?

Công Tôn Khanh nói:

- Hoàng Đế đã thành tiên bay lên trời, quần thần nghĩ nhớ, chôn mũ áo của người.

Chúa thượng than rằng:

- Sau khi ta lên trời, quần thần cùng nên chôn mũ áo của ta ở Đông lăng[1] chăng?

Bèn quay về Cam Tuyền, tế tự thần Thái Nhất.

2. Chúa thượng vì Bốc Thức không thạo văn chương, biếm hạng xuống làm Thái tử Thái phó, lấy Nghê Khoan làm Ngự sử đại phu.

3. Binh Hán tiến vào biên cảnh Đông Việt, Đông Việt vương sớm phát binh giữ chỗ hiểm, sai Tuẫn bắc tướng quân giữ Vũ Lâm. Lính của Lâu thuyền tướng quân là Viên Chung Cổ người huyện Tiền Đường chém được Tuẫn bắc tướng quân. Việt Diễn hầu ngày trước là Ngô Dương đem bảy trăm người ở ấp của mình làm phản đánh quân Việt ở Hán Dương. Việt Kiến Thành hầu là Ngao cùng Diêu vương là Cư Cổ giết Dư Thiện, đem bộ chúng của mình ra hàng. Chúa thượng phong Chung Cổ làm Ngự Nhi hầu, Ngô Dương làm Mão Thạch hầu, Cư Cổ làm Đông Thành hầu, Ngao làm Khai Lăng hầu; lại phong Hoành hải tướng quân là Thuyết làm Án Đạo hầu, Hoành hải hiệu úy là Phúc làm Liễu Anh hầu, phong hàng tướng của Đông Việt là Đa Quân làm Vô Tích hầu. Chúa thượng cho là đất Mân hiểm trở, nhiều lần phản phúc, rút cục thành họa cho hậu thế, bèn hạ

---

[1] Đông lăng, tức Mậu lăng vậy. Vì lăng nằm ở phía đông Trường An, cho nên gọi là Đông lăng.

chiếu cho chư tướng đem tất cả dân vùng ấy dời đến vùng giữa sông Giang, sông Hoài, vì thế Mân Việt thành chỗ đất hoang.

4. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành đến Câu Thị, tế tự ở ngọn Thái Thất trên núi Trung Nhạc, các quan theo hầu ở dưới chân núi nghe như có tiếng hô "vạn tuế" ba lần. Đế chiếu lệnh cho Từ quan mở rộng đền thờ trên ngọn Thái Thất, cấm không được chặt cây phạt cỏ trên núi ấy, lấy ba trăm hộ dưới chân núi làm phụng ấp để cung phụng việc cúng tế.

Chúa thượng sang đông đi tuần ven biển, cử hành tế tự "bát thần"[1]. Người đất Tề dâng sớ nói các việc thần tiên quái lạ và phương thuật kỳ dị đến hàng vạn, chúa thượng bèn phái thêm thuyền, lệnh cho hàng nghìn người nói rằng giữa biển có núi thần đi tìm thần nhân ở Bồng Lai. Công Tôn Khanh cầm phù tiết thường đi trước, chờ chực ở các danh sơn, đến Đông Lai, nói:

- Ban đêm thấy có người to lớn, cao mấy trượng, đến gần thì không thấy nữa, vết chân của người ấy rất lớn, giống như vết chân cầm thú.

Quần thần có người nói:

- Thần gặp một ông lão lôi dắt con chó, nói "Ta muốn gặp Cự công"[2], rồi thốt nhiên không thấy nữa.

Chúa thượng khi thấy vết chân lớn, còn chưa tin, lúc quần thần có người nói về ông lão, thì tin chắc đấy là người tiên vậy, liền nghỉ lại bên bờ biển; cấp cho các phương sĩ xe ngựa trạm đồng thời sai sứ giả bí mật đi tìm thần tiên, người đi tính kể hàng nghìn.

Mùa hạ, tháng tư, Đế quay về, đến huyện Phụng Cao, cử hành lễ cúng thần đất ở Lương Phụ. Ngày Ất Mão, lệnh sai các

---

[1] Có nhiều cách giải thích khác nhau. Theo *Hán thư, Vũ đế kỷ*, bát thần là nói tám vị thần ở tám phương.

[2] Thiên tử, là cha thiên hạ, cho nên gọi là Cự công (钜公). Cự tức là lớn vậy.

Nho sinh làm Thị trung đội Bì biện, giắt hốt,[1] tham gia nghi thức bắn bò. Tế trời ở mé đông dưới núi Thái Sơn, giống như lễ nghi tế thần Thái Nhất. Đàn tế rộng một trượng hai thước, cao chín thước, dưới đàn chôn sớ ngọc điệp dâng thần tiên, sớ thư phong kín. Lễ tế xong, một mình Thiên tử cùng Thị trung, Phụng xa đô úy Hoắc Tử hầu[2] lên Thái Sơn, lại hành lễ tế trời, việc này cấm không cho người ngoài biết. Hôm sau, xuống núi theo đường phía bắc. Ngày Bính Thìn, tế thần đất ở núi Túc Nhiên mé đông bắc dưới chân núi Thái Sơn, như lễ tế Hậu thổ, Thiên tử đều tự thân bái lạy, mặc áo vàng, cả quá trình đều tấu nhạc. Dùng cỏ tranh ba đốt của vùng Giang, Hoài làm chiếu đệm tế thần, dùng đất ngũ sắc đắp đàn tế. Trong đàn tế phong thiện, ban đêm phảng phất có ánh sáng, ban ngày có mây trắng sinh từ trong đàn. Thiên tử từ lễ phong thiện trở về, tọa ở Minh Đường, quần thần luân phiên tiến lên chúc thọ, ca tụng công đức.

Đế hạ chiếu rằng:

"Trẫm đem thân mọn kế nối ngôi chí tôn, nơm nớp sợ hãi, lo mình đức mỏng, không hiểu lễ nhạc, nên cung phụng bát thần. May gặp lúc trời đất và thần linh ban điềm lành, thấy cảnh tượng hiện trước mắt, tai nghe như có tiếng văng vẳng, kinh hãi với việc quái lạ, muốn ngăn mà không dám, bèn lên Thái Sơn tế trời, đến Lương Phụ, rồi sau lên núi Túc Nhiên tế đất tự sửa mình, cùng sĩ đại phu theo điềm lành đổi mới. Nay lấy tháng mười làm năm Nguyên Phong nguyên niên. Các nơi mà trẫm đi tuần đến như Bác huyện, Phụng Cao, Xà Khâu, Lịch Thành, Lương Phụ, tô thuế dân chúng phải nộp đều được miễn trừ, năm nay không phải tính toán xuất nộp. Ban cho dân trong thiên hạ lên tước một cấp."

---

[1] Bì biện (皮弁) là thứ mũ da, dài một tấc, cao bốn tấc, giống như cái bồn úp, phía trước cao rộng, đuôi mũ có tua rủ. Hốt (笏), là cái thẻ gỗ, dài ba thước, đeo ở thắt lưng, dành cho người làm quan.

[2] Hoắc Tử hầu, là con của Hoắc Khứ Bệnh vậy.

Lại quy định Thiên tử cứ năm năm đi tuần thú một lần, đến Thái Sơn tế tự, lệnh sai các chư hầu đều dựng phủ đệ riêng dưới chân núi Thái.

Thiên tử phong thiện ở Thái Sơn xong, không gặp gió mưa, rồi các phương sĩ thay nhau nói thần tiên ở Bồng Lai dường như có thể tìm được, vì thế chúa thượng mừng rỡ như mình đã gặp được họ, lại sang đông đến bờ biển trông ngóng thần tiên. Chúa thượng muốn tự mình vượt biển đi tìm chốn Bồng Lai, quần thần khuyên can, chẳng ai ngăn được. Đông Phương Sóc nói:

- Gặp được thần tiên, là việc xảy ra tự nhiên, bất tất phải gấp cưỡng cầu. Nếu có đạo thuật, chẳng lo không gặp được; nếu không có đạo thuật, dẫu đến Bồng Lai thấy người tiên, cũng vô ích vậy. Thần mong Bệ hạ quay về cung phủ ở nơi yên tĩnh chờ đợi, người tiên sẽ tự đến.

Chúa thượng bèn thôi. Đúng lúc Phụng xa đô úy Hoắc tử hầu mắc bạo bệnh, chết trong ngày. Tử hầu, là con của Hoắc Khứ Bệnh vậy, chúa thượng rất thương xót; vì thế liền rời đi, men bờ biển lên bắc đến Kiệt Thạch, đi tuần từ Liêu Tây lên biên bắc đến quận Cửu Nguyên, tháng năm, mới về đến Cam Tuyền. Lần đi này cả thảy một vạn tám nghìn dặm.

Trước đấy, Tang Hoằng Dương làm Trị túc đô úy, kiêm chức Đại nông, quản hết việc kinh doanh muối và sắt trong thiên hạ. Hoằng Dương lập phép "Bình chuẩn", lệnh cho các nơi phương xa đều đem sản vật của mình nộp thay thuế, tham khảo theo cách các thương nhân buôn bán các vật khác nhau ở các nơi khác nhau theo các thời điểm khác nhau mà lựa cách chuyển chở. Đặt chức quan "Bình chuẩn" ở kinh sư, phụ trách việc chuyển chở khắp thiên hạ. Các thuộc quan của Đại nông nắm tất cả sản vật hàng hóa trong thiên hạ, lúc đắt thì bán, lúc rẻ thì mua, khiến bọn phú thương và hiệu buôn lớn không có chỗ mưu lợi nhiều, mà vật giá không nhảy vọt được. Đến lúc Thiên tử đi tuần thú các quận huyện, các nơi đi qua, đồ thưởng hơn trăm

vạn xấp lụa, tiền vàng tính hàng ức vạn, đều do quan Đại nông cấp đủ. Hoằng Dương lại thỉnh xin cho các tiểu lại được nộp lúa để làm quan và người có tội được nộp tiền để chuộc tội. Việc vận chuyển lúa bằng đường sông nhiều, mỗi năm đến sáu trăm vạn thạch, trong vòng một năm, các kho lương Thái Thương, Cam Tuyền đều đầy tràn, biên ải dư thóc, các thứ sản vật luân chuyển đều, lụa chuyển vận dư năm trăm vạn tấm, thuế khóa của dân không bị tăng thêm mà vật dụng dồi dào. Vì thế Hoằng Dương được ban tước Tả thứ trưởng, lần nữa được thưởng trăm cân vàng.

Bấy giờ có hạn hán nhỏ, chúa thượng lệnh sai quan viên cầu mưa. Bốc Thức nói rằng:

- Các quan huyện chỉ nên lấy tô và thuế để ăn mặc thôi, nay Hoằng Dương sai thuộc lại bày hàng la liệt ngoài chợ, mua bán sản vật cầu lợi, cứ nấu chín Tang Hoằng Dương, trời sẽ mưa.

5. Mùa thu, có sao chổi xuất hiện ở phía đông bầu trời, hơn chục ngày sau, sao chổi xuất hiện cạnh chòm Tam đài. Người xem tinh tượng là Vương Sóc nói:

- Thần ngóng xem chỉ thấy Thổ tinh mọc, hình dáng như quả bầu, sau thời gian một bữa ăn, lại biến mất.

Hữu ti đều nói:

- Bệ hạ đặt lễ phong thiện cho nhà Hán, trời cao ban đức tinh đáp lại việc ấy vậy.

6. Tề Hoài vương Lưu Hoành hoăng, không có con, nước phong bị xóa bỏ.

---ॐ---

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ MƯỜI BA]

THẾ TÔNG HIẾU VŨ HOÀNG ĐẾ

Năm Nguyên Phong thứ hai (Nhâm Thân – TCN 109)

1. Mùa đông, tháng mười, chúa thượng tuần hành đất Ung, tế tự ở Ngũ Chỉ; quay về, cúng thần Thái Nhất, bái rồi cúng tế "đức tinh".

2. Mùa xuân, tháng giêng, Công Tôn Khanh nói:

- Thần thấy người thần ở núi Đông Lai, dường như nghe thấy thần nói "muốn gặp Thiên tử".

Vì thế Thiên tử đến thành Câu Thị, bái Khanh làm Trung đại phu, rồi đến Đông Lai, lưu lại đó mấy ngày, không thấy thần tiên xuất hiện, chỉ thấy có vết chân lớn. Lại phái phương sĩ đi tìm thần quái, hái linh chi, đến mấy nghìn người. Đúng lúc trời hạn hán, Thiên tử tuần du không có danh nghĩa, bèn cầu cúng ở Vạn Lý Sa. Mùa hạ, tháng tư, Đế quay về, qua Thái Sơn cúng tế.

3. Khi trước, sông Hoàng Hà vỡ ở Hồ Tử,[1] hơn hai mươi ngày sau không lấp lại được, đất Lương, Sở bị hại rất nặng. Năm ấy, chúa thượng sai hai quan Khanh là Cấp Nhân và Quách Xương điều phát mấy vạn lính lấp cửa Hồ Tử bị vỡ. Thiên tử từ Thái Sơn quay về, tự đến thị sát chỗ đê vỡ, dìm con ngựa bạch,

---

[1] Việc nói ở Hán kỷ, quyển mười hai, sự kiện năm Nguyên Quang thứ hai.

ném vòng ngọc quyết xuống sông Hoàng Hà, lệnh cho quần thần và các quan lại đi theo từ hạng Tướng quân trở xuống đều phải vác củi, rút cục lấp được chỗ đê vỡ. Lại dựng một cung điện trên chỗ đê vỡ, đặt tên là cung Tuyên Phòng. Dẫn nước sông Hoàng Hà lên bắc theo hai con kênh, khôi phục lại dấu tích xưa của vua Vũ, nhờ thế mà đất Lương, đất Sở được yên ổn, không bị thủy tai.

4. Chúa thượng quay về Trường An.

5. Bắt đầu lệnh cho các thấy cúng tộc Việt cúng tế Thượng đế và trăm loại ma quỷ, dùng xương gà để bói.

6. Công Tôn Khanh nói thần tiên thích ở lầu cao, vì thế chúa thượng lệnh sai dựng quán Phi Liêm và quán Quế ở Trường An, quán Ích Thọ, quán Diên Thọ tại Cam Tuyền, sai Khanh cầm phù tiết bày đủ đồ lễ chầu chực đợi người thần. Lại làm đài Thông Thiên Kinh[1], dưới đài ấy bày các thứ đồ cúng. Lại dựng điện ở phía trước cung Cam Tuyền, mở rộng thêm các cung thất.

7. Khi trước, thời nước Yên toàn vẹn, từng chiếm đoạt đất đai thuộc Chân Phiên, Triều Tiên, đặt quan lại, đắp ải hiểm canh phòng biên giới. Nước Tần diệt nước Yên, vùng ấy trở thành biên giới phía ngoài của quận Liêu Đông. Nhà Hán hưng, cho là đất ấy ở xa khó giữ, bèn sửa lại ải cũ của Liêu Đông, lấy sông Phối làm mốc giới, thuộc vào nước Yên. Yên vương Lô Oản làm phản, trốn vào đất Hung Nô,[2] người nước Yên là Vệ Mãn đi trốn, tụ bè đảng hơn nghìn người, búi tóc, mặc y phục người Man Di hướng về đông chạy ra biên hiểm, vượt sông Phối, chiếm chỗ đất hoang cũ từ thời nhà Tần, tự lập làm Vương, dần dần khiến các tộc người Man Di của Chân Phiên, Triều Tiên và người từ nước Yên bỏ trốn theo sự thống trị của mình, đóng đô

---

[1] Đài ở cung Cam Tuyền. *Hán cựu nghi* nói: Đài cao năm chục trượng, cách Trường An hai trăm dặm, trông xa thấy thành Trường An.

[2] Xem Hán kỷ, quyển bốn, sự kiện năm thứ mười hai đời Hán Cao tổ.

ở Vương Hiểm. Đúng thời Hiếu Huệ, Cao hậu, thiên hạ mới định, Thái thú Liêu Đông lập tức ước định với Mãn, cho làm ngoại thần, bảo hộ phía ngoài biên ải của Hán triều, không để người Man Di xâm nhiễu biên giới; các Quân trưởng người Man Di nếu muốn đến triều kiến Thiên tử, không được cấm họ. Vì thế Mãn được cậy nhờ binh uy và tài vật, xâm lấn thu hàng các ấp nhỏ bên cạnh mình, các xứ Chân Phiên, Lâm Đồn đều đến hàng phục, đất vuông mấy nghìn dặm. Truyền đến con cháu của Mãn là Hữu Cừ, người Hán bỏ trốn bị họ Vệ dụ dỗ đến đấy ngày một nhiều, Hữu Cừ lại chưa từng vào triều kiến; vua nước Thần muốn dâng thư triều kiến Thiên tử, lại bị họ Vệ ngăn trở không đi được. Năm ấy, sứ giả nhà Hán là Thiệp Hà đến khuyên dụ, Hữu Cừ nhất định không chịu phụng chiếu. Hà rời đi đến biên giới, tới bờ sông, sai người đánh xe đâm chết Tì vương của Triều Tiên là Trường, rồi lập tức vượt sông, ruổi ngựa vào biên hiểm, về báo với Thiên tử rằng: "Đã giết tướng của Triều Tiên." Chúa thượng khen việc làm ấy của Hà, không hề trách hỏi, bái Hà làm Đông bộ úy Liêu Đông. Người Triều Tiên oán hận Hà, phát binh tập kích đánh giết Hà.

8. Tháng sáu, trai phòng trong cung Cam Tuyền nảy cỏ linh chi chín cọng, chúa thượng vì việc đó đại xá thiên hạ.

9. Chúa thượng vì hạn hán lo lắng, Công Tôn Khanh nói:

- Thời Hoàng Đế, sau khi tế trời thì hạn hán, đàn tế khô kiệt ba năm.

Chúa thượng bèn hạ chiếu rằng:

"Trời hạn hán, ý chừng muốn khiến đàn tế khô kiệt chăng!"

10. Mùa thu, dựng Minh Đường bên bờ sông Vấn.

11. Chúa thượng hạ lệnh chiêu mộ tử tội trong thiên hạ làm binh, phái Lâu thuyền tướng quân Dương Bộc từ nước Tề vượt Bột Hải, Tả tướng quân Tuân Trệ xuất phát từ Liêu Đông, để đánh dẹp Triều Tiên.

12. Khi trước, chúa thượng sai Vương Nhiên Vu đem việc phá nước Việt và binh uy bình diệt Nam Di để khuyên dụ Điền vương vào chầu. Điền vương, nắm bộ chúng mấy vạn người, phía đông bắc kề sát nước mình có các nước Lao Thâm, Mi Mạc, đều là người cùng họ cậy dựa lẫn nhau, chưa chịu nghe theo. Hai nước Lao Thâm, Mi Mạc nhiều lần xâm phạm quan binh của sứ giả. Vì thế chúa thượng phái Tướng quân Quách Xương, Trung lang tướng Vệ Quảng phát binh đất Ba, đất Thục đánh diệt các nước Lao Thâm, Mi Mạc, đem binh đến nước Điền. Điền vương đem cả nước ra hàng, xin đặt quan lại rồi vào chầu, vì thế Hán triều lấy nước Điền đặt thành quận Ích Châu, ban ấn Vương cho vua nước Điền, sai tiếp tục quản dân chúng mình.

Bấy giờ, nhà Hán diệt hai nước Việt, bình Tây Nam Di, mới đặt mười bảy quận[1], tạm thời theo tập tục cũ của họ để trị lý, không thu thuế. Các quận từ Nam Dương, Hán Trung trở đi, đều căn cứ cự ly xa gần, cung cấp đầy đủ lương thực, tiền bạc, xe trạm và ngựa cho quan quân của quận mới. Nhưng quận mới thường nảy sinh phản loạn nhỏ, giết quan lại, Hán triều điều quan quân của Nam Dương qua đánh giết, trong vòng một năm giết hơn vạn người, phí tổn đều trông vào cấp phát của Đại nông. Đại nông dựa vào "Quân thâu" và việc đánh thuế muối, sắt trợ giúp, cho nên có thể cung ứng đủ. Nhưng những chỗ mà binh đi qua, các quan huyện cung ứng chỉ đủ để họ không thiếu thốn mà thôi, chẳng dám nói tới cái phép "Thiện phú"[2] nữa.

13. Năm ấy, lấy Ngự sử trung thừa Đỗ Chu người quận Nam Dương làm Đình úy. Chu bề ngoài khoan hòa, trong lòng cực kỳ hà khắc, xử trị của Chu đại để phỏng theo Trương Thang. Bấy

---

[1] Mười bảy quận là: Nam Hải, Uất Lâm, Thương Ngô, Hợp Phố, Cửu Chân, Nhật Nam, Giao Chỉ, Châu Nhai, Đam Nhĩ, Vũ Đô, Tang Kha, Việt Huề, Thẩm Lê, Vấn Sơn, Kiến Vi, Linh Lăng, Ích Châu.

[2] Thời mới đánh Hung Nô, thuế khóa của Đại tư nông chỉ chuyên cung ứng cho chiến sĩ, cho nên mới có phép Thiện phú (擅賦法), tức là được tự ý tăng thuế khóa.

giờ xét ngục phạm nhân ngày một nhiều, quan Nhị thiên thạch bị tù cấm, người cũ chưa đi, người mới đã đến, lúc nào cũng hơn trăm người; Đình úy một năm xử lý hơn nghìn tấu án, án lớn thì người liên đới hoặc nhân chứng đến mấy trăm, án nhỏ thì liên quan mấy chục người; xa thì mấy nghìn dặm, gần thì mấy trăm dặm, đến ngục đối chất. Đình úy và Trung đô quan theo án ngục chiếu thư giao bắt bớ đến sáu bảy vạn người, quan lại bắt thêm người liên đới, số người bị bắt tăng đến hơn chục vạn.

Năm Nguyên Phong thứ ba (Quý Dậu – TCN 108)

1. Mùa đông, tháng mười hai, có sấm sét; trời giáng mưa đá, đá lớn như đầu ngựa.

2. Chúa thượng phái Tướng quân Triệu Phá Nô đánh nước Xa Sư. Phá Nô cùng hơn bảy trăm quân khinh kỵ đến trước, bắt sống Lâu Lan vương, rồi phá nước Xa Sư, thừa cơ dùng binh uy để bức khốn các nước Ô Tôn, Đại Uyển. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Giáp Thân, chúa thượng phong Phá Nô làm Trác Dã hầu. Vương Khôi giúp Phá Nô đánh nước Lâu Lan, chúa thượng phong Khôi làm Hạo hầu. Thế rồi từ Tửu Tuyền đến Ngọc Môn đều thiết lập thành lũy ở chỗ hiểm để phòng giữ.

3. Các loại tạp kỹ du hí như Giác để, Ngư long, Mạn duyên bắt đầu hưng khởi.

4. Binh Hán tiến vào biên cảnh Triều Tiên, Triều Tiên vương là Hữu Cừ phát binh giữ chỗ hiểm. Lâu thuyền tướng quân đem bảy nghìn binh Tề tiến đến Vương Hiểm. Hữu Cừ thủ thành, dò biết Lâu thuyền tướng quân binh ít, liền ra thành tập kích Lâu thuyền; quân của Lâu thuyền tan bại, trốn vào trong núi hơn chục ngày, dần dần binh tốt tan tác tìm về, lại tụ tập. Tả tướng quân đánh quân Triều Tiên ở phía tây sông Phối, chưa phá được. Thiên tử vì hai tướng quân chưa được lợi, bèn sai Vệ Sơn dụ binh uy qua dụ Hữu Cừ. Hữu Cừ gặp sứ giả, rập đầu tạ rằng:

- Thần muốn hàng, nhưng sợ hai vị tướng quân lừa giết thần; nay thấy ấn tín và phù tiết của Thiên tử, xin chịu quy hàng.

Rồi phái Thái tử vào triều tạ tội, dâng năm nghìn thớt ngựa và biếu tặng quân lương; Thái tử thống suất hơn vạn người, cầm binh khí sắp vượt sông, sứ giả và Tả tướng quân nghi họ sinh biến, bảo Thái tử rằng:

- Đã chịu hàng, nên lệnh cho thủ hạ không cầm binh khí.

Thái tử cũng nghi ngờ sứ giả và Tả tướng quân trá lừa giết mình, bèn không qua sông, lại dẫn bộ chúng quay về. Vệ Sơn về báo với Thiên tử, Thiên tử giết Sơn.

Tả tướng quân phá quân Triều Tiên ở mé tây sông Phối, bèn tiến đến dưới thành, vây chặt phía tây bắc, Lâu thuyền cũng đến hội quân, đóng giữ phía nam thành. Hữu Cừ bèn giữ vững thành, mấy tháng chưa thể hạ được. Binh tốt vùng Yên, Đại mà Tả tướng quân thống lĩnh đa phần nhanh mạnh cứng khỏe, binh lính nước Tề mà Lâu thuyền thống lĩnh đã từng vong bại khốn nhục, sĩ tốt đều hoảng sợ, tướng lĩnh trong lòng hổ thẹn, lúc vây hãm Hữu Cừ, thường giữ ý hòa hoãn. Tả tướng quân đánh gấp, đại thần Triều Tiên bèn ngầm phái sứ giả đến ước hẹn riêng xin hàng Lâu thuyền, qua lại nói bàn còn chưa quyết được. Tả tướng quân mấy lần cùng Lâu thuyền ước hẹn cùng đánh, Lâu thuyền muốn cùng Triều Tiên tự hòa ước, không hội quân. Tả tướng quân cũng ngầm sai người tìm cơ hội khuyên Triều Tiên quy hàng, Triều Tiên không chịu, mong được hàng Lâu thuyền, vì thế hai vị tướng quân bất hòa. Tả tướng quân liệu rằng Lâu thuyền lúc trước mắc tội thua quân, nay cùng Triều Tiên có kết giao riêng, mà Triều Tiên lại không quy hàng, ngờ rằng Lâu thuyền có mưu làm phản, nhưng chưa dám phát động.

Thiên tử cho rằng hai tướng vây thành mà hành động không nhất trí, việc binh rất lâu không quyết, sai Thái thú Tế Nam là Công Tôn Toại qua đốc xét, được tùy nghi hành sự. Toại đến nơi, Tả tướng quân nói:

- Triều Tiên đáng ra phải hạ được, sở dĩ lâu không hạ được, là vì Lâu thuyền mấy lần không đến hội theo kỳ hẹn.

Rồi đem hết ý ngờ của mình lúc bình thời báo lại, nói:

- Nay việc như thế mà không bắt, e rằng thành đại họa.

Toại cũng cho là đúng, bèn dùng phù tiết triệu Lâu thuyền tướng quân vào doanh của Tả tướng quân bàn việc, rồi lập tức lệnh sai thuộc hạ dưới trướng của Tả tướng quân bắt giữ Lâu thuyền tướng quân, thâu gồm quân lính của Lâu thuyền; Toại đem việc báo lên Thiên tử, Thiên tử bèn giết Toại.

Tả tướng quân đã thâu gồm cả hai đạo quân, lập tức gấp rút đánh Triều Tiên. Tướng của Triều Tiên là Lộ Nhân, Tướng là Hàn Âm, Tướng là Ni Khê Tham, Tướng quân Vương Giáp[1] bàn mưu với nhau rằng:

- Ban đầu Vương muốn hàng Lâu thuyền, nay Lâu thuyền bị bắt, chỉ có Tả tướng quân thống lĩnh hai cánh quân, đánh rất gấp, e là ta chẳng thể giao chiến với họ; mà Vương lại chẳng chịu hàng Tả tướng quân.

Âm, Giáp, Lộ Nhân đều trốn đi hàng quân Hán, Lộ Nhân chết ở trên đường.

Mùa hạ, Ni Khê Tham sai người giết Triều Tiên vương Hữu Cừ, rồi đến hàng. Thành Vương Hiểm chưa hạ được, cho nên đại thần của Hữu Cừ là Thành Kỷ lại phản, lần thứ hai đánh quan lại của Hán triều. Tả tướng quân sai con của Vệ Hữu Cừ là Vệ Trưởng, con của hàng tướng Lộ Nhân là Lộ Tối đi khuyên dụ dân của mình, giết Thành Kỷ. Vì thế mới bình định Triều Tiên, đặt bốn quận là Lạc Lãng, Lâm Đồn, Huyền Thố, Chân Phiên. Đế phong Tham làm Hoạch Thanh hầu, Âm làm Thu Tư hầu, Giáp làm Bình Châu hầu, Trưởng làm Kỷ hầu; Tối vì cha hàng Hán mà chết cũng có công lao, được phong làm Niết Dương hầu.

---

[1] Đại khái sử quan Trung Quốc không biết quan tước của người Triều Tiên lúc bấy giờ ra sao, cho nên đều gọi bọn họ là "Tướng".

Tả tướng quân bị triệu đến kinh sư, mắc tội tranh công ghét nhau, kế mưu bất thường, bị chém bỏ ngoài chợ. Lâu thuyền tướng quân cũng mắc tội vì lúc binh đến Liệt Khẩu, vốn phải đợi Tả tướng quân, nhưng lại tự tiện đi trước, thương vong rất lớn, đáng phải giết, cho chuộc thân làm thứ dân.

Ban Cố nói: Huyền Thố, Lạc Lãng, vốn là nước phong của Cơ tử.[1] *Xưa kia Cơ tử cư trú ở Triều Tiên, dạy dân đất ấy dùng lễ nghĩa, dạy cách cày cấy, nuôi tằm, dệt vải, giúp dân đặt tám điều cấm: giết người, phải dùng tính mạng để đền; làm người khác bị thương, phải dùng thóc để đền; trộm cắp của người khác, đàn ông thì bắt phải làm nô bộc nhà bị trộm, đàn bà thì bắt vào làm nữ tì; muốn tự chuộc tội thì một người phải nộp năm mươi vạn tiền, dẫu được miễn tội làm thường dân, vẫn phải hổ thẹn vì việc đó, muốn lấy vợ lấy chồng đều không ai chấp nhận. Vì thế dân ở đất ấy nhất định không trộm cắp của nhau, cửa nhà không cần đóng, nữ nhân giữ trinh tiết không dâm tà. Dân thôn dã ở đất ấy dùng đồ tre và đồ gỗ đựng các thức ăn uống, người nơi đô ấp đều bắt chước phép tắc của quan lại, ăn uống thường dùng mâm bát. Ngày trước quận chọn quan lại ở Liêu Đông, một số quan lại thấy dân không đóng cửa giấu của cải, bèn vào hùa với bọn thương nhân từ nơi khác đến, ban đêm trộm cắp, phong tục thuần phác dần bị phá hỏng, đến nay dân phạm phép cấm ngày một nhiều, phép lệnh tăng đến hơn sáu mươi điều. Giáo hóa của người hiền thực đáng quý thay! Nhưng người Đông Di thiên tính nhu thuận, khác với người ở ba phương ngoài. Cho nên Khổng tử đau tiếc đạo lý chẳng được thi hành, muốn cưỡi bè vượt biển, đến đất Cửu Di cư trú, lời ấy là có căn cứ vậy!*

5. Mùa thu, tháng bảy, Giao Tây Vu vương Lưu Đoan hoăng.

6. Tộc Đê ở quận Vũ Đô làm phản, nhà Hán chia dời bọn họ đến quận Tửu Tuyền.

---

[1] Cơ tử (箕子) là em của Đế Ất, chú của Trụ vương, do được phong ở đất Cơ nên gọi là Cơ tử. Về sau nhà Thương bị diệt, Cơ tử được Chu Vũ vương phong cho ở Triều Tiên.

Năm Nguyên Phong thứ tư (Giáp Tuất – TCN 107)

1. Mùa đông, tháng mười, chúa thượng tuần hành đến đất Ung, cúng tế ở Ngũ Chỉ. Đường Hồi Trung đã thông, vì thế lên bắc ra Tiêu Quan, qua núi Độc Lộc, hồ Minh Trạch, đến đất Đại rồi quay về, tuần xét quận Hà Đông.

Mùa xuân, tháng ba, cúng tế Hậu thổ, tha miễn tù phạm của các huyện Phần Âm, Hạ Dương, Trung Đô, trừ hạng tử tội.

2. Mùa hạ, trời đại hạn.

3. Hung Nô từ khi Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh vượt đại mạc đánh đuổi[1] đến nay, ít khi trở lại cướp hại, mà đi xa chuyển đến phương bắc, nghỉ ngơi nuôi quân mã, tập luyện săn bắn, nhiều lần sai sứ đến nhà Hán, nói lời ngon ngọt cầu xin hòa thân. Sứ giả nhà Hán là bọn Vương Ô người quận Bắc Địa đi dò xét Hung Nô, Ô theo tục của họ, bỏ cờ tiết sứ giả tiến vào nhà rạp, Thiền vu thích Ô, vờ vâng theo nói lời ngọt, vì Vương Ô phái Thái tử của mình vào nhà Hán làm con tin. Sứ giả nhà Hán là Dương Tín đến Hung Nô, Tín không chịu theo tục của họ, Thiền vu nói:

- Xét minh ước cũ, nhà Hán từng gả Ông chủ cho Hung Nô, cấp cho các thứ tơ lụa và đồ ăn để hòa thân, mà người Hung Nô cũng không xâm nhiễu biên giới. Nay lại muốn trái minh ước xưa, sai Thái tử của ta đi làm con tin, đừng hòng.

Sau khi Tín về, nhà Hán lại sai Vương Ô đến, nhưng Thiền vu lại lấy lời ngon ngọt để nịnh, muốn có được nhiều tài vật của nhà Hán, lừa dối bảo Vương Ô rằng:

- Ta muốn vào nhà Hán đối mặt diện kiến Thiên tử, ước hẹn nhau kết làm huynh đệ.

Vương Ô quay về báo với Hán đế, Hán đế vì Thiền vu dựng phủ đệ ở Trường An. Người Hung Nô nói:

---

[1] Việc nói ở Hán kỷ, quyển mười một, sự kiện năm Nguyên Thú thứ tư.

- Không phải là người tôn quý của nhà Hán đi sứ, ta không đem lời thật nói với họ.

Hung Nô sai người tôn quý của mình đến nhà Hán, bị bệnh, Hán triều cho uống thuốc, muốn hắn khỏi, không may mà chết. Sứ giả nhà Hán là Lộ Sung Quốc đeo ấn Nhị thiên thạch đi sứ Hung Nô, nhân đó đưa linh cữu sứ thần Hung Nô về, mang đồ táng hậu, giá mấy nghìn vàng, nói:

- Đây là người tôn quý của Hán triều vậy.

Thiền vu cho rằng nhà Hán giết sứ thần tôn quý của mình, bèn giữ Lộ Sung Quốc lại không cho về. Những lời mà Thiền vu nói, chỉ là hư hão dối gạt Vương Ô, tuyệt không có ý vào nhà Hán và phái Thái tử đến làm tin. Bấy giờ Hung Nô nhiều lần phái kỳ binh xâm phạm biên ải. Hán triều bèn sai Quách Xương làm Bạt Hồ tướng quân cùng Trác Dã hầu đóng quân ở quận Sóc Phương hướng về đông để phòng bị rợ Hồ.

Năm Nguyên Phong thứ năm (Ất Hợi – TCN 106)

1. Mùa đông, chúa thượng xuôi nam đi tuần thú, đến Thịnh Đường, tế vọng Ngu Thuấn ở Cửu Nghi.[1] Lại trèo lên núi Thiên Trụ, từ Tầm Dương cưỡi thuyền xuôi sông Giang, đích thân bắn thuồng luồng ở trên sông, bắt được nó. Thuyền nối đuôi nhau nghìn dặm, đến gần Tung Dương thì bỏ thuyền lên bộ, rồi lên bắc đến Lang Nha, men biển mà đi, những nơi đi qua đều cúng lễ các chỗ danh sơn, sông lớn.

Mùa xuân, tháng ba, quay về đến Thái Sơn, mở rộng quy mô đàn tế trời. Ngày Giáp Tý, bắt đầu tế Thượng đế ở Minh Đường, phối tế với Cao tổ; nhân đó triệu các Vương chư hầu, Liệt hầu, tiếp nhận sổ sách ghi chép về nhân khẩu, thuế khóa của các quận, quốc.

---

[1] Núi Cửu Nghi cũng có tên là núi Thương Ngô, tương truyền vua Thuấn chết ở núi Thương Ngô, táng tại đó, cho nên Vũ đế tế vọng tại núi ấy.

Mùa hạ, tháng tư, đại xá thiên hạ, các nơi chúa thượng tuần du qua nhất loạt được miễn tô thuế trong năm. Sau khi về kinh, Đế đến cung Cam Tuyền, tế giao ở Thái Chỉ.

2. Trường Bình Liệt hầu Vệ Thanh hoăng. Đế vì Thanh đắp mộ lớn, hình dáng tựa núi Lư.[1]

3. Chúa thượng sau khi đuổi lui người Hồ, người Việt, mở rộng cương thổ, bèn đặt hai châu Giao Chỉ, Sóc Phương, cùng các châu Ký, U, Tinh, Duyện, Từ, Thanh, Dương, Kinh, Dự, Ích, Lương, cả thảy mười ba châu, đều đặt Thứ sử.

4. Chúa thượng vì muốn tận dụng hết tài của các danh thần văn võ, bèn hạ chiếu rằng:

"Đại khái có cái công phi thường, tất phải đợi người phi thường. Cho nên ngựa có loại hung bạo bất thuần mà chạy đến nghìn dặm, kẻ sĩ có người bị thế tục mắng mỉa mà lập được công danh. Ngựa hăng khỏe khiến xe lật, kẻ sĩ phóng đãng không giữ mình, cũng bởi người chế ngự mà thôi. Nay lệnh cho trưởng quan các châu quận khảo xét trong số quan dân, hễ có ai ưu tú hoặc tài năng vượt thế tục có thể làm tướng văn, tướng võ, hoặc đi sứ phương xa, hãy báo lên cho triều đình."

Năm Nguyên Phong thứ sáu (Bính Tý – TCN 105)

1. Mùa đông, chúa thượng tuần hành đến Hồi Trung.

2. Mùa xuân, dựng cung Thú Sơn.

3. Tháng ba, Đế tuần du Hà Đông, tế Hậu thổ, đại xá cho tù phạm ở Phần Âm, trừ hạng tử tội.

4. Nhà Hán đã thông đường đến Tây Nam Di, mở năm quận, muốn đi tiếp về phía trước thông đường đến nước Đại Hạ, mỗi năm phái mười mấy đoàn sứ giả từ quận mới xuất phát, đều bị

---

[1] Núi Lư (盧), là tên một tòa núi trong đất Hung Nô, đại khái là nêu tỏ cái công đánh Hung Nô của Vệ Thanh vậy.

chặn tại Côn Minh, sứ giả bị giết, tài vật bị đoạt. Vì thế Thiên tử tha miễn cho những kẻ mắc tội bỏ trốn ở kinh sư, lệnh sai họ tòng quân, phái Bạt Hồ tướng quân Quách Xương thống lĩnh bọn họ đi Côn Minh đánh dẹp, chém mấy chục vạn người. Sau đó lại phái sứ giả đi, rút cục vẫn không qua được đất ấy.

5. Mùa thu, trời đại hạn, có nạn hoàng trùng.

6. Sứ thần của nước Ô Tôn thấy nước Hán rộng lớn,[1] khi về báo với vua của mình, nước Ô Tôn vì thế càng xem trọng nhà Hán. Vua Hung Nô nghe nói nước Ô Tôn cùng Hán triều thông sứ, nổi giận, muốn đánh Ô Tôn; mà các nước Đại Uyển, Nguyệt Chi bên cạnh mình đều phục tùng nhà Hán; vua nước Ô Tôn sợ Hung Nô đánh mình, sai sứ giả xin được lấy công chúa nhà Hán, kết làm nước huynh đệ. Thiên tử cùng quần thần nghị bàn, đồng ý theo thỉnh cầu. Vua nước Ô Tôn đem một nghìn thớt ngựa làm sính lễ đón công chúa nhà Hán. Hán đế lấy con gái của Giang Đô vương Lưu Kiến là Tế Quân làm công chúa, gả cho Ô Tôn vương, đưa tặng đồ vật rất hậu; Ô Tôn vương Côn Mạc phong công chúa nhà Hán làm Hữu phu nhân. Hung Nô cũng phái con gái đi gả cho Côn Mạc, được phong làm Tả phu nhân. Công chúa Hán triều tự sửa cung thất mình ở, một năm bốn mùa, mỗi mùa cùng Côn Mạc hội gặp một lần, bày rượu ăn uống. Côn Mạc tuổi cao, ngôn ngữ bất thông, công chúa đau buồn muốn quay về quê, Thiên tử nghe nói thì thương xót, cách năm lại phái sứ giả đem màn trướng gấm thêu cấp cho. Côn Mạc nói: "Ta già rồi", muốn sai cháu mình là Sầm Thú lấy công chúa. Công chúa không nghe, dâng thư nói thực trạng. Thiên tử đáp thư rằng:

- Công chúa nên theo tập tục của nước Ô Tôn, ta muốn cùng nước Ô Tôn chung sức diệt rợ Hồ.

---

[1] Năm Nguyên Đỉnh thứ hai, nước Ô Tôn phái sứ giả theo Trương Khiên vào triều tạ Thiên tử, có ý xem nước Hán rộng lớn thế nào.

Sầm Thú bèn lấy công chúa làm vợ. Côn Mạc chết, Sầm Thú thay lập, hiệu là Côn di.

Bấy giờ, sứ giả nhà Hán sang phía tây vượt đỉnh Thông Lĩnh, đến tận nước An Tức. Nước An Tức phái sứ giả đi, đem quả trứng chim lớn và một người tinh thông quỷ thuật là Lê Hiên dâng lên vua Hán. Các nước nhỏ khác như Hoan Tiềm, Đại Ích, Cô Sư, Hu Mi, Tô Giới đều phái người đi theo sứ giả nhà Hán đến kinh sư dâng lễ phẩm, triều kiến Thiên tử, Thiên tử rất vui mừng. Sứ giả các nước phía tây đến rồi đi không dứt, Thiên tử mỗi khi đi tuần thú ven biển, đều đem tất cả khách ngoại quốc đi theo, những nơi đô hội, chỗ đông người đều đi qua, rải tài vật và lụa bạch ban thưởng, vật phẩm cung ứng thừa thãi, để tỏ rõ cái giàu có và sự khoan hậu của Hán triều. Sai biểu diễn các loại tạp kỹ, cho xem các thứ vật quái lạ, người tụ đến xem đông nghịt. Mỗi lúc tiến hành ban thưởng, rượu thành ao, thịt thành rừng, cho khách ngoại quốc tham quan khắp các thương khố tích đầy vật phẩm, để hiển lộ cái giàu mạnh và rộng lớn của Hán triều, khiến bọn họ kinh hãi. Xung quanh nước Đại Uyển nhiều quả bồ đào, có thể dùng chế rượu; lắm cỏ mục túc, thiên mã của Đại Uyển thích ăn thứ cỏ ấy; sứ giả nhà Hán quả hái bồ đào và cỏ mục túc đem về, Thiên tử sai trồng các thứ đó ở khu riêng bên cạnh Ly cung, để từ xa ngắm xem. Nhưng các nước Tây Vực vì ở gần với Hung Nô, thường sợ sứ giả của họ, đối đãi với sứ Hung Nô tốt hơn so với sứ giả của nhà Hán.

Năm ấy Thiền vu Hung Nô là Ô Duy chết, con là Ô Sư Lư nối lập, còn ít tuổi, hiệu là "Nhi Thiền vu"[1]. Từ đấy về sau, Thiền vu càng dời về phía tây bắc, binh phía tả hướng thẳng vào quận Vân Trung, binh phía hữu[2] hướng thẳng vào quận Tửu Tuyền, Đôn Hoàng.

---

[1] Nhi, tức là trẻ con.

[2] Hung Nô chia quân thành hai bộ, là Tả bộ và Hữu bộ, đóng ở hai phía đông và tây.

Năm Thái Sơ nguyên niên (Đinh Sửu – TCN 104)

1. Mùa đông, tháng mười, chúa thượng tuần hành Thái Sơn. Tháng mười một, ngày Giáp Tý, là ngày sóc, sáng sớm, tiết Đông chí, tế tự Thượng đế ở Minh Đường. Rồi sang đông đến bờ biển, xét việc cầu thiền tiên của những kẻ đi ra biển và các phương sĩ thì chẳng ai nói nghiệm; nhưng Đế vẫn phái thêm người đi, hy vọng gặp được thần tiên.

2. Ngày Ất Dậu, đài Bách Lương bị hỏa tai.

3. Tháng mười hai, ngày Giáp Ngọ là ngày sóc, chúa thượng đích thân tế thần đất ở núi Cao Lý, tế Hậu thổ, rồi đến Bột Hải, chuẩn bị tế vọng các núi tiên ở Bồng Lai, mong mình có thể đến được chỗ của người tiên.

Mùa xuân, chúa thượng quay về, vì đài Bách Lương bị cháy, cho nên tiếp nhận triều bái của các Vương chư hầu và sổ sách ghi chép về nhân khẩu, thuế khóa của các quận, quốc ở cung Cam Tuyền. Tại Cam Tuyền, dựng phủ đệ của các chư hầu.

Có người tộc Việt tên là Dũng Chi nói:

- Theo tục của người Việt, khi có hỏa tai mà dựng lại nhà, tất phải làm to hơn, để trấn phục tai ương.

Vì thế Đế sai dựng cung Kiến Chương, tính ra đến nghìn nhà vạn hộ. Phía đông cung Kiến Chương là Phượng khuyết[1], cao hơn hai chục trượng. Mặt tây là Đường trung, có chuồng nuôi hổ đến rộng mấy chục dặm. Phía bắc đào hồ lớn, có Tiệm đài cao hơn hai mươi trượng, đặt tên là hồ Thái Dịch, giữa hồ đặt các đảo Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu, Hồ Lương, tượng trưng cho các núi thần, rùa và cá ngoài biển. Phía nam có Ngọc đường, Bích môn, các tượng chim lớn. Còn lập đài Thần Minh, lầu Tỉnh Can, đều cao đến năm chục trượng, có đường nối nhau cho xe liễn đi.

---

[1] Theo *Tam phụ cựu sự*, vì trên cửa có con chim phượng bằng đồng nên có tên ấy.

4. Bọn Thái trung đại phu Công Tôn Khanh, Hồ Toại, Thái sử lệnh Tư Mã Thiên nói:

- Lịch pháp, niên kỷ đã sai hỏng, nên cải chính sóc.

Chúa thượng chiếu lệnh cho Nghê Khoan và bọn Bác sĩ Tứ cùng nghị bàn, bọn họ cho là nên dùng lịch pháp nhà Hạ.[1] Mùa hạ, tháng năm, Đế hạ chiếu sai bọn Khanh, Toại, Thiên cùng tạo "lịch Thái Sơ" của nhà Hán, lấy tháng giêng làm đầu năm, sắc chuộng màu vàng, lấy số năm làm số tốt lành, định quan danh, hòa âm luật, chế định lễ nghi của tông miếu và trăm quan, lấy đó làm phép thường, lưu truyền hậu thế.

5. Thiền vu Nhi của Hung Nô ưa đánh giết, người trong nước bất an; lại thêm có thiên tai, gia súc chết nhiều. Tả đại đô úy của Hung Nô sai người bảo với nhà Hán rằng:

- Ta muốn giết Thiền vu, quy hàng nhà Hán, nhưng nhà Hán ở xa, nếu đem binh đón ta, ta lập tức phát động.

Chúa thượng bèn phái Nhân Vu tướng quân Công Tôn Ngao đắp thành Thụ Hàng ngoài biên ải để tiếp ứng hắn.[2]

6. Mùa thu, tháng tám, chúa thượng tuần du quận An Định.

7. Sứ giả nhà Hán phái đến Tây Vực tấu:

- Nước Đại Uyển có ngựa hay, để tại thành Nhị Sư, nhưng giấu đi không chịu giao cho sứ giả nhà Hán.

Thiên tử sai tráng sĩ là bọn Xa Lệnh đem một nghìn cân vàng và ngựa vàng làm lễ vật đến xin giao ngựa. Đại Uyển vương cùng quần thần của mình bàn mưu rằng:

- Nhà Hán cách nước ta rất xa, mà con đường giữa theo sông Diêm gian nan thường khiến người đi mất mạng, nếu theo con

---

[1] Nhà Hán bình định thiên hạ, theo lịch pháp của nhà Tần, lấy Kiến Hợi (tháng mười) làm tháng đầu năm, cho đến giai đoạn này mới đổi lịch pháp theo lịch nhà Hạ, lấy Kiến Dần (tháng giêng) làm tháng đầu năm.

[2] Nhân Vu (因扜), là địa danh thuộc Hung Nô. Vì Công Tôn Ngao đi đánh Hung Nô nên lấy đấy làm hiệu; thành Thụ Hàng, tức là lấy từ ý "thành nhận người hàng" vậy.

đường phía bắc sông ấy đến thì có người Hồ cướp bóc, theo đường phía nam sông ấy đến thì thiếu nước và cỏ, lại không có thành quách, thiếu nhiều lương thực, Hán triều sai mấy trăm người thành đoàn đến, nhưng thường thiếu ăn, người đi chết quá nửa, họ sao có thể đưa đại quân đến được? Vì thế họ không làm gì được ta. Ngựa tại thành Nhị Sư, là ngựa báu của nước Đại Uyển vậy.

Bèn không chịu giao ngựa cho sứ giả nhà Hán. Sứ Hán giận, lớn tiếng chửi, dùng chùy phá nát con ngựa vàng lễ vật rồi lui. Quý tộc nước Đại Uyển giận nói:

- Sứ giả nhà Hán rất khinh thường bọn ta!

Bèn đuổi sứ giả nhà Hán đi, lệnh cho Úc Thành vương trú ở phía đông biên ải nước mình chặn đánh, giết sứ giả nhà Hán, đoạt tài vật của họ.

Vì thế Thiên tử cả giận. Những người từng đi sứ Đại Uyển là bọn Diêu Định Hán nói:

- Đại Uyển binh yếu, nếu dụng binh Hán chẳng quá ba nghìn người, dùng nỏ cứng bắn họ, có thể bắt sống hết được vậy.

Thiên tử từng sai Trác Dã hầu Triệu Phá Nô dùng bảy trăm quân kỵ bắt sống Lâu Lan vương, cho rằng lời của bọn Định Hán là đúng, lại muốn phong cho người nhà của sủng thiếp là Lý thị tước Hầu, bèn bái anh của Lý phu nhân là Quảng Lợi làm Nhị Sư tướng quân, trưng phát sáu nghìn quân kỵ của thuộc quốc và mấy vạn người trẻ tuổi phẩm hạnh kém ở các quận, quốc đi đánh Đại Uyển. Đại ý là mong Quảng Lợi đến thành Nhị Sư lấy được ngựa hay, nên đặt hiệu là Nhị Sư tướng quân. Sai Triệu Thủy Thành làm Quân chính, lấy nguyên Hạo hầu là Vương Khôi làm quân hướng đạo đi trước, Lý Sĩ làm Hiệu úy, quản việc quân.

Thần Quang nói: Vũ đế muốn phong tước hầu cho người nhà của sủng thiếp là Lý thị, nên sai Quảng Lợi đem binh chinh phạt nước

Đại Uyển, ý rằng người không có công với quốc gia thì chẳng được phong hầu, không muốn thay đổi ước định của Cao đế vậy. Xét ra, việc quân lữ là đại sự, can hệ đến an nguy của quốc gia, liên quan đến sinh mệnh dân chúng. Nếu chẳng xét rõ hiền ngu mà trao đại quyền nắm quân, muốn cầu may để lập cái công nhỏ, mượn cớ tạo danh nghĩa rồi phong tước hầu cho người mình yêu, chẳng thà phong tước cho người vô công còn hơn. Như thế thì Vũ đế có kiến giải sâu sắc về việc phân phong, nhưng không có kiến thức về việc trao quyền cho tướng lĩnh; cho nên, nói Vũ đế tuân thủ theo ước định của tiên đế, thần cho là không đúng vậy.

8. Trung úy Vương Ôn Thư mắc tội gian trá tham lợi, ứng tội diệt tộc, Ôn Thư tự sát; bấy giờ, hai em của Ôn Thư và hai nhà thông gia cũng đều tự mắc tội danh khác mà bị diệt tộc. Quang lộc huân[1] Từ Tự Vi nói:

- Xót thay! Ngày xưa có người bị tội di diệt ba họ, mà nay tội của Vương Ôn Thư đã đến mức đồng thời bị diệt năm họ rồi!

9. Vùng Quan Đông nảy nạn hoàng trùng rất nghiêm trọng, hoàng trùng bay về hướng tây đến tận quận Đôn Hoàng.

Năm Thái Sơ thứ hai (Mậu Dần – TCN 103)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Mậu Thân, Mục Khâu Điềm hầu Thạch Khánh hoăng.

2. Tháng giêng nhuận, ngày Đinh Sửu, Đế lấy Thái bộc Công Tôn Hạ làm Thừa tướng, phong tước Cát Dịch hầu. Bấy giờ triều đình lắm việc, Đế đốc trách đại thần rất nghiêm, từ sau thời Công Tôn Hoằng, thừa tướng liên tục bị tố tội mà chết.[2] Thạch

---

[1] Bấy giờ Vũ đế đổi chức Lang trung lệnh thành Quang lộc huân.

[2] Năm Nguyên Thú thứ năm, Thừa tướng Lý Thái mắc tội tự sát. Năm Nguyên Đinh thứ hai, Thừa tướng Trang Thanh Địch tự sát. Năm Nguyên Đinh thứ năm, Thừa tướng Triệu Chu bị tống ngục chết.

Khánh vì cẩn thận được chết lành, nhưng nhiều lần bị khiển trách. Hạ được dẫn đến bái chức Thừa tướng, không nhận ấn thụ, rập đầu khóc không chịu đứng dậy. Chúa thượng bèn đứng dậy bỏ đi, Hạ bất đắc dĩ đành bái nhận, khi ra ngoài nói:

- Ta từ đây gặp nguy rồi!

3. Tháng ba, chúa thượng tuần hành quận Hà Đông, tế Hậu thổ.

4. Mùa hạ, tháng năm, biên chép số ngựa của quan dân để bổ sung quân mã.

5. Mùa thu, có nạn hoàng trùng.

6. Nhị Sư tướng quân tây chinh, sau khi qua Diêm Thủy, các tiểu quốc trên đường đều thủ thành, không chịu cấp lương, đánh họ không hạ được; chỗ hạ được thì lấy lương, không hạ được thì mấy ngày liền rời đi. Đến gần Uất Thành, sĩ tốt chỉ còn lại mấy nghìn người, đều đói lả. Đánh Uất Thành, bị quân giữ Uất Thành đại phá, người chết và bị thương rất nhiều. Nhị Sư tướng quân cùng bọn Lý Sỉ, Triệu Thủy Thành tính rằng:

- Đến Uất Thành còn chẳng lấy được, huống chi là đánh quốc đô của nhà vua!

Bèn dẫn binh quay về. Đến Đôn Hoàng, quân sĩ còn chẳng quá một, hai phần mười. Quảng sai sứ giả dâng thư nói:

"Đường xa thiếu lương, sĩ tốt không sợ chiến đấu nhưng sợ thiếu đói, vả lại người ít, chẳng đủ để đánh hạ Đại Uyển, xin tạm bãi binh, đợi điều phát thêm rồi lại qua đánh dẹp."

Thiên tử nghe nói, cả giận, sai sứ giả chặn tại Ngọc Môn, nói:

- Quân lính ai dám vào thì lập tức chém đầu!

Nhị Sư sợ, vì thế ở lại Đôn Hoàng.

7. Chúa thượng vẫn cho là thành Thụ Hàng ở cách xa Hung Nô, phái Tuấn Kê tướng quân Triệu Phá Nô thống suất hơn hai vạn quân kỵ từ quận Sóc Phương tiến ra biên hiểm, theo hướng

tây bắc tiến hơn hai nghìn dặm, hẹn đến núi Tuấn Kê rồi quay về.[1] Trác Dã hầu đã đến chỗ hẹn, Tả đại đô úy muốn phát binh nhưng bị lộ, Thiền vu giết Tả đại đô úy, phát binh phía tả đánh Trác Dã hầu. Trác Dã hầu đi bắt chém giặc, bắt được mấy nghìn người, quay về, chưa đến nơi, cách thành Thụ Hàng bốn trăm dặm, tám vạn quân kỵ Hung Nô vây Trác Dã hầu. Trác Dã hầu ban đêm tự ra ngoài tìm nước, quân do thám của Hung Nô bắt sống Trác Dã hầu, rồi thừa thế gấp đánh quân Hán, quan binh nhà Hán sợ chủ tướng mất mà về thì bị giết, chẳng ai khuyên nhau quay về, vì thế toàn quân tan vỡ ở đất Hung Nô. Thiền vu Nhi cả mừng, liền phái kỳ binh đánh thành Thụ Hàng, không hạ được, bèn vào cướp biên giới rồi rút đi.

8. Mùa đông, tháng mười hai, Nghê Khoan chết.

Năm Thái Sơ thứ ba (Kỷ Mão – TCN 102)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Đế lấy Thái thú Giao Đông là Diên Quảng làm Ngự sử đại phu.

2. Chúa thượng sang đông đi tuần ven biển, tra xét những kẻ đi tìm thần tiên, lời nói đều không chứng nghiệm, liền lệnh sai quan Từ quan tế lễ ở núi Đông Thái. Mùa hạ, tháng tư, quay về, trên đường đi tế trời ở Thái Sơn, tế đất ở Thạch Lư.

3. Thiền vu Nhi của Hung Nô chết, con còn nhỏ, người Hung Nô lập chú út của Thiền vu Nhi là Hữu hiền vương tên là Lê Hồ làm Thiền vu.

4. Chúa thượng phái Quang lộc huân Từ Tự Vi ra phía ngoài biên ải quận Ngũ Nguyên mấy trăm dặm, đi xa hơn nghìn dặm, đắp tường thành, lũy chắn, chòi canh, theo hướng tây bắc đến tận Lư Câu, lại sai Du kích tướng quân Hàn Thuyết, Trường

[1] Tuấn Kê là tên núi, ở phía bắc huyện Vũ Uy. Hẹn ở đây là nói việc tiếp ứng Tả đại đô úy của Hung Nô vậy.

Bình hầu Vệ Kháng đóng binh bên cạnh Lư Câu; sai Cường nỗ đô úy Lộ Bác Đức đắp thành ở đầm Cư Diên. Mùa thu, Hung Nô cất đại binh xâm nhập quận Định Tương, Vân Trung, cướp giết mấy nghìn người, đánh bại mấy quan Nhị thiên thạch rồi rút đi, trên đường đi phá hoại các tường thành, chòi canh, lũy chắn mà quan Quang lộc đại phu đắp; lại sai Hữu hiền vương xâm phạm quận Tửu Tuyền, Trương Dịch, cướp mấy nghìn người. Đúng lúc Quân chính là Nhậm Văn đến đánh cứu, Hữu hiền vương bỏ lại hết số người mà mình bắt được rồi bỏ đi.

5. Năm ấy, Tuy Dương hầu Trương Xương bị tố tội là thân làm Thái thường mà việc cúng tế thiếu sót, nước phong bị xóa.

Ban đầu, Hán Cao tổ phong một trăm bốn mươi ba công thần làm Liệt hầu. Bấy giờ sau cơn binh lửa, dân chúng các thành lớn và danh đô tan tác lưu vong, số hộ khẩu có thể nắm được chỉ hai ba phần mười. Tước hầu lớn chẳng quá vạn nhà, nhỏ thì năm, sáu trăm hộ. Lúc phong tước, Hán tổ ước thệ rằng: "Dẫu Hoàng Hà còn như dải áo, Thái Sơn giống như hòn đá, nước phong vẫn trường tồn, truyền mãi đến cháu con." Đích thân dùng chu sa viết chữ đỏ làm tin, trịnh trọng giết ngựa trắng để thề. Đến thời Cao hậu, chia hết các Liệt hầu thành đẳng cấp thứ bậc, ghi chép lại giấu trong tông miếu, phó bản để chỗ Hữu ti. Đến thời Văn, Cảnh, trải qua bốn năm đời, dân lưu tán đã quay về, hộ khẩu tăng nhiều, Liệt hầu lớn thì đến ba bốn vạn hộ, nước nhỏ cũng tăng gấp đôi, sự giàu có tăng theo hộ khẩu. Con cháu Liệt hầu kiêu xa dâm dật, nhiều kẻ phạm phép cấm, thân chết nước phong mất, cho đến bấy giờ, con cháu công thần được phong hầu chỉ còn có bốn người,[1] pháp luật cũng nghiêm khắc hơn.

6. Sau khi nhà Hán mất số binh của Trác Dã hầu, công khanh nghị bàn đều muốn bãi quân đánh Đại Uyển, dốc sức đánh rợ

---

[1] Bốn người: Toản hầu Tiêu Thọ Thành, Mâu hầu Lịch Thế Tông, Phần Dương hầu Cận Thạch, Tuy Lăng hầu Trương Xương.

Hồ. Thiên tử tính rằng đã xuất binh thảo phạt Đại Uyển, nếu nước nhỏ như Đại Uyển mà chẳng hạ nổi, thì các nước như Đại Hạ sẽ dần dần khinh nhà Hán, rồi ngựa hay của Đại Uyển dứt tuyệt không đưa đến nữa, các nước Ô Tôn, Luân Đài sẽ tùy tiện làm khó sứ giả của Hán triều, bị người ngoại quốc chê cười, vì thế xét phạt tội những kẻ nói rằng đi đánh Đại Uyển rất bất lợi là bọn Đặng Quang. Rồi xá miễn cho kẻ tù đồ, trưng phát những người trẻ tuổi phẩm hạnh kém và kỵ binh ở biên địa, trong vòng hơn năm, đưa sáu vạn người đến Đôn Hoàng, người cõng vác tư trang đi theo không tính, bò chục vạn con, ngựa ba vạn thớt, lừa và lạc đà tính hàng vạn, mang theo lương thảo, binh khí và cung nỏ rất đầy đủ. Thiên hạ xao động, tướng lĩnh các nơi được điều đi đánh Đại Uyển là hơn năm mươi viên Hiệu úy. Trong thành Đại Uyển không có giếng, nước đều cấp từ dòng sông bên ngoài thành vào, vì thế Đế phái "thủy công" đi theo quân để dời đường nước dưới chân thành ấy, cho chảy đi hướng khác, lợi dụng đường nước cũ đã rỗng để công thành. Phát thêm mười tám vạn lính thú đến phía bắc quận Trương Dịch, Tửu Tuyền, đặt binh đồn trú ở Cư Diên, Hưu Đồ để che chắn cho quận Tửu Tuyền, rồi điều phát bọn quan lại phạm tội, kẻ bỏ trốn, đàn ông ở rể, bọn buôn bán, kẻ trước đấy có hộ tịch thương nhân, cha mẹ của kẻ có hộ tịch thương nhân, ông bà của kẻ có hộ tịch thương nhân, cả thảy bảy hạng người, phạt đày làm lính;[1] chuyển chở lương cấp cho Nhị Sư, xe chuyển người đi liên tục không dứt; lại bái hai người tinh thục về ngựa làm Chấp mã Hiệu úy, Khu mã Hiệu úy, chuẩn bị sẵn sau khi phá Đại Uyển thì tuyển chọn lấy ngựa hay.

Vì thế sau khi Nhị Sư tái xuất chinh, binh nhiều, các tiểu quốc đi qua chẳng nước nào không tiếp đón, xuất lương thực cấp cho quân. Đến Luân Đài, nước Luân Đài không hàng, đánh mấy

[1] Bảy hạng người này bị bắt sung quân đi lính thú, gọi là "thất khoa trích."

ngày, làm cỏ nước ấy. Từ đấy sang tây, bình an đến thẳng đô thành Đại Uyển, quân đến nơi ba vạn. Binh Đại Uyển đón đánh binh Hán, binh Hán bắn tên đánh bại bọn họ, binh Đại Uyển chạy vào thành, thủ giữ. Nhị Sư muốn đánh thành Uất Thành, sợ lưu quân tại đó lâu khiến Đại Uyển sinh mưu trá, bèn tiến đến đô thành Đại Uyển, khơi dòng nước ở thành đấy cho chảy sang hướng khác, lập tức khiến quân thủ Đại Uyển lo buồn khốn quẫn. Quân Hán vây thành ấy, đánh hơn bốn mươi ngày. Quý tộc nước Đại Uyển bàn mưu rằng:

- Đại vương Vô Quả[1] giấu ngựa hay, giết sứ nhà Hán, nay bọn ta giết Vương rồi giao ngựa tốt, binh Hán mới giải vây; nếu họ không giải vây, ta ra sức tử chiến, chưa muộn vậy.

Quý tộc Đại Uyển đều cho là đúng, cùng giết vua. Thành phía ngoài vỡ, quý tộc Đại Uyển là dũng tướng Tiên Mĩ bị bắt. Người Đại Uyển kinh hoảng, chạy vào trong thành, phái người mang đầu của vua Vô Quả ra gặp Nhị Sư hẹn rằng:

- Quân Hán không đánh ta, ta đem hết ngựa tốt ra cho tùy ý lựa chọn, lại cấp lương ăn cho quân Hán. Nếu không nghe, ta sẽ giết hết ngựa tốt. Quân cứu của nước Khang Cư lại sắp đến, họ đến, ta ở trong, quân Khang Cư ở ngoài, cùng quân Hán giao chiến. Hãy tính kỹ, theo cách nào?

Bấy giờ, quân Khang Cư do thám thấy binh Hán còn mạnh, không dám tiến. Nhị Sư nghe nói trong thành Đại Uyển mới bắt được người Hán, người đó biết nghề đào giếng, mà lương ăn trong thành ấy còn nhiều, tính rằng: "Đến để giết kẻ đầu sỏ là Vô Quả, đầu Vô Quả đã đưa đến, như thế lại không đồng ý thì họ giữ vững, rồi nước Khang Cư đợi quân Hán mỏi mệt sẽ đến cứu Đại Uyển, phá binh Hán tất được." Bèn đồng ý với ước hẹn của họ. Người Đại Uyển bèn đem ngựa của mình ra, cho quân Hán tự chọn lấy, lại đem nhiều lương ăn cho quân Hán. Quân

---

[1] Vô Quả (毋寡), là tên vua nước Đại Uyển.

Hán chọn mấy chục thớt ngựa tốt trong số ấy, hạng trung trở xuống thì chọn hơn ba nghìn thớt ngựa cả đực và cái, rồi lập quý tộc Đại Uyển có quan hệ tốt với Hán triều lúc trước là Muội Thái làm Uyển vương, cùng họ thề minh rồi bãi binh.

Khi trước, Nhị Sư cất binh từ Đôn Hoàng sang tây, chia binh mấy lộ, theo hai đường nam, bắc. Hiệu úy Vương Thân Sinh thống lĩnh riêng hơn nghìn người đến Uất Thành, Uất Thành vương đánh diệt họ, mấy người trốn thoát, chạy đến chỗ Nhị Sư. Nhị Sư lệnh sai Sưu Túc đô úy Thượng Quan Kiệt qua đánh Uất Thành, Uất Thành vương bỏ trốn đến nước Khang Cư, Kiệt truy đuổi đến Khang Cư. Khang Cư vương nghe nói quân Hán đã phá Đại Uyển, giao Uất Thành vương cho Kiệt, Kiệt lệnh sai bốn kỵ sĩ trói cổ hắn đưa đến chỗ Nhị Sư. Kỵ sĩ Triệu Đệ người Thượng Khuê sợ Uất Thành vương trốn mất, bèn rút kiếm chặt đầu hắn, đuổi theo quân của Nhị Sư.

Năm Thái Sơ thứ tư (Canh Thìn – TCN 101)

1. Mùa xuân, Nhị Sư tướng quân đến kinh sư. Những tiểu quốc mà Nhị Sư đi qua nghe nói Đại Uyển bị phá, đều sai con em đi theo vào dâng cống, triều kiến Thiên tử, nhân đó ở lại làm con tin. Quân quay về, số ngựa đưa vào quan ải hơn nghìn con. Lần đi sau này, quân không thiếu lương, giao chiến chết không nhiều lắm, nhưng tướng lĩnh tham lam, không yêu mến sĩ tốt, xâm đoạt ngược đãi họ, vì thế số người vô cớ chết nhiều. Thiên tử vì Quảng vạn dặm chinh phạt, không tính xét lỗi, bèn hạ chiếu phong Quảng làm Hải Tây hầu, phong Triệu Đệ làm Tân Chỉ hầu, lấy Thượng Quan Kiệt làm Thiếu phủ, quan lại trong quân có ba người làm Cửu khanh, hơn trăm người làm Tướng quốc chư hầu, Quận thú, Nhị thiên thạch, hơn nghìn người nhận chức quan từ nghìn thạch trở xuống. Những người tự nguyện theo quân xuất chinh đều được nhận quan tước quá với kỳ vọng;

tội nhân bị đày làm lính xuất chinh, đều được miễn cái tội mình phạm phải, nhưng không biên chép công lao; sĩ tốt được ban thưởng đến bốn vạn tiền.

Hung Nô nghe nói Nhị Sư chinh phạt Đại Uyển, muốn chặn đường, nhưng thấy binh Nhị Sư mạnh, không dám đối địch, liền phái quân kỵ đến nước Lâu Lan tập kích sứ giả nhà Hán đi sau đại quân, muốn cắt đứt đường qua đó. Bấy giờ Quân chính của quân Hán là Nhậm Văn thống suất binh đóng trú ở Ngọc Môn Quan, bắt sống được giặc rợ, biết thực trạng đem báo lên. Chúa thượng hạ chiếu sai Văn tiện đường dẫn binh bắt Lâu Lan vương, đưa đến cửa khuyết trách tội. Lâu Lan vương đáp rằng:

- Nước nhỏ ở giữa hai đại quốc, chẳng thể nghe mệnh cả hai, không có cách để tự yên, xin dời cả nước vào trong đất Hán.

Chúa thượng cho là lời thẳng, thả cho về nước, cũng nhân đó sai dò xét Hung Nô, người Hung Nô từ đấy không hoàn toàn tin tưởng và tín nhiệm Lâu Lan vương nữa.

Từ sau khi Đại Uyển bị phá, các nước Tây Vực run sợ, sứ Hán vào Tây Vực được thuận lợi hoàn thành sứ mệnh. Vì thế từ Đôn Hoàng sang tây đến Diêm Trạch nơi nơi dựng nhà trạm, rồi các nước Luân Đài, Cừ Lê đều có mấy trăm binh tốt của nhà Hán đóng trại làm ruộng, đặt sứ giả, Hiệu úy để thống lĩnh bảo hộ, dùng lương thực thu được cấp cho các sứ giả ra nước ngoài.

Hơn một năm sau, quý tộc Đại Uyển cho là Muội Thái khéo nịnh hót giao hảo với Hán, khiến nước nhà gặp cảnh đồ sát, bèn cùng nhau giết Muội Thái, lập em chí thân của Vô Quả là Thiền Phong làm Uyển vương, rồi phái con của Thiền Phong vào chầu nhà Hán. Hán triều liền sai sứ đến ban thưởng cho Thiền Phong. Thiền Phong cùng Hán ước định, mỗi năm dâng biếu hai con "thiên mã".

2. Mùa thu, khởi dựng cung Minh Quang.

3. Mùa đông, chúa thượng tuần hành đến Hồi Trung.

4. Thiền vu Hung Nô là Lê Hồ chết, Hung Nô lập em của Lê Hồ là Tả đại đô úy Thư Đê hầu làm Thiền vu. Thiên tử muốn nhân cái uy thảo phạt Đại Uyển gây khốn nhiễu rợ Hồ, bèn hạ chiếu rằng:

"Cao Hoàng để truyền lại cho trẫm mối lo hận Bình Thành[1], thời Cao hậu, thư của Thiền vu rất bội nghịch[2]. Xưa kia Tề Tương công rửa được mối thù chín đời,[3] kinh Xuân thu khen việc ấy."

Thiền vu Thư Đê hầu mới lập, sợ Hán triều đánh úp mình, bèn nói:

- Ta là đứa trẻ, há dám sánh với Thiên tử nhà Hán! Thiên tử nhà Hán, là trưởng bối của ta vậy.

Nhân đó thả hết các sứ giả nhà Hán không chịu hàng bị giữ ở đất Hung Nô là bọn Lộ Sung Quốc về nước[4], phái sứ thần đến dâng cống.

Năm Thiên Hán thứ nhất (Tân Tỵ – TCN 100)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành đến Cam Tuyền, tế giao ở Thái chỉ.

Tháng ba, xa giá đến Hà Đông, tế Hậu thổ.

2. Chúa thượng khen nghĩa cử của Thiền vu, phái Trung lang tướng Tô Vũ đưa sứ thần Hung Nô bị giữ tại Hán triều về nước, nhân đó hậu tặng của cải cho Thiền vu, đáp lại thiện ý của bên ấy. Vũ cùng phó sứ là Trung lang tướng Trương Thắng và bọn Giả lại là Thường Huệ cùng đi, sau khi đến Hung Nô, đem lụa

---

[1] Việc ở Bình Thành, xem Hán kỷ, quyển 3, sự kiện năm thứ ba đời Hán Cao tổ.

[2] Việc Hung Nô viết thư bội nghịch, xem Hán kỷ, quyển 12, sự kiện năm thứ ba đời Hán Huệ đế.

[3] *Công Dương truyện* chép: Năm thứ tư đời Lỗ Trang công, Tề Tương công diệt nước Kỷ để báo thù. Ông tổ chín đời của Tương công bị Kỷ hầu gièm pha nên bị nấu chín ở nhà Chu, cho nên Tương công diệt nước Kỷ.

[4] Việc Lộ Sung Quốc bị lưu đày, nói ở sự kiện năm Nguyên Phong thứ tư.

tặng Thiền vu. Thiền vu thêm kiêu, là điều mà nhà Hán không mong đợi vậy.

Đúng lúc Câu vương cùng bọn Ngu Thường người Trường Thủy[1] và người hàng mà Vệ Luật quản lĩnh ngầm bàn mưu, muốn bắt Yên chi là mẹ của Thiền vu đưa về nhà Hán. Cha của Vệ Luật vốn là người Hung Nô ở đất Trường Thủy, Luật thân thiết với Hiệp luật đô úy Lý Diên Niên, Diên Niên từng tiến cử Luật đi sứ Hung Nô, Luật đi về, nghe nói cả nhà Lý Diên Niên bị bắt, bèn trốn sang hàng Hung Nô. Thiền vu yêu mến Luật, cùng mưu bàn quốc sự, lập làm Đinh Linh vương. Ngu Thường thời ở Hán triều, vốn cùng với phó sứ Trương Thắng biết nhau, bái phỏng riêng Trương Thắng nói:

- Nghe nói Thiên tử nhà Hán rất oán Vệ Luật, Thường này có thể vì Hán triều dùng quân cung nỏ mai phục bắn chết hắn. Mẹ và em ta ở Hán triều, hy vọng họ được ban thưởng.

Trương Thắng đồng ý với lời ấy, đem nhiều tài vật giao cho Thường. Hơn một tháng sau, Thiền vu ra ngoài săn bắn, chỉ có Yên chi và con em ở lại Vương đình, bọn Ngu Thường hơn bảy chục người muốn phát động, một người trong số đó nhân buổi đêm trốn đi báo kế ấy. Con em của Thiền vu phát binh cùng bọn Thường giao chiến, bọn Câu vương đều chết, Ngu Thường bị bắt sống.

Thiền vu sai Vệ Luật xử trị việc ấy, Trương Thắng nghe tin, sợ lời lúc trước phát lộ, đem thực trạng báo với Vũ. Vũ nói:

- Việc như thế, tất phải can hệ đến ta, bị vũ nhục rồi mới chết, là hai lần phụ lại quốc gia.

Muốn tự sát, Thắng và Huệ cùng ngăn lại. Ngu Thường quả nhiên cung khai Trương Thắng. Thiền vu giận, triệu các quý tộc nghị bàn, muốn giết sứ giả nhà Hán. Tả Y Trật Tỷ nói:

---

[1] Trường Thủy (长水), là địa danh trong đất Hung Nô.

- Nếu mưu giết Thiền vu, lấy gì để trị tội? Nên bắt tất cả bọn họ quy hàng![1]

Thiền vu sai Vệ Luật triệu gọi Vũ truyền lời. Vũ bảo với bọn Huệ rằng:

- Khuất tiết nhục mệnh, dẫu sống, còn mặt mũi nào để quay về nhà Hán!

Bèn rút bội đao tự đâm mình. Vệ Luật kinh hãi, tự ôm giữ Vũ, gấp triệu thầy thuốc, đào đất thành hố rỗng, đặt lửa than trong đó, để Vũ nằm phía trên hố, dùng chân dẫm vào lưng Vũ khiến huyết ứ chảy ra ngoài. Vũ dứt khí, nửa ngày mới tỉnh lại. Bọn Huệ khóc lóc, khiêng Vũ về doanh. Thiền vu khen khí tiết của Vũ, sớm chiều phái người thăm hỏi, nhưng bắt trói Trương Thắng.

Vũ khỏi dần, Thiền vu sai sứ đến hiểu dụ Vũ, muốn Vũ hàng Hung Nô, đúng lúc luận tội Ngu Thường, muốn nhân dịp ấy bức hàng Vũ; dùng kiếm chém Ngu Thường xong, Luật nói:

- Sứ nhà Hán là Trương Thắng mưu giết cận thần của Thiền vu, đáng chết, Thiền vu chiêu mộ, nếu hàng thì xá tội.

Xong rút kiếm muốn đâm Thắng, Thắng xin hàng. Luật bảo Vũ rằng:

- Phó sứ có tội, chính sứ ứng tội liên quan.

Vũ nói:

- Ta vốn không dự mưu, lại không phải là thân thuộc, sao nói bị tội liên quan?

Luật lại nhấc kiếm làm như trước, Vũ không động. Luật nói:

- Tô quân! Luật lúc trước phụ Hán hàng Hung Nô, may nhận đại ân ban hiệu xưng vương, nắm bộ chúng mấy vạn, ngựa nuôi đầy núi, phú quý như thế! Hôm nay Tô quân hàng, hôm sau lại

---

[1] Ý nói, mưu giết Vệ Luật mà bị xử tử là quá nặng, nếu mưu giết Thiền vu thì lấy gì để kết tội nặng hơn? Nên tha, bắt phải hàng.

giống ta; không hàng thì đem thân ngâm sương nơi thảo dã, có ai biết đến Tô quân nữa đâu!

Vũ không ứng đáp. Luật nói:

- Nếu ngài nghe ta đầu hàng, ta với ngài kết thành huynh đệ; nay không nghe kế ta, sau này dẫu muốn gặp lại, còn có thể được chăng?

Vũ chửi Luật rằng:

- Mày thân là thần tử, chẳng đoái nghĩ ân nghĩa, phản quân chủ bội người thân, hàng giặc rợ ở cõi Man Di, ta gặp mày làm gì? Vả lại Thiền vu tín nhiệm mày, sai mày quyết định sự sống chết của người khác, mày không có lòng xử trí công bằng, lại muốn hai vị quân chủ tranh đấu, đứng yên quan sát họa bại. Nước Nam Việt giết sứ giả của nhà Hán, bị diệt sạch thành chín quận; Đại Uyển vương giết sứ giả của nhà Hán, đầu treo ở cung khuyết phía bắc; Triều Tiên giết sứ giả của nhà Hán, tức thời bị tru diệt;[1] chỉ có Hung Nô là chưa thôi. Mày biết rõ ta không hàng, muốn khiến cho hai nước đánh nhau, cái họa của Hung Nô bắt đầu từ việc của ta đấy.

Luật biết Vũ rút cục chẳng thể bức ép được, bạch với Thiền vu, Thiền vu lại càng muốn thu hàng, liền giam tù Vũ trong hầm đất lớn, không cho ăn uống gì; trời mưa tuyết, Vũ nằm trên đất, nuốt tuyết và lông nỉ, mấy ngày không chết. Hung Nô cho là có thần giúp, bèn đầy Vũ đến bờ Bắc Hải nơi không có người trú, sai chăn dê, nói: "Bao giờ dê đực cho sữa thì được quay về". Các thuộc quan khác trong sứ đoàn là bọn Thường Huệ, đều bị chia ra an trí đến các nơi khác.

3. Có thứ lông cứng màu trắng và cong từ trên trời rơi xuống như mưa.

---

[1] Việc nước Nam Việt, xem ở Hán kỷ quyển 12, sự kiện năm Nguyên Đỉnh thứ năm, thứ sáu. Việc nước Đại Uyển, xem ở Hán kỷ quyển 13, sự kiện năm Thái Sơ thứ ba, việc nước Triều Tiên, xem ở Hán kỷ quyển 13, sự kiện năm Nguyên Phong thứ hai.

4. Mùa hạ, đại hạn.

5. Tháng năm, đại xá thiên hạ.

6. Điều phát tội nhân đi lính thú đóng ở quận Ngũ Nguyên.

7. Trác Dã hầu Triệu Phá Nô từ Hung Nô trốn về.[1]

8. Năm ấy, Thái thú Tế Nam là Vương Khanh làm Ngự sử đại phu.

Năm Thiên Hán thứ hai (Nhâm Ngọ – TCN 99)

1. Mùa xuân, chúa thượng tuần hành Đông Hải. Khi quay về tuần hành Hồi Trung.

2. Mùa hạ, tháng năm, Đế phái Nhị Sư tướng quân Lý Quảng Lợi thống suất ba vạn quân kỵ từ quận Tửu Tuyền tiến ra biên hiểm, đánh Hữu hiền vương ở Thiên Sơn, bắt chém hơn vạn thủ cấp rợ Hồ rồi quay về. Trọng binh Hung Nô vây Nhị Sư tướng quân, quân Hán thiếu lương ăn mấy ngày, người tử thương rất nhiều. Giả Tư mã Triệu Sung Quốc người quận Lũng Tây cùng hơn trăm tráng sĩ phá vây hãm trận, Nhị Sư dẫn binh theo sau, mới thoát ra được. Binh Hán chết mất sáu bảy phần mười, Sung Quốc thân bị hơn hai mươi vết thương. Nhị Sư tấu thực trạng, Đế hạ chiếu thư triệu Sung Quốc đến hành sở, đích thân tiếp kiến, xem vết thương, than thở không thôi, bái làm Trung lang.

Hán triều lại sai Nhân vu tướng quân Công Tôn Ngao tiến từ Tây Hà, cùng Cường nỗ đô úy Lộ Bác Đức hội sư ở núi Trác Đồ, nhưng không thu hoạch được gì.

Khi trước, Lý Quảng có người cháu tên Lăng, làm Thị trung, giỏi cưỡi ngựa bắn cung, yêu mến sĩ tốt, khiêm cung với kẻ sĩ. Đế cho là có phong độ của Quảng, bái làm Kỵ đô úy, sai lĩnh năm nghìn người đất Sở và Đan Dương, luyện bắn tên tại quận

[1] Trác Dã hầu đi đánh Hung Nô bị bắt, việc nói ở năm Thái Sơ nguyên niên.

Tửu Tuyền, Trương Dịch để phòng bị rợ Hồ. Lúc Nhị Sư tiến đánh Hung Nô, chúa thượng hạ chiếu cho Lăng, muốn sai giúp Nhị Sư vận xe truy trọng. Lăng khấu đầu tự xin rằng:

- Quân mà thần quản lĩnh đồn trú ở biên thùy, đều là dũng sĩ, kiếm khách kỳ tài vùng Kinh Sở, có sức bóp được mãnh hổ, bắn đâu trúng đấy, mong được tự đảm đương một cánh, đến phía nam núi Lan Vu để chia binh lực của Thiền vu, không cho chúng chuyên sức đối kháng với quân của Nhị Sư.

Chúa thượng nói:

- Ngươi xấu hổ vì phải làm thuộc tướng chăng? Ta phát quân nhiều, không dư ngựa cấp cho ngươi.

Lăng đáp:

- Không cần có ngựa, thần nguyện lấy ít đánh nhiều, đem năm nghìn bộ binh đạp bằng Vương đình của Thiền vu.

Chúa thượng khen ngợi rồi đồng ý, nhân đó hạ chiếu cho Lộ Bác Đức đem binh nghênh đón quân của Lăng ở giữa đường. Bác Đức cũng xấu hổ vì phải làm hậu đội của Lăng, tâu rằng:

- Nay đang thu, ngựa của Hung Nô béo tốt, chưa thể cùng họ giao chiến, xin giữ Lăng lại đợi đến xuân cùng xuất chinh.

Chúa thượng nổi giận, ngờ là Lăng hối hận không muốn đi nên xúi giục Bác Đức dâng thư, bèn hạ chiếu sai Bác Đức dẫn binh đánh Tây Hà. Lại hạ chiếu sai Lăng đến tháng chín xuất phát, ra Già Lỗ chướng, hướng sang đông đến phía nam núi Tuấn Kê bên bờ sông Long Lặc, quanh quẩn quan sát địch, nếu không thấy tung tích địch, thì quay về, đến thành Thụ Hàng[1] cho binh sĩ nghỉ ngơi. Vì thế Lăng đem năm nghìn bộ tốt của mình ra Cư Diên, lên bắc đi ba mươi ngày, đến núi Tuấn Kê dừng lại lập doanh, vẽ địa hình sông núi những chỗ đi qua, sai

[1] Thành này được Công Tôn Ngao đắp vào năm Nguyên Sơ nguyên niên theo lệnh của Vũ đế, là nơi tiếp nhận người hàng.

quân kỵ dưới trướng là Trần Bộ Nhạc đem về báo cáo. Bộ Nhạc được triệu kiến, kể lại rằng Lăng được tướng sĩ dốc sức đến chết, chúa thượng rất hài lòng, bái Bộ Nhạc làm quan lang.

Lăng đến núi Tuấn Kê, cùng Thiền vu tương ngộ, quân kỵ Hung Nô chừng ba vạn vây quân của Lăng. Quân của Lăng ở giữa hai tòa núi, kết xe lớn làm doanh. Lăng dẫn binh sĩ ra ngoài doanh bày trận, hàng trước cầm kích, thuẫn, hàng sau cầm cung, nỏ. Giặc rợ thấy quân Hán ít, xông thẳng đến trước doanh. Lăng giơ tay chỉ huy quân đánh đấu, nghìn nỏ cùng bắn, ứng tiếng dây rung thì có người ngã lăn, giặc rợ chạy lên núi, quân Hán truy kích, giết mấy nghìn tên. Thiền vu cả kinh, triệu hai lộ quân tả, hữu đem hơn tám vạn quân kỵ tiến đánh Lăng. Lăng vừa đánh vừa rút về phía nam. Mấy ngày sau đến giữa vùng sơn cốc, giao chiến liên tiếp, sĩ tốt trúng tên bị thương, ai bị ba vết thương thì chở bằng xe kéo, ai bị hai vết thương thì kéo xe, ai bị một vết thương thì cầm binh khí chiến đấu, lại chém được hơn ba nghìn đầu. Lăng rút binh về phía đông nam, men theo đường Long Thành cũ mà đi, sau bốn, năm ngày, đến giữa bãi lau sậy của một cái đầm lớn, giặc rợ từ đầu gió nổi lửa, Lăng cũng lệnh sai trong quân nổi lửa để tự cứu.[1] Xuôi nam đến chân một tòa núi, Thiền vu ở mặt nam trèo lên núi, sai con mình đem quân kỵ đánh Lăng. Quân bộ của Lăng giao đấu giữa rừng cây, mai phục giết mấy ngàn giặc, nhân đó dùng liên nỏ[2] bắn Thiền vu, Thiền vu xuống núi chạy. Hôm ấy có tên giặc bị bắt, nói:

- Thiền vu nói: "Đây tinh binh của nhà Hán, đánh mà không hạ được họ, chúng ngày đêm dẫn ta về phía nam gần biên ải, lẽ nào có phục binh sao?" Các Đương hộ[3], Quân trưởng đều nói: "Thiền vu tự đem mấy vạn quân kỵ đánh mấy nghìn người Hán

---

[1] Hung Nô đốt lửa từ đầu gió, Lăng đốt cây cối gần mình trước, khi lửa của giặc đốt đến không còn cây để bén tiếp.

[2] Đại khái là loại nỏ bắn nhiều mũi tên cùng một lúc.

[3] Đương hộ (当户), là quan danh của người Hung Nô.

mà chẳng diệt được, sau này lấy gì để sai khiến các nước phụ thuộc ngoài biên, còn khiến cho Hán khinh thường Hung Nô. Hãy lần nữa ra sức đánh trong vùng sơn cốc, còn bốn, năm mươi dặm sẽ đến chỗ đất bằng, nếu vẫn không phá được họ mới quay về."

Bấy giờ quân của Lăng rất nguy cấp, quân kỵ Hung Nô đông, một ngày giao chiến mấy chục hiệp, lại sát thương hơn hai nghìn giặc rợ. Giặc bất lợi, muốn rút, đúng lúc có tên Quân hầu là Quản Cảm bị Hiệu úy của mình làm nhục, trốn sang hàng Hung Nô, nói thật rằng:

- Quân của Lăng không có hậu viện, tên sắp hết, chỉ còn có tướng quân dưới trướng và Thành An hầu Hàn Diên Niên, đều có tám trăm người dàn hàng phía trước, lấy vải vàng và trắng làm cờ xí, nên sai quân kỵ tinh nhuệ bắn họ thì lập tức phá được thôi.

Thiền vu có được Cảm cả mừng, sai tất cả quân kỵ tấn công quân Hán, hô lớn rằng:

- Lý Lăng, Hàn Diên Niên mau hàng!

Rồi chẹn đường đánh Lăng rất rát. Lăng ở trong lũng, giặc rợ ở trên núi, bốn mặt bắn xuống, tên bay như mưa. Quân Hán lui về phía nam, còn chưa đến núi Đê Hãn, trong một ngày năm chục vạn mũi tên hết sạch, liền bỏ xe mà lui. Quân sĩ còn có hơn ba nghìn, bèn chặt đòn xe cầm trên tay làm vũ khí, Quân lại cầm xích đao[1], tiến vào lũng hẹp, Thiền vu chẹn phía sau bọn họ, chọn chỗ góc hiểm ném đá lấp đường, sĩ tốt chết nhiều, không đi được. Lúc mặt trời lặn, Lăng liền mặc áo cộc tay một mình ra khỏi doanh, ngăn tả hữu lại, nói:

- Đừng theo ta, trượng phu ta đi một mình bắt Thiền vu là được rồi!

---

[1] Xích đao (尺刀), là một loại đoản đao.

Hồi lâu, Lăng quay về, than thở nói:

- Binh bại, phải chết thôi!

Vì thế sai chặt hết cờ tinh, đem chôn đồ trân bảo xuống đất. Than rằng:

- Nếu còn mấy chục mũi tên, thì đủ để thoát rồi. Nay không còn binh khí để đánh nữa, lúc trời sáng, phải bó tay chịu trói thôi, chẳng bằng như chim thú tan chạy, có người nào thoát được thì quay về báo với Thiên tử.

Bèn lệnh cho quân sĩ mỗi người đem theo hai thăng cơm khô, một mảnh băng,[1] hẹn gặp nhau tại Già Lỗ chướng. Lúc nửa đêm, Lăng đánh trống khích lệ sĩ khí, trống không kêu. Lăng và Hàn Diên Niên cùng lên ngựa, tráng sĩ đi theo hơn chục người, mấy nghìn quân kỵ giặc rợ đuổi theo. Hàn Diên Niên giao chiến chết. Lăng nói:

- Ta không còn mặt mũi nào để báo đáp Bệ hạ!

Bèn hàng. Quân của Lăng phân tán chạy, hơn bốn trăm người thoát được đến biên ải.

Lăng thua bại cách biên ải hơn trăm dặm, biên ải báo tin về. Vũ đế vốn mong Lăng tử chiến; sau nghe tin Lăng hàng, chúa thượng rất giận, trách hỏi Trần Bộ Nhạc, Bộ Nhạc tự sát. Quần thần đều buộc tội Lăng, chúa thượng đem việc ấy hỏi Thái sử lệnh là Tư Mã Thiên, Thiên cực lực bày tỏ rằng:

- Lăng thờ mẹ hiếu thuận, tín nghĩa với sĩ tốt, thường gắng gỏi quên thân để chống đỡ mối nguy cấp cho quốc gia, vốn là chí nguyện tích dưỡng đã lâu, thực có phong độ quốc sĩ. Nay cử sự mới một lần gặp bất hạnh, những bầy tôi chỉ khư khư bảo toàn cho vợ con lại ra sức thêu dệt cái lỗi của Lăng, thực khiến người ta đau lòng! Vả lại bộ tốt của Lăng chẳng đầy năm nghìn, vào sâu giẫm xéo giữa đất giặc mạnh, ngăn chống mấy vạn quân,

[1] Bấy giờ trời lạnh, cầm băng theo để phòng khi khát.

giặc rợ phải cứu kẻ chết đỡ kẻ bị thương chẳng được rỗi nhàn, dốc hết dân chúng ra cầm cung cùng vây đánh bọn họ, đánh vòng quanh nghìn dặm, tên hết đường cùng, quân sĩ giương cung không tên, giả bộ cầm đao sắc, ngoảnh đầu về phương bắc tranh nhau tử chiến với địch, có được thuộc hạ liều chết ra sức như thế, dẫu danh tướng thời xưa cũng không hơn được vậy. Thân dù bị hãm vào chỗ bại, nhưng việc đánh giết của Lăng cũng đủ để dương danh thiên hạ. Người đó sở dĩ không chết, là muốn lập công chuộc tội báo đáp nhà Hán vậy!

Chúa thượng cho là Thiên dùng lời dối trá bậy bạ, muốn chê mỉa Nhị Sư, vì Lăng du thuyết nói đỡ, bèn hạ lệnh cung hình Thiên.

Rất lâu sau, chúa thượng hối hận vì Lăng không có quân cứu viện, nói:

- Lăng sắp xuất phát ra biên hiểm, trẫm hạ chiếu cho Cường nỗ đô úy sai đón quân của Lăng; vì chiếu thư ấy, khiến lão tướng sanh lòng gian trá.[1]

Bèn phái sứ giả úy lạo, ban thưởng cho những quân lính của Lăng chạy thoát.

3. Chúa thượng dùng phép tắc khống chế thiên hạ, rất xem trọng việc dùng quan lại hà khắc, mà quan Nhị thiên thạch của quận, quốc đa phần dùng thủ đoạn khốc bạo trị lý, quan dân càng xem thường phạm phép; đạo tặc phương đông nổi dậy, lớn thì quần tụ đến mấy nghìn người, đánh thành ấp, đoạt binh khí trong phủ khố[2], thả tù phạm, bắt trói làm nhục Quận thú, Đô úy, giết quan Nhị thiên thạch; nhỏ thì quần tụ mấy trăm

---

[1] Ban đầu Lô Bác Đức được lệnh chỉ huy quân đánh Hung Nô, sau đó Đế lại lệnh sai Lộ Bác Đức đón binh của Lý Lăng, làm hậu đội cho Lăng nên thẹn, dâng thư về triều xin hoãn đi đánh Hung Nô. Chúa thượng tức giận cho là Lăng sợ giặc mới xui Lộ Bác Đức dâng thư, bèn sai Lộ Bác Đức đi riêng đánh Tây Hà, Lăng một mình vào đất giặc, vì thế quân cô không có cứu viện, thua bại.

[2] Các quận, quốc của nhà Hán đều có kho vũ khí.

người, cướp bóc nơi làng xóm, chẳng thể tính xuể, đường đất bất thông. Chúa thượng ban đầu sai Ngự sử trung thừa, Thừa tướng Trưởng sử đốc xét bọn họ, chẳng thể ngăn cấm được; vì thế phái Quang lộc đại phu Phạm Côn và bọn Cửu khanh lúc trước là Trương Đức mặc áo gấm thêu, cầm cờ tiết, hổ phù, dùng phép tắc phát binh đánh dẹp. Quận lớn chém giết đến vạn người, người của các quận giúp đạo tặc đi qua, cung cấp đồ ăn mắc tội liên đới bị giết, có quận người chết đến mấy nghìn. Qua mấy năm, bắt được gần hết cừ súy của đạo tặc, kẻ thất tán trốn lánh lại tụ bè đảng giữ chỗ núi sông hiểm trở quần cư, quan phủ không biết phải làm sao. Vì thế Đế sai chế "Trầm mệnh pháp", quy định rằng:

"Quần đạo nổi dậy, phủ quan không phát giác được, hoặc phát giác ra nhưng không bắt được hết, từ quan Nhị thiên thạch xuống đến tiểu lại, chủ sự, nhất loạt đều xử chết."

Từ đấy về sau, tiểu lại sợ bị giết, dẫu phát hiện được đạo tặc, sợ không thể bắt hết, phủ quan bị tội liên quan, bèn sai thuộc hạ không báo cáo[1], cho nên đạo tặc dần đông, trên dưới cùng giấu giếm, dùng văn từ hão né tránh pháp luật.

Bấy giờ Bạo Thắng Chi làm Trực chỉ sứ giả, các quan từ Nhị thiên thạch trở xuống bị hắn giết rất nhiều, uy chấn châu quận. Thắng Chi đến quận Bột Hải, nghe nói người trong quận là Tuyển Bất Nghi hiền, xin cùng tương kiến. Bất Nghi dung mạo tôn nghiêm, áo mũ rất hoa lệ tề chỉnh, Thắng Chi chưa kịp xỏ giày ngay ngắn đã vội đứng dậy đón tiếp, lên sảnh đường yên định chỗ ngồi, Bất Nghi chống tay xuống đất cung kính nói:

- Ta nép mình nơi góc bể, nghe danh Bạo Công Tử[2] đã lâu rồi, nay mới có dịp được gặp mặt tiếp lời. Phàm là tiểu lại, cứng quá thì đổ gãy, mềm quá thì hỏng việc, uy nghiêm đã tỏ rồi, lại

---

[1] Huyện có đạo tặc, phủ cũng mắc tội, vì thế sai huyện thuộc không báo lên.

[2] Bạo Thắng Chi (暴胜之), tự Công Tử (公子).

dùng ân huệ ban ra, rồi sau mới dựng công dương danh, thì mãi mãi giữ trọn lộc trời.

Thắng Chi rất tán đồng lời ấy; lúc quay về, dâng biểu tiến cử Bất Nghi, chúa thượng triệu bái Bất Nghi làm Thứ sử Thanh châu.

Người quận Tế Nam là Vương Hạ từng làm Tú y ngự sử, đuổi bắt quần đạo ở Ngụy Quận, Hạ buông tha rất nhiều người, bị cho là phụng sứ mệnh không xứng chức, bãi miễn. Hạ than:

- Ta nghe nói cứu sống nghìn người, con cháu được phong tước, người mà ta cứu sống đến hơn vạn, con cháu đời sau của ta hưng vượng chăng?

4. Năm ấy, Đế dùng người hàng của Hung Nô là Giới Hòa Vương Thành Vãn làm Khai Lăng hầu, thống lĩnh binh nước Lâu Lan đi đánh nước Xa Sư; Hung Nô phái Hữu hiền vương đem mấy vạn quân kỵ đi cứu viện nước Xa Sư, binh Hán thất lợi, rút về.

---ॐ---

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ MƯỜI BỐN]

THẾ TÔNG HIẾU VŨ HOÀNG ĐẾ

Năm Thiên Hán thứ ba (Quý Mùi – TCN 98)

1. Mùa xuân, tháng hai, Vương Khanh mắc tội tự sát, Đế lấy Chấp kim ngô[1] Đỗ Chu làm Ngự sử đại phu.

2. Bắt đầu độc quyền bán rượu.

3. Tháng ba, chúa thượng tuần hành Thái Sơn, mở rộng đàn tế thần, tế tự ở Minh Đường, tiếp nhận sổ sách thuế khóa và hộ tịch tại đấy. Quay về, tế tự ở Thường Sơn, đem ngọc huyền chôn dưới đàn tế. Bọn phương sĩ chầu chực thần tiên tại các đàn tế, người vào biển tìm núi Bồng Lai rút cục đều không có kết quả gì, nhưng Công Tôn Khanh vẫn lấy vết chân người thần ra biện giải, Thiên tử ngày một chán ghét những lời quái đản vu khoát của bọn phương sĩ, nhưng vẫn duy trì liên hệ không dứt hẳn, mong gặp thần tiên thật. Từ đấy về sau, bọn phương sĩ nói việc thờ thần ngày càng đông, nhưng hiệu quả của bọn họ có thể ngẫm mà biết được.

4. Mùa hạ, tháng tư, đại hạn. Đại xá thiên hạ.

5. Mùa thu, Hung Nô xâm phạm quận Nhạn Môn. Thái thú mắc tội khiếp nhược sợ địch bị xử chém vứt xác ngoài chợ.

---

[1] Theo *Hán thư – Bách quan công khanh biểu:* Quan Trung úy chủ quản việc tuần xét kinh sư, năm Thái Sơ nguyên niên, bắt đầu đổi chức này thành Chấp kim ngô.

Năm Thiên Hán thứ tư (Giáp Thân – TCN 97)

1. Mùa xuân, tháng giêng, triều kiến các Vương chư hầu ở cung Cam Tuyền.

2. Điều phát "thất khoa trích"[1] khắp thiên hạ và quân sĩ dũng cảm, sai Nhị Sư tướng quân Lý Quảng Lợi lĩnh sáu vạn quân kỵ, chục vạn quân bộ tiến ra từ quận Sóc Phương. Cường nỗ đô úy Lộ Bác Đức đem hơn vạn người cùng Nhị Sư hội quân; Du kích tướng quân Hàn Thuyết đem ba vạn quân bộ tiến ra từ quận Ngũ Nguyên; Nhân Vu tướng quân Công Tôn Ngao đem một vạn quân kỵ, ba vạn quân bộ tiến ra từ quận Nhạn Môn. Hung Nô nghe tin, liền đem hết gia quyến, tài sản của mình dời xa lên phía bắc sông Dư Ngô, còn Thiền vu đem chục vạn binh đợi ở mé nam sông, cùng Nhị Sư tiếp chiến. Nhị Sư giao chiến với Thiền vu liên tiếp hơn chục ngày rồi dẫn quân quay về. Du kích tướng quân không thu hoạch được gì. Nhân Vu tướng quân cùng Tả hiền vương giao chiến, bất lợi, dẫn quân về.

Bấy giờ chúa thượng phái Ngao xâm nhập đất Hung Nô đón Lý Lăng, quân của Ngao vô công quay về, liền dâng tấu nói:

"Thần bắt được tù binh, kẻ đó nói Lý Lăng dạy Thiền vu chế binh khí để phòng bị quân Hán, cho nên thần không thu hoạch được gì."

Chúa thượng vì thế diệt cả gia tộc nhà Lăng. Không lâu sau nghe nói, là do tướng Hán hàng Hung Nô tên là Lý Tự làm, không phải Lăng vậy. Lăng sai người đâm chết Tự. Đại yên chi[2] muốn giết Lăng, Thiền vu giấu Lăng ở phương bắc; Đại yên chi chết, Lăng mới quay về. Thiền vu đem con gái gả cho Lăng, lập làm Hữu Hiệu vương, cùng Vệ Luật đều được quý hiển nắm

---

[1] Thất khoa trích (七科謫) là bảy hạng người bị phạt đi làm lính thú. Xem việc năm Thái Sơ thứ ba, sự kiện Nhị Sư tướng quân đi đánh nước Đại Uyển.

[2] Đại yên chi (大閼氏), là mẹ của Thiền vu vậy.

quyền lực. Vệ Luật thường ở cạnh Thiền vu, Lăng ở ngoài, có việc lớn mới về thương nghị.

3. Mùa hạ, tháng tư, lập Hoàng tử Lưu Bác làm Xương Ấp vương.

Năm Thái Thủy nguyên niên (Ất Dậu – TCN 96)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Công Tôn Ngao mắc tội vì vợ Ngao dùng thuật "vu cổ"[1], bị chém ngang lưng.

2. Đế dời hào kiệt các quận, quốc đến ở Mậu Lăng.

3. Mùa hạ, tháng sáu, đại xá thiên hạ.

4. Năm ấy, Thiền vu Thư Đê hầu của Hung Nô chết; có hai con, con trưởng là Tả hiền vương, con thứ là Tả đại tướng.[2] Tả hiền vương chưa đến, quý tộc Hung Nô cho là mắc bệnh, đổi lập Tả đại tướng làm Thiền vu. Tả hiền vương nghe tin, không dám đến; Tả đại tướng sai người triệu Tả hiền vương mà nhường ngôi vị. Tả hiền vương từ chối có bệnh, Tả đại tướng không nghe, nói rằng:

- Nếu như bất hạnh mà chết, lại truyền ngôi vị cho ta!

Tả hiền vương đồng ý, bèn lập, xưng là Thiền vu Hồ Lộc Cô; dùng Tả đại tướng làm Tả hiền vương. Được mấy năm, Tả hiền vương bệnh chết; con của Tả hiền vương là Tiên Hiền Đạn không được thay, đổi làm Nhật trục vương.[3] Thiền vu tự dùng con mình làm Tả hiền vương.

---

[1] Vu cổ (巫蛊), đại để là những thứ tà thuật để hãm hại người khác, có nhiều loại thuật như: nguyền rủa, đâm kim vào hình nhân, dùng sâu độc. Thời Hán tội này bị xử rất nặng.

[2] Trong hai mươi bốn trưởng quan của Hung Nô thì Tả hiền vương ở địa vị cao nhất, Tả đại tướng đứng hàng thứ năm.

[3] Nhật trục vương trú ở biên tây của Hung Nô, vì mặt trời lặn về hướng tây, cho nên lấy đấy là tên tước.

Năm Thái Thủy thứ hai (Bính Tuất – TCN 95)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành Hồi Trung.

2. Đỗ Chu chết, Quang lộc đại phu Bạo Thắng Chi làm Ngự sử đại phu.

3. Mùa thu, trời khô hạn.

4. Trung đại phu Bạch Công người nước Triệu tấu xin đào kênh dẫn nước sông Kính, điểm bắt đầu từ Cốc Khẩu, điểm cuối tới Lịch Dương, đổ vào sông Vị, dài hai trăm dặm, tưới nước cho hơn bốn nghìn năm trăm khoảnh ruộng, nhân đó đặt tên là Bạch Cừ; dân được lợi rất lớn nhờ kênh ấy.

Năm Thái Thủy thứ ba (Đinh Hợi – TCN 94)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành đến Cam Tuyền. Tháng hai, tuần du Đông Hải, bắt được chim nhạn đỏ. Lại tuần du Lang Nha, bái lễ mặt trời ở núi Thành, trèo lên núi Phù, bơi thuyền trên bể lớn rồi quay về.

2. Năm ấy, Hoàng tử Phất Lăng sinh. Mẹ của Phất Lăng là Triệu Tiệp dư[1] người nước Hà Gian, ở cung Câu Dặc, mang thai mười bốn tháng mới sinh. Chúa thượng nói:

- Trẫm nghe nói trước kia vua Nghiêu mười bốn tháng mới sinh, nay Câu Dặc cũng như thế.[2]

Bèn sai đổi tên cửa cung Câu Dặc thành "Nghiêu mẫu môn."

Thần Quang nói: Là bậc quân chủ, mỗi khi động tĩnh nâng nhấc chẳng thể không cẩn thận, việc phát ở trong tâm tất thể hiện ra bên

---

[1] Họ Triệu, hiệu là Tiệp dư. Vũ đế đặt ra hiệu Tiệp dư, ngôi vị ngang với Thượng khanh, tước sánh ngang Liệt hầu.

[2] Ý nói là Triệu Tiệp dư mang thai Phất Lăng mười bốn tháng mới sinh, Phất Lăng cũng như vua Nghiêu.

ngoài, thiên hạ chẳng thể không biết. Đương lúc bấy giờ, Hoàng hậu, Thái tử đều an nhiên vô sự, mà lệnh sai đổi tên cửa cung Câu Dặc thành Nghiêu mẫu môn, là không thỏa đáng vậy. Vì thế khiến lũ gian hoạt dò xét tâm ý của Hoàng thượng, biết rằng chúa thượng yêu đứa con nhỏ ấy khác thường, muốn dùng làm người nối tự, bèn có lòng gây nguy cho Hoàng hậu và Thái tử, rút cục thành cái họa "Vu cổ", thương thay!

3. Người nước Triệu là Giang Sung làm Hành thủy đô úy[1].

Lúc trước, Sung làm khách của Triệu Kính Túc vương, đắc tội với Thái tử Đan, bỏ trốn; đến cửa khuyết tố cáo Thái tử nước Triệu có mưu ngầm, Thái tử vì thế bị phế. Chúa thượng triệu Sung vào gặp. Sung dung mạo cao lớn, y phục tinh tế, đẹp đẽ, chúa thượng cho là lạ; cùng nói chuyện chính sự, rất mừng, bởi thế sủng ái, bái làm Trực chỉ tú y sứ giả, sai đốc xét hành vi xa hoa lãng phí của quý thích và cận thần. Sung tra xét, tấu hặc không hề né tránh, chúa thượng cho là trung thực. Sung từng theo chúa thượng đến cung Cam Tuyền, gặp lúc người mà Thái tử sai đến cung Cam Tuyền thăm hỏi ngồi xe đi giữa đường "Trì đạo"[2], Sung liền bắt giao cho pháp quan xử. Thái tử nghe tin, sai người tạ lỗi xin với Sung rằng:

- Không phải ta yêu tiếc cái xe ngựa, mà thực sự là không muốn khiến chúa thượng biết chuyện này, cho rằng ta không quản dạy tả hữu; mong Giang quân khoan thứ!

Sung không nghe, bèn tấu bẩm. Chúa thượng nói:

- Làm thần tử đáng phải như thế!

Từ đấy hết sức tín nhiệm Sung, uy của Sung chấn kinh sư.

---

[1] Thủy hành đô úy, là chức quan chủ quản vườn Thượng lâm, chức này được Vũ đế đặt vào năm Nguyên đỉnh thứ hai.

[2] Trì đạo (驰道), là đường dành riêng cho xe ngựa của nhà vua đi, người khác đi là phạm tội.

Năm Thái Thủy thứ tư (Mậu Tý – TCN 93)

1. Mùa xuân, tháng ba, chúa thượng tuần du Thái Sơn. Ngày Nhâm Ngọ, tế tự Cao tổ ở Minh Đường để phối tế Thượng đế, liền đó tiếp nhận sổ sách thuế khóa và hộ khẩu của các quận, quốc. Ngày Quý Mùi, tế tự Hiếu Cảnh hoàng đế ở Minh Đường. Ngày Giáp Thân, mở rộng đàn tế trời. Ngày Bính Tuất, tế đất ở Thạch Lư.

Mùa hạ, tháng tư, tuần du núi Bất Kỳ.

Tháng năm, quay về, đến cung Kiến Chương, đại xá thiên hạ.

2. Mùa đông, tháng mười, ngày Giáp Dần là ngày hối, có nhật thực.

3. Tháng mười hai, chúa thượng tuần hành đất Ung, cúng tế ở Ngũ Chỉ; sang tây đến hai quận An Định, Bắc Địa.

Năm Chinh Hòa nguyên niên (Kỷ Sửu – TCN 92)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng quay về, đến cung Kiến Chương.

2. Tháng ba, Triệu Túc Kính vương Lưu Bành Tổ hoăng. Bành Tổ cướp người thiếp được Giang Đô Dịch vương sủng ái là Náo Cơ,[1] sinh được con trai, lấy tên là Náo Tử. Bấy giờ anh của Náo Cơ là hoạn quan trong cung, chúa thượng triệu hỏi:

- Náo Tử là người như thế nào?

Anh của Náo Cơ đáp:

- Là người nhiều dục vọng.

Chúa thượng nói:

- Nhiều dục vọng chẳng thích hợp làm quốc quân quản dân.

---

[1] Giang Đô vương Lưu Phi là anh của Lưu Bành Tổ. Việc về Náo Cơ có nói ở Hán kỷ quyển thứ mười một, sự kiện năm Nguyên thú thứ hai.

Lại hỏi về Vũ Thủy hầu Lưu Xương, anh của Náo Cơ nói:

- Không có lỗi lầm, cũng chẳng được khen.

Chúa thượng nói:

- Như thế là được rồi.

Bèn phái sứ giả lập Xương làm Triệu vương.

3. Mùa hạ, trời đại hạn.

4. Chúa thượng trú ở cung Kiến Chương, thấy một nam tử đeo kiếm đi vào trong Long Hoa môn, nghi là người không tầm thường, lệnh sai bắt lấy. Nam tử bỏ kiếm chạy, người đuổi theo không bắt được. Chúa thượng giận, chém người giữ cửa. Mùa đông, tháng mười một, lấy kỵ sĩ vùng Tam Phụ đại tra soát vườn Thượng lâm, đóng cửa thành Trường An để lục xét; mười một ngày mới bãi lệnh. Nạn "Vu cổ" bắt đầu nổi lên.

5. Phu nhân của Thừa tướng Công Tôn Hạ là Quân Nhụ, đấy là chị gái của Vệ hoàng hậu vậy, Hạ vì thế được sủng ái. Con của Hạ là Kính Thanh thay cha làm Thái bộc, kiêu căng xa xỉ không tuân phép cấm, thiện tiện động dụng quân phí của Bắc quân cả thảy một nghìn chín trăm vạn tiền; bị phát giác, bắt tống ngục. Bấy giờ Đế hạ chiếu thư bắt Dương Lăng đại hiệp Chu An Thế rất gấp, Hạ tự thỉnh xin đuổi bắt An Thế để chuộc tội cho Kính Thanh, chúa thượng đồng ý. Về sau quả nhiên bắt được An Thế. An Thế cười nói:

- Thừa tướng sắp họa đến cả tông tộc rồi!

Bèn từ trong ngục dâng thư, tố cáo "Kính Thanh cùng Dương Thạch công chúa[1] tư thông; hắn biết hoàng thượng sắp đến cung Cam Tuyền, sai đồng cốt chôn ngẫu nhân[2] trên đường, niệm chú nguyền rủa chúa thượng, lời lẽ độc ác xấu xa."

---

[1] Dương Thạch công chúa, là con gái của Đế vậy.

[2] Ngẫu nhân (偶人), tức tượng gỗ giống hình người.

Năm Chinh Hòa thứ hai (Canh Dần – TCN 91)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Hạ bị bắt tống ngục, tội chứng nghiệm; cha con chết đều trong ngục, gia tộc bị diệt. Đế lấy Thái thú Trác Quận là Lưu Khuất Ly làm Thừa tướng, phong tước Bành hầu.

Khuất Ly, là con của Trung Sơn Tĩnh vương vậy.

2. Mùa hạ, tháng tư, có gió lốc, bật mái nhà, gãy cây to.

3. Tháng nhuận, Chư Ấp công chúa, Dương Thạch công chúa và con của em Hoàng hậu là Trường Bình hầu Vệ Kháng đều vì án "Vu cổ", bị giết.

4. Chúa thượng tuần hành đến cung Cam Tuyền.

5. Khi trước, chúa thượng hai mươi chín tuổi mới sinh Lệ thái tử Lưu Cứ, rất yêu mến. Lưu Cứ trưởng thành, tính cách nhân từ khoan hậu, cẩn thận ôn hòa, chúa thượng hiềm vì tài năng của Cứ ít, không như mình; rồi người thiếp được sủng ái là Vương phu nhân sinh con là Hoành, Lý Cơ sinh con là Đán và Tư, Lý phu nhân sinh con là Bác, sự sủng ái của chúa thượng với Hoàng hậu và Thái tử kém dần, hai người thường có ý bất an. Chúa thượng phát giác ra, bảo Đại tướng quân Vệ Thanh rằng:

- Nhà Hán mới mở mang gây dựng lắm việc, lại thêm Tứ Di xâm nhiễu Trung Quốc, trẫm chẳng cải biến chế độ, hậu thế không có chỗ noi theo; chẳng xuất sư chinh phạt, thiên hạ sẽ không yên, làm thế thì chẳng thể không khiến dân lao nhọc. Nếu hậu thế lại làm cái việc như trẫm làm, đấy là nối theo vết diệt vong của triều Tần vậy. Thái tử tính cách trọng hậu, ưa thanh tĩnh, tất có thể yên định thiên hạ, chẳng khiến trẫm lo lắng. Muốn tìm một bậc quân chủ dùng văn trị quốc, há có người hiền tài hơn được Thái tử chăng? Nghe nói Hoàng hậu và Thái tử có ý bất an, lời ấy có chăng? Ngài nên đem ý của trẫm bảo rõ với họ.

Đại tướng quân rập đầu tạ. Hoàng hậu nghe nói, cởi trâm xin tạ tội. Mỗi khi Thái tử can ngăn việc chinh phạt Tứ Di, chúa thượng cười nói:

- Ta đang gánh vác công việc lao khổ này, đem cái nhàn nhã truyền lại cho mày, chẳng cũng nên sao?

Chúa thượng mỗi lần tuần du, thường đem việc lưu lại phó thác cho Thái tử, việc trong cung giao cho Hoàng hậu; nếu có việc xét quyết, khi Đế quay về, bẩm lại điểm mấu chốt, chúa thượng cũng không có ý khác, có lúc còn không hỏi qua.

Chúa thượng dùng phép nghiêm, người được nhậm dụng đa phần là quan lại nghiêm khốc; Thái tử khoan hậu, đa phần là bình xét công bằng, tuy được lòng bách tính, nhưng các đại thần chấp pháp đều không hài lòng. Hoàng hậu sợ lâu ngày thành đắc tội, thường khuyên Thái tử, nên lưu tâm thuận ý chúa thượng, chẳng nên tự tiện làm cái việc buông tha khoan thứ. Chúa thượng nghe nói, cho là Thái tử đúng mà Hoàng hậu sai. Những quần thần là bậc trưởng giả khoan hậu đều nương dựa Thái tử, còn những người dùng phép tắc nghiêm khốc đều chê mỉa Thái tử; bởi bọn tà thần kết đảng đông, cho nên lời khen ngợi Thái tử ít mà lời chê mỉa nhiều. Vệ Thanh hoằng, bầy tôi thuộc hạ cho rằng Thái tử không còn chỗ dựa bên nhà ngoại nữa, liền tranh nhau hãm hại Thái tử.

Chúa thượng không hay gặp các con, Hoàng hậu cũng ít khi được diện kiến. Thái tử có lần yết kiến Hoàng hậu, mặt trời chuyển bóng mới ra. Hoàng môn Tô Văn báo với chúa thượng rằng:

- Thái tử cùng cung nhân đùa bỡn.

Chúa thượng cho phép cung nhân của Thái tử tăng thêm đến hơn hai trăm người. Thái tử về sau biết việc ấy, trong lòng rất hận Văn. Văn cùng bọn Tiểu hoàng môn Thường Dung, Vương Bật thường ngầm dò xét lỗi lầm của Thái tử, lại thêm thắt lời

vào để bẩm báo. Hoàng hậu nghiến răng căm tức, sai Thái tử bẩm xin giết bọn Văn. Thái tử nói:

- Chỉ cần đừng mắc lỗi, hà tất phải sợ bọn Văn! Chúa thượng thông minh, không tin lời tà nịnh, chẳng đáng lo vậy!

Có lần chúa thượng thấy thân thể hơi khó chịu, sai Thường Dung triệu Thái tử, Dung nói:

- Thái tử có sắc mừng.

Chúa thượng lặng yên không nói. Lúc Thái tử đến, chúa thượng xét thần sắc Thái tử, thấy có ngấn lệ, nhưng gượng nói cười, chúa thượng thấy lạ; lại ngầm tra hỏi, biết được tình thực, bèn giết Dung. Hoàng hậu cũng tự mình cẩn thận đề phòng, tránh hiềm nghi, tuy đã lâu không được sủng ái, nhưng chúa thượng vẫn dùng lễ đối đãi.

Thời ấy, bọn phương sĩ và các thầy đồng đa phần tụ ở kinh sư, đại để đều là bọn tà đạo mê hoặc chúng nhân, các việc huyễn ảo không gì không làm. Nữ đồng cốt lai vãng ở trong cung, dạy mỹ nhân cách cầu cúng tránh nạn, mỗi gian phòng thường có một người gỗ để tế tự; nhân đó mỗi lúc tranh cãi đỗ kỵ, họ liền thay nhau bới móc cáo giác, cho là đối phương nguyền rủa chúa thượng, vô đạo. Chúa thượng giận, người bị giết ở hậu cung lại liên quan đến đại thần, chết tới hàng trăm người. Chúa thượng sau đấy vì thế nảy mối ngờ, có lần ngủ ngày, mơ thấy mấy nghìn người gỗ cầm gậy muốn đánh mình, kinh hãi thức giấc, từ đấy hốt hoảng hay quên. Giang Sung tự cho là mình cùng Thái tử và Vệ thị hiềm khích, thấy chúa thượng tuổi cao, sợ rằng sau khi chúa thượng băng hà mình bị giết, nhân đó bày kế gian, nói chúa thượng mắc bệnh là bởi thuật "Vu cổ". Vì thế chúa thượng dùng Sung làm sứ giả, tra xét án "Vu cổ". Sung suất lĩnh đồng cốt người Hồ đào đất tìm ngẫu nhân, bắt trùng độc và những kẻ cúng đêm, tự xưng có thể nhìn thấy quỷ, lại sai tưới nước bẩn khắp nơi, rồi thẩm vấn người bị bắt, nói những

nơi có nước bẩn là chỗ họ dùng tà thuật, còn nung đỏ kìm sắt, ép người ta nhận tội. Dân chúng chuyển sang vu cho nhau làm "Vu cổ", quan lại liền hặc tội cho là đại nghịch vô đạo; từ kinh sư, vùng Tam phụ đến các quận, quốc, người mắc tội mà chết trước sau tới mấy vạn.

Bấy giờ chúa thượng tuổi đã cao, nghi tả hữu đều làm trùng cổ nguyền rủa mình, bất kể tình thực ra sao, chẳng ai dám kêu oan cho mình. Sung biết ý chúa thượng, sai đồng cốt người Hồ là Đàn Hà nói: "Trong cung có khí trùng cổ; chẳng trừ đi, chúa thượng nhất định không khỏi bệnh." Chúa thượng bèn sai Sung vào cung, đến thẳng cung cấm, phá dỡ chỗ ngồi của Đế, đào đất tìm trùng cổ; lại sai bọn Án Đạo hầu Hàn Thuyết, Ngự sử Chương Cống, Hoàng môn Tô Văn trợ giúp Sung. Sung trước tiên tìm từ hậu cung của các phu nhân ít được sủng ái, thứ đến là cung của Hoàng hậu và Thái tử, đào bới tung hoành, đến nỗi Thái tử và Hoàng hậu không còn chỗ để kê giường. Sung nói:

- Ở trong cung của Thái tử tìm được rất nhiều người gỗ, lại có tờ lụa trắng, bên trên viết những lời vô đạo; phải tấu lên.

Thái tử lo sợ, hỏi Thiếu phó Thạch Đức. Đức sợ mình làm thầy bị giết cùng, nhân đó bảo Thái tử rằng:

- Lúc trước cha con Thừa tướng, hai công chúa và Vệ thị đều bị buộc tội này,[1] nay thầy đồng và sứ giả đào đất nghiệm chứng, chẳng biết thầy đồng đặt vào đấy lúc nào, nhưng vật có thực vậy, không lấy gì để tự biện minh. Nên giả chiếu chỉ bắt bọn Giang Sung tống ngục, tra xét mưu gian của hắn đến cùng. Vả lại chúa thượng ốm ở cung Cam Tuyền, quan lại của Hoàng hậu và Thái tử đi thăm vấn đều không báo tin về; chúa thượng còn mất chưa thể biết được, nay gian thần dám như thế, Thái tử quên chẳng nghĩ đến việc của Phù Tô nhà Tần[2] sao?

---

[1] Việc nói ở cuối năm Chinh Hòa thứ nhất, đầu năm Chinh Hòa thứ hai.

[2] Xem Tân kỷ, quyển 3, sự kiện năm thứ ba mươi bảy, đời Tần Thủy Hoàng.

Thái tử nói:

- Ta là người con, sao được tự tiện giết người! Chẳng bằng đến tạ lỗi, may ra không bị tội.

Thái tử muốn đến cung Cam Tuyền, nhưng Giang Sung bắt giữ Thái tử rất gấp; Thái tử không biết tính thế nào, bèn theo kế của Thạch Đức. Mùa thu, tháng bảy, ngày Nhâm Ngọ, Thái tử sai khách trá làm sứ giả của Đế, lùng bắt bọn Sung; Án Đạo hầu Hàn Thuyết nghi ngờ sứ giả là trá, không chịu thụ chiếu, khách liền đánh giết Thuyết. Thái tử tự đến chém Sung, mắng rằng:

- Thằng nô tài nước Triệu! Ngày trước nhiễu loạn hại cha con vua nước mày không đủ sao![1] Nay mày lại nhiễu loạn hại cha con ta!

Lại thiêu chết thầy đồng người Hồ trong vườn Thượng lâm.

Thái tử sai Xá nhân là Vô Thả cầm cờ tiết ban đêm vào cửa Trường Thu cung Vị Ương, nhờ Trường ngự Ỷ Hoa bẩm hết với Thái hậu, phát Trung cứu xa[2] chở xạ thủ, xuất binh khí ở Vũ khố, điều phát lính vệ ở cung Trường Lạc. Trong thành Trường An nhiễu loạn, nói Thái tử phản. Tô Văn chui lủi, trốn đến được cung Cam Tuyền, nói Thái tử vô cớ khởi loạn. Chúa thượng nói:

- Thái tử nhất định vì sợ hãi, lại phẫn hận bọn Sung, cho nên có biến cố ấy.

Bèn sai sứ giả triệu Thái tử. Sứ giả không dám vào Trường An, quay về báo:

- Việc tạo phản của Thái tử đã thành, muốn chém thần, thần phải trốn về.

Chúa thượng cả giận.

---

[1] Việc về Giang Sung, có nhắc đến ở sự kiện năm Thái Thủy thứ ba.

[2] Trung cứu xa (中廐车), là xe ngựa do Hoàng hậu quản dùng. Xe ngựa của Hoàng đế thì gọi là Nội cứu xa (內廐车).

Thừa tướng Khuất Ly nghe tin có biến, co chân chạy trốn, quên cả ấn thụ, sai Trưởng sử cưỡi ngựa trạm tức tốc đem việc báo lên. Chúa thượng hỏi:

- Thừa tướng làm gì?

Trưởng sử thưa rằng:

- Thừa tướng phong tỏa tin tức, chưa dám phát binh.

Chúa thượng nổi giận nói:

- Việc đã rối rít như thế, còn bí mật gì mà phải phong tỏa! Thừa tướng không có phong độ của Chu công rồi, Chu công chẳng giết Quản, Sái sao?[1]

Bèn ban tỉ thư cho Thừa tướng rằng:

"Hãy bắt chém kẻ phản, trẫm tự có thưởng phạt. Dùng xe bò làm thuẫn, không tiếp chiến bằng binh khí ngắn, khiến quá nhiều binh sĩ bị sát thương! Đóng chặt cửa thành, không để bọn phản thoát được ra ngoài!"

Thái tử tuyên lời cáo lệnh với trăm quan rằng:

- Đế bệnh khốn ở cung Cam Tuyền, e là có biến; gian thần muốn tác loạn.

Chúa thượng vì thế từ Cam Tuyền quay về, ghé cung Kiến Chương ở phía tây thành, hạ chiếu phát binh của các huyện phụ cận vùng Tam phụ, quan viên của các dinh sở từ Trung nhị thiên thạch trở xuống, sai Thừa tướng quản lĩnh. Thái tử cũng phái sứ giả giả truyền chiếu chỉ thả tù đồ trong ngục của Trung đô quan tại Trường An, lệnh sai Thiếu phó Thạch Đức và tân khách là bọn Trương Quang chia nhau thống lĩnh; sai kẻ tù đồ ở Trường An là Như Hầu cầm phù tiết phát quân kỵ người Hồ của Trường Thủy và Tuyên Khúc,[2] đều đem hành trang đến

---

[1] Lưu Khuất Ly, là con của Trung Sơn Tĩnh vương Lưu Thắng, cháu của Hán Cảnh đế, là anh em họ với Thái tử vậy, nên Đế lấy việc Chu công giết Quản, Sái để trách.

[2] Trường Thủy, Tuyên Khúc, là hai đạo quân phòng vệ kinh sư.

hội hợp. Thị lang Mã Thông đi sứ đến Trường An, nhân thế đuổi bắt Như Hầu, bảo với người Hồ rằng:

- Phù tiết là trá, chớ nghe theo vậy!

Bèn chém Như Hầu, dẫn quân kỵ vào Trường An; lại phát Tiếp trạo sĩ,[1] trao cho Đại hồng lư Thương Khâu Thành chỉ huy. Khi trước, phù tiết của nhà Hán thuần sắc đỏ, vì Thái tử cầm phù tiết màu đỏ, cho nên phù tiết chúa thượng phát cho thêm tua vàng để khác biệt với nhau.

Thái tử dừng xe ở bên ngoài cửa nam của Bắc quân, triệu sứ giả của Hộ quân Bắc quân là Nhâm An, trao phù tiết, ra lệnh phát binh. An bái nhận phù tiết; quay vào; đóng cửa không ra. Thái tử dẫn binh đi, xua dân chúng bốn chợ cả thảy mấy vạn người ép vũ trang, đến phía tây cung Trường Lạc dưới cửa khuyết, gặp quân của Thừa tướng, hợp chiến năm ngày, chết mấy vạn người, máu chảy đầy ngòi rãnh. Trong dân đều nói là "Thái tử phản", vì thế nên mọi người không theo Thái tử, binh theo Thừa tướng đông dần.

Ngày Canh Dần, binh của Thái tử bại, Thái tử xuôi nam chạy ra cửa thành Phúc Áng. Tư trực Điền Nhân xuất binh đóng cửa thành, cho là Thái tử có tình thân cha con, không muốn bức gấp; Thái tử vì thế trốn được ra ngoài thành. Thừa tướng muốn chém Nhân, Ngự sử đại phu Bạo Thắng Chi bảo Thừa tướng rằng:

- Tư trực, là quan Nhị thiên thạch, nên thỉnh ý trước, sao lại tự tiện chém hắn!

Thừa tướng phóng thích Nhân. Chúa thượng nghe tin thì cả giận, lệnh sai quan lại trách hỏi Ngự sử đại phu rằng:

- Tư trực buông thả kẻ phản, Thừa tướng chém hắn, là phép tắc vậy; Đại phu vì sao tự tiện ngăn trở việc đó?

---

[1] Tiếp trạo sĩ (楫棹士), là quân lính chèo thuyền, đại khái là thủy binh, thuộc quyền cai quản của Thủy hành.

Thắng Chi hoảng sợ, tự sát. Đế hạ chiếu phái Tông chính Lưu Trường và Chấp kim ngô Lưu Cảm phụng sách mệnh thu Tỉ thụ của Hoàng hậu, Hậu tự sát. Chúa thượng cho rằng Nhâm An là quan lại già lão, thấy việc binh nổi lên, muốn ngồi xem thành bại, thấy bên nào thắng thì hợp theo bên đó, có ý hai lòng, vì thế Nhâm An và Điền Nhân đều chịu chém ngang lưng. Chúa thượng vì Mã Thông bắt được Như Hầu, nam tử người Trường An là Cảnh Kiến theo Thông bắt được Thạch Đức, Thương Khâu Thành ra sức giao chiến bắt được Trương Quang, liền phong Thông làm Trọng Hợp hầu, Kiến làm Đức hầu, Thành làm Trà hầu. Các tân khách của Thái tử từng ra vào cửa cung, đều bị xử tội chết; phàm là kẻ theo Thái tử phát binh, đều xét tội mưu phản diệt tộc; quan lại và binh sĩ bị bức ép làm phản đều đày đến quận Đôn Hoàng. Vì Thái tử ở bên ngoài, nên bắt đầu bố trí đóng quân ở các cửa thành Trường An.

Chúa thượng rất tức giận, quần thần lo sợ, chẳng biết tính thế nào. Tam lão người huyện Hồ Quan tên là Mậu[1] dâng thư nói:

"Thần nghe nói cha ví như trời, mẹ ví như đất, con ví như vạn vật vậy, cho nên trời bình, đất an, muôn vật mới tốt tươi; cha hiền, mẹ yêu, con cái mới hiếu thuận. Nay Hoàng thái tử là đích tự của nhà Hán, kế thừa cơ nghiệp vạn đời, bản thân gánh vác trọng trách của tổ tông, về quan hệ thì là tông tử[2] của Hoàng đế vậy. Giang Sung, là hạng áo vải, là kẻ tôi đòi ở cổng ngõ thôi; Bệ hạ ban cho quý hiển mà trọng dụng hắn, hắn cậy mệnh của chí tôn để bức ép xúc phạm Hoàng thái tử, tô vẽ việc gian trá, quần tà đắp đổi, vì thế đường thân thích ngăn cách bất thông. Thái tử tiến thì chẳng được diện kiến chúa thượng, lui thì bị khốn bởi loạn thần, một mình chịu oan mà không có cách gì cáo mách, chẳng nhẫn nhịn nổi lòng phẫn hận, nổi dậy giết Sung, rồi sợ hãi chạy trốn. Con trộm binh của cha, để cứu nạn tự thoát thôi; thần trộm cho là không có tà tâm. Kinh Thi nói: 'Doanh

---

[1] Theo *Hán kỷ* của Tuân Duyệt, người này mang họ Lệnh Hồ.

[2] Đích tử kế thừa dòng đại tông, cho nên gọi là tông tử.

doanh thanh dăng, chỉ ư cức phiên. Khải để quân tử, vô tín sàm ngôn. Sàm ngôn võng cực, giao loạn tứ quốc.'[1] *Trước kia Giang Sung sàm ngôn hại chết Thái tử nước Triệu, người thiên hạ chẳng ai không nghe biết. Nay Bệ hạ chẳng xét kỹ, cho là Thái tử tội quá sâu, phát cơn thịnh nộ, cử đại binh tìm bắt, Tam công tự thống lĩnh quân; người có trí chẳng dám nói, kẻ biện sĩ chẳng dám khuyên, thần trộm đau tiếc vì việc ấy! Mong Bệ hạ mở rộng tấm lòng, bình tâm tĩnh khí, bớt khắc nghiệt với người thân của mình, chớ lo nghĩ đến lỗi lầm của Thái tử, gấp giải tán giáp binh, không nên để Thái tử trốn ở ngoài lâu! Thần chẳng ngăn nổi lòng thành, xin vứt tính mệnh mình trong một sớm, đợi tội ngoài cửa cung Kiến Chương."*

Thư tấu lên, Thiên tử cảm động tỉnh ngộ, nhưng vẫn chưa dám công khai ban lệnh xá miễn.

Thái tử đi trốn, theo hướng đông đến huyện Hồ, ẩn náu tại làng Tuyền Cưu. Nhà chủ nhân nghèo, thường bán dép cỏ để chu cấp cho Thái tử. Thái tử có người quen biết cũ tại huyện Hồ, nghe nói hắn rất giàu có, sai người đi gọi hắn nên bị phát giác. Tháng tám, ngày Tân Hợi, kẻ lại đến bắt Thái tử. Thái tử tự liệu không thoát được, lập tức vào nhà đóng cửa tự thắt cổ. Nam tử huyện Sơn Dương là Trương Phú Xương là lính, dùng chân đạp cửa ra, Tân An lệnh sai Lý Thọ rảo bước tiến lên cởi dây hạ Thái tử xuống ôm giữ, chủ nhà và người đến bắt Thái tử đánh đấu mà chết, Hoàng tôn có hai người đều ngộ hại. Chúa thượng bi thương vì Thái tử chết, bèn phong Lý Thọ làm Vu hầu, Trương Phú Xương làm Đề hầu.

Khi trước, chúa thượng vì Thái tử lập vườn Bác Vọng, sai giao thiệp với tân khách, mọi việc đều thuận theo ý thích, cho nên tân khách của Thái tử đa phần là người lấy sự dị đoan để cầu tiến.

---

[1] Tạm dịch: Nhặng xanh vo ve, đậu trên rào gai. Quân tử khiêm cung, chẳng tin lời sàm. Lời sàm không ngưng, bốn phương đánh loạn.

Thần Quang nói: Thánh minh quân vương thời xưa dạy dỗ Thái tử, vì Thái tử tuyển chọn kẻ sĩ chính trực đôn hậu, phẩm chất ưu tú dùng làm Bảo phó, Sư hữu, sai sớm chiều ở cùng một chỗ với Thái tử. Trái, phải, trước, sau chẳng ai không phải là chính nhân quân tử, ra vào đứng ngồi chẳng có ai không hợp chính đạo, nhưng vẫn có người trở nên dâm tà phóng túng, rồi lâm vào họa bại. Mà nay, Đế sai Thái tử tự giao thiệp với tân khách, mọi việc thuận theo ý thích của Thái tử. Người chính trực thì khó thân, kẻ siểm nịnh thì dễ hợp, đấy vốn là lẽ thường tình của con người, cái kết cục không trọn vẹn của Thái tử không có gì là khó hiểu vậy.

6. Ngày Quý Hợi, có động đất.

7. Tháng chín, Thương Khâu Thành làm Ngự sử đại phu.

8. Đế lập con út của Triệu Túc Kính vương là Yến làm Bình Càn vương.

9. Hung Nô xâm phạm hai quận Thượng Cốc, Ngũ Nguyên, cướp giết quan dân.

Năm Chinh Hòa thứ ba (Tân Mão – TCN 90)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành đất Ung, đến hai quận Bắc Địa, An Định.

2. Hung Nô xâm phạm hai quận Ngũ Nguyên, Tửu Tuyền, giết hai vị Đô úy. Tháng ba, chúa thượng phái Lý Quảng Lợi thống lĩnh bảy vạn người từ quận Ngũ Nguyên tiến ra biên hiểm, Thương Khâu Thành thống lĩnh hai vạn người từ Tây Hà xuất phát, Mã Thông thống lĩnh bốn vạn quân kỵ từ quận Tửu Tuyền xuất phát, đi đánh Hung Nô.

3. Mùa hạ, tháng năm, đại xá thiên hạ.

4. Thiền vu Hung Nô nghe nói nhà Hán đại phát binh, dời hết đồ truy trọng của mình lên hướng bắc đến tận sông Chất Cư; Tả hiền vương xua người của mình vượt sông Dư Ngô, đi

sáu, bảy trăm dặm, trú ở núi Đâu Hàm; Thiền vu tự thống lĩnh tinh binh vượt sông Cô Thả. Quân của Thương Khâu Thành đến, theo đường hẹp truy đuổi, không thấy vết tích, quay về. Hung Nô sai Đại tướng cùng Lý Lăng đem hơn ba vạn quân kỵ truy kích quân Hán, đánh vòng quanh chín ngày, đến sông Bồ Nô; giặc rợ bất lợi, lui binh rút về.

Quân của Mã Thông đến Thiên Sơn, Hung Nô sai Đại tướng Yến Cử đem hơn hai vạn quân kỵ chặn binh Hán, thấy binh Hán mạnh, rút đi; Thông không bị tổn thất, cũng không làm được gì. Bấy giờ, Hán triều sợ nước Xa Sư chặn đường quân của Mã Thông, phái Khai Lăng hầu Thành Vãn đem binh của sáu nước Lâu Lan, Úy Lê, Ngụy Tu... cùng vây nước Xa Sư, bắt vua và toàn bộ dân chúng nước ấy rồi về. Nhị Sư tướng quân tiến ra biên hiểm, Hung Nô sai Hữu đại đô úy cùng Vệ Luật thống lĩnh năm nghìn quân kỵ chặn đánh quân Hán ở hẻm núi Câu thuộc Phu Dương, Nhị Sư đánh phá chúng, thừa thắng đuổi lên hướng bắc đến thành Phạm Phu Nhân; Hung Nô trốn chạy, chẳng ai dám chống cự.

Khi trước, lúc Nhị Sư xuất binh, Thừa tướng Lưu Khuất Ly làm lễ tiễn hành, đưa đến Vị Kiều. Quảng Lợi nói:

- Mong Quân hầu sớm thỉnh xin lập Xương Ấp vương làm Thái tử; nếu Xương Ấp vương được lập làm Đế, Quân hầu còn gì phải lo lắng về sau?

Khuất Ly hứa vâng. Xương Ấp vương là con của em gái Nhị Sư, tức Lý phu nhân vậy; con gái Nhị Sư là vợ của con trai Khuất Ly, cho nên cùng muốn lập Xương Ấp vương. Đúng lúc Nội giả lệnh là Quách Nhưỡng tố cáo "Phu nhân của Thừa tướng niệm chú nguyền rủa chúa thượng, lại cùng với Nhị Sư cầu đảo, mong cho Xương Ấp vương được làm Đế", xét nghiệm, định tội đại nghịch bất đạo. Tháng sáu, Đế hạ chiếu bắt trói Khuất Ly lên xe hòm để thị chúng, chém ngang lưng ở chợ phía đông, bêu

đầu vợ con ở đường Hoa Dương; vợ con của Nhị Sư cũng bị bắt. Nhị Sư nghe tin, lo sợ, phó quan của Nhị Sư là Hồ Á Phu cũng vì tránh tội theo tòng quân, bảo Nhị Sư rằng:

- Phu nhân và cả nhà Tướng quân đều bị hại, nếu về, chẳng vừa hay đúng ý cùng hội nhau trong nhà ngục, từ sông Chất Cư về bắc, có thể nhìn thấy lần nữa chăng?[1]

Nhị Sư vì thế hồ nghi, nhưng vẫn hy vọng có thể vào sâu lập công, bèn lên bắc đến bờ sông Chất Cư. Giặc rợ đã bỏ đi, Nhị Sư phái Hộ quân đem hai vạn quân kỵ vượt sông Chất Cư, gặp hai vạn quân kỵ của Tả hiền vương, Tả đại tướng quân, cùng binh Hán hợp chiến một ngày, quân Hán giết Tả đại tướng, giặc rợ tử thương rất nhiều. Trưởng sử cùng Quyết tuy đô úy Huy Cừ hầu của quân Hán bàn mưu rằng:

- Tướng quân mang hai lòng, muốn đem toàn quân đến chỗ nguy để cầu công, e là tất bại.

Vì thế lập mưu cùng bắt Nhị Sư. Nhị Sư nghe tin ấy, chém Trưởng sử, rút binh quay về, đến núi Yên Nhiên. Thiền vu biết quân Hán nhọc mệt, tự đem năm vạn quân kỵ đánh Nhị Sư, hai bên thương vong rất nhiều; ban đêm, Thiền vu cho người đào lũy phía trước quân Hán, sâu mấy thước, từ phía sau đánh gấp, quân Hán đại loạn; Nhị Sư bèn hàng. Thiền vu vốn biết Nhị Sư là đại tướng nhà Hán, đem con gái gả cho, quý sủng ái hơn Vệ Luật. Tông tộc Nhị Sư vì thế bị diệt.

5. Mùa thu, có nạn hoàng trùng.

6. Tháng chín, Thành Phụ lệnh ngày trước là Công Tôn Dũng cùng môn khách của mình là bọn Hồ Thiến mưu phản, Thiến trá xưng là Quang lộc đại phu, nói được sai đốc đạo tặc; Thái thú Hoài Dương là Điền Quảng Minh phát giác ra, phát binh bắt chém hắn. Công Tôn Dũng mặc áo thêu, cưỡi xe bốn ngựa kéo

---

[1] Ý nói, về thì chết chắc, chết rồi thì dẫu muốn đi đánh Hung Nô cũng chẳng có cơ hội nào nữa.

đến huyện Ngữ, bị Thủ úy huyện Ngữ là bọn Ngụy Bất Hại giết chết. Đế phong cho bốn người bọn Bất Hại tước hầu.

7. Quan dân vì nạn "Vu cổ" tố cáo lẫn nhau, qua xét nghiệm đa phần không thật. Chúa thượng biết rằng Thái tử vì hoảng sợ chứ không có ý khác, gặp lúc quan coi lăng tẩm là Điền Thiên Thu dâng tấu chương khẩn, kêu oan cho Thái tử rằng:

"Con khinh suất đùa bỡn với binh của cha, ứng tội đánh đòn roi. Con của Thiên tử mắc lỗi lỡ giết người, tội có đáng gì đâu! Thần từng mơ thấy có ông lão bạc đầu truyền bảo thần nói lời này."

Chúa thượng vì thế rất cảm động tỉnh ngộ, triệu gặp Thiên Thu, bảo rằng:

- Việc giữa cha con, là điều mà người khác khó nói vậy. Duy có ngài hiểu rõ được cái chỗ không đúng trong đó. Đấy là thần linh ở miếu Cao tổ sai ngài truyền bảo cho ta, ngài đáng được làm phụ tá cho ta.

Lập tức bái Thiên Thu làm Đại hồng lư, rồi lệnh diệt tộc cả nhà Giang Sung, thiêu chết Tô Văn trên Hoành Kiều; có kẻ ở làng Tuyền Cưu từng dùng binh khí đánh Thái tử, ban đầu được làm Thái thú Bắc Địa, sau bị diệt tộc. Chúa thượng thương xót Thái tử vô tội, bàn làm "cung Tư Tử", làm đài "Quy Lai Vọng Tư"[1] ở huyện Hồ, người thiên hạ nghe nói, rất thương xót.

Năm Chinh Hòa thứ tư (Nhâm Thìn – TCN 89)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành Đông Lai, đến bể lớn, muốn cưỡi thuyền trên biển tìm thần tiên. Quần thần can gián, chúa thượng không nghe; rồi có gió lớn, trời tối sầm, nước biển vọt ầm ầm. Chúa thượng lưu lại hơn chục ngày, không khống chế được thuyền lầu, bèn quay về.

---

[1] Cung nhớ con, đài mong ngóng hồn con quay về.

2. Tháng hai, ngày Đinh Dậu, tại huyện Ung, giữa lúc trời quang, ba lần xuất hiện thanh âm như tiếng sấm, hai lần có đá trời rơi xuống, sắc đen như sơn.

3. Tháng ba, chúa thượng tự cày ruộng ở huyện Cự Định. Khi quay về, tuần du Thái Sơn, mở rộng đàn tế thần. Ngày Canh Dần, tế tự ở Minh Đường. Ngày Quý Tỵ, tế đất ở Thạch Lư, lúc gặp quần thần, chúa thượng liền nói:

- Trẫm từ khi tức vị đến nay, làm nhiều việc ngông cuồng, khiến thiên hạ sầu khổ, hối hận chẳng kịp. Từ nay trở đi, các việc phương hại đến trăm họ, lãng phí tài lực thiên hạ, đều bãi bỏ hết!

Điền Thiên Thu nói:

- Bọn phương sĩ nói chuyện thần tiên rất đông, mà không hề có công hiệu rõ ràng, thần thỉnh xin chúa thượng ruồng đuổi hết bọn họ!

Chúa thượng nói:

- Lời của Đại hồng lư là đúng vậy.

Vì thế giải tán hết các phương sĩ chầu ngóng người tiên. Sau đấy chúa thượng hễ đối mặt quần thần lại tự than:

- Ta ngày trước ngu muội mê hoặc, bị bọn phương sĩ lừa dối. Thiên hạ há có người tiên sao, hết thảy là lời xằng bậy thôi! Chỉ có ăn uống điều độ, chịu uống thuốc men, bệnh mới có thể bớt dần mà thôi.

Mùa hạ, tháng sáu, quay về, đến cung Cam Tuyền.

4. Ngày Đinh Tỵ, lấy Đại hồng lư Điền Thiên Thu làm Thừa tướng, phong tước Phú Dân hầu.[1] Thiên Thu không có tài năng gì khác, lại không có công tích và sự từng trải, chỉ vì một lời nói khiến Đế tỉnh ngộ, trong vòng mấy tháng lên ngôi Tể tướng

[1] Phú Dân, là ý muốn dân chúng được giàu có vậy.

đứng đầu, được phong tước Hầu, trên đời chưa từng có vậy. Nhưng là người đôn hậu có trí tuệ, giữ ngôi xứng chức, công lao vượt quá so với những người giữ chức Thừa tướng trước và sau mình.

Trước đấy, Sưu túc đô úy là Tang Hoằng Dương cùng Thừa tướng, Ngự sử tấu rằng:

"Phía đông Luân Đài có thể khai phá được trên năm nghìn khoảnh ruộng, nên phái lính lập đồn điền, đặt ba người làm Hiệu úy chia nhau chưởng quản, gieo trồng thêm ngũ cốc; từ hai quận Trương Dịch, Tửu Tuyền phái quân kỵ Giả tư mã làm cảnh giới; chiêu mộ những người dân tráng kiện, dũng cảm, dời họ đến đấy làm ruộng, khai khẩn thêm đất hoang để cấy trồng, dần dần xây chòi canh, đắp trường thành hướng về tây, dùng uy thế trấn áp Tây Vực, phù trợ nước Ô Tôn."

Chúa thượng bèn hạ chiếu, sâu sắc hối về những lỗi đã qua rằng:

"Lúc trước Hữu ti tấu xin muốn tăng tiền thuế, mỗi người dân thêm ba mươi tiền, trợ giúp chi dùng việc biên ải, đấy là làm nặng thêm sự khốn khó với người già lão cô độc vậy. Vậy mà giờ đây lại thỉnh xin phái lính đi lập đồn điền ở Luân Đài. Luân Đài ở phía tây nước Xa Sư cách hơn nghìn dặm, trước đây lúc Khai Lăng hầu đi đánh nước Xa Sư, dẫu thắng trận, thu hàng vua nước ấy, vì xa xôi thiếu lương, người chết ở trên đường lên đến mấy nghìn, huống chi lại đi xa thêm về phía tây sao?

Trước đây trẫm hồ đồ, vì có vị Quân hậu là Hoằng dâng thư, nói: 'Người Hung Nô trói bốn chân con ngựa lại để ở dưới thành, phóng ngựa nói: 'Bớ người Tần[1], ta cho chúng mày ngựa'.' Thêm nữa, sứ giả nhà Hán đi Hung Nô bị giữ lại lâu không trở về,[2] cho nên trẫm

---

[1] Thời nhà Hán, người Hung Nô gọi người Trung Quốc là người Tần; đến thời Đường, Tống thì gọi người Trung Quốc là người Hán.

[2] Nói việc bọn Tô Vũ đi sứ bị Hung Nô giữ lại vậy.

hưng binh phái Nhị Sư tướng quân đi đánh, muốn giúp cho sứ giả gây uy trọng vậy. Thời xưa, quan Khanh và Đại phu dự mưu, định kế đều dùng bói cỏ thi, mai rùa, không được quẻ tốt thì không hành động. Việc trói chân ngựa của người Hung Nô lúc trước được đem báo khắp cho Thừa tướng, Ngự sử, Nhị thiên thạch, các Đại phu, quan Lang, người nghiên cứu kinh sách; lại truyền đến bọn Đô úy của các quận, quốc, mọi người đều cho rằng: 'Giặc rợ tự trói ngựa của mình, là điều rất bất tường!' Có người cho rằng: 'Chúng muốn làm thế để tỏ sự lớn mạnh, những kẻ lực yếu thường muốn khoe với người khác sự lớn mạnh của mình như thế.' Các phương sĩ được Công xa trưng triệu, quan Thái sử, người xem sao, người xem khí gió cùng quan Thái bốc bói cỏ thi mai rùa đều cho rằng: 'Điềm đại cát, Hung Nô tất phá được, thời cơ chẳng thể có hai lần.' Lại nói: 'Phái tướng bắc phạt, đến Phũ Sơn tất thắng. Theo quẻ, trong các tướng, Nhị Sư là tốt nhất.' Cho nên trẫm đích thân phái Nhị Sư đến Phũ Sơn, hạ chiếu cho Nhị Sư nhất định không được vào sâu. Nay kế mưu và điềm bói đều sai lầm, trái ngược.

Trọng Hợp hầu bắt được các quân do thám của giặc rợ, chúng nói: 'Ngựa bị trói chân, là cái cách mà người Hung Nô trù ếm quân Hán vậy.' Người Hung Nô thường nói: 'Nước Hán rất rộng lớn, nhưng người Hán không chịu được đói khát, mất một con sói, là sổng mất nghìn con dê.'[1] Từ lúc Nhị Sư bại, quân sĩ người chết, kẻ bị bắt, hoặc đào vong tứ tán, nỗi bi thống thường ở trong lòng trẫm. Nay lại thỉnh xin phái người đi xa lập đồn điền ở Luân Đài, muốn lập chòi canh, đấy là gây lao nhọc khốn nhiễu cho thiên hạ, không phải là cách thương dân, trẫm không thể nhẫn tâm nghe theo! Bọn Đại hồng lư lại nghị bàn, muốn trẫm chiêu mộ lũ tù đồ đưa sứ giả Hung Nô về nước, hứa phong hầu cho chúng là tước thưởng, sai chúng đâm chết Thiền vu để báo thù nỗi phẫn hận, đấy là việc mà các Ngũ bá thời Xuân thu chẳng

---

[1] Chó dùng để giúp chăn đuổi dê, mất một con chó thì nghìn con dê chạy mất. Ở đây ý nói là mất một tướng soái, sẽ tan mất một nghìn quân sĩ.

làm vậy.[1] *Huống chi người Hung Nô thu hàng được người Hán thường kèm giữ, soát xét, hỏi kỹ về người đó, cái kế ấy há có thể thi hành được sao?*

Việc gấp hiện nay là ngăn cấm hà khắc bạo ngược, dừng việc tăng thuế, ra sức với nghiệp gốc, khôi phục lại pháp lệnh về dưỡng mã để bù bổ lại số đã khuyết, không để việc võ vị phải thiếu thốn mà thôi. Nhị thiên thạch của các quận, quốc đều phải đề xuất cách thức cụ thể để tích ngựa bù bổ cho biên giới, tính toán và báo lên cho triều đình."

Từ đấy không xuất quân nữa, mà việc phong Điền Thiên Thu làm Phú Dân hầu, là để làm rõ việc nghỉ ngơi, mong làm giàu dưỡng sức dân vậy. Lại dùng Triệu Quá làm Sưu túc đô úy. Quá giỏi phép cải tạo đất, nông cụ và kỹ thuật canh tác của Quá đều xảo diệu, đem truyền dạy cho dân, dùng sức ít mà thu được thóc nhiều, dân chúng đều cho là tiện lợi.

Thần Quang nói: Thiên hạ quả nhiên chưa từng thiếu nhân tài! Vũ đế thích lập công chinh phục Tứ Di, mà kẻ sĩ dũng mãnh liều chết đầy triều đình, khiến cương thổ được mở mang, không gì không như ý nguyện. Sau này nghỉ dân trọng nông, lại có bọn Triệu Quá dạy dân kỹ thuật canh nông, dân cũng được lợi lớn nhờ việc ấy. Đấy là một vị quân vương mà chí hướng trước nhau rất khác biệt, mà nhân tài thường xuất hiện đúng lúc. Ví như Đế kiêm được khí độ của Tam vương, phục hưng lại thời thịnh trị của Thương, Chu, há lại không có được bậc tôi thần phụ tá của thời Tam đại sao!

5. Mùa thu, tháng tám, ngày Tân Dậu là ngày hối, xuất hiện nhật thực.

6. Vệ Luật ghen ghét vì Nhị Sư được quý sủng, đúng lúc Yên chi là mẹ của Thiền vu Hung Nô bị bệnh, Luật lệnh sai thầy đồng người Hồ nói:

---

[1] Đại để đấy là việc làm hèn hạ, Ngũ bá thời xưa lấy làm thẹn vì những việc như thế, huống chi nay Đại Hán hùng cường lại dùng cách đê tiện như vậy.

- Thiền vu trước giận dữ nói: "Người Hồ ta vào lúc xuất binh thường tế tự, thường nói bắt Nhị Sư để tế thổ thần, sao chẳng dùng lời ấy?"

Vì thế Thiền vu bắt Nhị Sư. Nhị Sư mắng rằng:

- Ta chết tất diệt Hung Nô!

Thiền vu bèn mổ Nhị Sư để tế tự.

Năm Hậu Nguyên nguyên niên (Quý Tỵ – TCN 88)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành đến Cam Tuyền, tế giao ở Thái chỉ. Rồi tuần hành đến An Định.

2. Xương Ấp Ai vương hoăng.

3. Tháng hai, đại xá thiên hạ.

4. Mùa hạ, tháng sáu, Thương Khâu Thành bị buộc tội niệm chú nguyền rủa chúa thượng, tự sát.

5. Khi trước, Thị trung bộc xạ Mã Hà La và Giang Sung giao tình thân thiết. Lúc Vệ thái tử khởi binh, em của Hà La là Thông vì ra sức chiến đấu được phong tước Trọng Hợp hầu. Về sau chúa thượng di diệt gia tộc Giang Sung và đồng đảng của hắn, anh em Hà La sợ tội liên lụy, bèn mưu phản nghịch. Thị trung Phò mã đô úy Kim Nhật Đê thấy tâm tư bọn họ không giống bình thường, trong lòng nghi ngờ, ngầm một mình xét động tĩnh của bọn họ, cùng họ lên xuống điện. Hà La cũng phát giác được dụng ý của Nhật Đê, vì thế rất lâu không phát động được. Dịp ấy chúa thượng đến cung Lâm Quang, Nhật Đê ốm nhẹ nằm tại nhà nghỉ trong cung, Hà La và Thông cùng em út là An Thành giả truyền chiếu, ban đêm ra khỏi cung, cùng giết sứ giả, phát binh. Sáng hôm sau, chúa thượng chưa dậy, Hà La vô cớ từ bên ngoài tiến vào. Đúng lúc Nhật Đê đang ra nhà xí, thốt nhiên trong lòng lay động, lập tức trở vào trong điện, ngồi dưới cửa nách. Chốc lát, Hà La giấu dao nhọn trong tay áo từ sương

phòng phía đông lên điện, thấy Nhật Đê, biến sắc, liền bước rảo thẳng đến phòng nghỉ của Đế, định xông vào, húc phải cây đàn sắt, ngã lăn ra đất. Nhật Đê ôm giữ được Hà La, nhân đó hô truyền rằng:

- Mã Hà La phản!

Chúa thượng kinh hãi bật dậy. Tả hữu bèn rút đao đánh giết Hà La, chúa thượng sợ chém trúng Nhật Đê, sai dừng không được đánh. Nhật Đê nắm đầu Hà La dưới điện, bắt trói được hắn. Tra xét đến cùng, bọn mưu phản đều nhận tội, bị giết.

6. Mùa thu, tháng bảy, có động đất.

7. Yên vương Lưu Đán[1] tự cho rằng theo thứ tự lớn nhỏ mình đương nhiên được làm Thái tử, liền dâng thư xin về làm Túc vệ. Chúa thượng giận, chém sứ giả của Đán ở cửa khuyết phía bắc; lại buộc tội Đán che giấu kẻ bị tội trốn lánh, tước ba huyện là Lương Hương, An Thứ, Văn An. Chúa thượng từ đấy ghét Đán. Đán là người thông minh, khéo biện luận, học thức uyên bác, em của Đán là Quảng Lăng vương Lưu Tư, vũ dũng, có sức khỏe, nhưng hai người đều hành động không hợp pháp độ, nhiều lần mắc lỗi, cho nên chúa thượng đều không lập làm Thái tử.

Bấy giờ con của Câu Dặc phu nhân là Lưu Phất Lăng, mới mấy tuổi, nhưng hình thể cao lớn, lắm trí, chúa thượng rất yêu mến, có ý muốn lập làm Thái tử; vì Phất Lăng nhỏ tuổi, mẹ còn trẻ, nên do dự rất lâu. Đế muốn lựa đại thần phù tá Phất Lăng, xét quần thần, duy có Phụng xa đô úy, Quang lộc đại phu Hoắc Quang, là người trung hậu có thể gánh vác đại sự, chúa thượng bèn sai Hoàng môn vẽ hình Chu công phù giúp Thành vương triệu kiến chư hầu ban cho Quang.[2] Sau mấy ngày, Đế trách

---

[1] Yên vương Lưu Đán được thụ phong vào năm Nguyên Thú thứ sáu. Trong số các Hoàng tử của Vũ đế còn sống lúc bấy giờ, là người lớn tuổi nhất.

[2] Tỏ ý lập Lưu Phất Lăng, sai Hoắc Quang phù tá như Chu công giúp Thành vương.

mắng Câu Dặc phu nhân; phu nhân cởi trâm vòng, khấu đầu tạ tội. Đế nói:

- Hãy lôi đi, tống vào Dịch đình ngục![1]

Phu nhân ngoái đầu lại, Đế nói:

- Đi mau, ngươi không sống được đâu!

Rút cục ban lệnh chết. Không lâu sau, lúc Đế nhàn rỗi, hỏi tả hữu rằng:

- Người ngoài nói gì về việc này?

Tả hữu thưa rằng:

- Mọi người nói: "Sắp lập con, sao lại giết bỏ mẹ?"

Đế nói:

- Đúng thế. Đây không phải là việc mà bọn người ngu xuẩn hiểu được vậy. Xưa kia quốc gia sở dĩ loạn, là bởi chúa nhỏ, mẹ đang tuổi thanh xuân vậy. Nữ chủ một mình độc chiếm quyền hành, dâm loạn phóng túng tự ý, chẳng ai cấm cản được vậy. Ngươi không nghe nói chuyện Lã hậu sao? Cho nên chẳng thể không trừ bỏ trước đi vậy.

Năm Hậu Nguyên thứ hai (Giáp Ngọ – TCN 87)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng triệu kiến các Vương chư hầu ở cung Cam Tuyền.

Tháng hai, xa giá đến cung Ngũ Tạc ở huyện Chu Chất.

2. Chúa thượng bệnh nặng, Hoắc Quang khóc lóc hỏi:

- Nếu như có việc bất hạnh, ai sẽ là người kế tự?

Chúa thượng nói:

- Ngài chưa hiểu rõ ý bức tranh ta tặng lúc trước chăng? Lập con út, ngài coi việc của Chu công!

---

[1] Bên trong Dịch đình có nhà ngục bí mật, đấy là nơi giam các cung nhân mắc tội.

Quang rập đầu chối nói:

- Thần không bằng Kim Nhật Đê!

Nhật Đê cũng nói:

- Thần, là người ngoại quốc,[1] chẳng bằng được Quang; vả lại sẽ khiến người Hung Nô khinh nhà Hán mất!

Ngày Ất Sửu, Đế hạ chiếu lập Phất Lăng làm Hoàng thái tử, bấy giờ lên tám tuổi. Ngày Bính Dần, lấy Quang làm Đại tư mã, Đại tướng quân, Nhật Đê làm Xa kỵ tướng quân, Thái bộc Thượng Quan Kiệt làm Tả tướng quân, nhận di chiếu phù tá thiếu chủ, lại lấy Sưu túc đô úy Tang Hoằng Dương làm Ngự sử đại phu, đều bái nhận chức ở dưới giường trong chỗ nằm.

Quang ra vào cung cấm hơn hai mươi năm, ra thì hầu xe, vào làm tả hữu, cung kính cẩn thận, chưa từng mắc lỗi. Là người trầm tĩnh tinh tường, cẩn thận, mỗi khi ra vào cung cấm, đến cửa điện, tiến hay dừng thường đúng vị trí, quan Lang, Bộc xạ nhìn trộm ghi nhớ chỗ Quang tiến dừng, thấy không sai thước tấc.

Nhật Đê ở bên cạnh chúa thượng mấy chục năm, mắt chẳng hề liếc ngang; ban cho cung nữ, Đê không dám gần; chúa thượng muốn nạp con gái Đê vào hậu cung, Đê không chịu; thành thực cẩn thận như thế, chúa thượng rất lấy làm lạ. Con trưởng của Nhật Đê là "lộng nhi"[2] của Đế, Đế rất yêu mến. Về sau "lộng nhi" lớn lên, hành vi không cẩn thận, có lần đùa bỡn với cung nhân dưới điện; đúng lúc Nhật Đê trông thấy, rất ghét hành vi dâm loạn của "lộng nhi", bèn giết con. Chúa thượng nghe nói, cả giận. Nhật Đê rập đầu tạ tội, nói hết cái lý do giết "lộng nhi". Chúa thượng rất thương, vì "lộng nhi" mà khóc; nhưng sau một lòng kính trọng Nhật Đê.

---

[1] Kim Nhật Đê vốn là con của Hưu Đồ vương, cho nên nói như vậy.

[2] Lộng nhi (弄儿), là đồng tử nhỏ tuổi, Vũ đế thường cho những đứa nhỏ này chơi đùa với cung nhân của mình làm trò tiêu khiển.

Thượng Quan Kiệt ban đầu vì có sức khỏe được sủng ái,[1] làm Cứu lệnh[2] ở cung Vị Ương; chúa thượng có lần thân thể bất an, lúc đỡ bệnh, ra kiểm tra xe ngựa, thấy ngựa gầy yếu, chúa thượng cả giận, nói:

- Cứu lệnh cho là ta không kiểm xét ngựa nữa chăng?

Muốn sai bắt giao cho quan lại xử trị. Kiệt rập đầu nói:

- Thần nghe nói thánh thể bất an, đêm ngày lo lắng, thực tại tâm tư không ở ngựa vậy.

Nói chưa xong, nước mắt rơi xuống mấy hàng. Chúa thượng cho rằng Kiệt yêu mến mình, bởi thế thân gần, cho làm Thị trung, dần dần thăng đến chức Thái bộc.

Ba người bình thời đều được chúa thượng tín nhiệm sủng ái, cho nên đặc cách đề cử họ, đem việc hậu sự phó thác. Ngày Đinh Mão, Đế băng ở cung Ngũ Tạc; rồi chuyển đến liệm táng ở trước điện cung Vị Ương.

Đế thông minh quyết đoán, khéo dùng người, thi hành pháp luật rất nghiêm khắc, không dung tình. Chiêu Bình quân là con của Long Lự công chúa[3], lấy con gái của Đế là Di An công chúa. Lúc Long Lự công chúa bệnh khốn, đem nghìn cân vàng, nghìn vạn tiền vì Chiêu Bình quân chuộc sẵn tội chết, chúa thượng đồng ý. Sau khi Long Lự công chúa chết, Chiêu Bình quân ngày càng kiêu căng, say rượu giết chết nữ quan dạy dỗ công chúa, bị bắt tống ngục; Đình úy vì Chiêu Bình quân là con của Long Lự công chúa nên thỉnh ý Đế. Tả hữu người người đều vì Chiêu Bình quân nói:

---

[1] Thượng Quan Kiệt thời trẻ làm Vũ lâm kỳ môn lang, theo Đế đến cung Cam Tuyền, trời nổi gió lớn, xe không đi được, Đế cởi lọng ra đưa cho Kiệt; Kiệt cầm lọng, dù có gió to vẫn đi cạnh xe, mưa xuống, Kiệt che lọng cho Đế, chúa thượng lấy làm lạ về sức khỏe của Kiệt, từ đấy được sủng ái.

[2] Cứu lệnh (廄令), là chức quan lo chăm sóc ngựa. Ngựa ở cung Vị Ương là ngựa của Hoàng đế vậy.

[3] Long Lự công chúa, là em gái của Hán Vũ đế vậy.

- Lúc trước Long Lự công chúa từng xuất tiền chuộc tội sẵn, Bệ hạ đã đồng ý việc đó.

Chúa thượng nói:

- Em gái ta rất lớn tuổi mới sinh hạ được một người con, lúc chết, đem phó thác cho ta.

Bởi thế vì Long Lự công chúa rơi nước mắt, than thở hồi lâu, nói:

- Pháp lệnh, là do tiên đế tạo ra vậy, nếu vì việc của em gái mà dối hỏng pháp lệnh của tiên đế, ta còn mặt mũi nào bước vào miếu của Cao tổ đây! Lại phụ lại muôn dân ở dưới.

Bèn phê chuẩn thỉnh cầu của Đình úy, rồi bi thương chẳng tự ngăn nổi, tả hữu đều đau xót. Người đợi chiếu mệnh là Đông Phương Sóc tiến lên chúc thọ,[1] nói:

- Thần nghe nói thánh vương trị nước, ban thưởng không né tránh cừu thù, giết phạt không phân biệt cốt nhục. *Kinh Thư* nói: "Bất thiên bất đảng, vương đạo đãng đãng".[2] Hai nguyên tắc ấy, Ngũ đế rất xem trọng, là điều mà Tam vương cho là khó làm vậy. Nay Bệ hạ làm được điều đó, thiên hạ may lắm! Thần là Sóc xin nâng chén liều chết bái hai lạy chúc chúa thượng vạn thọ.

Chúa thượng ban đầu giận Sóc, không lâu sau lại khen ngợi, lấy Sóc làm Trung lang.

Ban Cố tán rằng: Hán triều kế nối cái pháp chế tích tệ thời trăm vương, Cao tổ dẹp loạn đưa về đường chính, Văn, Cảnh dốc trí lực dưỡng sức dân, còn như việc nghiên cứu nghi thức lễ chế cổ xưa, vẫn còn nhiều khuyết thiếu. Hiếu Vũ mới tức vị, liền dùng khí phách trác tuyệt bãi truất bách gia, biểu chương Lục kinh, rồi mưu bàn hỏi ý người trong nước, đề cử người tài tuấn trong số ấy, cùng họ dựng lập

---

[1] Người đợi chiếu mệnh là những người được triệu gọi, chờ được bổ dụng. Bấy giờ người đợi chiếu thường chờ ở cửa Kim Mã vậy.

[2] Không thiên vị, không kết đảng, đạo thánh vương thênh thang.

công nghiệp; hưng nhà Thái học, chỉnh đốn nghi thức tế tự, cải biến chính sóc, chế định lịch pháp, điều hòa âm luật, chế tác thi nhạc, dựng lễ phong thiện, kính lễ bách thần, kế phong hậu duệ của triều Chu, hiệu lệnh văn chương, đều phát quang rực rỡ, xứng đáng ngợi khen, hậu tự được kế thừa đại nghiệp mà lại có phong khí của thời Tam đại. Nếu Vũ đế dùng cái hùng tài đại lược, chẳng thay đổi tác phong cung kiệm của Văn, Cảnh để yêu mến và che chở cho bách tính, dẫu những lời mà Thi, Thư khen ngợi thánh vương há có hơn gì!

Thần Quang nói: Hiếu Vũ xa hoa hết mức, ham muốn cùng cực, phép nhiều thuế nặng, bên trong cung thất xa xỉ, bên ngoài chinh thảo Tứ Di, mê hoặc tin chuyện thần tiên quái lạ, tuần du vô độ, khiến bách tính nhọc mệt tàn tạ, nổi lên làm đạo tặc, việc mà Hiếu Vũ làm so với Tần Thủy Hoàng không mấy khác nhau. Thế nhưng triều Tần bởi thế diệt vong, Hán triều nhờ thế lại hưng thịnh, là vì Hiếu Vũ có thể tuân theo cái đạo của tiên vương, biết cách thống thủ, tiếp nhận lời trung thực, ghét kẻ man trá che đậy, yêu người hiền không biết mệt, thưởng phạt nghiêm minh, đến lúc tuổi già lại biết sửa lỗi lầm, phó thác đúng người, đấy là cái lý do khiến nhà Hán đã mắc cái lỗi sai diệt vong của triều Tần mà tránh được cái họa vong quốc của triều Tần chăng?

3. Ngày Mậu Thìn, Thái tử tức vị Hoàng đế. Chị gái của Đế là Ngạc Ấp công chúa ở chung với Đế trong cung, chăm dưỡng Đế, Hoắc Quang, Kim Nhật Đê và Thượng Quan Kiệt chung lĩnh chức Thượng thư sự. Quang phụ tá ấu chủ, chính lệnh đều tự mình phát ra, người thiên hạ ngưỡng vọng phong thái của Quang. Trong điện từng xuất hiện việc ma quái, có một đêm, quần thần bị ma quái gây kinh hãi, Quang triệu quan Thượng phù tỉ lang[1] muốn thu lấy ngọc tỉ, quan Lang không chịu giao, Quang muốn đoạt lấy, quan Lang chống kiếm nói:

- Đầu thần có thể lấy được, ngọc tỉ thì không thể lấy vậy!

---

[1] Là quan Lang giữ hổ phù, ấn tín của Hoàng đế vậy.

Quang rất khen ngợi cái nghĩa của hắn. Hôm sau, dùng danh nghĩa của Đế hạ chiếu tăng phẩm trật cho viên quan Lang đó lên hai cấp. Chúng nhân qua việc ấy chẳng ai không kính trọng Quang.

4. Tháng ba, ngày Giáp Thìn, táng Hiếu Vũ hoàng đế ở Mậu Lăng.

5. Mùa hạ, tháng sáu, đại xá thiên hạ.

6. Mùa thu, tháng bảy, sao chổi xuất hiện ở phương đông.

7. Tế Bắc vương Lưu Khoan mắc tội có hành vi như cầm thú, tự sát.

8. Mùa đông, Hung Nô xâm phạm quận Sóc Phương, cướp giết quan dân; triều đình phát quân đóng trú ở Tây Hà, Tả tướng quân Thượng Quan Kiệt tuần xét biên bắc.

---ॐ---

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ MƯỜI LĂM]

HIẾU CHIÊU HOÀNG ĐẾ

Năm Thủy Nguyên nguyên niên (Ất Mùi – TCN 86)

1. Mùa hạ, hơn ba vạn người Di ở hai mươi bốn ấp thuộc Ích châu cùng phản. Đế phái Thủy hành Đô úy Lã Phá Hồ chiêu mộ quan dân và phát quân Bôn mệnh[1] của Kiển Vi, Thục Quận đi đánh dẹp người Di, đại phá chúng.

2. Mùa thu, tháng bảy, đại xá thiên hạ.

3. Trời giáng mưa lớn, đến hơn chục ngày, cầu sông Vị đứt.

4. Lúc Vũ đế mới băng, ban tỉ thư cho Vương chư hầu. Yên vương Đán được thư không chịu khóc, nói:

- Ấn phong của tỉ thư nhỏ, e là kinh sư có biến.

Bèn phái sủng thần là bọn Thọ Tây Trường, Tôn Tung Chi, Vương Nhụ đến Trường An, lấy danh nghĩa hỏi han về lễ nghi tế viếng Vũ đế, ngầm rình xét việc triều đình. Lúc có chiếu thư ban thưởng cho Đán ba chục vạn tiền, thêm ấp phong một vạn ba nghìn hộ, Đán giận nói:

- Ta đáng làm Đế, ban thưởng là sao!

---

[1] Thời xưa, các quận trong nước đều có người là Tài quan, Kỵ sĩ ở trong dân, nếu quốc gia có nạn nguy cấp, thì được quyền biến chọn lấy người kiêu dũng, bọn họ nghe mệnh mà đến, cho nên gọi là 'Bôn mệnh'.

Bèn cùng bọn người trong tông thất là con của Trung Sơn Ai vương Lưu Tử Trường, cháu của Tề Hiếu vương Lưu Trạch kết mưu, trá xưng là thời Vũ đế còn sống mình từng nhận chiếu thư, cho phép được quyền bổ dụng và miễn nhiệm quan lại tại nước phong, được phép sửa sang võ bị, để đề phòng việc bất thường.[1] Lang trung Thành Chẩn bảo Đán rằng:

- Đại vương mất quyền kế thừa hoàng vị, chỉ có thể nổi dậy mà đoạt lấy, chẳng thể ngồi yên mà có được. Đại vương một sớm khởi binh, người trong nước dẫu là phụ nữ cũng đều vung tay theo đại vương.

Đán lập tức cùng Trạch bàn mưu, làm thư gian, tuyên xưng: "Thiếu đế không phải là con của Vũ đế, chỉ là người mà đại thần cùng lập nên; người thiên hạ nên chung sức đánh diệt!" Rồi sai người truyền tin đến các quận, quốc để lay động trăm họ. Trạch tính mưu quay về nước Tề từ Lâm Truy phát binh, giết Thứ sử Thanh châu là Tuyển Bất Nghi. Đán chiêu tụ bọn gian tà ở các nơi, trưng thu đồng và sắt để chế giáp binh, nhiều lần kiểm duyệt xe ngựa, kỵ mã và lính tài quan của mình, điều phát bách tính đi săn bắn với quy mô lớn để huấn luyện tướng sĩ và ngựa chiến, đợi đến ngày hẹn, cùng cử binh. Bọn Lang trung Hàn Nghĩa nhiều lần khuyên can Đán, Đán giết bọn Nghĩa cả thảy mười lăm người. Đúng lúc Bình hầu Lưu Thành biết mưu của bọn Trạch, đem sự việc báo với Tuyển Bất Nghi. Tháng tám, Bất Nghi bắt bọn Trạch rồi báo tin lên triều đình. Thiên tử phái Đại hồng lư thừa xử trị, việc liên quan đến Yên vương. Đế hạ chiếu, vì Yên vương là chí thân, không xử trị; nhưng bọn Trạch đều chịu tội chết. Đế thăng Tuyển Bất Nghi làm Kinh Triệu doãn[2].

---

[1] Pháp lệnh nhà Hán bấy giờ quy định: Chư hầu chỉ giữ phận hưởng lộc, không được quản dân, bổ nhiệm và bãi miễn quan lại tại nước phong, nắm binh quyền, phát binh.

[2] Năm Thái Sơ nguyên niên thời Hán Vũ đế, đổi chức Hữu nội sử thành Kinh Triệu doãn (京兆尹).

Bất Nghi làm Kinh Triệu doãn, quan dân kính phục uy tín. Mỗi khi Bất Nghi tuần thị các huyện, thẩm xét tù đồ trở về, mẹ của Bất Nghi hỏi:

- Rửa oan khuất cho bao nhiêu người, cứu sống được bao nhiêu người?

Nếu số người được Bất Nghi rửa oan khuất nhiều, người mẹ vui cười khác với lúc bình thường; nếu không có ai được rửa oan, người mẹ giận, không ăn. Cho nên Bất Nghi làm quan, nghiêm khắc nhưng không tàn nhẫn.

5. Tháng chín, ngày Bính Tý, Đố Kính hầu Kim Nhật Đê hoăng.

Khi trước, Vũ đế bệnh, có di chiếu, phong Kim Nhật Đê làm Đố hầu, Thượng Quan Kiệt làm An Dương hầu, Hoắc Quang làm Bác Lục hầu; đều vì công lúc trước bắt bọn phản nghịch là Mã Hà La nên được phong.[1] Nhật Đê vì Đế nhỏ tuổi, không chịu nhận tước phong, bọn Quang cũng không dám nhận. Lúc Nhật Đê bị bệnh khốn, Quang đem việc phong hầu lúc trước tấu bẩm, Nhật Đê nằm trên giường bệnh nhận ấn thụ; sau một ngày thì hoăng. Hai con của Nhật Đê là Thưởng và Kiến đều làm Thị trung, đại khái đồng lứa tuổi với Đế, hàng ngày cùng ăn nghỉ ở một chỗ. Thưởng làm Phụng xa đô úy, Kiến làm Phò mã đô úy. Lúc Thưởng nối tước hầu của cha, đeo hai dây thao, chúa thượng bảo Hoắc tướng quân rằng:

- Nay hai người bọn họ là anh em, chẳng thể cho hai người đều được đeo hai dây thao sao?

Quang đáp rằng:

- Chỉ có Thưởng được nối tước hầu của cha thôi.

Chúa thượng cười nói:

---

[1] Xem việc tại Hán ký, quyển thứ 14, sự kiện năm Hậu Nguyên nguyên niên, đời Hán Vũ đế.

- Phong hầu chẳng phải do ta và tướng quân quyết sao?

Quang đáp rằng:

- Ước định của tiên đế, là có công mới được phong hầu.

Chúa thượng bèn thôi.

6. Tháng nhuận, Đế phái Đình úy lúc trước là bọn Vương Bình cầm cờ tiết đi tuần thị các quận, quốc, tiến cử người hiền lương, xét hỏi các hành vi khiến dân khổ sở, bị oan khuất, mất nghiệp.

7. Mùa đông, trời ấm, nước không đóng băng.

Năm Thủy Nguyên thứ hai (Bính Thân – TCN 85)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Đế phong Đại tướng quân Hoắc Quang làm Bác Lục hầu, Tả tướng quân Thượng Quan Kiệt làm An Dương hầu.

2. Có người khuyên Hoắc Quang rằng:

- Tướng quân không thấy việc của các người họ Lã sao? Ở vào địa vị Y Doãn, Chu Công, nhiếp chính nắm quyền, mà bỏ người trong tông thất, không cùng họ chung chức, là lý do khiến thiên hạ không tin, rút cục đến nỗi diệt vong. Nay tướng quân đang thịnh giữ ngôi vị, chúa thượng trẻ tuổi, nên thu nạp người trong tông thất, lại cùng nhiều đại thần chung quản việc, làm ngược lại với gia tộc họ Lã. Như thế, thì có thể tránh được họa.

Quang cho là đúng, bèn chọn người trong tông thất có thể dùng được, rồi bái cháu của Sở Nguyên vương là Lưu Tích Cương và người trong tông thất là Lưu Trường Nhạc đều làm Quang lộc đại phu, Tích Cương kiêm Vệ úy cung Trường Lạc.

3. Tháng ba, triều đình phái sứ giả đi phát chẩn cứu giúp dân nghèo không có ngũ cốc gieo trồng, không có lương ăn.

4. Mùa thu, tháng tám, Đế hạ chiếu rằng:

"Năm ngoái thiên tai họa hại nhiều, năm nay dâu tằm, lúa mạch bị hại, các thứ giống gieo trồng và lương thực mà triều đình phát chẩn giúp dân đều không thu lại, không khiến dân chúng phải xuất nộp tô thuế năm nay."

5. Trước kia, Vũ đế chinh phạt Hung Nô, thâm nhập truy đuổi tận cùng, hơn hai mươi năm, khiến ngựa đang mang thai của Hung Nô bị sảy nhiều, dân Hung Nô khốn nhọc cực điểm, thường có ý muốn hòa thân, nhưng chưa thực hiện được. Thiền vu Hồ Lộc Cô có người em khác mẹ làm Tả đại đô úy, hiền minh, người trong nước hết thảy đều theo phục. Yên chi, mẹ của Thiền vu sợ Thiền vu không lập con mà lập Tả đại đô úy, bèn ngầm sai người giết Tả đại đô úy. Anh cùng mẹ của Tả đại đô úy oán hận, bèn không chịu đến hội ở Thiền vu đình. Năm ấy, Thiền vu bị bệnh sắp chết, bảo các vị quý tộc rằng:

- Con ta ít tuổi, chẳng thể trị quốc, hãy lập em ta là Hữu Lộc Lê vương.

Lúc Thiền vu chết, bọn Vệ Luật cùng Yên chi là chính thất của Thiên vu bàn mưu, giấu tin Thiền vu chết, giả chiếu lệnh của Thiền vu, đổi lập con Thiền vu là Tả Lộc Lê vương làm Hồ Diễn Đê Thiền vu. Tả hiền vương, Hữu Lộc Lê vương bất mãn, thống suất bộ chúng của mình định xuôi nam quy phục nhà Hán, sợ chẳng tự đến được, liền bức Lô Đồ vương, muốn cùng sang tây quy hàng nước Ô Tôn. Lô Đồ vương đem việc báo với Thiền vu, Thiền vu sai người tra vấn chứng nghiệm, Hữu Lộc Lê vương không chịu nhận, lại đem việc mưu phản đổ tội cho Lô Đồ vương, người trong nước đều cho là Lô Đồ vương oan. Vì thế hai vương rời đi, trú lại ở đất của mình, không chịu tham dự hội tế Long Thành nữa, Hung Nô từ đấy bắt đầu suy.[1]

---

[1] Các vương Hung Nô thường nắm quân đội riêng, quản bộ lạc riêng. Cứ vào tháng giêng hàng năm, các vương Hung Nô đến dự hội ở Thiền vu đình; tháng năm, đại hội Long Thành, tế trời đất quỷ thần. Hai vương bỏ đi, ở đất của mình, không đến dự hội tế Long Thành, tức là cắt hẳn liên hệ với Thiền vu, thế lực Hung Nô bị chia nhỏ, thành suy yếu.

Năm Thủy Nguyên thứ ba (Đinh Dậu – TCN 84)

1. Mùa xuân, tháng hai, sao chổi xuất hiện ở hướng tây bắc.

2. Mùa đông, tháng mười một, ngày Nhâm Thìn là ngày sóc, có nhật thực.

3. Khi trước, Hoắc Quang cùng Thượng Quan Kiệt thân thiết với nhau. Mỗi khi Quang về nhà nghỉ tắm gội,[1] Kiệt thường thay Quang quyết việc. Con gái của Quang được gả cho con trai của Kiệt là An, sinh con gái, mới năm tuổi, An muốn thông qua Quang cho con gái vào cung; Quang cho là tuổi còn nhỏ, không nghe. Cái Trưởng công chúa[2] tư thông với môn khách của con mình là Đinh Ngoại Nhân người đất Hà Gian, An vốn thân thiết với Ngoại Nhân, khuyên Ngoại Nhân rằng:

- Con gái An dung mạo đoan chính, nếu được Trưởng công chúa giúp đỡ, vào cung làm Hoàng hậu, cha con ta ở triều làm quan sẽ có Tiêu Phòng[3] làm chỗ dựa, việc thành là ở túc hạ. Theo lệ cũ nhà Hán, thường cho Liệt hầu lấy công chúa, túc hạ lo gì chẳng được phong hầu?

Ngoại Nhân mừng, nói với Trưởng công chúa. Trưởng công chúa cho là đúng. Vì thế có chiếu triệu con gái An làm Tiệp dư, lấy An làm Đô úy.

Năm Thủy Nguyên thứ tư (Mậu Tuất – TCN 83)

1. Mùa xuân, tháng ba, ngày Giáp Dần, lập Thượng Quan thị làm Hoàng hậu, đại xá thiên hạ.

---

[1] Theo Hán chế, quan lại trong triều cứ mỗi năm ngày thì có một ngày được ở nhà nghỉ ngơi tắm gội, các quan Lang ở Tam thự cũng hưởng chế độ như vậy.

[2] Tức Ngạc Ấp công chúa, chị gái của Hán Chiêu đế, hưởng thực ấp ở đất Ngạc, thuộc huyện Cái, cho nên gọi là Cái Trưởng công chúa (Cái chủ).

[3] Điện Tiêu Phòng (椒房) nằm trong cung Vị Ương, là nơi ở của Hoàng hậu vậy. Vì tường vách phòng ấy dùng hạt tiêu trát lên cho ấm và thơm nên gọi là Tiêu Phòng.

2. Hai bộ tộc Cô Tăng, Diệp Du miền Tây Nam Di lại phản, Đế phái Thủy hành Đô úy Lã Tích Hồ đem binh Ích châu đi đánh họ. Tích Hồ không tiến binh, người Man Di bèn giết Thái thú Ích châu, thừa thắng cùng quân của Tích Hồ giao chiến, quân sĩ chiến đấu và bị chết đuối đến hơn bốn nghìn người. Mùa đông, Đế phái Đại hồng lư Điền Quảng Minh lĩnh binh đánh dẹp.

3. Đình úy Lý Xung mắc tội cố ý tha tử tội bị chém vứt xác ngoài chợ.

4. Năm ấy, Thượng Quan An làm Xa kỵ tướng quân.

Năm Thủy Nguyên thứ năm (Kỷ Hợi – TCN 82)

1. Mùa xuân, tháng giêng, truy tôn ông ngoại của Đế là Triệu Phụ làm Thuận Thành hầu. Thuận Thành hầu có chị gái tên là Quân Hủ, được ban hai trăm vạn tiền cùng với nô tì, nhà cửa, cho nhiều tài sản. Các anh em họ của Phụ đều theo thân sơ ban thưởng, nhưng không phong quan tước, chức vị.

2. Có vị nam tử cưỡi chiếc xe bê vàng kéo, đến cửa khuyết phía bắc, tự xưng là Vệ thái tử; Công xa đem việc báo lên. Đế hạ chiếu sai các Công, Khanh, Tướng quân, Trung nhị thiên thạch cùng đến xét rõ. Quan dân trong thành Trường An tụ lại xem đến mấy vạn người. Hữu tướng quân lĩnh binh đóng dưới cửa khuyết để phòng bị việc bất thường. Thừa tướng, Ngự sử, Trung nhị thiên thạch đến xét nhưng chẳng ai dám phát ngôn. Kinh Triệu doãn Bất Nghi đến sau, quát quan lại đi theo bắt trói nam tử. Có người nói:

- Phải trái chưa biết được, hãy tạm để yên!

Bất Nghi nói:

- Chư quân sao phải lo về Vệ thái tử! Xưa kia Khoái Hội trái mệnh chạy ra ngoài, Vệ Triếp cự tuyệt không đón nạp, *kinh Xuân*

Thu cho là đúng.[1] Vệ thái tử đắc tội với tiên đế, trốn ở ngoài, chẳng chết ngay, nay lại tự đến, đấy là tội nhân vậy!

Bèn đưa nam tử đến nhà ngục. Thiên tử và Đại tướng quân Hoắc Quang nghe chuyện liền khen Bất Nghi rằng:

- Công khanh đại thần nên phải tinh thông kinh thuật để làm rõ đại nghĩa.

Vì thế thanh danh của Bất Nghi vang ở triều đình, người ở ngôi cao đều tự cho là mình không theo kịp vậy.

Đình úy tra xét hà nhân[2], cuối cùng phát hiện được gian trá, nam tử vốn là người Hạ Dương, họ Thành, tên là Phương Toại, ở huyện Hồ, lấy chiêm bốc làm nghiệp. Trước đây có lần Xá nhân của Vệ thái tử tới chỗ Phương Toại xem bói, bảo Phương Toại rằng: "Dáng vẻ của ngài rất giống Vệ thái tử." Phương Toại sau khi nghe được lời ấy động tâm, mong muốn nhờ thế được phú quý. Rút cục mắc tội lừa dối bất đạo, bị chém ngang lưng.

3. Mùa hạ, tháng sáu, phong Thượng Quan An làm Tang Lạc hầu. An ngày càng kiêu căng dâm loạn, được cho dự yến trong cung, ra ngoài nói với tân khách rằng:

- Ta cùng con rể uống rượu, rất vui!

An thấy phục sức của Đế, sai người về nhà, muốn đốt hết đồ của mình. Con trai bị bệnh chết, An ngẩng mặt mắng chửi trời. Sự ngu gàn cuồng ngạo của An đến mức như thế.

4. Hán triều bãi bỏ hai quận Đam Nhĩ và Chân Phiên.

5. Mùa thu, Đại hồng lư Quảng Minh, Quân chính Vương Bình đánh Ích châu, chém đầu và cầm tù hơn ba vạn giặc rợ, bắt hơn năm vạn đầu gia súc.

---

[1] Khoái Hội là Thái tử của Vệ Linh công thời Xuân Thu, do mắc tội với Vệ Linh công nên trốn ra nước ngoài. Về sau Vệ Linh công hoăng, con của Khoái Hội là Vệ Triếp được lập. Khoái Hội muốn quay về, Vệ Triếp không đồng ý.

[2] Phàm là người không biết tên tuổi, lai lịch, gốc tích thế nào đều gọi là hà nhân.

6. Gián đại phu Đỗ Diên Niên thấy quốc gia kế thừa sau thời xây dựng xa xỉ, xuất sư liên miên của Vũ đế, mấy lần nói với Đại tướng quân Quang rằng:

- Mùa màng mấy năm kém thu hoạch, lưu dân chưa quay về, nên khôi phục lại phương châm trị quốc của Hiếu Văn, để tỏ rõ sự kiệm ước, khoan hòa, thuận lòng trời, đẹp ý dân, tình trạng mùa màng sẽ theo đó mà chuyển biến.

Quang thu nhận lời ấy.

Diên Niên, là con của Ngự sử đại phu Đỗ Chu ngày trước vậy.

Năm Thủy Nguyên thứ sáu (Canh Tý – TCN 81)

1. Mùa xuân, tháng hai, Đế hạ chiếu cho Hữu ti trưng cầu ý kiến của những người hiền lương và tinh thông kinh học được các quận, quốc tiến cử, qua đó tìm hiểu các việc khiến dân khốn khổ và những điều cốt yếu của giáo hóa, mọi người đều đáp:

- Mong hãy bãi chế độ quản lý muối, sắt và rượu, phế truất chức Quân thâu,[1] không cùng người thiên hạ tranh lợi, để tỏ rõ việc tiết kiệm, rồi sau giáo hóa mới có thể chấn hưng được.

Tang Hoằng Dương phản đối, cho rằng:

- Đấy là đại nghiệp của quốc gia, dùng để khống chế Tứ Di, là cái gốc để cung cấp của cải giữ yên biên cương, chẳng nên phế bỏ vậy.

Vì thế nghị bàn về việc quản lý muối và sắt lại dấy lên.

2. Lúc trước, sau khi Tô Vũ bị đày lên Bắc Hải[2], lương ăn không cấp đến được, liền đào hang bắt chuột đồng, bỏ phần cỏ

---

[1] Việc quản lý muối và sắt được đặt ra vào năm Nguyên thú thứ tư; việc đặt chức Quân thâu bắt đầu từ năm Nguyên đỉnh thứ ba; việc độc quyền bán rượu đặt ra vào năm Thiên Hán thứ ba. Đều dưới thời Hán Vũ đế.

[2] Việc này được nói ở Hán kỷ, quyển mười ba, sự kiện năm Thiên Hán nguyên niên, đời Hán Vũ đế.

trong bụng chuột mà ăn. Dùng cây gậy buộc cờ tiết của nhà Hán chăn dê, khi thức lúc ngủ đều cầm giữ trong tay, lông mao trên cờ tiết rụng hết. Lúc Vũ ở Hán triều, cùng với Lý Lăng đều làm Thị trung; Lăng hàng Hung Nô,[1] không dám tìm gặp Vũ. Rất lâu sau, Thiền vu sai Lăng đến Bắc Hải, vì Vũ bày rượu đặt nhạc. Lăng nhân đó bảo Vũ rằng:

- Thiền vu nghe nói Lăng và Tử Khanh[2] vốn giao tình thâm hậu, nên sai ta đến khuyên túc hạ, dốc lòng muốn đãi ngộ. Rút cục chẳng thể quay về nhà Hán được, tự mình chịu khổ hão; ở chỗ đất không người, tín nghĩa tiết tháo của túc hạ có ai thấy được đâu! Hai người huynh đệ của túc hạ, lúc trước đều bị kết tội phải tự sát; đến giờ, Thái phu nhân đã bất hạnh lìa đời; phu nhân của túc hạ trẻ tuổi, nghe nói đã cải giá rồi; chỉ còn có hai người em gái, hai con gái, một con trai, nay lại qua hơn chục năm, còn mất chẳng thể biết được. Con người ta lúc sống như hạt sương sớm, túc hạ hà tất phải tự làm khổ mình lâu như thế! Lăng này lúc mới hàng, tinh thần hoảng hốt như phát cuồng, tự đau xót vì phụ lại Hán triều, còn liên lụy khiến mẹ già bị tù cấm trong Bảo cung[3]. Tử Khanh không muốn hàng, có gì hơn được Lăng! Vả lại Bệ hạ tuổi tác cao, phép lệnh thay đổi bất thường, đại thần vô tội bị di diệt đến mấy chục nhà. An nguy chẳng thể biết được, Tử Khanh còn muốn quay về với ai đây?

Vũ nói:

- Cha con Vũ không có công đức, đều do Hoàng thượng vun đắp, ở ngôi vị Liệt tướng, tước Thông hầu, anh em được thân cận Hoàng thượng, thường nguyện gan óc lầy đất để báo đền. Nay được chết thân tự báo đáp, dẫu phải chịu búa rìu, vạc nóng,

---

[1] Việc Lăng hàng Hung Nô đã nói ở Hán kỷ, quyển mười ba, sự kiện năm Thiên Hán thứ hai, đời Hán Vũ đế.

[2] Tô Vũ (苏武), tự Tử Khanh (子卿).

[3] Bảo cung (保宫), là nơi giam giữ quan lại phạm tội.

ta thực can tâm tình nguyện! Bầy tôi thờ vua, cũng như con thờ cha vậy, con chết vì cha, không có gì phải hối hận. Xin chớ nói lại nữa!

Lăng cùng Vũ uống rượu mấy ngày, lại nói:

- Tử Khanh hãy nghe Lăng nói một lời!

Vũ nói:

- Ta tự nghĩ mình đã chết từ rất lâu rồi, Vương[1] nhất định muốn Vũ hàng, xin hết cuộc vui hôm nay, ta quyết chết trước mặt ngài!

Lăng thấy rõ sự chí thành của Vũ, bùi ngùi than rằng:

- Ôi chao, ngài thực là nghĩa sĩ! Cái tội của Lăng và Vệ Luật thấu lên đến trời rồi!

Rồi khóc, nước mắt thấm đẫm vạt áo, cùng Vũ quyết biệt mà đi. Đưa tặng Vũ mấy chục bò dê.

Về sau Lăng lại đến Bắc Hải, bảo với Vũ rằng Vũ đế đã băng hà. Vũ hướng về phương nam gào khóc đến thổ huyết, khóc từ sáng đến chiều, mấy tháng liền. Lúc Thiền vu Hồ Diễn Đê lập, Yên chi, mẹ của Thiền vu có hành vi bất chính, trong nước chia lìa, thường sợ binh Hán tập kích mình, vì thế Vệ Luật giúp Thiền vu định mưu, cùng nhà Hán hòa thân. Sứ giả Hán triều đến, xin thả bọn Tô Vũ, người Hung Nô nói dối rằng Tô Vũ đã chết. Về sau sứ Hán lại đến Hung Nô, Thường Huệ gặp riêng sứ Hán, xui sứ giả bảo Thiền vu rằng: "Thiên tử săn bắn trong vườn Thượng lâm, bắn được chim nhạn, chân chim có buộc bức thư lụa, thư ấy nói bọn Vũ đang ở trong đầm mỗ[2]." Sứ giả cả mừng, cứ theo như lời Huệ nói đem bảo với Thiền vu. Thiền vu nhìn tả hữu mà kinh hãi, tạ sứ Hán rằng:

- Bọn Vũ quả thực còn sống.

---

[1] Thiền vu Hung Nô phong Lý Lăng làm Hữu Hiệu vương, nên Tô Vũ gọi như thế.

[2] Mỗ, để chỉ một nơi bất kỳ nào đó tùy theo người nói là ở đâu thì là ở đó.

Bèn thả bọn Vũ và Mã Hoành về.

Mã Hoành, lúc trước làm phó cho Quang lộc đại phu Vương Trung đi sứ các nước Tây Vực, bị người Hung Nô chặn; Trung giao chiến chết, Mã Hoành bị bắt sống, cũng không chịu hàng. Sở dĩ Hung Nô thả hai người về, là muốn qua đó tỏ rõ thiện chí. Vì thế Lăng bày tiệc rượu chúc mừng Vũ, nói:

- Nay túc hạ quay về, dương danh ở Hung Nô, công lao hiển hách ở Hán triều, dẫu việc xưa tre lụa ghi chép, dùng mực xanh đỏ vẽ vời, sao hơn được Tử Khanh! Lăng này dẫu hèn nhát, nếu nhà Hán tha cho cái tội của Lăng, bảo toàn mẹ già của Lăng, khiến Lăng hăng hái vượt nỗi nhục lớn để nung tâm chí, biết đâu làm được như Tào Mạt ở hội thề đất Kha,[1] đấy là cái ý nghĩ khiến thì Lăng mãi mãi không quên được vậy. Bắt giết cả nhà Lăng[2], thành nỗi nhục lớn trên đời, Lăng còn nghĩ việc quay về làm gì? Than ôi! Chỉ để Tử Khanh biết lòng ta vậy!

Lăng khóc, Lệ rơi mấy hàng, liền cùng Vũ quyết biệt.

Thiền vu triệu hội thuộc quan của Vũ, trừ những người đã theo hàng trước đó và những người đã chết, cả thảy số người theo Vũ quay về có chín người. Sau khi về đến kinh sư, Đế chiếu lệnh cho Vũ dùng một cỗ thái lao bái yết ở lăng miếu của Vũ đế, bái làm Điển thuộc quốc, phẩm trật Trung nhị thiên thạch, ban cho hai trăm vạn tiền, ruộng công hai khoảnh, một khu đất ở. Vũ lưu lại Hung Nô cả thảy mười chín năm, lúc bắt đầu đi đang tráng niên, khi quay về, râu tóc đều bạc trắng cả. Hoắc Quang, Thượng Quan Kiệt và Lý Lăng vốn thân thiết, vì thế phái ba người bọn Nhâm Lập Chính ở quận Lũng Tây là bạn cũ của Lăng cùng đến đất Hung Nô chiêu gọi Lăng. Lăng nói:

---

[1] Ý nói có thể bắt Thiền vu, như Tào Mạt (tướng nước Lỗ, bức Tề Hoàn công, bắt trả các đất mà Tề chiếm của Lỗ) tại hội thề đất Kha.

[2] Việc cả nhà Lăng bị bắt giết nói ở Hán kỷ quyển mười ba, sự kiện năm Thiên Hán thứ ba, đời Hán Vũ đế.

- Về thì dễ thôi, nhưng trượng phu chẳng thể chịu nhục hai lần được![1]

Lăng sau chết ở đất Hung Nô.

3. Mùa hạ, trời khô hạn.

4. Mùa thu, tháng bảy, bãi bỏ chức quan kiểm soát việc bán rượu, là theo lời bàn của những người hiền lương và tinh thông kinh học vậy. Cuối thời Vũ đế, quốc lực hư hao, hộ khẩu giảm một nửa. Hoắc Quang hiểu rõ việc cốt yếu lúc đương thời, liền giảm nhẹ tô thuế và dao dịch, cho dân chúng được nghỉ ngơi. Bấy giờ cùng Hung Nô hòa thân, trăm họ được no đủ, dần dần khôi phục lại công nghiệp ổn định thời Văn, Cảnh.

5. Đế ban chiếu thư, nhân việc Cù Đĩnh hầu Vô Ba thống lĩnh các quân trưởng và dân chúng ở ấp của mình đánh bọn phản có công, lập Vô Ba làm Cù Đĩnh vương. Ban cho Điền Quảng Minh tước Quan nội hầu.

Năm Nguyên Phượng nguyên niên (Tân Sửu – TCN 80)

1. Mùa xuân, người Đê ở quận Vũ Đô phản, Đế phái Chấp kim ngô Mã Thích Kiến, Long Ngạch hầu Hàn Tăng, Đại hồng lư Điền Quảng Minh đem bọn tù đồ của quan Thái thường và vùng Tam Phụ, đều tha miễn hình phạt, đi đánh người Đê.

2. Mùa hạ, tháng sáu, đại xá thiên hạ.

3. Mùa thu, tháng bảy, ngày Ất Hợi là ngày hối, có nhật thực toàn phần.

4. Tháng tám, cải niên hiệu.

5. Cha con Thượng Quan Kiệt được tôn quý rồi, càng cảm ơn ân đức của Trưởng công chúa, muốn giúp Đinh Ngoại Nhân

---

[1] Hàng Hung Nô là một lần nhục, khi quay về sẽ bị bọn tiểu lại chê trách cái tội hàng Hung Nô là hai lần nhục vậy.

xin phong tước Hầu cho hắn, Hoắc Quang không đồng ý. Họ lại vì Ngoại Nhân xin cho hắn chức Quang lộc đại phu, để hắn được Đế triệu kiến, Quang vẫn không nghe. Trưởng công chúa vì thế oán hận Quang, mà Kiệt, An nhiều lần vì Ngoại Nhân cầu quan tước không được, cũng hổ thẹn. Thêm nữa, người được bố vợ Kiệt sủng ái là Sung Quốc, làm Thái y giám, vì tự ý xông vào trong điện, bị bắt tống ngục, đáng tội chết; mùa đông sắp hết, Cái chủ vì Sung Quốc nộp hai mươi thớt ngựa chuộc tội,[1] liền được giảm tội chết. Vì thế cha con Kiệt, An ngầm oán Quang mà trọng đức của công chúa. Từ thời tiên đế, Kiệt đã làm Cửu khanh, ngôi vị ở trên Quang, lúc hai cha con cùng làm Tướng quân, Hoàng hậu là con gái An, còn Quang chỉ là ông ngoại của Hoàng hậu, vậy mà lại được chuyên chế triều chính, vì thế cha con Kiệt cùng Quang tranh quyền. Yên vương Đán tự cho rằng mình là anh của Đế mà không được lập, thường mang lòng oán vọng. Còn Ngự sử đại phu Tang Hoằng Dương gây dựng chế độ quản lý sắt, muối và rượu, vì quốc gia hưng lợi, khoe công của mình, muốn giúp cho con em nhận chức quan mà không được, cũng oán hận Quang. Vì thế Cái chủ, Kiệt, An và Hoằng Dương đều cùng Đán thông mưu.

Đán phái bọn Tôn Tung Chi trước sau chia hơn chục toán, đem nhiều vàng bạc, châu báu và ngựa khỏe đưa hối lộ cho bọn Cái chủ, Kiệt, Hoằng Dương. Bọn Kiệt lại trá sai người làm sứ của Yên vương dâng tấu thư, nói:

"Quang ra ngoài tổng duyệt quan Lang và quân Vũ lâm luyện võ bị, sai quân dẹp đường, Thái quan bố trí đồ ăn đi trước."[2]

---

[1] Theo phép chế nhà Hán, luận tội tử tù không để qua mùa đông. Vì Cái Trưởng công chúa nộp tiền chuộc tội cho Sung Quốc trước khi luận tội, nên Sung Quốc được giảm án, thoát tội chết.

[2] Đây là những nghi thức được dùng cho Hoàng đế. Hoàng đế xuất hành, có quân cảnh vệ đi dẹp đường, Thái quan đi trước bố trí sẵn, nơi nào Hoàng đế dừng nghỉ thì phải cung cấp thức ăn.

Lại dẫn ý rằng:

"Tô Vũ đi sứ Hung Nô hai mươi năm không hàng, mới được nhận chức Điển thuộc quốc; mà Đại tướng quân Trưởng sử là Dương Sưởng vô công, được nhận chức Sưu túc đô úy; lại còn thiện tiện điều thêm người làm Mạc phủ Hiệu úy. Quang chuyên quyền tự phóng túng, e rằng có chuyện phi thường. Thần là Đán nguyện giao nộp ấn tỉ Yên vương, xin về làm Túc vệ, đốc xét gian thần phòng biến cố."

Rình đến ngày Quang rời triều về nhà tắm gội liền tấu lên. Kiệt muốn từ trong cung giao cho Hữu ti tra xét việc phản, còn Hoằng Dương và các đại thần cùng bắt Quang lui nhường chức. Thư tấu lên, Đế giữ thư lại không giao xuống. Sáng hôm sau, Quang nghe tin ấy, vào triều, dừng lại ở giữa nhà chờ tạm có bức vẽ các vua triều trước,[1] không dám tiến vào trong điện. Chúa thượng hỏi:

- Đại tướng quân ở đâu?

Tả tướng quân Kiệt thưa rằng:

- Vì bị Yên vương tố tội, nên Quang không dám vào.

Đế hạ chiếu nói:

- Cho triệu Đại tướng quân.

Quang vào, cởi mũ, rập đầu tạ. Chúa thượng nói:

- Tướng quân hãy đội mũ lên. Trẫm biết tấu thư ấy là giả vậy, tướng quân vô tội.

Quang hỏi:

- Bệ hạ vì sao biết tấu chương ấy là giả?

Chúa thượng nói:

- Tướng quân đến Quảng Minh đình tổng duyệt quan Lang, là việc gần đây thôi; việc điều Hiệu úy đến Mạc phủ, tính đến

[1] Tương truyền, thời nhà Hán, ngôi nhà ở mặt tây phía trước cung điện có vẽ hình các vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Kiệt, Trụ. Đại thần khi vào châu gặp Hoàng đế, trước khi được triệu gọi, thường chờ triệu ở chỗ này.

nay chưa được chục ngày, Yên vương sao biết được việc đó! Vả lại tướng quân nếu mưu phản, chẳng cần đến tên Hiệu úy.

Bấy giờ Đế mười bốn tuổi, Thượng thư và tả hữu đều kinh hãi. Rồi người dâng thư quả nhiên trốn, Đế lệnh truy bắt gấp. Bọn Kiệt sợ, bẩm rằng:

- Việc nhỏ, chẳng đáng truy xét đến cùng.

Chúa thượng không nghe. Sau đó bè đảng của Kiệt có người chê gièm Quang, chúa thượng liền nổi giận nói:

- Đại tướng quân là trung thần, là người mà tiên đế phó thác để giúp trẫm, ai dám chê mỉa ông ấy thì bị kết tội!

Từ đấy trở đi, bọn Kiệt chẳng dám nói lại nữa.

Lý Đức Dụ luận rằng: Cái đức của bậc quân chủ, chẳng gì hơn được sự sáng suốt, sáng suốt để soi tỏ sự gian trá, thì trăm thứ tà ác chẳng thể che lấp rồi, Hán Chiêu đế là người như thế vậy. Chu Thành vương vì mắc lỗi phải hổ thẹn với lòng mình; Cao tổ, Văn, Cảnh đều chẳng được như thế vậy. Thành vương nghe lời phao tin của Quản, Sái, vì thế khiến Chu công phải lang bạt về đông.[1] *Hán Cao nghe nói Trần Bình lìa Ngụy, bội Sở, muốn vứt bỏ bầy tôi tâm phúc.*[2] *Hán Văn nghe người khác nói Quý Bố say rượu khó gần, bèn cho về làm tay chân ở quận; nghi ngờ Giả Sinh chuyên quyền gây hỗn loạn, liền xa lánh hiền sĩ.*[3] *Cảnh đế tin lời nói giết Triều Thố thì binh thất quốc*

---

[1] Chu Vũ vương ốm nặng, Chu công giấu mọi người cầu khấn với tổ tông cho Vũ vương bình phục, nguyện chết thay Vũ vương, chép lời khấn giấu trong rương vàng (Kim đằng). Thế rồi Vũ vương khỏi bệnh. Sau khi Vũ vương chết, Chu công lập con của Vũ vương là Thành vương lên kế vị, tự mình nắm quyền nhiếp chính. Hai em của Vũ vương là Quản Thúc Tiên và Sái Thúc Độ đố kỵ, nên phao tin đồn Chu công mưu soán đoạt vương vị, Thành vương nghi hoặc. Chu công bèn rời Hạo kinh, đến cư trú ở phía nam đô thành để tránh mối ngờ. Một hôm trời nổi cơn giông lốc, sấm sét dữ dội, hư hại mùa màng, Thành vương tế trời cầu thần, mở hộp Kim đằng, lấy điển sách ra xem, thấy những lời cầu khấn của Chu công xin chết thay cho Vũ vương, vừa cảm động vừa hối hận, bèn đích thân ra thành nghênh đón Chu công về nhiếp chính.

[2] Xem Hán kỷ quyển 1, sự kiện năm thứ hai, đời Hán Cao tổ.

[3] Xem Hán kỷ quyển 6, sự kiện năm Tiền Nguyên thứ tư, đời Hán Văn đế. Giả Sinh tức Giả Nghị vậy.

giải tán, bèn chém giết Tam công.[1] *Đấy gọi là "chấp hồ nghi chi tâm, lai sàm tặc chi khẩu"*[2]*. Nếu như Chiêu đế có được sự phù tá của Y, Lã, thì Thành, Khang*[3] *chẳng đủ để sánh cùng rồi.*

6. Bọn Kiệt mưu bàn để Trưởng công chúa bày tiệc rượu mời Quang, đặt phục binh xô xát giết đi, nhân đó phế Đế, lập Yên vương làm Thiên tử. Đán đặt ngựa trạm đưa truyền tin tức qua lại báo cho nhau, hứa lập Kiệt làm Vương, bên ngoài liên kết với mấy nghìn hào kiệt của các quận, quốc. Đán đem việc bảo với Tướng quốc của mình là Bình, Bình nói:

- Đại vương lần trước cùng Lưu Trạch kết mưu, việc chưa thành thì bị phát giác, là vì Lưu Trạch vốn có tính khoa trương, thích phạm lấn người ta vậy. Bình nghe nói Tả tướng quân vốn làm việc tùy tiện, Xa kỵ tướng quân ít tuổi mà kiêu căng, thần sợ rằng bọn họ như Lưu Trạch thì việc chẳng thể thành, lại lo việc thành rồi thì họ phản lại đại vương vậy.

Đán nói:

- Ngày trước một nam tử đến cửa khuyết, tự bảo rằng mình là Thái tử cũ, dân trong thành Trường An xô nhau chạy đến, huyên náo rầm rĩ không ngăn được. Đại tướng quân lo sợ, xuất binh bày trận, để tự phòng bị cho mình thôi. Ta, là con trưởng của Đế[4], người thiên hạ theo phục, lo gì bị phản!

Sau bảo với quần thần của mình rằng:

- Cái chủ báo nói, chỉ lo Đại tướng quân và Hữu tướng quân Vương Mãng[5]. Nay Hữu tướng quân đã chết, Thừa tướng ốm bệnh, đại sự tất thành, chẳng lâu nữa sẽ chứng thực.

Bèn lệnh cho quần thần đều chuẩn bị hành trang.

---

[1] Xem Hán kỷ quyển 8, sự kiện năm Tiền Nguyên thứ ba, đời Hán Cảnh đế.

[2] Giữ lòng hồ nghi, rước lời gièm pha có hại. Lời trong sách của Lưu Hướng.

[3] Trỏ Y Doãn, Lã Vọng; Thành vương nhà Thương và Khang vương nhà Chu vậy.

[4] Ý nói Hán Vũ đế vậy.

[5] Vương Mãng (王莽), tự Trĩ Thúc (稚叔), người quận Thiên Thủy.

An lại mưu dụ Yên vương đến rồi giết đi, nhân đó phế Đế mà lập Kiệt. Có người hỏi:

- Với Hoàng hậu phải làm thế nào?

An nói:

- Chó săn đuổi bắt con nai, há phải để ý đến thỏ sao? Vả lại ta nhờ Hoàng hậu được tôn quý, một khi bậc nhân chủ đổi thay tình cảm dứt lòng sủng ái, dẫu muốn làm kẻ phàm dân cũng chẳng thể được. Đây là cơ hội trăm đời có một vậy.

Đúng lúc Điền đạo sứ giả Yến Thương, là cha một vị Xá nhân của Cái chủ biết được mưu ấy, đem việc báo với Đại tư nông Dương Sưởng. Sưởng vốn tính cẩn thận, rất sợ, không dám báo lên, bèn gửi thư xưng bệnh nằm nhà, đem sự việc bảo với Gián đại phu Đỗ Diên Niên; Diên Niên đem việc báo lên. Tháng chín, Đế chiếu lệnh sai Thừa tướng thống lĩnh quan Trung nhị thiên thạch bắt bọn Tôn Tung Chi cùng Kiệt, An, Hoằng Dương và Ngoại Nhân, đem tông tộc bọn ấy ra giết sạch; Cái chủ tự sát. Yên vương Đán nghe tin, triệu Tướng quốc Bình hỏi:

- Việc bại lộ, có nên phát binh không?

Bình nói:

- Tả tướng quân đã chết, bách tính đều biết việc đó, chẳng nên phát binh vậy!

Vương lo buồn, đặt tiệc rượu cùng quần thần và phi thiếp quyết biệt. Đúng lúc Thiên tử đưa tỉ thư đến trách hỏi Đán, Đán dùng dây đeo ấn thắt cổ chết, Vương hậu và Phu nhân tự sát theo Đán đến hơn hai mươi người. Thiên tử gia ân, tha cho Thái tử của Vương là Kiến làm thứ dân, ban thụy cho Đán là Lạt vương. Hoàng hậu vì ít tuổi, không dự mưu, lại là cháu ngoại của Hoắc Quang, cho nên không bị phế truất.

7. Ngày Canh Ngọ, lấy Vương Hân người Hữu Phù Phong làm Ngự sử đại phu.

8. Mùa đông, tháng mười, Đế phong Đỗ Diên Niên làm Kiến Bình hầu, Yến Thương làm Nghi Thành hầu, Thừa tướng Trương sự lúc trước là Nhâm Cung bắt sống Kiệt, được phong làm Dặc Dương hầu, Thừa tướng Thiếu sử là Vương Sơn Thọ dụ gọi An vào phủ, được phong làm Thương Lợi hầu.

Rất lâu sau, quan Văn học là Ngụy Tương người quận Tế Âm dâng đối sách, cho rằng:

"Ngày trước Yên vương làm việc đại nghịch vô đạo, Hàn Nghĩa quên thân cố sức khuyên can, bị Vương giết hại. Nghĩa không có cái thân thích như Tỉ Can đối với Trụ vương, nhưng lại có cái tiết nghĩa của Tỉ Can,[1] nên công khai khen ngợi cái chết của Nghĩa để tỏ rõ với thiên hạ, làm sáng cái nghĩa của bậc nhân thần."

Đế bèn cất nhắc con của Nghĩa là Hàn Diên Thọ làm Gián đại phu.

9. Đại tướng quân Hoắc Quang vì trong triều không có cựu thần, mà Quang lộc huân Trương An Thế làm Thượng thư lệnh từ thời tiên đế, hết mực thuần hậu chân thành, bèn bẩm với Đế xin dùng An Thế làm Hữu tướng quân kiêm Quang lộc huân để phụ tá mình. An Thế, là con của cố Ngự sử đại phu Trương Thang vậy. Quang lại vì Đỗ Diên Niên có chí tiết trung thành, bèn cất nhắc làm Thái phó, Hữu tào, Cấp sự trung. Quang chấp pháp nghiêm, Diên Niên thường dùng sự khoan hòa phụ giúp. Mỗi khi quan dân dâng thư nói nói các việc thích hợp nên làm, chúa thượng thường đưa xuống sai Diên Niên xem xét cân nhắc rồi tấu lại. Kẻ nói việc dùng được thì thử cho làm quan, cao nhất là Huyện lệnh; hoặc giao cho Thừa tướng, Ngự sử nhậm dụng, đầy năm, đem thực trạng báo lên triều đình; người nói việc có ý gian, thì suy xét theo phép tắc trị tội.

10. Năm ấy, Hung Nô phát hai vạn quân kỵ của Tả, Hữu bộ chia thành bốn đội, cùng vào biên giới phạm cướp. Binh Hán

---

[1] Tỉ Can (比干) là chú của vua Trụ nhà Thương, là hiền thần, vì can gián vua bị giết.

truy đuổi, chém đầu và bắt được chín nghìn người, bắt sống Âu Thoát vương; quân Hán không thương vong gì. Hung Nô thấy Âu Thoát vương ở tại Hán, sợ hãi, cho là hắn sẽ dẫn đường đưa quân Hán đến tập kích mình, lập tức đi xa về hướng tây bắc, không dám xuôi nam kiếm nguồn nước và cỏ nữa; Hán triều điều phát dân chúng đóng trú ở đất của Âu Thoát.

Năm Nguyên Phượng thứ hai (Nhâm Dần – TCN 79)

1. Mùa hạ, tháng tư, chúa thượng từ cung Kiến Chương dời đến cung Vị Ương.

2. Tháng sáu, đại xá thiên hạ.

3. Năm ấy, Hung Nô lại phái chín nghìn quân kỵ đóng trú ở thành Thụ Hàng để phòng bị quân Hán, bắc cầu trên sông Dư Ngô, khiến quân có thể vượt sông, phòng khi thất bại thì nhanh chóng chạy trốn; muốn xin hòa thân, nhưng sợ nhà Hán không nghe, cho nên không chịu nói trước, thường sai tả hữu ngầm tỏ ý với sứ giả nhà Hán. Thế rồi việc xâm phạm cướp bóc ngày càng ít, đãi ngộ sứ giả nhà Hán ngày một hậu, muốn dùng cách đó để dần dần đưa đến hòa thân. Hán triều cũng tìm cách lung lạc khống chế họ.

Năm Nguyên Phượng thứ ba (Quý Mão – TCN 78)

1. Mùa xuân, tháng giêng, trên núi Thái Sơn có tảng đá lớn tự dựng đứng; trong vườn Thượng lâm có cây liễu khô tự sống lại, có con sâu ăn lá cây ấy thành hàng chữ, chữ rằng: "Công tôn Bệnh Dĩ lập".[1] Phù tiết lệnh là Tuy Hoằng người nước Lỗ dâng thư, nói:

---

[1] Ý rằng: Người trong công tộc có tên là Bệnh Dĩ sẽ được lập làm Thiên tử. Đại khái đây là điềm báo lên ngôi của vua Tuyên đế. Hán Tuyên đế, tên thật là Lưu Bệnh Dĩ (刘病已), sau đổi Lưu Tuân (刘询), là cháu của Lệ thái tử Lưu Cứ, bấy giờ đang lưu lạc trong chốn dân gian.

"Đá lớn tự dựng, liễu khô phục sinh, ắt sẽ có người từ dân đen trở thành Thiên tử. Cây khô sống lại, là điềm báo họ Công Tôn[1] bị phế trước kia sẽ phục hưng chăng? Nhà Hán là dòng dõi Đế Nghiêu, có vận mệnh truyền quốc, nên phải cầu lấy người hiền nhường Đế vị, tự lui nhận đất phong trăm dặm, để thuận theo thiên mệnh."

Hoằng mắc tội bày đặt lời yêu tà mê hoặc chúng nhân, ứng tội bị xử tử.

2. Thiền vu Hung Nô sai Lê Ô vương dòm ngó biên ải, Lê Ô vương nói binh của hai quận Tửu Tuyền, Trương Dịch ngày một yếu kém, xuất binh đánh thử, hy vọng có thể lấy lại được đất ấy. Bấy giờ, người hàng nhà Hán bắt lúc trước nghe được kế ấy báo tin, Thiên tử hạ chiếu sai phòng bị biên cảnh. Sau đó không lâu, bốn nghìn quân kỵ của Hữu hiền vương, Lê Ô vương chia thành ba đội, xâm phạm các huyện Nhật Lặc, Ốc Lan, Bàn Hòa. Thái thú Trương Dịch và Thuộc quốc đô úy phát binh phản kích, đại phá chúng, quân Hung Nô chỉ thoát được mấy trăm người. Vua của thuộc quốc Nghĩa Cừ bắn chết Ô Lê vương, Hán triều ban thưởng hai trăm cân vàng, hai trăm thớt ngựa, nhân đó phong làm Ô Lê vương. Từ đấy về sau, người Hung Nô không dám vào quận Trương Dịch.

3. Lúc loạn Yên, Cái,[2] con của Tang Hoằng Dương là Thiên bỏ trốn, qua chỗ quan lại cũ của cha là Hầu Sử Ngô; sau Thiên bị bắt, xử tử. Gặp lúc ân xá, Hầu Sử Ngô tự đến đầu thú bị giam vào ngục. Đình úy Vương Bình, Thiếu phủ Từ Nhân cùng thẩm xét án phản, đều cho rằng "Tang Thiên bị buộc tội liên can đến việc mưu phản của cha, Hầu Sử Ngô chứa chấp hắn, không phải là che giấu kẻ mưu phản, chỉ là che giấu kẻ mắc tội liên đới vậy", liền dùng lệnh ân xá miễn tội cho Ngô. Về sau Thị ngự sử tra

---

[1] Ở đây Tuy Hoằng đoán sai, hai chữ "công tôn" trong lời sấm phải được hiểu là con cháu trong công tộc.

[2] Yên vương và Cái chủ công chúa.

xét sự thực việc ấy, cho là "Tang Thiên tinh thông kinh thuật, biết cha mưu phản mà chẳng cố sức khuyên can, bản thân so với kẻ phản không khác gì. Hầu Sử Ngô vốn là quan lại hưởng lộc ba trăm thạch, chủ mưu che giấu Thiên, không thể xét cùng bậc với kẻ thứ dân che giấu kẻ mắc tội liên đới, Ngô không được tha miễn tội." Liền tấu xin xử lại, đồng thời hặc tội Đình úy và Thiếu phủ tha kẻ phản. Thiếu phủ Từ Nhân, tức con rể của Thừa tướng Xa Thiên Thu[1] vậy, cho nên Thiên Thu mấy lần vì Hầu Sử Ngô nói giúp; sợ Đại tướng quân Quang không nghe, Thiên Thu liền triệu tập các quan Trung nhị thiên thạch và Bác sĩ hội tại Công xa môn, bàn xét nên xử trí ra sao. Kẻ nghị bàn biết rõ ý của Đại tướng quân, đều giữ ý kiến kết tội Ngô là đại nghịch vô đạo. Hôm sau, Thiên Thu đem lời bàn của chúng nhân tấu lên triều đình. Quang nhân vì Thiên Thu tự tiện triệu tập các quan viên từ Trung nhị thiên thạch trở xuống, khiến trong ngoài dị nghị, bèn bắt Đình úy Bình và Thiếu phó Nhân tống ngục. Quan viên triều đình đều sợ Thừa tướng sẽ bị liên lụy. Thái phó Đỗ Diên Niên gửi tấu ký[2] lên Quang viết:

"Quan lại buông thả tội nhân, có phép thường. Nay lại vu cáo Ngô là đại nghịch bất đạo, e rằng về luật pháp là quá nặng. Lại nữa, Thừa tướng vốn không hề có ý cố chấp, mà chỉ vì quan lại cấp dưới nói tốt, hành vi thực chỉ như thế. Còn như việc tự tiện triệu tập quan Trung nhị thiên thạch, rất không đúng. Diên Niên ngu muội cho rằng Thừa tướng giữ chức vị đã lâu, vốn là người được tiên đế tin dùng, không phải gặp biến cố lớn, chẳng nên phế bỏ vậy. Gần đây dân chúng không ít người nói hình ngục quá nặng, quan lại hà khắc hung bạo; nay việc mà Thừa tướng nghị bàn, lại là việc hình ngục vậy, nếu như vì việc này mà lụy đến Thừa tướng, e rằng không hợp lòng mọi người, quần hạ huyên náo, thứ dân nghị luận riêng, lời đồn lan khắp bốn

---

[1] Yên vương và Cái chủ công chúa.

[2] Xa Thiên Thu, tức Điền Thiên Thu vậy, bởi tuổi tác đã cao, được ngồi xe nhỏ vào trong điện, vì thế được gọi là Xa Thừa tướng.

phương. Diên Niên trộm lo rằng tướng quân vì việc này mà mất danh tiếng với thiên hạ vậy."

Quang cho rằng Đình úy và Thiếu phủ đùa bỡn xem thường pháp luật, nhất quyết tống họ vào ngục trị tội. Mùa hạ, tháng tư, Nhân tự sát, Bình cùng Tả phùng dực Giả Thắng Hồ đều bị chém ngang lưng. Nhưng tội không liên can đến Thừa tướng, không bị biếm truất, hai người cộng sự với nhau đến cuối đời. Diên Niên nghị luận công bằng, khiến triều đình hòa hợp, đại loại như thế vậy.

4. Mùa đông, người Ô Hoàn của quận Liêu Đông làm phản. Khi trước, Mặc Đốn đánh phá tộc Đông Hồ, dân chúng Đông Hồ còn sót giữ núi Ô Hoàn và núi Tiên Ti thành hai tộc,[1] nối đời phụ thuộc Hung Nô. Vũ đế đánh phá địa khu bên tả của Hung Nô, nhân đó dời người Ô Hoàn ra ngoài biên hiểm các quận Thượng Cốc, Ngư Dương, Hữu Bắc Bình, Liêu Đông, để họ vì Hán triều dò xét động tĩnh của Hung Nô. Đặt chức Hộ Ô Hoàn hiệu úy đốc xuất quản lý họ, khiến bọn họ không liên hệ qua lại với Hung Nô được. Đến lúc ấy, bộ chúng của họ đông mạnh dần, bèn phản.

Trước đấy, hơn ba nghìn quân kỵ Hung Nô xâm nhập quận Ngũ Nguyên, cướp giết mấy nghìn người; về sau mấy vạn quân kỵ Hung Nô xuôi nam đến sát ven biên săn bắn, một lộ tiến đánh lũy canh bên ngoài, cướp bắt quan dân rồi rút. Bấy giờ đài lửa cảnh báo ở các quận ven biên của nhà Hán bố trí nghiêm mật, Hung Nô cướp ven biên không thu hoạch được mấy, cho nên ít khi đến xâm phạm. Nhà Hán bắt được người Hung Nô quy hàng, kẻ đó khai người Ô Hoàn từng quật mộ của Thiền vu, người Hung Nô oán, sắp phát hai vạn quân kỵ đánh người Ô Hoàn. Hoắc Quang muốn phát binh đón đánh họ, đem ý hỏi Hộ quân đô úy Triệu Sung Quốc, Sung Quốc cho rằng:

---

[1] Việc Mặc Đốn phá người Đông Hồ nói ở Hán kỷ, quyển 3, sự kiện năm thứ ba đời Hán Cao tổ.

- Người Ô Hoàn mấy lần xâm phạm ven biên, nay Hung Nô đánh họ, với nhà Hán là có lợi. Hơn nữa người Hung Nô ít đến cướp trộm, biên bắc may được vô sự, người Man Di tự đánh lẫn nhau mà phát binh đón bắt họ, là gọi kẻ cướp đến sinh sự, không phải kế hay!

Quang lại hỏi Trung lang tướng Phạm Minh Hữu, Minh Hữu nói nên đánh, vì thế bái Minh Hữu làm Độ Liêu tướng quân[1], đem hai vạn quân kỵ từ Liêu Đông tiến ra biên hiểm. Hung Nô nghe tin binh Hán đến, rút đi.

Khi trước, Quang căn dặn Minh Hữu rằng:

- Binh đi chẳng thể vô công mà về; nếu như đến chậm không chặn được Hung Nô, thì tiện dịp đánh Ô Hoàn.

Người Ô Hoàn khi ấy vừa mới bị Hung Nô đánh, Minh Hữu đến sau Hung Nô, nhân lúc người Ô Hoàn mỏi mệt, đánh họ, chém hơn sáu nghìn đầu, lấy được thủ cấp của ba vị vương Ô Hoàn. Hung Nô bởi thế sợ hãi, không dám xuất binh nữa.

Năm Nguyên Phượng thứ tư (Giáp Thìn – TCN 77)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Đinh Hợi, Đế cử hành điển lễ Gia nguyên phục[2].

2. Ngày Giáp Tuất, Phú Dân Định hầu Điền Thiên Thu hoăng. Bấy giờ hết thảy chính sự đều quyết ở Đại tướng quân Quang; Thiên Thu giữ ngôi vị Thừa tướng, chỉ cẩn trọng tự giữ mình mà thôi.

3. Mùa hạ, tháng năm, ngày Đinh Sửu, chính điện của miếu thờ Hiếu Văn bị cháy. Chúa thượng cùng quần thần đều mặc áo

---

[1] Đại khái lấy ý vượt sông Liêu đánh người Ô Hoàn, lấy việc đấy đặt hiệu vậy.

[2] Gia nguyên phục (加元服), là nghi lễ thành niên của nam giới thời xưa, thường là vào độ tuổi từ 11 đến 17. Nguyên phục tức là cái mũ, gia nguyên phục là đội mũ, đây cũng là hạng mục chính trong nghi lễ này.

trắng, phái Trung nhị thiên thạch lĩnh quân Ngũ hiệu sửa chữa khôi phục lại, qua sáu ngày, sửa xong. Thái thường cùng Lệnh thừa, Lang, Lại quản lý giữ miếu tế đều bị hặc tội đại bất kính; gặp lúc đại xá, Thái thường Liêu Dương hầu là Đức bị miễn quan tước, biếm làm thứ dân.

4. Tháng sáu, đại xá thiên hạ.

5. Khi trước, nước Vu Mi phái Thái tử Lại Đan làm con tin ở nước Quy Tư; Nhị Sư đánh nước Đại Uyển[1] quay về, đem Lại Đan về đến kinh sư. Hoắc Quang dùng kiến nghị lúc trước của Tang Hoằng Dương,[2] lấy Lại Đan làm Hiệu úy, lĩnh quân đóng trại làm ruộng ở Luân Đài. Quý tộc nước Quy Tư là Cô Dực bảo với vua của mình rằng:

- Lại Đan vốn là bầy tôi thuộc hạ của nước ta, nay đeo ấn thụ của nhà Hán đến, ở sát sạt biên cảnh nước ta khai khẩn làm ruộng, tất gây nguy hại.

Vương liền giết Lại Đan rồi dâng thư tạ tội với Hán triều.

Lâu Lan vương chết, Hung Nô nghe được tin trước nhất, liền phái con tin của nước ấy ở Hung Nô là An Quy về nước, được lập làm Vương. Nhà Hán sai sứ thần đến nước Lâu Lan truyền chiếu lệnh cho tân vương vào chầu, Vương từ chối không đến. Lâu Lan là nước nằm ở ngoài cùng mé đông của Tây Vực, sát với nhà Hán, ngăn cách nhau bởi sa mạc Bạch Long Đôi, thiếu nguồn nước và bãi cỏ, thường phụ trách việc hướng đạo, mang lương vác nước, đưa đón sứ giả của Hán triều; nhân vì nhiều lần bị quan quân nhà Hán quấy nhiễu, người nước ấy sợ hãi đề phòng, không cùng nhà Hán qua lại nữa. Về sau lại bị Hung Nô ly gián, họ nhiều lần chặn giết sứ thần của Hán triều. Em của

---

[1] Việc Nhị Sư tướng quân đánh nước Đại Uyển, xem Hán kỷ, quyển 13, sự kiện năm Thái Sơ nguyên niên.

[2] Việc Tang Hoằng Dương kiến nghị Hán Vũ đế cho quân đóng đồn làm ruộng ở Luân Đài được nói đến ở Hán kỷ, quyển 14, sự kiện năm Chinh Hòa nguyên niên.

Lâu Lan vương là Úy Đồ Kỳ hàng nhà Hán, nói hết thực trạng. Tuấn mã giám là Phó Giới Tử người quận Bắc Địa đi sứ nước Đại Uyển, Đế chiếu lệnh sai Giới Tử tiện đường đến trách hỏi hai nước Lâu Lan và Quy Tư. Giới Tử đến Lâu Lan, Quy Tư, trách hỏi vua hai nước ấy, hai vua đều tạ lỗi nhận tội. Giới Tử từ Đại Uyển trở về, lại đến nước Quy Tư, đúng lúc sứ giả Hung Nô từ Ô Tôn quay về, gặp tại nước Quy Tư, Giới Tử liền thống suất quan binh của mình cùng chém sứ giả Hung Nô. Khi về nước, tấu việc ấy, Đế hạ chiếu bái Giới Tử làm Trung lang, thăng làm Bình nhạc giám.

Giới Tử bảo Đại tướng quân Hoắc Quang rằng:

- Hai nước Lâu Lan, Quy Tư nhiều lần phản phúc, mà không giết, thì không lấy gì để răn bảo. Lúc Giới Tử đi qua nước Quy Tư, thấy vua nước ấy tiếp cận với người ngoài, rất dễ đối phó vậy; thuộc hạ tình nguyện qua đó đâm chết hắn để tỏ cái uy của nhà Hán với các nước!

Đại tướng quân nói:

- Nước Quy Tư đường xa, hãy thử đến nước Lâu Lan trước!

Vì thế bẩm xin phái Giới Tử đi giết Lâu Lan vương. Giới Tử và sĩ tốt đều mang nhiều kim ngân tài vật, đánh tiếng là đem ban thưởng cho nước ngoài, đến Lâu Lan. Lân Lan vương tỏ ý không thân gần với Giới Tử, Giới Tử vờ bỏ đi, đến địa giới phía tây nước ấy, bảo người phiên dịch rằng:

- Sứ giả nhà Hán mang vàng bạc, gấm lụa đi ban thưởng cho các nước. Vương không đến nhận, ta đã đi đến biên giới phía tây rồi.

Lập tức xuất vàng bạc, tài vật ra cho người phiên dịch xem. Người phiên dịch quay về báo lại Lâu Lan vương, Vương tham tài vật của nhà Hán, đến gặp sứ giả. Giới Tử và Lâu Lan vương cùng ngồi uống rượu, bày tài vật cho xem, uống rượu đều say. Giới Tử bảo Vương rằng:

- Thiên tử sai ta bí mật báo với Vương.

Vương đứng dậy, theo Giới Tử vào trong trướng, đuổi hết người ra, nói chuyện riêng, hai tráng sĩ đi theo liền đâm Vương, hai mũi đao xuyên ngực giao nhau, Lâu Lan vương chết đứng; quý thần và tả hữu của Vương đều tan chạy. Giới Tử tuyên rõ cái tội phụ nhà Hán của Lâu Lan vương, nói:

- Thiên tử sai ta đâm chết Vương, phải đổi lập em của Vương là Úy Đồ Kỳ đang ở nhà Hán làm Vương. Binh Hán sắp đến, không được phép vọng động, nếu không sẽ tự chuốc lấy cái họa diệt nước thôi!

Giới Tử liền chém đầu vua An Quy, sai ngựa trạm tức tốc đưa đến hoàng cung, treo đầu ở dưới cửa khuyết.

Hán triều bèn lập Úy Đồ Kỳ làm Vương, lại đổi tên nước Lâu Lan thành Thiện Thiện, giúp khắc ấn chương; ban cho cung nữ làm phu nhân, chuẩn bị đủ xe ngựa và đồ truy trọng. Thừa tướng thống suất trăm quan đưa đến ngoài Hoành Môn, làm lễ tế thần đường rồi phái đi. Vương tự xin Thiên tử rằng:

- Thần ở Hán triều lâu, nay về nước thế cô lực yếu, mà con của vua trước còn ở đó, sợ bị giết hại. Trong nước của thần có một chỗ gọi là thành Y Tuần, đất đó phì nhiêu, mong nhà Hán phái một tướng đến đóng trại làm ruộng tích chứa thóc, khiến thần được cậy nhờ uy trọng.

Vì thế nhà Hán phái một viên Tư mã, cùng bốn mươi quan quân đến Y Tuần làm ruộng, để trấn vỗ nước Thiện Thiện.

Mùa thu, tháng bảy, ngày Ất Tỵ, Đế phong Phạm Minh Hữu làm Bình Lăng hầu, Phó Giới Tử làm Nghĩa Dương hầu.

Thần Quang nói: Bậc vương giả đối đãi với Nhung Địch, phản lại thì đánh dẹp, thần phục thì tha tội. Nay Lâu Lan vương đã thần phục nhận tội, lại tới mà chém giết, sau này có kẻ phản lại thì chẳng có cách gì mà vỗ về rồi. Nếu nhất định cho là Lâu Lan vương có tội phải đánh dẹp, thì nên bày sư lữ, công khai đến đánh. Nay lại phái sứ giả dùng

kim ngân tài vật dụ dỗ mà thừa cơ giết trộm, sau này kẻ phụng mệnh đi sứ các nước, còn khiến người ta tin tưởng được nữa sao! Huống chi Hán triều vốn cường mạnh, lại đi dùng cái mưu lừa của kẻ đạo tặc để đối phó với Man Di, há chẳng khiến người ta phải hổ thẹn sao! Kẻ bàn luận việc ấy có người khen Giới Tử, cho rằng đấy là công lao, là sai rồi!

Năm Nguyên Phượng thứ năm (Ất Tỵ – TCN 76)

1. Mùa hạ, trời đại hạn.

2. Mùa thu, bãi bỏ Tượng Quận, chia đất ấy thuộc về quận Uất Lâm và Tang Kha.

3. Mùa đông, tháng mười một, có sấm sét dữ dội.

4. Tháng mười hai, ngày Canh Tuất, Nghi Xuân Kính hầu Vương Hân hoăng.

Năm Nguyên Phượng thứ sáu (Bính Ngọ – TCN 75)

1. Mùa xuân, tháng giêng, mộ lao dịch của các quận, quốc đi đắp hai thành Liêu Đông, Huyền Thố.

2. Mùa hạ, đại xá thiên hạ.

3. Người Ô Hoàn lại phạm biên hiểm, Đế phái Độ Liêu tướng quân Phạm Minh Hữu đi đánh Ô Hoàn.

4. Mùa đông, tháng mười một, ngày Ất Sửu, Đế lấy Dương Sưởng làm Thừa tướng, Thiếu phủ Thái Nghĩa người quận Hà Nội làm Ngự sử đại phu.

---ॐ---

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ MƯỜI SÁU]

HIẾU CHIÊU HOÀNG ĐẾ

Năm Nguyên Bình nguyên niên (Đinh Mùi – TCN 74)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Đế hạ chiếu thư giảm thuế khẩu[1] xuống còn mười ba tiền.

2. Mùa hạ, tháng tư, ngày Quý Mùi, Đế băng ở cung Vị Ương; không có con. Bấy giờ con của Vũ đế chỉ còn có Quảng Lăng vương Lưu Tư còn sống, Đại tướng quân Quang cùng quần thần nghị bàn xem chọn ai để lập, mọi người đều giữ ý định lập Quảng Lăng vương. Vương vốn dĩ hành vi lỗi đạo, nên tiên đế[2] không dùng; Quang trong lòng chẳng tự yên. Có vị quan lang dâng thư nói: "Chu Thái vương phế Thái Bá lập Quý vương, Văn vương bỏ Bá Ấp Khảo lập Vũ vương, chỉ cốt ở chỗ thích hợp, dẫu phế trưởng lập út vẫn có thể được vậy.[3] Chẳng nên lập Quảng Lăng vương làm người kế thừa tông miếu."

---

[1] Là chế độ thuế đánh vào nhân khẩu, bắt đầu đặt ra từ thời nhà Tần theo đề xuất của Thương Ưởng vậy. Thời nhà Hán, chế độ này vẫn áp dụng và điều chỉnh về tuổi bắt đầu phải nộp thuế, số tiền thuế phải nộp, tùy theo điều kiện kinh tế và nhu cầu chi tiêu từng giai đoạn. Lúc trước, thời Vũ đế, mỗi khẩu phải đóng thuế một năm hai mươi ba tiền, đến bấy giờ, Chiêu đế ra quy định giảm xuống còn mười ba tiền.

[2] Ý nói Hán Vũ đế.

[3] Thái Bá là con trưởng của Thái vương, anh cả của Quý vương; Bá Ấp Khảo là con trưởng của Văn vương, anh cả của Vũ vương. Cả Quý vương và Vũ vương đều là vua hiền, cho nên mới nói phế trưởng lập út cũng không phải là không được.

Lời ấy hợp ý Quang. Quang liền đem thư ấy cho bọn Thừa tướng Sưởng xem, đồng thời cất nhắc vị quan lang đó làm Thái thú Cửu Giang. Ngay hôm ấy vâng chiếu thư của Hoàng hậu, phái Thiếu phủ Nhạc Thành đang tạm coi việc của Đại hồng lư, Tông chính Lưu Đức, Quang lộc đại phu Bỉnh Cát, Trung lang tướng Lợi Hán dùng bảy cỗ xe trạm dịch nghênh đón Xương Ấp vương Lưu Hạ đến phủ đệ tại Trường An[1]. Quang lại bạch với Hoàng hậu, chuyển Hữu tướng quân An Thế làm Xa kỵ tướng quân.

Hạ, là con của Xương Ấp Ai vương[2] vậy, vốn ngông cuồng phóng túng tại nước phong, hành động không hề giữ tiết chế. Trong lúc cư tang Vũ đế, Hạ xuất du săn bắn không ngừng. Có lần Hạ đi du ngoạn ở huyện Phương Dữ, không đến nửa ngày ruổi ngựa hai trăm dặm. Trung úy Vương Cát người quận Lang Nha dâng sớ can rằng:

"Đại vương không ưa nghiên cứu kinh sách mà thích vui chơi du ngoạn, tựa đòn xe nắm cương ngựa, ruổi rong không dừng, miệng mỏi rã vì quát thét, tay đau cứng bởi cương roi, thân lắc lư vì xe kiệu, sớm thì phạm phải sương mù, tối thì chìm trong gió bụi, mùa hạ thì bị nắng nóng phơi nướng, mùa đông thì bị gió rét cắt mặt, đấy đều là những thứ khiến cho ngọc thể yếu giòn, mang đến nỗi lo buồn nhọc mệt, không phải là cách hay để giữ mệnh lâu dài, cũng không phải là cách hay để nâng cao nhân nghĩa vậy.

Ôi, ở dưới nhà lớn, ngồi trên thảm nệm, minh sư ngồi phía trước, lời khuyên tụng đọc phía sau, trên luận về thời đại Đường, Ngu, dưới bàn đến thời thịnh Ân, Chu, xét phong thái của bậc thánh nhân, học đạo lý an bang trị quốc, hớn hở phấn chấn đến quên ăn, phẩm đức tu dưỡng mỗi ngày thêm mới, niềm vui ấy há chẳng so được với thú ruổi rong săn bắn sao? Lúc nghỉ ngơi thì duỗi thân cúi ngẩng để lợi cho

---

[1] Phủ đệ của các Vương chư hầu đều đặt tại Trường An, đây nói phủ đệ của Xương Ấp vương vậy.

[2] Xương Ấp Ai vương tên Bác, là con của Vũ đế vậy.

hình thể, bước chạy tiến lùi để thoải mái chân tay, hít vào thở ra để luyện rèn ngũ tạng, chuyên tâm tĩnh trí để hòa dưỡng tinh thần, theo cách ấy dưỡng sinh, há chẳng trường thọ sao? Đại vương nếu thực lưu tâm làm thế, thì trong lòng có cái chí của Nghiêu, Thuấn, thân thể có cái trường thọ của Kiều, Tùng[1], tiếng khen lan rộng, khiến vua trên nghe biết, thì phúc lộc kéo đến mà nước phong được yên ổn rồi.

Chúa thượng là bậc nhân hiếu thánh minh, đến nay vẫn nghĩ nhớ tiên đế chưa nguôi, với thú vui dựng cung quán, vườn ao, săn bắn chưa hề quan tâm, đại vương nên sớm khuya nghĩ điều ấy để thuận theo thánh ý. Chư hầu cốt nhục, chẳng ai thân gần bằng đại vương, xét về thân thuộc thì đại vương như con, xét về ngôi vị thì đại vương là tôi thần, một thân gánh hai trách nhiệm. Việc thi ân hành nghĩa, nếu có chút nào không chu toàn, bị Hoàng thượng nghe biết, đều không phải là phúc lành của quốc gia vậy."

Vương bèn hạ lệnh rằng:

"Việc tu dưỡng phẩm hạnh của quả nhân chẳng phải không có chỗ biếng lười, Trung úy rất mực trung thành, nhiều lần giúp sửa lỗi cho quả nhân."

Liền sai Yết giả Thiên Thu ban thưởng cho Trung úy năm trăm cân thịt bò, năm thạch rượu, năm bó thịt khô. Rồi sau vẫn phóng túng như trước.

Lang trung lệnh là Cung Toại người quận Sơn Dương, trung hậu cương nghị, có khí tiết lớn, trong thì khuyên can Vương, ngoài thì trách mắng phó tướng, dẫn nghĩa kinh sách, bày kể

---

[1] Vương Tử Kiều (王子乔), là Thái tử của Chu Linh vương, rất thích thổi khèn, tiếng khèn ông thổi lảnh lót giống như tiếng chim phượng. Có lần ông đến vùng Y Lạc chơi, gặp vị đạo nhân là Phù Khưu Công đón lên núi, ông ở trên núi tu luyện đắc đạo thành tiên, rồi cưỡi hạc trắng bay lên trời.

Xích Tùng Tử (赤松子), là người tiên, tương truyền ông là Vũ sư thời vua Thần Nông, từng dạy vua Thần Nông thuật đi vào đám lửa mà không bị cháy. Sau ông đến núi Côn Lôn, thường ở trong nhà đá của Tây Vương Mẫu, thích rong chơi bay lượn trong mưa gió.

họa phúc, đến nỗi rơi nước mắt, liên tục mạo phạm không thôi, đối mặt chỉ trích lỗi của Vương. Vương thậm chí che tai đứng dậy bỏ đi, nói:

- Lang trung lệnh chuyên khiến người ta thẹn nhục!

Vương từng có lần cùng phu xe và đầu bếp đi rong chơi ăn uống, ban thưởng vô độ, Toại vào gặp Vương, khóc lóc đi lết bằng đầu gối, tả hữu thị ngự đều chảy nước mắt. Vương hỏi:

- Lang trung lệnh vì sao mà khóc?

Toại nói:

- Thần đau lòng vì mối nguy của xã tắc vậy! Xin cho thần chút thời gian rỗi, để dốc kiệt ngu tình!

Vương đuổi hết tả hữu ra ngoài. Toại nói:

- Đại vương biết cái lý do dẫn Giao Tây vương[1] đến chỗ vô đạo mà diệt vong chăng?

Vương nói:

- Không biết.

Toại nói:

- Thần nghe nói Giao Tây vương có một bầy tôi du nịnh tên là Hầu Đắc, các việc mà Giao Tây vương làm giống như Kiệt, Trụ, Đắc cho đấy là việc làm của Nghiêu, Thuấn vậy. Vương vui với lời du nịnh ton hót của Đắc, thường cho hắn ở cùng chỗ, chỉ tin dùng lời của hắn, mới đến nỗi như thế. Nay đại vương thân gần lũ tiểu nhân, nhiễm dần thói quen tà ác, cái mấu chốt của sự tồn vong, chẳng thể không thận trọng vậy! Thần xin được tuyển lựa các quan Lang tinh thông kinh sách, phẩm hạnh đoan chính cho ở cùng một chỗ với đại vương, ngồi thì tụng đọc *Thi, Thư*, đứng thì luyện tập lễ nghi cử chỉ, như thế thực có ích vậy.

---

[1] Trỏ Giao Tây vương Lưu Đoan.

Vương đồng ý theo lời ấy. Toại bèn tuyển bọn Lang trung Trương An, cả thảy mười người để hầu hạ Vương. Ở được mấy ngày, Vương đuổi hết bọn An đi.

Vương từng trông thấy một con chó trắng rất lớn, từ cổ trở xuống giống như người, đội "phương sơn quan"[1] mà không có tua, đem việc ấy hỏi Toại, Toại nói:

- Đấy là lời răn của trời, ý nói thần tín tả hữu của Vương đều là chó đội mũ vậy, đuổi chúng đi thì tồn, không đuổi chúng đi thì vong đấy.

Sau lại nghe có tiếng người hô: "Có gấu!" Vương nhìn kỹ thì thấy một con gấu lớn, tả hữu chẳng ai trông thấy, đem việc ấy hỏi Toại, Toại nói:

- Gấu, là dã thú ở trong núi, lại tiến vào cung thất, mà chỉ có Vương nhìn thấy, đấy là trời răn bảo đại vương, e rằng cung thất sắp trống không, là điềm báo nguy vong vậy.

Vương ngẩng mặt lên trời mà than rằng:

- Điềm bất tường liên tục đến là sao!

Toại khấu đầu nói:

- Thần chẳng dám giấu lòng trung, nhiều lần nói điềm nguy vong; đại vương không vui. Xét ra việc tồn vong của quốc gia, há ở lời của thần sao? Mong Vương hãy tự liệu xét trong lòng. Đại vương hãy tụng đọc ba trăm lẻ năm thiên *Kinh Thi*, chỉ khi việc người thấm đẫm, vương đạo mới chu toàn. Các việc mà Vương làm, trong *Kinh Thi* có thiên nào phù hợp chăng? Địa vị của đại vương là Vương chư hầu, hành sự ô trọc giống với thứ dân, tồn thì khó, mà vong thì dễ, mong đại vương suy xét kỹ điều này!

Sau đấy lại có vệt máu bẩn trên chiếu của Vương, Vương hỏi Toại, Toại lớn tiếng kêu rằng:

---

[1] Phương sơn quan (方山冠), là loại mũ vải vuông, dệt bằng tơ mỏng, phía trước cao bảy tấc, sau cao ba tấc, dài tám tấc, các ca kỹ hay đội thứ mũ ấy.

- Cung điện rỗng không chẳng lâu nữa, điềm quái lạ luôn xuất hiện. Máu, là ngầm báo điềm đáng lo buồn, nên lo sợ cẩn trọng tự mình nghĩ xét!

Vương rút cục vẫn không sửa đổi phẩm hạnh.

Lúc thư trưng triệu đến, đêm trôi chưa đầy một khắc, Vương mở thư xem dưới đuốc nến.[1] Giữa trưa hôm ấy, xuất phát; lúc chập tối, đến huyện Định Đào, đi được ba trăm mười lăm dặm, ngựa của thị tòng đi theo chết rải trên đường ngó thấy nhau. Vương Cát dâng tấu thư khuyên răn Vương rằng:

"Thần nghe nói vua Cao Tông giữa lúc cư tang, ba năm không nói. Nay đại vương đang lúc chịu tang nhận trưng triệu, chỉ nên đêm ngày khóc lóc bi thương mà thôi, chớ nên phát hiệu lệnh! Đại tướng quân là người có đức nhân ái, trí dũng, trung tín, thiên hạ chẳng ai không nghe biết; thờ Hiếu Vũ hoàng đế hơn hai mươi năm, chưa từng mắc lỗi. Tiên đế lìa bỏ quần thần, đem việc thiên hạ phó thác, gửi gắm ấu chúa. Đại tướng quân ôm giữ ấu chúa trong địu, ban bố chính lệnh, giáo hóa muôn dân, hải nội bình yên, dẫu Chu Công, Y Doãn không lấy gì hơn được. Nay Đế băng không có con nối, Đại tướng quân mưu nghĩ chọn người xứng đáng phụng thờ tông miếu, dắt kéo mà lập đại vương, tấm lòng nhân nghĩa trung hậu của Đại tướng quân há tính đếm được sao? Thần mong đại vương tôn kính xem trọng ông ấy, việc chính sự nhất nhất phải nghe theo, đại vương chỉ chắp tay ngoảnh mặt về nam thôi. Mong đạo vương lưu tâm, luôn nghĩ đến lời này!"

Vương đến Tế Dương, sai người tìm Trường minh kê[2], trên đường lại mua gốc trúc lâu năm chế thành cây trượng. Khi qua Hoằng Nông, Vương sai gã trưởng nô bộc tên Thiện dùng xe chứa quần áo chở mỹ nữ đi theo. Đi đến huyện Hồ, sứ giả mà

---

[1] Bấy giờ Lưu Hạ đang truy hoan, nhận thư triệu liền mở ra xem dưới ánh nến.

[2] Phạm Thành Đại nói: Trường minh kê (长鸣鸡), là con gà có tiếng gáy dài, mang từ nước Nam Chiếu đến, hình dáng thấp bé mà tiếng gáy vang xa, gáy một tiếng dài nửa khắc, gáy suốt ngày không dừng, là giống gà quý.

triều đình phái đi vì việc ấy trách hỏi Tướng quốc An Lạc[1]. An Lạc báo với Cung Toại, Toại vào hỏi Vương, Vương nói:

- Không có việc ấy.

Toại nói:

- Nếu không có việc ấy, sao phải yêu tiếc một tên Thiện mà phá hỏng cả lễ nghi? Xin bắt hắn giao cho thuộc lại, để rửa sạch nỗi oan cho đại vương.

Vì thế lập tức sai bắt Thiện giao cho Trưởng vệ sĩ theo phép xử tử.

Vương đến Bá Thượng, Đại hồng lư ra ngoài thành nghênh tiếp, quan coi xe ngựa dâng xe kiệu Hoàng đế. Vương sai Thọ Thành gióng xe, Lang trung lệnh Cung Toại tham thừa. Lúc sắp đến Quảng Minh, cửa Đông Đô, Cung Toại nói:

- Theo lễ, người đến chịu tang từ xa trông thấy quốc đô phải khóc. Chỗ này là cửa quách[2] phía đông Trường An vậy.

Vương nói:

- Họng ta đau, không khóc được.

Đến cửa thành, Toại nhắc lại. Vương nói:

- Cửa thành và cửa quách giống nhau thôi.

Sắp đến cửa khuyết phía đông cung Vị Ương, Toại nói:

- Trướng[3] của nước Xương Ấp bên ngoài cửa khuyết phía bắc Trì đạo, phía trước trướng có đường thông nam bắc, vó ngựa đến cách chỗ đó mấy bước chân, đại vương nên xuống xe chầu vào cửa khuyết, ngoảnh mặt về hướng tây phục xuống khóc lóc, hết mức bi thương rồi mới được dừng.

Vương nói: "Ừ." Khi đến nơi, khóc như nghi lễ.

---

[1] An Lạc, là Tướng quốc của nước Xương Ấp vậy.

[2] Thành thời cổ có hai lớp, lớp phía trong là thành, lớp bên ngoài là quách.

[3] Đây là trướng đưa đến viếng vậy.

Tháng sáu, ngày Bính Dần, Vương nhận tỉ thụ Hoàng đế, kế nhận tôn hiệu; tôn Hoàng hậu thành Hoàng thái hậu.

3. Ngày Nhâm Thân, táng Hiếu Chiêu hoàng đế ở Bình lăng.

4. Sau khi Xương Ấp vương được lập, dâm loạn đùa bỡn vô độ. Quan thuộc của nước Xương Ấp đều được trưng triệu đến Trường An, thường phá cách cất nhắc bái chức. Tướng quốc An Lạc được thăng làm Trường Lạc vệ úy. Cung Toại gặp An Lạc, rơi nước mắt bảo rằng:

- Vương được lập làm Thiên tử, ngày càng kiêu căng phóng đãng, can ngăn không chịu nghe nữa. Nay cư tang thương khóc chưa tận, ngày ngày cùng cận thần uống rượu nghe nhạc, xem hổ báo đấu nhau, truyền triệu xe hiên chín tua phủ da hổ, ruổi rong khắp đông tây, làm những việc trái chính đạo. Chế độ xưa khoan hậu, đại thần được từ chức lui về ở ẩn; nay bỏ đi chẳng được, muốn giả mắc bệnh cuồng, lại sợ người ta biết, thân chết bị người đời làm nhục, biết phải làm sao? Ngài, là Tướng quốc cũ của Bệ hạ, nên dốc sức khuyên can!

Vương mơ thấy ở mé đông bậc thềm phía tây điện đường có phân nhặng xanh, tụ thành năm sáu đống lớn, có ngói lớn trùm lên chúng, đem việc ấy hỏi Toại, Toại nói:

- *Kinh Thi* mà Bệ hạ đọc chẳng nói rằng: "Doanh doanh thanh dăng, chỉ ư cức phiên. Khải đễ quân tử, vô tín sàm ngôn."[1] Bọn gian nịnh bên cạnh Bệ hạ rất nhiều, giống như phân nhặng xanh trong giấc mơ vậy. Bệ hạ nên tuyển bạt con cháu đại thần của tiên đế, thân gần dùng họ làm tả hữu. Nếu chẳng nỡ bỏ người cũ ở Xương Ấp, lại tin dùng lời sàm nịnh, tất có hung họa. Mong Bệ hạ đổi họa thành phúc, đuổi hết những người cũ của mình đi! Thần sẽ là người đầu tiên ra đi vậy.

Vương không nghe.

---

[1] Nhặng xanh vo ve, đậu trên rào gai. Quân tử khiêm cung, chẳng tin lời sàm.

Thái bộc thừa Trương Sưởng người quận Hà Đông dâng thư can gián, nói:

"Hiếu Chiêu hoàng đế sớm băng hà, không có con nối, đại thần lo sợ, tuyển người hiền thánh kế thừa tông miếu, lúc sang đông nghênh tiếp thánh giá, chỉ sợ xe đi theo kiệu chậm trễ. Nay Thiên tử tráng niên mới tức vị, thiên hạ chẳng ai không lau mắt nghiêng tai, trông nghe thay đổi về chính sự và giáo hóa. Thế nhưng đại thần giúp nước chưa được ban khen, mà tiểu thần kéo xe của nước Xương Ấp được thăng chức trước, cái lỗi sai ấy rất lớn vậy."

Vương không nghe.

Đại tướng quân Quang lo buồn, một mình đến hỏi ý quan lại thân thiết cũ là Đại tư nông Điền Diên Niên; Diên Niên nói:

- Tướng quân là cây trụ đá của quốc gia, xét thấy người này không thể làm Hoàng đế, sao chẳng bẩm báo kiến nghị với Thái hậu, đổi tuyển người hiền mà lập?

Quang nói:

- Nay muốn như thế, thời xưa từng có việc ấy không?[1]

Điền Diên Niên nói:

- Y Doãn là tướng đầu triều nhà Ân, phế Thái Giáp để yên tông miếu, hậu thế khen lòng trung của ông ấy.[2] Tướng quân nếu làm được việc này, cũng là Y Doãn của Hán triều vậy.

Quang bèn tiến dẫn Diên Niên làm Cấp sự trung, ngầm cùng Xa kỵ tướng quân Trương An Thế mưu bàn kế.

Vương ra ngoài tuần du, Quang lộc đại phu Hạ Hầu Thắng người nước Lỗ ngăn xe kiệu lại, tiến lên can rằng:

- Trời u ám lâu mà không mưa, hẳn có bầy tôi ở dưới mưu ngầm với người trên. Bệ hạ ra ngoài, muốn đi đâu đây?

---

[1] Hoặc Quang không nghiên cứu học vấn, cho nên không biết các việc này.

[2] *Kinh Thượng thư, thiên Thái Giáp* có chép việc Thái Giáp (nhà Thương) sau khi được lập, không sáng suốt, bị Y Doãn đày ra Đồng Cung.

Vương giận, cho là Thắng nói lời yêu tà, sai bắt trói giao cho thuộc lại trị tội. Quan lại bạch với Hoắc Quang, Quang không dùng hình xử phạt. Rồi trách hỏi An Thế, cho là An Thế nói lộ kế. An Thế kể thực rằng mình không nói; bèn triệu hỏi Thắng. Thắng đáp rằng:

- Tại *Hồng phạm truyện* nói: "Hoàng chi bất cực, quyết phạt thường âm, thì tắc hữu hạ phạt thượng giả.[1]" Ta kiêng tránh nói rõ ý, nên nói rằng "bầy tôi ở dưới có mưu ngầm".

Quang và An Thế cả kinh, vì thế càng xem trọng các nho sĩ thông kinh thuật. Thị trung Phó Gia nhiều lần dâng lời khuyên can, Vương cũng sai trói Gia tống ngục.

Quang và An Thế bàn bạc định kế rồi, bèn sai Điền Diên Niên báo với Thừa tướng Dương Sưởng. Sưởng kinh sợ, chẳng biết nói sao, mồ hôi toát đẫm lưng, chỉ vâng vâng dạ dạ mà thôi. Diên Niên đứng dậy, đến chỗ thay áo. Phu nhân của Sưởng vội tới Đông sương phòng bảo Sưởng rằng:

- Đấy là đại sự quốc gia, nay kế của Đại tướng quân đã định, sai Cửu khanh tới báo với Quân hầu, Quân hầu không mau đáp ứng, cùng Đại tướng quân đồng lòng, do dự không quyết, sẽ bị giết trước đấy!

Diên Niên từ chỗ thay áo quay lại, Sưởng và phu nhân cùng Diên Niên đàm thoại, hứa vâng theo, nói: "Xin vâng lệnh truyền của Đại tướng quân!"

Ngày Quý Tỵ, Quang triệu gọi Thừa tướng, Ngự sử, Tướng quân, Liệt hầu, Trung nhị thiên thạch, Đại phu, Bác sĩ hội bàn ở cung Vị Ương. Quang nói:

- Xương Ấp vương hành vi tối tăm vô đạo, sợ sẽ gây nguy cho xã tắc, phải làm sao?

---

[1] Dịch ý: "Quân vương mắc nhiều lỗi, thượng thiên tỏ điềm trách phạt, thường khiến khí trời u ám, bấy giờ tất có việc kẻ dưới mưu đánh người trên.

Quần thần đều kinh ngạc thất sắc, chẳng ai dám phát ngôn, chỉ vâng vâng dạ dạ mà thôi. Điền Diên Niên tiến lên, rời chiếu tuốt kiếm nói:

- Tiên đế đem chúa nhỏ phó thác cho Tướng quân, trao gửi thiên hạ, là vì Tướng quân trung nghĩa hiền minh, có thể yên họ Lưu vậy. Nay quần hạ sục sôi như vạc nóng, xã tắc sắp nghiêng nguy; vả lại nhà Hán khi truyền ngôi đặt thụy thường có chữ "Hiếu", là để thiên hạ trường tồn, khiến tông miếu được hưởng huyết thực[1] vậy. Nếu nhà Hán tuyệt tự, Tướng quân dẫu chết, còn mặt mũi nào gặp tiên đế ở dưới đất? Hôm nay không bàn, nên mau quyết định, quần thần ai hưởng ứng sau, thần xin dùng kiếm chém kẻ đó!

Quang tạ rằng:

- Cửu khanh trách Quang đúng vậy! Thiên hạ huyên náo bất an, Quang phải nhận trách nhiệm.

Vì thế kẻ nghị bàn đều khấu đầu nói:

- Tính mệnh muôn dân, ở chỗ Tướng quân, xin vâng mệnh lệnh của Đại tướng quân!

Quang lập tức cùng quần thần đều đến gặp, bẩm Thái hậu, kể hết thực trạng nói Xương Ấp vương chẳng nên dùng làm người kế thừa tông miếu. Hoàng thái hậu bèn ngồi xe giá đến điện Thừa Minh ở cung Vị Ương, hạ chiếu cấm các cửa không cho quần thần của Xương Ấp vào. Vương vào triều kiến Thái hậu về, ngồi xe liễn muốn quay về điện Ôn Thất, hoạn quan trong hoàng cung chia nhau giữ các cửa, Vương vào, cửa đóng lại, quần thần nước Xương Ấp không được vào. Vương hỏi:

- Làm gì vậy?

Đại tướng quân quỳ nói:

---

[1] Tức được hưởng đồ tế lễ vậy.

- Có chiếu của Hoàng thái hậu, không cho quần thần nước Xương Ấp vào!

Vương hỏi:

- Cứ thong thả sắp xếp, sao phải kinh động người khác như thế!

Quang sai người đuổi hết quần thần nước Xương Ấp, an trí họ ở bên ngoài cửa Kim Mã. Xa kỵ tướng quân An Thế suất lĩnh quân kỵ Vũ Lâm bắt trói hơn hai trăm người, tống hết đến nhà ngục của Đình úy. Rồi lệnh cho kẻ bầy tôi là Thị trung cũ thời Chiêu đế coi giữ Vương. Quang lệnh cho tả hữu rằng:

- Phải phòng giữ cho cẩn thận! Nếu hắn đột nhiên chết hoặc tự ải, sẽ khiến ta mắc nợ thiên hạ, mang cái tiếng giết vua.

Vương còn chưa biết mình sắp bị phế, bảo với người xung quanh rằng:

- Quần thần và quan thuộc cũ của ta đắc tội gì đâu, mà Đại tướng quân bắt nhốt hết bọn họ vậy?

Chốc lát, có chiếu của Thái hậu triệu Vương. Vương nghe nói có lệnh triệu, tỏ ý sợ hãi, bèn nói:

- Ta đắc tội gì đâu, mà triệu gọi ta?

Thái hậu mặc áo ngắn đan móc dây bằng hạt châu, phục sức hoa lệ tề chỉnh ngồi trong trướng võ, mấy trăm Thị ngự đều cầm binh khí, võ sĩ Kỳ môn cầm kích đứng thành hàng dưới điện, quần thần theo thứ bậc đứng trên điện, triệu Xương Ấp vương lên trước phục xuống nghe chiếu. Quang cùng quần thần liên danh tấu hặc Vương. Thượng thư lệnh đọc tấu rằng:

"Bọn Thừa tướng là Sưởng liều chết tấu với Hoàng thái hậu Bệ hạ:

Hiếu Chiêu hoàng đế sớm lìa bỏ thiên hạ, triều đình phái sứ giả trưng triệu Xương Ấp vương đến chủ trì tang lễ. Vương trong lúc mặc áo xô gai, không có lòng bi thương, phế bỏ lễ nghĩa, trên đường đi không chịu ăn kiêng, sai thuộc quan đi theo cướp bắt đàn bà con gái,

dùng xe chở y phục đưa đi, lúc nghỉ lại để họ trong nhà trạm dịch. Vừa mới đến yết kiến, được lập làm Hoàng thái tử, thường sai người bí mật mua thịt gà, thịt lợn để ăn. Nhận tín tỉ, hành tỉ của Hoàng đế trước linh cữu Đại hành, về đến nơi ở, cởi ra không phong kín lại.[1] *Lại sai các quan Thị tòng đổi sang cầm phù tiết đi trưng triệu hơn hai trăm Thị tòng, quan coi xe ngựa, nô bộc của nước Xương Ấp tới, thường cùng bọn họ ở trong cung cấm vui chơi đùa bỡn. Viết thư rằng: 'Hoàng đế gửi lời hỏi thăm Thị trung Quân Khanh*[2]*, đặc phái Trung ngự phủ lệnh là Cao Xương tặng nghìn cân vàng, ban cho Quân Khanh được lấy mười vợ.' Linh cữu Đại hành ở trước điện, lại phát nhạc khí của Nhạc phủ, dẫn nhạc nhân của nước Xương Ấp vào cung đánh trống, thổi tiêu sáo ca xướng, tấu nhạc diễn trò; lại triệu nghệ nhân ca múa đến đàn tế thần Thái Nhất và tông miếu, tấu hết các loại nhạc khúc. Xe pháp giá ruổi rong ở Bắc cung, Quế cung, vờn lợn, đấu hổ. Triệu xe ngựa nhỏ của Hoàng thái hậu ngự, sai quan nô bộc cưỡi ngựa, đùa bỡn trong Dịch đình. Cùng bọn cung nhân của Hiếu Chiêu hoàng đế dâm loạn, hạ chiếu cho Dịch đình lệnh rằng: 'Ai dám nói lộ, thì chém ngang lưng!'... "*

Thái hậu nói:

- Hãy dừng! Là kẻ thần tử, lại bội nghịch càn rỡ như thế sao!

Vương rời chiếu phục xuống đất thỉnh tội. Thượng thư lệnh lại đọc tiếp:

"... Lại lấy dây thao đeo ấn và các thứ đai đen, đai vàng triều đình ban cho các Vương chư hầu, Liệt hầu, Nhị thiên thạch để đeo cho các quan lang và những kẻ được miễn thân phận nô bộc của nước Xương Ấp. Phát thưởng tiền vàng, đao kiếm, ngọc khí và gấm ngũ sắc trong ngự phủ cho những người cùng vui chơi đùa bỡn. Cùng với các thuộc

---

[1] Đại để ấn tỉ của vua là khí vật của quốc gia, thường được phong kín, không để lộ ra cho người ngoài nhìn thấy, vậy mà để phơi lộ ra ngoài, là không xem trọng khí vật của quốc gia.

[2] Quân Khanh, là tên một gã Thị trung của nước Xương Ấp.

quan và nô bộc uống rượu ban đêm, say sưa mê mệt. Đêm khuya một mình bày lễ Cửu tân trong điện Ôn Thất, tiếp kiến anh rể là Quan nội hầu nước Xương Ấp. Lễ tế tự tông miếu còn chưa cử hành, lại viết tỉ thư, sai sứ giả cầm phù tiết dùng ba cỗ thái lao cúng tế ở lăng miếu của cha mình là Xương Ấp Ai vương, xưng là 'con nối Hoàng đế'.[1] *Từ lúc nhận ấn tỉ đến nay là hai mươi mốt ngày, sai sứ giả đi khắp dọc ngang, cầm phù tiết chiếu lệnh cho quan thực trưng dụng điều phát một nghìn một trăm hai mươi bảy lần. Hoang dâm mê loạn, mất lễ nghi của Đế vương, loạn pháp chế của Hán triều. Bọn thần là Sưởng nhiều lần tiến dâng lời khuyên, vẫn chẳng hề sửa đổi, mỗi ngày thêm tệ; sợ rằng sẽ gây nguy cho xã tắc, thiên hạ bất an. Bọn thần là Sưởng cẩn trọng cùng các Bác sĩ nghị bàn, đều nói: 'Nay Bệ hạ kế nối sau Hiếu Chiêu hoàng đế, hành vi dâm tà không theo phép tắc. <Ngũ tịch chi thuộc, mạc đại bất hiếu.>*[2] *Xưa kia Chu Tương vương chẳng hiếu thuận thờ mẫu thân, kinh Xuân Thu viết: <Thiên vương ra trú ở nước Trịnh.> Là bởi bất hiếu, cho nên ra trú ở nước Trịnh, phải dứt bỏ thiên hạ vậy. Việc trọng yếu với quân vương là tông miếu, Bệ hạ chẳng thể kế thừa thiên mệnh, thờ phụng tổ tông, yêu dân như con, đáng phải phế bỏ!' Chúng thần thỉnh xin Hữu ti dùng một cỗ thái lao tế cáo ở miếu thờ của Cao đế."*

Hoàng thái hậu hạ chiếu nói: "Được."

Quang lệnh cho Vương đứng dậy, bái nhận chiếu, Vương nói:

- Ta nghe nói 'Thiên tử có bảy đại thần ngay thẳng dám nói ở bên cạnh, dẫu vô đạo cũng chẳng mất thiên hạ.[3]'

Quang nói:

---

[1] Lưu Hạ, là con của Xương Ấp Ai vương Lưu Bác, nhưng bấy giờ kế nối hoàng vị từ Hán Chiêu đế, tức là từ dòng tiểu tông kế nối dòng đại tông. Xét lễ pháp cổ, xưng là con nối Hoàng đế với phụ thân mình (Lưu Bác) là trái nghĩa. Hơn nữa, bấy giờ Chiêu đế mới mất, đang trong tang kỳ, pháp chế quy định: "tam niên bất tế", nhưng lại đi tế ở lăng mộ của cha, là trái nghĩa vậy.

[2] Trong năm thứ tội phải xử tử, không có tội nào lớn bằng bất hiếu.

[3] Lời Khổng tử nói, dẫn trong sách *Hiếu kinh*.

- Hoàng thái hậu hạ chiếu phế truất, sao được xưng là Thiên tử nữa!

Bèn lập tức giữ tay Vương, cởi bỏ hết ấn tỉ và dây thao trên người, dâng lên Thái hậu; rồi dìu Vương xuống điện, ra khỏi cửa Kim Mã, quần thần theo đưa đi. Vương ngoảng mặt về tây bái nói:

- Ta ngu xuẩn, chẳng gánh vác được việc nhà Hán!

Rồi đứng dậy, trèo lên ngồi ở vị trí phó xa; Đại tướng quân Quang đưa đến phủ đệ của Xương Ấp vương. Tạ rằng:

- Hành vi của Vương tự đoạn tuyệt mình với trời, thần thà phụ Vương, chẳng dám phụ xã tắc. Mong Vương tự yêu tiếc mình, thần chẳng thể thờ phụng bên cạnh Vương được nữa!

Quang khóc rơi nước mắt mà đi. Quần thần tấu nói:

- Thời xưa người bị phế truất, ruồng đuổi đến phương xa, không cho dự chính sự. Xin hãy đày Xương Ấp vương Hạ đến huyện Phòng Lăng thuộc Hán Trung.

Thái hậu hạ chiếu, lệnh cho Hạ về trú ở Xương Ấp, ban hai nghìn hộ làm ấp thang mộc, tài vật của nhà Vương lúc trước đều giao cho Hạ; bốn người con gái của Ai vương, đều ban cho một nghìn hộ làm ấp an dưỡng; nước phong bị xóa, lập thành quận Sơn Dương.

Quần thần nước Xương Ấp đều mắc tội lúc ở nước phong không tấu tội lỗi của Vương, khiến Hán triều không nghe biết, lại chẳng giúp đỡ chỉ bảo, hãm Vương vào tội đại ác, đều tống ngục, hơn hai trăm người bị giết; duy có Trung úy Vương Cát, Lang trung lệnh Cung Toại vì trung chính thẳng thắn nhiều lần khuyên can, được giảm tội chết, phạt cắt tóc sai đi đắp tường thành. Thầy của Vương là Vương Thức bị tống ngục, ứng tội tử hình, quan xét án trách hỏi rằng:

- Là thầy của Vương vì sao không dâng thư can gián?

Thức đáp rằng:

- Thần dùng ba trăm linh năm thiên *Kinh Thi* sớm tối truyền giảng cho Vương, đến những thiên đề cập tới trung thần, hiếu tử, chưa từng không vì Vương tụng đọc giảng giải; đến những thiên đề cập tới việc quân vương lỗi đạo gặp nguy vong, chưa từng không rơi nước mắt vì Vương bày kế kỹ lưỡng rõ ràng. Thần dùng ba trăm linh năm thiên *Kinh Thi* khuyên can, vì thế không dâng thư can gián nữa.

Sứ giả đem lời báo lên, Thức cũng được xét giảm tử tội.

Hoắc Quang nhân vì quần thần tấu việc ở Đông cung, Thái hậu xét quyết, cho là Thái hậu cần thông hiểu kinh thuật, liền bẩm xin cho Hạ Hầu Thắng đem *Kinh Thượng Thư* truyền giảng cho Thái hậu, thăng Thắng làm Trường tín Thiếu phủ, ban tước Quan nội hầu.

5. Khi trước, Vệ thái tử thu nạp nữ tử nước Lỗ là Sử lương đệ[1], sinh được con trai là Lưu Tiến, hiệu là Sử hoàng tôn. Hoàng tôn thu nạp Vương phu nhân người Trác Quận, sinh con trai là Bệnh Dĩ[2], hiệu là Hoàng tằng tôn. Hoàng tằng tôn sinh được mấy tháng, gặp họa "Vu cổ", ba trai, một gái và thê, thiếp của Thái tử đều bị hại, duy có Hoàng tằng tôn còn sống, cũng bị bắt giam vào nhà ngục của quận.[3] Đình úy giám lúc trước là Bính Cát người nước Lỗ nhận chiếu xét án "Vu cổ", Cát trong lòng biết rõ Thái tử thực sự không có lỗi, rất thương Hoàng tằng tôn vô tội, liền chọn hai nữ tù phạm cẩn thận trung hậu là Hồ Tổ người huyện Vị Thành và Quách Chinh Khanh người huyện Hoài Dương, sai họ làm nhũ mẫu nuôi dưỡng Hoàng tằng tôn, cho ở chỗ rộng rãi, khô ráo. Cát mỗi ngày hai lần đến xem xét.

---

[1] Lương đệ (良娣) là một xưng hiệu với thiếp của Hoàng thái tử, địa vị khá cao, chỉ dưới Thái tử phi.

[2] Đại để là vì sớm gặp gian lao, lại lắm bệnh tật khổ sở cho nên lấy tên là Bệnh Dĩ (là muốn cho nhanh chóng hết bệnh vậy, dĩ, tức là hết); sau cho là tên ấy hèn mọn, đổi tên húy thành Tuân.

[3] Trỏ nhà ngục do các quận, quốc đặt tại Trường An. Bấy giờ người bị liên lụy bởi án "Vu cổ" quá nhiều, nên Hoàng tằng tôn mới được gửi tạm tại nhà ngục của quận.

Án "Vu cổ" nhiều năm chưa kết thúc. Vũ đế mắc bệnh, đến ở hai cung Trường Dương, Ngũ Tạc, người xem khí gió nói trong nhà ngục Trường An có khí Thiên tử, vì thế Vũ đế phái sứ giả chia nhau truyền tin đến các phủ quan trong kinh sư, hạ chiếu rằng phạm nhân bị giam trong ngục bất kể tội nặng nhẹ, nhất loạt phải giết hết. Yết giả lệnh trong cung là Quách Nhưỡng ban đêm đến nhà ngục của quận truyền mệnh, Cát đóng cửa ngăn sứ giả không cho vào, nói:

- Hoàng tằng tôn ở đây. Người thường vô tội còn chẳng nên giết, huống chi tằng tôn là thân thích của chúa thượng!

Cự giữ nhau đến sáng hôm sau, không vào được, Nhưỡng quay về, đem việc báo lên, nhân đó tấu hặc tội Cát. Vũ đế cũng tỉnh ngộ, nói:

- Trời sai Bính Cát làm thế vậy.

Nhân đó đại xá thiên hạ. Người bị giam trong nhà ngục của quận nhờ Cát mà giữ được tính mệnh.

Không lâu sau Cát bảo phó quan giữ ngục là Thùy Như rằng:

- Chẳng nên giam giữ Hoàng tằng tôn trong nhà ngục.

Bèn sai Thùy Như gửi thư cho Kinh Triệu doãn, đưa Hoàng tằng tôn và Hồ Tổ cùng đến đấy; Kinh Triệu doãn không nhận, lại đưa về. Đến ngày Hồ Tổ mãn hình ngục sắp rời đi, Hoàng tằng tôn luyến nhớ, Cát vì thế xuất tiền riêng thuê Hồ Tổ sai lưu lại, cùng Quách Chinh Khanh nuôi dưỡng Hoàng tằng tôn, qua mấy tháng, mới cho Hồ Tổ đi. Về sau, Sắc phu của Thiếu nội[1] bẩm với Cát rằng:

- Lương ăn cấp cho Hoàng tôn không có chiếu lệnh.

Bấy giờ bổng lộc gạo, thịt của Cát được cấp, tháng tháng đem cấp cho Hoàng tằng tôn. Tằng tôn bệnh, cơ hồ không giữ được tính mệnh, Cát nhiều lần sắc lệnh cho nhũ mẫu bảo dưỡng đưa

---

[1] Thiếu nội (少內), là quan chủ quản coi kho phủ của Dịch đình.

thêm thuốc men, đãi ngộ rất có ân huệ. Cát nghe tin Sử lương đệ có mẫu thân là Trinh Quân và anh là Sử Cung còn sống, bèn dùng xe chở Hoàng tằng tôn đến giao cho họ. Trinh Quân tuổi cao, thấy cháu mồ côi, rất thương xót, liền tự mình nuôi dưỡng.

Sau đấy có chiếu lệnh sai Dịch đình nuôi dưỡng Hoàng tằng tôn, chúa thượng lệnh cho Tông chính biên tên Bệnh Dĩ vào hộ tịch hoàng tộc. Bấy giờ Dịch đình lệnh Trương Hạ từng phụng sự Lệ thái tử, nghĩ nhớ ân cũ,[1] thương Tằng tôn, phụng dưỡng rất cẩn thận, dùng tiền riêng chu cấp, dạy đọc sách. Lúc Bệnh Dĩ trưởng thành, Hạ muốn đem con gái gả cho. Thời ấy Chiêu đế mới đội mũ,[2] mình cao tám thước hai tấc. Em của Hạ là An Thế làm Hữu tướng quân phụ chính, nghe nói Hạ khen ngợi Hoàng tằng tôn, muốn đem con gái gả cho, giận nói:

- Tằng tôn là hậu duệ của Vệ thái tử vậy, may được giữ phận thường dân, phủ quan cấp cái ăn cái mặc là đủ rồi, chớ nói việc đem con gái gả cho nữa!

Vì thế Hạ bèn thôi.

Thời ấy, Sắc phu của Bạo thất[3] là Hứa Quảng Hán có con gái, Hạ bèn đặt tiệc rượu mời Quảng Hán, uống say, Hạ nói:

- Tằng tôn huyết thống thân gần với chúa thượng, thấp nhất cũng làm Quan nội hầu, nên đem con gái gả cho nó.

Quảng Hán xin vâng. Hôm sau, vợ Quảng Hán nghe chuyện, tức giận. Quảng Hán trịnh trọng sai người làm mai, đem con gái gả cho Tằng tôn; Hạ dùng gia tài của mình làm sính lễ. Tằng tôn nhờ được cậy dựa vào anh em của Quảng Hán và nhà tổ mẫu là Sử thị, học *Kinh Thi* ở chỗ Phúc Trung Ông người quận

---

[1] Trương Hạ, là anh của Trương An Thế, hầu hạ Lệ thái tử. Sau khi Thái tử chết, tân khách đều bị giết, An Thế dâng thư vì Hạ thỉnh xin, Trương Hạ thoát, bị cung hình, rồi sau được làm Dịch đình lệnh.

[2] Tức ngay sau lúc cử hành lễ Gia nguyên phục vậy.

[3] Bạo thất (暴室), là nhà ngục giam cung nhân mắc lỗi.

Đông Hải. Tằng tôn tài cao hiếu học, nhưng cũng thích việc du hiệp, ưa đấu gà đua chó, vì thế hiểu biết hết việc gian tà trong làng xóm, việc hay dở của quan lại địa phương. Nhiều lần lên xuống các lăng của Hoàng đế, đi khắp vùng Tam phụ, có lần bị khốn trong ao muối huyện Liên Chước. Tằng tôn rất thích vùng huyện Đỗ, huyện Hộ, thường ở lại đất Hạ Đỗ. Mỗi khi tham dự hội triều, Tằng tôn nghỉ ở làng Thượng Quan thuộc Trường An.

Lúc Xương Ấp vương bị phế, Hoắc Quang cùng Trương An Thế và các đại thần nghị bàn chọn người lập, chưa quyết định ai. Bính Cát dâng tấu ký lên Quang rằng:

"Tướng quân phụng sự Hiếu Vũ hoàng đế, nhận phó thác ấu chúa còn trong địu, gánh trách nhiệm gửi thiên hạ. Hiếu Chiêu hoàng đế sớm băng hà, không có con nối, hải nội lo sợ, muốn sớm thấy vua kế tự. Đến ngày phát tang, Tướng quân vì đại nghĩa bàn lập kế tự; người được lập chẳng xứng, lại dùng đại nghĩa phế đi; thiên hạ chẳng ai không phục. Hiện nay vận mệnh xã tắc, tông miếu và trăm họ đều ở một tay Tướng quân, thần trộm nghe lời nghị bàn của thứ dân, xét lời mà họ nói thì các chư hầu, tông thất đang tại vị không có ai được nhắc tới ở dân gian. Mà Tằng tôn của Hiếu Vũ hoàng đế là Bệnh Dĩ được nhận di chiếu nuôi dưỡng ở Dịch đình và nhà ngoại, Cát lúc trước được sai coi nhà ngục của quận, chứng kiến tuổi thơ của Bệnh Dĩ, đến nay đã mười tám, mười chín năm rồi, người ấy tinh thông kinh thuật, có tài lạ, hành vi an ổn mà tính cách hài hòa. Mong Tướng quân xét rõ đại nghĩa, tham khảo kỹ việc bói toán chiêm bốc, chọn lấy người kế thừa thích hợp, khen ngợi tuyên dương, sai vào cung thờ phụng Thái hậu trước, khiến người thiên hạ biết rõ về Bệnh Dĩ, rồi sau mới quyết định đại kế, thiên hạ may lắm!"

Đỗ Diên Niên cũng biết rõ đức tốt của Tằng tôn, khuyên Hoắc Quang, Trương An Thế chọn lập.

Mùa thu, tháng bảy, Quang ngồi giữa cung đình, triệu hội các đại thần từ Thừa tướng trở xuống nghị bàn chọn lập kế vị,

vì thế lại cùng bọn Thừa tướng Sưởng dâng tấu lên Hoàng thái hậu rằng:

"Tằng tôn của Hiếu Vũ hoàng đế là Bệnh Dĩ, mười tám tuổi, theo thầy học Thi kinh, Luận ngữ, Hiếu kinh, hành vi cung kính kiệm ước, nhân ái quý người, có thể dùng làm người kế nối Hiếu Chiêu hoàng đế, kính thờ tông miếu tổ tiên, trị lý con dân. Chúng thần xin liều chết tấu lên."

Hoàng thái hậu hạ chiếu nói: "Được."

Quang phái Tông chính Lưu Đức đến nhà Tằng tôn ở làng Thượng Quan, hầu tắm gội, ban ngự y; Thái phó dùng xe Linh liệp[1] nghênh đón Tằng tôn, tới phủ quan Tông chính trai giới. Ngày Canh Thân, đưa vào cung Vị Ương, diện kiến Hoàng thái hậu, phong làm Vũ Dương hầu. Tiếp đó quần thần tấu dâng tỉ thụ, tức vị Hoàng đế, bái yết ở miếu Cao tổ; tôn Hoàng thái hậu làm Thái hoàng thái hậu.

Thị ngự sử Nghiêm Diên Niên dâng tấu hặc, nói "Đại tướng quân Quang thiện tiện phế lập chúa, không giữ lễ nhân thần, đại nghịch vô đạo." Tấu chương tuy không được xét, nhưng quần thần rất kính sợ Diên Niên.

6. Tháng tám, ngày Kỷ Tỵ, An Bình Kính hầu Dương Sưởng hoăng.

7. Tháng chín, đại xá thiên hạ.

8. Ngày Mậu Dần, lấy Sái Nghĩa làm Thừa tướng.

9. Lúc trước, con gái của Hứa Quảng Hán được gả cho Hoàng tằng tôn, một năm sau, sinh con trai là Thích. Sau mấy tháng, Tằng tôn được lập làm Đế, Hứa thị làm Tiệp dư. Bấy giờ Hoắc tướng quân có người con gái nhỏ, với Hoàng thái hậu có quan hệ thân thích, Công khanh nghị bàn đổi lập Hoàng hậu, trong lòng đều cho rằng nên lập con gái của Hoắc tướng quân,

---

[1] Linh liệp (軨猎), là loại xe nhỏ, nhẹ, càng cong.

nhưng không nói rõ. Chúa thượng liền hạ chiếu tìm lại thanh kiếm cũ thủa hàn vi. Đại thần biết ý chỉ, bẩm xin lập Hứa Tiệp dư làm Hoàng hậu.

Tháng mười một, ngày Nhâm Tý, lập Hứa thị làm Hoàng hậu. Hoắc Quang cho rằng cha của Hoàng hậu là Quảng Hán từng chịu hình,[1] không thích hợp làm vua nước phong; hơn một năm sau, mới được phong làm Xương Thành quân.

10. Thái hoàng thái hậu về ở cung Trường Lạc. Cung Trường Lạc bắt đầu đặt binh thủ vệ.

TRUNG TÔNG HIẾU TUYÊN HOÀNG ĐẾ

Năm Bản Thủy nguyên niên (Mậu Thân – TCN 73)

1. Mùa xuân, Đế hạ chiếu sai Hữu ti luận công khen thưởng những người giúp yên tông miếu. Đại tướng quân Quang được phong thêm một vạn bảy nghìn hộ, cộng cả lúc trước là hai vạn hộ. Từ Xa kỵ tướng quân Phú Bình hầu An Thế trở xuống cả thảy có mười người được thêm hộ ấp, năm người được phong Hầu, tám người được ban tước Quan nội hầu.

2. Đại tướng quân Quang rập đầu xin trả lại chính sự, chúa thượng khiêm nhường không nhận; các việc đều bạch với Quang trước, rồi sau mới tấu lên Đế. Từ thời Chiêu đế, con của Quang là Vũ và cháu của anh trai Quang là Vân đều làm Trung lang tướng, em của Vân là Sơn làm Phụng xa đô úy, Thị trung, lĩnh binh người Hồ, người Việt, hai con rể của Quang làm Vệ úy ở hai cung Đông, Tây, anh em, các con rể và cháu bên ngoại của Quang đều đặc cách dự hội triều, làm Chư tào, Đại phu, Kỵ đô

[1] Theo *Hán thư*, Quảng Hán từng phải chịu cung hình, vào cung làm hoạn quan, sau đó lại không hoàn thành nhiệm vụ trong việc tra xét án Thượng Quan Kiệt mưu phản, bị Hán Chiêu đế điều đi làm Dịch đình lệnh (coi nhà ngục trong cung).

úy, Cấp sự trung, thân thích cốt nhục kết thành một thể, bám rễ ở triều đình. Lúc Xương Ấp vương bị phế, quyền của Quang càng nặng, mỗi khi triều hội, chúa thượng tự khiêm nhường cung kính, thậm chí lễ ngộ quá phận.

3. Mùa hạ, tháng tư, ngày Canh Ngọ, có động đất.

4. Tháng năm, chim phượng tụ tập ở Giao Đông, Thiên Thừa. Chúa thượng đại xá thiên hạ, miễn thu thuế ruộng.

5. Tháng sáu, hạ chiếu rằng:

"Hoàng thái tử trước đây được táng ở huyện Hồ, chưa có thụy hiệu, chẳng được hưởng cúng tế bốn mùa; nay nghị bàn việc đặt thụy, dựng lập vườn ấp."

Hữu ti tấu xin:

"Theo lễ, nhận nối tự người khác, thì là con của người đó vậy; nên phải giáng thân sinh của mình xuống, không được phép tế tự nữa, là đại nghĩa tôn kính tổ tông vậy. Bệ hạ là người nối sau Hiếu Chiêu đế, kế thừa tế tự tổ tông, ngu thần cho rằng tên thụy thân sinh phụ thân nên gọi là Điệu, thân sinh mẫu thân gọi là Điệu hậu; thụy của Hoàng thái tử trước đây gọi là Lệ, Sử lương đệ gọi là Lệ phu nhân."

Đều được cải táng.

6. Mùa thu, tháng bảy, Đế hạ chiếu lập Thái tử của Yên Lạt vương là Kiến làm Quảng Dương vương;[1] lập con út của Quảng Lăng vương Lưu Tư là Hoằng làm Cao Mật vương.

7. Khi trước, Thượng Quan Kiệt và Hoắc Quang tranh quyền, sau khi Quang giết Kiệt, liền tuân theo pháp độ của Vũ đế, dùng hình phạt nghiêm khắc nắn sửa quần hạ, từ đấy kẻ tục lại đều chuộng sự nghiêm khốc để tỏ tài năng; nhưng quan Thừa của Thái thú Hà Nam là Hoàng Bá người huyện Hoài Dương một

---

[1] Yên vương Lưu Đán chết, Kiến bị giáng làm thứ dân, việc nói ở Hán kỷ, quyển 15, sự kiện năm Nguyên Phượng nguyên niên đời Hán Chiêu đế. Khi ấy nước phong bị xóa, lập thành quận Quảng Dương, nay lấy quận lập thành nước phong.

mình dùng phép cai trị khoan hòa lập danh. Thời chúa thượng ở trong dân gian, hiểu nỗi khổ của bách tính vì quan lại nghiêm khốc, nghe nói Bá chấp pháp ôn hòa, bèn triệu về làm Đình úy chính; qua mấy lần quyết ngục, cả triều đình đều khen ngợi là công bằng.

Năm Bản Thủy thứ hai (Kỷ Dậu – TCN 72)

1. Mùa xuân, Đại tư nông Điền Diên Niên mắc tội tự sát. Vì lúc để tang Chiêu đế, Đại tư nông Diên Niên thuê xe trong dân, rồi nói dối là thuê xe phí dụng tăng, tham ô ba nghìn vạn tiền, bị nhà có oán thù tố cáo. Hoắc tướng quân triệu hỏi Diên Niên, muốn giúp mở lối thoát. Diên Niên cự lại nói:

- Không có việc ấy!

Quang nói:

- Nếu thực không có việc ấy, nên truy xét đến cùng!

Ngự sử đại phu Điền Quảng Minh bảo Thái phó Đỗ Diên Niên rằng:

- Theo nghĩa *kinh Xuân Thu*, lấy công che trùm lỗi. Đang lúc phế Xương Ấp vương, không có lời của Điền Tử Tân[1], đại sự chẳng thành. Nay triều đình xuất ba nghìn vạn tiền tự xin cho hắn, thì sao? Xin hãy đem lời của kẻ ngu này bẩm bạch với Đại tướng quân!

Diên Niên đen lời Quảng Minh nói với Đại tướng quân, Đại tướng quân nói:

- Đích xác như thế, Điền Diên Niên thực là dũng sĩ vậy! Đang lúc quyết đại sự, lời chấn động cả triều đình.

Quang nhân đó nhấc tay vỗ ngực nói tiếp:

---

[1] Điền Diên Niên (田延年), tự Tử Tân (子賓)

- Việc đó khiến ta đến nay vẫn thẹn. Mời Điền đại phu bảo rõ với Điền tư nông, thông báo cho ông ấy đến nhà ngục, để được nghị luận công bằng.

Điền đại phu sai người nói với Diên Niên, Diên Niên nói:

- May được triều đình tha thứ cho ta rồi, ta còn mặt mũi nào vào lao ngục, khiến chúng nhân chỉ trỏ chê cười, bọn ngục tốt thóa mạ sau lưng sao?

Lập tức đóng hết cửa phủ, một mình ở trai phòng, cởi trần, cầm dao đi loanh quanh. Mấy ngày sau, sứ giả triệu Diên Niên đến chỗ Đình úy. Diên Niên nghe tiếng trống[1], tự vẫn chết.

2. Mùa hạ, tháng năm, Đế hạ chiếu rằng:

"Hiếu Vũ hoàng đế tự mình thi hành nhân nghĩa, chấn uy vũ, công đức cực thịnh, nhưng nhạc tế miếu chưa xứng, trẫm rất lấy làm tiếc. Nay Hữu ti và các Liệt hầu, Nhị thiên thạch, Bác sĩ hãy nghị bàn."

Vì thế quần thần đại nghị bàn tại triều đình, đều nói: "Nên như ý chiếu thư." Trường tín Thiếu phủ là Hạ Hầu Thắng một mình nói:

- Vũ đế tuy có công lấn đuổi Tứ Di, mở rộng bờ cõi, nhưng khiến sĩ chúng tử vong nhiều, tài lực của dân khô kiệt, xa xỉ vô độ, thiên hạ hư hao, trăm họ lưu ly, người chết quá nửa, hoàng trùng đại phát, đỏ đất mấy nghìn dặm, có chỗ người dân ăn thịt lẫn nhau, tích khốn đến nay chưa hồi phục; không có đức trạch với dân, chẳng nên vì Vũ đế đặt nhạc tế miếu.

Công khanh cùng trách Thắng rằng:

- Đấy là chiếu thư vậy.

Thắng nói:

- Chiếu thư không hẳn phải noi theo. Nghĩa lớn của kẻ nhân thần, là nên nói thẳng luận đúng, không phải là a dua thuận ý chỉ. Lời bàn đã ra khỏi miệng, dẫu chết không hối!

---

[1] Sứ giả đến chỗ phủ Tư nông, trước khi mở chiếu thư tuyên đọc thì gõ trống vậy.

Vì thế Thừa tướng, Ngự sử tấu hặc tội Thắng chê bai chiếu thư, hủy báng tiên đế, đại nghịch bất đạo; việc liên quan đến Thừa tướng Trưởng sử Hoàng Bá a dua phụ họa Thắng không tấu hặc; cả hai đều bị tống ngục. Hữu ti bèn thỉnh xin "tôn miếu của Hiếu Vũ đế là Thế tông miếu, tế tự tấu nhạc 'Thịnh đức' và 'Văn thủy ngũ hành chi vũ'. Các quận, quốc mà Vũ đế đến tuần thú đều lập miếu thờ, giống như Cao tổ, Thái tông".

Hạ Hầu Thắng và Hoàng Bá bị giam trong nhà ngục lâu, Bá muốn theo Thắng thụ học *Kinh Thượng Thư*, Thắng từ chối cho rằng đã mắc tử tội[1]. Bá nói:

- Triêu văn đạo, tịch tử khả hĩ.[2]

Thắng khen lời ấy, bèn đem *Kinh Thượng Thư* truyền thụ cho Bá. Bị giam qua hai mùa đông, giảng luận không hề chán mệt.

3. Khi trước, Ô Tôn công chúa[3] chết, nhà Hán lại phong cháu gái của Sở vương Lưu Mậu là Giải Ưu làm công chúa, gả cho Sầm Thú. Người vợ tộc Hồ của Sầm Thú có con trai là Nê Mĩ còn nhỏ, Sầm Thú sắp chết, đem nước giao cho con của người chú út là Đại Lộc tên Ông Quy Mĩ, nói:

- Nê Mĩ lớn lên, thì đem nước trả cho nó.

Sau khi Ông Quy Mĩ được lập, hiệu là Phì vương, lại lấy công chúa nước Sở[4], sinh được ba trai, hai gái. Trưởng nam tên là Nguyên Quý Mĩ, con thứ tên là Vạn Niên, thứ nữa là Thái Nhạc. Thời Chiêu đế, công chúa dâng thư nói:

"Hai nước Hung Nô và Xa Sư liên hợp xâm lấn nước Ô Tôn, xin Thiên tử cứu viện!"

Nhà Hán dưỡng sĩ mã, bàn định đánh Hung Nô. Đúng lúc Chiêu đế băng, chúa thượng phái Quang lộc đại phu Thường

---

[1] Ý rằng đã mắc tử tội thì học cũng không dùng để làm gì.

[2] Sáng nghe được đạo lý, tối chết cũng được rồi. Câu trong sách *Luận ngữ*.

[3] Tức công chúa mà nhà Hán gả đến nước Ô Tôn vậy.

[4] Tức công chúa Giải Ưu vậy.

Huệ đi sứ Ô Tôn. Ô Tôn công chúa và Côn di[1] đều phái sứ giả dâng thư, nói:

"Hung Nô liên tiếp phát đại binh, xâm lấn đánh Ô Tôn, phái sứ thần đến bảo nước Ô Tôn rằng: 'Mau đem công chúa Hán triều đến!' Là muốn cắt đứt liên hệ của Ô Tôn với Hán triều. Côn di tình nguyện phát năm vạn quân kỵ tinh nhuệ trong nước, hết sức đánh Hung Nô. Xin Thiên tử xuất binh để cứu công chúa và Côn di!"

Trước đấy, Hung Nô nhiều lần xâm lấn biên cương của nhà Hán, nhà Hán cũng muốn dẹp Hung Nô. Mùa thu, phát trọng binh, phái Ngự sử đại phu Điền Quảng Minh làm Kỳ Liên tướng quân, thống suất hơn bốn vạn quân kỵ, tiến ra quận Tây Hà; Độ Liêu tướng quân Phạm Minh Hữu lĩnh hơn ba vạn quân kỵ, tiến ra quận Trương Dịch; Tiền tướng quân Hàn Tăng lĩnh hơn ba vạn quân kỵ, tiến ra quận Vân Trung; Hậu tướng quân Triệu Sung Quốc làm Bồ Loại tướng quân, lĩnh hơn ba vạn quân kỵ, tiến ra quận Tửu Tuyền; Thái thú Vân Trung là Điền Thuận làm Hổ Nha tướng quân, lĩnh hơn ba vạn quân kỵ, tiến ra quận Ngũ Nguyên; hẹn nhau đều ra ngoài biên hiểm hơn hai nghìn dặm. Lấy Thường Huệ làm Hiệu úy, cầm phù tiết giúp binh nước Ô Tôn cùng đánh Hung Nô.

Năm Bản Thủy thứ ba (Canh Tuất – TCN 71)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Quý Hợi, Cung Ai Hứa hoàng hậu băng. Bấy giờ phu nhân của Hoắc Quang là Hiển muốn cho con gái út mình là Thành Quân được quý hiển, nhưng không có cơ hội. Đúng lúc Hứa hậu đang có mang, bị ốm, nữ y Thuần Vu Diễn là người được Hoắc thị sủng ái, thường vào cung thăm bệnh Hoàng hậu. Chồng của Diễn là Thưởng làm hộ vệ ở Dịch đình, bảo Diễn rằng:

---

[1] Là hiệu xưng chung để chỉ vua nước Ô Tôn.

- Nên qua nói với Hoắc phu nhân, thừa cơ xin cho ta chức An trị giám.

Diễn theo như lời ấy xin với Hiển, Hiển nhân đó sinh tâm kế, đuổi hết tả hữu ra, tự bảo Diễn rằng:

- Thiếu Phu[1] muốn đem việc nhờ vả ta, ta cũng có việc muốn nhờ vả Thiếu Phu, có được chăng?

Diễn nói:

- Phàm là lời mà phu nhân nói, có gì là không thể làm!

Hiển nói:

- Tướng quân ta vốn yêu con gái nhỏ là Thành Quân, muốn nó được quý hiển, ta muốn đem việc này thác cho Thiếu Phu!

Diễn hỏi:

- Lời ấy là sao?

Hiển nói:

- Người phụ nữ sinh con, là việc lớn, thập tử nhất sinh. Nay Hoàng hậu sắp sinh con, có thể thừa cơ dùng độc dược trừ đi, Thành Quân tức khắc thành Hoàng hậu rồi! Nếu chịu giúp sức, việc thành, xin cùng Thiếu Phu chung hưởng phú quý.

Diễn nói:

- Thuốc dùng lẫn, thường nếm trước, sao thi hành được?

Hiển nói:

- Việc ấy là ở Thiếu Phu thôi. Tướng quân quản lĩnh thiên hạ, ai dám nói đây! Việc hoãn gấp sẽ có che đỡ, chỉ sợ Thiếu Phu không có ý giúp thôi.

Diễn hồi lâu mới nói:

- Xin tình nguyện dốc sức!

---

[1] Thiếu phu (少夫), là tên tự của Thuần Vu Diễn, gọi như thế là để tỏ ý thân mật.

Liền giã lá cây Phụ tử[1], mang vào cung Trường An. Sau khi Hoàng hậu sinh nở, Diễn lấy lá Phụ tử trộn lẫn trong thuốc viên của Thái y cho Hoàng hậu uống, chốc lát, Hậu nói:

- Đầu ta váng vất khó chịu, trong thuốc không có độc chứ?

Diễn đáp:

- Không có.

Hoàng hậu càng thấy buồn bã khó chịu, rồi băng. Diễn ra khỏi cung, qua gặp Hiển, hỏi han úy lạo nhau, Hiển cũng không dám hậu tạ Diễn. Sau đấy có người dâng thư tố các thầy thuốc hầu bệnh không tận tâm, họ đều bắt trói tống ngục, hặc tội đại nghịch bất đạo. Hiển hoảng sợ, liền đem hết thực trạng kể với Quang, nhân đó nói:

- Việc làm đã thất kế. Không nên để quan lại bức bách Diễn!

Quang cả kinh, muốn tự mình nêu việc ấy, nhưng không nỡ, do dự. Đúng lúc tấu chương dâng lên, Quang phê tấu cấm luận tội Diễn. Hiển nhân đó khuyên Quang đưa con gái vào cung.

2. Ngày Mậu Thìn, năm vị tướng quân xuất phát từ Trường An.[2] Hung Nô nghe tin đại binh Hán xuất phát, già trẻ lui chạy, xua gia súc trốn lánh đến nơi xa, vì thế năm vị tướng thu hoạch được rất ít. Mùa hạ, tháng năm, bãi quân.

Độ Liêu tướng quân ra xa ngoài biên hiểm hơn một nghìn hai trăm dặm, đến tận sông Bồ Li Hậu, chém giết và bắt hơn bảy trăm giặc rợ. Tiền tướng quân ra ngoài biên hiểm hơn một nghìn hai trăm dặm, đến Ô Viên, chém giết và bắt hơn trăm giặc rợ. Bồ Loại tướng quân ra ngoài biên hiểm hơn một nghìn tám trăm dặm, theo hướng tây đến Hậu Sơn, chém bắt giặc rợ, bắt được sứ thần của Hung Nô là Bồ Âm vương và thuộc hạ hơn ba trăm người. Ba người nghe tin giặc rợ đã rút lui, đều không

---

[1] Phụ tử (附子), là một loại cây có độc tính rất mạnh.

[2] Là năm tướng quân nhận lệnh xuất quân đi đánh Hung Nô đã nói ở trên.

đến chỗ đã ước định trước mà quay về. Thiên tử cho là lỗi của họ nhẹ, khoan thứ không bắt tội. Kỳ Liên tướng quân ra ngoài biên hiểm hơn một nghìn sáu trăm dặm, đến núi Kê Trật, chém giết và bắt chín mươi giặc rợ. Gặp sứ giả nhà Hán là bọn Nhiễm Hoằng từ đất Hung Nô trở về, bọn Hoằng nói phía tây núi Kê Trật có nhiều giặc rợ, Kỳ Liên lập tức dặn Hoằng, sai nói không có giặc, muốn quay binh về. Ngự sử thuộc là Công Tôn Ích Thọ can, cho là không nên. Kỳ Liên không nghe, bèn dẫn binh về. Hổ Nha tướng quân tiến ra biên hiểm hơn tám trăm dặm, đến bờ sông Đan Dư Ngô, lập tức dừng binh không tiến nữa, chém giết và bắt hơn một nghìn chín trăm giặc rợ, rồi dẫn binh về. Chúa thượng cho là Hổ Nha tướng quân không đến chỗ đã ước định, trá tăng thêm số giặc bắt được, còn Kỳ Liên tướng quân biết giặc ở phía trước, dùng dằng không tiến binh, đều giao cho quan lại xử trị, hai người tự sát. Đế cất nhắc Công Tôn Ích Thọ làm Thị ngự sử.

Côn di của nước Ô Tôn tự thống lĩnh năm vạn quân kỵ cùng Hiệu úy Thường Huệ từ phương tây tiến vào đất Hung Nô, đến Vương đình của Lộc Lê vương, bắt sống phụ hàng[1], chị dâu, Cư thứ[2], Danh vương cùng với Lê Ô đô úy, Thiên trưởng, Kỵ tướng của Hung Nô trở xuống, cả thảy bốn vạn người, thu được hơn chục vạn ngựa, bò, dê, lừa, lạc đà. Người Ô Tôn đều tự lấy số mà mình thu được. Chúa thượng vì năm vị tướng quân đều vô công, duy có Huệ phụng sứ thu được thành quả, phong Huệ làm Trường La hầu. Còn dân chúng Hung Nô thương vong bỏ đi, gia súc bị lùa đi xa chết hại chẳng thể tính xuể, từ đấy quốc lực Hung Nô suy hao, oán hận người Ô Tôn.

Chúa thượng lại phái Thường Huệ đem vàng, lụa quay trở lại ban cho các quý tộc Ô Tôn có công. Huệ nhân đó dâng tấu

---

[1] Phụ hàng (大父行), tức người cùng hàng với cha.

[2] Cư thứ (居次), là nữ hiệu của Hung Nô, cũng như Công chúa nhà Hán vậy.

nói nước Quy Tư từng giết Hiệu úy Lại Đan,[1] chưa trừng phạt, xin tiện đường đi đánh họ. Đế không đồng ý. Đại tướng quân Hoắc Quang ngầm tỏ ý rằng Huệ có thể tùy nghi hành sự. Huệ cùng năm trăm quan lại sĩ tốt đều đến nước Ô Tôn, lúc quay về, ở các nơi đi qua, điều phát hai vạn binh của các nước phía tây, lệnh cho phó sứ điều phát hai vạn quân của các nước ở phía đông nước Quy Tư, binh của Ô Tôn hơn bảy nghìn người, từ ba mặt đánh nước Quy Tư. Binh chưa hợp, Huệ phái người trách hỏi vua nước ấy về việc giết sứ giả nhà Hán lúc trước. Vương tạ lỗi rằng:

- Là do tiên vương lúc trước bị quý tộc là Cô Dực làm cho lầm lỡ thôi, ta vô tội.

Huệ nói:

- Nếu như thế, hãy trói Cô Dực đưa đến, ta sẽ thả Vương.

Vương bắt Cô Dực đến chỗ Huệ, Huệ chém hắn rồi quay về.

3. Trời đại hạn.

4. Tháng sáu, ngày Kỷ Sửu, Dương Bình Tiết hầu Thái Nghĩa hoăng.

5. Ngày Giáp Thìn, lấy Trường tín Thiếu phủ là Hiền làm Thừa tướng.

6. Lấy Đại tư nông Ngụy Tương là Ngự sử đại phu.

7. Mùa đông, Thiền vu Hung Nô tự đem mấy vạn quân kỵ đi đánh nước Ô Tôn, bắt được khá nhiều già trẻ. Sắp quay về, đúng lúc trời giáng mưa tuyết lớn, một ngày tuyết rơi dày hơn trượng, bộ chúng và gia súc chết cóng, người quay về chẳng được một phần mười. Vì thế, người Đinh Linh nhân lúc Hung Nô suy yếu đánh phía bắc của họ, người Ô Hoàn đánh phía đông, người Ô Tôn đánh phía tây, bộ chúng Hung Nô bị ba

---

[1] Việc nước Quy Tư giết Lại Đan, xem lại Hán kỷ, quyển 15, sự kiện năm Nguyên Phượng thứ tư, đời Hán Chiêu đế.

nước giết đến mấy vạn, bắt mấy vạn thớt ngựa, bò dê mất rất nhiều; lại thêm số người chết đói đông, dân mười phần giảm mất ba, gia súc chết hại một nửa. Hung Nô đại hư tổn, các nước thần phục Hung Nô lúc trước đều phản, đánh cướp không dừng. Sau đấy nhà Hán phái hơn ba nghìn kỵ binh chia thành ba đạo, cùng vào đất Hung Nô, bắt sống hơn nghìn người rồi về; Hung Nô rút cục chẳng dám báo thù, muốn hướng về nhà Hán hòa thân, nên việc ở biên cảnh được giảm thiểu.

8. Năm ấy, lấy Thái thú Dĩnh Xuyên là Triệu Quảng Hán làm Kinh Triệu doãn. Thói tục của Dĩnh Xuyên, hào kiệt kết thành bè đảng. Quảng Hán làm một cái ống trúc, nhận thư tố cáo của quan dân, sai người ta cáo giác lẫn nhau, vì thế thù oán kết liên miên, gian đảng tan tác, đạo tặc không dám phát động. Những người Hung Nô quy hàng nhà Hán nói lúc họ ở trong đất Hung Nô đều nghe danh Quảng Hán, bởi thế triều đình gọi về làm Kinh Triệu doãn.

Quảng Hán đãi ngộ thuộc lại ân cần chu đáo, có việc thì suy công, quy cho bộ hạ, hành vi xuất ra bởi sự chí thành, thuộc lại đều tình nguyện chịu sai khiến, ví có đến chỗ chết cũng không né tránh. Quảng Hán thông minh, biết rõ năng lực của thuộc hạ có phù hợp với công việc không, có tận lực hay không; người nào lừa dối, liền bắt giữ họ, không có ai bỏ trốn; thẩm vấn định án, chứng cứ xác thực, người ta lập tức chịu tội. Quảng Hán đặc biệt giỏi móc nối chân tướng sự việc, việc gian mọn trong ngõ xóm đều biết rõ. Có mấy đứa thiếu niên ở thành Trường An tụ trong căn phòng trống, cùng mưu tính cướp bóc người ta; ngồi bàn định chưa xong, Quảng Hán sai quan lại đến bắt xử trị, bọn chúng đều nhận tội. Quảng Hán phát hiện phá mưu của kẻ gian như thần. Vùng Kinh Triệu chính trị thanh bình, quan dân khen ngợi Quảng Hán không dứt. Các trưởng lão truyền kể rằng, từ thời Hán hưng, quan cai trị vùng Kinh Triệu chẳng ai theo kịp Quảng Hán.

Năm Bản Thủy thứ tư (Tân Hợi – TCN 70)

1. Mùa xuân, tháng ba, ngày Ất Mão, lập con gái của Hoắc Quang làm Hoàng hậu, đại xá thiên hạ.

Lúc trước, Hứa hậu xuất thân thấp hèn, lên địa vị tôn quý được ít ngày, thị tòng, xe ngựa, phục sức của Hứa hậu rất tiết kiệm. Lúc Hoắc hậu được lập, xe kiệu, thị tòng ngày một nhiều, ban thưởng cho thuộc quan tính kể nghìn vạn, so với thời Hứa hậu khác rất xa vậy.

2. Mùa hạ, tháng tư, ngày Nhâm Dần, tại bốn mươi chín quận quốc, đất cùng ngày rung chuyển, có chỗ núi lở, đổ thành quách, nhà cửa, người chết hơn nghìn. Tông miếu ở hai quận Bắc Hải, Lang Nha bị hủy hoại. Đế chiếu lệnh cho Thừa tướng, Ngự sử cùng các Liệt hầu, Trung nhị thiên thạch hỏi rộng kẻ sĩ kinh học, tìm cách để ứng biến tai họa, nói hết không có gì phải né tránh. Lệnh cho vùng Tam phụ, quan Thái thường, và các quận, quốc đều phải tiến cử những bậc hiền lương phương chính, mỗi chỗ tiến cử một người. Đại xá thiên hạ. Chúa thượng mặc áo trắng, lánh xa chính điện của hoàng cung năm ngày. Phóng thích Hạ Hầu Thắng và Hoàng Bá; lấy Thắng làm Gián đại phu, Cấp sự trung, lấy Bá làm Thứ sử Dương châu.

Thắng là người chất phác chính trực, bình dị dễ gần, không có uy nghi, có lúc gọi chúa thượng là "quân", có khi lỡ gọi tên tự người khác trước mặt Đế[1]; chúa thượng cũng biết Thắng chất phác nên thân gần tin tưởng. Thắng từng có lần tấn kiến Thiên tử, ra khỏi cung đem lời của chúa thượng nói với người ngoài, chúa thượng nghe tin thì trách mắng Thắng, Thắng nói:

- Lời Bệ hạ nói ra rất hay, thần cố ý khoe với người khác. Lời của vua Nghiêu lan rộng khắp thiên hạ, đến nay vẫn còn được

---

[1] Trước mặt Hoàng đế muốn gọi người khác thì phải xưng tên tục, không nên gọi tên tự ra vậy.

khen tụng. Thần cho rằng lời hay nên được truyền lại, cho nên đem truyền ra thôi.

Triều đình mỗi khi thương nghị đại sự, chúa thượng biết Thắng vốn thẳng thắn, bảo rằng:

- Tiên sinh hãy cứ nói lời thẳng thắn, đừng để bụng chuyện trước đây![1]

Thắng lại làm Trường tín Thiếu phủ, sau thăng làm Thái tử Thái phó. Năm chín mươi tuổi chết, Thái hậu ban cho hai trăm vạn tiền, vì Thắng mặc áo trắng năm ngày, để báo ân sư phó. Các Nho sinh cho là vinh.

3. Tháng năm, chim phượng hoàng tụ tập ở hai huyện An Khâu và Thuần Vu của quận Bắc Hải.

4. Quảng Xuyên vương Lưu Khứ bị kết tội giết thầy của mình và hơn chục cơ thiếp, trong số ấy có người bị nấu chì rót vào miệng, có người bị chặt lìa chân tay, có người bị trộn thuốc độc nấu chín, khiến thân thể nát vữa, bị phế tước Vương đày đến quận Thượng Dung; Khứ tư sát.

Năm Địa Tiết nguyên niên (Nhâm Tý – TCN 69)

1. Mùa xuân, tháng giêng, có sao chổi hiện ở phương tây.

2. Sở vương Lưu Diên Thọ cho rằng Quảng Lăng vương Lưu Tư là con của Hán Vũ đế, khi thiên hạ có biến, tất được lập, bèn ngầm phụ giúp Tư, đem người em bên mẹ của Vương hậu mình là Triệu Hà Tề lấy con gái của Quảng Lăng vương làm vợ, nhân đó sai Hạ Tề mang thư của mình cho Quảng Lăng vương nói:

"Mong Vương hãy chú ý nghe ngóng, đừng để chậm chân hơn người khác trong việc tranh thiên hạ."

---

[1] Ý muốn nói về việc Thắng nghị bàn về tông miếu mà bị giam tù vậy.

Cha của Hà Tế là Trường Niên dâng thư tố cáo việc ấy, Đế giao xuống cho Hữu ti khảo xét chứng nghiệm, Diên Thọ cung nhận tội. Mùa đông, tháng mười một, Diên Thọ tự sát. Lưu Tư được miễn truy cứu.

3. Tháng mười hai, ngày Quý Hợi là ngày hối, có nhật thực.

4. Năm ấy, Đế lấy Vu Định Quốc làm Đình úy. Định Quốc xét quyết các án khó, chấp pháp công bằng, hết mực thương xót người quan quả cô độc, tội trạng còn ngờ thường xét quyết nhẹ, hết sức cẩn trọng. Triều đình khen Định Quốc rằng:

- Trương Thích Chi làm Đình úy, thiên hạ không có dân oan. Vu Định Quốc làm Đình úy, dân tự cho là sẽ không bị oan.

Năm Địa Tiết thứ hai (Quý Sửu – TCN 68)

1. Mùa xuân, Hoắc Quang bệnh nặng, xa giá tự đến thăm hỏi, chúa thượng vì Quang rơi nước mắt. Quang dâng thư tạ ân, nguyện chia ba nghìn hộ trong ấp phong của mình, phong cho cháu của anh là Phụng xa đô úy Sơn làm Liệt hầu, để thờ tự anh mình là Hoắc Khứ Bệnh. Ngay hôm ấy, Đế bái con của Quang là Vũ làm Hữu tướng quân.

Tháng ba, ngày Canh Ngọ, Quang hoăng. Chúa thượng và Hoàng thái hậu thân đến tế viếng Quang, Trung nhị thiên thạch đặt chỗ làm mộ phần, Đế ban cho Quang áo quan gỗ tử và đồ chôn táng, đều theo quy cách của Thiên tử; ban thụy là Tuyên Thành hầu. Điều phát ba trăm binh tốt của vùng Tam Hà đào huyệt mộ, bố trí ba trăm nhà coi vườn ấp, đặt các chức Trưởng, Thừa giữ mộ và coi việc tế tự; hạ chiếu miễn trừ thuế khóa, dao dịch cho con cháu Quang, đời đời giữ tước ấp, vĩnh viễn không thay đổi.

Ngự sử đại phu Ngụy Tương dâng một phong thư dán kín tấu rằng:

"Quốc gia mới mất Đại tướng quân, nên tỏ rõ ý hiển dương, tôn sùng công thần, để trấn vỗ chư hầu phiên quốc, ngôi vị lớn không nên để trống, khiến việc tranh quyền nảy sinh. Thần cho rằng nên lấy Xa kỵ tướng quân Trương An Thế làm Đại tướng quân, không sai lĩnh việc của Quang lộc huân; dùng con của An Thế là Trương Diên Thọ làm Quang lộc huân."

Chúa thượng cũng muốn dùng An Thế. Mùa hạ, tháng tư, ngày Mậu Thân, lấy An Thế làm Đại tư mã, Xa kỵ tướng quân, kiêm Thượng thư sự.

2. Chim phượng hoàng tụ tập ở đất Lỗ, chim chóc bay theo thành bầy. Đại xá thiên hạ.

3. Chúa thượng nghĩ nhớ muốn đáp ân đức của Đại tướng quân, bèn phong cháu của anh trai Quang là Sơn làm Nhạc Bình hầu, sai dùng thân phận Phụng xa đô úy kiêm Thượng thư sự. Ngụy Tương thông qua Xương Thành quân Hứa Quảng dâng tấu thư phong kín, nói:

"Kinh Xuân Thu chê việc quý tộc nối đời làm Công khanh, ghét việc nước Tống ba đời không có Đại phu[1] và việc họ Quý Tôn nước Lỗ chuyên quyền triều chính[2], đấy đều là mối nguy loạn quốc gia. Từ năm Hậu Nguyên[3] đến nay, phúc lộc rời bỏ vương thất, triều chính ở tay Chủng tể. Nay Quang chết, con lại làm Hữu tướng quân, con của anh Quang nắm giữ việc then chốt, anh em và con rể đều chiếm quyền thế, giữ chức quản quân, phu nhân của Quang là Hiển và các con gái đều được chép danh tính ở cung Trường Tín, có khi nửa đêm ra vào cung điện, kiêu xa phóng túng, e rằng lâu dần chẳng chế ngự nổi, nên

---

[1] Trỏ việc ba đời vua Tống là Tương công, Thành công, Chiêu công đều lấy con gái của Đại phu trong nước, như vậy là không hợp lễ chế, cho nên nói nước Tống ba đời không có Đại phu.

[2] Họ Quý Tôn khởi thủy từ Quý Hữu, là con út của Lỗ Hoàn công, em của Lỗ Trang công. Từ thời Quý Hữu lập Hy công, Quý Tôn Hàng Phủ đuổi Đông Môn thị rồi đến Quý Tôn Ý Như đuổi Chiêu công, họ Quý Tôn đời đời chuyên quyền ở nước Lỗ.

[3] Năm Hậu Nguyên thời Hán Vũ đế.

có cách đoạt bớt quyền hành của họ, phá vỡ mưu ngầm, để vững cái cơ nghiệp vạn đời, bảo toàn con cháu đời sau của công thần."

Theo lệ cũ: Các thư dâng lên triều đình đều làm thành hai bức dán kín, gọi một bản trong số ấy là "phó bản", người quản việc Thượng thư mở "phó bản" ra xét trước, lời trong ấy không thỏa đáng, thì bỏ đi không tấu lên. Tương lại thông qua Hứa Quảng Hán bẩm xin bỏ "phó bản" để phòng việc che tai lấp mắt chúa thượng. Đế khen lời ấy, hạ chiếu lấy Tương làm Cấp sự trung, thu nạp hết kiến nghị của Tương.

4. Đế lớn lên nơi làng xóm, thấu hiểu nỗi gian nan khốn khổ của dân. Sau khi Hoắc Quang hoăng, Đế bắt đầu tự thân quản chính sự, gắng sức trị lý quốc gia, năm ngày một lần nghe chính sự. Từ Thừa tướng trở xuống đều vâng theo chức phận tấu việc, cho họ trình bày lời tấu của mình, rồi dùng chức quan để thử, sau đó khảo xét đánh giá công hiệu.

Những người giữ chức Thị trung, Thượng thư có công lao đáng được thăng chức, hoặc có thành tích đặc biệt, thì ban thưởng hậu hĩnh, thậm chí đến tận con cháu, suốt đời không thay đổi. Các chức vụ cơ yếu hết sức nghiêm mật, pháp lệnh và chế độ hoàn chỉnh, trên dưới đều yên ổn, chẳng ai có ý cẩu thả.

Lúc bái chức Thứ sử, Quận thú, Tướng quốc chư hầu, Đế thường đích thân triệu kiến thẩm vấn, xét chí hướng và toan tính của họ, sau khi họ lui về lại xét đến hành vi của họ, đối chứng với lời mà người ta nói về họ, nếu danh tiếng và sự thực không tương xứng, thì nhất định xét nguyên nhân việc ấy là vì đâu. Thường nói rằng: "Thứ dân sở dĩ yên ổn với làng xóm, ruộng vườn của mình mà có ý không than oán sầu hận, là vì chính trị công minh, tố tụng công bằng vậy. Người cùng ta chung quan điểm ấy, há chẳng phải là quan Nhị thiên thạch giỏi hay sao?"

Đế cho rằng Thái thú trị quận, là cái gốc của quan dân, nếu thay đổi liên tục thì dễ khiến người dưới bất an; dân biết rõ họ

sẽ giữ chức lâu dài, chẳng thể dối lừa, mới phục tùng giáo hóa của họ. Cho nên với Nhị thiên thạch trị lý có chính tích, Đế thường ban tỉ thư khuyến khích, tăng phẩm trật, thưởng vàng, thậm chí ban tước Quan nội hầu; nếu chức Công khanh khuyết, thì tuyển chọn từ những người đã được biểu dương khen ngợi, theo thứ tự bổ dụng họ. Vì thế quan lại giỏi của Hán triều thời ấy rất đông, được khen ngợi là "thời trung hưng".

5. Thiền vu Hồ Diễn Đê của Hung Nô chết, em là Tả hiền vương nối lập, là Thiền vu Hư Lư Quyền Cừ, lấy con gái của Hữu Đại tướng làm Đại Yên chi, rồi truất người được Thiền vu trước sủng ái là Chuyên cừ yên chi[1]. Cha của Chuyên cừ yên chi là Tả Đại Thư Cừ oán hận. Bấy giờ nhà Hán cho là Hung Nô chẳng thể xâm nhiễu biên cảnh được, bãi việc đóng sĩ tốt ở các thành ngoài biên hiểm để bách tính được nghỉ ngơi. Thiền vu nghe tin ấy, mừng, triệu các quý tộc bàn mưu, muốn cùng nhà nhà Hán hòa thân. Tả Đại Thư Cừ trong lòng ghét việc ấy, nói:

- Lúc trước sứ Hán đến, binh theo phía sau. Nay ta cũng bắt chước việc phát binh của nhà Hán, phái sứ giả đi trước rồi theo phía sau.

Bèn tự xin phái mình cùng Hô Lô Ti vương đều thống lĩnh một vạn quân kỵ, xuôi nam men biên ải săn bắn, hội nhau cùng tiến phạm đất Hán. Đi chưa đến biên ải, gặp lúc ba tên quân kỵ trốn đến hàng nhà Hán, nói Hung Nô muốn vào cướp. Vì thế Thiên tử hạ chiếu điều phát quân kỵ ở ven biên đóng giữ các chỗ yếu hại, sai Quân giám của Đại tướng quân là bốn người bọn Trị chúng[2] suất lĩnh năm nghìn quân kỵ, chia thành ba đội, tiến ra phía ngoài biên hiểm đều cách mấy trăm dặm, đều bắt lấy mấy chục giặc rợ rồi quay về. Bấy giờ Hung Nô thấy ba tên quân kỵ của mình bỏ trốn, không dám vào, lập tức rút đi.

---

[1] Là nguyên phi của Thiền vu vậy, theo thứ bậc là Đại Yên chi.

[2] Trị chúng (治众), là một chức giám xét việc trong quân, địa vị ở dưới Quân chính.

Năm ấy, Hung Nô có nạn đói, người dân và gia súc chết mất sáu bảy phần mười, lại phải phát động hai lộ quân kỵ, mỗi lộ vạn người để phòng bị quân Hán.

Mùa thu, những người trong bộ tộc Tây Nộc bị Hung Nô hàng phục lúc trước trú ở Tả bộ Hung Nô, từ Quân trưởng của họ trở xuống có mấy nghìn người đều xua gia súc của mình dời đi, cùng với quân của Hung Nô đóng giữ biên ải giao chiến, bị giết hại rất nhiều, bèn xuôi nam hàng nhà Hán.

---ॐ---

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ MƯỜI BẢY]

TRUNG TÔNG HIẾU TUYÊN HOÀNG ĐẾ

Năm Địa Tiết thứ ba (Giáp Dần – TCN 67)

1. Mùa xuân, tháng ba, Đế hạ chiếu rằng:

"Trẫm thường nghe nói người có công không ban thưởng, kẻ có tội không giết phạt, dẫu là Đường Nghiêu, Ngu Thuấn cũng chẳng có cách gì để giáo hóa thiên hạ. Nay Tướng quốc nước Giao Đông là Vương Thành, lao nhọc siêng năng không trễ lười, lưu dân tự đến báo hộ tịch hơn tám vạn khẩu, có thành tích trị lý khác thường. Nay ban cho Thành tước Quan nội hầu, phẩm trật Trung nhị thiên thạch"

Còn chưa kịp trưng dụng, đúng lúc Thành bị bệnh chết khi đương chức. Sau đấy, Đế chiếu lệnh cho Thừa tướng, Ngự sử sai các Trưởng sử, Thủ thừa của các quận, quốc trình sổ sách về tài chính và hộ tịch lên triều đình, hỏi những điều được mất về chính lệnh. Có người thưa rằng:

- Tướng quốc nước Giao Đông lúc trước là Thành nói dối tự báo tăng thêm số lưu dân để nhận biếu chương khen thưởng.

Từ đấy về sau, tục lại đa phần báo thành tích hão, lừa dối để lấy tiếng.

2. Mùa hạ, tháng tư, ngày Mậu Thân, Đế lập con là Thích làm Hoàng thái tử, dùng Bính Cát làm Thái phó, Thái trung đại

phu Sơ Quảng làm Thiếu phó. Phong ông ngoại của Thái tử là Hứa Quảng Hán làm Bình Ân hầu. Lại phong người cháu của anh trai Quang là Trung lang tướng Vân làm Quan Dương hầu.

Hoắc Hiển nghe tin lập Thích làm Thái tử, tức giận bỏ ăn, thổ huyết, nói:

- Đấy là đứa con sinh trong lúc là kẻ bình dân, sao đáng được lập! Nếu như Hoàng hậu[1] có con trai, lại chỉ làm Vương chư hầu sao?

Lại sai Hoàng hậu hạ độc Thái tử. Hoàng hậu mấy lần triệu Thái tử đến ban đồ ăn, nhưng Bảo mẫu, A mẫu thường nếm trước; Hoàng hậu cầm thuốc độc mà không thi hành được.

3. Tháng năm, ngày Giáp Thân, Thừa tướng Hiền vì tuổi cao mắc bệnh xin về nghỉ; Đế ban cho trăm cân vàng, an xa, tứ mã, cho từ quan về nhà. Việc Thừa tướng được cho về nghỉ là bắt đầu từ Hiền.

4. Tháng sáu, ngày Nhâm Thìn, lấy Ngụy Tương làm Thừa tướng. Ngày Tân Sửu, lấy Bính Cát làm Ngự sử đại phu, lấy Sơ Quảng làm Thái tử Thái phó, lấy con của anh trai Quảng là Thụ làm Thiếu phó.

Ông ngoại của Thái tử là Bình Ân hầu Hứa Bá[2], cho rằng Thái tử còn nhỏ, bẩm xin sai em mình là Trung lang tướng Hứa Thuấn giám hộ Thái tử. Chúa thượng đem ý ấy ra hỏi Quảng, Quảng thưa rằng:

- Thái tử, là Trữ quân của quốc gia, sư hữu của Thái tử tất phải là người anh tuấn trong thiên hạ, chẳng nên chỉ dùng thân thích bên ngoại nhà họ Hứa. Vả lại Thái tử tự có Thái phó, Thiếu phó, quan thuộc đã hoàn chỉnh, nay lại sai Thuấn giám hộ Thái

---

[1] Tức Hoắc Thành Quân, con gái trong gia tộc họ Hoắc, là Hoàng hậu của Hán Chiêu đế lúc bấy giờ.

[2] Tức Quảng Hán, gọi là Bá, đại khái là tôn trọng Quảng Hán vậy.

tử, rõ là thể hiện sự nông cạn[1], không phải cách hay để truyền rộng cái đức của Thái tử ra thiên hạ.

Chúa thượng khen lời ấy, đem nói với Ngụy Tương, Tương cởi mũ tạ lỗi rằng:

- Đấy không phải là kiến thức mà thần theo kịp được vậy.

Quảng vì thế được Đế rất xem trọng.

5. Kinh sư có mưa đá lớn, Đại hành thừa là Tiêu Vọng Chi người quận Đông Hải dâng sớ, nói rằng có mưa đá là do đại thần nắm quyết việc triều chính, bởi một họ chuyên quyền mà dẫn đến. Chúa thượng vốn nghe danh Vọng Chi, bái làm Yết giả. Bấy giờ chúa thượng rộng rãi chiêu vời hiền tài, dân chúng nhiều người dâng thư kiến nghị việc thích hợp, chúa thượng thường giao xuống cho Vọng Chi thẩm xét thực trạng; người có tài cao thì giao cho Thừa tướng, Ngự sử, hạng dưới thì giao cho Trung nhị thiên thạch, sai dùng thử, đầy năm, đem thực trạng báo lên; hạng tài năng thấp thì tấu báo lên Hoàng đế, cho về quê. Những điều Vọng Chi bẩm tấu đều đúng ý, được phê chuẩn.

6. Mùa đông, tháng mười, Đế hạ chiếu rằng:

"Năm xưa, vào tháng chín ngày Nhâm Thân có động đất, trẫm rất lo sợ. Quần thần hãy khuyên răn lỗi lầm của trẫm, đều tiến cử bậc hiền lương phương chính và kẻ sĩ trực ngôn can gián thẳng để nắn sửa lỗi lầm cho trẫm, Hữu ti có lỗi sai cũng không phải né tránh! Trẫm vốn bất đức, chẳng thể khiến người phương xa quy phục, vì thế lính đồn trú biên cảnh chưa được nghỉ ngơi. Nay lại chỉnh binh gia tăng đồn trú, khiến bách tính lao khổ lâu dài, không phải là cách hay để vỗ về thiên hạ vậy. Trẫm ra lệnh giải tán binh đồn trú của Xa kỵ tướng quân và Hữu tướng quân!"

Lại hạ chiếu:

---

[1] Sư Cổ cho rằng: Chỉ thân gần với nhà ngoại, tức là thể hiện sự nông cạn ra với thiên hạ.

"Các ao hồ, vườn cấm mà trẫm chưa ghé đến, hãy đem cấp cho dân nghèo. Các cung thất, biệt quán trong các quận, quốc, chớ nên tu sửa lại. Lưu dân quay về quê quán, thì được cấp ruộng công, cấp cho họ lương thực và giống gieo trồng, tạm miễn thuế khóa và dao dịch cho bọn họ."

7. Họ Hoắc kiêu căng xa xỉ, phóng túng ngang ngược. Thái phu nhân Hiển sửa dựng phủ đệ lớn, chế tác loại xe kiệu có tay kéo, khắc vẽ tinh xảo, trên xe dùng đệm gấm thêu, thân xe dát vàng; bánh xe bọc da và bông mềm, thị tì dùng tơ ngũ sắc bện thành dây kéo đưa Hiển đi du ngoạn ở trong phủ; cùng Giám nô Phùng Tử Đô dâm loạn. Còn Vũ và Sơn cũng đều sửa dựng nhà cửa, phi ngựa ruổi rong tại Bình Nhạc quán. Hoắc Vân đang lúc triều hội, mấy lần xưng bệnh bí mật ra ngoài du ngoạn, đem theo nhiều tân khách, đến núi Hoàng trong vườn cấm quây thú để săn bắn, sai Thương đầu nô[1] thay mình lên triều yết kiến, chẳng ai dám lên án chỉ trích. Hiển và các con gái của mình sớm khuya ra vào cung Trường Tín, không có hạn độ nào.

Đế từ lúc ở trong dân, nghe biết họ Hoắc tôn quý cường thịnh lâu ngày, trong lòng không cho là việc hay. Sau khi tự thân nắm triều chính, sai Ngự sử đại phu Ngụy Tương nhận chức Cấp sự trung. Hiển bảo với Vũ, Vân và Sơn rằng:

- Bọn bay không ra sức kế nghiệp thừa của Đại tướng quân, nay Đại phu làm Cấp sự trung, lỡ ra có người ở trung gian khêu chọc, bọn bay có thể tự cứu mình chăng?

Về sau, gia nô của hai nhà Hoắc, Ngụy tranh đường, bọn gia nô nhà họ Hoắc xông vào phủ Ngự sử, định đạp cửa nhà Đại phu; Ngự sử khấu đầu tạ lỗi, chúng mới bỏ đi. Có người đem việc ấy bảo với Hoắc thị, bọn Hiển bắt đầu cảm thấy lo lắng.

---

[1] Thương đầu nô (仓头奴), là hạng nô bộc có thứ hạng cao, đầu buộc khăn xanh để phân biệt với thường dân.

Lúc Ngụy đại phu làm Thừa tướng, những lúc Đế an nhàn sai triệu kiến bàn việc; Bình Ân hầu và bọn Thị trung Kim An Thượng được trực tiếp ra vào cung cấm. Bấy giờ Hoắc Sơn quản việc Thượng thư, chúa thượng lại ra lệnh cho quan dân được dâng tấu thư dán kín, không qua cửa Thượng thư, quần thần trực tiếp qua lại tấn kiến Đế, vì thế họ Hoắc rất căm ghét.

Chúa thượng nghe khá nhiều tin tức về việc họ Hoắc hạ độc giết Hứa hậu nhưng chưa tra xét, bèn chuyển con rể của Quang là Độ Liêu tướng quân, Vệ úy cung Vị Ương, Bình Lăng hầu Phạm Minh Hữu sang làm Quang lộc huân, tiếp đó điều con rể thứ của Quang là Chư lại, Trung lang tướng, Vũ lâm giám Nhâm An làm Thái thú An Định. Mấy tháng sau, lại chuyển anh rể của Quang là Cấp sự trung, Quang lộc đại phu Trương Sóc làm Thái thú Thục Quận, chuyển cháu rể của Quang là Trung lang tướng Vương Hán làm Thái thú Vũ Uy. Không lâu sau lại chuyển con rể trưởng của Quang là Đặng Quảng Hán từ chức Vệ úy cung Trường Lạc sang làm Thiếu phủ. Ngày Mậu Tuất, đổi dùng Trương An Thế làm Vệ tướng quân, Vệ úy của hai cung, thành môn[1] và binh của Bắc quân đều thuộc quyền thống quản của Trương An Thế. Lấy Hoắc Vũ làm Đại tư mã, đội mũ Tiểu quan,[2] không ban ấn thụ; triệt bỏ thuộc quan và binh đồn trú của Vũ, chỉ để quan danh của Vũ giống như Hoắc Quang, đều là Đại tư mã. Lại thu ấn thụ Độ Liêu tướng quân của Phạm Minh Hữu, chỉ cho nhận chức Quang lộc huân; còn một người con rể của Quang là Triệu Bình vốn là Tán kỵ, Kỵ đô úy, Quang lộc đại phu, thống lĩnh binh đồn trú, cũng bị thu lại ấn thụ Kỵ đô úy. Những người thống lĩnh kỵ binh người Hồ, người Việt, quân Vũ lâm và quân vệ đồn trú của hai cung Vị

---

[1] Hai cung ở đây tức là cung Vị Ương và cung Trường Lạc; thành môn, tức là quân giữ mười hai cửa thành của kinh đô vậy.

[2] Hoắc Vũ làm Hữu tướng quân, được đội mũ lớn (đại quan), vì bị giáng chức làm Đại tư mã, chỉ được đội mũ nhỏ (tiểu quan).

Ương, Trường Lạc hết thảy đổi dùng con em thân tín của họ Hứa, họ Sử thay thế.

8. Khi trước, thời Hiếu Vũ, trưng phát liên miên, bách tính hao sút bần hàn, dân chúng cùng khổ phạm pháp, kẻ gian tác loạn chẳng ngăn nổi, vì thế Đế lệnh sai lũ Trương Thang, Triệu Vũ phân tích chế định pháp lệnh, đặt ra phép "Kiến tri cố túng" và "Giám lâm bộ chủ",[1] tội khoan hoãn và cố ý hãm hại người, trị nặng giết kẻ buông tha tội phạm. Về sau lũ quan lại gian hoạt đùa bỡn pháp luật đảo chuyển tình huống cho nhau, khiến phép cấm ngày càng nghiêm ngặt, luật pháp rườm rà, văn kiện chất đầy lầu gác, quan chủ quản chẳng thể xem hết. Vì thế các quận, quốc dẫn dụng hỗn loạn, có khi đồng tội mà luận xử khác hẳn nhau, kẻ gian lại nhân cơ hội ấy làm chuyện mua bán, muốn cho sống thì nghị bàn giúp được sống, muốn bắt chết thì dẫn dụng điều văn đưa đến chỗ chết, mọi người nghị bàn về pháp luật đều cảm thấy bi thương vì sự oan khuất.

Đình úy sứ Lộ Ôn Thư người quận Cự Lộc dâng thư nói:

"Thần nghe nói nước Tề có cái họa Vô Tri mà Hoàn công nhờ đó hưng khởi, nước Tấn có cái nạn Ly Cơ mà Văn công tạo thành nghiệp bá;[2] *đời gần đây Triệu vương chẳng được trọn vẹn, các người họ Lã tác loạn, mà Hiếu Văn được tôn làm Thái tông.*[3] *Từ đó mà xét, khi họa loạn phát tác, bậc thánh nhân thường xuất hiện vậy. Xét ra, kế sau cơn biến nạn, tất nảy sinh người tài đức khác thường, đấy là cái cách mà bậc hiền thánh tỏ rõ thiên mệnh vậy. Trước kia Chiêu đế lìa*

---

[1] Đại để: "Biết kẻ phạm pháp mà không tấu báo lên" và "Trưởng quan có tội, liêu thuộc mắc tội liên đới."

[2] Thời Xuân Thu, Tề Tương công bị Công tử Vô Tri giết, Ung Lẫm lại giết Vô Tri, nước Tề đại loạn, rồi sau Hoàn công từ nước Cử về và được lập, làm nên nghiệp bá. Tấn Hiến công tin lời gièm của Ly Cơ, giết Thử tử Thân Sinh, đuổi Công tử Di Ngô, Trùng Nhĩ, lập con của Ly Cơ là Hề Tề, Trác Tử, đều bị Lý Khắc giết, nước Tấn loạn. Đến cuối cùng, Công tử Trùng Nhĩ được lập, trở thành Tấn Văn công, làm nên nghiệp bá.

[3] Xem Hán kỷ, quyển 5, sự kiện năm thứ tám, đời Cao Hoàng hậu.

đời không có con kế, Xương Ấp dâm loạn, chính là cái cách mà thượng thiên mở lối cho bậc quân chủ thánh minh. Thần nghe nói Kinh Xuân Thu xem kế thừa chính thống là tức vị,[1] *là vì tôn trọng ngôi chính thống nên thận trọng với việc khai sáng sự nghiệp vậy. Bệ hạ mới lên ngôi chí tôn, phù hợp thiên ý, nên nắn sửa cái sai lầm của đời trước, để tỏ rõ việc mình kế thừa chính thống, quét sạch thứ điều văn pháp lệnh phiền toái, giải trừ nỗi khổ cho dân, để xứng với ý trời.*

Thần nghe nói nhà Tần có mười điều lỗi, nay một điều trong số ấy vẫn còn, là việc quan lại coi xét hình ngục vậy. Xét hình ngục, là nắm giữ tính mệnh của người thiên hạ, người chết rồi thì chẳng thể sống lại, thân thể bị cắt đứt thì chẳng thể nối lại. Kinh Thư nói: 'Dữ kỳ bất sát cô, ninh thất bất kinh.[2]*' Nay quan lại xét ngục thì không như thế, trên dưới đua nhau, cho rằng hà khắc là nghiêm minh, khốc bạo là được danh 'công chính', công bình là rước họa về sau. Cho nên quan lại xét án ngục đều muốn đưa người ta đến chỗ chết, đấy không phải vì họ ghét hận người khác, mà dẫn người khác đến chỗ chết là cái cách để họ tự cầu an thôi. Vì thế máu của người chết chảy dài ngoài chợ, tù đồ chịu hình sánh vai mà đứng, kẻ bị tử hình mỗi năm tính ra cả vạn người. Đấy là lý do khiến bậc thánh minh nhân từ cảm thấy bi thương, thời thái bình thịnh trị chưa đến được, đại khái là vì như thế vậy.*

Thói thường của người đời, yên ổn thì vui sống, đau đớn thì mong chết, đòn roi giáng xuống, đòi gì mà chẳng được? Cho nên lúc tù phạm chẳng thể chịu được đau đớn, thì tô vẽ lời cung để báo lên; quan lại xét án thấy lời cung có lợi, thì chỉ đạo để làm rõ tội danh; còn sợ lời tấu dâng lên bị bác bỏ, thì mài giũa tội trạng thành chu toàn kín mít. Đại khái tấu tội đã thành, dẫu Cao Đào[3] *nghe xét án ấy, cũng cho là tội phạm chết còn dư tội. Vì sao? Lưới tội dệt chằng chịt, điều văn dẫn*

---

[1] Theo phép tắc chép *kinh Xuân thu*, thí vua cướp ngôi không được chép là tức vị, kế nối ngôi chính thức mới được chép là tức vị. Ý nói là "chính đáng" vậy.

[2] "Nếu phải giết người vô tội, thà rằng mắc lỗi không tuân phép tắc". Câu trong thiên Đại vũ mô.

[3] Một nhân vật thời Đường Ngu, nổi tiếng về tài xét án.

tội quá rõ ràng vậy. Cho nên tục ngữ nói: 'Họa địa vi ngục, nghị bất nhập; khắc mộc vi lại, kỳ bất đối.'[1] *Đấy đều là những lời bi phẫn thương đau, thống hận cái phong khí ngục lại nghiêm khốc vậy. Mong Bệ hạ giảm bớt pháp lệnh, nới lỏng hình phạt, thì phong khí thái bình có thể hưng khởi ở đời."*

Chúa thượng khen lời ấy.

9. Tháng mười hai, Đế hạ chiếu rằng:

"Gần đây, quan lại múa chữ đùa bỡn pháp luật ngày càng nghiêm trọng, là do trẫm bất đức vậy. Quyết ngục không thỏa đáng, khiến kẻ có tội càng tác ác, người vô tội bị giết chóc, cha con bi phẫn, trẫm rất xót thương! Nay đã phái Đình úy sử tham dự việc xét ngục của quận, nhưng chức quyền nhỏ bổng lộc ít, nên đặt thêm chức Đình úy bình, phẩm trật sáu trăm thạch, cả thảy bốn người. Phải gắng phán xét công bình, để xứng ý trẫm!"

Vì thế cuối thu hàng năm, sau khi định án ngục, chúa thượng thường đến điện Tuyên Thất, tiến hành trai giới rồi quyết án, việc hình ngục được khen là công bằng.

Thái thú Trác Quận là Trịnh Xương dâng sớ nói:

"Nay chúa thượng thánh minh tự mình xử quyết hình ngục, dẫu chẳng đặt chức Đình úy bình, án ngục sẽ tự chính xác công bằng; nhưng nếu muốn vì hậu thế lập phép tắc, chẳng gì bằng sửa đổi và

---

[1] Đây là một câu tục ngữ cổ, mang hai ý nghĩa.

- Vào thời Thương Chu phong tục thuần phác, dân chúng tôn trọng pháp luật, cho nên ngục lại chỉ mang ý nghĩa tượng trưng: Vạch đất làm lao ngục, dân chúng bàn tán mà không dám đi vào; khắc gỗ làm ngục lại, ngục lại chỉ là tượng trưng, dân chúng nhìn mà không phản đối. Câu này khen hình pháp nhẹ nhàng, chỉ có ý nghĩa tượng trưng, mà dân chúng vẫn tôn trọng pháp luật.

- Đến thời Tần, Hán, pháp luật quá đỗi nặng nề, quan lại chỉ cần vạch vòng tròn trên mặt đất là thành phòng giam, dân chúng xôn xao bàn luận, mong muốn bản thân mình không bị kéo vào cái vòng đó; chỉ cần khắc gỗ là đủ giống bọn quan lại hung ác, dân chúng mong không gặp phải loại ngục lại như vậy. Câu này có ý thống hận hình pháp nặng nề thời bấy giờ.

Câu mà Lộ Ôn Thư dẫn ra là ở ý thứ hai, hàm ý chê bao hình ngục nặng nề.

chế định luật lệnh. Luật lệnh một khi đã xác định, dân chúng ngu muội biết cái chỗ phải tránh, mà quan lại gian xảo không có chỗ để đùa bỡn pháp lệnh rồi. Nay chẳng nắn sửa cái gốc của pháp luật, chỉ đặt chức Đình úy bình để chỉnh lý cái ngọn của pháp luật, đến khi Bệ hà vì việc triều chính suy mỏi, phán quyết hình ngục có trễ nải, thì Đình úy bình sẽ nắm quyền đùa bỡn pháp lệnh, trở thành kẻ đầu sỏ gây loạn rồi."

10. Thời Chiêu đế, Hung Nô sai bốn nghìn quân kỵ đi săn ở nước Xa Sư. Kịp lúc năm vị tướng quân đi đánh Hung Nô,[1] quân Hung Nô săn bắn ở nước Xa Sư kinh sợ rút lui, nước Xa Sư lại thông sứ với Hán triều; Hung Nô giận, triệu Thái tử nước Xa Sư là Quân Túc đến, muốn dùng làm con tin. Quân Túc, là cháu ngoại của Yên Kỳ vương, không muốn đi sang Hung Nô làm con tin, bỏ trốn đến Yên Kỳ, Xa Sư vương đổi lập con là Ô Quý làm Thái tử. Lúc Ô Quý được lập làm Vương, cùng Hung Nô kết hôn nhân, kiến nghị với Hung Nô chặn đường thông sứ của nhà Hán với nước Ô Tôn.

Năm ấy, Thị lang Trịnh Cát người quận Cối Kê cùng Hiệu úy Tư Mã Hí thống suất phạm nhân được miễn tội hình đi làm đồn điền tại Cừ Lê, tích thóc, trưng phát hơn một vạn binh của các thành thuộc các nước Tây Vực hợp với một nghìn năm trăm quân sĩ làm ruộng cùng đánh nước Xa Sư, phá được; Xa Sư vương xin hàng. Hung Nô phát binh tấn công nước Xa Sư; Cát và Hí dẫn binh lên bắc đón đánh, quân Hung Nô không dám tiến. Cát, Hí liền để lại một người tên Hậu và mười hai tên lính giám xét Xa Sư vương, bọn Cát dẫn binh quay về Cừ Lê. Xa Sư vương sợ binh Hung Nô lại đến thì bị giết, bèn một mình cưỡi ngựa trốn đến nước Ô Tôn. Cát lập tức đón vợ con của Xa Sư vương, dùng ngựa trạm đưa đến Trường An. Hung Nô lại dùng em của Xa Sư vương là Đâu Mạc làm Xa Sư vương, thu dân

[1] Việc được nói ở Hán kỷ quyển 16, năm Bản Thủy thứ ba.

chúng còn lại của nước Xa Sư dời sang đông, không dám ở lại đất cũ; Trịnh Cát bắt đầu sai ba trăm quan binh đi đến đất Xa Sư làm đồn điền, bổ sung người vào đất ấy.

11. Chúa thượng từ lúc mới tức vị, mấy lần phái sứ giả đi tìm người nhà bên ngoại; vì thời gian đã quá lâu, nhiều lần tựa như tìm thấy mà không phải. Năm ấy, tìm được bà ngoại là Vương Ảo cùng hai con trai của Ảo là Vương Vô Cố và Vương Vũ. Chúa thượng ban cho Vô Cố và Vũ tước Quan nội hầu. Trong vòng một tuần, ban thưởng tính kể ức vạn.

Năm Địa Tiết thứ tư (Ất Mão – TCN 66)

1. Mùa xuân, tháng hai, Đế ban cho bà ngoại mình hiệu Bác Bình quân; phong cho người cậu là Vô Cố tước Bình Xương hầu, Vũ làm Lạc Xương hầu.

2. Mùa hạ, tháng năm, vùng Sơn Dương, Tế Âm có mưa đá, đá lớn như trứng gà, sâu hai thước năm tấc, hơn hai mươi người bị hại, chim đang bay đều chết hết.

3. Đế hạ chiếu rằng:

"Từ nay về sau, phàm là con che giấu cha mẹ, vợ che giấu chồng, cháu che giấu ông bà, đều không trị tội."

4. Đế lập cháu của Quảng Xuyên Huệ vương là Lưu Văn làm Quảng Xuyên vương.[1]

5. Hoắc Hiển và Vũ, Sơn, Vân tự thấy quyền thế ngày càng bị xâm đoạt, nhiều lần đối mặt nhau khóc lóc tự oán. Sơn nói:

- Nay Thừa tướng nắm quyền, được triều đình tín nhiệm, các pháp lệnh thời Đại tướng quân thay đổi hết, chuyên bêu cái lỗi sai của Đại tướng quân. Thêm nữa, các Nho sinh đa phần

[1] Năm Bản Thủy thứ tư, Quảng Xuyên vương Lưu Khứ mắc tội tự sát, nay lại lập Văn, cho kế tự, phong Vương.

xuất thân bần tiện, là những kẻ đói rét từ phương xa đến kinh thành, ưa việc xằng bậy nói lời ngông cuồng, chẳng úy kỵ né tránh, Đại tướng quân thường căm ghét chúng như cừu thù. Nay Bệ hạ ưa thích lời bàn của bọn Nho sinh, người người tự dâng thư đối đáp, đa phần nói xấu nhà ta. Từng có người dâng thư nói anh em ta kiêu căng phóng túng, lời của hắn hết sức kịch liệt; bị Sơn này chèn ép không tấu được. Về sau kẻ dâng tấu thư ngày càng giảo hoạt, thư tấu lên đều dán kín, chúa thượng thường sai Trung thư lệnh ra ngoài lấy, không qua cửa Thượng thư, ngày càng không tín nhiệm ta. Lại nghe nói trong dân gian nhao nhao đồn đại "Họ Hoắc đầu độc giết Hứa hoàng hậu", há có việc ấy chăng?

Hoắc Hiển rất sợ hãi, lập tức đem hết sự thực bảo với Vũ, Sơn và Vân. Vũ, Sơn, Vân kinh hãi nói:

- Nếu có như thế, sao chẳng sớm bảo với bọn Vũ! Triều đình chia rẽ, ruồng đuổi các con rể nhà họ Hoắc, là vì duyên cớ ấy vậy. Đấy là việc lớn, chuyện trừng phạt tất không nhỏ, phải làm sao đây?

Vì thế bắt đầu tính mưu gian.

Cậu của Vân là Lý Cánh có bằng hữu tên là Trương Xá, thấy người nhà Vân hoảng hốt, bảo với Cánh rằng:

- Nay Thừa tướng và Bình Ân hầu nắm quyền, nên khiến cho Thái phu nhân nói với Thái hậu, giết hai người ấy trước; phế bỏ hoàng thượng, đổi lập vua mới, là ở Thái hậu thôi.

Có gã nam tử người Trường An là Trương Chương cáo giác việc ấy, Đế giao việc xuống cho Đình úy và Chấp kim ngô xử, bắt bọn Trương Xá. Sau đấy Đế hạ chiếu, cấm không được bắt người. Bọn Sơn càng sợ, bảo nhau rằng:

- Đấy là chúa thượng tôn trọng Thái hậu, nên không truy cứu tận vậy. Nhưng mầm ác đã xuất hiện, thời gian lâu sẽ phát tác, phát tác tức là họa diệt tộc rồi, chẳng gì bằng ra tay trước.

Bèn lệnh cho các con gái nhà họ Hoắc đều về bảo với chồng mình, nói rằng: "Làm sao tránh họa cùng nhau?"

Đúng lúc Lý Cánh bị buộc tội giao kết qua lại với Vương chư hầu, lời cung có liên quan đến họ Hoắc, Đế hạ chiếu nói:

- Vân, Sơn chẳng thích hợp làm túc vệ trong cung, cho miễn chức về nhà.

Thái thú Sơn Dương là Trương Sưởng dâng thư dán kín nói:

"Thần nghe nói Công tử Quý Hữu có công với nước Lỗ, Triệu Thôi có công với nước Tấn, Điền Hoàn có công với nước Tề, bọn họ đều được đáp công, nối dài đến cháu con. Rút cục về sau họ Điền soán ngôi ở nước Tề,[1] họ Triệu chia ba nước Tấn,[2] họ Quý Tôn chuyên quyền tại nước Lỗ.[3] Cho nên Trọng Ni sáng tác Kinh Xuân Thu, theo vết tích xét nguyên nhân hưng suy, chê bai chế độ quan khanh đại phu kế nối nhau rất thậm tệ.

Lúc trước Đại tướng quân quyết đại kế, yên tông miếu, định thiên hạ, công lao cũng chẳng phải nhỏ vậy. Xét ra, Chu công phụ chính chỉ bảy năm thôi, còn Đại tướng quân nắm quốc gia hơn hai mươi năm, vận mệnh thiên hạ quyết ở trong tay.[4] Đương lúc thế của họ Hoắc cường thịnh, uy lay chuyển trời đất, thế lấn át âm dương. Triều thần đáng lẽ phải có người nói rõ rằng: 'Bệ hạ tuyên dương sủng tín cố Đại tướng quân để báo đáp công đức là đủ rồi. Gần đây đại thần phụ chính chuyên quyền triều chính, thế lực quý thích quá thịnh, phận

---

[1] Điền Hoàn từ nước Trần chạy sang nước Tề, được Tề Hoàn công hậu đãi; Hoàn công làm nên nghiệp bá, Điền Hoàn cũng góp công. Về sau con cháu Điền Hoàn đoạt lấy nước Tề của họ Khương, lập nên nước Tề của họ Điền.

[2] Công tử Trùng Nhĩ trốn khỏi nước Tấn, Triệu Thôi tòng vong; sau Trùng Nhĩ về nước, trở thành Tấn Văn công, xưng bá chư hầu, Triệu Thôi cũng góp công lớn, được phong làm Thượng khanh. Sau này con cháu Triệu Thôi cùng hai họ Hàn, Ngụy chia ba nước Tấn.

[3] Sự tích về Công tử Quý Hữu và họ Quý Tôn xin xem lại chú thích ở quyển trước, sự kiện năm Địa Tiết thứ 2.

[4] Chu công phụ tá Thành vương nhà Chu bảy năm rồi trao trả quyền chính cho vua. Hoắc Quang nắm quyền từ năm Hậu Nguyên thứ hai đời Hán Vũ đế cho đến tận lúc chết, là năm Địa Tiết thứ hai đời Hán Tuyên đế, tức đã qua hai mươi năm vậy.

quân thần chẳng phân biệt rõ, xin hãy bãi chức Tam hầu của họ Hoắc, cho bọn họ quay về phủ đệ; còn Vệ tướng quân Trương An Thế, nên ban Kỷ trượng cho về nhà nghỉ, tùy thời thăm hỏi triệu kiến, sai lấy thân phận Liệt hầu làm sư trưởng của Thiên tử.' Bệ hạ ban chiếu thi ân cho bọn họ, không theo thỉnh cầu của đại thần, quần thần vì nghĩa cố sức can ngăn rồi sau Bệ hạ mới đồng ý, người thiên hạ nhất định cho rằng Bệ hạ không quên công đức của họ Hoắc mà triều thần hiểu rõ lễ nghĩa, họ Hoắc đời đời không lo họa. Vậy mà triều đình chẳng ai nói lời thẳng, khiến Bệ hạ phải tự hạ chiếu, đấy không phải là kế sách hay vậy. Hiện nay hai người giữ tước hầu nhà họ Hoắc đã bị đuổi khỏi cung đình, thói thường của người đời đại khái suy nghĩ chẳng khác nhau, lấy cái tâm của thần tính xét, Đại tư mã và liêu thuộc của ông ấy tất có lòng lo sợ. Khiến cận thần tự thấy nguy cơ, đấy không phải là kế vạn toàn. Thần là Sưởng mong được ở giữa triều đường công khai đề xuất ý kiến làm đầu mối, chỉ vì thân giữ quận xa, không có cách nào thực hiện, xin Bệ hạ xét kỹ."

Chúa thượng rất khen kế ấy, nhưng không triệu Sưởng.

Trong nhà bọn Vũ, Sơn nhiều lần xuất hiện những việc quái lạ, cả nhà lo buồn. Sơn nói:

- Thừa tướng tự tiện giảm bớt đồ tế tự tông miếu, dùng thịt dê, thỏ và ếch, nên mượn cớ ấy hỏi tội vậy![1]

Bèn mưu bàn khiến Thái hậu là Bác Bình quân đặt tiệc rượu, triệu Thừa tướng, Bình Ân hầu và thuộc hạ của họ, sai Phạm Minh Hữu, Đặng Quảng Hán vâng chế của Thái hậu đem họ ra chém, nhân đó phế Thiên tử mà lập Vũ. Ước định xong, chưa phát động, Vân được bái làm Thái thú Huyền Thố, Thái trung đại phu Nhâm Tuyên được bái làm Thái thú Đại Quận. Đúng lúc việc bị phát giác, mùa thu, tháng bảy, Vân, Sơn và Minh Hữu tự sát. Bọn Hiển, Vũ và Quảng Hán bị bắt; Vũ bị chém

[1] Theo lệ xưa, tế tự tông miếu dùng cỗ thái lao, gồm thịt bò, dê, lợn. Nay dùng thịt dê, thỏ và ếch là trái điển chế.

ngang lưng, Hiển và tất cả chị em đều bị chém vứt xác ngoài chợ; những người liên quan đến họ Hoắc bị tru diệt đến mấy chục nhà. Thái phó Đỗ Diên Niên vì là gia thần cũ nhà họ Hoắc, cũng bị cách chức quan. Tháng tám, ngày Kỷ Dậu, Hoàng hậu Hoắc thị bị phế, giam đày ở cung Chiêu Đài[1]. Ngày Ất Sửu, Đế hạ chiếu phong tước cho những người báo mưu phản nghịch của họ Hoắc là nam tử Trương Chương, Kỳ môn Đổng Trung, Tả tào Dương Uẩn, Thị trung Kim An Thượng, Sử Cao đều làm Liệt hầu.[2]

Uẩn, là con của Thừa tướng Sưởng; An Thượng, là con của em trai Xa kỵ tướng quân Kim Nhật Đê; Cao, là con của anh trai Sử lương đệ vậy.

Khi trước, họ Hoắc xa xỉ, người huyện Mậu Lăng là Từ Sinh nói:

- Họ Hoắc tất diệt vong. Phàm là xa xỉ thì không khiêm tốn, không khiêm tốn thì khinh lờn bề trên, khinh lờn bề trên, là trái đạo vậy, ở trên người tất có nhiều người ghét hại. Họ Hoắc nắm quyền lâu ngày, người ghen ghét họ rất nhiều rồi; người bị thiên hạ căm ghét, lại hành sự trái đạo, há chẳng diệt vong sao?

Bèn dâng sớ nói:

"Họ Hoắc quyền thế quá thịnh, Bệ hạ nếu như yêu thích hậu đãi họ, cũng nên tùy thời ước thúc hạn chế, không để bọn họ đi đến chỗ diệt vong!"

Thư dâng lên ba lần, Thiên tử thường phê đã xem, trả lại. Về sau cả nhà họ Hoắc bị diệt, rồi những người cáo giác họ Hoắc đều được phong thưởng, có người vì Từ Sinh dâng thư nói:

"Thần nghe nói có người khách đến nhà chủ nhân bái phỏng, thấy cái ống khói của nhà ấy kề bên đống củi, khách bảo chủ nhân rằng:

---

[1] Chương làm Bác Thành hầu, Trung làm Cao Xương hầu, Uẩn làm Bình Thông hầu, An Thượng làm Đô Thành hầu, Cao làm Lạc Lăng hầu.

[2] Cung Chiêu Đài nằm trong vườn thượng uyển.

'Nên chuyển ống khói đi, dời ra xa đống củi, không như thế sẽ phát sinh hỏa hoạn!' Chủ nhân lặng im không đáp. Không lâu sau nhà ấy quả nhiên phát hỏa, làng xóm cùng đến cứu hỏa, may mà dập tắt được. Vì thế chủ nhân giết bò bày rượu, tạ ơn hàng xóm của mình, người bị cháy nhà ngồi chỗ tôn kính, những người còn lại theo công lao lần lượt ngồi, nhưng không ghi công người khuyên dời ống khói. Có người bảo chủ nhân rằng: 'Lúc trước nếu nghe lời người khách, chẳng phải phí bò, rượu, rút cục không có hỏa hoạn. Nay luận công mời khách, người khuyên dời ống khói ra xa đống củi không được đáp công, mà người cứu hỏa cháy sém đầu tóc lại thành thượng khách sao?' Chủ nhân mới tỉnh ngộ rồi mời khách ấy đến. Nay người huyện Mậu Lăng là Từ Phúc[1] nhiều lần dâng thư nói họ Hoắc sắp gây biến, nên đề phòng lấp tuyệt họa. Ví như lời khuyên của Phúc được đón nhận, thì quốc gia không phải cắt đất phí tước, tôi thần không có cái mưu nghịch loạn gặp đại họa di diệt. Nay việc đã qua, mà riêng Phúc không được thưởng công, mong Bệ hạ xét soi, nên xem trọng cái kế dời ống khói ra xa đống củi, ban cho Phúc công cao hơn người cứu hỏa cháy sém đầu!"

Chúa thượng bèn ban cho Phúc mười thất lụa bạch, sau dùng làm quan Lang.

Lúc Đế mới tức vị, qua bái yết miếu Cao tổ, Đại tướng quân Quang tham thừa, Đế trong lòng kính sợ Quang, như có gai nhọn ở sau lưng. Về sau Xa kỵ tướng quân Trương An Thế thay Quang tham thừa, Thiên tử ung dung thư thái, rất yên ổn thân gần. Đến lúc Quang chết rồi tông tộc bị diệt hết, lời tục truyền kể rằng cái họa nhà họ Hoắc manh nha từ lúc Quang làm tham thừa. Sau đấy mười hai năm, Hoắc hậu lại bị đày đến Vân Lâm quán, bèn tự sát.

Ban Cố tán rằng: Hoắc Quang nhận trọng trách phò tá chúa nhỏ lúc còn trong địu, nhận phó thác của Hán thất, khuông phò quốc gia, yên định xã tắc, che chở Chiêu đế, dựng lập Tuyên đế, dẫu Chu công,

---

[1] Từ Phúc, tức Từ Sinh vậy.

A hành[1] *lấy gì hơn được? Nhưng Quang bất học vô thuật, tối tăm với đạo lý lớn; giấu cái mưu tà ác của vợ, lập con gái làm Hoàng hậu, chìm đắm với dục vọng tràn ứ, khiến họa nhà thêm đảo điên, chết mới ba năm, tông tộc bị di diệt, đáng thương thay!*

Thần Quang nói: Hoắc Quang phù tá Hán thất, có thể gọi là trung rồi; nhưng rút cục chẳng thể che chở được cho tông tộc của mình, sao vậy? Ôi, uy phúc[2]*, là khí độ của người làm vua vậy; kẻ nhân thần giữ lấy, rất lâu chẳng trả lại, thì ít khi thoát cảnh diệt vong rồi. Vốn dĩ Hiếu Chiêu sáng suốt, mới mười bốn tuổi mà biết được cái gian trá của Thượng Quan Kiệt, cho nên có thể tự mình xử lý triều chính rồi. Huống chi Tuyên đế mười chín tuổi tức vị, thông minh cương nghị, biết được nỗi khốn khổ của dân, mà Quang vẫn độc chiếm đại quyền lâu, chẳng biết lui tránh, ra sức vun trồng đảng riêng, sung đầy triều đình, khiến bậc nhân chủ nuôi hận ở trên, quan dân tích oán ở dưới, nghiến răng lườm nguýt, đợi thời mà phát động, Quang tự thoát thân tránh họa là đã may mắn lắm rồi, huống chi con cháu lại càng kiêu căng xa xỉ mà yên ổn được sao? Tuy nhiên, nếu Hiếu Tuyên chuyên dùng bổng lộc và phẩm trật ban cho con cháu Quang, cho họ ăn lộc huyện lớn, đặc cách mời dự triều hội, cũng đủ để báo đức lớn rồi; nhưng Tuyên đế lại vẫn cho họ chủ trì triều chính, trao cho nắm binh quyền, rồi đến lúc sự việc quá nghiêm trọng, mới tước đoạt gia tài của họ, vì thế dẫn họ đến chỗ sợ hãi oán hận thành nảy sinh gian mưu, há phải chỉ do bọn người họ Hoắc tự mình rước họa đến ư? Cũng bởi Hiếu Tuyên nuôi dưỡng mối họa mà thành như thế vậy. Xưa kia Đấu Tiêu tác loạn ở nước Sở, Trang vương diệt tộc ông ta mà tha tội cho Châm doãn Khắc Hoàng, cho rằng nếu không có người nối dõi Tử Văn, thì lấy gì để khuyến thiện.*[3] *Xét ra, tội của bọn Hiển, Vũ, Vân,*

---

[1] A hành, là quan hiệu của Y Doãn vậy. Chu công phụ tá vua nhỏ Thành vương nhà Chu; Y Doãn phụ tá vua nhỏ Thái Giáp nhà Thương.

[2] Ý nói việc tỏ uy ban phúc, nêu cái uy nghiêm của người nắm giữ quyền bính.

[3] Đấu Tiêu là em của Tử Văn, làm Lệnh doãn nước Sở, vì bị người khác nói dèm, sợ vạ nên nổi loạn, Sở Trang vương dẹp được loạn, giết nhà họ Đấu, nhưng tha cho Châm doãn là Khắc Hoàng (cháu của Lệnh doãn Tử Văn) để nối dõi dòng tộc.

Sơn tuy là xứng bị di diệt, nhưng cái công huân trung thành của Quang chẳng nên không có người tế tự; vậy mà khiến cho gia tộc của Quang không một ai sống sót, Hiếu Tuyên cũng thiếu ân lắm vậy!

6. Tháng chín, Đế hạ chiếu giảm giá muối trong thiên hạ. Lại lệnh cho các quận, quốc hàng năm dâng lên danh sách tù phạm vì chịu đòn roi hoặc đói rét mà chết, bao gồm tội trạng, danh tính, tước vị và quê quán, Thừa tướng và Ngự sử khảo xét cái hơn kém của quan viên địa phương đem việc báo lên.

7. Tháng mười hai, Thanh Hà vương Lưu Niên mắc tội loạn luân bị phế, đày đến Phòng Lăng.

8. Năm ấy, Thái thú Bắc Hải là Chu Ấp người quận Lư Giang vì có thành tích trị lý tốt nhất được triệu triều về làm Đại tư nông, Thái thú Bột Hải là Cung Toại được triệu về triều làm Thủy Hành đô úy.

Trước đấy, các quận xung quanh quận Bột Hải gặp cảnh mất mùa, đạo tặc cùng nổi lên, Nhị thiên thạch chẳng thể cầm bắt khống chế. Chúa thượng tuyển quan viên có tài trị lý, Thừa tướng và Ngự sử tiến cử Lang trung lệnh Cung Toại của nước Xương Ấp cũ, chúa thượng bái Toại làm Thái thú Bột Hải. Lúc triệu kiến, hỏi:

- Dùng cách gì để trị lý quận Bột Hải, dập tắt ngay được nạn đạo tặc ở đó?

Toại thưa rằng:

- Quận này ở ven biển, xa kinh sư, chẳng thấm giáo hóa của thánh triều, dân ở đấy khốn bởi cảnh cơ hàn mà quan lại không thương xót, cho nên khiến con dân của Bệ hạ trộm lấy binh khí của Bệ hạ múa may trong chốn ao đầm thôi. Nay Bệ hạ muốn sai thần trấn áp chúng chăng? Hay chiêu an bọn chúng vậy?

Chúa thượng nói:

- Trẫm tuyển dụng bậc hiền lương, cố nhiên là muốn chiêu an chúng vậy.

Toại nói:

- Thần nghe nói trị dân tác loạn cũng giống như gỡ đoạn dây rối, chẳng thể gấp gáp được; chỉ nên thong thả, rồi sau mới có thể trị. Thần mong Thừa tướng, Ngự sử không dùng điều văn pháp lệnh câu thúc thần, nhất thiết phải cho thần được tùy nghi hành sự.

Chúa thượng đồng ý, ban thưởng thêm vàng, phái đi. Toại ngồi xe trạm đến địa giới quận Bột Hải, quận nghe tin có tân Thái thú đến, phát binh để nghênh đón. Toại đều sai quay về, rồi gửi thư sắc lệnh cho các huyện thuộc rằng:

"Bãi bỏ hết các quan lại đuổi bắt đạo tặc, phàm là những kẻ cầm cày bừa, liềm hái và các thứ nông cụ làm ruộng đều là dân lành, quan lại không được truy vấn; người cầm binh khí mới là giặc."

Toại một mình một xe đi đến phủ. Đạo tặc nghe Toại truyền lệnh, tức thì giải tán, vứt hết binh khí và cung nỏ của mình, cầm liềm hái, cày bừa, vì thế đều bình được hết, trăm họ an cư vui nghiệp. Toại bèn mở kho lẫm phát chẩn cho dân nghèo, tuyển dụng quan lại tốt sai phủ dụ dưỡng dân. Toại thấy tục nước Tề xa xỉ, ưa nghề mọn, không lao nhọc ruộng đồng, bèn lấy mình làm gương đề xướng kiệm ước, khuyến khích dân chăm việc nông tang, đều theo nhân khẩu mà sai dân trồng cây, nuôi gia súc. Dân chúng hễ ai đeo đao kiếm, liền sai họ bán kiếm mua bò, bán đao mua bê, nói:

- Sao lại mang bò bê ở trên người?

Vỗ về lao nhọc, tuần xét qua lại, trong quận đều có của tích trữ, việc hình ngục dừng hẳn.

9. Con gái của Ô Tôn công chúa làm phu nhân của Quy Tư vương Giáng Tân. Giáng Tân dâng thư nói:

"Ta may mắn được lấy cháu ngoại của Hoàng đế Hán triều, mong được cùng con gái của công chúa đều về triều triệu kiến."

Năm Nguyên Khang nguyên niên (Bính Thìn – TCN 65)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Quy Tư vương và phu nhân đến triều kiến; đều được ban ấn thụ, phong hiệu cho phu nhân là công chúa, ban thưởng rất hậu.

2. Đế bắt đầu xây dựng Đỗ lăng. Chuyển Thừa tướng, Tướng quân, Liệt hầu, quan lại Nhị thiên thạch và những nhà có trăm vạn tiền đến đất Đỗ Lăng[1].

3. Tháng ba, vì có chim phượng hoàng tụ ở Thái Sơn, Trần Lưu, có sương móc giáng ở cung Vị Ương, Đế hạ chiếu đại xá thiên hạ.

4. Hữu ti lần nữa dâng lời rằng: Phụ thân của Đế nên xưng tôn hiệu là "Hoàng khảo". Mùa hạ, tháng năm, lập miếu của Hoàng khảo.

5. Mùa đông, đặt chức Vệ úy cung Kiến Chương.

6. Triệu Quảng Hán ưa dùng con cháu của những người nối đời làm quan lại, mới kế chức, tuổi còn trẻ, đang cường tráng có nhuệ khí, lúc gặp việc bất ngờ, không có cách né tránh, đa phần tính việc quyết đoán, không biết cách đối mặt với nguy nan, rút cục vì thế bại vong. Quảng Hán vì oán riêng luận xét giết gã nam tử tên là Vinh Súc, có người dâng thư nói việc ấy, việc giao xuống cho Thừa tướng, Ngự sử xét chứng nghiệm. Quảng Hán nghi ngờ phu nhân của Thừa tướng từng giết thị tì, muốn dùng việc ấy để uy hiếp Thừa tướng, Thừa tướng xét án càng gấp. Quảng Hán bèn suất lĩnh quan lại vào phủ Thừa tướng, triệu phu nhân của Thừa tướng tới quỳ dưới sân đình nghe lời cung, bắt hơn chục nô tì trong phủ đến thẩm vấn. Thừa tướng dâng thư tự bày tỏ, việc giao xuống cho Đình úy xử trí, xác thực là Thừa tướng vì nô tì mắc lỗi đánh roi, nô tì ra khỏi nhà mới chết,

---

[1] Phía đông huyện Đỗ của quận Kinh Triệu vốn là Sơ lăng, sau đổi tên huyện Đỗ thành Đỗ Lăng. Đỗ Lăng là huyện.

không như lời Quảng Hán nói. Để ghét hành vi của Quảng Hán, giao Quảng Hán xuống nhà ngục của Đình úy. Quan dân giữ cửa khuyết gào khóc, đến mấy vạn người. Có người nói:

- Thần sống vô ích với Hoàng thượng, xin tình nguyện chết thay Triệu Kinh Triệu, để ông ấy sống chăm dưỡng tiểu dân!

Quảng Hán rút cục bị chém ngang lưng. Lúc Quảng Hán làm Kinh Triệu doãn, liêm khiết minh bạch, lấy uy để áp chế cường hào, tiểu dân được sống yên phận, trăm họ nghĩ nhớ ngợi ca.

7. Năm ấy, Thiếu phủ Tống Trù vì mắc tội nghị bàn "Phượng hoàng đậu ở Bành Thành, chưa bay đến kinh sư, không đáng ca tụng", bị biếm làm Thái phó nước Tứ Thủy.

8. Chúa thượng trưng tuyển Bác sĩ, Gián đại phu tinh thông chính sự để bổ làm Quận thú và Thừa tướng các quận, quốc, lấy Tiêu Vọng Chi làm Thái thú Bình Nguyên. Vọng Chi dâng sớ nói:

"Bệ hạ xót thương bách tính, sợ ân đức chẳng rải khắp, cho hết Gián quan trong triều ra bổ làm Quận lại. Trong triều không có đại thần can gián, thì Bệ hạ chẳng thể biết được lỗi lầm của triều chính, việc ấy có thể gọi là lo ngọn mà quên gốc vậy."

Chúa thượng bèn trưng triệu Vọng Chi vào triều nhận chức Thiếu phủ.

9. Thái thú Đông Hải là Doãn Ông Quy người quận Hà Đông, vì trị quận có thành tích rất cao, được triệu về làm Hữu Phù Phong.

Ông Quy là người công chính, liêm khiết sáng suốt, trong số quan dân của quận, ai hiền, ai bất tài cũng như tội trạng của lũ gian tà đều biết hết. Với mỗi huyện đều có sổ sách đăng ký, Ông Quy tự mình nghe xử chính vụ; có lúc thuộc hạ xử lý sự vụ quá hà khắc thì Ông Quy xử lý hòa hoãn bớt. Quan dân trễ lười một chút, Ông Quy liền chỉ rõ danh tính những người có lỗi.

Khi bắt tội nhân đều tiến hành vào giữa hai mùa thu, đông, vào lúc đại hội khảo xét quan lại, hoặc giữa lúc đi tuần xét các huyện, không tiến hành lúc vô sự. Bắt giữ tội phạm, cốt lấy một để răn trăm. Quan dân đều phục, lo sợ, tự sửa đổi bản thân mình.

Ông Quy trị lý Phù Phong, tuyển dụng những người thanh liêm công chính và căm ghét bọn gian lại, dùng họ làm giúp việc, tiếp đãi có lễ nghĩa, với người mình yêu hay ghét đãi ngộ đều như nhau; với những người kháng mệnh, nhất quyết xử phạt. Nhưng Ông Quy là người ôn hòa khiêm nhường, không cậy tài năng mà kiêu căng với người khác, cho nên rất được khen ngợi ở triều đình.

10. Khi trước, con út Ô Tôn công chúa là Vạn Niên được Toa Xa vương sủng ái. Toa Xa vương chết mà không có con, bấy giờ Vạn Niên ở Hán triều, người nước Toa Xa bàn tính, muốn tự ký thác quốc gia cho Hán, liền dâng thư xin Vạn Niên làm Toa Xa vương. Nhà Hán đồng ý, phái sứ giả là Hề Sung Quốc đưa Vạn Niên đi. Vạn Niên mới được lập, bạo ngược tàn ác, người trong nước bất mãn.

Chúa thượng lệnh sai quần thần tiến cử người có thể đi sứ Tây Vực, Tiền tướng quân Hàn Tăng tiến cử Phùng Phụng Thế người quận Thượng Đảng lấy thân phận Vệ hậu làm sứ giả cầm phù tiết hộ tống bọn khách nước Đại Uyển đến thành Y Tuần. Gặp lúc em của Toa Xa vương lúc trước là Hô Đồ Trưng hợp với nước lân bang cùng giết vua của mình là Vạn Niên và sứ giả nhà Hán là Hề Sung Quốc, tự lập làm Vương. Bấy giờ Hung Nô lại phát binh đánh thành Xa Sư, không hạ được liền rút đi. Nước Toa Xa phái sứ giả rêu rao rằng "các nước ở phía bắc con đường Tây Vực đều quy thuộc Hung Nô rồi", vì thế phát binh đánh bức các nước phía nam con đường Tây Vực, cùng thề minh phản Hán, khiến từ nước Thiện Thiện sang tây cách tuyệt bất thông. Đô hộ Trịnh Cát, Hiệu úy Tư Mã Hí đều ở giữa các nước

phía bắc con đường Tây Vực, Phụng Thế cùng với phó của mình là Nghiêm Xương tính kế, cho là nếu không gấp đánh Toa Xa, thì nước Toa Xa ngày càng mạnh, cái thế của họ khó khống chế, tất gây nguy cho Tây Vực, bèn dùng phù tiết cáo dụ vua các nước, nhân đó điều phát binh của họ, hai lộ quân nam bắc hợp được một vạn năm nghìn người, tiến đánh nước Toa Xa, công hạ thành của họ. Toa Xa vương tự sát, xe trạm đưa thủ cấp tới Trường An, lại lập con em của hắn làm Toa Xa vương. Các nước đều bình hết, uy chấn Tây Vực, Phụng Thế bèn bãi binh đem việc tấu lên. Đế triệu kiến Hàn Tăng nói:

- Chúc mừng tướng quân tiến cử được đúng người.

Phụng Thế bèn sang tây đến Đại Uyển; Đại Uyển vương nghe nói Phụng Thế chém Toa Xa vương, đặc biệt cung kính khác hẳn với các sứ thần khác, Phụng Thế lấy được ngựa hay của Đại Uyển gọi là Tượng Long[1] rồi quay về. Chúa thượng rất mừng, nghị bàn phong tước cho Phụng Thế. Thừa tướng và Tướng quân đều cho là nên, duy có Thiếu phủ Vọng Chi cho rằng: "Phụng Thế vâng mệnh đi sứ có chỉ dụ, lại tự tiện ban chế trái mệnh, điều phát binh của các nước, tuy có công hiệu, nhưng chẳng nên để người sau bắt chước. Nếu phong tước cho Phụng Thế, sẽ mở lối cho người sau phụng mệnh đi sứ lợi dụng làm như Phụng Thế, tranh nhau điều phát binh, mong lập công ngoài vạn dặm, khiến quốc gia sinh sự với Di Địch, đấy không phải là kế lâu dài. Phụng Thế không nên được thụ phong." Chúa thượng khen lời bàn của Vọng Chi, lấy Phụng Thế làm Quang lộc đại phu.

Năm Nguyên Khang thứ hai (Đinh Tỵ – TCN 64)

1. Mùa xuân, tháng giêng, đại xá thiên hạ.

---

[1] Ngựa có hình dáng tựa như con rồng vậy.

2. Chúa thượng muốn lập Hoàng hậu, bấy giờ mẹ của Quán Đào công chúa là Hoa Tiệp dư cùng mẹ của Hoài Dương Hiến vương là Trương Tiệp dư, mẹ của Sở Hiếu vương là Vệ Tiệp dư đều được sủng ái. Chúa thượng muốn lập Trương Tiệp dư làm Hoàng hậu; do dự rất lâu, xét cái gương họ Hoắc muốn hại Hoàng thái tử làm răn, bèn tuyển một người trong hậu cung không có con, nhưng hành vi cẩn thận để lập. Tháng hai, ngày Ất Sửu, lập Vương Tiệp dư người quận Trường Lăng làm Hoàng hậu, lệnh sai làm mẹ nuôi dưỡng Thái tử; phong cha của Hậu là Phụng Quang làm Cung Thành hầu. Hậu không được sủng, rất ít khi được tiến kiến.

3. Tháng năm, Đế hạ chiếu rằng:

"Việc hình ngục, quan hệ đến tính mệnh của muôn dân. Có thể khiến người sống không oán, người chết không hận, thì được gọi là quan lại xứng chức rồi. Nay thì không như thế. Quan lại dùng phép tắc xảo trá, đùa bỡn pháp lệnh, ngắt câu chọn nghĩa, tách điều luật thành hai mối, phán quyết nặng nhẹ bất công, lời tấu dâng lên không như sự thực, trẫm cũng không có cách gì biết rõ chân tướng, lê dân bốn phương biết trông ngóng vào đâu! Các quan Nhị thiên thạch đều phải xét quan thuộc của mình, chớ dùng người như thế. Quan lại có người thiện tiện hưng dao dịch, sửa sang truyền xá, khiến sứ giả và quan khách qua lại xứng ý, vượt chức quá phép để thu lấy tiếng khen, việc đấy cũng ví như giẫm chân lên băng mỏng đợi mặt trời xuất hiện, há chẳng nguy sao! Nay thiên hạ nhiều nơi bị tai họa dịch bệnh, trẫm rất xót thương, trẫm lệnh cho các quận, quốc bị tai họa nghiêm trọng không phải xuất tiền nộp tô thuế năm nay."

4. Đế lại hạ chiếu thư rằng:

"Nghe nói tên của Thiên tử thời cổ, dân gian ít dùng mà dễ tránh vậy; nay trẫm đổi tên húy thành Tuân."

5. Đại thần của Hung Nô đều cho rằng: "Nước Xa Sư đất đai màu mỡ, gần với Hung Nô, nếu nhà Hán có được đất ấy, làm

nhiều đồn điền tích thóc, tất gây hại cho nước mình, chẳng thể không tranh đoạt." Bởi thế nhiều lần phái binh đánh người Hán làm đồn điền ở nước Xa Sư. Trịnh Cát suất lĩnh hơn bảy nghìn binh Hán làm đồn điền ở Cừ Lê đến cứu viện, bị binh Hung Nô vây khốn. Cát báo lên triều đình rằng:

- Xa Sư cách Cừ Lê hơn nghìn dặm, binh Hán ở Cừ Lê ít, về hình thế chẳng thể cứu nhau, xin hãy phái thêm quân làm đồn điền.

Chúa thượng cùng bọn Hậu tướng quân Triệu Sung Quốc nghị bàn, muốn nhân lúc Hung Nô suy yếu, xuất binh đánh đất phía tây của họ, khiến họ không xâm nhiễu Tây Vực được nữa.

Ngụy Tương dâng thư can rằng:

"Thần nghe nói: Cứu loạn giết bạo, gọi là 'nghĩa binh', binh hành nghĩa thì xưng Vương. Địch đến phạm mình, bất đắc dĩ mà khởi binh, gọi là 'ứng binh', binh chống đánh thì chiến thắng; tranh chiến vì cái hận nhỏ, chẳng nhịn cơn phẫn nộ, gọi là 'phẫn binh', binh phẫn nộ thì thất bại; tham đất đai và của báu ở nước khác, gọi là 'tham binh', binh tham lam thì tan vỡ; cậy quốc gia lớn mạnh, dựa dân chúng đông đúc, muốn tỏ uy với địch, gọi là 'kiêu binh', binh kiêu căng thì bị tiêu diệt. Năm điều ấy, không chỉ là việc người, mà là đạo trời vậy.

Gần đây Hung Nô từng có thiện ý, bắt được dân của nhà Hán, thì lập tức đưa trả về, chưa hề phạm đến biên cảnh; dẫu rằng có tranh đất đóng trại làm ruộng ở Xa Sư, vẫn chẳng đáng khiến chúng ta phải để ý. Nay nghe nói[1] các vị tướng quân muốn hưng binh tiến vào đất của Hung Nô, thần ngu muội, không biết binh ấy lấy danh nghĩa gì! Nay các quận biên cảnh đều thiếu khốn, cha con mặc chung áo da dê, da chó, phải ăn quả cây, thường sợ chẳng thể tự sinh tồn, chẳng nên vì việc binh động dụng họ vậy. Lão tử nói: 'Quân lữ chi hậu, tất hữu hung niên.[2]' Là ý nói dân chúng cho rằng cái khí sầu khổ của chiến

---

[1] Thừa tướng không được dự bàn việc này nên mới nói là "nghe nói" vậy.

[2] "Sau việc quân lữ, tất có năm tai họa." Lời trong sách *Đạo đức kinh*.

tranh làm thương tổn đến sự hòa hợp của âm dương vậy. Xuất binh dẫu thắng, vẫn có nỗi lo về sau, sợ rằng tai biến từ đấy nảy sinh.

Nay Quận thú và Tướng quốc đa phần không tuyển được người xứng chức, phong tục rất xấu, thủy tai hạn hán bất thường. Xét án năm nay, việc con giết cha, em giết anh, vợ giết chồng cả thảy có hai trăm hai mươi hai người, thần ngu muội cho rằng đấy không phải là biến cố nhỏ vậy. Nay tả hữu của Bệ hạ chẳng lo những việc như thế, lại muốn phát binh đi xa báo thù cái phẫn hận cỏn con ở cõi Man Di, ngờ là giống như lời Khổng tử nói: 'Ngô khủng Quý Tôn chi ưu, bất tại Chuyên Du nhi tại tiêu tường chi nội dã'[1]."

Chúa thượng theo lời bàn của Tương, chỉ phái Trường La hầu Thường Huệ đem quân kỵ của các quận Trương Dịch, Tửu Tuyền đến nước Xa Sư, nghênh đón Trịnh Cát và quan lại tướng sĩ của Cát quay về Cừ Lê. Lại triệu Thái tử lúc trước của nước Xa Sư là Quân Túc ở nước Yên Kỳ, lập làm Xa Sư vương; chuyển hết dân nước Xa Sư sai trú ở Cừ Lê, rồi để đất Xa Sư cũ lại cho Hung Nô. Lấy Trịnh Cát làm Vệ tư mã, sai phòng giữ con đường phía nam từ nước Thiện Thiện về tây.

6. Ngụy Tương thích xem đọc những ghi chép cũ về các việc của nhà Hán và tấu chương đối đáp các việc nên làm, nhiều lần liệt kể các việc làm thích hợp từ thời Hán hưng cùng các lời tấu của bọn hiền thần là Giả Nghị, Triều Thố, Đổng Trọng Thư, tấu xin thi hành. Tương sắc lệnh cho Duyện sứ khi xem xét việc trong các quận, quốc, hay khi về nhà nghỉ rồi từ nhà trở lại phủ, phải lập tức bẩm báo lên các việc khác lạ mình nghe được từ bốn phương. Hoặc xuất hiện nghịch tặc, hoặc mưa gió tai biến, quận không báo lên, Tương liền tấu nói các việc đó. Lại cùng

---

[1] "Ta e rằng mối lo của Quý Tôn thị không ở nước Chuyên Du, mà ở bên trong tường vách nhà họ vậy." Chuyên Du (顓臾) là một thuộc quốc của nước Lỗ, bấy giờ vì họ Quý Tôn chuẩn bị đi đánh Chuyên Du, Khổng tử mới nói vậy với Nhiễm Hữu và Tử Lộ. Câu này được dẫn lại với ý nỗi lo không ở bên ngoài, mà ở bên trong.

Ngự sử đại phu Bính Cát đồng lòng phụ chính, chúa thượng rất xem trọng họ.

Bính Cát là người thâm trầm trung hậu, không khoe khoang. Từ lúc Tẳng tôn tức vị, trong lời nói tuyệt không đề cập đến ân lúc trước, cho nên triều đình chẳng ai rõ cái công của Cát vậy. Đúng lúc có một thị tì hầu hạ trong Dịch đình tên là Tắc nhờ chồng cũ là một dân thường dâng thư, tự bày kể từng có công nuôi dưỡng Đế, Đế phát tấu chương sai Dịch đình lệnh khảo xét, trong lời cung của Tắc dẫn chuyện Cát Bính biết thực trạng. Dịch đình lệnh đem Tắc đến phủ Ngự sử để bảo với Cát, Cát nhận ra, bảo Tắc rằng:

- Mày từng mắc tội nuôi dưỡng Hoàng tằng tôn không cẩn thận, ta đánh roi mày, mày có công gì đâu! Chỉ có Hồ Tổ người huyện Vị Thành và Quách Chinh Khanh người huyện Hoài Dương là có ân thôi!

Bèn chia định rõ cái công nuôi dưỡng lao khổ của bọn Tổ tấu lên. Đế hạ chiếu sai Cát tìm bọn Tổ và Chinh Khanh; nhưng họ đã chết, chỉ còn con cháu, đều được nhận thưởng hậu. Đế hạ chiếu miễn phận nô tì, cho Tắc làm thứ dân, ban thưởng mười vạn tiền. Chúa thượng đích thân triệu gặp, rồi sau mới biết Cát có ân cũ với mình nhưng nhất định không nói ra, chúa thượng khen Cát là bậc đại hiền.

7. Đế cho rằng Vọng Chi khéo vạch kế sách, hành sự thận trọng, tài nghị luận có thừa, có thể nhận chức Tể tướng, muốn thử xét kỹ năng lực xử lý chính sự, lại dùng Vọng Chi làm Tả Phùng Dực. Vọng Chi vốn giữ chức Thiếu phủ, bị giáng đến địa phương, e rằng có chỗ không hợp ý, lập tức gửi thư cáo bệnh[1]. Chúa thượng nghe tin, sai Thị trung Thành Đô hầu Kim An Thượng hiểu dụ rằng:

---

[1] Tiêu Vọng Chi vốn giữ chức Thiếu phủ, thuộc hàng Cửu khanh, bị điều ra ngoài làm quan, tựa như bị giáng chức, cho nên Vọng Chi cho rằng chúa thượng đã nghĩ mình mắc lỗi kém cỏi, mới giáng chức mình, vì thế cáo ốm.

- Cái cách mà ta sử dụng đều là để khảo xét năng lực trị dân của ngài. Ngài lúc trước làm Thái thú Bình Nguyên ít ngày, cho nên ta lại thử dùng ngài ở Tam Phụ, không phải như cái điều mà ngài nghe được vậy.

Vọng Chi lập tức dậy đi coi xét việc.

8. Khi trước, Dịch đình lệnh Trương Hạ nhiều lần ở trước mặt em mình là Xa kỵ tướng quân Trương An Thế khen tài của Hoàng tằng tôn và nói điềm lạ; An Thế thường cấm chỉ, cho rằng Thiếu chủ[1] còn ở trên, không nên khen Hoàng tằng tôn. Lúc Đế tức vị thì Hạ đã chết, chúa thượng bảo An Thế rằng:

- Dịch đình lệnh thủa bình sinh xưng tụng ta, tướng quân ngăn ông ấy, là đúng vậy.

Chúa thượng đoái nghĩ cái ân của Hạ, muốn truy phong Hạ làm Ân Đức hầu, đặt hai trăm nhà giữ mộ. Hạ có người con chết sớm, nhận con nhỏ của An Thế là Trương Bành Tổ làm con nuôi. Bành Tổ thủa nhỏ cùng chúa thượng ngồi chung chiếu nghiên cứu sách vở, Đế muốn phong cho Bành Tổ, liền ban cho chức Quan nội hầu trước. An Thế kiên quyết chối từ việc phong cho Hạ; lại xin giảm bớt số hộ giữ mộ của Hạ, giảm đến còn ba mươi hộ. Chúa thượng nói:

- Ta vốn làm vì Dịch đình lệnh, không phải là vì tướng quân vậy!

An Thế mới thôi, không dám nói nữa.

9. Trong lòng Đế úy kỵ Xương Ấp vương Lưu Hạ lúc trước, ban tỉ thư cho Thái thú Sơn Dương là Trương Sưởng, lệnh sai cẩn thận phòng bị đạo tặc, chú ý tân khách qua lại; không được để lộ chiếu thư ra ngoài. Sưởng vì thế nhất nhất tấu báo việc đi lại ăn ở của Hạ, chép rõ hết các phản ứng của Hạ từ sau khi bị phế, tấu rằng:

---

[1] Tức Hán Tuyên đế.

"Xương Ấp vương cũ vốn da đen, mắt nhỏ, sống mũi bẹp, mày râu thưa thớt, thân thể cao lớn, bị bệnh liệt, đi lại không tiện. Thần là Sưởng từng cùng ông ta đàm luận, muốn trong lúc nói chuyện quan sát tâm ý của ông ta, liền mượn chuyện loài chim ác dẫn dụ ông ta rằng: 'Đất Xương Ấp có rất nhiều chim kiêu[1].' Xương Ấp vương cũ nói: 'Đúng thế. Lúc trước Hạ này sang tây đến Trường An, tuyệt đối không thấy chim kiêu; lúc trở về, sang đông đến Tế Dương, mới lại nghe tiếng chim kiêu.' Thần quan sát y phục, ngôn từ, cử chỉ lúc quỳ xuống, đứng lên của Xương Ấp vương cũ, tựa như người hồ đồ ngớ ngẩn. Thần nói qua với ông ta rằng: 'Mười người bọn Trương Tu là ca vũ của Xương Ấp Ai vương[2] không có con, phải lưu lại giữ vườn mộ của Ai vương, xin hãy thả cho họ về.' Xương Ấp vương cũ nghe xong nói: 'Cung nữ giữ vườn mộ, họ có bệnh tật chớ nên chữa trị, họ đánh giết lẫn nhau chớ nên dùng phép xử trị, ta muốn khiến họ chết cho sớm. Thái thú sao lại muốn thả họ ra?' Thiên tư của ông ấy thích thú với cái loạn vong, rút cục không hiểu được cái điều nhân nghĩa như thế."

Chúa thượng vì thế biết Hạ chẳng đáng lo vậy.

Năm Nguyên Khang thứ ba (Mậu Ngọ – TCN 63)

1. Mùa xuân, tháng ba, Đế hạ chiếu phong Xương Ấp vương Lưu Hạ ngày trước làm Hải Hôn hầu.

2. Ngày Ất Mùi, Đế hạ chiếu rằng:

"Lúc trẫm là kẻ thường dân hèn mọn, Ngự sử đại phu Bính Cát, Trung lang tướng Sử Tăng, Sử Huyền, Trường Lạc vệ úy Hứa Thuấn, Thị trung, Quang lộc đại phu Hứa Diên Thọ đều có ân cũ với trẫm, còn cố Dịch đình lệnh Trương Hạ giúp đỡ dạy dỗ trẫm, khiến trẫm được học tập rèn luyện kinh thuật, ân huệ nổi rõ khác thường,

---

[1] Là loại chim dữ, ăn thịt cả chim mẹ, hình dáng giống như chim cú vọ.

[2] Tức cha của Lưu Hạ, là Xương Ấp vương Lưu Bác.

công lao rất lớn. Kinh Thi chẳng đã nói rằng: 'Vô đức bất báo[1]'. Nay phong cho con nuôi của Hạ là Thị trung, Trung lang tướng Trương Bành Tổ làm Dương Đô hầu, truy thụy cho Hạ là Dương Đô Ai hầu, phong Cát làm Bác Dương hầu, Tăng làm Tương Lăng hầu, Huyền làm Bình Đài hầu, Thuấn làm Bác Vọng hầu, Diên Thọ làm Lạc Thành hầu."

Hạ có người cháu mồ côi là Trương Bá, mới bảy tuổi, được bái làm Tán kỵ, Trung lang tướng, ban tước Quan nội hầu. Phàm là người quen cũ của Đế, cho đến kẻ năm xưa bị phạt làm phục dịch trong nhà ngục, chỉ cần từng có công dưỡng dục, đều được ban cấp quan lộc, ruộng đất, nhà cửa, tiền của, phân biệt theo ân đức nông sâu để báo đáp bọn họ.

Cát lúc sắp thụ phong, bệnh nặng; chúa thượng lo rằng Cát không khỏi bệnh, chuẩn bị sai người tới nhà đeo dây ấn mà phong, để Cát kịp thụ phong khi còn sống. Thái tử Thái phó Hạ Hầu Thắng nói:

- Cát lần này không chết vậy! Thần nghe nói người có đức tốt tất được hưởng báo đáp lúc sinh tiền, truyền đến cháu con. Nay Cát chưa được báo đáp mà bệnh nặng, không phải là bệnh chết được vậy.

Về sau bệnh quả nhiên khỏi.

Trương An Thế tự cho là cha con được phong hầu, quyền vị quá thịnh, bèn từ chối bổng lộc, Đế hạ chiếu sai quan Đô nội[2] cất riêng khoản "vô danh tiền"[3] này cho họ Trương, số tiền lên đến mấy trăm vạn.

---

[1] Không có đức nào không xứng được báo đáp.

[2] Đô nội (都内), là chức quan chưởng quản quốc khố, dưới quyền Đại tư nông.

[3] Vô danh tiền (无名钱), là một khoản chi không ghi danh mục xuất ra từ quốc khố, đa phần là trả bổng lộc riêng cho quan lại có công. Ở đây Trương An Thế cho rằng cha con đều được phong tước Hầu, quyền quá lớn, vì thế từ chối nhận bổng lộc, Đế sai cất riêng số bổng lộc đó (tiền không có người nhận) để dành cho Trương An Thế.

An Thế là người cẩn thận kín đáo, mỗi khi bàn quyết đại sự, sau khi quyết định, thường xưng bệnh lui về. Lúc nghe có chiếu lệnh, mới vờ kinh hãi, sai thuộc lại đến phủ Thừa tướng hỏi việc đó. Đại thần triều đình chẳng ai biết An Thế cùng dự quyết sách ấy. An Thế từng có lần tiến cử người, người ấy đến tạ, An Thế rất hận, cho rằng "vì nước tiến cử hiền tài, há có thể nhận tạ riêng!" Liền tuyệt giao không qua lại với người đó. Có vị quan lang công cao nhưng không được chọn cử, tự nói với An Thế, An Thế đáp lại rằng:

- Công cao của ngài, là điều minh chúa biết, nhân thần giữ chức phận có chỗ vắn dài, há phải tự nói ra sao?

Bèn kiên quyết không đáp ứng. Không lâu sau, vị quan lang quả nhiên được thăng chức.(1)

An Thế tự thấy cha con mình địa vị tôn quý hiển hách, trong lòng chẳng tự yên, bèn giúp con là Diên Thọ xin ra ngoài làm quan, chúa thượng cho giữ chức Thái thú Bắc Địa; hơn một năm, chúa thượng thương An Thế tuổi cao, lại triệu Diên Thọ về làm Tả tào, Thái phó.

3. Mùa hạ, tháng tư, ngày Bính Tý, lập Hoàng tử Khâm làm Hoài Dương vương. Hoàng thái tử hai mươi tuổi, thông *Luận ngữ, Hiếu kinh*. Thái phó Sơ Quảng bảo Thiếu phó Sơ Thụ rằng:

- Ta nghe nói 'tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi(2)'. Nay bọn ta làm quan đến Nhị thiên thạch, công thành danh tựu, như thế mà chẳng lui, sợ rằng sau phải hối hận.

Ngay hôm ấy, cha con(3) đều xưng bệnh, dâng sớ xin về nghỉ. Chúa thượng đồng ý hết, ban cho hai mươi cân vàng, Hoàng

---

[1] Ở đây ý nói rằng An Thế bề ngoài không đáp ứng, nhưng thực ra đã khiến cho viên quan lang nọ được thăng chức.

[2] "Người biết đủ thì chẳng nhục, người biết dừng thì chẳng nguy." Lời trong sách của Lão tử.

[3] Sơ Thụ thực tế là cháu gọi Sơ Quảng bằng chú, ở đây chép sai.

thái tử tặng cho năm mươi cân vàng. Công khanh quen biết cũ đặt lễ tiễn đường, bày trướng ngoài cửa Đông Đô, xe đưa tiễn mấy trăm cỗ. Người đứng xem ở trên đường đều nói:

- Hiền thay hai vị đại phu!

Có người than thở vì họ sa nước mắt.

Quảng và Thụ về đến quê quán, hàng ngày đều lệnh sai gia nhân bán vàng bày yến tiệc, mời người trong họ tộc, bạn cũ và tân khách, cùng nhau vui vẻ. Có người khuyên Quảng đem số vàng đó giúp con cháu lập chút sản nghiệp, Quảng nói:

- Ta há già lão tối tăm chẳng biết nghĩ cho con cháu sao? Ta tự nghĩ vốn đã có nhà cửa ruộng đất cũ, nếu như con cháu siêng năng gắng sức canh tác, đủ để cấp cơm áo, giống người bình thường. Nay lại thêm sản nghiệp để chúng có của riêng, thì chỉ dạy cho con cháu lười biếng thôi. Người hiền mà lắm tiền của, thì chí khí của họ bị tổn hại; người ngu mà lắm tiền của, thì cái lỗi của họ tăng thêm. Vả lại giàu có thì đông người oán vậy, ta đã không có cách gì dạy dỗ con cháu, cũng chẳng mong tăng thêm lỗi của chúng mà sinh oán. Hơn nữa số vàng này, là bậc thánh chủ ban ân để nuôi dưỡng lão thần vậy, cho nên ta muốn được cùng với làng xóm, tông tộc chung hưởng ân huệ, sống hết số tuổi thừa, chẳng phải là rất nên sao?

Vì thế người trong họ tộc đều vui lòng chịu phục.

4. Thái thú Dĩnh Xuyên là Hoàng Bá lệnh sai Bưu đình và Hương quan[1] trong quận đều phải chăm nuôi gà, lợn, dùng để

---

[1] Tức các quan lại phụ trách việc đưa truyền văn thư (Bưu đình) và quan cai trị các địa phương (Hương quan) trong địa phận của quận. Theo Thẩm Ước: Pháp chế nhà Hán quy định, cứ năm nhà là một ngũ, có Ngũ trưởng chủ quản, hai ngũ là một thập, có Thập trưởng chủ quản; mười thập là một làng, có Trưởng làng chủ quản; mười làng là một đình, có Đình trưởng chủ quản; mười đình là một hương, có Hương tá, Tam lão, Hữu trật, Sắc phu, Du kiếu, mỗi chức một người, lần lượt quản các việc thuế khóa, giáo hóa, kiện tụng, đốc xét kẻ gian. Tóm lại, Bưu đình và Hương quan là những chức quan rất nhỏ của đình và hương.

cấp giúp cho những người quan quả và kẻ nghèo khốn; rồi sau lập thành điều khoản pháp lệnh, đặt các chức Phụ lão, Sư soái, Ngũ trưởng, để thúc đẩy thi hành việc đó trong dân, khuyến khích mọi người dốc chí làm việc thiện, phòng ngừa gian dối, chăm việc nông tang, tiết kiệm phí dụng, gia tăng tiền của, trồng cây cối, nuôi gia súc, dứt nạn xa phí phù phiếm. Hoàng Bá trị quận, nhiều việc vụn vặt mà tinh tế, ban đầu có vẻ như phiền toái, nhưng Bá tập trung tinh lực thúc đẩy thi hành. Bá tiếp kiến quan dân, trong lúc giao đàm tìm cách dẫn dắt, ngầm dò hỏi ý kín của họ để tham khảo, Bá thông minh, hiểu ra chân tướng sự việc, quan dân không biết Bá từ đâu mà biết được như thế, đều khen là thần minh, không dám mảy may lừa dối Bá. Bọn gian tà đều bỏ trốn đến quận khác, đạo tặc trong quận ngày càng ít. Bá dùng đức cảm hóa thuộc hạ trước, ai không theo mới dùng đến trách phạt, ra sức cầu lấy thành tựu và bảo toàn cho Trưởng lại. Hứa thừa[1] tuổi già, tai điếc, Đốc bưu của quận bẩm với Bá nên đuổi bỏ. Bá nói:

- Hứa thừa là liêm lại, dẫu già cả, nhưng vẫn có thể bái lạy, đứng lên đưa đón, chỉ là tai bị điếc thôi, có trở ngại gì đâu? Nên khéo giúp đỡ ông ấy, chớ để thất ý người hiền!

Có người hỏi nguyên cớ việc ấy, Bá nói:

- Trưởng lại thay đổi liên tục, phí tổn nghênh tân tống cựu tăng, kẻ gian lại thừa cơ giấu giếm sổ sách, trộm cắp tài vật, phí dụng công tư rất lớn, đều phải do dân gánh chịu. Quan lại mới lên thay vị tất đã hiền, có khi chẳng bằng người cũ, chỉ gây hỗn loạn thêm lên. Đại để cái đạo trị lý, chỉ là vứt bỏ những quan lại rất không xứng chức mà thôi.

Bá bề ngoài khoan hậu nhưng bên trong sáng suốt, rất được lòng quan dân, hộ khẩu tăng hàng năm, thành tích trị lý đứng

---

[1] Huyện thừa huyện Hứa.

đầu thiên hạ, được trưng triệu về làm Kinh Triệu doãn. Ít lâu sau, mắc tội phạm phép, liên tục bị biếm phẩm trật; Đế hạ chiếu cho quay lại làm Thái thú Dĩnh Xuyên, lộc tám trăm thạch.[1]

Năm Nguyên Khang thứ tư (Kỷ Mùi – TCN 62)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Đế hạ chiếu rằng:

"Người từ tám mươi tuổi trở lên, trừ phi mắc vào tội vu cáo, giết hại người khác, kỳ dư đều được miễn xử tội."

2. Hữu Phù Phong là Doãn Ông Quy chết, trong nhà không có của thừa. Mùa thu, tháng tám, Đế hạ chiếu rằng:

"Ông Quy liêm khiết công chính, có thành tích trị lý đặc biệt. Nay ban cho con của Ông Quy trăm cân vàng, để phụng thờ tế tự."

3. Chúa thượng lệnh cho Hữu ti tìm kiếm con cháu các công thần thời Cao tổ bị mất tước hầu, tìm được một trăm ba mươi sáu người bọn Công thừa[2] Chu Quảng Hán, đều ban cho hai chục cân vàng, miễn trừ dao dịch và thuế khóa cho gia đình họ, lệnh sai thờ phụng tế tự tổ tiên, đời đời không dứt.

4. Ngày Bính Dần, Phú Bình Kính hầu Trương An Thế hoăng.

5. Khi trước, Phù Dương Tiết hầu Vi Hiền hoăng, con trưởng của Hiền là Hoằng mắc tội bị bắt tống ngục, người nhà giả lệnh của Hiền lúc trước, lấy con thứ của Hiền là Đô úy Đại Hà tên Huyền Thành làm người kế tự. Huyền Thành biết rõ đấy không phải là bản ý của Hiền, lập tức giả làm người điên, phóng uế ngay ở chỗ nằm, nói cười xằng bậy, náo loạn. Táng Hiền xong, Huyền Thành được kế tước, vẫn giả điên không ứng mệnh triệu. Đại hồng lư ấu báo thực trạng, Đế giao xuống cho Thừa tướng,

---

[1] Thái thú đương thời hưởng lộc hai nghìn thạch, vì Bá bị biếm phẩm trật nên chỉ được hưởng lộc tám trăm thạch.

[2] Công thừa (公乘), là tước vị thì đứng vào hạng thứ tám. Chu Quảng Hán, là con cháu của Chu Bột thời trước vậy.

Ngự sử xét chứng nghiệm. Thừa tướng sử xét việc ấy sai người gửi thư cho Vi Huyền Thành nói:

"Người xưa chối nhường, tất phải soạn tấu chương nói rõ hành vi nhân nghĩa của mình, lời lẽ đáng xem, cho nên tiếng thơm lưu truyền hậu thế. Nay ngài chỉ hủy hoại dung mạo, chịu nhận sự sỉ nhục làm người điên dại, như bóng sáng mờ chẳng tỏ ra được, ngài dựa việc đó để tỏ thanh danh, thực nhỏ mọn lắm! Kẻ hèn này vốn ngu lậu, được dùng xằng làm người giúp việc cho Thừa tướng, vẫn mong nghe được đôi lời nghị luận từ bên ngoài; không làm thế, sợ rằng sẽ hại đến ngài, mà kẻ hèn này thành hạng tiểu nhân vậy."

Bằng hữu của Huyền Thành là Thị lang Chương cũng dâng sớ nói:

"Thánh vương trị quốc xem trọng hành vi lễ nghĩa nhường nhịn giúp nước, nên khoan dung ưu đãi cho Huyền Thành, chớ để uổng cái chí của ông ấy, cho ông ấy được tự yên vui với cảnh thanh bần."

Nhưng Thừa tướng, Ngự sử thì cho rằng Huyền Thành vốn không thực mắc bệnh, bèn tấu hặc lên, Đế hạ chiếu không được hặc tội, sai dẫn đến bái phong; Huyền Thành bất đắc dĩ, phải nhận tước. Đế khen chí tiết cao, dùng Huyền Thành làm Thái thú Hà Nam.

6. Lúc Xa Sư vương Ô Quý trốn đến nước Ô Tôn, nước Ô Tôn giữ lại không đuổi đi. Hán triều sai sứ giả đến trách hỏi, Ô Tôn vương bèn đưa Ô Quý đến cửa khuyết.

7. Khi xưa, Vũ đế khai mở bốn quận phía tây Hoàng Hà[1], cắt đứt đường liên thông giữa người Khương và Hung Nô, xua đuổi các bộ tộc người Khương, không cho họ cư trú ở đất Hoàng Trung[2]. Đến Lúc Đế tức vị, Quang lộc đại phu là Nghĩa Cừ An

---

[1] Tức bốn quận Vũ Uy, Trương Dịch, Tửu Tuyền, Đôn Hoàng, chỗ đó vốn là đất của Hồn Gia vương và Hưu Đồ vương.

[2] Hoàng Trung (湟中), là nói vùng đất hai phía tả hữu của sông Hoàng Thủy vậy.

Quốc[1] đi tuần xét các bộ lạc người Khương; thủ lĩnh bộ lạc Tiên Linh nói:

- Bọn ta mong được thường xuyên vượt Hoàng Thủy lên phía bắc, đến chỗ không có ruộng cày chăn thả gia súc.

An Quốc đồng ý, đem việc báo lên. Hậu tướng quân Triệu Sung Quốc hặc tội An Quốc "phụng sứ bất kính". Sau đấy người Khương cứ theo lời nói lúc trước của sứ giả, mạo phạm vượt Hoàng Thủy, quận huyện chẳng thể ngăn cấm.[2]

Không lâu sau, thủ lĩnh bộ lạc Tiên Linh và các bộ lạc người Khương khác cả thảy hơn hai trăm người cởi bỏ thù oán, trao đổi con tin, cùng thề minh, chúa thượng nghe tin ấy, đem việc hỏi Triệu Sung Quốc, Sung Quốc đáp rằng:

- Người Khương sở dĩ dễ khống chế, là vì các bộ lạc của họ tự có thủ lĩnh, thường tiến đánh lẫn nhau, thế lực không thống nhất vậy. Hơn ba chục năm trước, lúc người Tây Khương làm phản, cũng cởi bỏ oán cừu trước rồi hợp sức với nhau hẹn đánh Linh Cư, cùng quân Hán cự giữ nhau, năm sáu năm mới dẹp được. Người Hung Nô nhiều lần dụ dỗ người Khương, muốn cùng bọn họ chung sức đánh đất Trương Dịch, Tửu Tuyền, cho người Khương trú ở đất ấy. Gần đây Hung Nô bị khốn ở phía tây[3], e rằng họ lại phái sứ đến vùng Khương Trung cùng người Khương liên kết với nhau. Thần sợ là việc gây biến của người Khương không chỉ có thế, hơn nữa các bộ tộc Khương lần nữa

---

[1] Thời Chiến Quốc, xứ Tây Nhung có nước Nghĩa Cừ, nước này bị nhà Tần diệt, con cháu của vua Nghĩa Cừ lấy tên nước làm họ.

[2] Đại khái, nhà Hán đặt ra bốn quận phía tây Hoàng Hà, cắt đứt mối liên lạc giữa người Khương và Hung Nô, các bộ lạc người Khương bị giữ trong đất Hán muốn lên phía bắc để dễ kết hợp với người Hung Nô (giống về tập quán sinh hoạt) làm cướp, bèn xin với sứ giả nhà Hán là An Quốc. An Quốc không biết ý ấy liền đồng ý. Triệu Sung Quốc biết ý định đó của người Khương, vì thế hặc tội An Quốc "phụng sứ bất kính". Nhưng vì sứ nhà Hán đã đồng ý, người Khương cứ dựa vào lời đó, vượt sông lên phía bắc, nhà Hán lúc ấy không thể ngăn cấm được nữa, vì sợ thất tín.

[3] Ý nói việc bị nước Ô Tôn đánh phá vào năm Bản Thủy nguyên niên vậy.

liên kết với nhau, ta nên kịp thời phòng bị từ lúc cái kế của họ chưa thành.

Hơn một tháng sau, Khương hầu Lang Hà quả nhiên phái sứ giả đến chỗ Hung Nô mượn binh, muốn đánh Thiện Thiện, Đôn Hoàng để cắt đứt con đường liên thông từ nhà Hán đến Tây Vực. Sung Quốc cho rằng: "Lang Hà chẳng thể một mình đặt kế ấy, e là sứ giả của Hung Nô đã đến Khương Trung, các bộ lạc người Khương như Tiên Linh, Hãn, Khai mới cởi bỏ oán cừu và lập minh ước. Đến mùa thu này, lúc ngựa béo khỏe, sự biến tất sẽ nảy sinh thôi. Nên phái sứ giả đi tuần xét việc binh bị ở biên cảnh, chuẩn bị sẵn sắc lệnh, ngăn cản các bộ lạc người Khương để họ không cởi bỏ oán hận, phơi lộ cái âm mưu của bọn họ."

Vì thế Thừa tướng, Ngự sử lại bẩm bạch xin phái Nghĩa Cừ An Quốc đi tuần xét các bộ lạc người Khương, phân biệt rõ các bộ lạc tốt xấu.

8. Thời ấy, mấy năm liên tiếp được mùa, một thạch thóc giá năm tiền.

---ॐ---

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ MƯỜI TÁM]

HIẾU CHIÊU HOÀNG ĐẾ

Năm Thần Tước nguyên niên (Canh Thân – TCN 61)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng lần đầu đến cung Cam Tuyền, tế giao tại đền thờ thần Thái Nhất; tháng ba, xa giá đến quận Hà Đông, tế Hậu thổ. Chúa thượng phỏng theo lệ cũ thời Vũ đế, kính cẩn trai giới hành lễ tế tự, dùng lời của bọn phương sĩ đặt thêm đền tế thần; Đế nghe nói Ích châu có thần ngựa vàng, thần gà ngọc, có thể thông qua tế lễ mà mời gọi đến được, vì thế phái Gián đại phu là Vương Bao người Thục Quận cầm phù tiết đến cầu các thần đó.

Khi trước, chúa thượng nghe nói Bao có tài hơn người, triệu kiến, sai viết thiên *Thánh chủ đắc hiền thần tụng*[1]. Lời trong ấy viết rằng:

"Hiền tài, là vật dụng của quốc gia vậy. Dùng được người hiền, thì tiến thoái giảm mà công phủ khắp; vật dụng sắc bén, thì dùng sức ít mà thành quả nhiều. Cho nên vật dụng của người thợ cùn, thì nhọc gân mỏi xương, suốt ngày vất vả; đến lúc dùng vật cụ tinh xảo thì đúc được bảo kiếm 'Can Tương'[2]*. Nếu sai Li Lâu nhìn tính ước xét,*

---

[1] Ca tụng bậc chúa thánh minh thu được hiền thần.

[2] Can Tương (干将), là danh kiếm của nước Ngô thời cổ, tương truyền do vua Ngô là Hạp Lư sai đúc vậy.

Công Thâu đo đạc vót gỗ, dẫu dựng đài cao năm tầng, rộng dài trăm trượng vẫn không loạn vậy, đấy là vì dùng được người thợ đúng việc vậy.[1] *Sai người xuẩn ngốc cưỡi ngựa hèn, dẫu kéo rách mõm, đánh nát roi ngựa vẫn chẳng tiến được; đến lúc ngựa Niết Tất*[2] *gióng vào xe giá, người đánh xe vào chỗ, Vương Lương cầm cương, Hàn Ai đánh xe,*[3] *đi khắp tám cõi, một hơi vạn dặm, sao đi xa thế được? Là vì người ngựa tương đắc vậy. Vì thế người mặc áo vải bố, vải thưa thì mát mẻ, không bứt rứt khổ sở bởi nắng nóng; người khoác áo da điêu, da cáo thì ấm áp, không lo buồn vì buốt giá. Vì sao thế? Là vì họ có được cái vật dụng thích hợp để phòng chống cái nóng cái rét dễ dàng. Hiền nhân, quân tử, cũng chính là vật dụng để nhờ đó mà bậc thánh vương dễ dàng trị lý thiên hạ vậy.*

Xưa kia Chu công cung kính lao nhọc nhả cơm vấn tóc,[4] *cho nên đất nước thái bình, nhà ngục trống không. Tề Hoàn bày lễ đốt lửa tế trời giữa sân đình,*[5] *cho nên có thể khuông phò Thiên tử, chín lần hội họp chư hầu. Từ đấy mà xét, người làm vua, phải siêng năng cầu hiền*

---

[1] Li Lâu (离娄), theo truyền thuyết, là người mắt sáng thời vua Hoàng Đế, có tài nhìn và ước đoán rất chính xác; Công Thâu (公输), tức Lỗ Ban (鲁般), là người thợ rất giỏi, đặt ra thứ thước đo rất chuẩn xác gọi là thước Lỗ Ban. Đại khái nói, nếu dùng hai người này lo việc xây dựng thì có thể xây nổi đài cao năm tầng, rộng dài trăm trượng vẫn không hề rối loạn.

[2] Niết Tất (齧膝), là tên một loại ngựa hay, thường được nhắc đến trong thi ca. Ví dụ như bài thơ *Dược mã tuyền* của Vương An Thạch đời Tống, bài thơ *Thanh minh* của Đỗ Phủ thời nhà Đường, hoặc hoạt cảnh *Hạnh viên xuân yến* trong vở kịch *Tỳ bà hành* của Cao Minh thời nhà Minh...

[3] Vương Lương (王良), tức Vưu Vô Tuất, người nước Tấn thời Xuân Thu, giỏi đánh xe; Hàn Ai (韩哀), tương truyền là người phát minh ra phép điều khiển ngựa thời cổ.

[4] Ý nói Chu công khiêm cung đãi kẻ sĩ và tân khách, có khi trong một bữa cơm phải ba lần dừng ăn, một buổi gội phải ba phen vấn tóc ra tiếp đãi, vì thế kẻ sĩ theo đến đông, trong nước lắm người tài, nhà Chu được thịnh vượng, hình pháp không phải dùng đến, nhà ngục trống rỗng.

[5] Ứng Thiệu nói: Có người đem cái thuật "Cửu cửu" xin cầu kiến Tề Hoàn công, Hoàn công không đón nhận. Người ấy nói: "Cửu cửu là cái thuật nhỏ, mà ngài không đón nhận, huống chi là những thứ lớn hơn thuật Cửu cửu đây! Hoàn công liền bày lễ đốt lửa tế trời tại sân trước trong cung điện tiếp đãi người đó. Không lâu sau, Thấp Bằng từ xa đến giúp. Nước Tề dần hùng mạnh.

trước, rồi sau mới được an nhàn bởi có được sự giúp đỡ của người hiền. Kẻ nhân thần cũng phải làm như thế vậy.

Người hiền xưa kia lúc chưa gặp thời, mưu việc vạch kế, thì vua không dùng mưu, bày kế khẩn thiết, thì vua không tin đúng; làm quan thì không được trổ tài năng, bị ruồng đuổi mà bản thân không mắc lỗi. Thế nên Y Doãn siêng năng khi nấu bếp,[1] Thái công khốn cùng lúc cầm dao,[2] Bách Lý Hề tự bán thân,[3] Ninh Tử cưỡi trâu ca hát,[4] những người ấy đều trải qua hoạn nạn vậy. Đến lúc họ gặp gỡ minh quân, tao ngộ bậc thánh chủ, trù tính kế sách hợp ý bề trên, can gián lập tức được vua nghe, tiến thoái thì lòng trung được hiển lộ, nhận chức thì tài thuật được thi triển, được quân vương chẻ phù ban thổ nhưỡng, vinh diệu tổ tông. Bởi thế trước hết thế gian tất phải có quân vương sáng suốt trước rồi sau mới có bầy tôi hiền minh. Cho nên hổ gầm thì gió thốc, rồng bay thì mây nổi, dế mèn sinh là gọi thu sang, gọng vó sinh là trời ẩm thấp.

---

[1] Y Doãn (伊尹), là hiền thần của vua Thành Thang nhà Thương. Lúc đầu làm đầu bếp nấu ăn cho nhà vua, Y Doãn làm nhiều món ngon khiến Thành Thang chú ý, cho triệu kiến, cùng nói chuyện, rất kinh ngạc với tài năng của Y Doãn, bèn cất nhắc. Sau này Y Doãn trở thành đại thần rường cột, giúp lập nên cơ nghiệp nhà Thương.

[2] Thái công (太公), tức Khương Tử Nha, vào lúc khốn khó phải phiêu bạt khắp nơi, từng làm nghề mổ trâu ở Triều Ca, bán rượu ở bến sông. Sau có lần ngồi câu trên sông Vị, dùng lưỡi câu thẳng, Cơ Xương Chu Văn Vương đi qua thấy lạ, hỏi vì sao lại câu như vậy. Khương Tử Nha đáp: "Ta không câu cá mà câu thiên tử vậy." Cơ Xương cùng nói chuyện, khen là có tài năng, đem về, dùng làm thầy. Cuối cùng Khương Tử Nha giúp con của Cơ Xương là Cơ Phát lập nên cơ nghiệp nhà Chu.

[3] Bách Lý Hề (百里奚), được gọi là Ngũ cổ đại phu, là người giỏi ở nước Ngu, lúc chưa gặp thời, bỏ trốn khỏi nước Ngu bị người nước Tấn bắt trói, vua Tấn sai làm người hầu của con gái mình. Tần Mục công sang nước Tấn, cưới con gái vua Tấn, Bách Lý Hề đi theo, dọc đường bỏ trốn, bị người nước Sở bắt. Tần Mục công mang năm tấm da dê chuộc về, cất nhắc dùng làm Thượng khanh. Bách Lý Hề giúp vua Tần thành bá chủ chư hầu.

[4] Ninh Thích (甯戚), là người hiền nước Vệ, lúc nghèo khó đi chăn trâu. Tề Hoàn ra ngoài, gặp Thích, Thích gõ sừng trâu hát, lời hát phạm chính sự, Tề Hoàn giận sai bắt, muốn giết. Ninh Thích nói: "Xưa vua Kiệt giết Long Phùng, vua Trụ giết Tỉ Can, nay Thích này bị giết, là đủ ba người hiền rồi." Hoàn công thấy lạ bèn tha, hỏi chính sự, rất thích thú, phong làm Đại phu, giữ quốc chính. Sau này Ninh Thích có nhiều công lao trong việc chính sự của nước Tề.

Dịch nói: 'Phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân,'[1] Kinh Thi viết: 'Tư hoàng đa sĩ, sinh thử vương quốc.'[2] Vậy nên, đạo đời thái bình, quân chủ thánh minh, kẻ sĩ tài tuấn tự hội nhau mà đến; quân vương sáng suốt ở trên, nhân thần kính cẩn ở dưới, dốc tâm chí, tụ tinh thần, sự tương đắc càng sáng tỏ, dẫu Bá Nha gảy khúc Đệ chung,[3] Phùng Môn Tử bắn cung Ô hào,[4] vẫn chưa đủ để sánh với sự tương hợp giữa quân thần vậy.[5] Thế nên quân chủ thánh minh mong đãi ngộ hiền thần để mở mang công nghiệp, kẻ sĩ tài tuấn cũng đợi minh chủ để hiển lộ cái đức của mình. Trên dưới đều mong, cùng mừng rỡ hân hoan, như trời đất hợp nhất, luận thuyết không ngờ nhau, như sợi lông hồng gặp gió thuận bay lên, như cá lớn tung hoành sông bể, hai bên đắc ý như thế, thì làm sao ngăn cản được? Có lệnh nào chẳng thể chấp hành? Giáo hóa lan rộng bốn cõi, tràn mãi đến vô cùng. Vì thế thánh chủ chẳng phải ngó trông khắp chốn mà thấy rõ, chẳng phải nghiêng tai nghe ngóng hết thảy mà thông tỏ, trách nhiệm khiến thiên hạ thái bình lấp đầy, nguyện vọng hưởng yên vui an nhàn đạt được, điềm tốt lành tự đến, mệnh thọ tới vô cùng, hà tất phải cúi ngẩng, duỗi co như Bành Tổ,[6] hít vào, thở ra như Kiêu Tùng,[7] gắng dứt tuyệt tập tục, xa lìa thế gian mà tìm đến cõi tiên!

---

[1] Rồng bay trên trời, gặp được đại nhân thì lợi (Địa vị của vua ở chính dương, lợi ở chỗ tuyển được hiền tài).

[2] Hiền tài lớp lớp, sinh ở nước vua (nhà Chu).

[3] Đệ chung (递钟), là tên một khúc đàn do Bá Nha (伯牙), một người nổi tiếng về đàn cầm thủa xưa gảy. Tương truyền khúc nhạc này có hai mươi bốn tiết tấu, điệu nhạc lên xuống rất bất thường.

[4] Phùng Môn Tử (逢门子), còn gọi là Phùng Mông (逢蒙), bắn giỏi nổi tiếng, nghe dây cung bật thì tên trúng đích. Ô hào (乌号), loại cung cực tốt, tương truyền từng được Hoàng đế (黄帝) sử dụng.

[5] Ý nói, người gảy đàn giỏi hợp với khúc đàn hay kỳ lạ; người bắn giỏi hợp với cây cung kỳ diệu, vẫn không bằng sự tương hợp giữa vua với tôi khi quân vương sáng suốt được bầy tôi hiền minh phù giúp.

[6] Bành Tổ (彭祖), là nhân vật trong tuyết, tương truyền sống đến nghìn năm, chuyên luyện thuật dưỡng sinh.

[7] Tức Vương Tử Kiều (王子乔) và Xích Tùng Tử (赤松子): Đã chú ở Hán kỷ quyển 16, việc năm Nguyên Bình nguyên niên.

Bấy giờ chúa thượng khá thích thuật thần tiên, cho nên trong lời đối đáp của Bao đề cập đến chuyện đó.

Kinh Triệu doãn Trương Sưởng cũng dâng sớ can rằng:

"Mong minh chủ hãy bỏ qua cái thú vui xe ngựa, bài xích lời hư hão của bọn phương sĩ, lưu tâm đến cái thuật đế vương, thời thái bình thịnh thế cơ hồ có thể đến được vậy."

Chúa thượng bởi thế bãi đuổi hết bọn phương sĩ đợi chiếu triệu gọi.

Khi trước, sau khi Triệu Quảng Hán chết, những người nhận chức Kinh Triệu doãn đều không xứng chức, duy có Sưởng kế nối được chính tích của Quảng Hán; tuy rằng phương lược và sự nhanh nhạy của Sưởng không bằng được Quảng Hán, nhưng rất có tài dùng Nho gia kinh thuật để phụ giúp.

2. Chúa thượng rất chú trọng sửa sang tu chỉnh, cung thất, xe ngựa, phục sức đều vượt so với thời Chiêu đế; gia tộc ngoại thích các họ Hứa, Sử, Vương được quý sủng. Gián đại phu là Vương Cát dâng sớ nói:

"Bệ hạ tự lấy thân phận tôn quý, tổng xét việc khắp muôn phương, mưu nghĩ đại sự thiên hạ, muốn hưng thời thái bình, chiếu thư mỗi lần ban xuống, dân chúng hân hoan như lại được sinh ra. Thần cúi mình xét nghĩ việc ấy, có thể gọi là chí ân, nhưng chưa thể gọi là gốc của chính sự vậy. Thánh chủ mong cầu thời đại trị chẳng thường xuất hiện, nay công khanh may gặp được thời như thế, nói thì được nghe, can thì được theo, nhưng chưa gây dựng được kế sách hay vạn đời, chưa giúp được minh chúa sánh với cái thịnh của đời Tam đại vậy. Chính vụ chủ yếu hiện nay là ở lúc hội triều, xét sổ sách, quyết hình ngục, nghe tố tụng mà thôi, đấy không phải là nền móng để gây dựng thời thái bình thịnh thế vậy. Thần nghe nói, dân yếu vẫn chẳng thể thắng họ, dân ngu vẫn chẳng thể dối lừa. Thánh chủ một mình quyết việc ở chốn thâm cung, được nhân tâm thì thiên hạ tranh nhau xưng tụng, mất nhân tâm thì thiên hạ nghị luận nhao nhao, cho nên phải

cẩn trọng tuyển lựa tả hữu, xét chọn kỹ lưỡng người sai khiến. Tả hữu là để giúp quân vương sửa mình, người sai khiến là để giúp quân vương tuyên đức, đấy là gốc rễ của chính sự quốc gia vậy. Khổng tử nói: 'An thượng trị dân, mạc thiện ư lễ'[1], đấy không phải là lời hão vậy. Bậc vương lúc chưa chế định được lễ nghi, nên dẫn dùng lễ nghi của bậc thánh vương xưa so với đương thời mà vận dụng. Thần mong Bệ hạ kính vâng ý trời, phát dương đại nghiệp, cùng với công khanh đại thần cho đến các Nho sinh, nghiên cứu lễ nghi cổ đại, phép chế của bậc vua sáng, khiến tất thảy dân chúng có thể đạt đến cảnh giới nhân nghĩa, phúc thọ, thì lo gì phong tục chẳng so được với thời Thành, Khang, lo gì mệnh vận quốc gia chẳng so được với thời Cao Tông?[2] Thần trộm thấy thứ mà người đời theo đuổi hiện nay không phù hợp với chính đạo, thần xin được liệt kể tấu lên, mong Bệ hạ chọn quyết."

Ý của Cát cho rằng:

"Thế tục hiện nay, chí phí cho việc cưới gả không có tiết chế, thì dân nghèo không theo kịp, cho nên không dám sinh con. Thêm nữa, Liệt hầu lấy con gái Thiên tử, gọi là 'thượng công chúa', người trong nước lấy con gái Vương chư hầu, gọi là 'thừa ông chúa',[3] khiến nam phải phụng sự nữ, chồng phải khuất với vợ, địa vị âm dương đảo nghịch, đấy là lý do nhiều lần khởi phát họa loạn bởi nữ nhân. Thời cổ thì y phục, xe ngựa, tôn quý hay bần tiện có quy cách nhất định, hiện nay trên dưới vượt lấn nhau, người người tự chế tác, vì thế người ta tham tiền hám lợi, chẳng sợ cái chết. Cái lý do khiến nhà Chu đặt hình phạt mà chẳng dùng đến, đấy là vì đã cấm việc gian từ khi còn mầm mống, dứt tà ác từ lúc chưa nảy mầm vậy."

Lại nói:

"Ngu Thuấn, Thương Thang không dùng con cháu của Tam công, Cửu khanh kế nhau mà tiến cử Cao Đào, Y Doãn, bọn bất nhân lánh

---

[1] "Muốn yên ổn ngôi trên trị lý dân, chẳng gì bằng lễ chế." Lời trong sách *Hiếu kinh*.

[2] Thời các vua Thành vương, Khang vương, Vũ Đinh, đều được khen là đại trị.

[3] Tức đều phải dùng từ thấp hèn, từ bậc dưới với lên trên vậy.

xa. Nay để cho con em lũ quan lại dung tục được nhận chức, đa phần là kiêu căng ngạo mạn, không thông hiểu cổ kim, vô ích với dân; nên công khai việc tuyển chọn cầu người hiền, trừ bỏ 'nhậm tử chi lệnh'[1]; người bên nhà ngoại và thân hữu cũ của chúa thượng, nên dùng tiền của hậu đãi, không nên cho giữ chức vị cao. Dẹp trừ 'giác đế'[2], bớt nghệ nhân trong Nhạc phủ, giảm đồ dùng chế tác tinh xảo, tỏ rõ việc đề xướng tiết kiệm với thiên hạ. Thời xưa, người thợ không chế tác đồ điêu khắc tinh tế, thương nhân không mua bán vật xa xỉ, đấy không phải vì thợ khéo và thương nhân thời xưa một mình hiền minh, mà do chính lệnh và giáo hóa khiến họ như thế vậy."

Chúa thượng cho rằng lời của Cát không đúng lẽ, rất không xem trọng. Cát bèn mượn cớ mắc bệnh xin về quê.

3. Nghĩa Cừ An Quốc đến Khương Trung, triệu hơn ba chục thủ lĩnh của bộ lạc Tiên Linh đến, đem những người kiệt hiệt nhất trong số họ chém đi; lại thả binh ra đánh người trong bộ tộc của họ, chém hơn nghìn đầu. Vì thế các bộ lạc người Khương đã quy phục Hán triều và bọn Quy nghĩa Khương hầu Dương Ngọc oán giận, không tin tưởng thần phục nữa, bèn cướp bức các chủng tộc nhỏ, bội phản triều đình phạm cướp biên ải, đánh thành ấp, giết trưởng lại. An Quốc lấy thân phận Kỵ đô úy đem hai nghìn quân kỵ phòng bị người Khương; đi đến huyện Cảo Vị, bị giặc rợ tập kích, tổn thất rất nhiều xe truy trọng và khí giới. An Quốc dẫn quân về, đến huyện Lệnh Cứ, đem việc tấu báo lên.

Bấy giờ Triệu Sung Quốc hơn bảy mươi tuổi, chúa thượng cho là già lão, sai Bính Cát đi hỏi xem ai có thể làm tướng được. Sung Quốc đáp rằng:

- Không có ai hơn được lão thần này rồi!

---

[1] Đại khái là quy định cho phép một người có địa vị tiến cử con em mình được nhận chức làm quan, lấy bản thân bảo đảm cho việc tiến cử.

[2] Giác đế (角抵) ban đầu là một loại kỹ xảo chiến đấu, dạng như đấu vật, sau được dùng để huấn luyện binh sĩ, sau nữa trở thành trò thi đấu tiêu khiển trong dân gian.

Chúa thượng lại sai người đi hỏi Sung Quốc rằng:

- Tướng quân liệu tính xem sức của rợ Khương thế nào? Nên dùng bao nhiêu người?

Sung Quốc nói:

- Trăm nghe không bằng một thấy. Việc binh khó liệu tính xa, thần xin ruổi ngựa đến Kim Thành, vạch địa đồ, chế phương lược rồi tấu lên. Người Khương là chủng tộc nhỏ của người Nhung, nghịch trời bội phản, không lâu nữa sẽ bị diệt vong, xin Bệ hạ đem việc này giao phó cho lão thần, chớ lấy làm lo!

Chúa thượng cười nói: "Được." Bèn điều phát binh đại binh đến Kim Thành. Mùa hạ, tháng tư, phái Sung Quốc thống lĩnh quân ấy, để tiến đánh Tây Khương.

4. Tháng sáu, có sao chổi xuất hiện ở phương đông.

5. Triệu Sung Quốc đến Kim Thành, đợi kỵ binh tập kết đầy một vạn, muốn vượt Hoàng Hà, sợ bị giặc rợ đón chặn, lập tức trong đêm phái ba viên Hiệu úy dẫn quân lặng lẽ vượt sông trước, qua sông xong, liền lập doanh bày trận; đúng lúc trời vừa sáng, bèn dẫn hết binh lần lượt qua sông. Mấy trăm quân kỵ của giặc rợ kéo đến, tiến lui bên cạnh quân Hán, Sung Quốc nói:

- Sĩ mã của ta mới rồi mệt mỏi, chẳng thể ruổi rong truy kích, mà đấy đều là quân kiêu kỵ của địch, khó chế ngự, hơn nữa, ta e rằng quân đấy là binh dụ của địch vậy. Đánh giặc trận này là để diệt sạch quân địch, cái lợi nhỏ chẳng nên tham!

Liền lệnh cho quân chớ ra đánh. Lại phái quân kỵ dò xét khe hẻm Tứ Vọng thấy không có giặc, ban đêm, Sung Quốc dẫn binh vượt qua khe Tứ Vọng đến núi Lạc Đô, triệu các vị Hiệu úy, Tư mã tới bảo rằng:

- Ta biết rõ rợ Khương chẳng hiểu phép dùng binh rồi! Nếu giặc rợ phát mấy nghìn binh chặn giữ trong hẻm Tứ Vọng, binh ta sao vào được đến đây!

Sung Quốc thường chú ý dùng quân dò xét từ xa, hành quân tất sẵn sàng chiến đấu, dừng binh nhất định vững vách lũy, rất mực cẩn trọng, yêu mến sĩ tốt, định kế trước rồi sau mới đánh. Sung Quốc sang tây đến Tây bộ Đô úy phủ, hàng ngày khao quân, sĩ tốt đều tình nguyện chịu sai khiến. Giặc mấy lần khiêu chiến, Sung Quốc giữ vững không ra. Binh Hán bắt được quân Khương, tù binh nói các thủ lĩnh người Khương nhiều lần trách nhau rằng: "Bảo bọn mày không nên phản, nay Thiên tử phái Triệu tướng quân đến, ông ấy đã tám chín mươi tuổi rồi, khéo dùng binh; nay xin đánh một trận đến chết, có thể được sao?"

Trước đấy, thủ lĩnh hai bộ lạc Hãn, Khiên là Mĩ Đương phái em mình là Điêu Khố đến bảo với Tây bộ Đô úy rằng: "Bộ lạc Tiên Linh muốn phản." Sau đấy mấy ngày, quả nhiên phản. Có không ít người trong chủng tộc của Điêu Khố ở trong đất Tiên Linh, Đô úy lập tức giữ Điêu Khố lại làm con tin. Sung Quốc cho là Điêu Khố vô tội, bèn thả cho về tuyên lời với các thủ lĩnh trong chủng tộc rằng: Đại binh đến đánh giết kẻ có tội, hãy tỏ rõ rằng mình tự tách biệt, không nên cùng chịu diệt vong. Thiên tử báo rõ với các tộc người Khương: Người phạm phép mà có thể bắt giết đồng đảng, thì được miễn tội, nhưng vẫn xét công lớn nhỏ ban tiền thưởng theo thứ bậc; lại đem toàn bộ vợ con và tài sản của người mình bắt giết ban cho."

Sung Quốc tính kế muốn dùng uy tín để chiêu hàng hai bộ lạc Hãn, Kiên và các bộ lạc Khương bị người Tiên Linh bức hiếp, làm tan rã mưu của giặc rợ, đợi giặc hết sức mỏi mệt, mới tiến đánh chúng.

Bấy giờ chúa thượng đã trưng phát quân trú phòng của các quận nội địa, cả thảy đến sáu vạn người rồi. Thái thú Tử Tuyền là Tân Vũ Hiền dâng tấu thư rằng:

"Binh của các quận đều đóng trú phòng bị tại Nam Sơn, biên bắc trống rỗng, về hình thế chẳng thể duy trì lâu. Nếu đến thu đông mới

tiến binh, đấy là sách lược của bọn giặc rợ ngoài biên cảnh vậy. Nay giặc sớm tối phạm cướp, khí đất lạnh lẽo, ngựa của Hán triều chẳng chịu nổi giá rét, chẳng bằng đến thượng tuần tháng bảy mang theo ba mươi ngày lương, chia binh tiến ra Trương Dịch, Tửu Tuyền, hợp đánh hai bộ lạc Hãn, Kiên ở bờ sông Tiên. Tuy chẳng thể giết hết địch, nhưng đoạt được gia súc của chúng, bắt vợ con của chúng, rồi lui binh về, sang đông lần nữa đánh chúng, đại binh liên tục xuất kích, giặc rợ tất kinh hoàng vỡ lở."

Thiên tử giao tấu thư ấy xuống cho Sung Quốc, lệnh sai nghị bàn chuyện đó. Sung Quốc cho rằng:

"Một ngựa tự mang theo được ba mươi ngày lương, tức là hai hộc bốn đấu gạo, tám hộc lúa mạch, lại thêm hành lý, binh khí, rất khó truy đuổi giặc. Giặc rợ tất tính toán thời gian quân ta tiến lui, dần rút lui, theo nguồn nước bãi cỏ, vào chỗ núi rừng. Ta theo vào sâu, giặc rợ chiếm chỗ hiểm trước, chẹn giữ phía sau, để tuyệt đường chuyển lương, quân ta tất có mối lo nguy vong, bị Di Địch chê cười, nghìn năm không báo thù được. Vậy mà Vũ Hiên cho rằng có thể đoạt được gia súc của chúng, bắt được vợ con của chúng, đấy chỉ là lời hão, không phải là kế sách tuyệt hay vậy. Tộc Tiên Linh cầm đầu gây loạn, các chủng tộc khác bị họ bức hiếp, cho nên thần ngu độn tính kế, muốn bỏ qua cái lỗi ám muội của hai bộ tộc Hãn, Kiên, giấu kín mà không tuyên lộ ra, trước hết đánh dẹp tộc Tiên Linh để người Khương chấn động, bọn họ sẽ hối lỗi quay lại hướng thiện, ta nhân đó xá tội cho họ, rồi tuyển chọn quan lại giỏi hiểu biết tập tục của người Khương, vỗ yên hòa giải bọn họ. Thế mới là sách lược bảo toàn được quân đội, giữ được sự ổn định ở biên cương."

Thiên tử giao thư của Sung Quốc xuống, công khanh nghị bàn đều cho rằng: "Binh lực của bộ lạc Tiên Linh cường thịnh, lại cậy hai bộ lạc Hãn, Kiên trợ giúp, chẳng phá hai bộc lạc Hãn, Kiên trước, thì bộ lạc Tiên Linh chưa thể đồ được vậy." Chúa thượng bèn bái Thị trung Hứa Diên Thọ làm Cường nỗ tướng

quân, lại bái Thái thú Tửu Tuyền là Tân Vũ Hiền làm Phá Khương tướng quân, ban tỉ thư khen sách lược của Vũ Hiền, đồng thời gửi thư trách mắng Sung Quốc rằng:

"Nay việc chuyển vận phát động khắp nơi, trăm họ phiền nhiễu, tướng quân thống lĩnh hơn vạn bộ chúng, chẳng sớm nhân lúc tiết thu lợi dụng cỏ tốt nước nhiều, tranh đoạt lấy lương thực và gia súc của người Khương, muốn đợi đông sang, giặc rợ đều tích gia súc và lương thực, đa phần trốn náu trong núi, cậy dựa chỗ hiểm, sĩ tốt của tướng quân rét mướt, tay chân tê cóng nứt nẻ, há có lợi gì sao? Tướng quân chẳng nghĩ đến cái hao phí lớn của Trung Quốc, muốn kéo dài năm tháng mà thắng địch, làm tướng quân có ai không thích được như thế? Nay trẫm chiếu lệnh cho Phá Khương tướng quân là bọn Tân Vũ Hiền thống lĩnh binh, vào tháng bảy này tiến đánh bộ lạc Hãn người Khương; tướng quân hãy dẫn binh của mình đồng thời tiến đánh, chớ có nghi ngại nữa!"

Sung Quốc dâng thư nói:

"Bệ hạ lần trước ban thư tín, muốn sai người khuyên dụ bộ lạc Hãn người Khương, báo rằng đại quân sắp đến, nhà Hán không muốn giết hại bộ lạc Hãn, làm tan rã kế mưu liên hợp của người Khương. Thần vì thế phái thủ lĩnh của bộ lạc Kiên là Điêu Khố đi tuyên rõ đức lớn của Thiên tử; người của hai bộ lạc Hãn, Kiên đều nghe biết minh chiếu. Nay thủ lĩnh bộ lạc Tiên Linh người Khương là Dương Ngọc cậy dựa cây to đá hiểm trong núi, rình chờ cơ hội phạm cướp; bộ lạc Hãn người Khương chưa có hành vi xâm phạm, lại bỏ qua bộ lạc Tiên Linh, đi đánh bộ lạc Hãn trước, là thả kẻ có tội, đánh người vô tội, chỉ một bộ lạc khởi loạn, hai bộ lạc bị hại, đấy thực không phải là kế mưu ban đầu của Bệ hạ vậy!

Thần nghe binh pháp giảng: 'Sức đánh chẳng đủ, phòng thủ có dư.' Lại giảng: 'Người khéo đánh trận thì dẫn dụ địch nhân, không để bị địch nhân dẫn dụ.' Nay người Hãn Khương muốn tiến phạm Đôn Hoàng, Tửu Tuyền, nên chỉnh đốn binh mã, huấn luyện chiến sĩ, để

đợi bọn họ kéo đến. Đấy là cái thuật ngồi đợi dụ địch, lấy sức nhàn đánh sức mỏi, là đạo lý thủ thắng vậy. Hiện tại e rằng binh của hai quận ít, chẳng đủ để thủ, mà phát động đi đánh họ, là bỏ cái thuật dẫn dụ địch mà theo cái lối bị địch nhân dẫn dụ, thần ngu muội cho rằng như thế là không thỏa đáng. Rợ Tiên Linh Khương muốn làm phản, vì thế cùng hai bộ lạc Hãn, Kiên giải oán cừu kết ước, nhưng tâm tư của họ chẳng thể không sợ khi binh Hán đến thì hai bộc lạc Hãn, Kiên phản lại họ vậy. Thần ngu muội cho rằng cái kế của Tiên Linh Khương là muốn giải cứu nguy cấp cho hai bộ lạc Hãn, Kiên trước, để vững giao ước của họ. Ta đánh Hãn Khương, Tiên Linh tất trợ giúp họ. Nay ngựa của giặc rợ béo khỏe, lương thực đang nhiều, đánh họ sợ chẳng thể khiến họ thiệt hại, lại vừa khiến Tiên Linh Khương có cơ hội thi ân với Hãn Khương, củng cố giao ước của họ, liên hợp bè đảng của họ. Giặc rợ đã giao kết tụ đảng vững, hợp tinh binh hơn hai vạn người, bức hiếp các chủng tộc nhỏ, người quy phục chúng đông dần, những bộ lạc nhỏ như Mạc Tu muốn ly khai được cũng không dễ vậy. Như thế, binh của người rợ đông dần, muốn đánh diệt họ phải dùng sức gấp bội. Thần sợ rằng quốc gia phải lo lắng phiền nhiễu đến mấy chục năm, không chỉ hai ba năm mà thôi.

Theo như kế của thần, hãy đánh giết bộ lạc Tiên Linh trước, thì hai bộ lạc Hãn, Kiên chẳng phải nhọc binh mà thu phục được rồi. Nếu đã diệt được Tiên Linh, mà Hãn, Kiên không khuất phục, thì đợi đến tháng giêng sang năm ta đánh họ, đắc kế lại đúng thời. Nếu nay tiến binh, thực không thấy được cái lợi của việc này!"

Ngày Mậu Thân, Sung Quốc dâng tấu. Mùa thu, tháng bảy, ngày Giáp Dần, đáp thư của Đế đến, theo kế của Sung Quốc.

Sung Quốc dẫn binh đến chỗ bộ lạc Tiên Linh đóng trú. Giặc rợ đồn tụ đã lâu, trễ nải, xa trông thấy đại quân, liền vứt bỏ xe truy trọng, muốn vượt sông Hoàng, đường đi chật chội; Sung Quốc thong thả tiến đến đuổi quân Khương. Có người nói:

- Tranh lợi phải nhanh, ta đi chậm quá.

Sung Quốc nói:

- Đấy là giặc cướp cùng đường, chẳng nên bức gấp. Thong thả thì chúng chạy chẳng ngoái đầu, bức gấp thì chúng quay lại liều chết.

Các vị Hiệu úy đều nói: "Hay."

Giặc rợ rơi xuống sông chết đuối mấy trăm, kẻ hàng và bị chém hơn năm trăm người. Quân Hán thu được hơn chục vạn ngựa, bò, dê của giặc, hơn bốn nghìn cỗ xe. Binh đến đất của bộ lạc Hãn, Sung Quốc lệnh cho quân không được đốt phá thôn xóm, không được chăn thả và cắt cỏ ở nơi đồng ruộng của bọn họ. Người Hãn Khương nghe tin, mừng nói:

- Quân Hán quả nhiên không đánh ta rồi!

Thủ lĩnh của họ là Mĩ Vong sai người đến nói:

- Xin được quay về đất cũ.

Sung Quốc đem việc báo lên, chưa nhận được đáp thư. Mĩ Vong tự đến quy hàng, Sung Quốc ban cho ăn uống, phái quay về khuyến dụ người trong chủng tộc. Các tướng từ Hộ quân trở xuống đều can ngăn việc ấy, nói:

- Kẻ ấy là giặc phản, chẳng nên tự tiện phái đi!

Sung Quốc nói:

- Các ngài chỉ muốn theo văn thư mà tự mưu tính cho mình, không phải là vì quốc gia nghĩ xét vậy!

Nói chưa xong, đáp thư của Đế đưa đến, lệnh cho Mĩ Vong được lấy công chuộc tội. Sau đấy người Hãn Khương rút cục không phải dùng binh mà bình được.

Chúa thượng hạ chiếu thư lệnh cho Phá Khương tướng quân và Cường nỗ tướng quân đến chỗ Triệu Sung Quốc đóng quân, đến tháng mười hai cùng Sung Quốc hợp binh, tiến đánh Tiên Linh. Bấy giờ người Khương ra hàng đến hơn vạn người rồi, Sung Quốc liệu rằng người Khương tất phá được, muốn giải tán

quân ky, làm đồn điền để đợi người Khương mỏi mệt. Làm tấu chương còn chưa dâng lên, đúng lúc được tỉ thư sai tiến binh, con của Sung Quốc là là Trung lang tướng Triệu Ngang sợ, sai tân khách đến can Sung Quốc rằng:

- Nếu theo lệnh xuất binh, làm tan quân chết tướng, khiến quốc gia nghiêng lật, tướng quân cố thủ thì có thể được vậy. Nếu sự khác biệt chỉ là lợi và hại, há đáng để tranh chấp! Một khi không hợp ý chúa thượng, chúa thượng phái quan Ngự sử đến trách tướng quân, tấm thân tướng quân chẳng thể tự giữ, làm sao yên định được quốc gia!

Sung Quốc than rằng:

- Lời này sao bất trung vậy! Nếu dùng lời nói lúc trước của ta, rợ Khương được đến thế này sao? Trước kia chọn người đi Tây Khương tuần hành, ta tiến cử Tân Vũ Hiền; Thừa tướng, Ngự sử lại bẩm xin phái Nghĩa Cừ An Quốc, rút cục phá hỏng kế làm suy bại người Khương. Lúc vùng Kim Thành, Hoàng Trung giá thóc một hộc tám tiền, ta bảo Cảnh trung thừa[1] rằng: 'Hãy mua lấy ba trăm vạn hộc thóc, thì người Khương không dám vọng động rồi!' Cảnh trung thừa xin mua trăm vạn hộc, mà thực tế chỉ được có bốn chục vạn hộc thôi; Nghĩa Cừ lần thứ hai đi sứ, lại hao phí mất một nửa trong số ấy. Hai kế ấy lỗi, người Khương mới dám phản nghịch. Sai một ly, đi một dặm, đã thành như thế rồi. Nay việc binh lâu không kết thúc được, nếu Tứ Di thốt nhiên khuấy động, thừa cơ nổi dậy, dẫu có kẻ trí mưu cũng chẳng thể khéo xử lý việc phía sau, há chỉ có người Khương là đáng phải lo sao? Cho nên, ta dẫu chết cũng phải giữ cái ý kiến của mình, quân chủ sáng suốt có thể thấu hiểu lời trung của ta.

Bèn dâng tấu xin lập đồn điền rằng:

---

[1] Tức Cảnh Thọ Xương, bấy giờ làm Tư nông trung thừa.

"Lương thóc của quan binh, rơm cỏ của bò ngựa mà thần quản lĩnh phải điều phát trong phạm vi rất rộng, khó duy trì lâu không giải tán, dao dịch không dừng, sợ rằng sẽ sinh biến cố, thành mối lo của minh chủ, thực không đúng với kế sách quyết thắng ở miếu đường. Vả lại người Khương dễ dùng kế phá, khó dùng binh lực đập tan, cho nên thần ngu muội cho rằng đánh họ không phải là tiện! Tính kỹ ra từ Lâm Khương đến Hạo Vi, ruộng cũ và đất công của rợ Khương, cộng với số đất mà dân ở đấy chưa khai khẩn, có thể được trên hai nghìn khoảnh ruộng, trạm dịch trong vùng ấy đa phần đã sụt lở. Lúc trước thần phái quân sĩ vào núi, chặt được hơn sáu vạn cây gỗ, để tại bờ sông. Thần mong được bãi quân ky, lưu lại một vạn hai trăm tám mươi mốt bộ binh, chia ra đóng trú ở các chỗ yếu hại, khi băng tan thì vận gỗ xuôi theo đường nước, sửa lại hương đình, khơi sâu kênh ngòi, sửa dựng bảy mươi cây cầu từ Hoàng Hiệp về phía tây, khiến có thể thông đường đến vùng xung quang sông Tiên. Việc đồn điền bắt đầu, chia cho mỗi người ba mươi mẫu ruộng; đến tháng tư cỏ mọc, điều phát quân ky của các quận và quân ky của thuộc quốc người Hồ, mỗi nơi một nghìn quân, đến chỗ đồng cỏ chăn thả thành du binh[1], lương thực thu được đưa vào quận Kim Thành, tăng tích trữ, giảm phần lớn phí dụng. Nay số thóc mà Đại tư nông chuyển đến, đủ để vạn người ăn trong một năm, xin kính cẩn trình báo lên Bệ hạ các chỗ có thể lập đồn điền và danh sách đồ dùng."

Chúa thượng đáp thư rằng:

"Nếu chiếu theo kế sách của tướng quân, giặc rợ khi nào mới tiêu diệt hết? Việc binh khi nào mới kết thúc? Hãy tính kỹ phương sách có lợi rồi tấu lại!"

Sung Quốc dâng tấu báo thực trạng rằng:

"Thần nghe nói binh của bậc Đế vương, lấy bảo toàn là thủ thắng, vì thế xem trọng mưu lược mà coi nhẹ chiến đấu. 'Bách chiến bách thắng, không hẳn là tướng giỏi nhất trong các tướng giỏi vậy, cho nên

[1] Tức quân tác chiến lưu động vậy.

trước hết phải khiến địch không thể thắng, rồi chờ cơ hội để thắng địch.' Tập tục của người Man Di tuy là khác biệt với quốc gia có lễ nghĩa, nhưng cái mong muốn theo lợi tránh hại, yêu thân thích, sợ chết chóc của bọn họ, thì cũng giống vậy. Nay giặc rợ mất chỗ đất màu mỡ cỏ tốt, lo buồn bởi gửi thân tha hương, trốn xa đất cũ, cốt nhục phân ly, người người có chí bội phản. Mà minh chủ ban sư bãi binh, lưu vạn người làm đồn điền, là thuận thiên thời, dựa địa lợi, để đợi cơ thắng địch, tuy địch nhân chưa lập tức phục tội, nhưng việc binh hy vọng có thể kết thúc trong một năm. Rợ Khương đã tan lở, người hàng trước sau hơn một vạn bảy trăm người, còn như lũ nhận hàng đi thuyết phục đồng loại đến bảy chục toán, đó chính là cái cách có thể làm rợ Khương hoàn toàn tan rã vậy. Thần xin kính cẩn liệt kể mười hai điểm tiện lợi của việc không xuất binh mà lưu quân lại làm đồn điền như sau:

Chín vị Hiệu úy chỉ huy và một vạn quân bộ lưu lại làm đồn điền, dùng họ làm quân võ bị, nhân tiện cày ruộng tích lương, uy đức song hành, là cái lợi thứ nhất vậy. Lại nhân khi đóng ruộng lấn đuổi người Khương, không cho họ quay về chỗ đất phì nhiêu, khiến họ nghèo khốn tan bại, dần dần thành cục diện rợ Khương lìa phản nhau, là cái lợi thứ hai vậy. Dân ở đất ấy được cùng canh tác, không mất nghiệp nhà nông, là cái lợi thứ ba vậy. Lương thảo cho quân mã một tháng, tính ra có thể cấp cho quân làm đồn điền một năm, bãi quân ky để giảm bớt phí dụng lớn, là cái lợi thứ tư vậy. Đến mùa xuân, kiểm duyệt sĩ tốt, vận thóc theo sông Hà sông Hoàng đến Lâm Khương, cho rợ Khương biết để nêu cao uy vũ, truyền cho đời sau cái cách để bẻ gãy địch nhân, là cái lợi thứ năm vậy. Nhân lúc nông nhàn, đem số gỗ đã chặt lúc trước, sửa sang trạm dịch, hay sung vào Kim Thành, là cái lợi thứ sáu vậy. Nay xuất binh, là mạo hiểm cầu may; tạm không xuất binh, khiến cho giặc rợ phản loạn phải trốn ở chỗ đất hoang gió lạnh, chịu cái họa sương rơi, bệnh dịch, rét cóng, ta ngồi đợi là cái đạo tất thắng, là cái lợi thứ bảy vậy. Không phải chịu cái hại trải hiểm trở, truy đuổi xa, bị tử thương, là cái lợi thứ tám vậy. Bên trong không để uy trọng bị tổn

thương, bề ngoài không cho giặc có cái thế thừa cơ, là cái lợi thứ chín vậy. Thêm nữa không kinh động đến các bộ lạc lớn ở phía nam Hoàng Hà khiến nảy mối lo biến loạn, là cái lợi thứ mười vậy. Sửa dựng cầu ở vùng Hoàng Hiệp, khiến có thể thông đường đến sông Tiên để khống chế Tây Vực, dương uy ngoài ngàn dặm, hành quân qua cầu như gối đầu nằm ngả, là cái lợi thứ mười một vậy. Phí dụng giảm được nhiều, dao dịch dừng nghỉ, chỉ dùng phòng bị biến cố bất ngờ, là cái lợi thứ mười hai vậy.

Lưu quân làm đồn điền có mười hai điều tiện lợi, xuất binh đánh địch thì mất mười hai điều tiện lợi ấy, xin Bệ hạ anh minh chọn lựa."

Chúa thượng lần nữa đáp thư rằng:

"Ngài nói việc binh hy vọng có thể kết thúc trong một năm, là nói mùa đông năm nay chăng? Hay là thời gian nào khác? Tướng quân há chẳng tính nếu giặc rợ nghe tin binh ta bãi, đinh tráng lại tụ nhau, tấn công gây nhiễu quân làm đồn điền và binh đóng trú trên đường, lần nữa cướp giết người dân, sẽ lấy gì ngăn cản chúng? Tướng quân hãy tính kỹ rồi tấu lại!"

Sung Quốc lại tấu rằng:

"Thần nghe nói việc binh lấy mưu lược làm gốc, cho nên mưu nhiều thắng mưu ít. Tinh binh của Tiên Linh Khương, nay chẳng quá bảy tám nghìn người, mất địa bàn, phân tán nơi đất khách, đói rét làm phản trốn về không dứt. Thần ngu muội cho rằng giặc rợ bị phá có thể tính tháng đợi ngày, chậm nhất là vào mùa xuân sang năm, cho nên mới nói việc binh hy vọng có thể kết thúc trong một năm. Thần trộm thấy biên bắc từ Đôn Hoàng đến Liêu Đông là hơn một vạn một nghìn năm trăm dặm, quan quân canh giữ phòng vệ biên ải có mấy nghìn người, giặc rợ nhiều lần đem đại binh đến tấn công mà chẳng thể gây hại. Nay kỵ binh tuy bãi, nhưng giặc rợ thấy sĩ binh tinh nhuệ đóng đồn làm ruộng đến vạn người, từ nay đến hết tháng ba, ngựa của giặc gầy mòn, tất chẳng dám bỏ vợ con mình ở trong bộ lạc khác, từ xa lặn lội sông núi mà đến cướp; cũng chẳng dám đem vợ con

mình quay về đất cũ. Đấy chính là lý do mà thần tỏ ngu kế tính rằng giặc rợ tất phải nơi nơi tan lở, mới chế định sách lược chẳng đánh mà địch tự phá vậy. Còn như giặc rợ với quy mô nhỏ vào phạm cướp, bất chợt giết hại người dân, trước nay vốn không có cách gì cấm tuyệt ngay được.

Thần nghe nói chiến đấu không chắc thắng, chẳng cẩu thả giao phong; đánh không chắc lấy được, chẳng lao nhọc sĩ chúng. Nếu thực phát binh xuất kích, dẫu chẳng thể tiêu diệt Tiên Linh, nhưng có thể khiến giặc rợ tuyệt đối không dám phạm cướp với quy mô nhỏ, thì xuất binh là nên vậy. Hiện nay vẫn giống như thế, chẳng thể cấm tuyệt giặc phạm cướp, mà bỏ cái đạo lý ngồi đợi thủ thắng, theo cái cách mạo hiểm cầu may, đến cái chỗ rút cục không được lợi, bên trong trống rỗng tự mỏi mệt, hạ thấp uy trọng của quốc gia để tự tổn hại mình, đấy không phải là cách để tỏ uy với người Man Di vậy. Thêm nữa, đại binh một khi xuất phát, quay về thì chẳng thể lưu lại, Hoàng Trung cũng không thể để trống, như thế, dao dịch lại phải điều phát. Thần ngu muội cho rằng như thế là không thỏa đáng.

Thần trộm tự nghĩ rằng: Phụng chiếu ra biên hiểm, dẫn quân đi xa tập kích, dùng hết tinh binh của Thiên tử, vứt bỏ xe ngựa, giáp trụ nơi sơn dã, dẫu không lập được thước tấc công lao, cũng vẫn tránh khỏi hiềm nghi rắc rối, rồi sau quay về không bị trách lỗi chịu phạt, đấy là cái lợi của hạng nhân thần bất trung, nhưng không phải là cái phúc của xã tắc và minh chủ vậy!"

Sung Quốc mỗi lần dâng tấu, Đế thường giao xuống cho Công khanh đại thần thảo luận. Lần đầu kế của Sung Quốc có mười ba người tán thành; lần thứ hai có mười lăm người; lần cuối cùng có mười tám người tán thành. Đế hạ chiếu cật vấn những người lúc trước nói kế của Sung Quốc bất tiện vì sao đổi ý, họ đều khấu đầu nhận lỗi. Ngụy Tương nói:

- Thần ngu muội không hiểu rõ quan hệ lợi hại của việc binh. Hậu tướng quân nhiều lần vạch phương sách bàn về việc quân,

lời ông ấy nói ra thường chính xác, thần đảm bảo kế của ông ấy nhất định khả dụng vậy.

Chúa thượng vì thế đáp thư Sung Quốc, khen ngợi, dùng kế; lại nhân vì Phá Khương tướng quân, Cường nỗ tướng quân nhiều lần nói nên đánh, vì thế chúa thượng theo cả hai kế, hạ chiếu sai hai vị tướng quân cùng Trung lang tướng Triệu Ngang xuất kích. Cường nỗ xuất quân, thu hàng được hơn bốn nghìn người; Phá Khương chém được hơn hai nghìn đầu; Trung lang tướng Ngang chém và bắt hàng cũng hơn hai nghìn giặc; còn Triệu Sung Quốc chiêu hàng được hơn năm nghìn người. Đế hạ chiếu bãi binh, chỉ lưu Sung Quốc lại phụ trách việc đồn điền.

6. Đại tư nông Chu Ấp chết. Chúa thượng vì Ấp là quan lại phụng chức tuân phép, rất thương xót, hạ chiếu ban cho con của Ấp một trăm cân vàng, để phụng thờ tế tự Ấp.

7. Năm ấy, lấy Tiền tướng quân, Long Lạc hầu Hàn Tăng làm Đại tư mã, Xa kỵ tướng quân.

8. Nước Đinh Linh ba năm liên tục xuất binh cướp bóc Hung Nô, bắt giết mấy nghìn người. Hung Nô phái hơn vạn quân kỵ qua đánh nước Đinh Linh, không thu được gì.

Năm Thần Tước thứ hai (Tân Dậu – TCN 60)

1. Mùa xuân, tháng giêng, nhân vì có chim phượng hoàng tụ tập, sương móc giáng tại kinh sư, nên đại xá thiên hạ.

2. Mùa hạ, tháng năm, Triệu Sung Quốc tấu rằng:

"Người Khương đại khái vốn có năm vạn quân, cả thảy bị chém là bảy nghìn sáu trăm đầu, quân quy hàng là ba vạn một nghìn hai trăm người, số bị chết đuối ở sông Hoàng, sông Hà và bị chết đói là năm sáu nghìn người, theo tính toán, số trốn thoát đi theo thủ lĩnh của họ là Tiên Củng, Hoàng Đê chẳng quá bốn nghìn người. Bọn Mĩ Vong người Khương xin tự nhận trách nhiệm cầm bắt bọn trốn, thần thỉnh xin được bãi binh làm đồn điền!"

Tấu được chấp thuận. Sung Quốc liền chấn chỉnh quân lữ quay về.

Người bạn tốt của Sung Quốc là Hạo Tinh Tứ đi nghênh tiếp, khuyên Sung Quốc rằng:

- Chúng nhân đều cho rằng Phá Khương tướng quân, Cường nỗ tướng quân xuất kích, chém giết, bắt hàng nhiều địch, giặc rợ vì thế tan vỡ. Nhưng người có kiến thức thì cho rằng giặc rợ thế đã cùng khốn, binh dẫu không xuất kích, chúng cũng mau chóng tự hàng thôi. Tướng quân nếu yết kiến, nên quy công về hai vị tướng quân xuất kích, nói rằng ngu thần không sánh kịp họ. Như thế, kế của tướng quân không bị tổn hại vậy.

Sung Quốc nói:

- Ta già lão rồi, tước vị đã cực điểm, há phải né tránh cái việc khoe khoang công lao nhất thời để lừa dối minh chủ sao? Binh thế, là đại sự quốc gia, đáng phải lập phép tắc cho đời sau. Lão thần này chẳng nhân lúc còn tuổi thừa một lần vì Bệ hạ nói rõ cái lợi hại của việc dùng binh, thốt nhiên chết đi, ai sẽ nói lời ấy với Bệ hạ nữa?

Rút cục đem ý của mình ứng đối. Chúa thượng khen kế của Sung Quốc, bãi chức Tân Vũ Hiền phái về làm Thái thú Tửu Tuyền, Sung Quốc được phục chức Hậu tướng quân.

Mùa thu, Nhược Linh, Li Lưu, Thả Chủng, Nghê Khố người Khương cùng chém đầu thủ lĩnh bộ lạc Tiên Linh là Do Phi và Dương Ngọc, đồng thời thủ lĩnh các bộ lạc người Khương là bọn Đệ Trạch, Dương Điêu, Lương Nghê, Mĩ Vong đều suất lĩnh hơn bốn nghìn người thuộc bộ lạc của Hoàng Đê, Tiên Củng đến hàng. Nhà Hán phong hai người Nhược Linh, Đệ Trạch làm Suất chúng vương, những người còn lại đều làm Hầu, làm Quân.[1]

---

[1] Lưu Li, Thả Chủng làm Hầu; Nghê Khố, Lương Nhi làm Quân; Dương Điêu làm Ngôn Binh hầu; Mĩ Vong làm Hiến Ngưu quân.

Bắt đầu đặt thuộc quốc Kim Thành để an trí người Khương quy hàng tại đó.

Đế hạ chiếu cử người nhận chức Hộ Khương hiệu úy. Bấy giờ Sung Quốc bệnh, Tứ phủ[1] tiến cử em út của Tân Vũ Hiền là Tân Thang. Sung Quốc vội ốm bệnh dậy, tấu rằng:

- Thang say rượu làm bừa, chẳng nên để chưởng quản việc xứ Man Di. Chẳng bằng dùng anh của Thang là Lâm Chúng.

Bấy giờ Thang đã bái nhận phù tiết, Đế hạ chiếu đổi dùng Lâm Chúng. Về sau Lâm Chúng mắc bệnh bị bãi chức, Ngũ phủ[2] lại tiến cử Thang. Thang nhiều lần say rượu mắng chửi người Khương, người Khương vì thế phản loạn, rút cục như lời Sung Quốc nói. Tân Vũ Hiền rất hận Sung Quốc, dâng thư tố cáo Trung lang tướng Triệu Ngang tiết lộ lời kín ở trong cung, bị giao xuống cho quan lại xử trí, Ngang tự sát.

3. Tư lệ Hiệu úy Cái Khoan Nhiêu người Ngụy Quận, cương trực thanh liêm, nhiều lần phạm ý chúa thượng. Bấy giờ chúa thượng đang trọng hình pháp, tín nhiệm dùng hoạn quan làm Trung thư, Khoan Nhiêu dâng thư dán kín tấu rằng:

"Hiện nay thánh đạo dần suy, Nho thuật chẳng được thi hành, dùng hoạn quan làm việc của Chu, Thiệu, dùng pháp luật làm Thi, Thư.[3]*"*

Lại dẫn *Dịch truyện* nói:

"Ngũ đế coi thiên hạ là chung, Tam vương coi thiên hạ là nhà. Là nhà thì đem truyền cho con cháu, là chung thì truyền cho bậc thánh hiền."

Thư tấu lên, chúa thượng cho là Khoan Nhiêu oán hận phỉ báng, giao tấu chương xuống sai Trung nhị thiên thạch xử trị.

---

[1] Tức các phủ Thừa tướng, Ngự sử, Xa kỵ tướng quân, Tiền tướng quân.

[2] Gồm Tứ phủ kể trên và phủ Hậu tướng quân.

[3] Ý nói cho bọn hoạn quan ở vị trí cao nắm quyền lực, dùng hình pháp thay việc giáo hóa.

Bấy giờ Chấp kim ngô nghị bàn, cho rằng: "Khoan Nhiêu tỏ ý muốn được trao nhường thiên hạ, đại nghịch bất đạo!" Gián đại phu Trịnh Xương thương Khoan Nhiêu trung trực lo cho nước, vì nghị luận quốc sự lời lẽ không thấu ý lại bị quan lại dùng văn bút mắng mỉa hãm hại, bèn dâng thư kêu oan cho Khoan Nhiêu rằng:

"Thần nghe nói trong núi có mãnh thú, rau lê rau hoắc vì thế không người hái; quốc gia có trung thần, kẻ gian tà vì thế dám chẳng ngóc đầu. Tư lệ Hiệu úy Khoan Nhiêu, ở chẳng cầu yên, ăn chẳng cầu no; tiến có lòng lo cho quốc gia, lui có cái nghĩa tử tiết; trên không có cái thân thích của họ Sử, họ Hứa,[1] dưới không có sự chống đỡ của họ Kim, họ Trương[2]; thân gánh chức trách giám sát, theo đạo thẳng thi hành, lắm kẻ oán thù ít người giúp đỡ. Dâng thư bày kể quốc sự, Hữu ti đàn hặc ứng tội chịu tử hình. Thần may mắn được theo sau các vị đại phu, giữ chức can gián lập danh, chẳng dám không nói hết!"

Chúa thượng không nghe. Tháng chín, giao Khoan Nhiêu cho ngục lại; Khoan Nhiêu rút bội đao tự đâm cổ dưới cửa khuyết phía bắc, mọi người chẳng ai không thương xót.

4. Thiền vu Hung Nô là Hư Lư Quyền Cừ thống lĩnh hơn chục vạn quân kỵ đến ven biên săn bắn, muốn vào biên cảnh cướp bóc. Chưa đến nơi, đúng lúc có người dân Hung Nô tên là Đề Trừ Cừ Đường trốn đến hàng quân Hán nói rõ thực trạng, Hán triều vì thế phong hắn làm "Ngôn binh lộc hề Lộc Lô hầu", rồi phái Hậu tướng quân Triệu Sung Quốc thống suất hơn bốn vạn quân kỵ đóng trú ở chín quận ven biên để phòng bị giặc rợ. Hơn tháng sau, Thiền vu bị bệnh thổ huyết, vì thế không dám vào biên cảnh, lui về, lập tức bãi binh. Hung Nô lại sai bọn Đề vương Đô Lê Hồ Thứ đến Hán triều xin hòa thân, còn chưa được đáp tin, đúng lúc Thiền vu chết.

---

[1] Họ Hứa bấy giờ là ngoại thích của nhà vua. Họ Sử là họ bên ngoại của nhà vua.

[2] Họ Kim, họ Trương, tức nói họ tộc nhà Kim Nhật Đê, Trương An Thế, là những họ tộc có quyền thế bấy giờ.

Lúc Hư Lư Quyền Cừ bắt đầu được lập, biếm truất Chuyên cừ yên chi,[1] Chuyên cừ yên chi liền cùng Hữu hiền vương Đồ Kì Đường tư thông, Hữu hiền vương dự hội Long Thành rồi bỏ đi. Chuyên cừ yên chi nói là Thiền vu bệnh rất nặng, chớ đi xa. Mấy ngày sau, Thiền vu chết, quý tộc chưởng quản việc là Hác Túc vương Hình Vị Ương sai người triệu tập các Vương, còn chưa đến, Chuyên cừ yên chi cùng với em mình là Tả đại tướng Thả Cừ Đô Long Kỳ mưu bàn, lập Hữu hiền vương làm Thiền vu Ác Diên Cù Đê. Thiền vu Ác Diên Cù Đê, là chắt của Thiền vu Ô Duy vậy.

Thiền vu Ác Diên Cù Đê được lập, hung ác, giết bọn Hình Vị Ương rồi nhậm dụng Đô Long Kỳ, lại bãi miễn hết con em thân gần của Hư Lư Quyền Cừ mà tự dùng con em của mình thay thế. Con của Thiền vu Hư Lư Quyền Cừ là Kê Hầu Sách sau khi không được lập, trốn đến chỗ nhạc phụ là Ô Thiền Mạc. Ô Thiền Mạc, vốn là vua một tiểu quốc ở giữa hai nước Khang Cư và Ô Tôn, vì nhiều lần bị xâm hại, liền thống suất mấy nghìn bộ chúng của mình đến hàng Hung Nô, Thiền vu Hồ Lộc Cô đem con của em gái mình tức chị gái của Nhật Trục vương gả cho, sai lĩnh bộ chúng cũ của mình, trú ở tây bộ Hung Nô. Cha của Nhật Trục vương Tiên Hiền Đàn là Tả hiền vương vốn xứng làm Thiền vu, nhường ngôi vị cho Thiền vu Hồ Lộc Cô, Thiền vu Hồ Lộc Cô hứa lập Tả hiền vương,[2] người trong nước đều nói Nhật Trục vương đáng được lập làm Thiền vu. Nhật Trục vương vốn hiềm khích với Ác Diên Cù Đê, liền thống suất bộ chúng của mình muốn hàng nhà Hán, sai người đến Cừ Lê, cùng Kỵ đô úy Trịnh Cát truyền tin cho nhau. Cát điều phát năm vạn người của các nước Cừ Lê, Quy Tư nghênh đón một vạn hai nghìn người và mười hai Tiểu vương tướng mà Nhật

[1] Xem việc ở Hán kỷ quyển mười sáu, sự kiện năm Địa Tiết thứ hai.

[2] Xem việc ở Hán kỷ quyển mười bốn, sự kiện năm Thái Sơ nguyên niên.

Trục vương thống lĩnh. Theo Cát đến khúc quanh sông Hoàng Hà, có rất nhiều người bỏ trốn, Cát truy đuổi chém bọn họ, rồi đem bọn Nhật Trục vương đến kinh sư. Nhà Hán phong Nhật Trục vương làm Quy Đức hầu.

Cát sau khi phá nước Xa Sư[1], chiêu hàng Nhật Trục vương, uy chấn Tây Vực, vì thế kiêm quản từ nước Xa Sư sang tây đến con đường phía bắc Tây Vực, cho nên có hiệu là "Đô hộ". Chức Đô hộ được đặt bắt đầu từ Cát. Chúa thượng phong Cát làm An Viễn hầu. Cát vì thế ở giữa Tây Vực rồi lập Mạc phủ, đắp sửa thành Ô Lũy, cách Dương Quan hơn hai nghìn bảy trăm dặm. Hung Nô càng suy yếu, không dám tranh đoạt Tây Vực, chức Đồng Phó đô úy từ đấy bãi. Đô hộ đốc xét động tĩnh của nước Khang Cư, Ô Tôn ... cả thảy ba mươi sáu nước, có biến thì đem việc tấu lên, có thể vỗ yên, thì phủ dụ vỗ yên, không thể vỗ yên thì tiến hành đánh giết, từ đấy hiệu lệnh của nhà Hán ban bố đến tận Tây Vực rồi.

Thiền vu Ác Diên Cù Đê cải lập anh họ của mình là Bạc Tư Đường làm Nhật Trục vương.

5. Côn di của Ô Tôn là Ông Quy Mỹ thông qua Trường La hầu Thường Huệ dâng thư nói:

"Xin được lấy cháu ngoại của Hán triều là Nguyên Quy Mỹ[2] làm người kế tự, mong cho hắn lại được lấy công chúa khác của Hán triều, kết thành hôn nhân hai đời, đoạn tuyệt quan hệ với Hung Nô."

Đế hạ chiếu sai công khanh nghị bàn. Đại hồng lư Tiêu Vọng Chi cho rằng:

- Ô Tôn ở nơi xa tít, khó giữ để không sinh biến cố, chẳng nên đồng ý.

---

[1] Xem việc ở Hán kỷ quyển mười bảy, sự kiện năm Địa Tiết thứ ba.

[2] Nguyên Quy Mỹ là con trưởng của Giải Ưu công chúa người nước Sở, ngày trước được gả cho Ô Tôn vương vậy.

Chúa thượng khen ngợi Ô Tôn mới lập đại công,[1] lại quyết đoạn tuyệt hôn nhân với Hung Nô, bèn phong em gái của Ô Tôn công chúa Lưu Giải Ưu là Lưu Tướng Phu làm công chúa, tặng nhiều của cải rồi phái đi, sai Thường Huệ đưa tiễn công chúa đến quận Đôn Hoàng. Chưa ra khỏi biên hiểm, nghe tin Ông Quy Mỹ chết, quý tộc nước Ô Tôn cùng theo ước định cũ lập con của Sầm Thú là Nê Mĩ làm Côn di[2], hiệu là "Cuồng vương", Thường Huệ dâng thư nói: "Xin lưu Thiếu công chúa ở tạm Đôn Hoàng." Huệ ruổi ngựa đến nước Ô Tôn, trách hỏi, nói nếu không lập Nguyên Quý Mĩ làm Côn di, sẽ đưa Thiếu công chúa quay về. Đế giao việc xuống công khanh bàn, Vọng Chi cho rằng:

- Nước Ô Tôn lửng lơ hai mối, khó kết ước. Nay Thiếu công chúa vì Nguyên Quý Mĩ không được lập mà quay về, chữ tín không bị lỗi với Di Địch, là cái phúc của Trung Quốc vậy. Thiếu công chúa không quay về, dao dịch sẽ hưng khởi.

Thiên tử theo lời, trưng triệu Thiếu công chúa về.

Năm Thần Tước thứ ba (Nhâm Tuất – TCN 59)

1. Mùa xuân, tháng ba, ngày Bính Thìn, Cao Bình Hiến hầu Ngụy Tương hoăng. Mùa hạ, tháng tư, ngày Mậu Thìn, lấy Bính Cát làm Thừa tướng. Cát ưa khoan dung đại lượng, thích giữ lễ khiêm nhường, không quan tâm việc nhỏ; người bấy giờ cho là hiểu biết đại thể.

2. Mùa thu, tháng bảy, ngày Giáp Tý, triều đình lấy Đại hồng lư Tiêu Vọng Chi làm Ngự sử đại phu.

3. Mùa thu, tháng tám, Đế hạ chiếu rằng:

---

[1] Xem việc nước Ô Tôn phá Hung Nô, nói ở Hán kỷ, quyển mười sáu, sự kiện năm Bản Thủy thứ hai.

[2] Xem việc ước định này ở Hán kỷ, quyển mười sáu, sự kiện năm Bản Thủy thứ hai.

"Quan lại không thanh liêm công chính, thì đạo trị suy kém. Nay tiểu lại đều siêng năng làm việc mà bổng lộc thấp, muốn họ không xâm đoạt lừa dối bách tính, khó thay! Nay thêm bổng lộc cho quan lại từ trăm thạch trở xuống lên gấp rưỡi."

4. Năm ấy, lấy Thái thú Đông Quận là Hàn Diên Thọ làm Tả phùng dực.

Ban đầu, Diên Thọ làm Thái thú Dĩnh Xuyên, sau khi Dĩnh Xuyên thừa Triệu Quảng Hán kích động gây hiềm khích trong dân,[1] thói tục đa phần kết thù oán. Diên Thọ sửa đổi lại, dạy dân giữ lễ khiêm nhường; trưng triệu những người già có kiến thức, cùng họ định lễ nghi về hôn thú, tang chế, tế tự, đại khái chiếu theo lễ cổ, không vượt quá pháp chế. Trăm họ đều tuân theo chỉ dẫn của Diên Thọ. Những kẻ bán xe giấy, ngựa giấy và các đồ tùy táng khác, sẽ bị tịch thu vật phẩm đem vứt bỏ ngoài chợ. Hoàng Bá thay Diên Thọ làm Thái thú Dĩnh Xuyên, Bá noi theo cách của Diên Thọ mà Dĩnh Xuyên đại trị.

Diên Thọ làm quan, chuộng lễ nghĩa, thích giáo hóa cổ, các nơi Thọ đến nhất định mời gặp kẻ sĩ ở đất ấy, dùng lễ đãi ngộ, rộng rãi nghe dùng kiến nghị, thu nạp lời can; biểu chương con em hiếu thuận có phẩm hạnh, sửa sang học quán. Mỗi năm vào hai mùa xuân thu, tiến hành lễ "hương xạ"[2], cho bày chiêng trống, đàn sáo, mọi người trên dưới theo lễ vái nhường; lúc cử hành "đô thí"[3] giảng võ, bày phủ việt, tinh kỳ, luyện tập bắn tên, đánh xe; sửa sang thành quách, thu tô thuế, đều hẹn ngày trước, bố cáo minh bạch, đến kỳ hẹn tập hợp thành sự kiện lớn, quan dân kính sợ mà tuân thủ. Lại đặt ra các chức "Chánh" và

---

[1] Xem việc này ở Hán kỷ, quyển mười sáu sự kiện năm Bản Thủy thứ ba.

[2] Hương xạ (鄉射), tức lễ bắn tên thời cổ. Đại khái, vào hai mùa xuân thu, Châu trưởng tập hợp dân, cử hành lễ xạ (bắn tên) tại trường học, mục đích chính giáo dục lễ nhạc, có tác dụng vui chơi giải trí, kiêm việc tuyển người tài.

[3] Đô thí (都试), tức là tổ chức cho mọi người tham gia đấu võ với nhau để khảo xét võ nghệ của những người tham gia.

"Ngũ trưởng"[1], lấy hiếu đễ làm gương cho nhau; ngăn cấm thu giấu kẻ gian, đường ngõ thôn xóm có việc bất thường, quan lại lập tức nghe biết, người gian không dám vào địa giới. Các việc ấy ban đầu tựa như phiền nhiễu, về sau quan lại không có nỗi khổ đuổi bắt, dân không có mối lo chịu đòn roi, đều được tiện lợi an toàn.

Diên Thọ tiếp đãi thuộc lại, ân ban rất hậu nhưng ước thúc nghiêm. Nếu người nào lừa dối, phụ lòng, Diên Thọ đau xót, tự trách mình: "Ta có điều gì không đúng với người đó sao, vì sao đến nỗi thế?" Thuộc lại nghe nói thế tự đau xót hối hận, có vị Huyện úy của Diên Thọ thậm chí còn tự sát. Có lần một vị Môn hạ duyện tự đâm cổ, được người khác cứu không chết, Diên Thọ rơi nước mắt, sai quan lại và thầy thuốc tìm hết cách chữa trị, sau đấy miễn thuế khóa và dao dịch cho gia đình người đó.

Diên Thọ ở Đông Quận ba năm, ban lệnh tất được thi hành, cấm lệnh tất phải dừng hẳn, hình ngục giảm phần lớn, bởi thế được triệu về nhận chức Tả phùng dực.

Diên Thọ tuần hành các huyện, đến huyện Cao Lăng, trong dân có hai anh em tranh đoạt ruộng đất, tự tố cáo nhau. Diên Thọ rất thương cảm vì việc ấy, nói:

- Ta may được nhận chức, làm gương cho cả quận, chẳng thể tuyên rõ giáo hóa, đến nỗi cốt nhục trong dân tranh tụng nhau, đã tổn thương đến phong tục và giáo hóa, lại khiến cho các vị Trưởng lại, Sắc phu, Tam lão, Hiếu đễ hiền đức phải thẹn nhục về việc này, lỗi ở Phùng dực, ta đáng phải dẫn lỗi từ chức!

Ngay hôm ấy xưng bệnh không nghe xử việc, rồi nằm trong nhà trạm, đóng cửa tự nghĩ lỗi. Quan viên cả huyện chẳng biết tính sao, các vị Lệnh, Thừa, Sắc phu, Tam lão cùng đều tự nhốt mình đợi tội. Vì thế người trong tông tộc của hai anh em tranh

---

[1] Chánh, đại để cũng như chức Hương chánh và Lý chánh vậy; Ngũ trưởng, đại để là trong năm nhà cử một người làm trưởng để quản lý vậy.

tụng kia trách lẫn nhau; hai người hết mực hối hận, đều tự cắt tóc, cởi trần đến tạ tội, nguyện đem ruộng đất nhường nhau, đến chết không dám tranh giành nữa. Cả quận trên dưới hòa mục, chẳng ai không truyền bá việc ấy, khích lệ nhau, không ai dám phạm phép. Ân đức và uy tín của Diên Thọ lan khắp hai mươi bốn huyện, chẳng ai dám dùng ngôn từ tố tụng lẫn nhau nữa. Diên Thọ chí thành đãi người, quan dân chẳng nỡ dối lừa.

Thiền vu Hung Nô lại giết hai em của Tiên Hiền Đàn; Ô Thiền Mạc thỉnh xin, nhưng Thiền vu không nghe, vì thế mang lòng giận. Sau đấy Tả Úc Kiện vương chết, Thiền vu tự lập con út của mình làm Úc Kiện vương, lưu ở Vương đình. Quý tộc của bộ lạc Úc Kiện cùng nhau lập con của Úc Kiện vương cũ làm Vương, cùng dời về hướng đông. Hữu thừa tướng của Thiền vu thống lĩnh một vạn quân kỵ qua đánh họ, chết mất mấy nghìn người, không thắng nổi.

---ॐ---

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ MƯỜI CHÍN]

TRUNG TÔNG HIẾU TUYÊN HOÀNG ĐẾ

Năm Thần Tước thứ tư (Quý Hợi – TCN 58)

1. Mùa xuân, tháng hai, nhân vì có chim phượng hoàng tụ tập và sương móc giáng tại kinh sư, nên đại xá thiên hạ.

2. Thái thú Dĩnh Xuyên là Hoàng Bá ở quận trước sau tám năm, chính trị ngày càng ổn định; bấy giờ chim phượng hoàng và thần tước nhiều lần tụ tập ở các quận, quốc, tại quận Dĩnh Xuyên là nhiều nhất. Mùa hạ, tháng tư, Đế hạ chiếu rằng:

"Thái thú Dĩnh Xuyên là Hoàng Bá, tuyên rõ chiếu lệnh, bách tính hướng theo giáo hóa, con hiếu, em hòa, phụ nữ trinh tiết, cháu chắt kính thuận ngày một nhiều, dân cày nhường bờ ruộng cho nhau, người đi đường không nhặt của rơi, phụng dưỡng người quan quả, giúp đỡ người bần khốn, có nhà ngục tám năm không có tù phạm tội nặng; nay ban cho Bá tước Quan nội hầu, một trăm cân vàng, phẩm trật Trung nhị thiên thạch."

Rồi dân chúng của quận Dĩnh Xuyên là con hiếu, em thuận, người làm việc nghĩa, cho đến các Tam lão, Lực điền đều được ban lụa bạch theo thứ bậc. Mấy tháng sau, Bá được trưng triệu về triều làm Thái tử Thái phó.

3. Tháng năm, Thiền vu Hung Nô phái em mình là Hô Lưu Nhược vương Thắng Chi đến chầu.

4. Mùa đông, tháng mười, chim phượng hoàng mười một lần tụ tập ở Đỗ Lăng.

5. Thái thú Hà Nam là Nghiêm Diên Niên trị quận rất độc ác khốc liệt, kẻ mà chúng nhân cho rằng đáng xử tội chết thì đột nhiên được thả ra, người được cho là đáng sống lại bị trái lý xử tử, quan dân chẳng thể hiểu được ý nông sâu của Thái thú thế nào, đau đáu hoảng sợ chẳng dám phạm phép cấm. Đến mùa đông, Diên Niên truyền đưa tù phạm của các huyện thuộc tới tập trung ở phủ nha, luận xét phán quyết, máu chảy vài dặm, người Hà Nam gọi Thái thú là "đồ bá"[1]. Diên Niên vốn khinh thường tư cách của Hoàng Bá, lúc làm quận thú tại quận bên, thấy Bá được khen thưởng vượt hẳn mình, trong lòng không phục. Trong địa giới Hà Nam có nạn hoàng trùng, Phủ thừa tên Nghĩa ra ngoài tuần hành xét nạn, quay về, gặp Diên Niên. Diên Niên nói:

- Hoàng trùng nổi lên như thế, há chẳng phải là thức ăn cho phượng hoàng sao?

Nghĩa tuổi cao, có chút hồ đồ, vốn sợ Diên Niên, lo bị hãm hại. Diên Niên vốn từng cùng Nghĩa đều là Thừa tướng sử[2], thực tế đối với Nghĩa rất thân thiết trọng hậu, tặng cho của cải rất nhiều. Nghĩa càng sợ hơn, tự bói đoán, được quẻ "tử", hoảng hốt không vui, mượn cớ xin nghỉ đến Trường An, dâng thư kể ra mười tội danh của Diên Niên; sau khi bái dâng tấu chương, liền uống thuốc độc tự sát, để tỏ rõ là mình không lừa dối. Việc giao xuống cho Ngự sử thừa xét án chứng nghiệm, tra xét được những lời oán vọng, nhiều việc phỉ báng việc triều chính của Diên Niên. Tháng mười một, Diên Niên bị kết tội đại nghịch bất đạo, chém vứt xác ngoài chợ.

---

[1] Đồ (屠), là kẻ giết mổ gia súc; bá (伯), là trưởng quan. Ý nói rằng Diên Niên là vị trưởng quan chuyên nghề giết mổ.

[2] Thừa tướng sử, là thuộc quan của phủ Thừa tướng vậy.

Khi trước, mẹ của Diên Niên từ quận Đông Hải tới, muốn theo Diên Niên đón lễ tế chạp; đến Lạc Dương, vừa đúng lúc nhận đáp tấu xử quyết tù phạm, người mẹ cả kinh, liền dừng lại ở Đô đình[1], không chịu vào phủ. Diên Niên ra tận Đô đình yết kiến mẫu thân, người mẹ đóng cửa không gặp. Diên Niên cởi mũ khấu đầu dưới cửa, hồi lâu, người mẹ mới ra gặp, nhân đó trách hỏi hỏi Diên Niên rằng:

- Mày may mắn được nhận chức Quận thú, riêng quyền trị lý nghìn dặm, chẳng hề nghe nói dùng nhân ái giáo hóa, giúp dân chúng được bảo toàn vui nghiệp; lại lợi dụng hình phạt, đa phần dùng hình pháp giết người, muốn dựa vào đó lập uy, há xứng với ý là cha mẹ của dân sao?

Diên Niên nhận tội, hai lần khấu đầu lạy tạ, liền đó đánh xe đưa mẹ về phủ. Lễ tế chạp xong, người mẹ bảo Diên Niên rằng:

- Đạo trời thần diệu, giết nhiều người tất bị người khác giết. Ta chẳng ngờ đến lúc già lão lại thấy con đang tuổi tráng niên bị hình lục vậy! Ta đi đây, rời bỏ mày sang đông về quê, quét dọn sạch sẽ chỗ mộ phần thôi![2]

Bèn rời đi, về quận, gặp anh em và người trong tông tộc, đem lời lúc trước nói lại với họ. Hơn một năm sau, Diên Niên quả nhiên bị giết, người quận Đông Hải chẳng ai không khen sự hiền trí của mẹ Diên Niên.

6. Thiền vu Ác Diên Cù Đê của Hung Nô bạo ngược, thích sát phạt, người trong nước không theo giúp. Còn Thái tử và Tả hiền vương nhiều lần vu hãm quý tộc ở Tả bộ, quý tộc ở Tả bộ đều oán hận. Đúng lúc người Ô Hoàn đánh Cô Tịch vương ở biên ải phía đông của Hung Nô, bắt được khá nhiều dân, Thiền

---

[1] Đình (亭), là nơi nghỉ ngơi các quận huyện đặt trên đường đi để khách qua lại nghỉ chân vậy. Thông thường cứ mười dặm đặt một đình, nếu nằm sở trị của quận huyện thì gọi là Đô đình.

[2] Ý nói dọn sẵn chỗ để đợi việc chôn táng Diên Niên vậy.

vu giận. Cô Tịch vương sợ, lập tức cùng Ô Thiền Mạc và các quý tộc ở Tả bộ chung sức lập Kê Hầu Sách làm Thiền vu Hô Hàn Gia, phát bốn vạn binh của Tả bộ, sang tây đánh Thiền vu Ác Diên Cù Đê, đến phía bắc sông Cô Thả. Chưa giao chiến, binh của Thiền vu Ác Diên Cù Đê bỏ chạy trước, Thiền vu sai người báo với em mình là Hữu hiền vương rằng:

- Người Hung Nô nhất loạt đánh ta, mày có chịu phát binh trợ giúp ta chăng?

Hữu hiền vương nói:

- Mày chẳng yêu mến người khác, giết anh em và các quý tộc. Đều là tự mày rước lấy cái chết, đừng để vấy bẩn đến ta!

Thiền vu Ác Diên Cù Đê phẫn hận, tự sát. Tả Đại Thả Cừ Đô Long Kỳ trốn đến chỗ Hữu hiền vương, hết thảy dân của hắn đều hàng Thiền vu Hô Hàn Gia. Thiền vu Hô Hàn Gia quay về Vương đình; mấy tháng sau, bãi binh, sai đều quay về đất cũ, rồi tìm anh của mình là Hô Đồ Ngô Tư ở trong chốn dân gian, lập làm Tả Lộc Lê vương, sai người báo với các quý tộc của Hữu hiền vương, muốn sai họ giết Hữu hiền vương. Mùa đông năm ấy, Đô Long Kỳ và Hữu hiền vương cùng nhau lập Nhật Trục vương Bạc Tư Đường làm Thiền vu Đồ Kì, phát mấy vạn binh sang đông đánh úp Thiền vu Hô Hàn Gia, binh của Thiền vu Hô Hàn Gia thua chạy. Thiền vu Đồ Kì quay về đất cũ, lập con trưởng của mình là Đô Đồ Ngô Tây làm Tả Lộc Lê vương, con út là Cô Mậu Lâu Đầu làm Hữu Lộc Lê vương, lưu họ ở lại Thiền vu đình.

Năm Ngũ Phượng nguyên niên (Giáp Tý – TCN 57)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành đến Cam Tuyền, tế giao tại đàn Thái Chi.

2. Hoàng thái tử cử hành điển lễ Gia quan.

3. Mùa thu, tháng bảy, Thiền vu Đồ Kì của Hung Nô sai anh của Tiên Hiền Đàn là Hữu Úc Kiện vương và Ô Tạ đô úy mỗi người lĩnh hai vạn quân kỵ đóng trại ở phương đông, để phòng bị Thiền vu Hô Hàn Gia. Bấy giờ Hô Yết vương ở Tây bộ Hung Nô đến cùng với Duy Lê Đương Hộ bàn mưu, cùng gièm chê Hữu hiền vương, nói hắn muốn tự lập làm Thiền vu. Thiền vu Đồ Kì giết cha con Hữu hiền vương; sau biết họ bị oan, lại giết Duy Lê Đương Hộ, vì thế Hô Yết vương lo sợ, bèn làm phản rồi trốn đi, tự lập làm Thiền vu Hô Yết. Hữu Úc Kiện vương nghe tin ấy, liền tự lập làm Thiền vu Xa Lê. Ô Tạ đô úy cũng tự lập làm Thiền vu Ô Tạ. Cả thảy có năm Thiền vu. Thiền vu Đồ Kì tự đem binh sang đông đánh Thiền vu Xa Lê, sai Đô Long Kỳ đánh Ô Tạ. Xa Lê, Ô Tạ đều bại, chạy về hướng tây bắc, cùng Thiền vu Hô Yết hợp binh được bốn vạn người. Ô Tạ và Hô Yết đều bỏ hiệu Thiền vu, chung sức tôn phù Thiền vu Xa Lê. Thiền vu Đồ Kì nghe tin, sai Tả đại tướng, Đô úy lĩnh bốn vạn quân kỵ chia nhau đóng trú ở phương đông, để phòng bị Thiền vu Hô Hàn Gia, tự mình suất lĩnh bốn vạn quân kỵ sang tây đánh Thiền vu Xa Lê. Thiền vu Xa Lê bại, chạy về phía tây bắc. Thiền vu Đồ Kì lập tức dẫn binh sang phía tây nam lưu lại đất cũ của Đạp Đốn.

Quần thần Hán triều nghị bàn đa phần cho rằng: "Hung Nô gây hại lâu ngày, nên nhân lúc họ vỡ loạn, cử binh diệt đi." Đế hạ chiếu hỏi ý Ngự sử đại phu Tiêu Vọng Chi, Vọng Chi đáp chiếu rằng:

"Kinh Xuân Thu chép, Sĩ Cái nước Tấn xuất binh lấn Tề, nghe nói Tề hầu chết, dẫn binh sư quay về,[1] người quân tử xem trọng việc không đánh cái nước đang có tang, cho rằng ân đủ để khiến kẻ hiếu tử chịu phục, nghĩa đủ để cảm động chư hầu.

---

[1] Theo *Công Dương truyện*: Năm thứ mười chín đời Lỗ Tương công, Tề hầu là Hoàn mất. Sĩ Cái nước Tấn dẫn quân xâm lấn nước Tề, tới đất Cốc, nghe nói Tề hầu mất, bèn quay về, người quân tử xem trọng cái việc không đánh nước đang có tang.

Thiền vu trước của Hung Nô ngưỡng mộ giáo hóa hướng thiện, tự xưng là em, phái sứ thần thỉnh cầu hòa thân, khắp thiên hạ hân hoan, người Di Địch chẳng ai không nghe biết. Việc kết ước còn chưa trọn vẹn, Thiền vu bất hạnh bị tặc thần giết hại; nay nếu ta đánh họ, là thừa loạn mà vui họa vậy, bên kia tất trốn chạy đi xa. Ta không vì nghĩa xuất động, việc binh e là lao nhọc mà vô công. Nên phái sứ giả đến điếu tang thăm hỏi, giúp họ trong lúc suy nhược, cứu cái tai họa cho họ; Tứ Di nghe tin, hết thảy đều sẽ quý cái nhân nghĩa của Trung Quốc. Như thế người Hung Nô nhờ ân đức của nhà Hán được khôi phục vương vị, tất xưng thần phục tùng, đấy là cái cách gây đức dày của bậc Thiên tử vậy."

Chúa thượng theo lời bàn của Vọng Chi.

4. Mùa đông, tháng mười hai, ngày Ất Dậu là ngày sóc, có nhật thực.

5. Hàn Diên Thọ thay Tiêu Vọng Chi làm Tả phùng dực. Vọng Chi nghe nói Diên Thọ thời ở Đông Quận phát tán hơn nghìn vạn tiền của phủ quan, sai Ngự sử tra xét việc ấy.[1] Diên Thọ nghe tin, lập tức sai thuộc lại tra xét việc Vọng Chi thời làm Tả phùng dực từng phát tán hơn trăm vạn tiền mà quan Lẫm hi[2] quản lý. Vọng Chi tự tấu rằng:

"Chức trách của thần là tổng xét sự vụ trong thiên hạ, nghe có việc chẳng dám không tra hỏi, lại bị Diên Thọ ngăn trở, uy hiếp."

Chúa thượng vì thế không tin Diên Thọ, liền sai người chia nhau điều tra đến cùng. Việc nói về Vọng Chi rút cục không đúng thực. Rồi Ngự sử của Vọng Chi phái đi tra xét việc ở Đông Quận phát hiện được việc khảo thí kỵ sĩ xa xỉ vượt pháp chế; lại dùng đồng của phủ quan chế khí vật, sau ngày có nguyệt thực đúc đao kiếm, bắt chước việc của quan Thượng phương; còn lấy

---

[1] Hồ Tam Tỉnh cho rằng: Vọng Chi thấy Diên Thọ thay mình làm Tả phùng dực, lại có tài năng và danh tiếng ở trên mình, nên ghét làm hại, hãm vào tội trạng.

[2] Chủ quản kho lúa (lẫm) và quản việc nuôi muông sinh, đều dùng cho tế lễ (hi).

tiền riêng của phủ quan thuê tiểu lại quản lý việc dao dịch; sửa sang xe giáp tiêu phí trên ba trăm vạn tiền. Diên Thọ rút cục mắc tội "giảo hoạt bất đạo", phải chém vứt xác ngoài chợ. Mấy nghìn quan dân đưa tiễn đến Vị Thành, già trẻ níu giữ bánh xe, tranh nhau tiến đến dâng rượu thịt. Diên Thọ chẳng nỡ cự tuyệt, uống với từng người, cả thảy uống hết hơn thạch rượu. Lại sai các quan Duyện, Sử chia nhau tạ người đưa tiễn rằng:

- Quan dân khổ sở đưa tiễn xa, Diên Thọ chết không có gì hối hận!

Bách tính chẳng ai không rơi nước mắt.

Năm Ngũ Phượng thứ hai (Ất Sửu – TCN 56)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng đến cung Cam Tuyền, tế giao tại đàn Thái Chỉ.

2. Xa kỵ tướng quân Hàn Tăng hoăng. Tháng năm, lấy Tướng quân Hứa Diên Thọ làm Đại tư mã, Xa kỵ Đại tướng quân.

3. Thừa tướng Bính Cát tuổi cao, chúa thượng rất tôn trọng. Tiêu Vọng Chi thường có ý khinh rẻ Cát, chúa thượng bởi thế không hài lòng. Quan Tư trực của Thừa tướng tấu nói "Vọng Chi đối đãi với Thừa tướng ngạo mạn vô lễ, lại sai thuộc lại đi mua bán, ngầm cấp thêm cho họ cả thảy ba chục vạn tiền, xin bắt trị tội." Mùa thu, tháng tám, ngày Nhâm Ngọ, Đế hạ chiếu giáng chức Vọng Chi làm Thái tử Thái phó; lấy Thái tử Thái phó Hoàng Bá làm Ngự sử đại phu.

4. Thiền vu Hô Hàn Gia của Hung Nô phái em mình là bọn Hữu Lộc Lê vương sang tây tập kích chỗ trú quân Thiền vu Đồ Kì, cướp giết hơn nghìn người. Thiền vu Đồ Kì nghe tin ấy, lập tức tự thống suất sáu vạn quân kỵ đánh Thiền vu Hô Hàn Gia. Thiền vu Đồ Kì thua binh, tự sát. Đô Long Kỳ bèn cùng con út của Đồ Kì là Hữu Lộc Lê vương Cô Mậu Lâu Đầu trốn đến

hàng nhà Hán. Thiền vu Xa Lê sang đông hàng Thiền vu Hô Hàn Gia. Mùa đông, tháng mười một, Tả Đại tướng Ô Lệ Khuất của Thiền vu Hô Hàn Gia cùng cha mình là Hô tốc luy Ô Lệ Ôn Đôn đều vì Hung Nô loạn không dừng, thống suất mấy vạn bộ chúng của mình hàng nhà Hán; Hán triều phong Ô Lệ Khuất làm Tân Thành hầu, Ô Lệ Ôn Đôn làm Nghĩa Dương hầu. Bấy giờ con của Lý Lăng lại lập Ô Tạ đô úy làm Thiền vu, bị Thiền vu Hô Hàn Gia bắt chém; sau đó lần nữa định đô ở Thiền vu đình, nhưng bộ chúng chỉ có mấy vạn người. Em họ của Thiền vu Đồ Kì là Hưu Tuần vương tự lập làm Thiền vu Nhuận Chấn, tại biên ải phía tây Hung Nô; anh của Thiền vu Hô Hàn Gia là Tả hiền vương Hô Đồ Ngô Tư cũng tự lập làm Thiền vu Chất Chi Cốt Đô Hầu, tại biên ải phía đông Hung Nô.

5. Quang lộc huân Bình Thông hầu Dương Uẩn liêm khiết vô tư; nhưng hay tự khoe khoang tài cán, lại có tính khắc bạc tàn nhẫn, thích phát lộ ý kín của người khác, bởi thế kết oán với nhiều người tại triều đình. Uẩn và Thái phó Đái Trường Nhạc không hòa hợp nhau; có người dâng thư tố cáo tội của Trường Nhạc, Trường Nhạc nghi ngờ Uẩn sai người tố cáo mình, cũng dâng thư tố cáo tội của Uẩn rằng:

"Uẩn dâng thư vì Hàn Diên Thọ kêu oan, Lang trung là Khâu Thường bảo Uẩn rằng: 'Nghe nói quân hầu kêu oan cho Hàn Phùng dực, có thể cứu sống ông ta được chăng?' Uẩn nói: 'Việc đâu dễ thế, người chính trực vị tất đã toàn mệnh vậy! Ta chẳng thể tự giữ mình, đấy chính là điều mà người ta gọi là: Chuột không vào được hang vì miệng ngậm vật lớn vậy.' Lại nói với Trường Nhạc rằng: 'Từ tháng giêng đến nay, trời âm u không mưa, đấy là điều mà Kinh Xuân Thu ghi chép, là lời mà Hạ Hầu Thắng nói đến'[1]."

---

[1] Lời mà Hạ Hầu Thắng khuyên Xương Ấp vương, xem lại Hán kỷ quyển 16, sự kiện năm Nguyên Bình nguyên niên. Trong lời khuyên ấy có lời dẫn từ sách *Hồng phạm* nói: "Trời âm u lâu không mưa, tất có tôi thần ở dưới mưu đánh người trên."

Việc được giao xuống Đình úy. Đình úy Định Quốc tấu rằng Uẩn có lòng oán vọng, nói lời phỉ báng quái gở, đại nghịch bất đạo. Chúa thượng không nỡ giết, hạ chiếu cách chức Uẩn và Trường Nhạc thành thứ dân.

Năm Ngũ Phượng thứ ba (Bính Dần – TCN 55)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Quý Mão, Bác Dương Định hầu Bính Cát hoăng.

Ban Cố tán rằng: Người xưa chế định danh xưng, tất từ chỗ so các sự việc tương tự nhau, xa thì lấy ở vạn vật, gần thì lấy ở bản thân. Cho nên Kinh sách cho rằng quân chủ là người đứng đầu, bầy tôi là tay chân, tỏ rõ cái ý quân thần gắn kết với nhau một thể mà thành. Thế nên quân thần phối hợp với nhau, là đạo thường xưa nay, là cái thế tự nhiên vậy. Xét các Thừa tướng của Hán triều gần đây, Cao tổ sáng nghiệp, Tiêu, Tào là bầy tôi đứng đầu; Hiếu Tuyên trung hưng, Bính, Ngụy có thanh danh tốt nhất. Thời ấy, quan viên thăng giáng hợp lý, các loại chức phận rõ ràng, công khanh đa phần xứng chức, phong khí lễ nhường trong nước hưng khởi. Xét các sự tích về hành vi của bọn họ, há phải chỉ là hư danh đâu?

2. Tháng hai, ngày Nhâm Thìn, Hoàng Bá nhận chức Thừa tướng. Tài năng của Bá sở trường ở cách trị dân, lúc làm Thừa tướng, công danh tổn giảm so với thời trị quận. Bấy giờ chim sẻ ở nhà Kinh Triệu doãn Trương Sưởng bay đến đậu ở phủ Thừa tướng, Bá cho là "Thần tước", nghị bàn muốn tấu việc đó lên. Trương Sưởng dâng tấu nói:

"Thần trộm thấy Thừa tướng yêu cầu Trung nhị thiên thạch và bọn Bác sĩ đòi các Trưởng sử, Thủ thừa của các quận, quốc tấu báo lên về việc vì dân hưng lợi trừ hại, thúc đẩy giáo hóa, chia thành từng điều mục đối đáp. Ai có tấu báo về các việc như dân cày nhường bờ ruộng cho nhau, nam nữ không đi chung lẫn lộn, người trên đường không nhặt của rơi, lại đề cử được hiếu tử, trinh phụ, thì liệt vào hạng

nhất, được lên phủ đình trước; ai có tấu báo đề cử nhưng không nắm rõ số người thì liệt vào hạng nhì; ai không có chính tích về mặt này thì xếp hạng cuối, phải hướng vào Thừa tướng khấu đầu tạ tội. Thừa tướng tuy không nói rõ ra, nhưng trong lòng muốn bọn họ làm như thế.

Trong lúc các Trưởng lại, Thủ thừa đối đáp, có đàn chim sẻ ở nhà thần là Sưởng bay đến đậu trên nóc phủ Thừa tướng, từ Thừa tướng trở xuống, có mấy trăm người trông thấy. Quan lại ở chung quanh đa phần biết đấy là chim sẻ, Thừa tướng hỏi bọn họ, chúng đều vờ nói là không biết. Thừa tướng liền bàn tính dâng tấu nói: 'Giữa lúc thần hỏi các Trưởng lại, Thủ thừa của các quận, quốc các việc về các việc thúc đẩy giáo hóa, hoàng thiên báo điềm lành, thần tước giáng xuống.' Sau đấy biết được chim ấy từ nhà thần là Sưởng bay đến, việc mới dừng. Quan lại các quận, quốc ngầm chê cười Thừa tướng tuy nhân hậu có trí, nhưng dễ tin vào chuyện quái lạ. Thần là Sưởng không dám chê mỉa Thừa tướng, nhưng lo quần thần chẳng ai dám bẩm rõ việc này, mà Trưởng sử, Thủ thừa sợ ý chỉ của Thừa tướng, sau khi quay về phế bỏ pháp lệnh, đều tự đặt điều lệnh riêng, vụ việc sẽ tăng thêm nhiều, phong khí thuần phác biến đổi thành phù phiếm, người người làm việc dối trá, hữu danh vô thực, tác phong biếng lười, thậm chí hóa thành quái gở. Nếu như kinh sư khởi xướng việc người dân nhường bờ ruộng cho nhau, nam nữ không đi chung lẫn lộn, người trên đường không nhặt của rơi, thực không có ích với việc phân biệt hành vi liêm khiết hay tham lam, trinh tiết hay dâm loạn, lại gây dựng sự dối trá làm gương cho thiên hạ, cố nhiên không thể làm thế được. Nếu như chư hầu thực hành việc ấy trước, cái phong khí dối trá vượt hẳn kinh sư, hậu quả sẽ không nhỏ vậy.

Nhà Hán kế thừa các thứ tệ đoan của triều Tần, lấy sự linh hoạt mà chế định pháp lệnh, là để khuyến khích việc thiện cấm tuyệt việc gian, điều văn đã hoàn bị đầy đủ, chẳng nên tăng thêm nữa. Nên sai các đại thần quý hiển giáo huấn rõ với các Trưởng lại, Thủ thừa, khi quay về báo với các Nhị thiên thạch, việc tiến cử Tam lão, Hiếu đễ, Lực điền, Hiếu liêm, Liêm lại, cốt ở việc chọn đúng người, các việc ở

quận đều phải lấy pháp lệnh làm căn cứ xét quyết, không được tự tiện đặt điều lệnh; kẻ nào dám trá ngụy làm việc gian để thu tiếng khen, nhất định bị tru lục trước, để làm rõ thiện ác."

Thiên tử khen ngợi thu nạp ý kiến của Sưởng, triệu tập quan lại các nơi đến kinh tấu báo, sai Thị trung đi truyền lệnh, như ý kiến của Sưởng. Bá rất hổ thẹn.

Lần khác, Lạc Lăng hầu Sử Cao dựa vào thân phận ngoại thích có ân cũ với Đế nhận chức Thị trung, được tôn quý trọng vọng, Bá tiến cử Cao nói có thể nhận chức Thái úy. Thiên tử sai Thượng thư triệu kiến Bá, hỏi:

- Chức quan Thái úy bãi bỏ đã lâu rồi. Việc tuyên rõ giáo hóa, đả thông những chỗ u uẩn, khiến nhà ngục không có án oan, hương ấp không có đạo tặc, là chức trách của ngài vậy. Đặt quan văn võ, là trách nhiệm của trẫm. Thị trung, Nhạc Lăng hầu Cao, là cận thần nơi màn trướng, là người trẫm tự biết rõ, sao ngài lại vượt chức phận mà đề cử ông ấy?

Đế sai Thượng thư lệnh nhận bản đối đáp của Thừa tướng, Bá cởi mũ tạ tội, mấy ngày sau mới được tha miễn, từ đấy về sau, Bá không dám thỉnh cầu nữa. Tuy nhiên, từ khi Hán triều hưng, nói về việc trị lý quan dân, chính tích của Bá đứng đầu.

3. Tháng ba, chúa thượng đến quận Hà Đông, tế Hậu thổ. Giảm thuế khẩu cho người khắp thiên hạ; tha miễn tội phạm trong thiên hạ, trừ hạng tử tội.

4. Tháng sáu, ngày Tân Dậu, lấy Thái thú Tây Hà là Đỗ Diên Niên làm Ngự sử đại phu.

5. Đặt thuộc quốc Tây Hà, Bắc Địa để an trí người Hung Nô quy hàng.

6. Quảng Lăng Lệ vương Lưu Tư sai thầy đồng cốt là Lý Nữ Tu cầu cúng nguyền rủa chúa thượng, mong được làm Thiên tử. Việc bị phát giác, Lưu Tư dùng thuốc độc giết thầy đồng cốt và hơn hai mươi cung nhân để diệt khẩu. Công khanh xin giết Tư.

Năm Ngũ Phượng thứ tư (Đinh Mão – TCN 54)

1. Mùa xuân, Lưu Tư tự sát.

2. Thiền vu Hung Nô xưng thần, phái em mình là Hữu Lộc Lê vương vào chầu. Vì biên bắc không có việc cướp bóc, nhà Hán giảm bớt hai phần mười lính thú.

3. Đại tư nông Trung thừa Cảnh Thọ Xương tấu rằng:

"Mấy năm được mùa lúa, giá thóc rẻ, người làm nghề nông ít được lợi. Xét lệ cũ: Mỗi năm chuyển bốn trăm vạn hộc thóc của vùng Quan Đông theo đường thủy để cấp cho kinh sư, phải dùng tới sáu vạn lính chuyển chở. Nên mua thóc của các quận Tam Phụ, Hoằng Nông, Hà Đông, Thượng Đảng, Thái Nguyên, cung cấp cho kinh sư, có thể giảm bớt được quá nửa lính vận lương của vùng Quan Đông."

Chúa thượng theo kế ấy. Thọ Xương lại bạch:

- Nên lệnh cho các quận biên giới đều đắp kho lương, để khi giá thóc rẻ thì mua vào với giá cao, lúc giá thóc đắt thì bán ra với giá thấp, gọi là "Thường bình thương".

Dân chúng được lợi vì việc ấy. Chúa thượng bèn hạ chiếu ban cho Thọ Xương tước Quan nội hầu.

4. Mùa hạ, tháng tư, ngày Tân Sửu là ngày sóc, có nhật thực.

5. Dương Uẩn sau khi mất tước vị, ở nhà chăm lo sản nghiệp, dùng tiền của để tự vui. Bằng hữu của Uẩn là Tôn Hội Tông người quận Tây Hà làm Thái thú An Định gửi thư cho Uẩn, khuyên răn, nói: "Đại thần bị phế chức lui về, nên đóng cửa ở nhà, hoảng sợ không yên, để tỏ cái ý tiếc hận; chẳng nên kinh doanh sản nghiệp, giao kết tân khách, hưởng lấy tiếng khen."

Uẩn, là con của Tể tướng[1], có tài năng, trẻ tuổi nổi danh ở triều đình, nhất thời vì nói năng tối nghĩa bị phế, trong lòng bất phục, đáp thư của Hội Tông rằng:

---

[1] Uẩn, là con của Dương Sưởng, làm Thừa tướng thời Hán Chiêu đế.

"Ta ngầm tự nghĩ xét, cái lỗi của mình đã lớn rồi, phẩm hạnh đã khiếm khuyết rồi, chắc chắn làm nông phu trọn đời rồi, thế nên ta tự thân thống suất vợ con, dốc sức việc nông tang, chẳng nghĩ vì việc này mà bị người ta nghị luận chê bai vậy! Ôi, có những việc mà người đời chẳng tránh khỏi, thánh nhân chẳng cấm được; cho nên vua là bậc chí tôn, cha là hàng chí thân, vì vua, vì cha mà chịu tang ba năm, nhất định vẫn có thời hạn. Kẻ bầy tôi này đắc tội, đã ba năm rồi, làm nông phu canh tác tân khổ, mỗi năm khi tế lễ, nấu dê nướng cừu, rót rượu tự khao, rượu bốc lên tai, ngẩng mặt nhìn trời, gõ phẫu mà cất lời ca. Ca rằng:

'Cày tại núi Nam.

Cỏ xấu không diệt.

Trồng một khoảnh đậu.

Mọc thành mầm cong.

Sống ở đời hãy cứ vui thôi.

Đợi khi phú quý biết ngày nào đây!'[1]

Dù là phóng túng vô kể, ta cũng chẳng biết mình làm thế có gì là không được."

Lần khác, con của anh trai Uẩn là An Bình hầu Dương Đàm bảo Uẩn rằng:

- Tội ngài nhẹ, lại có công,[2] sắp được lần nữa nhậm dụng!

Uẩn nói:

- Có công thì ích gì! Theo Hoàng thượng thì ta không đáng được dốc sức.

---

[1] Đại khái đây là lời thơ cao ngạo, Dương Uẩn tỏ ý phẫn oán triều đình. Câu "Cày tại núi Nam", ý kín nói về vua (vua ngồi quay mặt về hướng nam cai trị thiên hạ). Câu "Cỏ xấu không diệt", là nói ở triều đình lắm kẻ dơ bẩn mà không đuổi. Câu "Gieo một khoảnh đậu", một khoảnh tức trăm mẫu ruộng (ý nói trăm quan). Câu "Mọc thành mầm cong", là ý nói trăm quan đều là hạng a dua nịnh bợ, không cương trực.

[2] Là nói việc Dương Uẩn phát hiện họ Hoắc mưu phản vậy. Xem lại Hán kỷ quyển thứ mười bảy, sự kiện năm Địa tiết thứ tư.

Đàm nói:

- Hoàng thượng đúng thực là như thế. Cái Tư lệ, Hàn Phùng dực đều dốc sức làm quan vậy, cùng mắc tội bị giết.(1)

Đúng lúc xảy biến cố nhật thực, có tên tiểu lại quản xe ngựa tên là Thành dâng thư tố cáo, nói: "Uẩn kiêu xa, không nghĩ hối lỗi. Điềm xấu nhật thực lần này, là do người ấy đem đến." Tấu chương được giao xuống cho Đình úy xử trí, xét chứng nghiệm, phát hiện được thư tín của Uẩn gửi cho Hội Tông, Đế xem thư rất căm ghét. Đình úy phán tội Uẩn đại nghịch vô đạo, phải chém ngang lưng; vợ con của Uẩn bị đày đến quận Tửu Tuyền; Đàm mắc tội liên đới bị biếm làm thứ dân, các quan viên đang tại vị có quan hệ thân thiện với Uẩn như Vị Ương vệ úy Vi Huyền Thành và bọn Tôn Hội Tông, đều bị bãi chức quan.

Thần Quang nói: Dựa vào sự anh minh của Hiếu Tuyên, có Ngụy Tương, Bính Cát làm Thừa tướng, có Vu Định Quốc làm Đình úy, vậy mà cái chết của Triệu, Cái, Hàn, Dương(2) *đều chẳng khiến chúng nhân thỏa lòng, đấy đích xác là vết dơ lớn nhất trong chính tích trị lý của Tuyên đế rồi! Phép tắc xét tội của quan Tư khấu chép trong Chu quan có tiêu chuẩn "Nghị hiền", "Nghị năng",*(3) *xét việc trị dân của người như Quảng Hán, Diên Thọ, có thể nói là không tài năng sao? Xét sự cương trực của người như Khoan Nhiêu, Dương Uẩn, có thể nói là không hiền minh sao? Như thế thì dẫu họ có mắc vào tử tội, vẫn*

---

[1] Cái Tư lệ, tức Tư lệ Hiệu úy Cái Khoan Nhiêu; Hàn Phùng dực, tức Tả phùng dực Hàn Diên Thọ. Việc Tư lệ Hiệu úy Cái Khoan Nhiêu bị giết, xem Hán kỷ quyển mười tám, sự kiện năm Thần Tước thứ hai. Việc Tả phùng dực Hàn Diên Thọ bị giết, nói ở năm Ngũ Phượng nguyên niên, quyển này.

[2] Tức Triệu Quảng Hán, Cái Khoan Nhiêu, Hàn Diên Thọ, Dương Uẩn. Bốn người này đều bị Hán Tuyên đế giết.

[3] Đại khái hình luật chép trong kinh sách của nhà Chu có tám trường hợp phạm tội mà được xét giảm, bao gồm Nghị thân (thân thuộc với vua), Nghị cố (giúp vua lâu ngày), Nghị hiền (có đức hạnh lớn), Nghị năng (có tài năng lớn), Nghị công (có công lớn), Nghị quý (có chức tước lớn), Nghị cần (siêng năng cần mẫn với chức vụ) và Nghị tân (hậu duệ của công thần tiền triều được đãi ngộ đặc biệt). Theo tiêu chuẩn đó thì bốn người bị Tuyên đế giết đáng được tha.

nên được khoan thứ, huống chi cái tội của họ chẳng đáng phải dẫn đến cái chết? Dương tử[1] *cho rằng Hàn Phùng dực tố cáo Tiêu Vọng Chi là tự rước họa vào thân. Nhưng cái lý do khiến Diên Thọ phạm thượng, là vì bị Tiêu Vọng Chi bức bách vậy. Chúa thượng chẳng tra xét kỹ đến cùng cái nguyên nhân của sự việc, mà Diên Thọ phải một mình chịu tội lỗi, chẳng rất sai lắm sao?*

6. Thiền vu Nhuận Chấn của Hung Nô thống suất bộ chúng sang đông đánh Thiền vu Chất Chi. Chất Chi giao chiến, giết Nhuận Chấn, kiêm gồm binh của hắn; tiếp đó đánh Thiền vu Hô Hàn Gia. Binh của Hô Hàn Gia thua chạy, Chất Chi định đô ở Thiền vu đình.

Năm Cam Lộ nguyên niên (Mậu Thìn – TCN 53)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng đến cung Cam Tuyền, tế giao tại đàn Thái Chỉ.

2. Sau khi Dương Uẩn bị giết, công khanh dâng tấu đàn hặc Kinh Triệu doãn Trương Sưởng, nói Sưởng là bằng hữu đồng đảng của Uẩn, không nên cho giữ quan vị. Chúa thượng tiếc tài Sưởng, giữ bản tấu ấy lại, không phát lộ. Sưởng sai phó quan là Nhứ Thuấn đi tra xét việc, Thuấn bí mật trở về nhà, nói:

- Giữ chức Kinh Triệu doãn có năm ngày thôi, còn tra xét án gì được nữa?

Sưởng nghe được lời ấy của Thuấn, lập tức sai thuộc lại bắt Thuấn tống vào ngục, đêm ngày thẩm vấn tra khảo, cuối cùng cố ý khép Thuấn vào tội chết. Lúc Thuấn sắp bị giết, Sưởng sai Chủ bộ đem văn cáo bảo Thuấn rằng:

- Kinh Triệu doãn năm ngày rút cục thế nào? Mùa đông đã tận, ngươi còn muốn kéo dài tính mệnh chăng?

---

[1] Tức Dương Hùng, là nhà văn, nhà triết học sống vào cuối thời Tây Hán.

Bèn chém Thuấn vứt xác ngoài chợ. Đúng tiết lập xuân, sứ giả triều đình sai đi tra xét án oan xuất hành, gia thuộc Thuấn chở thây Thuấn kèm văn cáo của Sưởng, tự đến đưa tin cho sứ giả. Sứ giả tấu lên nói Sưởng tàn sát người vô tội. Chúa thượng muốn xử nhẹ Sưởng, lập tức phát lộ bản tấu hặc tội Sưởng lúc trước[1], cách chức Sưởng làm thứ dân. Sưởng đến cửa khuyết dâng trả ấn thụ, rồi từ cửa khuyết đi trốn. Mấy tháng sau, quan dân kinh sư đề phòng trễ nải, tiếng trống báo tin đạo tặc nhiều lần nổi lên, rồi Ký châu cũng xuất hiện trộm giặc, Thiên tử nghĩ nhớ cái công hiệu của Sưởng, sai sứ giả đến tận nhà triệu Sưởng. Bản thân Sưởng bị hặc tội nặng, lúc sứ giả đến, vợ con gia thuộc đều khóc, duy có Sưởng cười nói:

- Ta thân là kẻ bỏ trốn thành dân thường, quận lại đáng phải đến bắt. Nay sứ giả đến, đấy là Thiên tử muốn dùng ta vậy.

Bèn sửa soạn hành trang theo sứ giả, đến chỗ Công xa, dâng thư nói:

"Thần lúc trước may được giữ vị vào hàng khanh, đợi tội ở chức Kinh Triệu, nhân vì giết quan duyện Nhứ Thuấn mắc tội. Thuấn vốn là kẻ thuộc lại mà thần hậu đãi, nhiều lần được thứ lỗi ban ân; hắn cho rằng thần bị tấu chương hặc tội sắp bị cách chức, nên khi nhận công văn sai tra xét việc, liền quay về nhà nghỉ, bảo rằng thần còn giữ chức Kinh Triệu doãn có năm ngày, thực là bội ân quên nghĩa, thương phong bại tục. Thần trộm cho rằng Thuấn là kẻ không ra gì, liền uốn phép nước để giết hắn. Trương Sưởng thần tàn sát người vô tội, quyết ngục cố ý không ngay thẳng, dẫu có bị pháp luật của bậc thánh minh trừng trị, chết cũng không ân hận!"

Thiên tử cho Sưởng vào triệu kiến, bái làm Thứ sử Ký châu. Sưởng đến sở quan, đạo tặc bặt tích.

---

[1] Tức bản tấu của công khanh lúc trước nói Sưởng là bè đảng của Dương Uẩn mà chúa thượng giữ lại không phát lộ ra vậy.

3. Hoàng thái tử ôn nhu nhân hậu, thích Nho gia kinh thuật, thấy quan lại mà chúa thượng dùng đa phần tinh thông pháp lệnh, dùng hình pháp nắn sửa người dưới, có lần trong lúc hầu yến ung dung nói:

- Bệ hạ cậy dựa hình pháp quá sâu, nên trọng dụng các Nho sinh.

Đế tỏ vẻ giận dữ nói:

- Nhà Hán từ lúc dựng lập chế độ, vốn dùng "vương đạo" và "bá đạo" hợp lẫn; sao có thể thuần túy dùng đức giáo, sử dụng cách trị lý của nhà Chu được? Vả lại bọn tục Nho chẳng thông hiểu thời thế, thích khen đời xưa chê thời nay, khiến người ta hoa mắt giữa danh và thực, chẳng biết chọn cái nào, sao có thể ủy thác việc được!

Rồi than rằng:

- Khiến loạn nghiệp nhà ta là Thái tử vậy!

Thần Quang nói: "Vương đạo" và "bá đạo" không khác nhau về đạo lý. Xưa kia thời Tam đại xương thịnh, các việc lễ nhạc, chinh phạt xuất ra bởi Thiên tử, thì gọi là "vương đạo". Khi địa vị của Thiên tử suy yếu chẳng thể khống chế được chư hầu, trong số chư hầu, nước nào có thể thống suất các nước khác cùng thề minh, chung sức đánh nước không thần phục để tôn phụng vương thất, thì được gọi là "bá đạo". Vậy nên thi hành "vương đạo" hay "bá đạo", đều dùng cái gốc nhân nghĩa, nhậm dụng hiền tài, thưởng thiện phạt ác, cấm bạo trừ loạn; cho nên danh vị có cao thấp, đức trạch có nông sâu, công nghiệp có lớn nhỏ, chính lệnh có rộng hẹp thôi, không có sự tương phản giống như đen với trắng, đắng với ngọt vậy. Sở dĩ nhà Hán chẳng khôi phục được sự xương thịnh của thời Tam đại, là do bậc nhân chủ không làm, chứ không phải là cái đạo của thánh vương đời xưa chẳng thể lần nữa thi hành ở hậu thế vậy. Xét ra, Nho sinh có quân tử, có tiểu nhân. Kẻ như Tuyên đế gọi là "tục Nho", đương nhiên chẳng thể cùng họ trị lý thiên hạ vậy, nhưng có lẽ đâu lại chẳng tìm được bậc

"chân Nho" mà nhậm dụng sao? Tắc, Tiết, Cao Đào, Bá Ích, Y Doãn, Chu công, Khổng tử, đều là bậc đại Nho vậy, nếu Hán triều có được họ để trọng dụng, công nghiệp há chỉ như thế mà dừng? Hiếu Tuyên bảo Thái tử yếu hèn chẳng thể tự lập được, tối tăm về cách thức trị quốc, tất loạn nhà ta, thì đúng rồi; nhưng nói là "vương đạo" chẳng thể thi hành, Nho sinh chẳng thể nhậm dụng, há chẳng sai lầm sao? Lời ấy không thể dùng để giáo huấn con cháu, thành khuôn mẫu cho đời sau bắt chước vậy.

4. Hoài Dương Hiến vương thích pháp luật, thông minh khoát đạt, có tài cán; mẹ của Vương là Trương Tiệp dư rất được sủng ái. Chúa thượng vì thế xa lánh Thái tử mà yêu mến Hoài Dương Hiến vương, nhiều lần khen Hiến vương rằng: "Đích thực là con ta vậy!" Thường có ý muốn lập Hiến vương, nhưng vì Thái tử sinh từ lúc Đế còn ti tiện, chúa thượng lúc ít tuổi cậy dựa vào họ Hứa,(1) đến lúc tức vị, Hứa hoàng hậu bị người khác hại chết,(2) cho nên Đế không nhẫn tâm vậy. Rất lâu sau, chúa thượng bái Vi Huyền Thành làm Trung úy Hoài Dương, bèn lấy việc Huyền Thành từng nhường tước vị cho anh,(3) muốn khuyên nhủ Hiến vương; từ đấy địa vị của Thái tử mới yên ổn.

5. Lúc Thiền vu Hô Hàn Gia của Hung Nô bị Thiền vu Chất Chi đánh bại, Tả Y Trật Tư vương giúp Hô Hàn Gia định kế, khuyên hắn "xưng thần quy phục Hán triều, xin Hán triều trợ giúp, như thế, Hung Nô mới yên định được". Hô Hàn Gia hỏi ý các đại thần, chúng đều nói:

- Không nên. Tục của người Hung Nô ta, vốn chuộng khí lực mà hạ thấp việc phải phục dịch người khác, lấy việc chinh chiến trên lưng ngựa lập quốc, cho nên nổi uy danh với trăm man.

---

[1] Xem Hán kỷ, quyển mười sáu, sự kiện năm Nguyên Bình nguyên niên, đời Hán Chiêu đế.

[2] Xem Hán kỷ, quyển mười sáu, sự kiện năm Bản Thủy thứ ba.

[3] Xem Hán kỷ, quyển mười bảy, sự kiện năm Nguyên Khang thứ tư.

Giao chiến chết, là bổn phận của kẻ tráng sĩ vậy. Nay anh em tranh nước, người được nước chẳng phải anh thì là em, dẫu chết vẫn có uy danh, con cháu vĩnh viễn thống quản các nước. Hán dẫu cường mạnh, vẫn chẳng thể thôn tính Hung Nô; sao lại loạn phép chế tổ tiên, xưng thần thờ Hán, nhục địa vị Thiền vu trước kia, bị các nước chê cười! Dẫu nhờ thế mà yên, nhưng sẽ lấy gì để thống quản trăm man?

Tả Y Trật Tư nói:

- Không đúng, mạnh yếu có thời. Nay nhà Hán đang thịnh, các nước thuộc thành Ô Tôn đều là tôi thần. Từ thời Thiền vu Thư Đê Hầu đến nay, thế của Hung Nô ngày càng giảm, chẳng thể khôi phục lại, dẫu quật cường đến lúc này, chưa từng được một ngày yên ổn vậy. Nay thờ Hán thì được sống yên, không thờ Hán thì bị nguy vong, có cách nào hơn được cách này?

Các đại thần bàn rất lâu không quyết. Hô Hàn Gia theo kế của Tả Y Trật Tư vương, dẫn bộ chúng xuôi nam đến sát biên cảnh, phái con là Hữu hiền vương Thù Lâu Cừ Đường vào triều làm con tin. Thiền vu Chất Chi cũng phái con là Hữu đại tướng Câu Vu Lợi Thụ vào triều làm con tin.

6. Tháng hai, ngày Đinh Tỵ, Lạc Thành Kính hầu Hứa Diên Thọ hoăng.

7. Mùa hạ, tháng tư, rồng vàng xuất hiện ở Tân Phong.

8. Ngày Bính Thân, miếu của Thái thượng hoàng phát hỏa; ngày Giáp Thìn, miếu của Hiếu Văn phát hỏa; chúa thượng mặc áo trắng năm ngày.

9. Cuồng vương của Ô Tôn lại lấy công chúa Giải Ưu của nước Sở, sinh được một con trai là Si Mĩ. Cuồng vương và công chúa bất hòa; lại hung ác bạo ngược mất lòng bộ chúng. Hán triều sai Vệ tư mã Ngụy Hòa Ý làm sứ thần, Nhâm Xương làm phó sứ, đến nước Ô Tôn. Công chúa nói:

- Cuồng vương khiến nước Ô Tôn khổ sở, giết hắn rất dễ vậy.

Bèn định kế đặt tiệc rượu, sai võ sĩ rút kiếm đâm hắn. Mũi kiếm đâm chệch, Cuồng vương bị thương, lên ngựa phóng đi. Con rể của hắn là Thẩm Sưu hội binh vây Hòa Ý và Xương cùng công chúa ở thành Xích Cốc; mấy tháng sau, Đô hộ Trịnh Cát điều phát binh của các nước Tây Vực tới cứu viện, quân vây thành mới rút đi. Nhà Hán phái Trung lang tướng Trương Tuân mang thuốc đến chữa trị cho Cuồng vương, ban cho vàng, lụa; nhân đó bắt trói Hòa Ý và Xương, dùng xe cũi áp giải họ từ Úy Lê đến Trường An, chém họ.

Khi trước, Phì vương Ông Quy Mĩ và vợ người Hồ sinh con trai là Ô Tựu Đồ, lúc Cuồng vương bị thương, Ô Tựu Đồ kinh hãi, cùng các Hấp hầu của Ô Tôn đều trốn, trú ở trong núi phía bắc nước Ô Tôn, đánh tiếng là binh Hung Nô của nhà mẹ mình sắp đến, cho nên bộ chúng theo về; sau đấy Ô Tựu Đồ tập kích giết Cuồng vương, tự lập làm Côn di. Năm ấy, nhà Hán phái Phá Khương tướng quân Tân Vũ Hiền đem năm vạn binh đến Đôn Hoàng, khơi kênh tích thóc, muốn đánh dẹp Ô Tựu Đồ.

Khi trước, thị nữ của của công chúa nước Sở[1] là Phùng Liễu có tài soạn chép văn thư, thông thạo sự vụ giữa Hán triều và Tây Vực, từng cầm phù tiết của nhà Hán giúp công chúa đi sứ, các nước thành bang rất kính trọng tín nhiệm Liễu, gọi là Phùng phu nhân, Liễu làm vợ Hữu đại tướng của Ô Tôn. Hữu đại tướng và Ô Tựu Đồ quý mến nhau, Đô hộ Trịnh Cát sai Phùng phu nhân khuyên Ô Tựu Đồ, nói rằng binh Hán sắp xuất phát, nhất định bị diệt, chẳng gì bằng xin hàng. Ô Tựu Đồ sợ hãi, nói: "Xin được nhận hiệu nhỏ để tự yên!" Đế triệu Phùng phu nhân về kinh, đích thân hỏi về tình trạng nước Ô Tôn; sau đấy phái Yết giả Trúc Thứ và Kỳ môn Cam Diên Thọ làm phó sứ, đưa tiễn Phùng phu nhân. Phùng phu nhân ngồi xe gấm, cầm phù tiết, truyền chiếu chỉ của Đế, lệnh cho Ô Tựu Đồ đến thành Xích Cốc gặp Trường La hầu Thường Huệ, lập Nguyên Quý Mĩ làm

[1] Tức công chúa Giải Ưu vậy.

Đại Côn di, Ô Tựu Đồ làm Tiểu Côn di, đều ban cho ấn thụ. Phá Khương tướng quân chưa ra đến biên hiểm, quay về. Sau đấy Ô Tựu Đồ không chịu đưa hết bộ chúng của Hấp hầu về, nhà Hán lại sai Trường La hầu thống lĩnh ba vị Hiệu úy đóng trú tại Xích Cốc, nhân đó chia tách dân chúng và địa giới của nước Ô Tôn, Đại Côn di có hơn sáu vạn hộ, Tiểu Côn di có hơn bốn vạn hộ; nhưng dân chúng Ô Tôn đều theo phục Tiểu Côn di.

Năm Cam Lộ thứ hai (Kỷ Tỵ – TCN 52)

1. Mùa xuân, tháng giêng, lập Hoàng tử Lưu Hiêu làm Định Đào vương.

2. Đế hạ chiếu đại xá thiên hạ, giảm tiền toán[1] cho dân ba mươi tiền.

3. Quận Châu Nhai tạo phản. Mùa hạ, tháng tư, Đế phái Hộ quân Đô úy Trương Lộc đem binh đánh bọn phản.

4. Đỗ Diên Niên vì già lão mắc bệnh bị miễn chức. Tháng năm, ngày Kỷ Sửu, lấy Đình úy Vu Định Quốc làm Ngự sử đại phu.

5. Mùa thu, tháng bảy, lập Hoàng tử Lưu Vũ làm Đông Bình vương.

6. Mùa đông, tháng mười hai, chúa thượng tuần du Bồ Dương cung, Chúc Ngọc quán.

7. Năm ấy, Doanh Bình Tráng Vũ hầu Triệu Sung Quốc hoằng. Trước đấy, Sung Quốc vì tuổi cao xin từ chức về nghỉ, Đế ban cho an xa, tứ mã, vàng bạc, cho về nghỉ. Mỗi khi triều đình nghị bàn việc lớn can hệ đến Tứ Di, Sung Quốc thường tham dự định chiến lược, cố vấn vạch kế sách.

---

[1] Một thứ thuế đánh vào nhân khẩu. Theo luật nhà Hán, mỗi năm, một người dân phải nộp tiền thuế một toán (mỗi toán một trăm hai mươi tiền). Đến thời ấy, giảm bớt cho dân ba mươi tiền.

8. Thiền vu Hô Hàn Gia của Hung Nô đến biên giới quận Ngũ Nguyên khấu đầu, xin dâng đồ trân quý của bản quốc, muốn đến chầu vào đầu tháng giêng năm thứ ba. Đế hạ chiếu sai Hữu ti nghị bàn về nghi lễ đón tiếp. Thừa tướng, Ngự sử nói:

- Theo chế độ của thánh vương đời xưa, thi hành từ kinh sư trước rồi sau mới đến chư hầu, chư hầu trước rồi sau mới đến Di Địch. Thiền vu Hung Nô đến triều kiến chúc mừng, lễ nghi với họ nên giống như đối với Vương chư hầu, về thứ bậc địa vị phải ở dưới.

Thái tử Thái phó Tiêu Vọng Chi cho rằng:

- Vì Thiền vu không theo chính sóc của nhà Hán, cho nên coi là nước ngang hàng, không nên dùng lễ nước phiên thần đối đãi với họ, địa vị thứ bậc phải ở trên ngôi Vương chư hầu. Ngoại Di cúi đầu xưng là phiên thuộc, Trung Quốc khiêm nhường mà không coi họ là phiên thần, đấy là cái cách để lung lạc họ, tỏ rõ sự độ lượng nhún nhường. *Kinh Thư* nói: "Nhung Địch hoang phục[1]", là nói bọn họ ở cõi hoang đến theo phục, phản phúc vô thường. Nếu con cháu đời sau của Hung Nô thốt nhiên như chim bay chuột lủi, lễ triều cống có thiếu khuyết, cũng không nên xem họ là nước phản thần, đấy là kế sách hay vạn đời vậy.

Thiên tử chọn dùng ý ấy, hạ chiếu rằng:

"Thiền vu Hung Nô xưng là phiên thần phương bắc, ngày đầu năm sau đến triều kiến. Đức của trẫm không đủ, chẳng thể nhận phúc lớn này. Nay dùng khách lễ đối đãi với Thiền vu, cho Thiền vu giữ địa vị ở trên các Vương chư hầu, khi hành lễ bái yết thì xưng thần mà không phải xưng danh tự."

---

[1] Thời cổ đại, vùng ngoại vi cách năm trăm dặm với kinh kỳ, cứ coi năm trăm dặm là một cõi. Từ gần ra xa chia thành Hầu phục (侯服), Điện phục (甸服), Tuy phục (绥服), Yêu phục (要服), Hoang phục (荒服). Hoang phục, tức là ở cõi rất xa vậy. Chữ "phục" ở đây ý là phục tùng thiên tử vậy. Khổng tử chú rằng, chữ "phục" là nói năm trăm dặm.

Tuân Duyệt luận rằng: Theo nghĩa Kinh Xuân Thu, quân vương không chia trong ngoài, hẳn muốn thiên hạ là một mối vậy. Xứ Nhung Địch đường đất xa thẳm, cách tuyệt dấu chân người, cho nên chính sóc không truyền đến, lễ giáo không ban tới, đấy không phải là tôn trọng bọn họ, mà là hình thế khiến thành như thế vậy. Kinh Thi nói rằng: "Tự bỉ Đê, Khương, mạc cảm bất lai vương[1]." Vì thế quân chủ của cõi Yêu phục và Hoang phục đều phải hướng về Thiên tử chầu cống; nếu họ chẳng vâng theo chức phận, thì phải hướng đến họ trách hỏi, phát hiệu lệnh, không thể coi là nước ngang hàng vậy. Vọng Chi muốn không dùng lễ phiên thần đối đãi với họ, cho họ thứ bậc địa vị ở trên Vương công, đấy là tiếm vượt mất thứ tự, loạn lẽ thiên thường, trái lễ vậy! Nhưng nếu là cái kế quyền nghi nhất thời, thì luận xét tất phải khác đi rồi!

9. Đế hạ chiếu phái Xa kỵ Đô úy Hàn Xương đi nghênh đón Thiền vu, điều phát hai nghìn quân kỵ ở bảy quận mà Thiền vu đi qua bày thành hàng trận ở trên đường.[2]

Năm Cam Lộ thứ ba (Canh Ngọ – TCN 51)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành đến cung Cam Tuyền, tế giao tại đàn Thái Chỉ.

2. Thiền vu Hô Hàn Gia của Hung Nô đến triều kiến, lúc bái yết xưng thần mà không xưng danh tự; Đế ban cho đai mũ, y phục, ấn tỉ vàng, dây thao lục sắc, một bộ kiếm ngọc và bội đao, một cây cung, bốn mươi tám mũi tên, mười cây kích bọc lụa đỏ, một cỗ an xa, một bộ yên cương, mười lăm thớt ngựa, hai mươi cân vàng, hai mươi vạn tiền, bảy mươi bảy bộ chăn áo, tám nghìn thất gấm lụa, vải đoạn và tơ nhuyễn, sáu nghìn cân tơ mềm. Lễ hoàn tất, Đế sai sứ thần đưa Thiền vu đến trú lại ở

---

[1] Từ các nước Đê, Khương, chẳng nơi nào dám không đến chầu.

[2] Bảy quận theo *Hán thư* là: Ngũ Nguyên, Sóc Phương, Tây Hà, Thượng Quận, Bắc Địa, Phùng Dực, Trường An. Quân lính bày hàng trận, là nghi thức quân vệ đón tiếp.

sườn núi Trường Bình, còn mình từ Cam Tuyền đến trú ở cung Trì Dương. Chúa thượng trèo lên sườn núi Trường Bình, chiếu lệnh cho Thiền vu không phải bái yết, tả hữu Đương hộ[1] của Thiền vu đều đứng sắp hàng, cùng các quân trưởng người Man Di, Vương, Hầu cả thảy mấy vạn, đều nghênh đón ở dưới cầu sông Vị, bày hàng trận hai bên đường. Chúa thượng lên cầu, chúng nhân đều hô vạn tuế. Thiền vu đến phủ đệ tại Trường An. Đế bày tiệc ở cung Kiến Chương, khoản đãi Thiền vu, mời xem đồ trân bảo.

Tháng hai, Đế phái người đưa Thiền vu về nước. Thiền vu tự thỉnh xin:

- Mong được lưu lại Quang Lộc Tái ở phía nam sa mạc; khi có việc gấp[2], lui vào thành Thụ Hàng của nhà Hán tự giữ.

Nhà Hán sai Trường Lạc vệ úy, Cao Xương hầu Đổng Trung, Kỵ đô úy Hàn Xương suất lĩnh một vạn sáu nghìn quân kỵ, lại phát mấy nghìn sĩ mã của các quận biên giới, đưa Thiền vu đến Kê Lộc Tái ở quận Sóc Phương. Đế chiếu lệnh cho bọn Trung lưu lại bảo vệ Thiền vu, giúp đánh giết kẻ không thần phục, lại chuyển thóc gạo, cơm khô ra biên cương, trước sau ba vạn bốn nghìn hộc, giúp lương ăn cho Hung Nô. Trước đấy, các nước từ Ô Tôn sang tây đến An Tức, ở gần sát Hung Nô, đều sợ Hung Nô mà coi khinh nhà Hán; đến sau khi Hô Hàn Gia triều kiến nhà Hán, thì toàn bộ các nước ấy đều tôn kính nhà Hán rồi.

Chúa thượng vì Nhung Địch mới thần phục, nghĩ đến công lao của bầy tôi lương đống, liền sai người vẽ hình của họ ở gác Kỳ Lân, phỏng theo dung mạo bọn họ, chép danh tính và quan tước; duy có Hoắc Quang không đề tên, chỉ chép là "Đại tư mã, Đại tướng quân, Bác Lục hầu, họ Hoắc", tiếp đến là Trương An Thế, Hàn Tăng, Triệu Sung Quốc, Ngụy Tương, Bính Cát, Đỗ

---

[1] Đương hộ (当户), là quan danh của người Hung Nô.

[2] Là có ý sợ Thiền vu Chất Chi đến đánh vậy.

Diên Niên, Lưu Đức, Lương Khâu Hạ, Tiêu Vọng Chi, Tô Vũ, cả thảy mười một người, đều là người có công đức, nổi danh đương thời, để biểu chương bọn họ, nêu rõ cái công phù tá giúp trung hưng, cái cao đẹp sánh được với Phương Thúc, Thiệu Hổ và Trọng Sơn Phủ.[1]

3. Chim phượng hoàng tụ tập ở huyện Tân Thái.

4. Tháng ba, ngày Kỷ Tỵ, Kiến Thành An hầu Hoàng Bá hoăng. Tháng năm, ngày Giáp Ngọ, lấy Vu Định Quốc làm Thừa tướng, phong tước Tây Bình hầu. Lấy Thái bộc Trần Vạn Niên người quận Bái làm Ngự sử đại phu.

5. Đế chiếu lệnh cho các nhà Nho giảng thuật những chỗ giống và khác trong *Ngũ kinh*, bọn Tiêu Vọng Chi bàn bạc biện xét rõ những chỗ ấy rồi dâng tấu, chúa thượng đích thân thẩm định rồi quyết. Thế rồi, quyết định sai Lương Khâu Hạ chú giải *Kinh Dịch*, Hạ Hầu Thắng và Hạ Hầu Kiến chú giải *Kinh Thượng Thư*, Cốc Lương Xích chú giải *Kinh Xuân Thu*, đặt chức Bác sĩ.

6. Đại Côn di của Ô Tôn là Nguyên Quý Mĩ và Si Mĩ đều mắc bệnh chết. Công chúa dâng thư nói:

"Thiếp tuổi cao nghĩ nhớ đất cũ, xin được mang nắm xương tàn về, chôn táng ở đất Hán!"

Thiên tử thương xót rồi phái người đi đón công chúa. Mùa đông, về đến kinh sư, lễ nghi đón tiếp nhất nhất như công chúa của nhà Hán. Hai năm sau công chúa chết.

Con của Nguyên Quý Mĩ là Tinh Mĩ thay làm Đại Côn di, còn nhỏ. Phùng phu nhân dâng thư nói: "Thần xin đi sứ Ô Tôn, để trấn vỗ Tinh Mĩ." Nhà Hán phái đi. Đô hộ tấu nói Đại lại của Ô Tôn là Đại Lộc và Đại Giám đều nên ban cho kim ấn và dây

---

[1] Cả ba người đều là trọng thần của Chu Tuyên vương, giúp trung hưng nhà Chu. Trong đó Thiệu Hổ (召虎) và Trọng Sơn Phủ (仲山甫) có công dựng lập Thiên tử và trông nom triều chính, Phương Thúc (方叔) có công đánh dẹp, gây dựng uy danh cho triều đình.

thao tía, khiến họ tôn trọng phù giúp Đại Côn di. Hán triều đồng ý. Sau đấy Đoàn Hội Tông nhận chức Đô hộ, bèn chiêu gọi người Ô Tôn trốn phản ở bên ngoài, yên định nước Ô Tôn. Tinh Mĩ chết, con của Tinh Mĩ là Thư Lật Mĩ thay lập.

7. Người thiếp được Hoàng thái tử Lưu Sở sủng ái là Tư Mã lương đệ bệnh nặng, sắp chết, bảo Thái tử rằng:

- Thiếp chết không phải vì mệnh trời, mà là bị các Đệ thiếp và Lương nhân[1] thay nhau nguyền rủa giết hại.

Thái tử cho là đúng. Đến lúc Tư Mã lương đệ chết, Thái tử bi thương oán hận phát bệnh, hoảng hốt không yên. Đế bèn sai Hoàng hậu chọn trong số con gái các nhà phi tần ở Hậu cung, xem ai có thể hầu hạ khiến Thái tử vui, chọn được Vương Chính Quân người huyện Nguyên Thành, đưa vào cung Thái tử. Chính Quân, là cháu gái của Tú y ngự sử Vương Hạ ngày trước vậy[2], Thái tử gặp ở điện Bính[3], một lần sủng ái, liền có mang. Năm ấy, sinh vua Thành đế ở Giáp quán Họa đường[4], là cháu đích của nhà vua. Đế rất yêu mến, tự đặt cho tên là Lưu Ngao, tên tự là Thái Tôn, thường đem theo bên cạnh mình.

Năm Cam Lộ thứ tư (Tân Mùi – TCN 50)

1. Mùa hạ, Quảng Xuyên vương Lưu Hải Dương mắc tội vì có hành vi như cầm thú, tàn sát người vô tội, bị phế tước, đày đến huyện Phòng Lăng.

---

[1] Đại để là các vị phi, thiếp khác của Thái tử vậy.

[2] Việc về Vương Hạ xem ở Hán kỷ, quyển mười ba, sự kiện năm Thiên Hán thứ hai, đời Hán Vũ đế.

[3] Đại khái trong cung của Thái tử có nhiều tòa điện nhỏ, dùng các chữ Giáp, Ất, Bính, Đinh… đặt làm tên.

[4] Giáp quán (甲观), là quán bên cạnh cung Thái tử (theo thứ tự Giáp, Ất …), Họa đường (画堂), là gian nhà vẽ hình các vị từ mẫu. Đấy là nơi các vị phi ở chờ ngày sinh nở.

2. Mùa đông, tháng mười, gác Tuyên Thất của cung Vị Ương phát hỏa.

3. Năm ấy, chuyển Định Đào vương Lưu Hiêu làm Sở vương.

4. Hai Thiền vu của Hung Nô là Hô Hàn Gia và Chất Chi đều phái sứ đến nhà Hán triều cống, Hán triều đãi ngộ sứ giả của Thiền vu Hô Hàn Gia hơn hẳn.

Năm Hoàng Long nguyên niên (Nhâm Thân – TCN 49)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành đến cung Cam Tuyền, tế giao tại đàn Thái Chỉ.

2. Thiền vu Hô Hàn Gia của Hung Nô đến triều kiến; tháng hai, về nước.

Ban đầu, Thiền vu Chất Chi cho rằng binh của Hô Hàn Gia yếu, hàng nhà Hán, không thể tự quay về đất cũ, lập tức dẫn bộ chúng của mình sang tây, muốn đánh chiếm bình định tây bộ Hung Nô. Thêm nữa, em út của Thiền vu Đồ Kì vốn là bộ hạ của Hô Hàn Gia, cũng trốn đến tây bộ, thu binh sót của hai anh[1], được mấy nghìn người, tự lập làm Thiền vu Y Lợi Mục; trên đường đi gặp Chất Chi, hai bên hợp chiến, Chất Chi giết Y Lợi Mục, thâu gộp binh ngũ của hắn cả thảy hơn năm vạn người. Chất Chi nghe nói Hán triều xuất binh lương trợ giúp Hô Hàn Gia, liền lưu lại ở tây bộ; tự liệu rằng sức chẳng thể bình định Hung Nô, bèn tiến thêm sang phía tây, dựa vào Ô Tôn, muốn cùng hợp lực, phái sứ thần gặp Tiểu Côn di là Ô Tựu Đồ. Ô Tựu Đồ giết sứ thần của hắn, phát tám nghìn quân kỵ vờ nghênh đón Chất Chi. Chất Chi phát giác được mưu ấy, thống binh đón đánh Ô Tôn, phá được; nhân đó lên phía bắc đánh ba nước Ô Yết, Kiên Côn, Đinh Linh, thôn tính ba nước ấy. Rồi nhiều lần phát binh đánh nước Ô Tôn, thường thắng lợi. Nước Kiên Côn

[1] Tức Thiền vu Đồ Kì và Thiền vu Nhuận Chấn vậy.

phía đông cách Thiền vu đình bảy nghìn dặm, phía nam đến nước Xa Sư là năm nghìn dặm, Chất Chi lưu lại, định đô ở đấy.

3. Tháng ba, có sao chổi xuất hiện ở chỗ sao Vương Lương, sao Các Đạo, tiến phạm vị trí sao Tử Vi.

4. Đế bệnh nặng, tuyển đại thần có thể phó thác việc, triệu ngoại thích là Thị trung Lạc Lăng hầu Sử Cao, Thái tử Thái phó Tiêu Vọng Chi, Thiếu phó Chu Kham đến cung cấm, bái Cao làm Đại tư mã, Xa kỵ tướng quân, Vọng Chi làm Tiền tướng quân, Quang lộc huân, Kham làm Quang lộc đại phu, đều nhận di chiếu phụ chính, chung quản việc Thượng thư.

Mùa đông, tháng mười hai, ngày Giáp Tuất, Đế băng ở cung Vị Ương.

Ban Cố tán rằng: Hiếu Tuyên trị lý quốc gia, có công tất thưởng, có tội tất phạt, hợp xét danh tiếng và sự thực. Từ các đại thần, học giả xử lý chính vụ, cho đến quan viên chấp chưởng pháp lệnh, đều tinh thông với chức phận của mình. Đến như phương diện kỹ xảo, các thợ lành nghề, chế khí giới, từ thời Nguyên đế, Thành đế về sau, thực ít có người theo kịp được. Như thế cũng đủ để biết quan lại thời Tuyên đế xứng với chức phận, dân chúng yên nghiệp vậy. Gặp lúc Hung Nô nội loạn, thảo phạt kẻ vô đạo, phù trợ người có đạo, giữ tín tỏ uy với người Di phía bắc, Thiền vu mộ nghĩa, cúi đầu xưng là phiên thần. Công rạng ngời tổ tông, nghiệp truyền đến con cháu, có thể gọi là vị chúa trung hưng, đức sánh với Cao tông của nhà Ân, Tuyên vương của nhà Chu rồi!

5. Ngày Quý Tỵ, Thái tử tức Hoàng đế vị, bái yết Cao miếu, tôn Hoàng thái hậu làm Thái hoàng thái hậu, tôn Hoàng hậu làm Hoàng thái hậu.

---ॐ---

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ HAI MƯƠI]

HIẾU NGUYÊN HOÀNG ĐẾ

Năm Sơ Nguyên nguyên niên (Quý Dậu – TCN 48)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Tân Sửu, táng Hiếu Tuyên hoàng đế ở Đỗ lăng; đại xá thiên hạ.

2. Tháng ba, ngày Bính Ngọ, lập Vương thị làm Hoàng hậu, phong cha của Hậu là Cấm làm Dương Bình hầu.

Đế sai đem ruộng công của các quan Tam phụ, Thái thường, các quận, quốc cùng các thứ mà vườn của Hoàng gia có thể tiết giảm được cấp giúp cho dân nghèo lập nghiệp; người có gia sản không đầy một nghìn tiền, thì cấp hoặc cho vay giống gieo trồng và lương thực.

3. Phong Trung thường thị Hứa Gia làm Bình Ân hầu. Gia, là con người em cùng mẹ với ông ngoại Đế là Bình Ân Đái hầu Hứa Quảng Hán vậy.[1]

4. Mùa hạ, tháng sáu, vì dân chúng mắc bệnh dịch, Đế lệnh sai Thái quan bớt đồ ăn uống, giảm quan viên ở Nhạc phủ, giảm ngựa nuôi ở vườn của Hoàng gia, cứu giúp cho dân thiếu khốn.

---

[1] Hứa Quảng Hán là cha của Hứa Bình Quân, vợ Hán Tuyên đế, khi chết, được ban thụy là Đái, vì không có con nối, nay Hán Nguyên đế phong tước Bình Ân hầu của Quảng Hán cho người cháu là Hứa Gia. Về Hứa Quảng Hán, xem chú thích ở Hán kỷ, quyển mười sáu, sự kiện năm Bản Thủy nguyên niên.

5. Mùa thu, tháng chín, mười bảy quận, quốc phía đông Hàm Cốc Quan bị thủy tai, đói lớn, có nơi người ăn thịt lẫn nhau; triều đình chuyển lương thóc, tiền bạc của các quận lân bang để cứu giúp lẫn nhau.

6. Chúa thượng vốn nghe nói Vương Cát và Cống Vũ người quận Lang Nha đều tinh thông kinh sách, đức hạnh liêm khiết, phái sứ giả đi trưng triệu họ. Cát trên đường đi mắc bệnh chết. Vũ đến nơi, được bái làm Gián đại phu. Đế nhiều lần khiêm cung đem chuyện chính sự hỏi Vũ, Vũ dâng tấu nói:

"Quân vương thời xưa rất kiệm ước, thu nhập của dân mười phần thì lấy thuế một phần, lại không thu thuế khóa dao dịch với họ, thế nên nhà nhà đủ ăn đủ mặc. Các hoàng đế Cao tổ, Hiếu Văn, Hiếu Cảnh, cung nữ chẳng qua chỉ hơn chục người, ngựa trong chuồng hơn trăm thớt. Hậu thế đua nhau làm việc xa xỉ, ngày càng nghiêm trọng; bầy tôi thuộc hạ tranh nhau bắt chước. Thần ngu muội cho rằng làm giống như quân vương thời cổ rất khó, chỉ nên phỏng theo thời xưa chút ít để tự tiết ước thôi.

Hiện nay cung thất đã yên định, không thể giảm gì được nữa rồi; nhưng tất cả những thứ khác có thể giảm bớt được. Thời xưa quan "Tam phục"[1] của nước Tề cung cấp vật ngự dụng mỗi năm chẳng quá mười hòm; hiện nay thợ chế tác y phục của các quan "Tam phục" đất Tề đều mấy nghìn, mỗi năm hao phí của cải hàng ức vạn; ngựa nuôi trong chuồng của nhà vua phải cấp lương ăn gần vạn thớt. Thời Vũ đế, lại rộng tuyển đến mấy nghìn mỹ nữ, sung đầy vào Hậu cung. Lúc người lìa bỏ thiên hạ, chôn táng theo rất nhiều tiền vàng, tài vật, các thứ chim thú, ba ba, tôm cá cả thảy một trăm chín mươi loại; hơn nữa, các cung nữ của hậu cung đều đem an trí ở vườn lăng. Đến lúc Hiếu Tuyên hoàng đế lìa đời, Bệ hạ không tự nói chuyện tiết giảm với

---

[1] Tam phục (三服), là chức quan chuyên cung cấp y phục cho Thiên tử. Nước Tề cổ đặt ra chức quan Tam phục này, đầu năm, vào mùa xuân, dâng phẩm vật lên cho nhà vua, vật cấp gồm khăn buộc tóc, áo lụa ấm mặc mùa đông, áo lụa mềm mặc vào mùa hè, cả thảy ba thứ.

các việc ấy, vì thế quần thần vẫn theo như lệ cũ, thực rất đáng tiếc vậy! Vì thế mới khiến giáo hóa trong thiên hạ noi theo, việc cưới thê nạp thiếp đều vượt quá giới hạn: chư hầu có người thê thiếp đến mấy trăm, hào phú quan lại có kẻ nuôi ca kỹ đến mấy chục, thế nên trong khuê phòng mới có nhiều nữ tử oán than, bên ngoài thì lắm kẻ nam nhi không vợ. Đến như việc chôn táng của kẻ thứ dân, đều vét hết của cải trên mặt đất mà sung đầy mộ huyệt. Lỗi ấy khởi nguồn từ Thiên tử, đều bởi đại thần noi theo lệ cũ mà thành tội vậy. Mong Bệ hạ xét kỹ đạo xưa, theo phong khí kiệm ước: Giảm bớt xe kiệu, ngự phục và khí vật, ba phần bỏ đi hai; tuyển chọn người hiền ở hậu cung, lưu lại hai mươi người, còn lại đều cho họ về nhà, còn như những người nữ không có con ở các vườn lăng, nên đuổi hết về quê.[1] *Ngựa nuôi trong chuồng của Hoàng gia không nên vượt quá mấy chục con, chỉ giữ lại khu vườn ở phía nam thành Trường An, dùng làm nơi săn bắn.*

Hiện nay thiên hạ mất mùa đói kém, nếu không ra sức tự giảm bớt phí dụng để cứu giúp bách tính, há xứng với ý trời sao? Trời sinh bậc thánh nhân, đại để là vì muôn dân, chứ không phải chỉ để thánh nhân tự mình vui sướng mà thôi."

Thiên tử khen ngợi chọn dùng lời ấy, hạ chiếu, lệnh cho chủ quản các cung quán mà mình ít khi đến không được tu bổ sửa sang; quan Thái bộc giảm bớt số ngựa phải nuôi dưỡng; quan Thủy hành triệt bỏ số cầm thú phải nuôi ăn bằng thịt.

Thần Quang nói: Khi trung thần thờ phụng quân chủ, nên thỉnh cầu quân chủ làm các việc khó khăn, thì những việc giản đơn chẳng cần phí sức mà tự nhiên ngay ngắn; giúp bổ vá các lỗi sở đoản, thì các điểm sở trường chẳng cần khuyến khích mà tự thành. Hiếu Nguyên lúc mới đăng cơ, dốc lòng khiêm hư thỉnh giáo Vũ, Vũ đáng phải đem các việc cấp thiết nêu ra trước, rồi sau mới bàn đến các việc chưa gấp gáp vậy. Thế nhưng, việc Đế trù trừ không quyết đoán, kẻ gian nịnh

---

[1] Phép chế nhà Hán quy định: Khi chúa thượng băng hà, nữ tử ở hậu cung đều cho ra giữ vườn lăng.

lộng quyền, chính là đại họa lúc đương thời, mà Vũ lại tránh đi không nói đến; việc khiêm cung tiết kiệm, vốn là chí hướng của Hiếu Nguyên, thì Vũ lại chăm chăm nói mãi không thôi, là sao đây? Nếu như cái trí Vũ không đủ để hiểu rõ chỗ yếu hại ấy, sao xứng là hiền thần? Nhược bằng biết rõ mà không nói, thì cái tội của Vũ càng lớn hơn nữa rồi!

7. Thiền vu Hô Hàn Gia của Hung Nô lại dâng thư, nói dân chúng thiếu khốn. Đế hạ chiếu, lệnh cho các quận Vân Trung, Ngũ Nguyên chuyển hai vạn hộc thóc cấp cho Hung Nô.

8. Năm ấy, bắt đầu đặt chức Mậu Kỷ hiệu úy, sai đóng đồn làm ruộng ở đất cũ của nước Xa Sư.

Năm Sơ Nguyên thứ hai (Giáp Tuất – TCN 47)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng đến cung Cam Tuyền, tế giao ở đàn Thái Chỉ.

Lạc Lăng hầu Sử Cao lấy thân phận ngoại thích kiêm quản việc của Thượng thư, Tiền tướng quân Tiêu Vọng Chi, Quang lộc đại phu Chu Kham làm phó cho Cao. Vọng Chi là danh nho đương thời, cùng với Kham đều vì có ân là sư phó cũ của Đế, Thiên tử tín nhiệm họ, nhiều lần mời yến tiếp kiến, bàn việc trị loạn, giảng thuật đế vương. Vọng Chi tấu xin cử người trong tông thất tinh thông kinh sách, có phẩm hạnh là hành Tán kỵ, Gián đại phu Lưu Canh Sinh[1] làm Cấp sự trung, cùng với Thị trung Kim Sưởng làm tả hữu bên cạnh Đế để nhặt nhạnh bù bổ các lỗi sót. Bốn người đồng lòng mưu tính, dùng lễ chế xưa dẫn dắt khuyên nhủ Đế, muốn giúp nắn sửa từ nhiều hướng; chúa thượng rất tán thưởng bọn họ thường thu nạp ý kiến. Sử Cao sung ngôi vị cho đủ số mà thôi, bởi thế cùng Vọng Chi thành hiềm khích.

---

[1] Lưu Canh Sinh (刘更生), tức Lưu Hướng.

Trung thư lệnh Hoằng Cung và Bộc xạ Thạch Hiển từ thời Tuyên đế chủ quản việc cơ yếu lâu ngày, tinh thục điều văn pháp lệnh; Đế tức vị lắm bệnh, vì Hiển quản việc từ lâu, không có quan hệ thân thích cốt nhục trong cung, chuyên tâm làm việc đáng tin, Đế bèn ủy thác sai quản lý triều chính, việc bất kể lớn nhỏ, đều dựa tấu bẩm của Hiển mà quyết. Hiển được sủng tín khuynh loát cả triều đình, trăm quan đều kính thờ Hiển. Hiển là người tâm cơ linh mẫn thạo việc, có thể hiểu thấu ý chỉ của bậc nhân chủ, trong lòng âm hiểm khó lường, rất khéo dùng sự xảo trá để hại người, có khi chỉ hận một cái nhếch mắt, liền dùng nghiêm hình xử trị; Hiển cùng Xa kỵ tướng quân Sử Cao trong ngoài hô ứng, lúc nghị luận triều chính thường chỉ kiên quyết giữ lệ cũ, không theo ý của bọn Vọng Chi.

Bọn Vọng Chi lo lắng vì họ Hứa, họ Sử phóng túng, lại khốn khổ bởi bọn Cung, Hiển chuyên quyền, liền đặt lời kiến nghị rồi bẩm bạch rằng:

- Trung thư là gốc của triều chính, nắm giữ việc then chốt của quốc gia, nên dùng người thông minh công chính bố trí vào chức ấy. Xưa Vũ đế vui chơi thưởng yến ở hậu đình, cho nên dùng hoạn quan, không phải là phép chế cổ vậy. Nên bãi việc hoạn quan nhận chức Trung thư, để ứng nghĩa xưa là không để người chịu hình ở bên cạnh đấng quân vương.

Từ đấy bọn Vọng Chi cùng với Cao, Cung, Hiển kình chống nhau. Chúa thượng mới tức vị, khiêm nhường, khó sửa đổi được phép cũ, bàn lâu không quyết định, liền điều Lưu Canh Sinh ra làm Tông chính.[1]

Vọng Chi và Kham nhiều lần tiến cử bậc danh nho và nhân tài ưu tú để sẵn sàng dùng vào chức Gián quan, người quận Cối Kê là Trịnh Bằng ngầm muốn nương bám Vọng Chi, dâng thư nói Xa kỵ tướng quân Cao phái tân khách đến các quận, quốc

---

[1] Tán kỵ, Cấp sự trung là quan trong triều; Tông chính là quan bên ngoài triều.

làm việc gian mưu lợi, đồng thời nói đến tội lỗi của con em họ Sử, họ Hứa. Đế giao tấu chương xuống cho Chu Kham xem, Kham bẩm:

- Nên lệnh sai Bằng đợi chiếu ở cửa Kim Mã.

Bằng dâng tấu ký lên Vọng Chi nói:

"Nay khuôn mẫu tướng quân theo đuổi, là làm như Quản, Yến[1] *rồi thôi, hay làm việc xế trưa, đến mức như Chu, Thiệu*[2] *mới dừng? Nếu chỉ làm như Quản, Yến rồi thôi, thì kẻ hèn này xin quay về chằm trũng ở Diên Lăng,*[3] *sống yên ổn trọn đời mà thôi. Nếu tướng quân có chí phục hưng công nghiệp của Chu, Thiệu, tự mình ngày đêm lao nhọc, lắng nghe hết các ý kiến, thì kẻ hèn này xin tình nguyện dốc kiệt sức mọn cống hiến một phần sức lực."*

Vọng Chi ban đầu gặp Bằng, dùng thành ý tiếp đãi; sau biết được người này gian tà bất chính, cự tuyệt không cùng quan hệ. Bằng, là sĩ nhân đất Sở[4], vì mang lòng oán hận, liền chuyển sang cầu cạnh họ Hứa, họ Sử, chối bỏ việc từng tố cáo người của hai họ ấy, nói:

- Đấy đều là do Chu Kham, Lưu Canh Sinh truyền dạy ta; ta là người Quan Đông, làm sao biết được các việc ấy!

Vì thế Thị trung Hứa Chương bẩm xin Đế triệu kiến Bằng. Bằng ra khỏi cung, vờ nói rằng:

- Ta được triệu gặp, nói ra năm lỗi nhỏ và một lỗi lớn của Tiền tướng quân.

---

[1] Ý nói là chỉ làm đến mức như Quản Trọng (tể tướng nước Tề giúp Hoàn công làm Bá thời Xuân Thu) và Yến Anh (tể tướng tài ba của nước Tề giúp hai vua Trang công và Cảnh công thời Xuân Thu).

[2] Ý nói là làm được như Chu công và Thiệu công (là rường cột của triều đình nhà Chu, phù tá vua nhỏ yên vị ngôi, nhà Chu cường thịnh).

[3] Ý nói sẽ làm như Quý Trát vậy. Quý Trát là con út của vua Thọ Mộng nước Ngô, rất hiền đức, các anh theo di mệnh của cha truyền ngôi cho, không nhận, bỏ đi cày ruộng ở Diên Lăng.

[4] Tô Lâm nói: Sĩ nhân đất Sở, thường có tính khinh bạc, nóng nảy.

Đãi chiếu[1] Hoa Long phẩm hạnh ô uế, muốn nương dựa bọn Chu Kham, nhưng bọn Kham không tiếp nhận, Long liền cùng Bằng câu kết với nhau.

Cung, Hiển lệnh sai hai người tố cáo bọn Vọng Chi về việc mưu bàn muốn bãi chức Xa kỵ tướng quân, khiến Đế xa lánh hai họ Sử, Hứa; rình đợi ngày Vọng Chi về nhà nghỉ tắm gội, lệnh cho Bằng và Long dâng tấu lên. Việc được giao xuống cho Cung hỏi xét thực trạng, Vọng Chi thưa rằng:

- Ngoại thích tại vị đa phần xa xỉ dâm dật, ta muốn phù giúp nắn sửa quốc gia, chứ không phải ngầm làm việc gian tà vậy.

Cung, Hiển tấu rằng:

- Vọng Chi, Kham, Canh Sinh kết bè đảng, tiến cử tâng bốc nhau, nhiều lần gièm chê đại thần, hủy hoại chia lìa thân thích, muốn nắm riêng quyền thế. Làm bầy tôi như thế là bất trung, lừa dối bề trên là bất đạo, xin sai Yết giả triệu đến chỗ Đình úy.

Bấy giờ chúa thượng mới tức vị, không xét rõ câu "triệu đến chỗ Đình úy" tức là tống giam vào nhà ngục, liền phê chuẩn lời tấu ấy. Sau chúa thượng sai triệu Kham và Canh Sinh, thị vệ nói:

- Đã giam trong nhà ngục.

Chúa thượng cả kinh nói:

- Không phải chỉ là Đình úy xét hỏi sao?

Vì thế trách hỏi Cung, Hiển, hai người đều khấu đầu tạ tội. Chúa thượng nói:

- Cho họ ra ngoài coi việc.

Cung, Hiển nhân đó xui Sử Cao nói:

- Chúa thượng mới tức vị, chưa truyền được đức hóa xuống thiên hạ, nên bắt đầu xét từ sư phó trước. Đã đem Cửu khanh, Đại phu vào ngục, nên nhân việc ấy phán quyết bãi chức.

---

[1] Đãi chiếu (待诏), tức là người đang đợi chiếu mệnh bổ dụng vậy.

Vì thế chúa thượng hạ chế chiếu cho Thừa tướng, Ngự sử rằng:

"Tiền tướng quân Vọng Chi, dạy dỗ chỉ dẫn trẫm tám năm trời[1], không mắc tội lỗi gì khác. Nay sự việc qua đã lâu, khó nhớ rõ để biện minh, nên trẫm tha tội cho Vọng Chi, thu lại ấn thụ Tiền tướng quân và Quang lộc huân; còn Kham và Canh Sinh đều phải cách chức làm thứ dân."

2. Tháng hai, ngày Đinh Tỵ, Đế lập em là Lưu Cánh làm Thanh Hà vương.

3. Ngày Mậu Ngọ, quận Lũng Tây bị động đất, đổ thành quách và nhà cửa, nhiều người bị đè chết.

4. Tháng ba, lập con của Quảng Lăng Lệ vương Lưu Tư là Bá làm Vương.

5. Đế hạ chiếu:

"Cho bỏ hết xe kiệu, chó, ngựa ở Hoàng môn; vườn cấm do quan Thủy hành cai quản, vườn Nghi Xuân, vườn ao do quan Thứ phi thuộc Thiếu phủ trông coi, đất ruộng trong vườn săn bắn của Hoàng gia, tất cả đều đem cho dân nghèo thuê mướn."[2]

Lại hạ chiếu đại xá thiên hạ, sai tiến cử những người có tài năng đặc biệt và những kẻ sĩ trực ngôn dám can gián thẳng.

6. Mùa hạ, tháng tư, Đế lập con là Ngao làm Hoàng thái tử. Đãi chiếu Trịnh Bằng tiến cử Thái thú Thái Nguyên là Trương Sưởng, danh thần của tiên đế, xứng làm sư phó phụ giúp Hoàng thái tử. Chúa thượng đem ý ấy hỏi Tiêu Vọng Chi, Vọng Chi cho rằng Sưởng là quan lại có tài, gánh vác được việc trị loạn, nhưng

---

[1] Tiêu Vọng Chi làm Thái tử Thái phó từ năm Ngũ Phượng thứ hai đời Hán Tuyên đế, đến năm Hoàng Long nguyên niên, là đúng tám năm vậy.

[2] Đại khái, những nơi này là các khu vực riêng của Hoàng đế, bao gồm vườn thú, ao đầm do các quan chuyên trách cai quản, chủ yếu nhằm cung cấp sản vật dùng cho cúng tế, cũng dùng làm nơi săn bắn, giải trí. Nguyên đế hạ chiếu bãi bỏ lệnh cấm ở các nơi này, đem đất cho dân nghèo thuê để cày cấy, trồng trọt mà lập nghiệp.

hành vi tùy tiện, không có khí chất của bậc làm sư phó. Thiên tử sai sứ giả trưng triệu Sưởng, muốn dùng làm Tả phùng dực, đúng lúc Sưởng bị bệnh chết.

7. Đế hạ chiếu ban cho Tiêu Vọng Chi tước Quan nội hầu, Cấp sự trung, được dự hội triều vào ngày sóc, vọng.

8. Quan Đông đói lớn, người đất Tề ăn thịt lẫn nhau.

9. Mùa thu, tháng bảy, ngày Kỷ Dậu, lại có động đất.

10. Chúa thượng lại trưng triệu Chu Kham, Lưu Canh Sinh, muốn dùng họ làm Gián đại phu; Hoằng Cung, Thạch Hiển tấu bẩm, đều cho rằng nên dùng họ làm Trung lang.[1]

Chúa thượng trước sau xem trọng Tiêu Vọng Chi, muốn cậy dựa, dùng làm Thừa tướng; Cung, Hiển cùng con em hai họ Sử, Hứa, các Thị trung và Chư tào đều vừa tức vừa sợ bọn Vọng Chi. Canh Sinh bèn sai thân thích bên ngoại của mình dâng thư nói việc tai biến dị thường, rằng:

"Việc động đất gần đây là bởi bọn Cung, chứ không phải vì ba kẻ thất phu[2]. Thần ngu dốt cho rằng nên đuổi bọn Cung, Hiển để nêu tỏ việc trừng phạt hành vi che lấp người thiện; nâng đỡ bọn Vọng Chi để mở lối cho việc tiến dẫn hiền tài. Như thế, thì cánh cửa thái bình mới khai thông, căn nguyên của các tai vạ dị thường được lấp kín rồi."

Thư tấu lên, bọn Cung, Hiển ngờ thư ấy do Canh Sinh viết, bẩm xin tra xét hành vi gian trá, trong lời cung, người dâng thư quả nhiên thừa nhận; vì thế Lưu Canh Sinh bị bắt tống ngục, cách chức làm thứ dân.

Đúng lúc con của Vọng Chi là Tán kỵ, Trung lang Tiêu Cấp cũng dâng thư kêu oan cho việc lúc trước của Vọng Chi, việc được giao xuống cho Hữu ti, Hữu ti lại tấu:

---

[1] Gián đại phu (谏大夫), phẩm trật tám trăm thạch; Trung lang (中郎), bổng lộc sáu trăm thạch. Hai chức này đều thuộc quyền quản của Quang lộc huân.

[2] Trỏ ba người, là Tiêu Vọng Chi, Chu Kham và Lưu Hướng vậy.

"Tội trạng lúc trước của Vọng Chi đã minh bạch, không phải bị người khác vu gièm, vậy mà ông ấy truyền bảo con dâng thư kêu oan, viện dẫn lời thơ[1] để làm rõ mình vô tội, mất cả thể thống đại thần, thực bất kính, xin cho bắt tội."

Bọn Hoằng Cung, Thạch Hiển biết là Vọng Chi vốn chí tiết cao, không chịu khuất nhục, liền kiến nghị rằng:

- Vọng Chi lúc trước may không bị trị tội, lại được ban tước ấp, đã không hối lỗi phục tội, còn ngầm mang lòng oán vọng, truyền bảo con dâng thư, quy lỗi cho chúa thượng, tự cậy mình là sư phó, rút cục tất không mắc tội. Nếu không đưa Vọng Chi vào chốn lao ngục để khuất phục, lấp kín sự tấm tức trong lòng ông ấy, thì thánh triều không lấy gì để ban ân trạch.

Chúa thượng nói:

- Tiêu thái phó vốn cương cường, há chịu đến chỗ lao ngục?

Bọn Hiển nói:

- Tính mệnh con người là chí trọng, cái tội mà Vọng Chi mắc phải nhẹ, chỉ là nói năng bất kính, tất không đáng lo.

Chúa thượng vì thế mới chuẩn tấu.

Mùa đông, tháng mười hai, bọn Hiển phong kín chiếu thư đưa cho Yết giả, sắc lệnh triệu Vọng Chi ra giao tận tay. Tiếp đó lệnh sai Thái thường cấp phát quân xa kỵ cho Chấp kim ngô gấp rút vây phủ đệ của Vọng Chi. Sứ giả đến, triệu Vọng Chi, Vọng Chi liền đem việc ấy hỏi môn sinh Chu Vân người nước Lỗ. Vân, là kẻ sĩ trọng danh tiết, khuyên Vọng Chi tự sát. Vì thế Vọng Chi ngẩng mặt lên trời than rằng:

- Ta từng được đứng vào hàng khanh tướng, nay hơn sáu mươi tuổi rồi, đã lên lão lại bị giam vào lao ngục, khúm núm xin được sống, chẳng đáng khinh lắm sao?

Liền gọi tên tự của Vân, bảo rằng:

---

[1] Vì sử quan không chép lại lá thư của Tiêu Cấp, nên không rõ viện dẫn câu gì.

- Du, mau hòa thuốc độc mang đến, chớ kéo dài thời gian chờ chết của ta thêm nữa!

Bèn uống rượu độc tự sát. Thiên tử nghe tin ấy kinh sợ, vỗ tay vào nhau than rằng:

- Lúc trước ta vốn ngờ rằng ông ấy không chịu vào lao ngục, nay quả nhiên đã giết hại sư phó hiền năng rồi!

Bấy giờ, Thái quan mới bày bữa trưa, chúa thượng bèn bỏ ăn, vì Vọng Chi khóc lóc, bi thương cảm động tả hữu. Rồi lập tức triệu bọn Hiển đến trách hỏi vì sao mưu việc không xét kỹ, cả hai đều cởi mũ rập đầu tạ tội, rất lâu sau mới được tha. Chúa thượng nghĩ nhớ Vọng Chi không quên được, mỗi năm bốn mùa phái sứ giả đến cúng tế ở phần mộ Vọng Chi, cho đến tận cuối đời.

Thần Quang nói: Nguyên đế là vị quân chủ rất hồ đồ, dễ bị người khác dối lừa mà khó tỉnh ngộ vậy! Xét ra lời gièm chê Vọng Chi của bọn Cung, Hiển, vốn là quỷ kế gian tà của chúng, thực không dễ phân biện xét rõ được. Còn như việc ban đầu nghi ngờ Vọng Chi không tới nhà ngục, bọn Cung, Hiển cho là tất không đáng lo; không lâu sau Vọng Chi quả nhiên tự sát, thì cái dối lừa của bọn Cung, Hiển đã sáng tỏ rồi. Ở vào vị trí bậc quân chủ sáng trí mà nói, ai chẳng bừng bừng phẫn nộ muốn trừng phạt bầy tôi gian trá? Hiếu Nguyên thì không như thế. Tuy khóc lóc bỏ ăn vì thương xót Vọng Chi, nhưng rút cục chẳng giết bọn Cung, Hiển, chỉ khiến bọn chúng phải cởi mũ tạ tội mà thôi. Như thế, làm sao trừng trị được gian thần? Đấy là nguyên nhân khiến bọn Cung, Hiển mặc lòng phóng túng mà không kiêng sợ gì vậy.

11. Năm ấy, Hoằng Cung bệnh chết, Thạch Hiển làm Trung thư lệnh.

12. Khi trước, Vũ đế diệt Nam Việt, khai đặt hai quận Châu Nhai và Đam Nhĩ, đều ở đảo giữa biển.[1] Quan quân ở đấy đều

[1] Xem Hán kỷ, quyển mười hai, sự kiện năm Nguyên Đỉnh thứ sáu, đời Hán Vũ đế. Hai quận này chính là đảo Hải Nam hiện nay.

là người Trung Quốc, nhiều lần xâm phạm bức hiếp dân. Dân ở đấy cũng hung bạo, tự cậy địa hình cách trở, liên tục vi phạm cấm lệnh của quan lại, cứ mấy năm lại một lần phản, giết quan lại; nhà Hán thường phát binh tiến đánh bình định họ. Trong vòng hơn hai mươi năm, cả thảy sáu lần phản. Đến thời Tuyên đế, lại lần nữa làm phản. Chúa thượng tức vị sang năm thứ hai, huyện Sơn Nam quận Châu Nhai phản, triều đình phát binh đánh họ. Nhưng các huyện thay nhau phản, liên miên không bình được. Chúa thượng rộng rãi bàn mưu với quần thần, muốn phát binh quy mô lớn. Đãi chiếu Giả Quyên Chi tấu:

"Thần nghe nói Nghiêu, Thuấn, Vũ là bậc thánh đức, đất vuông chẳng quá mấy nghìn dặm, phía tây đến Lưu Sa, phía đông giáp với biển, thanh uy giáo hóa truyền khắp nam bắc, nói rằng ai muốn theo giáo hóa thì trị lý họ, ai không muốn theo thì không cưỡng chế trị lý. Cho nên đức quân thần được ca tụng, muôn người đều được yên ổn. Các vua Vũ Đinh, Thành vương, là bậc quân chủ đại nhân đức thời Ân, Chu, nhưng đất đai của họ, phía đông chẳng vượt quá nước Giang, nước Hoàng, phía tây chẳng vượt quá đất Đê, đất Khương, phía nam chẳng vượt quá đất Man Kinh, phía bắc chẳng vượt quá đất Sóc Phương, sở dĩ tiếng ca tụng đều cất lên, là vì tất cả những điều tai nghe mắt thấy đều khiến người ta vui sống, Việt Thường thị từ xa chín lần dịch tiếng đến dâng cống, đấy không phải là dựa vào binh đao mà đạt được đến như thế vậy.

Cho đến thời nhà Tần, hưng binh đánh phương xa, tham được cái ở bên ngoài mà trong nước hư hao khiến thiên hạ vỡ loạn. Đến Hiếu Văn hoàng đế, nghỉ võ hành văn, đương lúc bấy giờ, mỗi năm quyết ngục mấy trăm vụ, thuế khóa dao dịch giảm nhẹ lại đơn giản. Đến Hiếu Vũ hoàng đế, gắng sức binh mã để lấn đuổi Tứ Di, mỗi năm án ngục trong thiên hạ mấy vạn vụ, thuế khóa nhiều dao dịch nặng, giặc cướp cùng nổi lên, quân lữ nhiều lần phát động, cha giao chiến chết lúc trước, con đánh trận chết ngày sau, đàn bà con gái phải xây chòi đắp lũy, trẻ mồ côi gào khóc trên đường, mẹ già, quả phụ nuốt nước

mắt nơi ngõ xóm, đấy đều bởi duyên do mở rộng đất đai quá lớn, việc chinh phạt chẳng thể dừng nghỉ vậy. Nay dân chúng vùng Quan Đông khốn khó lâu ngày, lưu lạc tan tác trên đường. Cái tình của người đời, chí thân chẳng gì hơn tình thương cha mẹ, vui sướng chẳng gì hơn đạo nghĩa vợ chồng; vậy mà bần khốn đến mức phải bán vợ đợ con, pháp lệnh chẳng thể ngăn cấm được, tình nghĩa chẳng thể khống chế nổi, đấy thực là mối lo cho xã tắc vậy.

Nay Bệ hạ chẳng nhẫn nhịn nổi nỗi tấm tức phẫn hận, muốn xua sĩ chúng rầm rập ra giữa biển lớn, tìm sự thống khoái ở chỗ đất u minh, thì đấy không phải là cách hay để cứu trợ đói kém, bảo toàn cho lê dân vậy. Kinh Thi nói rằng: 'Xuẩn nhĩ Man Kinh, đại bang vi thù.[1]' Là ý nói khi thánh nhân xuất hiện thì người Man Kinh thuần phục, Trung Quốc suy kém thì người Man Kinh sinh loạn trước, từ xưa đã có mối họa như thế, huống chi người Man lại còn cách xa phía nam Man Kinh đến vạn dặm?[2] Người Lạc Việt, cha con tắm chung dòng suối, theo tập quán dùng mũi mà uống, hoang dã lạc hậu, vốn chẳng đáng để đặt thành quận huyện vậy. Một dải đất cỏn con cho vơ giữa biển, sương mù ẩm thấp, có lắm mối nguy hại về cỏ độc, rắn rết và thủy thổ; chưa thấy giặc đâu mà chiến sĩ đã bỏ mạng rồi. Thêm nữa, không phải chỉ Châu Nhai có ngọc châu, sừng tê, đồi mồi vậy. Bỏ chỗ đấy chẳng đáng tiếc, không đánh chẳng tổn đến uy phong. Dân đất ấy cũng ví như cá, như rùa, có gì đáng để tham muốn đâu?

Thần trộm đem việc trước kia đánh người Khương phản loạn mà nói, xuất sư chưa đầy một năm, binh ra xa chẳng quá nghìn dặm, hao phí hơn bốn chục vạn vạn tiền; tiền ở chỗ Đại tư nông kiệt nhẵn, phải dùng tiền từ chỗ quan Thiếu phủ cấp tiếp cho việc ấy.[3] Một góc ven

---

[1] Người Man ở đất Kinh (Sở) khuấy động, dám chống cự lại đại bang.

[2] Ý nói, ở chỗ đất gần như Kinh Sở mà vào thời Trung Quốc suy kém dân chúng còn nổi dậy chống cự, huống chi là xứ Châu Nhai, Đam Nhĩ xa tít tận phương nam, cách xa Kinh Sở đến vạn dặm.

[3] Đại tư nông cai quản tiền, vàng, thóc, lụa, của cải dùng cho việc quân quốc. Còn Thiếu phủ quản tiền thuế khóa, nguồn lợi từ các nơi vườn ao, đầm lạch ... để cấp cho nhu cầu riêng của Thiên tử.

biên nảy việc chẳng lành, phí tổn còn như thế, huống chi lại lao nhọc binh sư đi đánh nơi xa, tổn hại sĩ chúng mà vô công? Muốn chiểu theo phép tắc xưa thì không phù hợp, muốn thi hành theo phép tắc hiện nay lại bất tiện, thần ngu dốt cho rằng cái nước không đeo đai mũ, thiên Vũ Cống trong Kinh Thư không đề cập đến, kinh Xuân Thu không bàn tới, đều nên tạm thời không xét trị. Xin hãy bỏ quận Châu Nhai, đem hết tiền của dốc sức cứu giúp cho mối lo Quan Đông!"

Chúa thượng đem việc hỏi Thừa tướng, Ngự sử. Ngự sử đại phu Trần Vạn Niên cho rằng nên đánh, Thừa tướng Vu Định Quốc cho rằng: "Ngày trước hưng binh đi đánh dẹp mấy năm liền, Hộ quân Đô úy, Hiệu úy và các chức Thừa cả thảy mười một người, còn có hai người trở về, binh tốt và quân chuyển vận chết đến trên vạn người, phí dụng hơn ba vạn vạn tiền, giặc còn chưa thu hàng được hết. Nay vùng Quan Đông thiếu khốn, bách tính gặp vạ nạn xao động, lời bàn của Quyên Chi là đúng." Chúa thượng theo lời ấy.

Quyên Chi, là chắt của Giả Nghị vậy.

Năm Sơ Nguyên thứ ba (Ất Hợi – TCN 46)

1. Mùa xuân, Đế hạ chiếu rằng:

"Giặc rợ quận Châu Nhai giết quan dân, nghịch loạn bội phản. Nay triều đình nghị bàn có người nói nên đánh, có người nói nên giữ, có người muốn vứt bỏ chỗ ấy, ý kiến đều khác biệt. Trẫm ngày đêm ngẫm nghĩ lời bàn tính của mọi người, lúc thẹn vì cái uy của nước chẳng được thi hành thì muốn đánh giết bọn phản nghịch; lúc hồ nghi mong tránh khỏi khó nhọc thì muốn lập đồn điền làm ruộng; lúc muốn thông đạt theo thế thời biến hóa thì lo lắng cho muôn dân. Xét kỹ cái đói khổ của muôn dân so với việc người Man ở xa không đánh dẹp được, mối nguy nào lớn hơn đây? Đến như việc tế tự tông miếu, gặp năm mất mùa còn không được chu toàn, huống chi là việc tránh

cái nỗi nhục do bản thân không được như ý nguyện? Nay vùng Quan Đông cực kỳ khốn đốn, thương khố trống rỗng, không lấy gì để chu cấp, lại muốn động binh, không chỉ lao nhọc dân chúng, mà họa mất mùa lại theo đó mà sinh. Nay bãi quận Châu Nhai, dân ở đất ấy có ai mộ nghĩa muốn nội thuộc, thì sắp xếp ngay nơi ở cho họ; ai không muốn, chớ cưỡng ép."

2. Mùa hạ, tháng tư, ngày Ất Mùi là ngày hối, quán Bạch Hạc ở Mậu lăng bị hỏa tai; đại xá thiên hạ.

3. Mùa hạ, trời hạn hán.

4. Đế lập em của Trường Sa Dương vương Lưu Đán là Tông làm Vương.

5. Trường Tín thiếu phủ Cống Vũ dâng lời rằng:

- Các quân thủ vệ cung Ly và cung Trường Lạc, nên bớt đi một nửa để giảm nhẹ dao dịch.

Tháng sáu, Đế hạ chiếu rằng:

"Trẫm nghĩ xét nỗi cơ hàn của dân đen, bọn họ phải lìa xa cha mẹ, vợ con, lao nhọc bởi những công việc không cấp thiết, thủ giữ ở các cung không có người ở, e rằng đấy không phải là cách hay để giúp ích cho việc hòa hợp âm dương. Nay triệt bỏ quân vệ thủ giữ các cung Cam Tuyền, Kiến Chương, cho bọn họ được trở về nghề nông. Trăm quan đều phải giảm bớt phí dụng, xét từng điều khoản tấu lên, không có gì phải úy kỵ."

6. Năm ấy, chúa thượng lại cất nhắc Chu Kham làm Quang lộc huân, đệ tử của Kham là Trương Mãnh làm Quang lộc đại phu, Cấp sự trung, rất được tín nhiệm.

Năm Sơ Nguyên thứ tư (Bính Tý – TCN 45)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành cung Cam Tuyền, tế giao ở đàn Thái Chí.

Tháng ba, xa giá đến quận Hà Đông, tế Hậu thổ; tha tù phạm ở Phần Âm.

Năm Sơ Nguyên thứ năm (Đinh Sửu – TCN 44)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Đế lấy Chu Tử Nam quân[1] làm Chu Thừa Hưu hầu.

2. Tháng ba, chúa thượng tuần hành đất Ung, cúng tế ở Ngũ Chỉ.

3. Mùa hạ, tháng tư, có sao chổi xuất hiện ở chỗ sao Sâm.

4. Chúa thượng dùng lời bàn của các Nho sinh và bọn Cống Vũ, hạ chiếu cho Thái quan không được sát sinh mỗi ngày, các thứ đồ ăn dâng lên đều giảm bớt một nửa; số lượng xe kiệu và ngựa nuôi ăn, chỉ cần đủ cho việc chính[2] mà thôi. Bỏ môn "giác đế", thả các cung nữ ít được gặp chúa thượng trong các cung quán ở vườn Thượng Lâm về nhà, bỏ chức quan Tam phục ở đất Tề, chức Điền quan ở Bắc Giả, chức quan Diêm thiết,[3] triệt bỏ kho lương Thường Bình. Không giới hạn số lượng đệ tử của Bác sĩ,[4] để mở rộng đạo học. Hạ lệnh trong dân chúng, hễ ai thông hiểu một bộ kinh sách, đều miễn thuế khóa dao dịch. Giảm bớt đi hơn bảy mươi điều khoản hình phạt.

5. Trần Vạn Niên chết. Tháng sáu, ngày Tân Dậu, lấy Trường Tín thiếu phủ Cống Vũ làm Ngự sử đại phu. Vũ trước sau dâng thư mấy chục lần nói bàn các việc được mất, chúa thượng khen khí chất thẳng thắn của Vũ, đa phần chọn dùng ý kiến.

---

[1] Văn Dĩnh nói: Người này họ Cơ, tên là Diên, là hậu duệ nhà Chu, năm Nguyên Đỉnh thứ tư đời Hán Vũ đế, được phong làm Chu Tử Nam quân, thờ phụng nhà Chu.

[2] Việc chính ở đây là ý nói các việc như cung cấp cho tế tự, lễ đi săn bắn theo quy định, không tính việc đi du ngoạn vui chơi.

[3] Chức Diêm thiết quan là do Hán Vũ đế đặt ra; kho lương Thương Bình là do Hán Tuyên đế đặt ra.

[4] Thời Vũ đế, một viên quan Bác sĩ được nhận năm mươi đệ tử, thời Chiêu đế tăng lên một trăm, cuối thời Tuyên đế lại tăng lên gấp đôi, nay bỏ giới hạn về số lượng.

6. Thiền vu Chất Chi của Hung Nô tự cho rằng mình ở chỗ rất xa, lại oán nhà Hán ủng hộ Hô Hàn Gia mà không trợ giúp mình, liền cố tình làm cho sứ giả nhà Hán là bọn Giang Nãi Thủy rơi vào cảnh khốn nhục; rồi phái sứ thần dâng cống, nhân đó đòi trả lại đứa con đang làm con tin ở Hán triều.[1] Hán triều thương nghị phái Vệ tư mã Cốc Cát hộ tống con tin, Ngự sử đại phu Cống Vũ và Bác sĩ Khuông Hành người quận Đông Hải cho rằng:

- Thiền vu Chất Chi chưa thành tâm hướng theo giáo hóa, lại ở nơi rất xa, nên lệnh sai sứ giả đưa con của hắn đi, khi đến biên hiểm thì quay về.

Cát dâng thư nói:

"Trung Quốc với Di Địch có mối ràng buộc không dứt tuyệt ân nghĩa, nay đã vỗ về nuôi dưỡng, thành toàn cho con của Thiền vu chục năm, đức trạch rất sâu, nay đưa đến chỗ đất trống mà không hộ tống, sứ giả đến sát biên hiểm lại quay về, là tỏ ý vứt bỏ không yêu mến che chở, khiến bọn họ không có lòng hướng theo giáo hóa, đã bỏ cái ân lúc trước, lại gây oán về sau, rất không thỏa đáng. Kẻ bàn luận thấy Giang Nãi Thủy ngày trước không có cách gì ứng phó với địch, trí dũng đều khốn, dẫn đến bị sỉ nhục, liền mới lo trước cho thần. Thần may được nắm giữ phù tiết của Hán triều cường mạnh, vâng nhận chiếu chỉ của bậc thánh minh, đi tuyên dụ ân sâu, họ tất chẳng dám có hành vi ngạo ngược. Nếu bên ấy thực mang lòng cầm thú, hành xử vô đạo với thần, thì Thiền vu sẽ mang đại tội lâu dài, nhất định phải trốn náu nơi xa, chẳng dám đến gần biên cảnh. Để yên định bách tính mà mất một sứ thần, đấy là đại kế quốc gia, là chí nguyện của kẻ tôi thần vậy. Thần xin đưa con tin đến tận Thiền vu đình."

Chúa thượng đồng ý. Cát đến nơi rồi, Thiền vu Chất Chi nổi giận, rút cục giết bọn Cát; tự biết mình phụ Hán triều, lại nghe

---

[1] Việc Chất Chi phái con đến nhà Hán làm tin, xem ở Hán kỷ, quyển mười chín, sự kiện năm Cam Lộ nguyên niên.

nói Hô Hàn Gia ngày càng cường thịnh, sợ bị tập kích, muốn trốn đi xa. Đúng lúc Khang Cư vương nhiều lần bị Ô Tôn gây khốn, cùng các vị Hấp hầu tính kế, cho rằng: "Hung Nô là nước lớn, nước Ô Tôn vốn phục tùng lệ thuộc họ. Nay Thiền vu Chất Chi bị khốn đốn ở bên ngoài, nên nghênh đón bố trí họ ở biên cảnh phía đông, khiến họ hợp binh chiếm nước Ô Tôn rồi lập Chất Chi, thì ta vĩnh viễn không phải lo họa Hung Nô rồi." Bèn lập tức phái sứ giả tới Kiên Côn, chuyển lời đến Chất Chi. Chất Chi vốn đang sợ hãi, lại oán hận Ô Tôn,[1] nghe kế của Khang Cư vương, rất mừng, bèn cùng liên kết với nhau, dẫn binh sang tây. Bộ chúng của Chất Chi chết rét ở trên đường, chỉ còn có ba nghìn người. Đến nước Khang Cư, Khang Cư vương đem con gái gả cho Chất Chi, Chất Chi cũng đem con gái gả cho Khang Cư vương, Khang Cư vương rất tôn kính Chất Chi, muốn cậy dựa uy của Chất Chi để uy hiếp các nước. Chất Chi nhiều lần mượn binh đánh nước Ô Tôn, tiến sâu đến tận Xích Cốc thành, cướp giết người dân, xua bắt vật nuôi rồi đi. Ô Tôn không dám truy đuổi, biên ải phía tây thành trống rỗng, trong vòng năm nghìn dặm không có người cư trú.

7. Mùa đông, tháng mười hai, ngày Đinh Mùi, Cống Vũ chết. Ngày Đinh Tỵ, lấy Trường Tín thiếu phủ Tiết Quảng Đức làm Ngự sử đại phu.

Năm Vĩnh Quang nguyên niên (Mậu Dần – TCN 43)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng đến cung Cam Tuyền, tế giao ở đàn Thái Chi. Lễ tế xong, nhân đó lưu lại săn bắn. Tiết Quảng Đức dâng thư nói:

"Thần trộm thấy vùng Quan Đông cực kỳ khốn đốn, người dân lưu ly thất sở; Bệ hạ hàng ngày gióng tiếng chuông vong quốc của

[1] Năm Hoàng Long nguyên niên, Chất Chi đánh lấy nước Kiên Côn, định đô tại đó. Việc Chất Chi oán hận nước Ô Tôn cũng đã nhắc đến ở năm này.

triều Tần, vui hưởng tiếng nhạc quyến rũ của nước Trịnh, nước Vệ, thần thực vì thế xót thương. Nay sĩ tốt phơi sương nắng ngoài đồng, thị tòng nhọc mệt không kham nổi, mong Bệ hạ kíp quay về cung, nghĩ đến bách tính cùng chung vui lo, thiên hạ may lắm!"

Chúa thượng ngay hôm ấy lập tức quay về.

2. Tháng hai, Đế hạ chiếu rằng:

"Thừa tướng, Ngự sử hãy tiến cử những người chất phác, đôn hậu, khiêm nhường, có phẩm hạnh, Quang lộc mỗi năm dựa vào các tiêu chuẩn ấy để khảo xét các quan lang, thị tòng."

3. Tháng ba, đại xá thiên hạ.

4. Tháng ấy mưa tuyết, sương lạnh, mùa màng bị hại.

5. Mùa thu, chúa thượng dâng rượu ngon tế tông miếu, ra cửa Tiện Môn[1], muốn ngự thuyền lầu. Tiết Quảng Đức ngăn xe kiệu lại, cởi mũ rập đầu nói:

- Bệ hạ nên đi trên cầu.

Đế hạ chiếu nói:

- Đại phu đội mũ lên.

Quảng Đức nói:

- Bệ hạ không nghe lời thần, thần tự đâm cổ, lấy máu vấy bẩn bánh xe, thì Bệ hạ không vào tế tông miếu được rồi!

Chúa thượng không hài lòng. Người ruổi ngựa đi phía trước là Quang lộc đại phu Trương Mãnh dâng lời rằng:

- Thần nghe nói quân chủ thánh minh thì bầy tôi ngay thẳng. Cưỡi thuyền nguy hiểm, theo cầu thì yên ổn, thánh chủ chẳng nên ở chỗ nguy. Lời của Ngự sử đại phu rất nên nghe.

Chúa thượng nói:

- Khuyên người khác chẳng nên như thế sao?[2]

---

[1] Tiện Môn, là cửa thứ nhất ở mặt tây, phía nam thành Trường An, hướng ra sông.

[2] Ý nói khuyên can thì nên nói rõ ràng như Trương Mãnh.

Bèn theo cầu qua sông.

6. Tháng chín, trời giáng sương lạnh hại lúa, thiên hạ đói lớn. Thừa tướng Vu Định Quốc, Đại tư mã, Xa kỵ tướng quân Sử Cao, Ngự sử đại phu Tiết Quảng Đức đều vì tai biến dị thường xin từ chức, cáo lão về quê. Chúa thượng ban cho an xa, tứ mã, sáu chục cân vàng, đồng ý bãi chức. Lấy Thái tử Thái phó Vi Huyền Thành làm Ngự sử đại phu. Quảng Đức sau khi về quê, đem an xa hoàng thượng ban treo lên, lấy việc được ban xe làm vinh, truyền bảo cho con cháu.

7. Đế từ lúc còn là Thái tử, theo Thái trung đại phu Khổng Bá thụ học *Kinh Thượng Thư*; lúc tức vị, ban cho Bá tước Quan nội hầu, hiệu là Bao Thành quân, thêm chức Cấp sự trung. Chúa thượng muốn đặt Bá vào vị trí Thừa tướng, Bá là người khiêm nhường, không thích quyền thế, thường nói rằng: "Tước vị quá lớn, ta có đức gì mà kham nổi!" Chức Ngự sử đại phu thường bị khuyết, chúa thượng luôn muốn dùng Bá; Bá chối nhường địa vị, tự mình bày tỏ đến hai ba lần. Chúa thượng biết rõ sự chí thành của Bá, bèn không dùng. Vì thế kính phục Bá, ban thưởng rất hậu.

8. Ngày Mậu Tý, lấy Thị trung, Vệ úy Vương Tiếp[1] làm Đại tư mã, Xa kỵ tướng quân.

9. Thạch Hiển kiêng sợ bọn Chu Kham, Trương Mãnh, nhiều lần gièm pha chê mỉa họ. Lưu Canh Sinh sợ sự gian hiểm của Hiển, dâng thư nói:

"Thần nghe nói vua Thuấn giao việc cho Cửu quan[2], bọn họ kính lễ khiêm nhường giúp đỡ nhau, hết mực hòa mục vậy. Tôi thần hòa mục ở triều đình thì muôn vật hòa mục ở chốn dân gian, cho nên chín

---

[1] Tiếp, là con của Bình Xương hầu Vương Vô Cố vậy.

[2] Theo *Kinh Thư, Thuấn điển*, vua Thuấn đặt chín chức quan: Vũ làm Tư không, Khí làm Hậu tắc, Tiết làm Tư đồ, Cao Đào làm Sĩ sư, Thùy làm Cung công, Ích làm Trẫm ngu, Bá Di làm Trật tôn, Quỳ làm Điển nhạc, Long làm Nạp ngôn.

khúc nhạc Thiều tấu lên, phượng hoàng bay đến múa.[1] *Đến thời hai vua U, Lệ nhà Chu, triều đình bất hòa, chuyển sang chê bai oán hận lẫn nhau, thì nhật nguyệt chèn ép che lấp lẫn nhau, sông suối dâng trào, lũng núi chuyển dịch đổi chỗ, sương giáng nghịch loạn tiết khí. Từ đấy mà xét, hòa khí thì chiêu dẫn điềm lành, nghịch khí thì dẫn điềm quái lạ, điềm lành đến nhiều thì quốc gia yên, điềm quái lạ lắm thì quốc gia nguy biến, đấy là đạo thường trời đất, là nghĩa thông suốt từ xưa cho đến bây giờ vậy.*

Nay Bệ hạ khai sáng cơ nghiệp thời Tam đại, chiêu vời kẻ sĩ có văn tài, ôn hòa mà khoan dung đối đãi họ, mong họ đồng loạt được tiến dụng. Nay người hiền và kẻ vô hạnh hỗn tạp, đen trắng khó phân, tà chính lẫn lộn, lời trung và lời sàm cùng cất lên; tấu chương giao xuống cho Công xa, người bị giam giữ sung đầy ở chỗ Bắc quân[2]*, triều thần bất hòa, đều đưa ý kiến trái nghịch, dùng cáo trạng gièm pha vu hãm lẫn nhau, chuyển thành chuyện thị phi; vì thế làm nhiễu loạn tai mắt, lay động ý chí của Hoàng thượng, các việc như thế chẳng thể tính đếm xuể, rồi các sở quan lập bè đảng, đông bọn qua lại đồng lòng với nhau để vũ hãm bầy tôi chính trực. Nếu bầy tôi chính trực được tiến cử, thì đạo trị lý được nêu tỏ; bầy tôi chính trực bị vu hãm, thì cái cơ nguy loạn sinh ra; mấu chốt của trị lý hay động loạn, là ở chỗ không biết được ai có thể gánh vác trách nhiệm, thế nên tai biến nhiều lần xuất hiện, đấy là lý do khiến thần thấy ghê lòng.*

Từ đầu năm Sơ Nguyên đến nay đã sáu năm rồi, xét các ghi chép ở Kinh Xuân Thu trong vòng sáu năm, tai vạ dị thường chưa bao giờ xuất hiện nhiều như bây giờ vậy. Căn nguyên của các tai vạ dị thường như thế kia, là bởi lời sàm đua nhau cất lên; sở dĩ lời sàm đua nhau cất lên, là bởi trong lòng chúa thượng có nhiều nghi kỵ, đã nạp dụng

---

[1] Nhạc Thiều (韶), tương truyền là khúc nhạc do vua Thuấn đặt ra, ca ngợi thời thịnh trị thái bình, điệu nhạc Thiều cất lên, chim phượng bay đến.

[2] Ý nói người dâng lời trung, lập tức bị gian thần sàm tấu gièm chê, chúa thượng giao tấu chương xuống cho Công xa lệnh (thuộc quan của Vệ úy) xét xử, người bị đưa đến chỗ Bắc quân úy (là quan viện phụ trách việc xử trị người phạm tội).

người hiền để thi hành thiện chính, nếu lại ngờ hoặc hủy báng họ, thì người hiền lui mà điều thiện chính bị rút lại rồi. Ôi, còn giữ cái lòng hồ nghi, là chiêu dẫn lời miệng lưỡi của lũ sàm thần; giữ chủ ý mà không quyết đoán, là mở cửa cho tụi gian tà uốn cong phép tắc; lời sàm cất lên thì số đông người hiền lui ẩn, bọn gian tà thịnh thế thì kẻ sĩ chính trực mất dần. Cho nên Kinh Dịch nói đến hai chữ 'bĩ', 'thái'[1], *là ý nói đạo của kẻ tiểu nhân sinh sôi, đạo của bậc quân tử tiêu mòn, thì chính trị ngày càng vữa loạn; đạo của bậc quân tử sinh sôi, đạo của kẻ tiểu nhân tiêu mòn, thì chính trị ngày một tốt lên.*

Xưa kia Cổn, Cung Công, Hoan Đâu cùng Thuấn, Vũ ở lẫn trong triều của vua Nghiêu,[2] *Chu công và Quản, Sái cùng giữ quan vị ở triều Chu,*[3] *đang lúc ấy, các bên thay phiên dâng lời hủy báng nhau, thay nhau lưu truyền lời phỉ báng, những lời ấy há có thể đếm xuể được! Đế Nghiêu, Thành vương có thể coi Thuấn, Vũ, Chu công là hiền và bài trừ Cung Công, Hoan Đâu, Quản, Sái, nên vì thế đại trị, tiếng tốt truyền đến bây giờ. Khổng tử và Quý, Mạnh đều làm quan ở nước Lỗ,*[4] *Lý Tư và Thúc Tôn đều làm quan ở nước Tần,*[5] *Định công, Thủy Hoàng coi Quý, Mạnh, Lý Tư là hiền mà bài trừ Khổng tử, Thúc Tôn, nên vì thế đại loạn, ô nhục còn đến ngày nay. Cho nên đầu mối của việc trị hay loạn, vinh hay nhục, cốt yếu ở chỗ tin dùng người như thế nào; tin dùng người hiền rồi, còn phải có ý chí kiên định không lay chuyển. Kinh Thi nói: 'Ngã tâm phỉ thạch, bất khả chuyển dã'*[6], *là nói việc một lòng vững ý thiện vậy. Kinh Dịch nói: 'Hoán hãn kỳ đại hiệu'*[7], *là nói hiệu lệnh như mồ hôi, đã toát ra rồi thì không thu lại được nữa. Nay phát chiếu lệnh hay mà chưa qua ba*

---

[1] Bĩ (否), là nói vận xấu; thái (泰), là nói vận tốt.

[2] Thuấn, Vũ là bậc đại hiền vậy. Cổn, Cung Công, Hoan Đâu là tà thần gian ác vậy.

[3] Chu công là tôi thần hiền năng, chính trực. Quản, Sái là bầy tôi gian tà vậy.

[4] Khổng tử là hiền thần ở nước Lỗ. Quý, Mạnh, tức là Mạnh Tôn và Thúc Tôn, đều là đại thần chấp chính chuyên quyền ở nước Lỗ.

[5] Việc về Lý Tư, xem lại ở Tần kỷ. Thúc Tôn tức Thúc Tôn Thông vậy.

[6] Lòng ta tuy không phải là đá, nhưng vẫn chẳng đổi thay chuyển dời.

[7] Ý là: Đế vương ban phát hiệu lệnh, như mồ hôi toát ra.

tháng đã thu hồi, thì đấy là việc thu mồ hôi lại vậy; dùng người hiền chưa qua một tháng mà ruồng đuổi, thì đấy là việc chuyển dời đá vậy. Luận ngữ nói: 'Kiến bất thiện như tham thang'[1]. Nay nhị phủ[2] dâng tấu nói những kẻ ton hót siểm nịnh không đáng giữ ngôi vị, mà nhiều năm không trừ bỏ, thế nên xuất chiếu lệnh thì như thu mồ hôi ngược, dùng người hiền thì như đá chuyển dời, bỏ kẻ nịnh thì như bạt núi lớn, như thế, mong điều hòa được âm dương, chẳng cũng khó sao? Vì thế bọn tiểu nhân nhòm ngó được chỗ sơ hở, liền sửa sang câu chữ che đậy, dùng lời xấu xa xảo trá vu mỉa, khiến lời phỉ báng lưu truyền huyên náo chốn dân gian. Cho nên trong Kinh Thi có câu: 'Ưu tâm tiễu tiễu, uấn vu quần tiểu'[3], là nói bọn tiểu nhân kết bầy, thực đáng thống hận vậy.

Xưa kia Khổng tử cùng Nhan Uyên, Tử Cống khen tụng lẫn nhau, chẳng vì lôi kéo kết đảng; Vũ, Tắc cùng Cao Đào tiến dẫn lẫn nhau, chẳng vì tạo thế a dua, vì sao thế? Là bởi trong lòng họ có quốc gia, không có tà tâm vậy. Mà nay lũ gian nịnh cùng hiền thần đều cầm kích làm Túc vệ ở triều đình, bọn tiểu nhân hợp đảng chung mưu, lìa thiện dựa ác, cất tiếng phụ họa, nhiều lần bày đặt lời hung hiểm, muốn dùng lời ấy làm nghiêng ngả ý chí của chúa thượng, nếu chúa thượng đột nhiên dùng lời của bọn họ, thì đấy là lý do khiến trời đất phát điềm cảnh báo, là nguyên nhân của những tai vạ dị thường kéo đến liên miên vậy. Từ xưa các bậc quân chủ thánh minh chưa có ai không dùng hình giết phạt mà nước được trị, cho nên vua Thuấn dùng hình đuổi đày tứ hung,[4] Khổng tử giết thuộc hạ dưới cửa khuyết,[5]

---

[1] Câu đầu đủ chép trong *Luận ngữ* là: "Kiến thiện như bất cập, kiến bất thiện như tham thang". Ý là: "Thấy việc thiện thì vội vàng như không theo kịp, thấy việc bất thiện thì như dùng tay thử nước sôi."

[2] Trỏ phủ Thừa tướng và phủ Ngự sử.

[3] Lòng trầm ngâm lo lắng, căm hận lũ tiểu nhân.

[4] Theo truyền thuyết, vua Thuấn lưu đày Cung Công ở U châu, ruồng đuổi Hoan Đâu ở Sùng Sơn, đuổi giết Tam Khúc ở Tam Nguy, xử tử Cổn ở Vũ Sơn.

[5] Khổng tử giữ chức Tư khấu ở nước Lỗ, cầm quyền được bảy ngày thì giết quan Đại phu Thiếu Chính Mão, là kẻ nham hiểm xảo trá, sau đấy nước Lỗ thịnh trị.

rồi sau giáo hóa của bậc thánh mới thi hành được vậy. Nay vốn dĩ Bệ hạ là người sáng trí, thực sự hiểu sâu tâm ý của trời đất, xét ngẫm lời quẻ 'bĩ', 'thái', xem qua đạo dùng người của Chu, Đường[1] để lập phép tắc, nghĩ đến cái căn nguyên diệt vong của nước Tần, nước Lỗ lấy đấy làm điều răn, khảo sát điềm lành ứng hợp, xét nghĩ tai họa dị thường, liệu tính biến hóa của thời thế, đày đuổi bè đảng nịnh tà, phá diệt hang ổ của những lời hiểm ác, lấp tuyệt lối đi của bè lũ gian hung, mở lối thông đường cho người hiền chính trực, xác quyết những chỗ hồ nghi, biện xét những điều do dự, khiến khuất khúc thị phi được rõ ràng minh bạch, như thế thì trăm thứ tai vạ dị thường bị diệt mà điềm lành cùng kéo đến, cái gốc của sự thái bình được vững chắc, đấy là cái lợi muôn đời vậy."

Hiển thấy thư ấy, lại càng cấu kết chặt với hai họ Sử, Hứa mà oán hận bọn Canh Sinh.

Năm ấy, mùa hạ trời rét, mặt trời giữa ngày không phát sáng, Hiển và hai họ Sử, Hứa đều nói Kham, Mãnh quản việc mắc lỗi. Chúa thượng trong lòng xem trọng Kham, lại lo lời miệng lưỡi của chúng nhân như nước ngấm dần, không biết tin vào đâu. Bấy giờ Trường An lệnh Dương Hưng vì có tài được sủng hạnh, thường khen ngợi Kham, chúa thượng muốn dùng làm người trợ giúp, bèn triệu gặp Hưng, hỏi:

- Triều thần tỏ ý phẫn hận không dung Quang lộc huân, là vì sao?

Hưng, là kẻ xảo biện cơ cảnh, cho rằng chúa thượng nghi ngờ Kham, liền thuận thế chỉ trích rằng:

- Kham không chỉ không được dung ở triều đình, mà ở quê quán cũng không được bao dung vậy! Thần thấy chúng nhân nói Kham cùng bọn Lưu Canh Sinh từng mưu tính hãm hại cốt nhục của chúa thượng,[2] cho là đáng phải giết; sở dĩ thần lúc

---

[1] Trỏ Chu Thành vương và vua Nghiêu vậy.

[2] Trỏ việc bọn Kham từng muốn tước quyền của hai họ Sử, Hứa.

trước dâng thư nói không nên giết Kham, là vì muốn vun đắp ân huệ của quốc gia.

Chúa thượng nói:

- Như thế phải dùng tội danh gì để giết? Nay phải làm sao?

Hưng nói:

- Thần ngu muội cho rằng nên ban cho Kham tước Quan nội hầu, thực ấp ba trăm hộ, không sai nắm giữ quốc sự. Minh chúa chẳng mất cái ân tình sư phó, đấy là kế sách thích hợp nhất vậy.

Chúa thượng vì thế nghi ngờ Kham.

Tư lệ Hiệu úy Gia Cát Phong người quận Lang Nha lúc trước vì sự cương trực mà nổi danh ở triều đình, nhiều lần mạo phạm quý thích, quan chức tại vị nhiều người nói sở đoản của Phong; về sau mắc tội bắt trói xử trị phạm nhân đang lúc giao thời xuân hạ,[1] bị chuyển xuống làm Thành môn Hiệu úy. Phong vì thế dâng thư tố cáo tội của Kham, Mãnh, chúa thượng cho là Phong không chính trực, bèn ban chế chiếu cho Ngự sử rằng:

"Thành môn Hiệu úy Phong, lúc trước lúc cùng Quang lộc huân Kham, Quang lộc đại phu Mãnh ở triều đình, nhiều lần xưng tụng cái cao đẹp của Kham, Mãnh. Phong khi trước làm Tư lệ Hiệu úy, không thuận ứng mùa tiết, tự tiện sửa pháp độ, chuyên làm việc hà khắc bạo ngược để thu lấy uy hão; trẫm chẳng nỡ giao xuống cho quan lại xử trị, dùng làm Thành môn Hiệu úy. Phong chẳng tự nghĩ xét cảnh tỉnh, mà lại oán hận Kham, Mãnh để mong báo thù, cáo giác lời lẽ không có chứng cứ, rêu rao cái tội khó chứng nghiệm, phóng túng làm tổn hại danh dự của người khác, chẳng đoái hoài gì đến lời nói của mình lúc trước[2], rất không đáng tin vậy. Trẫm thương Phong già cả, không nỡ gia hình, nay cách chức làm thứ dân!"

---

[1] Phép tắc nhà Hán quy định, cấm xử trị phạm nhân vào các mùa xuân hạ, coi mùa ấy là mùa vạn vật sinh trưởng, trị tội phạm nhân vào mùa ấy là trái thiên thời.

[2] Trỏ những lời khen cái cao đẹp của Kham và Mãnh ngày trước vậy.

Lại viết:

"Phong nói rằng cái chính trực thành thật của Kham, Mãnh chẳng dựng lập nổi, trẫm có lòng thương xót nên không trị tội, lại tiếc cho cái tài năng của họ chưa có chỗ để ra sức, nay giáng chức Kham làm Thái thú Hà Đông, Mãnh làm Hòe Lý lệnh."

Thần Quang nói: Gia Cát Phong đối với Kham, Mãnh, trước khen ngợi mà sau hủy báng, thì cái chí của Phong thực không phải là vì triều đình tiến thiện trừ gian vậy, đấy là muốn a dua bè đảng cầu tiến mà thôi. Người ấy cũng chỉ là hạng như Trịnh Bằng, Dương Hưng, há phải là người cương trực đâu? Người làm vua, phải xét kỹ tốt xấu, biện rõ phải trái, thưởng để khuyến thiện, phạt để trị gian, quốc gia nhờ thế mà yên trị vậy. Nếu lời của Phong là đúng thực, thì Phong không đáng bị truất; nếu lời của Phong là vu khống, thì Kham, Mãnh có tội gì đâu? Nay trách tội cả hai mà đều vứt bỏ họ, thì tốt xấu, đúng sai dựa vào đâu mà xác quyết đây?

10. Giả Quyên Chi và Dương Hưng thân thiết với nhau. Quyên Chi nhiều lần nêu cái kém của Thạch Hiển, vì thế không được làm quan[1], ít khi được tấn kiến; Hưng mới được chúa thượng sủng ái vì có tài cán, Quyên Chi bảo Hưng rằng:

- Chức Kinh Triệu doãn khuyết, nếu như ta được tấn kiến, nói giúp Quân Lan[2], chức Kinh Triệu doãn ngài có thể lập tức lấy được.

Hưng nói:

- Quân Phòng[3] hạ bút, câu chữ tinh diệu nhất thiên hạ; nếu Quân Phòng làm Thượng thư lệnh, thì hơn Ngũ Lộc Sung Tông rất xa.

Quyên Chi nói:

---

[1] Giả Quyên Chi bấy giờ vẫn đợi chiếu bổ dụng (đãi chiếu) ở cửa Kim Mã.

[2] Dương Hưng (杨兴), tự Quân Lan (君兰).

[3] Giả Quyên Chi (贾捐之), tự Quân Phòng (君房).

- Nếu ta được thay Sung Tông, Quân Lan làm Kinh Triệu doãn, Kinh Triệu, là quận, quốc đứng đầu, Thượng thư, là gốc của trăm quan, thiên hạ thực sự đại trị, tiền đồ của sĩ tử không bị cách trở nữa rồi!

Quyên Chi lại nêu cái sở đoản của Thạch Hiển, Hưng nói:

- Hiển đang được quý sủng, chúa thượng tin dùng ông ta; nay muốn tiến thân, hãy theo kế của ta, tạm thời nêu việc hợp ý hoàng thượng, sẽ được vào nhận chức ngay thôi!

Quyên Chi lập tức cùng Hưng chung soạn tấu chương tiến cử Hiển, xưng tụng cái cao đẹp của hắn, cho là nên ban tước Quan nội hầu, tiến dẫn anh em hắn làm Chư tào; lại chung viết tấu chương tiến cử Hưng, cho là nên dùng thử làm Kinh Triệu doãn. Thạch Hiển nghe biết mưu ấy, bẩm lên chúa thượng, chúa thượng bèn cho bắt Hưng và Quyên Chi tống ngục, lệnh sai Hiển xử trị hai người. Hiển tấu:

- Hưng và Quyên Chi mang lòng trá ngụy, khẹn ngợi tiến cử lẫn nhau, mong được địa vị lớn, lừa vua, đại nghịch bất đạo!

Quyên Chi rút cục bị chém vứt xác ngoài chợ; Hưng bị xử phạt cắt tóc đeo gông làm lao dịch đi đắp thành.

Thần Quang nói: Người quân tử dùng chính đánh tà, vẫn sợ là chẳng thắng nổi, huống chi Quyên Chi lại dùng tà đánh tà, làm thế có thể thoát được sao?

11. Đế chuyển Thanh Hà vương Lưu Cánh làm Trung Sơn vương.

12. Dân chúng của Thiền vu Hô Hàn Gia của Hung Nô ngày càng đông, cầm thú ở biên cảnh tuyệt hết, Thiền vu đã đủ sức để tự vệ, không sợ Chất Chi, đại thần của Thiền vu đa phần khuyên Thiền vu quay về phương bắc.[1] Rất lâu sau, Thiền vu quyết định lên bắc quay về Vương đình, dân chúng dần dần quay lại quy phục, nước của Thiền vu vì thế ổn định.

---

[1] Vì cầm thú hết, không săn bắn được, không sợ Chất Chi, thì có thể về phương bắc.

Năm Vĩnh Quang thứ hai (Kỷ Mão – TCN 42)

1. Mùa xuân, tháng hai, đại xá thiên hạ.

2. Ngày Đinh Dậu, lấy Ngự sử đại phu Vi Huyền Thành làm Thừa tướng; lấy Hữu phù phong Trịnh Hoằng làm Ngự sử đại phu.

3. Tháng ba, ngày Nhâm Tuất là ngày sóc, có nhật thực.

4. Mùa hạ, tháng sáu, đại xá thiên hạ.

5. Chúa thượng hỏi Cấp sự trung Khuông Hành về duyên cớ tai biến đất động và nhật thực, Hành dâng sớ nói:

"Bệ hạ tự thân thi hành thánh đức, mở lối thái bình, xót thương quan dân ngu muội lầm phạm phép cấm, liền năm đại xá, khiến bách tính được sửa hành vi tự đổi mới mình, thiên hạ may lắm! Nhưng thần trộm thấy sau khi đại xá, kẻ gian tà chẳng vì thế suy giảm, hôm nay đại xá, hôm sau phạm pháp, theo nhau vào nhà ngục, như thế e là việc chỉ dẫn dạy dỗ bọn họ còn chưa đúng cách vậy.

Thói tục của thiên hạ hiện nay, tham tài rẻ nghĩa, thích thanh sắc, chuộng xa xỉ, cái ân thân thích nhạt, quan hệ hôn nhân hậu, cẩu thả kết hợp cầu may, đem tình thân mưu lợi; nếu không thay đổi được cái gốc của việc ấy, dẫu hàng năm đại xá, vẫn khó thực hiện cái việc bày hình pháp mà chẳng phải dùng vậy. Thần ngu muội cho rằng, nên một lần rộng rãi sửa đổi để cải biến thói tục. Chúa thượng, là cây cột chống của thiên hạ vậy. Chúa thượng có lời giận dữ biến sắc, thì quần hạ nảy cái họa tranh đấu; trên có quan lại chuyên quyền, thì người dưới có chuyện không nhường; trên có việc giúp nhau đè lấn người, thì ở dưới nảy việc hại người khác; trên còn có tôi thần tham lợi, thì ở dưới có dân chúng trộm cắp; đấy là cái gốc phải sửa đổi vậy. Trị lý thiên hạ, chỉ xét kỹ các việc trên mà thôi.

Việc tuyên truyền giáo hóa, không phải là đến từng nhà gặp từng người khuyên dạy; mà cốt ở người hiền tại vị, có tài tận chức, xem trọng lễ tiết của triều đình, trăm quan kính nhường, hành vi đạo đức,

từ trong lan tới bên ngoài, bắt đầu từ người ở gần bên cạnh, rồi sau dân mới biết mà bắt chước, điều thiện ngày một tiến xa mà chẳng tự biết vậy. Kinh Thi nói: 'Thương ấp dực dực, tứ phương chi cực.'[1] *Nay Trường An, là kinh đô của Thiên tử, chúa thượng đích thân truyền giáo hóa của thánh hiền, nhưng tập tục ở Trường An không khác với phương xa, người từ các quận, quốc đến không có gì để bắt chước, có người thấy sự xa xỉ mà bắt chước theo; đấy là cái gốc để thi hành giáo hóa, cái mấu chốt để chuyển biến phong tục, cần phải chỉnh đốn trước nhất vậy.*

Thần nghe nói giữa trời và người, tinh khí âm dương cảm ứng lẫn nhau, cái tốt cái xấu thúc đẩy lẫn nhau, việc nảy sinh ở dưới thì điềm tượng báo ở trên, âm biến đổi thì tĩnh chuyển thành động, dương bị lấp thì ánh sáng mịt mờ,[2] *tai họa thủy hạn theo điềm báo mà kéo đến. Bệ hạ kính sợ điềm răn bảo của trời, xót thương lê dân, nên trừ bớt xa xỉ, khảo xét chế độ, thân gần người trung chính, xa lánh kẻ gian nịnh, để xem trọng điều chí nhân, nắn sửa tập tục lỗi, đức cao thượng phát dương tại kinh sư, tiếng tốt truyền bá ra phương ngoài, rồi sau giáo hóa lớn có thể thành, lễ khiêm nhường có thể hưng khởi vậy."*

Chúa thượng khen ngợi lời ấy, thăng Hành làm Quang lộc đại phu.

Tuân Duyệt luận rằng: Ôi, đại xá, là việc làm quyền nghi nhất thời, không phải là điển phạm thông thường vậy. Nhà Hán hưng, kế thừa sau nạn binh đao của nhà Tần, người đời mông muội, mỗi nóc nhà đều có thể vấn tội, vậy nên đặt ra "ước pháp tam chương"[3]*, ban lệnh đại xá, rửa sạch tàn uế, cho dân chúng được hối cải và đổi mới, là thời thế phải như thế vậy. Người sau kế thừa tổ nghiệp, noi theo mà không cải cách, là hỏng mất cái ý nghĩa của việc quyền nghi nhất thời*

---

[1] Câu trong *Kinh Thi*, bài *Thương tụng*. Tạm dịch: Đô ấp nhà Thương hoàn chỉnh, là khuôn mẫu khắp bốn phương.

[2] Ý nói đến các điềm báo động đất và nhật thực. Tĩnh chuyển thành động, là động đất vậy; ánh sáng mịt mờ là chỉ nhật thực vậy.

[3] Xem Hán kỷ, quyển thứ nhất, sự kiện năm thứ nhất, đời Hán Cao tổ.

rồi. Kìa như ở đời Huệ đế, Văn đế, không hề có việc đại xá. Như ở đời Hiếu Cảnh, thất quốc đều loạn, người có dị tâm cùng nổi dậy, kẻ gian trá không chỉ một người. Cho đến năm cuối đời Vũ đế, thuế khóa trầm trọng, dao dịch liên miên, quần đạo cùng nổi dậy, lại thêm việc của Thái tử, cái họa "vu cổ", thiên hạ nhiễu nhương, bách tính sầu thảm. Cho đến thời Quang Vũ đế, sau khi bình dẹp loạn lạc, so ra thời thế cũng như vậy[1], việc đại xá mới là thích đáng thôi.

6. Mùa thu, tháng bảy, chủng tộc Sam Tử người Khương ở quận Lũng Tây làm phản, Đế hạ chiếu triệu bọn Thừa tướng Vi Huyền Thành vào nghị bàn. Bấy giờ, mấy năm không được mùa, triều đình đang vì thế lo lắng, lại gặp cái biến người Khương phản loạn, bọn Huyền Thành im thít, chẳng ai có đối sách gì. Hữu tướng quân Phùng Phụng Thế nói:

- Rợ Khương gần đây nổi loạn trong cõi, chẳng kịp thời đánh diệt thì không lấy gì để ra uy khống chế người Man ở phương xa, thần tình nguyện thống suất binh sư thảo phạt chúng!

Chúa thượng hỏi số binh cần dùng, Phụng Thế thưa rằng:

- Thần nghe nói người khéo dụng binh, thú dịch không phải hai lần hưng, lương thảo không phải ba lần vận, thế nên quân lính không bị phơi sương lâu ở ngoài mà việc đánh giết giải quyết gấp. Ngày trước nhiều lần không tính liệu được địch, nên dẫn đến việc binh sư bị bẽ gãy, phải ba lần điều phát, phí ngày tháng tốn tiền của, uy vũ sứt mẻ. Nay giặc rợ phản loạn đại để chẳng quá ba vạn người, theo binh phép nên xuất binh gấp đôi, dùng sáu vạn người. Nhưng binh đội người Khương, lấy cung mác làm binh khí thôi, vũ khí không bền sắc, nên dùng bốn vạn người. Một tháng là đủ để giải quyết.

Thừa tướng, Ngự sử và hai vị tướng quân[2] đều cho rằng:

---

[1] Tức là so về thời thế lúc Quang Vũ đế Lưu Tú sau khi bình dẹp loạn lạc trung hưng nhà Hán, cũng giống như sau những lúc xảy ra loạn lạc vậy.

[2] Chỉ Xa kỵ tướng quân Vương Tiếp và Tả tướng quân Hứa Gia vậy.

- Dân đang vụ thu hoạch chưa nên phát binh nhiều; chỉ điều phát vạn người đóng đồn thủ giữ, là tạm đủ.

Phụng Thế nói:

- Không nên. Thiên hạ bị mất mùa đói kém, binh mã suy hao, việc phòng bị và đánh giữ cũng đã trễ nải lâu ngày, lũ Di Địch đều có lòng khinh thường quan lại ở biên ải, nên người Khương mới cầm đầu gây nạn. Nay dùng vạn người chia nhau đồn trú ở nhiều chỗ, giặc rợ thấy binh ta ít, tất không sợ hãi; đánh thì binh bị bẻ gãy bại trận, giữ thì bách tính chẳng được cứu, như thế, cái hình thế khiếp nhược hiện ra. Người Khương thừa thế có lợi, các chủng tộc nhất tề hô ứng, khua động nhau mà nổi dậy, thần lo việc thú dịch của Trung Quốc chẳng chỉ dừng ở bốn vạn, đấy không phải là việc mà tiền của có thể giải quyết được vậy. Cho nên phát binh ít thì hao phí tháng ngày lại vô công, so với việc một lần cử sự mà tốc chiến tốc quyết, cái lợi cái hại khác nhau gấp vạn lần vậy.

Phụng Thế cố tranh cãi, không được nghe theo. Đế hạ chiếu, thêm thành hai vạn người. Thế rồi phái Phụng Thế thống lĩnh một vạn hai nghìn quân kỵ, lấy danh nghĩa phát binh làm đồn điền, Điển thuộc quốc Nhâm Lập, Hộ quân đô úy Hàn Xương làm Thiên tì, đến Lũng Tây, chia ra đóng đồn ở ba nơi.[1] Xương phái hai vị Hiệu úy đi trước cùng người Khương giao chiến, bộ chúng người Khương rất đông, đều phá được bọn họ, giết hai vị Hiệu úy. Phùng Phụng Thế tính địa hình và bộ chúng nhiều ít thế nào trình báo hết lên, xin được cấp thêm ba vạn sáu nghìn người, mới đủ để quyết việc. Thư tấu lên, Thiên tử đại phát binh lực hơn sáu vạn người.

Tháng tám, bái Thái thường Dặc Dương hầu Nhậm Thiên Thu làm Phấn vũ tướng quân để trợ giúp Phụng Thế.

---

[1] Theo *Hán thư*: Nhâm Lập làm Hữu quân, đóng trại ở Bạch Thạch; Hàn Xương làm Tiền quân, đóng trạo ở Lâm Thao; Phùng Phụng Thế làm Trung quân.

Mùa đông, tháng mười, hết thảy binh mã đến Lũng Tây, tháng mười một, nhất tề tiến lên, đại phá rợ Khương, chém mấy nghìn thủ cấp, số giặc còn lại đều chạy ra biên hiểm. Trong lúc việc binh chưa quyết thắng bại, Hán triều lại mộ phát một vạn quân sĩ, bái Thái thú Định Tương là Hàn An Quốc làm Kiến uy tướng quân, chưa kịp tiến, nghe nói rợ Khương đã phá được liền quay về. Đế hạ chiếu giải tán quan quân, lưu lại một phần đóng đồn làm ruộng, phòng bị các chỗ yếu hại.

---ॐ---

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ HAI MƯƠI MỐT]

HIẾU NGUYÊN HOÀNG ĐẾ

Năm Vĩnh Quang thứ ba (Canh Thìn – TCN 41)

1. Mùa xuân, tháng hai, Phùng Phụng Thế quay về kinh sư, được đổi làm Tả tướng quân, ban tước Quan nội hầu.

2. Tháng ba, lập Hoàng tử Lưu Khang làm Tế Dương vương.

3. Mùa hạ, tháng tư, Bình Xương Khảo hầu Vương Tiếp hoăng. Mùa thu, tháng bảy, ngày Nhâm Tuất, lấy Bình Ân hầu Hứa Gia làm Đại tư mã, Xa kỵ tướng quân.

4. Mùa đông, tháng mười một, ngày Kỷ Sửu, có động đất, trời mưa to.

5. Khôi phục chức Diêm thiết quan; quy định số Bác sĩ đệ tử là một nghìn người.[1] Vì phí dụng chẳng đủ dùng, trong dân nhiều người được miễn thuế khóa, đấy là lý do khiến triều đình không có cách gì để cung ứng việc dao dịch trong ngoài.

Năm Vĩnh Quang thứ tư (Tân Tỵ – TCN 40)

1. Mùa xuân, tháng hai, đại xá thiên hạ.

---

[1] Năm Sơ Nguyên thứ năm, bãi bỏ chức quan Diêm thiết, không hạn chế số lượng Bác sĩ đệ tử. Nay đặt lại chức quan Diêm thiết, định ra số lượng Bác sĩ đệ tử.

2. Tháng ba, chúa thượng tuần hành đến đất Ung, cúng tế ở Ngũ Chỉ.

3. Mùa hạ, tháng sáu, ngày Giáp Tuất, cửa khuyết phía đông vườn lăng của Hiếu Tuyên đế bị hỏa tai.

4. Ngày Mậu Dần là ngày hối, có nhật thực. Chúa thượng liền triệu những người lúc trước nói việc tai biến nhật thực là bởi bọn Chu Kham, Trương Mãnh đến căn vặn, bọn họ đều rập đầu tạ lỗi; chúa thượng nhân đó hạ chiếu khen ngợi sự cao đẹp của Kham, Mãnh, trưng triệu họ đến dinh sở tại, bái Kham làm Quang lộc đại phu, phẩm trật Trung nhị thiên thạch, kiêm quản việc Thượng thư; Mãnh được phục chức Thái trung đại phu, Cấp sự trung. Trung thư lệnh Thạch Hiển quản việc Thượng thư, phủ Thượng thư có năm người đều là bè đảng của Hiển; Kham ít khi được tấn kiến, thường thông qua Hiển bẩm việc, quyết việc là từ miệng Hiển. Đúng lúc Kham mắc bệnh câm, không nói được mà chết. Hiển vu hãm Trương Mãnh, khiến Mãnh phải tự sát ở quan thự của Công xa.

5. Khi trước, Cống Vũ tấu nói:

- Miếu của Hiếu Cảnh, Hiếu Huệ đều vì tình thân đã tận, nên hủy bỏ, các quận, quốc đặt miếu thờ không hợp với lễ chế xưa, nên cải chính.

Thiên tử cho là lời bàn đúng. Mùa thu, tháng bảy, ngày Mậu Tý, bãi bỏ không tế tự ở lăng tẩm của Chiêu Linh hậu, Vũ Ai vương, Chiêu Ai hậu, Vệ Tư hậu, Lệ thái tử, Lệ hậu,[1] chỉ đặt quan binh giữ mộ. Mùa đông, tháng mười, ngày Ất Sửu, bãi bỏ các miếu tế tổ tông tại các quận, quốc.

6. Đế hạ chiếu: Chia các lăng tẩm thành khu riêng thuộc vào địa giới vùng Tam phụ. Lấy chỗ đất cao bằng phẳng ở Thọ Lăng

[1] Chiêu Linh hậu (mẹ của Cao tổ), Vũ Ai vương (anh Cao tổ), Chiêu Au hậu (chị gái của Cao tổ), Vệ Tư hậu (mẹ của Lệ thái tử), Lệ Thái tử (Lưu Cứ, con của Hán Vũ đế), Lệ hậu (Sử Lương đệ, vợ của Lệ thái tử).

Đình Bộ thuộc Vị Thành đặt làm Sơ lăng,[1] hạ chiếu không đặt chỗ đó thành huyện ấp và dời dân các quận, quốc đến đấy.

Năm Vĩnh Quang thứ năm (Nhâm Ngọ – TCN 39)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành đến cung Cam Tuyền, tế giao ở đàn Thái Chỉ. Tháng ba, xa giá đến quận Hà Đông, cúng tế Hậu thổ.

2. Mùa thu, quận Dĩnh Xuyên bị thủy tai, nước ngập hại chết dân chúng.

3. Mùa đông, chúa thượng đến Xạ Hùng quán ở cung Trường Dương, du ngoạn săn bắn.

4. Tháng mười hai, ngày Ất Dậu, dỡ bỏ vườn lăng của miếu Thái thượng hoàng và Hiếu Huệ hoàng đế, là theo kiến nghị của bọn Vi Huyền Thành vậy.

5. Chúa thượng thích Nho thuật, câu từ văn chương, pháp lệnh của Tuyên đế đa phần cải biến; những người đàm luận về chính sự mỗi khi tiến kiến, người người đều cho là mình xứng ý chúa thượng. Lại nữa, Phó Chiêu nghi và con là Tế Dương vương Lưu Khang được sủng hạnh, vượt quá cả Hoàng hậu và Thái tử. Thái tử Thiếu phó Khuông Hành dâng sớ nói:

"Thần nghe nói với việc trị loạn thì cái mấu chốt của yên nguy, là ở chỗ dụng tâm thận trọng. Đại để quân vương thụ mệnh, cốt ở việc khai sáng đại nghiệp, lập thể chế, mong cơ nghiệp được tiếp nối, truyền đến vô cùng; quân vương kế nối, tâm tư ở chỗ vâng nhận và phát dương đức nghiệp, ngợi ca công lớn của tiên vương.

Xưa kia Thành vương kế ngôi vị, nghĩ nhớ muốn noi theo cái đạo của Văn, Vũ để tu tâm dưỡng tính, hết thảy những thứ cao đẹp đều quy cho hai vị ấy, mà chẳng dám tự mình độc chiếm công danh, vì thế thượng thiên hưởng tế phẩm, quỷ thần giúp đỡ chở che. Thánh đức

[1] Lập lăng, chưa đặt tên, gọi là Sơ lăng.

của Bệ hạ che trùm, nhân ái ban khắp hải nội, nhưng âm dương chưa hòa hợp, gian tà chưa cấm được, e rằng nguyên nhân ở chỗ kẻ nghị bàn chưa phát dương được công lớn của tiên đế, chỉ tranh nhau nói về các chế độ chẳng nên dùng, nhất định muốn sửa đổi, nhưng sau khi sửa đổi có khi chẳng thể thi hành được, lại muốn khôi phục như cũ, vì thế quần hạ tranh cãi phải trái, quan dân không biết tin vào đâu. Thần trộm thấy thống hận vì quốc gia phế trừ cái cơ nghiệp đã thành lại hư hão vì các việc rối loạn như thế vậy! Mong Bệ hạ xét kỹ việc kế thống đại nghiệp, lưu tâm noi theo chế độ và phát dương công nghiệp của tiên đế, để yên định tâm tư của trăm quan.

Thiên Đại nhã trong Kinh Thi viết: 'Vô niệm nhĩ tổ, duật tu quyết đức',[1] đại để là nói đến cái gốc của chí đức vậy. Truyện nói: 'Thẩm hảo ác, lý tình tính, nhi Vương đạo tất hĩ.[2]' Cái đạo lý của việc sửa tâm tính, tất phải thẩm xét rõ được cái chỗ sở trường của mình lại nỗ lực bù bổ cái chỗ mình khiếm khuyết, đại khái người thông minh thấu đạt thì phòng tránh việc xét nét nghiệt ngã, người ít kiến văn thiếu kiến thức thì phòng tránh việc bế tắc bất thông, người dũng mãnh cương cường thì phòng tránh việc tàn ngược khốc bạo, người nhân ái ôn hòa thì phòng tránh việc không quyết đoán, người trầm tĩnh chậm rãi thì phòng tránh việc để lỡ thời cơ, người rộng lòng khoáng đạt thì phòng tránh việc sao nhãng quên sót. Nhất định phải tự xét kỹ những thứ mình cần phòng tránh mà dùng đại nghĩa để làm cho tề chỉnh, rồi sau mới thực hiện giáo hóa khiến muôn sự hài hòa, khiến bè lũ gian nịnh xảo trá không dám a dua kết đảng cầu mong thăng tiến. Xin Bệ hạ xét kỹ những thứ mình nên phòng tránh, đấy là cách hay để coi trọng thánh đức vậy.

Thần lại nghe nói nếu sáng suốt đạo trị nhà, thì thấu hiểu được đạo trị quốc, cho nên Kinh Thi bắt đầu từ phần Quốc phong, Lễ ký lấy gốc từ Quan nghĩa và Hôn nghĩa. Kinh Thi bắt đầu từ Quốc phong,

---

[1] Đây là câu trích từ bài *Văn vương*. Tạm dịch: "Đừng quên giáo huấn tổ tông, hãy rèn đức hạnh của mình mà thôi."

[2] Xét kỹ sự yêu ghét, khiến tính tình được sửa đổi, thì vương đạo trọn vẹn rồi.

là truy đến cái gốc của bản tính con người để sáng đạo nhân luân vậy; Lễ ký lấy gốc từ Quan nghĩa và Hôn nghĩa, là ổn định gốc rễ để phòng họa từ lúc chưa thành hình vậy; cho nên bậc thánh vương hết sức thận trọng với quan hệ giữa phi tần và Hoàng hậu, phân biệt địa vị của đích thứ, lễ nghi nghiêm túc từ trong nhà vậy. Kẻ ti tiện không vượt phận người tôn quý, người mới đến không bố trí trước người cũ, như thế mới phù hợp nhân tình mà thuận âm khí vậy; đích tử là tôn quý mà thứ tử là ti tiện, khi đích tử cử hành lễ gia quan, được đứng ở bậc thềm chủ nhân, lễ mừng dùng rượu ngọt, những người con khác không được dùng nghi thức ngang hàng, là để tôn trọng chính thể mà tỏ rõ rằng địa vị người được lập không có gì phải hiềm nghi vậy. Cái lễ ấy không phải là hư hão biểu hiện ra ngoài mà thôi, mà bên trong thể hiện việc đối đãi với con đích khác biệt hẳn với những người con khác, thế nên lễ nghi dùng để biểu tỏ cái tình cảm ở trong lòng, mà thể hiện ra bên ngoài bằng hành động vậy.

Động tĩnh của thánh nhân, dù đi du ngoạn hay vui yến nhạc, tiếp xúc với sự vật, bất kể lớn nhỏ quý tiện, mọi thứ đều theo thứ tự nhất định, như thế thì thiên hạ tự nhiên được nắn sửa, bách tính theo giáo hóa. Nếu như người đáng thân gần bị xa lánh, người đáng tôn kính bị khinh thường, thì lũ gian nịnh thừa cơ hành động, làm loạn quốc gia. Cho nên thánh nhân thận trọng đề phòng các việc ấy nảy sinh, ngăn cấm từ lúc họa chưa thành hình, chẳng vì ân riêng để hại đến nghĩa công vậy. Truyện nói: 'Chính gia nhi thiên hạ định hĩ!'[1]"

6. Khi trước, sau khi Vũ đế lấp chỗ vỡ ở sông Hoàng Hà, đắp cung Tuyên Phòng,[2] về sau sông lại vỡ ở hướng bắc tại Quán Đào, phân thành sông Đồn Thị, nước chảy theo hướng đông bắc đổ vào biển, sâu rộng sánh ngang với Hoàng Hà, vì thế liền để cho sông ấy chảy tự nhiên, không lấp chỗ vỡ nữa. Năm ấy, sông Hoàng Hà vỡ tại cửa Minh Độc thuộc huyện Linh quận Thanh Hà, sông Đồn Thị vì thế khô cạn.

---

[1] Trị nhà được đoan chính thì thiên hạ an định rồi!

[2] Xem việc này ở Hán kỷ, quyển mười ba, sự kiện năm Nguyên Phong thứ hai.

Năm Kiến Chiêu nguyên niên (Quý Mùi – TCN 38)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Mậu Thìn, đá trời rơi ở địa phận nước Lương.

2. Tháng ba, chúa thượng tuần hành đất Ung, cúng tế ở Ngũ Chỉ.

3. Mùa đông, Hà Gian vương Lưu Nguyên bị cáo mách tội tàn sát người vô tội, bị chuyển đến Phòng Lăng.

4. Bãi bỏ việc cúng tế ở lăng tẩm Thái hậu của Hiếu Văn.[1]

5. Chúa thượng đến chuồng cọp xem đấu dã thú, người của hậu cung cùng ngồi bồi tiếp; có con gấu sổng chuồng, vin bám lan can muốn xông lên điện, tả hữu, quý nhân và bọn Phó Tiệp dư đều kinh sợ bỏ chạy; Phùng Tiệp dư tiến thẳng lên trước, đứng đối mặt với gấu. Tả hữu đánh giết con gấu. Chúa thượng hỏi Phùng Tiệp dư:

- Người người kinh sợ, cớ sao ngươi tiến lên đối mặt với gấu?

Tiệp dư đáp:

- Mãnh thú chỉ vồ một người rồi thôi; thiếp sợ gấu phạm đến chỗ Bệ hạ ngự, cho nên đem thân ngăn cản nó.

Đế than thở, kính trọng Phùng Tiệp dư gấp bội. Phó Tiệp dư thẹn, từ đấy với Phùng Tiệp dư thành hiềm khích.

Phùng Tiệp dư, là con gái của Tả tướng quân Phùng Phụng Thế vậy.

Năm Kiến Chiêu thứ hai (Giáp Thân – TCN 37)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành cung Cam Tuyền, tế giao ở Thái Chỉ. Tháng ba, xa giá đến quận Hà Đông, cúng tế Hậu thổ.

---

[1] Tức Bạc thái hậu, mẹ của Hiếu Văn đế Lưu Hằng.

2. Mùa hạ, tháng tư, đại xá thiên hạ.

3. Tháng sáu, lập Hoàng tử Lưu Hưng làm Tín Đô vương.

4. Người Đông Quận là Kinh Phòng theo học *Kinh Dịch* ở chỗ Tiêu Diên Thọ người nước Lương. Diên Thọ thường nói:

- Học được cái đạo của ta mà mất mạng, là Kinh sinh vậy.

Học thuyết của Diên Thọ giỏi về việc xét tai biến, phân sáu mươi quẻ hợp với việc từng ngày, lấy các hiện tượng gió, mưa, nóng, lạnh để xét, đều bói đoán chứng nghiệm. Phòng vận dụng học thuyết ấy rất tinh thông, lúc xét cử Hiếu liêm được bổ dụng làm quan Lang, khi dâng sớ thường nói các tai họa dị thường, đúng nghiệm. Thiên tử rất vui về việc ấy, mấy lần triệu kiến hỏi việc. Phòng thưa rằng:

- Đế vương thời xưa dựa vào công tích tuyển cử người hiền, vì thế muôn việc đều thành, điềm lành theo đó xuất hiện; thời mạt thế dựa vào sự chê mỉa tán tụng mà chọn lựa nhân tài, nên công nghiệp hủ bại mà tai vại dị thường kéo đến. Nên lệnh cho trăm quan đều phải khảo xét công nghiệp và chính tích, tai vạ dị thường mới có thể dừng được.

Đế hạ chiếu sai Phòng chủ trì việc ấy, Phòng dâng tấu trình bày phép khảo xét công nghiệp và chính tích của quan lại. Chúa thượng lệnh sai công khanh triều thần cùng Phòng hội bàn tại điện Ôn Thất, mọi người đều cho rằng phương pháp của Phòng phiền toái, khiến trên dưới phải giám sát lẫn nhau, không nên nghe theo; ý của chúa thượng ngả theo Phòng. Bấy giờ Thứ sử các châu bộ tấu việc lên kinh sư, chúa thượng triệu kiến các Thứ sử, lệnh sai Phòng đem việc khảo xét báo rõ với họ; các Thứ sử lại cho rằng không nên thi hành. Duy có Ngự sử đại phu Trịnh Hoằng, Quang lộc đại phu Chu Kham ban đầu nói không nên, sau lại khen việc đó.

Thời ấy, Trung thư lệnh Thạch Hiển chuyên quyền, người bạn của Hiển là Ngũ Lộc Sung Tông làm Thượng thư lệnh, hai

người nắm các việc. Phòng từng gặp chúa thượng lúc nhàn rỗi, hỏi chúa thượng rằng:

- Hai vị vua U, Lệ vì sao nguy vong? Những người mà họ nhậm dụng là thế nào?

Chúa thượng nói:

- Là vì quân vương không sáng suốt, người mà họ nhậm dụng thì xảo trá gian nịnh.

Phòng hỏi:

- Biết rõ cái gian nịnh của những người ấy nhưng vẫn dùng bọn gian, là vì cho rằng bọn họ hiền năng nên dùng họ chăng?

Chúa thượng nói:

- Là vì cho rằng họ hiền năng nên nhậm dụng.

Phòng hỏi:

- Vậy thì hiện nay lấy gì để biết được cái bất hiền của họ?

Đế nói:

- Vì thời ấy loạn mà quân vương ở hiểm cảnh nên biết được.

Phòng hỏi:

- Như lời ấy, dùng người hiền tất yên trị, dùng người bất hiền tất hỗn loạn, là đạo lý tất nhiên vậy. Vì sao hai vua U, Lệ không ngộ ra mà đổi dùng người hiền, vì sao rút cục lại nhậm dụng kẻ bất hiền để đến nỗi như thế?

Chúa thượng nói:

- Quân vương thời loạn, đều cho rằng bầy tôi của mình hiền; nếu họ ngộ ra được, thiên hạ làm gì có quân vương nguy vong?

Phòng nói:

- Tề Hoàn công, Tần Nhị thế cũng từng nghe nói việc của hai vua U, Lệ mà chê cười họ; như vậy thì việc dùng Thụ Điêu và Triệu Cao,[1] chính trị ngày càng loạn, đạo tặc đầy núi, họ há

[1] Việc Tề Hoàn công dùng Thụ Điêu, xem lại chú thích ở Hán kỷ, quyển 10, sự kiện năm Nguyên Quang thứ năm thời Hán Vũ đế. Việc về Triệu Cao, xem lại Tần kỷ.

chẳng đem việc của hai vua U, Lệ để chiêm nghiệm mà giác ngộ sao?

Chúa thượng nói:

- Chỉ người hiểu đạo lý mới có thể dựa việc quá khứ đoán biết được tương lai thôi.

Phòng liền cởi mũ rập đầu nói:

- *Kinh Xuân Thu* ghi chép những tai vạ dị thường trong vòng hai trăm bốn mươi hai năm,[1] là để các quân vương vạn đời sau soi xét. Từ khi Bệ hạ tức vị đến nay, nhật nguyệt lỗi sáng, tinh tú nghịch vận, núi lở suối trào, đất rung đá rơi, mùa hạ giáng sương, mùa đông sấm sét, mùa xuân hoa tàn, mua thu cây tốt, sau khi sương rơi cỏ cây không héo rạc, rồi thủy tai, hạn hán, sâu bệnh, người dân đói rét, ôn dịch lan truyền, đạo tặc chẳng cấm nổi, người chịu hình đầy ngõ chợ, tai vạ dị thường mà *Kinh Xuân Thu* ghi chép đầy đủ cả. Bệ hạ xét thời thế hiện nay, là trị hay là loạn đây?

Chúa thượng nói:

- Cũng loạn lạc cực điểm rồi! Còn phải hỏi ư?

Phòng hỏi:

- Nay những người mà Bệ hạ nhậm dụng là ai?

Chúa thượng nói:

- Thế nhưng tai vạ dị thường và việc triều chính hiện nay, may mắn hơn so với thời trước, vả lại ta cho rằng không can hệ gì đến những người được nhậm dụng.

Phòng nói:

- Quân vương thời trước cũng đều cho là như thế đấy. Thần e rằng người đời sau soi xét việc hôm nay, cũng như hiện nay ta soi xét việc thời trước vậy!

---

[1] Kinh Xuân Thu chép việc từ Lỗ Ẩn công đến hết thời Lỗ Ai công, gồm 240 năm.

Chúa thượng im lặng hồi lâu mới hỏi:

- Nay quốc gia nhiễu loạn là do người nào?

Phòng nói:

- Minh chúa nên tự biết người đó.

Chúa thượng nói:

- Ta không biết vậy; nếu biết, ta còn dùng người đó làm chi!

Phòng nói:

- Người được chúa thượng tín nhiệm nhất, cùng mưu bàn việc trong màn trướng, nắm quyền tiến dụng hay truất bãi kẻ sĩ thiên hạ là người ấy đấy.

Chủ ý của Kinh Phòng là nói Thạch Hiển, chúa thượng cũng biết ý ấy, bảo Phòng rằng:

- Ta hiểu ý rồi.

Phòng lui ra, về sau chúa thượng cũng chẳng thể gạt bỏ được Hiển vậy.

Thần Quang nói: Cái đức của bậc nhân chủ không sáng, thì tôi thần dẫu muốn dốc kiệt lòng trung, há dễ tiếp nhận mà theo được sao! Xem việc Kinh Phòng dẫn dụ Nguyên đế, có thể nói là minh bạch rõ ràng về đạo lý đến hết mức rồi, nhưng rút cục chẳng thể khiến Nguyên đế giác ngộ, đáng thương thay! Kinh Thi có câu: "Phỉ diện mệnh chi, ngôn đề kỳ nhĩ. Phỉ thủ huề chi, ngôn kỳ chi sự."[1] *Lại có câu: "Hối nhĩ truân truân, thính ngã miểu miểu."*[2] *Là nói về người như Hiếu Nguyên rồi!*

5. Chúa thượng lệnh sai Phòng trình lên những đệ tử thông hiểu việc khảo xét chính tích và năng lực của quan lại, muốn dùng thử bọn họ. Phòng dâng tấu rằng:

---

[1] Tạm dịch: Không chỉ đối mặt giáo huấn, còn hướng vào tai căn dặn. Không chỉ giơ tay nâng đỡ, còn nói rõ việc phải làm.

[2] Tạm dịch: Dặn đi rồi dặn lại, người nghe chẳng để lòng.

"Trung lang Nhâm Lương, Diêu Bình là người hiền, mong Bệ hạ nhậm dụng họ làm Thứ sử, sai thử thi hành phương cách khảo xét chính tích của quan lại; thần xin làm 'thông tịch'[1] ở trong điện, làm người chuyển tấu, để đề phòng tấu sớ bị che lấp."

Thạch Hiển và Ngũ Lộc Sung Tông đều ghét hận Phòng, muốn Phòng xa lìa chúa thượng, bèn kiến nghị nên dùng Phòng làm Quận thú. Đế vì thế dùng Phòng làm Thái thú Ngụy Quận, cho được dùng phép khảo xét chính tích trị lý quận.

Phòng tự thỉnh xin: "Hết năm, xin được ngồi xe trạm dịch về tấu báo việc." Thiên tử đồng ý. Phòng tự biết vì mình nhiều lần nghị luận về lỗi của đại thần, với bọn Hiển thành hiềm khích, không muốn rời bỏ địa vị tả hữu, bèn dâng thư dán kín nói:

"Sau khi thần rời kinh, lo sợ bị đại thần nắm việc ngầm hại, thân chết mà công chẳng thành, cho nên mong hết năm được ngồi xe trạm dịch về tấu báo việc, may được chúa thượng thương xót đồng ý. Thế rồi vào ngày Tân Tỵ, theo quẻ bói thì mây ám gió loạn che trùm, vầng thái dương ảm đạm, đấy là điềm báo đại phu che khuất Thiên tử mà chúa thượng nảy ý hoài nghi vậy. Trong khoảng hai ngày Kỷ Mão, Canh Thìn, nhất định có người ngăn trở thần, khiến thần không thể ngồi xe trạm dịch về tấu báo việc."

Phòng chưa xuất phát, chúa thượng lệnh sai Dương Bình hầu Vương Phượng thừa chế hạ chiếu ngăn Phòng không được ngồi xe trạm dịch về tấu việc. Tâm ý Phòng càng sợ hãi. Mùa thu, Phòng đi đến Tân Phong, nhờ người đưa chuyển văn thư dâng lên chúa thượng một phong thư dán kín nói:

"Lúc trước, vào trung tuần tháng sáu thần nói về 'quẻ Độn' chưa ứng nghiệm, phép chiêm bốc nói: 'Người có đạo thuật mới rời đi, khí trời lạnh lẽo, nước suối vọt trào thành tai họa.' Đến tháng bảy, nước suối vọt trào. Đệ tử của thần là Diêu Bình bảo thần rằng: 'Ngài có thể

---

[1] Tông tịch (通籍), đại để là người giữ chức phận ghi chép và chuyển các tấu sớ từ quan lại lên cho nhà vua.

gọi là người hiểu rõ đạo thuật, chưa thể gọi là người tin đạo thuật vậy. Ngài nói về các tai biến dị thường, chưa từng không ứng nghiệm. Nay nước suối vọt trào, người có đạo thuật sẽ bị ruồng đuổi mà chết, còn nói gì được nữa?' Thần nói: 'Bệ hạ là người chí nhân, đãi ta rất hậu, dẫu được nói mà chết, ta vẫn muốn nói.' Bình lại nói: 'Ngài có thể gọi là hạng tiểu trung, chưa thể gọi là hạng đại trung vậy.[1] *Khi xưa thời nhà Tần, Triệu Cao chấp chính, có người tên là Chính Tiên, vì chê trách Cao mà chết, cái uy của Cao từ đấy thành, duyên do mối loạn của nhà Tần, là do Chính Tiên thúc đẩy vậy.' Nay thần được ra ngoài làm Quận thú, lấy việc khảo hạch chính tích làm trách nhiệm của mình, chỉ sợ chưa kịp dốc sức báo đáp đã chết, mong Bệ hạ không để cho lời dự báo cái vạ nước suối vọt tràn của thần chứng nghiệm, khiến thần phải chết như Chính Tiên, bị Diêu Bình cười chê."*

Phòng đến huyện Thiểm, lần nữa dâng tấu dán kín, nói:

"Lúc trước thần bẩm muốn cử Nhâm Lương phụ trách việc khảo xét chính tích quan lại, thần được lưu lại triều đình. Kẻ nghị bàn biết như thế là bản thân họ bất lợi, lại không thể ngăn cách thần với Bệ hạ, nên nói rằng 'sai đệ tử làm chẳng bằng dùng thầy.' Thần làm Thứ sử, lại được tấu việc, vì thế họ lại nói rằng 'cho làm Thứ sử, e rằng Thái thú và thần không đồng lòng, chẳng bằng dùng làm Thái thú.' Đấy là cái cách để họ ngăn cách hẳn thần với Bệ hạ vậy. Bệ hạ chẳng phản đối lời chúng lại nghe theo, đấy là lý do khiến mây ám gió loạn che trùm, mặt trời không tỏa sáng vậy. Thần rời kinh ít lâu, mặt trời ngày càng âm u, mong Bệ hạ không làm khó việc trở về của thần mà dễ nghịch ý trời! Lời nói gian tà dẫu yên được lòng người, nhưng khí trời tất biến hóa, cho nên người thì có thể lừa dối, nhưng trời thì chẳng thể lừa dối được. Mong Bệ hạ xét kỹ."

Phòng đi được hơn một tháng, rút cục bị triệu về tống giam vào nhà ngục.

---

[1] Ý rằng, vì can gián thân chết, vô ích với nước, là tiểu trung. Can gián được nghe theo, bản thân và quốc gia đều tốt đẹp, là đại trung.

Khi trước, người cậu của Hoài Dương Hiến vương là Trương Bác, xảo trá vô hạnh, nhiều lần tới chỗ Vương xin tiền, vàng, muốn giúp Vương xin về triều. Bác theo Kinh Phòng học tập, đem con gái gả cho Phòng. Phòng mỗi khi triều kiến, khi lui về thường đem các lời đối đáp với Đế nói với Bác. Bác liền nhớ kỹ các lời cơ mật mà Phòng nói, nhờ Phòng giúp Vương thảo bản tấu xin về triều, lại chép những lời cơ mật ra rồi gửi kèm bản thảo tấu chương về cho Vương, để chứng minh việc mình làm. Thạch Hiển biết việc đó, tố cáo "Phòng cùng Trương Bác thông mưu, chê mỉa phỉ báng chính sự, đổ tiếng xấu cho Thiên tử, lụy đến Vương chư hầu." Hai người đều bị bắt tống ngục, chém vứt xác ngoài chợ, vợ con bị đày ra biên ải. Trịnh Hoằng chịu liên đới vì thân thiết với Phòng, bị cách chức làm thứ dân.

6. Ngự sử trung thừa Trần Hàm rất nhiều lần chê mỉa Thạch Hiển, một thời gian sau, nhân vì thân thiện với Hòe Lý lệnh là Chu Vân, tiết lộ lời cơ mật ở trong cung, Thạch Hiển bí mật dò xét biết được, Hàm và Vân đều bị bắt tống ngục, xử phạt cắt tóc đi đắp thành.

Uy quyền của Thạch Hiển ngày càng thịnh, từ công khanh trở xuống đều sợ Hiển, co chân mà đứng. Hiển cùng Trung thư bộc xạ Lao Lương, Thiếu phủ Ngũ Lộc Sung Tông kết thành bè đảng, những người nương dựa chúng đều được đại vị vẻ vang. Trong dân có lời ca rằng:

"Là người họ Lao chăng!
Là người họ Thạch chăng!
Môn khách nhà Ngũ Lộc chăng!
Quan ấn của họ sao nặng vậy?
Dây thao của họ sao dài vậy?"[1]

[1] Dân chúng hễ thấy quan lại địa vị quý hiển thì ca lời ấy, đại khái là nói địa vị của bọn Hiển hiển hách, uy quyền rất lớn vậy.

Trong lòng Hiển tự biết mình chuyên quyền, nắm triều chính trong tay, sợ đến một ngày Thiên tử thu dùng tả hữu tai mắt rồi xa lánh mình, nên tùy thời tỏ lòng trung, giành hết tín nhiệm, để nghiệm chứng thái độ của Đế với mình. Hiển có lần được sai đến các phủ quan trưng phát vật dụng, Hiển tự bẩm trước:

- Thần sợ rằng lúc quay về đã quá muộn, cửa cung đóng, xin được truyền chiếu sai quan lại mở cửa.

Chúa thượng đồng ý. Hiển cố tình đến đêm mới trở về, xưng là có chiếu chỉ sai mở cửa cung đi vào. Sau quả nhiên có người dâng thư tố rằng: "Hiển chuyên quyền, giả truyền chiếu mở cửa cung", Thiên tử nghe nói việc đó, liền cười đem thư ấy cho Hiển xem. Hiển nhân đó khóc nói:

- Bệ hạ quá yêu tiểu thần, đem mọi việc ủy thác, quần thần chẳng ai không ghen ghét đố kỵ, muốn hãm hại thần, các việc đại loại như thế này chẳng phải chỉ một lần, chỉ mình chúa thượng thánh minh biết được lòng trung của thần. Ngu thần là người ti tiện, thực chẳng thể dùng tấm thân mọn khiến vạn người xứng tâm khoái ý, phải nhận lấy nỗi oán hận của thiên hạ; thần xin trả lại chức vụ cơ yếu, nhận việc sai dịch quét dọn hậu cung, dẫu chết không hối hận! Mong Bệ hạ thương xót, thêm một lần sủng ái, để bảo toàn mạng sống cho tiểu thần.

Thiên tử cho là lời đúng mà thương xót Hiển, nhiều lần úy lạo khuyên Hiển cố gắng, thưởng thêm rất hậu, đồ ban thưởng và quà biếu của trăm quan đến vạn vạn tiền.

Khi trước, Hiển nghe nói chúng nhân nhao nhao rầm rĩ, nói mình giết Tiền tướng quân Tiêu Vọng Chi[1], sợ học sĩ thiên hạ chê bai mình, thấy Gián nghị đại phu Cống Vũ hiểu sâu kinh sách, có tiết tháo, bèn sai người gửi ý, ngầm tự kết giao, nhân đó tiến cử Vũ lên Thiên tử, trải ngôi vị Cửu khanh, lễ nghĩa đối

[1] Việc Tiêu Vọng Chi chết, xem ở Hán kỷ, quyển hai mươi, sự kiện năm Sơ Nguyên thứ hai.

đãi rất chu đáo. Kẻ nghị bàn bấy giờ có người tán tụng Hiển, cho rằng Hiển không đố kỵ hãm hại Vọng Chi. Hiển bày tính biến trá để tự giải thoát cho mình, lấy được sự tín nhiệm của bậc nhân chủ, đại loại đều như thế cả.

Tuân Duyệt nói: Ôi, cái cách để mê hoặc bậc quân chủ của kẻ gian nịnh rất nhiều vậy, cho nên Khổng tử nói: 'Viễn nịnh nhân.[1]*' Không phải chỉ không dùng chúng mà thôi, mà phải tránh xa cách tuyệt hẳn bọn chúng, lấp kín nguồn cội của việc gian nịnh, hết sức đề phòng bọn chúng vậy. Khổng tử nói: 'Chính giả, chính dã.*[2]*' Xét ra, cái gốc của đạo trị lý, chỉ là tự mình đoan chính mà thôi. Ngay thẳng, thành thật, là chủ thể của đoan chính vậy. Cho nên với người có phẩm đức, nhất định phải thẩm hạch đức thực rồi mới trao quan vị; với người có năng lực nhất định phải thẩm hạch tài thực rồi mới trao việc làm; với người có công tất phải thẩm hạch công thực rồi mới trao thưởng; với người có tội tất phải thẩm hạch tội thực rồi mới trừng phạt; với hành vi phải thẩm hạch hành vi thực rồi mới tôn trọng; với lời nói phải thẩm hạch lời thực rồi mới tin tưởng; với khí vật phải thẩm hạch vật thực rồi mới sử dụng; với công việc tất phải thẩm hạch việc thực rồi mới thi hành. Cho nên các điều đoan chính đều tích tụ ở trên, muôn việc không hư trá ở dưới, đạo trị lý của thánh vương thời cổ, chỉ như thế mà thôi!*

7. Tháng tám, ngày Quý Hợi, Đế lấy Quang lộc huân Khuông Hành làm Ngự sử đại phu.

8. Tháng nhuận, ngày Đinh Dậu, Thái hoàng Thái hậu Thượng Quan thị băng.[3]

9. Mùa đông, tháng mười một, đất Tề, đất Sở có địa chấn, trời giáng mưa tuyết, gãy cây lớn, tốc mái nhà.

---

[1] "Hãy lánh xa kẻ nịnh." Lời Khổng tử nói với Nhan Uyên khi bàn về việc trị nước, chép trong sách Luận ngữ.

[2] "Làm chính trị, là phải đoan chính." Lời Khổng tử đáp lại Quý Khang tử khi được hỏi về chính sự, chép trong sách Luận ngữ.

[3] Đây là Thượng Quan hoàng hậu của Hán Chiêu đế vậy.

Năm Kiến Chiêu thứ ba (Ất Dậu – TCN 36)

1. Mùa hạ, tháng sáu, Phù Dương Cung hầu Vi Huyền Thành hoăng.

2. Mùa thu, tháng bảy, Đế lấy Khuông Hành làm Thừa tướng. Ngày Mậu Thìn, lấy Vệ úy Lý Diên Thọ làm Ngự sử đại phu.

3. Mùa đông, Đế sai Đô hộ Tây Vực, Kỵ đô úy Cam Diên Thọ người quận Bắc Địa, phó Hiệu úy Trần Thang người quận Sơn Dương chung sức chém Thiền vu Chất Chi ở nước Khang Cư.

Ban đầu, Thiền vu Chất Chi tự cho rằng Hung Nô là nước lớn, uy trọng danh quý, lại thừa thắng kiêu căng[1], vì không được Khang Cư vương kính lễ, nổi giận giết con gái của Khang Cư vương[2] cùng mấy trăm quý tộc và dân chúng nước Khang Cư, có người bị cắt tứ chi quẳng xuống sông Đô Lại; lại điều phát dân Khang Cư đắp thành, mỗi ngày dùng năm trăm người, qua hai năm mới hoàn thành. Lại phái sứ giả đòi các nước Hạp Tô, Đại Uyển hàng năm biếu cống, hai nước không dám không cấp nộp. Nhà Hán phái ba đoàn sứ giả đến nước Khang Cư, đòi thi thể của bọn Cốc Cát[3], Chất Chi khiến sứ giả bị khốn nhục, không chịu phụng chiếu; rồi thông qua quan Đô hộ dâng thư, nói "Ta ở nơi khốn khổ, tình nguyện quy thuận nhà Hán cường mạnh, phải con vào chầu."[4] Lời lẽ kiêu căng ngạo mạn như thế.

Thang là người thâm trầm dũng cảm, mưu tính kỹ, lắm sách lược, thích lập công, cùng Diên Thọ bàn mưu rằng:

---

[1] Chất Chi từng phá được Thiền vu Nhuận Chấn, đánh bại Thiên vu Hô Hàn Gia, lại giết Y Lợi Mục, thường đánh bại binh Ô Tôn, cho nên thừa thắng kiêu căng vậy.

[2] Khang Cư vương đem con gái gả cho Chất Chi, việc chép ở Hán kỷ, quyển 20, sự kiện năm Sơ Nguyên thứ năm.

[3] Việc Thiền vu Chất Chi giết Cốc Cát, xem lại Hán kỷ, quyển 20, sự kiện năm Sơ Nguyên thứ năm.

[4] Nói: "Phải con vào chầu", tức tỏ ý nước mình ngang hàng với nhà Hán, nếu là nước thần phục, phải đích thân đến chầu.

- Di Địch kính sợ phục tùng chủng tộc lớn, là thiên tính của họ vậy. Các nước Tây Vực vốn thuộc về Hung Nô,[1] nay uy danh Thiền vu Chất Chi lan xa, xâm lấn các nước Ô Tôn, Đại Uyển, thường giúp Khanh Cư vạch kế, muốn thu phục hai nước kia. Nếu hắn có được hai nước ấy, trong vòng mấy năm, các nước thành quách[2] ở Tây Vực nguy rồi. Vả lại người Hung Nô nhanh nhẹn mạnh tợn, thích giao chiến đánh giết, nhiều lần thủ thắng; cho họ dưỡng sức lâu, tất sẽ thành mối họa của Tây Vực. Tuy cái chỗ mà bọn họ ở rất xa, nhưng người Man Di không có thành vững, nỏ cứng để tự thủ. Nếu ta điều phát quan binh đóng đồn làm ruộng, thống lĩnh binh chúng nước Ô Tôn, đến thẳng dưới thành của Chất Chi, thì bên kia không có chỗ nào mà chạy, giữ thì chẳng đủ sức để tự bảo vệ, cái công nghìn năm có thể một sớm mà thành vậy!

Diên Thọ cho là đúng, muốn tấu xin triều đình. Thang nói:

- Quốc gia[3] cùng Công khanh nghị bàn, kế sách lớn không phải là điều mà người phàm thường hiểu được, việc tất không được nghe theo.

Diên Thọ do dự không nghe. Đúng lúc Thọ mắc bệnh không dậy được, Thang một mình giả chế mệnh trưng phát binh của các nước thành quách và quan binh đóng đồn làm ruộng của Mậu Kỷ hiệu úy ở nước Xa Sư. Diên Thọ nghe tin ấy, kinh hãi vùng dậy, muốn ngăn việc đó. Thang giận, vỗ kiếm quát mắng Diên Thọ rằng:

- Đại quân đã hội họp, thằng trẻ ranh muốn ngăn trở đại quân chăng?

---

[1] Thời Hán Vũ đế, tuy thông Tây Vực, nhưng Hung Nô vẫn sai khiến các nước phụ thuộc, cho đến thời Hán Tuyên đế, Hung Nô nội loạn suy yếu, các nước Tây Vực mới phụ thuộc nhà Hán.

[2] Trỏ các nước đắp thành mà cư trú ở Tây Vực, để phân biệt với các nước du mục, không ở nơi nào cố định.

[3] Trỏ Thiên tử vậy. Thời bấy giờ hay gọi Thiên tử là quốc gia.

Diên Thọ vì thế thuận theo. Hàng trận được sắp xếp, binh Hán, binh Hồ tụ hợp hơn bốn vạn người. Diên Thọ và Thang dâng sớ tự tấu hặc tội giả chế mệnh, bày kể rõ thực trạng phải phát binh, ngay hôm ấy dẫn quân chia đội ngũ, phân thành sáu bộ quân[1]: Ba bộ quân trong số ấy theo con đường phía nam vượt Thông Lĩnh, đi tắt qua nước Đại Uyển; ba bộ quân do Đô hộ tự thống suất, xuất phát từ nước Ôn Túc, theo con đường phía bắc tiến vào Xích Cốc, qua nước Ô Tôn, vào địa giới nước Khang Cư, thẳng đến phía tây Điền Trì. Nhưng phó vương của nước Khang Cư là Bão Điền suất lĩnh mấy nghìn quân kỵ vào cướp ở phía đông thành Xích Cốc, bắt giết hơn nghìn người của Đại Côn di, xua đuổi rất nhiều gia súc, từ phía sau đuổi kịp quân Hán, cướp được khá nhiều xe truy trọng. Thang tung binh người Hồ ra đánh chúng, giết được bốn trăm sáu mươi người, đoạt lại được bốn trăm bảy mươi người dân mà chúng bắt, trả cho Đại Côn di, số ngựa, bò, dê đoạt lại được dùng để cấp lương ăn cho quân. Lại bắt được quý tộc Y Nô Độc của Bão Điền. Sau khi tiến vào phía đông địa giới nước Khang Cư, Thang lệnh trong quân không được cướp bóc, rồi bí mật gọi quý tộc nước ấy là Đồ Mặc đến gặp, dùng uy tín dụ dỗ, cùng hắn uống rượu thề ước, rồi phái đi. Đại quân thẳng tiến, còn cách thành của Thiền vu chừng sáu chục dặm, dừng lại lập doanh trại. Lại bắt được quý tộc nước Khang Cư là Cụ Sắc Tử Nam Khai Mưu dùng làm hướng đạo. Cụ Sắc Tử Nam Khai Mưu, là cậu của Đồ Mặc, oán hận Thiền vu, bởi thế quân Hán biết hết được nội tình của Chất Chi. Hôm sau, tiếp tục tiến, còn cách thành của Thiền vu ba chục dặm, dừng lại lập doanh trại.

Thiền vu phái sứ đến hỏi:

- Binh Hán đến đây làm gì?

---

[1] Theo *Hán thư – Trương Thang truyện*: Gồm các bộ quân Dương uy, Hợp kỵ, Bạch hổ, hợp với quân của phó Hiệu úy, Mậu hiệu úy và Kỷ hiệu úy, cả thảy sáu bộ.

Quan viên quân Hán đáp rằng:

- Thiền vu dâng thư nói: "Ta ở nơi khốn khổ, tình nguyện quy thuận nhà Hán cường mạnh, tự thân vào triều kiến"[1], Thiên tử xót thương Thiền vu, lìa bỏ địa vị nước lớn, khuất ý tại đất Khang Cư, cho nên sai Đô hộ tướng quân[2] đến nghênh đón vợ con Thiền vu. Sợ tả hữu Thiền vu kinh động, cho nên chưa dám đến dưới thành.

Sứ giả nhiều lần qua lại đưa đáp tin tức, Diên Thọ và Thang nhân đó trách hỏi sứ giả rằng:

- Ta vì Thiền vu đi xa đến đây, mà đến tận hôm nay không thấy có danh vương, đại nhân tới gặp Tướng quân tiếp nhận mệnh truyền, vì sao Thiền vu lại sao nhãng với đại kế, lỗi lễ chủ khách như vậy? Binh lính đường xa đến, nhân mã rất nhọc mệt, lương ăn xem chừng sắp hết, sợ rằng không lấy gì để tự quay về, mong Thiền vu và đại thần bên ấy thận trọng xét kỹ!

Hôm sau, tiến đến bờ sông Đô Lại, cách thành của Thiền vu Chất Chi ba dặm, dừng lại lập doanh bày trận, trông xa thấy trên thành của Thiền vu dựng cờ xí ngũ sắc, mấy trăm người mặc giáp thủ giữ thành; lại có hơn trăm quân kỵ tiến ra qua lại dưới thành, hơn trăm bộ binh ở hai bên cửa thành bày "ngư lân trận"[3], thao luyện dụng binh. Người trên thành thay nhau vẫy gọi quân Hán, nói: "Đến đây!" Hơn trăm quân kỵ Hung Nô ruổi thẳng đến doanh quân Hán, người trong doanh đều giương nỏ chĩa tên ra ngoài, bọn quân kỵ lui về. Tướng Hán sai quan quân bắn quân bộ kỵ Hung Nô ở cửa thành, quân bộ kỵ đều chạy vào. Diên Thọ và Thang lệnh trong quân:

---

[1] Quân Hán nhắc lại thư của Thiền vu Chất Chi gửi nhà Hán lúc trước, nhưng nói trệch đi là "Thiền vu tự thân đến triều kiến".

[2] Bấy giờ Cam Diên Thọ chỉ là Đô hộ Tây Vực, vì thống lĩnh binh nên xưng là Đô hộ tướng quân thôi. Mãi sau này đến thời Quang Vũ đế mới dùng Giả Phục làm Đô hộ tướng quân, chứ bấy giờ Cam Diên Thọ không phải là Đô hộ tướng quân vậy.

[3] Tức là bày trận, thế trận nối với nhau như hình vảy cá.

- Hễ nghe có tiếng trống, thì lập tức xông đến, bốn mặt vây thành, đều phải chia nhau nhận việc, đào hào lũy, lấp kín khe hở; thuẫn che phía trước, kích nỏ phía sau, ngẩng lên bắn người trên thành lầu.

Người trên lầu trèo xuống chạy trốn; phía ngoài thành đất có bức tường gỗ hai lớp, quân Hung Nô từ bức tường gỗ bắn ra, rất nhiều người bên ngoài thương vong. Người bên ngoài thành dùng củi đốt tường gỗ, ban đêm, mấy trăm quân kỵ muốn xông ra, người bên ngoài đón bắn, giết chúng.

Khi trước, Thiên vu nghe tin binh Hán đến, muốn bỏ đi, ngờ sợ người Khang Cư oán hận mình, giúp quân Hán làm nội ứng, lại nghe nói binh các nước như Ô Tôn đều phát động, tự cho là không có chỗ để rời đi. Chất Chi đã ra thành, lại quay về, nói:

- Chẳng bằng thủ vững. Binh Hán từ xa đến, không thể đánh được lâu.

Thiền vu bèn mặc giáp, ở trên thành lầu, mấy chục Yên chi, phu nhân đều cầm cung bắn người bên ngoài. Người bên ngoài bắn trúng mũi Thiền vu, các phu nhân chết rất nhiều; Thiền vu bèn xuống lầu. Quá nửa đêm, tường gỗ bị thủng, người ở phía trong lui vào thành đất, trèo lên thành hô lớn. Bấy giờ hơn vạn quân kỵ Khang Cư chia thành mười nhóm, bốn mặt vây tròn quanh thành, cũng cùng quân Hung Nô hòa tiếng. Ban đêm, nhiều lần xông vào doanh quân Hán, bất lợi, rút về. Trời sáng rõ, bốn mặt nổi lửa, quan binh cả mừng, thừa thế hỏa hô lớn, chiêng trống dậy đất. Binh Khang Cư lui về; binh Hán bốn mặt đẩy thuẫn về phía trước, cùng xông vào trong thành đất. Hơn trăm trai gái của Thiền vu chạy trốn vào đại nội[1]. Binh Hán phóng lửa, quan binh tranh nhau xông vào, Thiền vu bị thương chết. Quân hậu giả thừa là Đỗ Huân chém đầu Thiền vu. Tìm được hai phù tiết của sứ thần nhà Hán và thư lụa mà bọn Cốc

[1] Đại nội, tức là nhà ở của Thiền vu trong thành vậy.

Cát mang đi; các tài vật thu được của giặc rợ đều ban thưởng cho người lấy được. Chém hết từ Yên chi, Thái tử, danh vương trở xuống, cả thảy một nghìn một trăm mười tám đầu; bắt sống được một trăm bốn mươi lăm người, thu hàng hơn nghìn giặc rợ, đem bọn họ chia cho mười lăm vị vương của các nước thành quách phát binh cùng vây Thiền vu.

Năm Kiến Chiêu thứ tư (Bính Tuất – TCN 35)

1. Mùa xuân, tháng giêng, đầu của Chất Chi đưa đến kinh sư. Diên Thọ và Thang dâng sớ rằng:

"Thần nghe nói đại nghĩa thiên hạ là khiến đang hỗn loạn thành thống nhất, xưa kia có Đường, Ngu[1], nay có nhà Hán cường mạnh. Thiền vu Hô Hàn Gia của Hung Nô đã xưng là phiên thần phương bắc, duy có Thiền vu Chất Chi phản nghịch, chưa chịu phục tội, các nước phía tây Đại Hạ đều cho rằng nhà Hán cường mạnh chẳng thể khiến Chất Chi thần phục vậy. Thiền vu Chất Chi tàn khốc làm hại bách tính, tội ác cực lớn thấu đến trời cao; chúng thần là Diên Thọ, Trần Thang thống suất binh nghĩa, thay trời đánh giết, cậy nhờ uy thần của Bệ hạ, âm dương cùng ứng, thiên khí sáng trong, hãm trận phá địch, chém đầu Chất Chi và giết từ các danh vương trở xuống. Nên treo đầu Chất Chi giữa các phủ đệ của người Man Di tại Cảo Nhai[2], để bảo rõ với người ngoài vạn dặm, tỏ rõ cái ý nếu dám mạo phạm nhà Hán cường mạnh, dẫu có ở xa cũng nhất định bị đánh giết vậy!"

Bọn Thừa tướng Khuông Hành cho rằng:

- Đang xuân, là lúc vùi cốt chôn thây, chớ nên treo đầu.

Đế hạ chiếu treo đầu chục ngày, rồi mới chôn lấp, nhưng vẫn cáo tế tại tông miếu ngoài thành, đại xá thiên hạ. Quần thần chúc mừng, bày tiệc rượu.

---

[1] Trỏ hai vua Nghiêu, Thuấn vậy.

[2] Cảo Nhai (藁街), là tên một ngã tư đường ở thành Trường An.

2. Tháng sáu, ngày Giáp Thân, Trung Sơn Ai vương Lưu Cánh hoăng. Ai vương, là em út của Đế, cùng Thái tử du ngoạn, học tập, được nuôi ở cùng chỗ đến trưởng thành. Lúc hoăng, Thái tử đến điếu trước. Chúa thượng trông thấy Thái tử, cảm động nghĩ nhớ Ai vương, bi thương chẳng thể tự ngăn nổi. Thái tử đã đến trước, lại chẳng hề bi ai, chúa thượng rất hận, nói:

- Thiên hạ há có người không từ ái, mà có thể dùng để phụng thờ tông miếu, làm cha mẹ của dân chăng?

Bấy giờ Phụ mã đô úy, Thị trung là Sử Đan giám hộ Thái tử, chúa thượng trách bảo Đan, Đan cởi mũ tạ tội rằng:

- Thần thực sự thấy Bệ hạ đau xót Trung Sơn vương, đến mức tổn hại thần khí. Lúc trước Thái tử sắp tới viếng, thần ngầm dặn dò, không nên rơi lệ khóc, khiến Bệ hạ thương cảm; tội là ở thần, thực đáng chết!

Chúa thượng cho là đúng, ý giận mới tiêu tan.

3. Huyện Lam Điền có động đất, núi lở, sông Bá bị lấp; đê An Lăng sụt lở, lấp chặn sông Kính, nước sông Kính chảy ngược.

Năm Kiến Chiêu thứ năm (Đinh Hợi – TCN 34)

1. Mùa xuân, tháng ba, đại xá thiên hạ.

2. Mùa hạ, tháng sáu, ngày Canh Thân, khôi phục lại lăng tẩm của Lệ thái tử Lưu Cứ.

3. Ngày Nhâm Thân là ngày hối, có nhật thực.

4. Mùa thu, tháng bảy, ngày Canh Tý, khôi phục lại miếu tế và lăng tẩm của Thái thượng hoàng, lăng tẩm của Chiêu Linh hậu, Vũ Ai vương, Chiêu Ai hậu, Vệ Tư hậu.[1] Bấy giờ Đế ốm bệnh, rất lâu không khỏi, cho là tổ tông phát giận khiển trách, cho nên khôi phục lại toàn bộ các lăng tẩm; nhưng miếu tế ở các quận, quốc vẫn phế trừ.

---

[1] Các lăng tẩm này bị phế năm Vĩnh Quang thứ tư, lúc này khôi phục lại.

5. Năm ấy, chuyển phong Tế Dương vương Lưu Khang làm Sơn Dương vương.

6. Thiền vu Hô Hàn Gia của Hung Nô nghe tin Chất Chi đã bị giết, vừa mừng vừa sợ; dâng thư, xin vào triều kiến.

Năm Cánh Ninh nguyên niên (Mậu Tý – TCN 33)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Thiền vu Hô Hàn Gia của Hung Nô đến chầu, tự nói xin làm rể nhà Hán để tự thân gần. Đế đem con gái nhà lương thiện ở hậu cung là Vương Tường, tự Chiêu Quân ban cho Thiền vu. Thiền vu mừng rỡ, dâng thư nói: "Mong được bảo hộ biên hiểm từ quận Thượng Cốc sang tây đến Đôn Hoàng, truyền đến vô cùng. Xin hãy bãi các quan binh phòng bị biên hiểm, để dân chúng của Thiên tử được nghỉ ngơi." Thiên tử giao xuống cho Hữu ti nghị bàn, kẻ nghị bàn đều cho là tiện. Lang trung Hầu Ứng thạo việc biên cảnh, cho rằng không nên đồng ý, chúa thượng hỏi nguyên do, Ứng đáp chiếu rằng:

"Từ thời Chu, Tần đến nay, người Hung Nô hung bạo mạnh tợn, cướp lấn biên cảnh; nhà Hán kiến lập, bị chúng hại nhiều hơn. Thần nghe nói biên hiểm phương bắc đến Liêu Đông, phía ngoài có Âm Sơn, đông tây hơn nghìn dặm, cỏ cây um tùm, lắm cầm thú, vốn là chỗ Thiền vu Mặc Đốn cậy dựa thế hiểm, chế tạo cung tên, tiến ra cướp bóc, chỗ đấy là vườn thú của họ vậy. Đến đời Hiếu Vũ, xuất sư chinh phạt, khai mở đoạt đất ấy, đẩy Hung Nô về phía bắc sa mạc, lập lũy phòng, tạo đường hào, đắp Ngoại thành[1], đặt lính đồn trú để giữ chỗ đó, rồi sau đó biên cảnh mới được yên bình một chút.

Vùng mạc bắc đất đai bằng phẳng, cỏ cây thưa thớt, nhiều bãi cát lớn, người Hung Nô đến cướp, ít có chỗ ẩn nấp; từ biên hiểm về nam, đường đất nhỏ hẹp, lũng núi sâu hút, người qua lại khó nhọc. Trưởng lão vùng biên ải nói: 'Sau khi Hung Nô bị mất Âm Sơn, mỗi lần đi

[1] Trỏ các thành trì ngoài biên ải.

qua chưa từng không khóc vậy!' Nếu nay bãi quan quân phòng bị biên ải, cho người Di Địch cái lợi lớn, là lý do thứ nhất không nên vậy.

Nay thánh đức che khắp, trùm phủ Hung Nô, người Hung Nô được cái ân bảo toàn mạng sống, rập đầu xưng thần. Xét ra, tính tình của Di Địch, khốn khổ thì nhún thuận, cường mạnh thì kiêu ngang, là thiên tính tự nhiên vậy. Lúc trước ta triệt Ngoại thành,[1] bớt hào lũy, nay chỉ đủ quân để dò xét, thông đài lửa mà thôi. Người xưa khi yên chẳng quên nguy, quân trú phòng chẳng nên triệt bỏ nữa, là lý do thứ hai vậy.

Người Trung Quốc có lễ nghĩa giáo dục, có hình phạt giết chóc, ngu dân vẫn còn phạm cấm; huống chi mình Thiền vu có thể ngăn hết bộ chúng của mình không phạm ước thúc sao? Là lý do thứ ba vậy.

Đến như Trung Quốc, còn phải đặt cửa quan, làm cầu, để khống chế chư hầu, là để dứt tuyệt cái ý muốn dòm dỏ của tôi thần.[2] Đặt lũy phòng, bày quân đồn trú, không phải chỉ vì phòng Hung Nô mà thôi, cũng vì dân hàng phục của các thuộc quốc vốn là người Hung Nô, e rằng họ nghĩ nhớ đất cũ mà bỏ trốn, là lý do thứ tư vậy.

Gần đây người Tây Khương ở biên hiểm, cùng người Hán qua lại với nhau, quan dân tham lợi, xâm đoạt cướp gia súc và vợ con của họ, vì thế thành oán hận, nổi dậy phản lại. Nay bãi quân canh phòng, thì phát sinh việc lừa gạt hà hiếp dễ nảy chuyện phân tranh, là lý do thứ năm vậy.

Trước đây chiến sĩ tòng quân, nhiều người không quay về, lưu lại đất Hung Nô, con cháu của họ bần khốn, một ngày nào đó họ sẽ trốn đi, theo dựa thân thích của mình, là lý do thứ sáu vậy.

Thêm nữa, nô bộc tì nữ của người ở ven biên sầu khổ, kẻ muốn bỏ trốn rất đông, nói: 'Nghe đồn trong đất Hung Nô rất thoải mái, hiểm

---

[1] Xem việc nói ở Hán kỷ, quyển mười sáu, sự kiện năm Địa Tiết thứ hai, đời Hán Tuyên đế.

[2] Ý nói là vương vị chí tôn có nhiều người dòm ngó, các chỗ yếu hại phải đặt quan ải (đường bộ), làm cầu (đường thủy), để ngăn chặn chư hầu nảy ý phản loạn.

rằng ven biên giám xét nghiêm cẩn quá!' Thế thì vẫn có người bỏ trốn ra biên hiểm, là lý do thứ bảy vậy.

Đạo tặc hung hãn xảo quyệt, kết thành đồng bọn phạm pháp, nếu bị truy quẫn gấp, sẽ trốn chạy đến biên bắc, thì chẳng thể khống chế được, là lý do thứ tám vậy.

Từ khi dựng lũy phòng đến nay hơn trăm năm[1], không phải đều dùng tường đất vậy, có chỗ dựa sơn nham, bãi đá, rừng cây, khe lũng, cửa sông, dần dần gia tăng bồi bổ, phát binh tốt, tù đồ đắp dựng, phí công sức của cải lâu dài, chẳng thể tính xuể. Thần sợ rằng kẻ nghị bàn chẳng nghĩ tính sâu đến ngọn nguồn sau trước của chuyện này, chỉ muốn nhất thời giảm bớt lao dịch lính thú, ngoài chục năm, trong vòng trăm năm, nếu thốt nhiên có biến, chòi lũy bị triệt phá, đài lửa bị diệt vùi, sẽ lại phải trưng phát lính thú sửa chữa, cái công lao nhiều năm tích lũy chẳng thể mau chóng khôi phục lại, là lý do thứ chín vậy.

Nếu bãi binh tốt đồn trú, bỏ quân trinh sát dò ngóng, Thiền vu tự cho là mình giữ biên thủ ải, hẳn có ân đức sâu với nhà Hán, thỉnh cầu không dừng; nếu có điều thất ý nhỏ, hậu quả thật khó lường. Mở ra hiềm oán với Di Địch, khuyết hại đến sự bền vững của Trung Quốc, là lý do thứ mười vậy.

Đấy không phải là sách để giữ mãi sự yên ổn lâu dài, không phải là sách lược hay để khống chế trăm man vậy!"

Xem đáp tấu xong, Thiên tử hạ chiếu: "Chớ nghị bàn việc bãi quân trú phòng biên ải." Rồi phái Xa kỵ tướng quân Gia hiểu dụ Thiền vu rằng:

"Thiền vu dâng thư xin bãi quân sĩ đồn trú giữ biên ải, mong con cháu mình đời đời thủ giữ biên thùy. Thiền vu hướng mộ lễ nghĩa, vì dân nghĩ tính rất chu đáo, đấy là kế sách lâu dài vậy. Trẫm rất ngợi khen! Nhưng bốn phương của Trung Quốc, đều đặt cửa quan, làm cầu che chắn, không phải chỉ để phòng bị người ngoài biên hiểm vậy, cũng để đề phòng kẻ gian tà của Trung Quốc phóng túng bừa bãi, làm

[1] Việc đắp dựng lũy phòng từ thời Hán Vũ đế đến bấy giờ là hơn trăm năm.

cướp gây hại, thế nên đặt quân phòng giữ là để sáng pháp độ, thống nhất tâm ý của mọi người vậy. Trẫm đã hiểu cái tâm ý của Thiền vu, quyết không nghi ngờ. Sợ Thiền vu hiểu lầm cái nguyên nhân Trung Quốc không bãi quân đồn trú, cho nên trẫm sai người tới hiểu dụ."

Thiền vu tạ rằng:

- Kẻ ngu này chẳng hiểu biết đại kế, may nhờ Thiên tử sai đại thần bảo rõ, đối đãi rất hậu!

Khi trước, Tả Y Trật Ti giúp Hô Hàn Gia vạch kế quy phục Hán triều[1], rút cục nhờ thế được yên định. Sau đấy, có người gièm nói Y Trật Ti tự khoe công, vì không được thưởng thường tấm tức, Hô Hàn Gia nghi ngờ; Y Trật Ti sợ bị giết, đem hơn nghìn bộ chúng của mình hàng nhà Hán, Hán triều phong cho tước Quan nội hầu, thực ấp ba trăm hộ, đeo ấn thụ Vương của Hung Nô. Lúc Hô Hàn Gia đến triều kiến, cùng Y Trật Ti tương kiến, tạ rằng:

- Vương giúp ta vạch kế, đãi ta rất hậu, khiến Hung Nô được yên ổn đến nay, là sức của Vương vậy, đức ấy há có thể quên? Ta thất ý với Vương, khiến Vương bỏ đi, chẳng đoái nghĩ lưu lại trong đất Hung Nô nữa, đều là lỗi của ta vậy. Nay ta muốn bạch với Thiên tử, xin cho Vương quay về Vương đình.

Y Trật Ti nói:

- Thiền vu cậy nhờ thiên mệnh, tự quy phục nhà Hán, khiến Hung Nô được yên ổn, là nhờ uy linh thần dị của các Thiền vu, nhờ sự giúp đỡ của Thiên tử vậy, ta có công sức gì đâu? Ta đã hàng nhà Hán, lại lần nữa quay về Hung Nô, đấy là hai lòng vậy. Xin được giúp Thiền vu làm sứ giả ở Hán triều, chẳng dám nghe mệnh!

Thiền vu cố thỉnh xin, không được liền quay về.

---

[1] Xem việc này ở Hán kỷ, quyển thứ mười ba, sự kiện năm Cam Lộ nguyên niên, đời Hán Tuyên đế.

Thiền vu gọi Vương Chiêu Quân là Ninh Hồ Yên chi[1]; sinh được một con trai đặt tên là Y Đồ Trí Nha Sư, làm Hữu Nhật Trục vương.

2. Hoàng thái tử hành lễ gia quan.

3. Tháng hai, Ngự sử đại phu Lý Diên Thọ chết.

4. Khi trước, Thạch Hiển thấy cha con Phùng Phụng Thế đều làm công khanh, thanh danh nổi rõ, con gái lại làm Chiêu nghi[2] ở trong cung; Hiển có lòng muốn nương dựa, dâng lời rằng:

- Anh của Chiêu nghi là Yết giả Thuân cẩn trọng giữ khuôn phép, nên cho hầu hạ nơi màn trướng.

Thiên tử triệu kiến, muốn dùng làm Thị trung. Thuân xin gặp riêng nói chuyện. Chúa thượng nghe Thuân nói Hiển chuyên quyền, cả giận, bãi chức Thuân cho quay về làm quan Lang. Lúc chức Ngự sử đại phu khuyết, quan viên tại vị đa phần đề cử anh của Thuân là Đại hồng lư Dã Vương; chúa thượng sai Thượng thư tuyển lựa từ các quan Nhị thiên thạch theo thứ tự, thì phẩm hạnh và năng lực của Dã Vương hạng nhất. Chúa thượng đem việc hỏi Hiển, Hiển nói:

- Trong số Cửu khanh không ai hơn Dã Vương vậy; nhưng Dã Vương, về thân thích là anh của Chiêu nghi, thần sợ hậu thế tất cho rằng Bệ hạ bỏ qua số đông người hiền, theo tư tình lấy người thân của hậu cung dùng làm Tam công.

Chúa thượng nói:

- Hay, ta chẳng nhận ra điều ấy!

Nhân đó bảo quần thần rằng:

- Ta dùng Dã Vương làm Tam công, hậu thế tất cho là ta tư tình thiên vị người thân thuộc của hậu cung, lại đem việc Dã Vương ra làm thí dụ.

---

[1] Ninh Hồ (宁胡), là giữ yên ổn cho người Hồ (Hung Nô).

[2] Tức Phùng Tiệp dư vậy, được thăng hiệu là Chiêu nghi.

Tháng ba, ngày Bính Dần, hạ chiếu rằng:

"Cương cường kiên định, đích thực không có ham muốn, Đại hồng lư Dã Vương là người như thế vậy. Nói năng khéo léo, xét rõ phải trái, có thể đi sứ bốn phương, Thiếu phủ Ngũ Lộc Sung Tông là người như thế vậy. Liêm khiết tiết kiệm, Thái tử Thiếu phó Trương Đàm là người như thế vậy. Nay lấy Thiếu phó Đàm làm Ngự sử đại phu."

5. Đế lấy Thái thú Hà Nam là Thiệu Tín Thần người quận Cửu Giang làm Thiếu phủ. Tín Thần lúc trước là Thái thú Nam Dương, sau chuyển đến Hà Nam, xét thành tích trị lý và phẩm hạnh thường liệt vào hạng nhất. Tín Thần coi dân như con, thích vì dân hưng lợi, tự thân khuyến khích việc cấy hái, khai thông ngòi rãnh, số hộ khẩu tăng gấp bội. Quan dân thân gần yêu mến, tôn xưng là "Thiệu phụ".

6. Ngày Quý Mão, khôi phục miếu thờ, lăng tẩm của Hiếu Huệ hoàng đế, lăng tẩm của Hiếu Văn thái hậu và Hiếu Chiêu thái hậu.[1]

7. Khi trước, Trung thư lệnh Thạch Hiển từng muốn đem chị gái mình gả cho Cam Diên Thọ, Diên Thọ không lấy. Lúc phá xong Chất Chi quay về, Thừa tướng và Ngự sử cũng ghét việc giả truyền chế mệnh, đều không tán dương công lao của bọn Diên Thọ. Trần Thang vốn tham lam, đem các tài vật lấy được qua biên giới, đa phần không theo phép tắc. Tư lệ Hiệu úy gửi thư cho các quận huyện trên đường quân đi qua, bắt giữ quan quân, tra xét việc ấy. Thang dâng sớ nói:

"Thần cùng quan quân chung sức giết Thiền vu Chất Chi, may cầm bắt diệt được hắn, chấn chỉnh quân lữ ngoài vạn dặm ban sư, xứng đáng được sứ giả nghênh đón úy lạo trên đường. Nay Tư lệ lại đón bắt, trói quan quân thẩm vấn xét tội, đấy là giúp Thiền vu Chất Chi báo cừu vậy!"

---

[1] Năm Vĩnh Quang thứ năm, dỡ bỏ lăng miếu của Hiếu Huệ đế. Năm Kiến Chiêu nguyên niên, bãi bỏ lăng tẩm của Hiếu Văn thái hậu và Hiếu Chiêu thái hậu. Hiếu Chiêu thái hậu, tức Câu Dặc Triệu Tiệp dư của Hán Vũ đế vậy.

Chúa thượng hạ lệnh thả ngay quan quân bị bắt, truyền cho các huyện, đạo[1] xuất rượu thịt úy lạo quan quân đi qua. Diên Thọ, Trần Thang về đến nơi, lúc luận công, Thạch Hiển, Khuông Hành cho rằng:

- Diên Thọ và Thang tự tiện hưng binh, giả truyền chế mệnh, không bị giết đã là may, nếu lại ban tước phong ấp, thì người sau phụng sứ mệnh sẽ tranh nhau thừa nguy cầu may, sinh sự với Man Di, gây thành nạn nước.

Trong lòng Đế khen công của Diên Thọ và Thang, nhưng xem trọng nghị bàn của Hành và Hiển, rất lâu không quyết được.

Tông chính trước kia là Lưu Hướng[2] dâng sớ rằng:

"Thiền vu Chất Chi cầm tù giết sứ giả và quân sĩ đi theo đến mấy trăm người, việc lan truyền rộng ở nước ngoài, tổn hại đến uy trọng, quần thần đều tức giận việc đó. Bệ hạ bừng bừng giận dữ muốn giết Chất Chi, ý ấy chưa từng quên lãng. Đô hộ Tây Vực là Diên Thọ, phó Hiệu úy là Thang, vâng thánh chỉ, dựa thần linh, tổng lĩnh quân trưởng trăm man, nắm binh của các nước thành quách, ra chỗ trăm chết, vào cõi tuyệt vực, nhờ thế giẫm xéo Khang Cư, đánh diệt sạch ba tầng thành[3], nhổ cờ của Hấp hầu, chém được đầu Chất Chi, treo cờ tinh ngoài vạn dặm, dương uy đến phía tây Côn Sơn, rửa sạch nỗi nhục Cốc Cát,[4] lập công huân sáng ngời, vạn dân Di khiếp phục, chẳng ai không run sợ. Thiền vu Hô Hàn Gia thấy Chất Chi bị giết, vừa mừng vừa sợ, hướng gió mộ nghĩa, rập đầu đến phục tùng, xin giữ phên dậu phía bắc, mong đời đời xưng thần. Lập công lao nghìn năm, dựng thế yên vạn đời, công huân của quần thần chẳng ai lớn bằng.

---

[1] Theo quy định của nhà Hán, các huyện có người Man Di ở gọi là "Đạo".

[2] Lúc Đế mới tức vị, Lưu Hướng làm Tông chính, bị bãi chức từ rất lâu rồi, cho nên gọi là "Cố Tông chính". Hướng vốn có tên là Canh Sinh, đến lúc ấy đổi tên.

[3] Thành của Thiền vu Chất Chi có hai lần tường gỗ, một thành đất, nên xem là ba tầng thành.

[4] Việc Cốc Cát bị giết nói ở Hán kỷ quyển thứ hai mươi, sự kiện năm Sơ Nguyên thứ năm.

Xưa kia đại phu Phương Thúc, Cát Phủ của nhà Chu giúp Tuyên vương tru diệt tù trưởng rợ Hiểm Duẫn mà trăm man theo phục,[1] *Kinh Thi khen họ rằng: 'Than than đôn đôn, như đình như lôi. Hiển doãn Phương Thúc, chinh phạt Hiểm Duẫn, Man Kinh lai uy.'*[2] *Kinh Dịch nói: 'Hữu gia chiết thủ, hoạch phỉ kỳ xú.'*[3] *Là khen cái công giết kẻ ác đầu sỏ, mà những kẻ bất thuận đều đến theo phục vậy. Nay cái việc đánh giết của Diên Thọ và Thang rung động, dẫu Kinh Dịch nói 'giết giặc đầu sỏ', Kinh Thi nói 'như sấm sét', cũng chẳng theo kịp vậy. Luận xét công lớn chẳng nên ghi lỗi nhỏ, nêu cái đẹp lớn chẳng bới vết mọn. Tư Mã pháp nói: 'Khen thưởng việc quân chẳng để qua một tháng', là muốn người ta nhanh chóng thấy được cái lợi khi làm việc thiện vậy. Phàm là xem võ công làm đầu, lấy việc dụng người làm trọng vậy. Cát Phủ ban sư, nhà Chu thưởng hậu, Kinh Thi với việc ấy nói: 'Cát phủ yến hỉ, ký đa thụ chỉ. Lai quy tự Cảo, ngã hành vĩnh cửu.'*[4] *Nghìn dặm đến đất Cảo còn cho là xa, huống chi là chỗ ngoài vạn dặm, nỗi khổ nhọc ấy hết mức rồi. Diên Thọ và Thang đã không được nhận tin báo chúc mừng, trái lại bị xóa sạch cái công ra sức quên sinh mệnh, bị bọn đao bút bắt bẻ lỗi nhỏ lúc trước, đấy không phải là cách hay để khích lệ người có công, khuyến khích binh sĩ ra trận vậy.*

Xưa kia Tề Hoàn có cái công tôn phù nhà Chu lúc trước, về sau có cái tội diệt nước Hạng, người quân tử cho là công lao che trùm lỗi mà kiêng tránh nói rõ việc ấy.[5] *Nhị Sư tướng quân Lý Quảng Lợi, bỏ*

---

[1] Khoảng giữa thời Tây Chu, thế lực nhà Chu suy yếu dần, rợ Hiểm Duẫn ở phía tây bắc thì ngày một hưng thịnh, thường xuyên đem quân xâm lấn, cướp bóc. Đến thời Chu Tuyên vương, sau một thời gian tích lũy lực lượng, cuối cùng đưa quân chinh phạt Hiểm Duẫn, đại thắng, qua đó khôi phục được uy danh của nhà Chu.

[2] Lời trong *Thiên Tiểu nhã, bài Lục nguyệt*. Tạm dịch thơ: Binh xa điệp trùng. Như sấm như sét. Phương Thúc uy hùng, Chinh phạt Hiểm Duẫn, Trăm Man phục tùng.

[3] Khen ngợi khích lệ người ra quân chinh phạt, giết giặc đầu sỏ, bắt sống kẻ xấu.

[4] Tạm dịch thơ: Cát Phủ hưởng yến đầy. Đồ thưởng đã sắp bày. Quay về từ đất Cảo. Đi biết bao tháng ngày.

[5] Nhà Chu suy yếu, các nước xem thường, nước Sở xưng vương, bỏ việc tiến cống cỏ bao mao, Tề Hoàn công tôn phù nhà Chu, đánh các nước không thần phục nhà Chu, hội chư hầu, trách nước Sở bỏ phận tiến cống, được tôn làm bá chủ. Về sau, Tề

mất năm vạn binh sư, tổn hại phí dụng ức vạn, qua bốn năm lao nhọc, mà chỉ thu được có ba mươi con tuấn mã, dẫu chém được đầu Uyển vương Vô Quả, vẫn chẳng đủ để bù đắp phí tổn, tội ác của Nhị Sư rất nhiều; nhưng Hiếu Vũ cho rằng vạn dặm chinh phạt, chẳng truy xét tội lỗi, bèn phong cho hai người tước Hầu, ba người làm quan Khanh, hơn trăm người nhận lộc Nhị thiên thạch.[1] *Nay nước Khang Cư cường mạnh hơn Đại Uyển, hiệu của Chất Chi nặng hơn Uyển vương, cái tội giết sứ giả lớn hơn tội giữ ngựa, mà Diên Thọ và Thang không phiền đến quân sĩ nhà Hán, chẳng phí một đấu lương; so việc của họ với Nhị Sư, công đức của họ hơn gấp trăm lần. Vả lại Thường Huệ theo ý riêng đánh nước Ô Tôn,*[2] *Trịnh Cát nghênh đón Nhật Trục tự đến hàng,*[3] *cũng đều được nhận tước phong ấp. Cho nên nói việc của Diên Thọ và Thang, uy vũ cần lao thì lớn hơn so với Phương Thúc, Cát Phủ; công nhiều lỗi mọn thì vượt hẳn Tề Hoàn, Nhị Sư; so về công lao thời gần đây thì cao hơn An Viễn, Trường La*[4]*. Vậy mà công lớn chưa được nêu tỏ, lỗi nhỏ loan báo không dừng, thần trộm vì thế đau lòng! Bệ hạ nên kịp thời giải trừ lệnh xử phạt, không cấm chế việc họ tự do đi lại. Bỏ lỗi chớ nên chậm trễ, hãy ban cho họ ấn lớn và tước vị, để khuyến khích người có công."*

Vì thế Thiên tử hạ chiếu xá miễn, không xử trị Diên Thọ và Thang, lệnh sai công khanh nghị bàn phong tước vị cho bọn họ. Kẻ nghị bàn cho rằng nên theo quân pháp "bắt chém Thiền vu lệnh". Khuông Hành, Thạch Hiển cho rằng "Chất Chi vốn là kẻ bỏ trốn, mất nước, trộm xưng hiệu ở cõi tuyệt vực, không phải là Thiền vu thực." Đế theo việc cũ của An Viễn hầu Trịnh Cát, phong cho mỗi người một nghìn hộ ấp; Hành và Hiển lại cố sức

---

Hoàn công diệt nước Hạng, *Kinh Xuân Thu* chỉ chép: Mùa hạ, diệt nước Hạng. Không nói rõ là nước Tề, đấy là kiêng tránh nói đến Hoàn công vậy.

[1] Việc về Nhị Sư tướng quân, xem Hán kỷ quyển mười ba sự kiện năm Thái Sơ thứ ba và thứ tư.

[2] Việc về Thường Huệ, xem Hán kỷ quyển mười sáu, sự kiện năm Bản Thủy thứ ba.

[3] Việc về Trịnh Cát, xem Hán kỷ quyển mười tám, sự kiện năm Thần Tước thứ hai.

[4] An Viễn, là tước Hầu của Trịnh Cát; Trường La, là tước Hầu của Thường Huệ.

can ngăn. Mùa hạ, tháng tư, ngày Mậu Thìn, Đế phong Diên Thọ làm Nghĩa Thành hầu, ban cho Thang tước Quan nội hầu, thực ấp đều ba trăm hộ, lại ban thêm cho trăm cân vàng, bái Diên Thọ làm Trường thủy Hiệu úy, Thang làm Xạ thanh Hiệu úy.

Thời ấy, Đỗ Khâm dâng sớ xin truy xét cái công phá nước Toa Xa lúc trước của Phùng Phụng Thế.(1) Chúa thượng cho rằng việc xảy ra vào thời tiên đế, không truy xét nữa.

Khâm, là con của cố Ngự sử đại phu Đỗ Diên Niên vậy.

Tuân Duyệt luận rằng: Nếu công huân và đại nghĩa của Phùng Phụng Thế đáng phong tước, truy xét việc cũ có thể được vậy. Theo đại nghĩa Xuân Thu, hủy Tuyền đài thì bị chê trách, bỏ trung quân thì được ngợi khen, đều có nguyên do thích đáng vậy.(2) Xét ra, việc giả truyền thánh chỉ, là việc mà các bậc thánh vương xưa hết sức thận trọng, bất đắc dĩ mới làm mà thôi. Nếu lỗi lớn mà công nhỏ, phạt tội là đáng vậy; lỗi nhỏ mà công lớn, ban thưởng là đáng vậy; công lỗi ngang nhau, thì phải tính toán sao cho thỏa đáng. Nên quyền biến cân nhắc chỗ nặng nhẹ của công và lỗi mà quyết thưởng phạt thích hợp.

7. Khi trước, Thái tử thời trẻ thích kinh sách, khoan hậu, học rộng, cẩn thận; sau này thích rượu, vui yến nhạc, chúa thượng không cho là có tài năng. Còn Sơn Dương vương Lưu Khang có tài nghệ, có mẹ là Phó Chiêu nghi lại được sủng ái, chúa thượng vì thế thường có ý muốn lấy Sơn Dương vương làm người nối tự. Chúa thượng có tuổi lắm bệnh tật, chẳng tự mình xét chính sự, chỉ lưu tâm thích âm nhạc; có người đặt trống trận dưới điện, Thiên tử tự đến lan can dưới mái hiên, với tay lấy dùi đồng đánh trống, tiết tấu rất nhanh. Người ở hậu cung và tả hữu quen thạo

---

[1] Việc này, xem Hán kỷ quyển mười bảy sự kiện năm Nguyên Khang nguyên niên, đời Hán Tuyên đế.

[2] Năm thứ mười sáu đời Lỗ Văn công, hủy bỏ Tuyền đài, *Xuân Thu Công Dương* truyện chép việc ấy để chê bai, là vì Tuyền đài do tổ tiên của Văn công xây dựng, ý rằng hủy đi, chẳng bằng cứ để đấy nhưng không ở thì thôi; Năm thứ năm đời Lỗ Chiêu công, bỏ trung quân, là để khôi phục lại phép cổ, *Công Dương Xuân Thu* truyện chép việc ấy, là khen Văn công, ý tứ đại khái như trên.

với âm nhạc chẳng ai làm được, nhưng Sơn Dương vương cũng làm được như vậy, chúa thượng nhiều lần khen tài của Sơn Dương vương. Sử Đan dâng lời rằng:

- Đại để người được gọi là có tài, phải thông minh lại thích học tập, ôn cố tri tân, Hoàng thái tử là người như thế vậy. Nếu lại dùng cái tài đàn sáo đánh trống để xét người, thì Trần Huệ, Lý Vi[1] hẳn cao minh hơn so với Khuông Hành, có thể phù trợ quốc gia vậy!

Vì thế chúa thượng lặng yên không nói, rồi cười.

Lúc chúa thượng ốm bệnh nằm giường, Phó Chiêu nghi và Sơn Dương vương Khang thường ở cạnh, còn Hoàng hậu, Thái tử ít khi được tấn kiến. Bệnh của chúa thượng dần nặng, tâm ý hoảng hốt bất thường, nhiều lần đem việc cũ thời Cảnh đế lập Giao Đông vương hỏi Thượng thư.[2] Bấy giờ cậu cả của Thái tử là Dương Bình hầu Vương Phượng làm Vệ úy, Thị trung, cùng Hoàng hậu và Thái tử đều lo lắng, chẳng biết tính kế thế nào. Sử Đan vì là đại thần thân cận nhất của Đế được phép vào hầu thăm bệnh, đợi lúc chúa thượng nằm nghỉ một mình, Đan tiến thẳng vào chỗ nằm, rập đầu trên chiếu cỏ bồ viền xanh, sa nước mắt nói:

- Hoàng thái tử là con trưởng dòng đích nên được lập, đã hơn chục năm, danh hiệu ràng buộc với trăm họ, thiên hạ chẳng ai không dốc lòng quy phục, nguyện làm thần tử. Thần thấy Sơn Dương vương rất được sủng ái, nay người trên đường truyền lời, nảy ý ngờ với quốc gia, cho rằng địa vị của Thái tử bất ổn. Nếu quả như thế, từ Công khanh trở xuống tất lấy cái chết để can ngăn, không chịu phụng chiếu. Xin Bệ hạ hãy cho thần được chết trước để làm gương cho quần thần!

---

[1] Phục Kiển nói: Trần Huệ và Lý Vi đều là Hoàng môn trong cung của Hán Nguyên đế, rất thạo về âm nhạc.

[2] Xem Hán kỷ quyển tám, sự kiện năm Tiền Nguyên thứ sáu, đời Hán Cảnh đế.

Thiên tử vốn nhân từ, chẳng nỡ thấy Đan khóc lóc, lời nói lại chí thiết, ý rất cảm động, tỉnh ngộ, bùi ngùi than rằng:

- Ta nay khốn mệt suy nhược, Thái tử và hai Vương nhỏ tuổi, trong lòng lưu luyến, làm sao không nghĩ nhớ được? Nhưng ta không có chủ trương này. Vả lại Hoàng hậu cẩn thận, tiên đế lại yêu mến Thái tử,[1] ta há đâu lại trái ý chỉ? Phụ mã đô úy nghe được lời ấy từ đâu?

Đan liền lùi khỏi chiếu, rập đầu nói:

- Ngu thần nghe lời đồn xằng, tội đáng chết!

Chúa thượng vì thế thu nhận lời can, bảo Đan rằng:

- Bệnh ta nặng thêm, e là chẳng thể tự khỏi được, ngươi hãy khéo phù tá dẫn dắt Thái tử, không trái ý của ta!

Đan sụt sịt mà đứng dậy, Thái tử nhờ thế mới yên định được ngôi kế tự. Rồi Hữu tướng quân, Quang lộc đại phu Vương Thương, Trung thư lệnh Thạch Hiển cũng ủng hộ Thái tử, ra sức giúp đỡ.

Mùa hạ, tháng năm, ngày Nhâm Thìn, Đế băng ở cung Vị Ương.

Ban Bưu tán rằng: Anh em ngoại tổ phụ của thần từng là Thị trung của Nguyên đế, nói với thần rằng: "Nguyên đế lắm tài nghệ, khéo viết chữ, gảy đàn sắt, thổi tiêu sáo, tự phổ nhạc, điền lời ca, định âm tiết, cực kỳ tinh diệu. Thời trẻ thích Nho học; lúc tức vị, trưng dụng Nho sinh, đem chính sự ủy thác cho bọn họ, Cống, Tiết, Vi, Khuông[2] thay nhau làm Tể tướng. Thế nhưng Đế hay bị nghĩa văn kiềm tỏa, ý hướng hay thay đổi không quyết đoán, cơ nghiệp của Hiếu Tuyên vì thế suy yếu. Nhưng Đế khoan hậu rộng rãi, bao dung cho người dưới, khiêm cung tiết kiệm, thái độ ôn hòa, có phong phạm của quân vương thời cổ đại.

---

[1] Xem ý này ở Hán kỷ quyển 13, sự kiện năm Cam Lộ thứ ba, đời Hán Tuyên đế.

[2] Cống Vũ, Tiết Quảng Đức, Vi Huyền Thành, Khuông Hành.

9. Khuông Hành tấu nói:

"Lúc trước, vì thánh thể của tiên đế bất ổn, cho nên khôi phục lại các lăng tẩm và miếu thờ đã phế trừ; rút cục không được ân phúc che chở. Xét lăng tẩm của Vệ Tư hậu, Lệ thái tử, Lệ hậu, tình thân chưa tận. Miếu thờ Hiếu Cảnh, Hiếu Huệ, tình thân đã hết, nên hủy. Còn như đền thờ của Thái thượng hoàng, Hiếu Văn, Hiếu Chiêu thái hậu, Chiêu Linh hậu, Chiêu Ai hậu, Vũ Ai vương, xin trừ bỏ hết không cúng tế nữa."

Tấu được chấp thuận.

10. Tháng sáu, ngày Kỷ Mùi, Thái tử tức vị Hoàng đế, bái yết miếu của Cao tổ. Tôn Hoàng thái hậu thành Thái hoàng thái hậu, Hoàng hậu thành Hoàng thái hậu. Lấy cậu cả là Thị trung, Vệ úy, Dương Bình hầu Vương Phượng làm Đại tư mã, Đại tướng quân, kiêm quản việc Thượng thư.

11. Mùa thu, tháng bảy, ngày Bính Tuất, táng Hiếu Nguyên hoàng đế ở Vị Lăng.

12. Đại xá thiên hạ.

13. Thừa tướng Hành dâng sớ rằng:

"Bệ hạ bản tính chí hiếu, nhớ thương tiên đế khôn nguôi, chưa hề vui chơi săn bắn, đấy thực là cẩn thận giữ đạo hiếu hết mức không quên gốc, đến vô cùng vô tận vậy. Thần mong rằng Bệ hạ dẫu đã có thiên tính chí hiếu, nhưng vẫn nên lưu tâm chú ý thêm! Kinh Thi có câu: 'Quỳnh quỳnh tại cứu'[1], là nói Thành vương chịu tang xong vẫn nghĩ nhớ tiên vương, nỗi u uất chưa thể cởi bỏ được vậy. Đấy là cái lý do khiến Thành vương kế thừa được cơ nghiệp của Văn, Vũ, rồi phát dương giáo hóa vậy. Thần lại nghe thầy của thần nói: 'Việc chọn người phối ngẫu, là khởi đầu của nhân sinh, là ngọn nguồn của vạn phúc. Lễ nghi hôn nhân phải đoan chính, rồi sau muôn vật mới thành tựu mà thiên mệnh vẹn toàn." Khổng tử luận Kinh Thi lấy bài Quan thư làm đầu, đấy là xem hôn nhân đứng đầu cương kỷ, là đầu mối giáo

[1] Câu trong thiên *Chu tụng:* "Lo lắng như có bệnh ở trong người."

hóa của thánh vương vậy. Từ thời thượng cổ đến nay, tam đại[1] hưng phế, không gì không từ duyên do ấy. Mong Bệ hạ xét kỹ các điều được mất hưng suy, để ổn định gốc nghiệp, chọn người có đức, cảnh giác với thanh sắc, thân gần người cung kính đoan trang, lánh xa người có tài vô đức!

Thần nghe nói Lục kinh[2], là thứ mà thánh nhân dùng để thống ngự lòng người trong trời đất, phân biệt tiêu chuẩn thiện ác, hiểu rõ cát hung họa phúc, hướng người ta vào đường chính, khiến họ không làm trái với bản tính của mình vậy. Đến như Luận ngữ, Hiếu kinh, đều là ghi chép lời nói và hành vi trọng yếu của thánh nhân, nên xét kỹ cái ý nghĩa sâu xa trong ấy. Thần lại nghe nói hành vi cử chỉ của thánh vương, bất kể động tĩnh đi về, đều kính mệnh trời vâng theo tiên tổ, lâm triều đối mặt quần thần, mọi việc đều có tiết chế pháp độ, để biểu chương cái đạo nhân luân. Đại để cẩn thận kính sợ, là vâng theo lễ nghi thiên mệnh vậy; ôn thuận cung kính, là vâng theo lễ tiết tiên tổ vậy; tự mình nghiêm trang chính trực, là uy nghi thống ngự trăm quan vậy; gia ân vui hòa, là lễ nghi đối đãi người dưới vậy. Từng cử chỉ và động tác, đều tuân theo lễ nghi, như thế hình tượng sẽ là nhân nghĩa, hành động sẽ thành phép tắc.

Đầu tháng giêng năm nay, Bệ hạ lâm chính điện, nhận lời chúc mừng của trăm quan, bày tiệc rượu khoản đãi khắp bốn phương. Kinh truyện nói: 'Quân tử thận thủy.[3]' Mong Bệ hạ lưu tâm chú ý lễ tiết khi động tĩnh, khiến quần thần được ngẩng trông đức lớn rạng ngời, để dựng lập cái gốc vững chắc, thiên hạ may lắm!"

Chúa thượng cung kính thu nạp lời ấy.

---ॐ---

[1] Ba nhà Hạ, Thương, Chu.

[2] Tức *Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Dịch* và *Kinh Xuân Thu*. Về sau *Kinh Nhạc* thất truyền, còn lại Ngũ kinh.

[3] Người quân tử phải hết sức thận trọng ngay từ lúc ban đầu.

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ HAI MƯƠI HAI]

HIẾU THÀNH HOÀNG ĐẾ

Năm Kiến Thủy nguyên niên (Kỷ Sửu – TCN 32)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Ất Sửu, miếu thờ Điệu Khảo[1] bị hỏa tai.

2. Thạch Hiển bị chuyển làm Trường Tín trung thái bộc[2], phẩm trật Trung nhị thiên thạch. Hiển đã mất chỗ dựa, rời xa quyền lực, vì thế Thừa tướng, Ngự sử dâng tấu liệt kể các tội ác cũ của Hiển; Hiển và bè đảng của hắn là Lao Lương, Trần Thuận đều bị cách chức quan, Hiển cùng vợ con trở về quận cũ, lo buồn sầu muộn không ăn uống được, chết trên đường. Những người giao kết với Hiển được làm quan đều bị phế bỏ, bãi chức; Thiếu phủ Ngũ Lộc Sung Tông bị giáng chức làm Thái thú Huyền Thố, Ngự sử trung thừa Y Gia bị điều làm Đô úy Nhạn Môn.

Tư lệ Hiệu úy Vương Tôn người quận Trác dâng tấu hặc nói:

"Thừa tướng Khuông Hành, Ngự sử đại phu Vương Đàm biết rõ bọn Hiển chuyên quyền dựa thế, ra sức tác uy tác phúc, thành họa hại khắp nước, chẳng kịp thời tấu bẩm để phạt tội; lại a dua uốn mình theo chúng, vin bám kẻ dưới lừa dối chúa thượng, mang lòng tà ác mê hoặc

---

[1] Hán Tuyên đế truy tôn cha mình là Sử hoàng tôn Lưu Tiến thành Điệu Khảo.

[2] Trường Tín, là cung điện nơi Thái hậu ở. Trung thái bộc là chức quan chưởng quản xe kiệu của Thái hậu, chức này được đặt bất thường.

quốc chủ, không có cái nghĩa của đại thần phụ chính, đều là đại nghịch vô đạo! Những việc này đều xảy ra từ trước khi đại xá rồi[1], *vậy mà sau khi đại xá, Hành và Đàm tấu hặc Hiển, chẳng tự bày kể cái tội bất trung của mình, trái lại cố ý tuyên dương việc tiên đế nhậm dụng kẻ tiểu nhân khiến xã tắc điên đảo, nói xằng 'trăm quan kính sợ Hiển, còn hơn cả chúa thượng'; hạ thấp quân vương tôn sùng bầy tôi, không phải là việc nên nói tới, thực mất thể thống đại thần!"*

Vì thế Hành rất hổ thẹn sợ hãi, cởi mũ tạ tội, dâng trả ấn thụ Thừa tướng, Hầu tước. Thiên tử vì mới tức vị, không muốn hại đại thần, bèn giáng chức Vương Tôn làm Cao Lăng lệnh. Nhưng quần thần đa phần nghĩ giống như Tôn. Hành lo lắng bất an, mỗi khi có thủy tai hạn hán, liên tục lui nhường ngôi vị xin về quê; chúa thượng thường nhân đó hạ chiếu thư an ủi vỗ về, không đồng ý.

3. Đế lập em của cố Hà Gian vương Lưu Nguyên là Khố lệnh Thượng Quận[2] tên Lương làm Hà Gian vương.

4. Có sao chổi xuất hiện bên cạnh hai sao Doanh, Thất.

5. Đại xá thiên hạ.

6. Ngày Nhâm Tý, Đế phong cậu mình là Chư lại, Quang lộc đại phu, Quan nội hầu Vương Sùng làm An Thành hầu; ban cho các cậu khác là Đàm, Thương, Lập, Căn, Phùng Thì tước Quan nội hầu.

Mùa hạ, tháng tư, sương mù vàng đặc che phủ tứ bề, Đế hạ chiếu rộng hỏi Công khanh, Đại phu, cho được nói hết không có gì phải kiêng tránh. Bọn Gián đại phu Dương Hưng, Bác sĩ Tứ Thắng đều cho rằng: "Khí âm quá thịnh thì lấn át khí dương vậy. Theo ước định của Cao tổ, không phải công thần thì không được phong tước Hầu; nay các em của Thái hậu đều vô công được

---

[1] Chính là lần đại xá vào tháng bảy, sau khi Hiếu Nguyên đế chết vậy.

[2] Kho tàng của các quận ven biên phương bắc nhà Hán có cất trữ binh khí, cho nên đặt chức Lệnh.

phong hầu, ngoại thích chưa từng ai được như vậy, cho nên trời cao hiển lộ điềm lạ." Vì thế Đại tướng quân Vương Phượng sợ, dâng thư xin về quê, từ chức; chúa thượng hạ ưu chiếu[1] không đồng ý.

7. Ngự sử trung thừa Tiết Tuyên người quận Đông Hải dâng sớ rằng:

"Bệ hạ chí đức nhân hậu, nhưng khí lành chưa thông, âm dương bất hòa, e rằng trong số quan lại có nhiều người thi hành chính trị hà khắc. Thứ sử có người không tuân thủ đúng chức trách,[2] nâng nhấc việc đều theo ý mình, đa phần can dự vào việc của quận huyện, thậm chí khai mở tư môn, nghe lời sàm nịnh, tìm bới lỗi lầm của quan dân, trách phạt những điều nhỏ mọn, đòi hỏi các việc mà không tính liệu sức lực của họ; quận huyện thúc bách nhau, trong nội bộ cũng thành hà khắc, phong khí lan truyền đến dân đen. Thế nên hương đảng thiếu khuyết niềm vui giao vãng, cửu tộc quên bỏ tình thân huyết thống, việc hậu đãi chu cấp giúp nhau ăn uống ngày càng suy bạc, lễ tiết đưa người đi đón kẻ đến chẳng còn được thi hành. Xét ra, cái đạo làm người chẳng thông thì âm dương tắc nghẽn, hòa khí bất thông, không hẳn không có nguyên do từ đấy vậy! Kinh Thi có câu rằng: 'Dân chi thất đức, can hầu dĩ khiên.'[3] Lời tục nói: 'Chính trị hà khắc người ta không theo dựa, dao dịch khổ ải tổn đến ân vua.' Đang lúc Thứ sử tấu

---

[1] Ưu chiếu (优诏), là chiếu thư khen ngợi khích lệ vậy.

[2] Năm Nguyên Phong thứ năm thời Hán Vũ đế bắt đầu đặt chức Thứ sử, phụng chiếu đi điều tuần xét các châu, xét tài năng của quan lại để thăng chức hay biếm chức và xét các án oan. Căn cứ để hỏi tội gồm 6 điều: Cường hào vọng tộc có ruộng đất vượt pháp chế, ỷ mạnh lấn yếu, cậy đông hiếp ít, là một; Nhị thiên thạch không vâng chiếu thư, tuân điển chế, bỏ công theo tư, cậy chiếu thủ lợi, là hai, lừa gạt xâm hại bách tính, thu giấu của cải làm việc gian tham, là hai; Nhị thiên thạch không nghĩ xét án khó, hung hăng giết người, thưởng phạt theo yêu ghét, phiền nhiễu khắc bạc, bóc lột dân đen, làm khổ trăm họ khiến núi lở đá tan, sinh lời ngoa ngôn, là ba; Nhị thiên thạch cử người bổ chức không công bằng, yêu ghét cẩu thả, che lấp hiền tài, ân sủng tham ngu, là bốn; Con em của Nhị thiên thạch cậy dựa thế lực, thoái thác chức vụ, là năm; Nhị thiên thạch trái phép công, xu phụ cường hào, thông đồng nhận hối lộ, tổn hại chính lệnh, là sáu.

[3] Dân mất tình nghĩa, vì miếng cơm khô.

việc, Bệ hạ nên ước thúc rõ sắc lệnh, khiến bọn họ biết rõ việc cốt yếu của bản triều."

Chúa thượng khen ngợi thu nhận lời ấy.

8. Tháng tám, ở phía đông, lúc buổi sớm, có hai mặt trăng trên dưới nối nhau xuất hiện.

9. Mùa đông, tháng mười hai, làm đàn tế trời đất ở hai phía nam bắc ngoài thành Trường An, bãi bỏ đàn tế ở Cam Tuyền, Phần Âm, cùng các khí vật như Ngụy sức, Nữ nhạc, Loan lộ, Tuynh câu, Long mã, Thạch đàn thuộc Tử đàn.

Năm Kiến Thủy thứ hai (Canh Dần – TCN 31)

1. Mùa xuân, tháng giêng, bãi bỏ việc cúng tế tại Ngũ Chỉ[1] ở đất Ung và việc cúng tế Trần bảo[2], đều theo ý thỉnh xin của Khuông Hành vậy.

Ngày Tân Tỵ, chúa thượng bắt đầu tế giao ở phía nam ngoài thành Trường An. Xá miễn việc cung phụng cho các huyện nơi tế giao và các tội đồ phạm tội nhẹ bị giữ ở Trung đô quan[3]; giảm tiền thuế cho người thiên hạ, một "toán" giảm bốn chục tiền.

2. Tháng nhuận, lấy Diên Lăng Đình Bộ thuộc Vị Thành đặt làm Sơ lăng.

3. Tháng ba, ngày Tân Sửu, chúa thượng bắt đầu tế tự Hậu thổ ở ngoài thành phía bắc Trường An.

---

[1] Việc tế ở Ngũ Chỉ, xem lại chú thích ở Hán kỷ, quyển tám, sự kiện năm Trung Nguyên thứ sáu, đời Hán Văn đế.

[2] Sau khi lập đàn Phu được 9 năm, Tần Văn công (vua nước Tần thời Chiến Quốc) bắt được "Nhược thạch" trên sườn núi phía bắc Trần Thương, lập đền thờ cúng tế, đền ấy có tên là "Trần bảo". Tương truyền khi thần đến, thường vào ban đêm, ánh sáng như sao băng, từ phương đông bay đến, đậu trên tường đền thờ, hình dáng như con chim trĩ trống, khi thần cất tiếng, gà rừng đều gáy vang hưởng ứng, thế nên đền thờ ấy cũng có tên là "Bảo kê thần từ", tức "đền thờ thần gà báu".

[3] Trung đô quan (中都官), tức các phủ quan ở kinh sư vậy.

4. Ngày Bính Ngọ, lập Hứa thị làm Hoàng hậu. Hậu, là con gái của Xa kỵ tướng quân Hứa Gia vậy. Nguyên đế thương xót mẫu thân là Cung Ai hậu giữ ngôi vị mới ít ngày thì bị Hoắc thị hạ độc,[1] nên tuyển con gái của Hứa Gia để hôn phối với Thái tử.

5. Chúa thượng từ lúc còn là Thái tử, đã nổi tiếng háo sắc; đến khi tức vị, Hoàng thái hậu hạ chiếu lệnh sai tuyển chọn con gái nhà lành để sung vào hậu cung. Vũ khố lệnh trong quân của Đại tướng quân là Đỗ Khâm khuyên Vương Phượng rằng:

- Theo lễ, Thiên tử một lần cưới vợ lấy chín cô gái[2], để sinh nhiều người kế tự, tôn kính tổ tông vậy; tiểu thiếp dẫu trống khuyết vẫn không bổ sung, là để dưỡng sự trường thọ của quân vương, lấp tuyệt việc Hậu cung tranh giành vậy. Thế nên Hậu phi có đức hạnh trinh khiết hiền thục, thì con cháu kế nối có quân vương hiền thánh; chế độ có tiết chế uy nghiêm, thì quân vương có phúc lành trường thọ. Phế cổ lễ mà chẳng theo, thì quân vương háo sắc không biết chán; háo sắc không biết chán, thì mệnh thọ không trọn tuổi trời. Nam tử năm mươi tuổi, lòng hiếu sắc chưa suy; phụ nữ bốn mươi tuổi, dung mạo đổi thay so với trước; đem cái dung mạo biến đổi xấu xí hơn lúc trước hầu hạ quân vương có lòng hiếu sắc chưa suy, lại chẳng dùng lễ để chế ước, thì chẳng thể cứu vãn được cái gốc hiếu sắc của quân vương mà sau đó còn nảy sinh tâm lý dị thường; cái tâm lý dị thường nảy sinh, thì chính cung hoàng hậu tự ngờ mà thứ thê nảy lòng cướp đoạt; cái nguyên nhân khiến Tấn Hiến công thu nhận lời sàm, Thân Sinh vô tội bị chết oan[3] là vì như thế đấy. Nay thánh chủ đang trẻ tuổi, chưa có đích tự, vừa mới bắt đầu

---

[1] Việc về Cung Ai hoàng hậu Hứa Bình Quân xem ở Hán kỷ quyển mười sáu, sự kiện năm Bản Thủy thứ ba, đời Hán Tuyên đế.

[2] Thần Toản nói: Thiên tử một lần cưới vợ lấy chín cô gái, là phép chế của nhà Hạ, nhà Ân vậy.

[3] Tấn Hiến công (vua nước Tấn thời Xuân Thu) sủng ái người vợ sau là Ly Cơ, Ly Cơ muốn lập con trai mình là Hề Tề, bèn gièm Thế tử Thân Sinh với Hiến công; Hiến công tin lời gièm, cuối cùng Thân Sinh tự sát, Hề Tề được lập.

nghiên cứu học vấn, còn chưa có lời chê bai vì thân gần hậu phi. Tướng quân là phụ chính, nên nhân lúc bản triều mới bắt đầu hưng thịnh, kiến lập chế độ "cửu nữ", tuyển lựa kỹ lưỡng những nhà nhân nghĩa có đức hạnh, tìm lấy người có phẩm chất thục nữ, không nhất thiết phải có kỹ năng thanh sắc, vì vạn đời lập phép tắc lớn. Người trẻ tuổi thì cốt yếu phải đề phòng sắc dục[1], lời thơ *Tiểu biện* trong *Kinh Thi* viết,[2] khiến người ta thấy ghê lòng. Xin tướng quân luôn lo lắng vì việc ấy!

Phượng bạch lời ấy với Thái hậu, Thái hậu cho là chế độ "cửu nữ" với Hán triều không có tiền lệ; Phượng chẳng thể tự lập được pháp độ, chỉ noi theo lệ cũ mà thôi. Phượng vốn coi trọng Khâm, nên an trí tại Mạc phủ, việc bàn chính sự quốc gia thường cùng Khâm lo tính, Khâm nhiều lần xưng tụng tiến cử danh sĩ, sai khiến họ bù bổ những sai lầm và khiếm khuyết của chính sự; việc chính trị tốt đương thời đa phần xuất ra bởi Khâm vậy.

6. Mùa hạ, trời đại hạn.

7. Thiền vu Hô Hàn Gia của Hung Nô sủng ái hai con gái của anh trai Tả Y Trật Ti; trưởng nữ làm Chuyên cừ yên chi, sinh được hai con trai, con trưởng tên là Thả Mạc Xa, con thứ tên là Nang Tri Nha Tư; con gái nhỏ làm Đại yên chi, sinh được bốn con trai, con trưởng tên là Điêu Đào Mạc Cao, con thứ tên là Thả Mi Tư, đều lớn tuổi hơn Thả Mạc Xa, hai người con nhỏ là Hàm và Nhạc, đều nhỏ tuổi hơn Nang Tri Nha Tư. Ngoài ra còn có hơn chục người con của các Yên chi khác. Chuyên cừ yên chi tôn quý nhất, Thả Mạc Xa được yêu mến, lúc Hô Hàn Gia bệnh nặng sắp chết, muốn lập Thả Mạc Xa. Chuyên cừ yên chi nói:

---

[1] Khổng tử nói: Người quân tử có ba điều đề phòng. Lúc trẻ tuổi, khí huyết chưa định, phải đề phòng chuyện sắc dục; lúc trưởng thành, khí huyết đang cương, phải đề phòng ham tranh đấu; lúc già cả, khí huyết suy tàn, phải đề phòng sự tham lam.

[2] Bài *Tiểu biện* phần *Tiểu nhã* trong *Kinh Thi*, chê bai việc Chu U vương phế Thân hậu lập Bao Tự, truất Thái tử Nghi Cữu mà lập Bá Phục, nhà Chu vì thế đại loạn.

- Hung Nô loạn hơn chục năm, chẳng dứt tuyệt, chỉ như sợi tơ, nhờ sức của Hán triều che chở, cho nên mới được yên. Nay bình định chưa lâu, người dân rất hãi việc chiến tranh. Thả Mạc Xa còn ít tuổi, bách tính chưa theo phục, lập nó sợ quốc gia lại nguy biến. Ta và Đại yên chi là con của một nhà,[1] chẳng bằng lập Điêu Đào Mạc Cao.

Đại yên chi nói:

- Thả Mạc Xa dẫu ít tuổi, vẫn có thể cùng đại thần chung sức trị quốc. Nay bỏ quý lập tiện, đời sau tất loạn.

Thiền vu rút cục theo kế của Chuyên cừ yên chi, lập Điêu Đào Mạc Cao, ước lệnh phải truyền nước cho em của mình là Thả Mạc Xa. Hô Hàn Gia chết, Điêu Đào Mạc Cao được lập, là Thiền vu Phục Chu Luy Nhược Đê.

Thiền vu Phục Chu Luy Nhược Đê dùng Thả Mi Tư làm Tả hiền vương, Thả Mạc Xa làm Tả Lộc Lê vương, Nang Tri Nha Tư làm Hữu hiền vương. Thiền vu Phục Chu Luy Nhược Đê lại lấy Vương Chiêu Quân làm vợ, sinh được hai con gái, con gái lớn là Vân, được gả cho họ Tu Bốc; con gái nhỏ được gả cho họ Đương Vu.

Năm Kiến Thủy thứ ba (Tân Mão – TCN 30)

1. Mùa xuân, tháng ba, xá miễn tù đồ trong thiên hạ.

2. Mùa thu, khu vực phía trong quan ải mưa lớn hơn bốn chục ngày liền. Dân chúng kinh sư kinh hãi bảo nhau, nói nước lớn sắp đến; bách tính trốn chạy giẫm đạp lên nhau, già trẻ gào khóc, trong thành Trường An đại loạn. Thiên tử đích thân ngự ở tiền điện, triệu công khanh nghị bàn. Đại tướng quân Vương Phượng cho rằng:

---

[1] Hai người là chị em một nhà vậy.

- Thái hậu và chúa thượng cùng phi tần của Hậu cung nên ngự thuyền, lệnh cho quan dân leo lên tường thành Trường An để tránh nước.

Quần thần đều theo lời bàn của Phượng. Một mình Tả tướng quân Vương Thương nói:

- Từ xưa đến nay, dẫu vương triều vô đạo, nước còn chẳng nhấn chìm thành quách. Nay chính trị bình hòa, thế gian không cảnh có binh đao, trên dưới yên ổn, lý do gì khiến nước lớn đột nhiên tràn đến, đấy tất là lời đồn xằng vậy! Chẳng nên lệnh cho quan dân trèo lên tường thành, khiến bách tính thêm kinh sợ.

Chúa thượng bèn thôi. Không lâu sau, trong thành Trường An dần yên định; qua tra vấn, quả nhiên đấy là lời đồn nhảm. Chúa thượng vì thế khen sự kiên định của Thương, nhiều lần xưng tụng lời bàn ấy; còn Phượng rất xấu hổ, tự hận lời nói lỗi của mình.

3. Chúa thượng muốn đem quyền chính quốc gia ủy thác cho Vương Phượng. Tháng tám, hạ chiếu sách bãi chức Xa kỵ tướng quân Hứa Gia, cho lấy thân phận Đặc tiến hầu[1], tham dự hội triều.

4. Trương Đàm mắc tội vì tuyển cử người không có tài thực, bị bãi chức. Mùa đông, tháng mười, lấy Quang lộc đại phu Doãn Trung làm Ngự sử đại phu.

5. Tháng mười hai, ngày Mậu Thân là ngày sóc, có nhật thực. Đêm hôm ấy, đất trong cung điện Vị Ương rung chuyển. Đế hạ chiếu yêu cầu tiến cử bậc hiền lương phương chính và nhân sĩ trực ngôn can gián thẳng. Đỗ Khâm cùng Thái thường thừa Cốc Vĩnh dâng thư đáp chiếu, đều cho rằng mỹ nữ trong Hậu cung

---

[1] Theo phép chế nhà Hán, người giữ tước Liệt hầu được được đặc cách tham dự hội triều, địa vị ở dưới ngôi Tam công; nếu được ban vị Đặc tiến, là được đứng trên các Liệt hầu, địa vị vẫn dưới Tam công. Ở đây là Hứa gia giữ tước Liệt hầu, ngôi vị Đặc tiến vậy.

quá đông, có người ghen ghét đố kỵ chiếm riêng sủng ái, sẽ gây hại cho người kế thừa hoàng vị.

6. Núi ở quận Việt Huề sụt lở.

7. Ngày Đinh Sửu, Khuông Hành mắc tội lấy ấp phong nhiều hơn bốn trăm khoảnh, thuộc quan giám quản đạo tặc của Hành lấy tài vật trị giá trên chục cân vàng, Hành bị cách chức, biếm làm thứ dân.

Năm Kiến Thủy thứ tư (Nhâm Thìn – TCN 29)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Quý Mão, có bốn viên đá trời rơi xuống huyện Bạc, hai viên đá trời rơi ở huyện Phì Luy.

2. Bãi bỏ việc hoạn quan làm Trung thư; bắt đầu quy định số quan viên phủ Thượng thư là năm người.

3. Tháng ba, ngày Giáp Thân, lấy Tả tướng quân Lạc Xương hầu Vương Thương làm Thừa tướng.

4. Mùa hạ, chúa thượng triệu hết các nhân sĩ trực ngôn can gián thẳng được tiến cử lúc trước, sai đến điện Bạch Hổ đối đáp chiếu sách. Bấy giờ chúa thượng ủy thác chính sự cho Vương Phượng, kẻ nghị bàn đa phần quy lỗi cho Phượng. Cốc Vĩnh biết Phượng đang được tin dùng nắm quyền bính, ngầm muốn tự nương dựa, bèn dâng đối sách rằng:

"Hiện nay tứ Di chịu phục, đều là thuộc thần, phương bắc không có mối lo Huân Chúc, Mặc Đốn,[1] phía nam không có cái nạn Triệu Đà, Lã Gia,[2] biên cảnh ba phương yên bình, không hề có cảnh binh đao. Chư hầu lớn thì thực ấp chẳng quá mấy huyện, quyền bính của

---

[1] Huân Chúc (荤粥), là tổ tiên tộc Hung Nô, vào thời Tam đại, thường gây loạn ở phương bắc; Mặc Đốn (冒顿), là thủ lĩnh tộc Hung Nô, xem chuyện về Mặc Đốn ở các đoạn sử liệu thời Hán Cao tổ, Huệ đế, Lã hậu.

[2] Triệu Đà (赵佗), Lã Gia (吕嘉), là vua và Thừa tướng Nam Việt, đối kháng với nhà Hán. Xem việc Triệu Đà ở phần sử liệu về Hán Cao tổ, Lã Hậu, Văn đế; việc về Lã Gia, xem ở phần sử liệu về Hán Vũ đế, quyển 12.

họ quan lại nhà Hán khống chế, họ chẳng thể làm gì được, không có cái thế cục như Ngô, Sở, Yên, Lương.[1] *Trăm quan liên kết chặt chẽ, thân sơ trộn lẫn nhau, đại thần cốt nhục có người trung như Thân Bá,*[2] *cung cung kính kính, e dè cẩn trọng, không gây mối loạn như Trọng Hợp, An Dương, Bác Lục.*[3] *Cả ba phương diện ấy đều không chút lầm lỗi nhỏ,*[4] *thần trộm lo rằng Bệ hạ bỏ qua những cái lỗi minh xác, sao nhãng lời cảnh báo rõ ràng của trời cao, tin theo lời kẻ ám muội luận xằng, quy lỗi cho người vô tội, đem chính sự ủy thác cho người khác, thực mất lòng trời, đấy là việc rất không nên vậy. Bệ hạ nếu thực xét kỹ lời của ngu thần, hãy cất giấu tâm ý chìm đắm, cởi bỏ lòng sủng ái thiên lệch, phấn chấn tỏ cái uy quyết đoán, ban ân công bằng phủ khắp, khiến cơ thiếp người người được thay nhau thờ phụng, nạp thêm phụ nữ thích hợp có thể sinh con trai, không nên kén chọn xấu đẹp, không kiêng tránh người từng nuôi con, không luận xét về tuổi tác. Suy xét phép tắc mà nói, nếu như Bệ hạ có được người kế tự trong chốn ti tiện, thì lại là phúc khí; chỉ cần có được người kế tự mà thôi, không xét đến mẫu thân người kế tự là quý hay tiện vậy. Nữ sử và Sử lệnh*[5] *của hậu cung nếu ai hợp ý có thể tuyển nạp, rộng rãi tìm người trong chốn ti tiện, để may được trời cao giúp đỡ, cởi bỏ mối lo phiền của Thái hậu, trừ bỏ được sự trách giận của Thượng đế, thì người kế tự sẽ nhiều, tai biến dị thường lập tức chấm dứt vậy."*

---

[1] Ý nói không có việc chính quyền trung ương không lấn át nổi chư hầu, thành cái thế cục "đuôi to khó vẫy" như việc các chư hầu lớn gây loạn thời Hán sơ.

[2] Thân Bá (申伯), là đại thần nhà Tây Chu, cậu của Chu Tuyên vương, có công lớn giúp triều Chu trung hưng. Ở đây Cốc Vĩnh ngầm có ý so Vương Phượng với Thân Bá, vì Vương Phượng là cậu của vua Hán Thành đế.

[3] Trọng Hợp hầu (重合侯) tức Mãng Thông (Mã Thông), việc về Mã Thông xem ở Hán kỷ quyển mười bốn, sự kiện năm Hậu Nguyên nguyên niên, đời Hán Vũ đế; An Dương hầu (安阳侯) tức Thượng Quan Kiệt, việc về Thượng Quan Kiệt xem ở Hán kỷ quyển mười lăm, sự kiện năm Nguyên Phượng nguyên niên, đời Hán Chiêu đế; Bác Lục hầu (博陆侯), tức Hoắc Vũ, việc về Hoắc Vũ xem ở Hán kỷ quyển mười bảy, sự kiện năm Địa Tiết thứ tư, đời Hán Tuyên đế.

[4] Ý nói: Bấy giờ, biên cương, chư hầu và trăm quan đều không có gì đáng lo lắng.

[5] Nữ sử (女史) tức là các thị tì hiểu biết chữ nghĩa sống trong hậu cung; còn Sử lệnh (使令) là hầu nữ sai việc trong hậu cung.

Đỗ Khâm cũng có ý tương tự như thế. Chúa thượng đem thư của họ cho người ở hậu cung xem, cất nhắc Vĩnh làm Quang lộc đại phu.

5. Mùa hạ, tháng tư, có mưa tuyết.

6. Mùa thu, đào, mận kết quả.

7. Mưa lớn liên tiếp hơn chục ngày, đê Kim của sông Hoàng Hà tại Đông Quận bị vỡ. Trước đấy Đô úy Thanh Hà là Phùng Thuân tấu rằng:

"Vị trí quận Thanh Hà ở hạ lưu Hoàng Hà, nền đất tơi xốp dễ sụp lở, sở dĩ tạm thời chưa có tai họa gì lớn, ấy là bởi sông Đồn Thị thông suốt, chia dòng nước thành hai nhánh vậy. Nay sông Đồn Thị bị lấp kín,[1] cửa Minh Độc tại huyện Linh lại càng bất lợi, chỉ một nhánh Hoàng Hà kiêm nhận lưu lượng nước của mấy nhánh sông, dẫu đắp đê phòng thêm cao, rút cục chẳng thể điều tiết được. Nếu như có mưa dầm, mười ngày không tạnh, nước tất tràn ứ. Chín nhánh Hoàng Hà thời cổ, nay đã lấp mất khó tìm,[2] sông Đồn Thị vừa mới tắc nghẽn chưa lâu, chỗ ấy dễ khơi thông; thêm nữa, hai sông ấy phân nhánh chỗ địa thế cao, có thể chia giảm sức nước, thông dòng rất tiện lợi thích hợp, nên khơi lại dòng cũ để giúp Hoàng Hà, điều tiết thế nước lớn, đề phòng tình huống bất thường. Chẳng dự liệu sửa trước, sông bị vỡ ở bờ bắc sẽ nguy hại đến bốn năm quận, vỡ ở bờ nam sẽ nguy hại đến hơn chục quận, sau khi xảy việc mới lo, thì muộn mất!"

Việc giao xuống cho Thừa tướng, Ngự sử xét, hai người bẩm xin phái Bác sĩ Hứa Thương đi tuần thị, cho rằng: "Đang lúc phí dụng quốc gia chẳng đủ, tạm thời chưa nên khơi sông." Ba năm sau, đê Kim của sông Hoàng Hà quả nhiên vỡ tại Quán Đào và Đông Quận, nước lớn ngập tràn hai châu Duyện, Dự, chảy đến

---

[1] Việc sông Đồn Thị bị tắc, thấy nói ở Hán kỷ, quyển 21, sự kiện năm Vĩnh Quang thứ năm, đời Hán Nguyên đế.

[2] Theo cổ sử, vua Vũ trị thủy, khai thông chín nhánh sông Hoàng Hà, vì thế sông ấy không gây lụt lội.

các quận Bình Nguyên, Thiên Thừa, Tế Nam, nhấn chìm cả thảy bốn quận ba mươi hai huyện, ngập hơn mười lăm vạn khoảnh ruộng, sâu đến ba trượng; phủ quan, trạm dịch và nhà dân vỡ lở, cả thảy gần bốn vạn nóc nhà.

Mùa đông, tháng mười một, Ngự sử đại phu Doãn Trung vì phương lược đối sách không thiết thực, chúa thượng nghiêm trách Trung không tận tâm với chức phận, Trung tự sát. Đế phái Đại tư nông Phi Điều phát tiền lương quân bình[1] cứu tế cho các quận bị nước ngập, lại phái hai vị Yết giả hướng về địa khu phía đông Hà Nam điều phát năm trăm thuyền nhỏ, dời hơn chín vạn bảy nghìn dân đi tránh nước, trú tại Khâu Lăng.

8. Ngày Nhâm Tuất, lấy Thiếu phủ Trương Trung làm Ngự sử đại phu.

9. Lũ đạo tặc ở Nam Sơn là bọn Bội Tông cả thảy mấy trăm tên gây hại cho quan dân. Có chiếu lệnh điều phát hơn nghìn binh đuổi bắt, hơn năm không cầm bắt được. Có người khuyên Đại tướng quân Phượng rằng:

- Có mấy trăm tên giặc cỏ dưới bánh xe Thiên tử mà đánh dẹp chẳng bắt được, khó lòng tỏ uy với Tứ Di; chỉ có tuyển người hiền tài làm Kinh Triệu doãn mới trừ được.

Vì thế Phượng tiến cử Cao Lăng lệnh Vương Tôn ngày trước, trưng triệu làm Gián đại phu, giữ chức Kinh phụ đô úy,[2] tạm coi việc của Kinh Triệu doãn. Trong vòng tuần trăng, đạo tặc yên ắng; sau đấy Tôn được bái làm Kinh Triệu doãn.

10. Thời chúa thượng mới tức vị, Thừa tướng Khuông Hành lại dâng tấu nói:

---

[1] Trò số tiền chuyên dùng để ổn định giá cả cùng số lương thực đã được mua về tích trữ lúc giá thấp nhằm mục đích ổn định giá cả.

[2] Năm Nguyên Đỉnh thứ tư đời Hán Vũ đế, đặt chức Tam Phụ đô úy: Ở quận Kinh Triệu gọi là Kinh phụ đô úy, ở Phùng Dực gọi là Tả phụ đô úy, ở quận Phù Phong gọi là Hữu phụ đô úy.

"Xạ thanh Hiệu úy Trần Thang lấy thân phận Nhị thiên thạch phụng sứ, chuyên mệnh hành sự trong đất Man Di, chẳng giữ mình đứng đắn để làm gương cho thuộc hạ, lại còn lấy trộm tài vật của nước Khang Cư, răn bảo thuộc quan của mình rằng: 'Việc ở cõi tuyệt vực tất không bị tra xét lại.' Dẫu việc này phát sinh trước lúc đại xá, vẫn không nên để giữ chức vị."

Thang bị buộc tội bãi chức quan.

Về sau Thang dâng thư nói: "Con của Khang Cư vương đưa đến làm tin không phải Vương tử thực vậy." Qua nghiệm xét, đích xác là Vương tử. Thang bị tống ngục ứng tội xử tử. Thái trung đại phu Cốc Vĩnh dâng sớ kêu oan cho Thang rằng:

"Thần nghe nói nước Sở có Tử Ngọc Đắc Thần, Tấn Văn công vì Tử Ngọc ngồi không yên chiếu;[1] *nước Triệu có Liêm Pha, Mã Phục, nước Tần cường mạnh chẳng dám nhòm ngó Tỉnh Hình;*[2] *gần đây Hán triều có Chất Đô, Ngụy Thượng, Hung Nô chẳng dám xuôi sa mạc hướng về nam.*[3] *Bởi thế mới nói, tướng lĩnh khắc địch chế thắng, là nanh vuốt của quốc gia, chẳng thể không xem trọng vậy. Đại khái người quân tử nghe tiếng trống trận, thì nghĩ đến tôi thần làm tướng soái. Thần trộm thấy Quan nội hầu Trần Thang, lúc trước chém Chất Chi, uy chấn trăm man, võ thông Tây Hải, từ thời Hán sơ đến nay, tướng soái chinh phạt phương ngoài, chưa từng có ai được như thế vậy! Nay Thang mắc tội báo việc không đúng thực, bị giam tù trong*

---

[1] Thành Đắc Thần (成得臣), tự Tử Ngọc (子玉), tướng tài của nước Sở thời Xuân Thu. Giai đoạn này Tấn Sở tranh hùng, dù quân Tấn đánh thắng quân Sở ở Thành Bộc, nhưng Tấn Văn công vẫn hết sức kiêng dè Tử Ngọc. Sau khi nước Sở giết Tử Ngọc, Tấn Văn công mới vui mừng được.

[2] Liêm Pha (廉颇), là danh tướng nước Triệu thời Chiến Quốc, giỏi phòng thủ, lúc Liêm Pha cầm quân nước Tần mạnh vẫn không thể xâm lấn nước Triệu.

Mã Phục (马服) tức Mã Phục quân Triệu Xa, cũng là danh tướng nước Triệu thời Chiến Quốc, từng phá quân Tần ở Át Dữ.

[3] Chất Đô (郅都), là Thái thú Nhạn Môn thời Hán Cảnh đế, Hung Nô nghe danh tiết của Đô, đến biên cảnh lại rút binh; Ngụy Thượng (魏尚), làm Thái thú Vân Trung, là tướng lĩnh giỏi thời Hán Văn đế, từng lập nhiều chiến công khi trấn thủ biên quan, chống giữ người Hung Nô.

ngục đã lâu, trải nhiều tháng năm không quyết án, quan lại chấp pháp muốn khép Thang vào tội đại hình. Xưa kia Bạch Khởi làm tướng nước Tần, xuôi nam hạ Dĩnh Đô, lên bắc chôn Triệu Quát, vì cái lỗi mỏn mọn, bị ban phải tự xử ở Đỗ Bưu; dân Tần thương xót Khởi, chẳng ai không rơi nước mắt.[1] *Nay Thang thân cầm búa lớn, thế như cuốn chiếu, tắm máu ngoài vạn dặm, dâng công lên tổ miếu, tế cáo với Thượng thiên, tiết nghĩa ấy, võ sĩ thiên hạ chẳng ai không ngưỡng mộ. Chỉ vì lời nói không thực mắc tội, đấy không phải là tội ác nghiêm trọng vậy. Chu thư viết: 'Ký nhân chi công, vong nhân quá, nghi vi quân giả dã'*[2]*. Đến như chó ngựa có công lao khổ với người, khi chết còn được báo đáp che màn chôn cất, huống chi là công thần có công với nước đây! Thần sợ rằng Bệ hạ sao nhãng cái ý nghe tiếng trống trận, không xét kỹ ý sâu của Chu thư, mà quên thi ân che màn, đối đãi với Thang như kẻ thường dân, rút cục nghe theo lời bàn của quan chấp pháp, khiến bách tính mang lòng thắc mắc oán hận như dân Tần, đấy không phải là cách hay để khuyến khích tôi thần dốc sức đến chết vậy."*

Thư sớ tấu lên, Thiên tử thả Thang ra, nhưng đoạt tước vị cho làm sĩ ngũ[3].

Đúng lúc Đô hộ Tây Vực là Đoàn Hội Tông bị binh nước Ô Tôn vây khốn, người của trạm dịch dâng thư, xin phát quân từ các nước thành quách và binh của Đôn Hoàng để tự cứu; Thừa tướng Thương, Đại tướng quân Phượng và trăm quan nghị bàn mấy ngày không quyết. Phượng nói:

- Trần Thang lắm sách lược, thông thạo việc ở nước ngoài, nên hỏi hắn.

Chúa thượng triệu Thang tới gặp tại điện Tuyên Thất. Lúc Thang đánh Chất Chi trúng phong hàn, mắc bệnh, hai tay chẳng

---

[1] Bạch Khởi, danh tướng nước Tần, có công lớn, vì vua Tần nghe lời gièm siểm, giết hại Khởi, xem lại việc này ở Chu kỷ, sự kiện năm thứ 58, đời Chu Noản vương.

[2] Chép rõ công lao, quên lãng lỗi lầm, mới là quân vương đích thực vậy.

[3] Người có tội bị mất quan tước, gọi là sĩ ngũ, ý là ngang hàng với binh sĩ bình thường.

thể co duỗi được; Thang vào gặp, Đế hạ chiếu không phải quỳ bái, đem bản tấu của Hội Tông cho xem. Thang thưa rằng:

- Thần cho là việc này tất không đáng lo vậy.

Chúa thượng hỏi:

- Vì sao nói thế?

Thang nói:

- Xét ra năm lính Hồ mới đương nổi một binh Hán, sao vậy? Vì binh khí của họ thô cùn, cung tên không sắc bén. Nay nghe nói họ đã học được nhiều kỹ xảo của người Hán, nhưng vẫn phải ba người mới đương nổi một binh Hán. Thêm nữa, *Binh pháp* nói: "Khách bội nhi chủ nhân bán, nhiên hậu địch.[1]" Nay số quân vây Hội Tông chẳng đủ để thắng được ông ấy, xin Bệ hạ chớ lo! Vả lại binh trang bị nhẹ một ngày đi năm mươi dặm, trang bị nặng thì một ngày đi ba mươi dặm, nay Hội Tông muốn phát quân từ các nước thành quách và binh Đôn Hoàng, qua nhiều thời gian mới đến được, đấy gọi là binh báo thù, không phải binh dùng để cấp cứu vậy.

Chúa thượng hỏi:

- Phải làm sao? Vòng vây có giải được không? Liệu bao giờ thì giải được?

Thang biết binh Ô Tôn là quân ô hợp, chẳng thể đánh lâu, cho nên việc vây chẳng quá mấy ngày, liền nói:

- Vòng vây đã giải rồi!

Lại bấm tay tính ngày, nói:

- Chẳng ngoài năm ngày, sẽ có tin tốt lành báo về.

Qua bốn ngày, thư về việc quân đưa đến, nói vòng vây đã giải. Đại tướng quân Phượng tấu xin cử Thang làm Tòng sự trung lang, việc ở mạc phủ do Thang quyết định.

---

[1] Quân khách đông gấp đôi quân thủ , thì mới đối địch được.

Năm Hà Bình nguyên niên (Quý Tỵ – TCN 28)

1. Mùa xuân, Đỗ Khâm tiến cử người quận Kiến Vi là Vương Diên Thế với Vương Phượng, sai phụ trách việc lấp chỗ đê sông Hoàng Hà vỡ. Phượng lấy Diên Thế làm Hà đê sứ giả. Diên Thế làm lồng trúc dài bốn trượng, chu vi chín người ôm, chất đầy đá nhỏ bên trong, dùng hai thuyền kèm chở lồng trúc đi ném xuống chỗ vỡ. Ba mươi sáu ngày sau, đê sông Hoàng Hà hình thành. Tháng ba, Đế hạ chiếu lấy Diên Thế làm Quang lộc đại phu, phẩm trật Trung nhị thiên thạch, ban tước Quan nội hầu, thưởng trăm cân vàng.

2. Mùa hạ, tháng tư, ngày Kỷ Hợi là ngày hối, có nhật thực. Đế hạ chiếu sai công khanh, trăm quan chỉ ra các lỗi lầm, không phải né tránh giấu giếm; đại xá thiên hạ. Quang lộc đại phu Lưu Hướng dâng đối sách rằng:

"Ngày của tháng tư giao với tháng năm, có nhật thực, tháng thì giống với thời Hiếu Huệ, ngày thì giống với thời Hiếu Chiêu, xét điềm ấy e rằng hại đến người kế tự."[1]

Bấy Hứa hoàng hậu độc chiếm sủng ái, mỹ nữ ở hậu cung ít khi được tiến kiến, người khắp trong ngoài đều lo chúa thượng không có con kế tự, nên Đỗ Khâm, Cốc Vĩnh và Hướng dâng sớ đáp đối sách đều đề cập đến việc đó. Chúa thượng vì thế giảm bớt phí dụng của Tiêu phòng, Dịch đình, các đồ ngự phục, xe kiệu đều do các quan thự chế tác, đồ ban thưởng cho nhà ngoại và các phi tần, đều theo như lệ cũ thời năm Cánh Ninh.

Hoàng hậu dâng thư tự biện giải, cho rằng:

---

[1] Năm thứ bảy đời Hiếu Huệ đế, tháng năm, ngày Đinh Mão có nhật thực, bấy giờ là tháng tư, ngày Kỷ Hợi là ngày cuối tháng, nhật thực, cho nên nói "ngày của tháng tư giao với tháng năm", "về tháng giống với thời Hiếu Huệ đế". Vào năm thứ bảy đời Hiếu Chiêu đế, ngày Kỷ Hợi là ngày hối có nhật thực, cho nên nói "về ngày thì giống với thời Chiêu đế". Mà hai vua Huệ đế và Chiêu đế khi chết đều không có con nối dõi.

"Thời thế đổi thay thì chế độ khác nhau, dài ngắn bổ sung cho nhau, cốt sao không vượt quá phép chế nhà Hán mà thôi, các quy định nhỏ nhặt không nhất thiết phải giống. Ví như năm Cánh Ninh trước đây so với năm Hoàng Long lúc trước, việc há bắt chước nhau sao?[1] Gia lại[2] không hiểu rõ, nay một sớm nhận chiếu thư như thế, sắp sửa khiến thiếp vẫy tay không nổi. Ví thử thiếp muốn làm cái bình phong đặt ở chỗ mỗ, Gia lại nói: 'Việc vốn không có tiền lệ.' Có khi yêu cầu chẳng được đáp ứng, thì nhất định là họ dùng chiếu thư để ước thúc thiếp rồi. Việc đấy thực chẳng nên thi hành, mong Bệ hạ xét kỹ! Theo lệ cũ, được dùng một bò đực cúng tế ông bà, nhưng Đái hầu, Kính hầu đều được nhận ân dùng lễ thái lao, nay phải nhất luật chiếu theo lệ cũ,[3] xin Bệ hạ thương xót! Nay quan lại ở cung đình mới tiếp nhận chiếu thư, tuyên đọc xong, nhất định đến báo trước cho thần thiếp biết, rằng tài vật trong cung không thể tự lấy như ngày trước nữa. Dụng ý ban đầu của quy định này là để ước thúc thiếp, e rằng không hợp lẽ thường. Xin Bệ hạ xét kỹ!"

Chúa thượng liền chọn các lời trong tấu chương của Cốc Vĩnh, Lưu Hướng nói về các điềm xấu dị thường chứng nghiệm đều can hệ đến hậu cung báo với Hoàng hậu, lại hạ chiếu rằng:

"Quan lại bị câu thúc bởi pháp chế, có lỗi gì đâu? Nắn sửa các lỗi sai thành đúng, xưa nay cùng đạo lý. Vả lại việc tiết giảm phí dụng, cúng tế dùng một bò đực, việc này với Hoàng hậu, là để phù giúp mỹ đức, thu được vinh sủng vậy. Gốc họa xấu chẳng trừ bỏ, tai biến sẽ liên tục kéo đến, tổ tông còn chẳng được hưởng huyết thực, thì Đái hầu sẽ ra sao? Kinh truyện chẳng nói: "Dĩ ước thất chi giả tiên[4]",

---

[1] Năm Cánh Ninh (thời Nguyên đế) và năm Hoàng Long (thời Tuyên đế), việc xa hoa kiệm ước của hai vị Đế không giống nhau.

[2] Gia lại (家吏), tức thuộc quan của Hoàng hậu.

[3] Một bò đực, là đặc ngưu, còn cỗ thái lao gồm ba loại bò, dê, lợn. Đái hầu, tức Hứa Quảng Hán; Kính hầu, tức Hứa Diên Thọ. Theo lệ cũ, tức là chỉ được dùng một bò đực cúng tế vậy.

[4] Người biết tự ước chế mình mà phạm sai lầm là rất ít.

Hoàng hậu muốn học theo hành vi xa xỉ sao? Nếu trẫm cũng muốn bắt chước Hiếu Vũ hoàng đế, thì cung Cam Tuyền, Kiến Chương phải phục dựng rồi. Hiếu Văn hoàng đế, là khuôn mẫu của trẫm vậy. Việc đãi ngộ Hoàng thái hậu và Hoàng hậu đã thành phép tắc. Ví như Thái hậu lúc trước không được đãi ngộ xứng với địa vị, nay hậu đãi Hoàng hậu, lại có thể vượt chế độ so với Thái hậu sao? Hoàng hậu nên tận tâm tu đức, lấy nhún nhường kiệm ước làm đầu, lập thành phép tắc ở Hậu cung, khiến cơ thiếp noi theo vậy!"

3. Cấp sự trung Bình Đương người huyện Bình Lăng dâng lời rằng:

- Thái thượng hoàng, là thủy tổ của nhà Hán, phế lăng tẩm và miếu tế của Thái thượng hoàng,[1] là không đúng vậy.

Chúa thượng cũng vì không có con kế tự, bèn thu nạp lời của Đương. Mùa thu, tháng chín, khôi phục lại lăng tẩm và miếu tế của Thái thượng hoàng.

4. Đế hạ chiếu rằng:

"Hiện nay quy định về tội tử hình có hơn nghìn điều, luật lệnh rất rắc rối, đến hơn trăm vạn chữ; các mục xin thỉnh ý và điều văn phụ dẫn ngày càng nhiều thêm. Người chuyên nghiên cứu và thông thạo còn chẳng rõ hết được đầu mục, muốn dùng để hiểu dụ thứ dân chẳng khó lắm sao? Bày lưới để chăng bẫy con dân, hại chết người vô tội, há chẳng đau xót sao? Nay hãy nghị bàn giảm bớt tội tử hình và bỏ bớt các điều lệnh, khiến các điều văn pháp lệnh được rõ ràng dễ hiểu, rồi tấu lại cụ thể."

Bấy giờ Hữu ti chẳng tuyên rộng được ý của chúa thượng, chỉ nhặt lấy những chi tiết mọn, nêu ra mấy vụ việc nhỏ nhặt, để lấp ý chiếu thư mà thôi.

5. Thiền vu Hung Nô phái bọn Hữu Cao Lâm vương Y Tà Mạc Diễn đến dâng cống, tham dự lễ chầu đầu năm.

---

[1] Việc này được thi hành vào năm Cánh Ninh, theo kiến nghị của Khuông Hành.

Năm Hà Bình thứ hai (Giáp Ngọ – TCN 27)

1. Mùa xuân, Y Tà Mạc Diễn triều cống xong, trước khi về, tự nói muốn hàng, rằng:

- Nếu không nhận hàng, ta sẽ tự sát, nhất định không dám quay về.

Sứ giả đem việc báo lên, chúa thượng giao xuống cho công khanh nghị bàn. Kẻ nghị bàn có người nói:

- Nên như lệ cũ, nhận cho hắn hàng.

Quang lộc đại phu Cốc Vĩnh, Nghị lang Đỗ Khâm cho rằng:

"Từ khi Hán triều hưng, Hung Nô nhiều lần gây hại ở biên cảnh, cho nên mới thưởng vàng bày tước để đãi ngộ người hàng. Nay Thiền vu uốn mình xưng thần, được liệt vào phiên quốc phương bắc, phái sứ đến chầu cống chúc mừng, không hai lòng; nhà Hán tiếp đãi Hung Nô, phải khác với thời trước. Nay đã nhận thành ý triều cống của Thiền vu, mà lại thu nạp tôi thần phản trốn của bên ấy, đấy là tham cái lợi được một người mà mất lòng một nước, giữ một bầy tôi có tội mà tuyệt giao với quân vương mộ nghĩa vậy. Giả sử Thiền vu mới lập, muốn nương dựa vào Trung Quốc, chưa biết rõ hơn thiệt, ngầm sai Y Tư Mạc Diễn trá hàng để đoán xét tốt xấu, ta nhận cho hàng, là việc làm tổn nghĩa hại đức, khiến Thiền vu tự xa lánh, chẳng thân gần quan lại ở ven biên; hoặc giả họ bày mưu phản gián, muốn thông qua việc này sinh oán, ta nhận cho hàng, là trúng kế của họ, khiến họ lấy cớ đổ tội mà dùng nghĩa trách ta; việc này thực sự là nguồn gốc an nguy nơi biên cảnh, là mấu chốt của việc sư lữ yên hay động, chẳng thể không xét kỹ vậy. Chẳng bằng không tiếp nhận, để tỏ rõ cái tín như ánh mặt trời, đè lấn cái mưu trá lừa, vỗ về cái ý thân gần nương dựa của Thiền vu, là tiện."

Tấu dâng lên, Thiên tử theo lời ấy, phái Trung lang tướng Vương Thuấn đi tra hỏi thực trạng việc hàng, Y Tà Mạc Diễn nói:

- Ta mắc bệnh phát cuồng, nói xằng thôi.

Hán triều phái người đưa về. Về đến nơi, giữ quan vị như cũ, nhưng Thiền vu không cho y hội kiến với sứ giả của Hán triều nữa.

2. Mùa hạ, tháng tư, địa phận nước Sở có mưa đá, viên đá lớn như cái chõ[1].

3. Đế chuyển phong Sơn Dương vương Lưu Khang làm Định Đào vương.

4. Tháng sáu, chúa thượng phong hết các cậu mình làm Hầu: Vương Đàm làm Bình A hầu, Vương Thương làm Thành Đô hầu, Vương Lập làm Hồng Dương hầu, Vương Căn làm Khúc Dương hầu, Vương Phùng Thì làm Cao Bình hầu. Năm người nhận phong cùng ngày, cho nên người đời gọi họ là "Ngũ hầu". Mẹ của Thái hậu là Lý thị, cải giá lấy người quận Hà Nội là Cẩu Tân, sinh con trai là Tham; Thái hậu muốn lấy việc Điền Phân[2] làm lệ phong tước Hầu cho Cẩu Tham. Chúa thượng nói:

- Phong cho họ Điền, không chính đáng vậy!

Bèn dùng Tham làm Thị trung, Thủy hành đô úy.

5. Ngự sử đại phu Trương Trung dâng tấu hặc Kinh Triệu doãn Vương Tôn bạo ngược ngạo mạn, Tôn bị buộc tội miễn chức quan; quan dân đa phần tiếc oán. Tam lão ở huyện Hồ là bọn Công Thừa Hưng dâng thư kêu oan cho Tôn rằng:

"Vương Tôn trị lý Kinh Triệu, chỉnh việc dẹp loạn, giết bạo cấm tà, đều là công tích trước kia ít thấy, quận tướng danh tiếng không theo kịp; dẫu đã bái nhận chính chức,[3] bản thân vẫn chưa được đặc cách khen thưởng. Nay Ngự sử đại phu tấu hặc Tôn 'làm tổn hại âm dương, khiến quốc gia lo lắng, không vâng lời hành sự theo ý của chiếu thư, dùng lời nói khéo để trái mệnh vua, giả cách kính nhường để gây tội

---

[1] Một loại nồi nấu cơm thời xưa, thường làm bằng đồng.

[2] Điền Phân là em cùng mẹ với Hoàng hậu của Hiếu Cảnh hoàng đế, được phong tước Vũ An hầu. Chuyện về Điền Phân, xem ở Hán kỷ, phần Hiếu Cảnh đế, Hiếu Vũ hoàng đế.

[3] Vương Tôn ban đầu tạm coi việc Kinh Triệu doãn, sau mới được bái chính chức.

ác.[1]*' Cái gốc của lời nói ấy, xuất ra từ Ngự sử thừa Dương Phụ, vốn có oán riêng với Tôn, bề ngoài là thác việc công lập mưu vạch lời, bày đặt tội danh, chép thành tấu chương, lời ấy ngấm dần, bọn thần trộm thấy đau lòng.*

Tôn giữ mình thanh khiết, mài giũa tiết tháo, lấy việc công làm đầu, chê lỗi không úy kỵ quần liêu, giết ác không né tránh cường hào, diệt trừ giặc cỏ khó chế phục, cởi bỏ mối lo cho quốc gia, công huân nổi rõ, trung với chức phận, uy tín chẳng phế hỏng, là quan lại nanh vuốt, là bày tôi trung dũng. Nay vô tội bỗng nhiên bị hại bởi tay kẻ cừu nhân, bị vu hãm bởi bởi tấu chương dối trá, trên chẳng được lấy công trừ tội, dưới chẳng được biện oan nơi cửu cức[2]*, một mình tự chịu lời tấu thiên lệch của kẻ oán thù, nhận cái tội đại ác của Cung Công,*[3] *không có cách gì để trần tình oan khuất.*

Tôn vào lúc kinh sư hỗn loạn, pháp lệnh rối tung, quần đạo cùng hưng, vì tuyển hiền được trưng dụng, rời nhà làm quan khanh; giặc loạn đã trừ, kẻ gian hoạt đâu sỏ phục tội, thế mà giờ bản thân lại bị tố cáo là hạng gian nịnh xảo trá mà bị phế truất. Chỉ một mình Tôn, trong vòng ba năm, chợt là hiền năng chợt bị chê đuổi, há chẳng rất quá sao? Khổng tử nói: 'Ái chi, dục kỳ sinh; ố chi, dục kỳ tử, thị hoặc dã.'[4] *Lại nói: 'Tẩm nhuận chi trấm bất hành yên, khả vị minh hĩ.*[5]*' Mong chúa thượng giao việc xuống cho Công khanh, Đại phu, Bác sĩ, Nghị lang bình xét các việc Tôn làm! Kẻ nhân thần mà 'làm tổn hại âm dương', là tội phải tru diệt vậy; còn 'dùng lời nói khéo để trái mệnh vua', là phải chịu hình phạt giết chóc vậy. Nếu đúng như lời tấu*

---

[1] Là câu trong bản tấu của Ngự sử đại phu, dẫn lời từ *Kinh Thư, thiên Nghiêu điển*. Nguyên văn: "Tĩnh ngôn dong vi, tượng cung thao thiên."

[2] Cửu cức (九棘) là chỉ vào Cửu khanh. Ý nói Tôn không được tự biện giải việc làm của mình ở chỗ Cửu khanh.

[3] Chính là câu tấu tội Cung Công ở trên: "Dùng lời nói khéo để trái mệnh vua, giả cách kính nhường để gây tội ác" vậy.

[4] Tức là: Yêu thì muốn cho sống, ghét thì muốn cho chết, đấy là mê lầm vậy.

[5] Tức là: Lời gièm như nước ngấm, không tác động được đến ta, có thể gọi là sáng suốt rồi.

của Ngự sử, Tôn đáng ứng tội phải giết ở giữa hai cửa khuyết[1], *hoặc lưu đày đến cõi hoang tuyệt vực, chẳng đáng được tha thứ miễn chức; đến như người tiến cử Tôn, cũng nên bắt tội về tiến cử người, chẳng thể tha thứ được*[2]. *Nếu không đúng như lời tấu, thì đấy là văn tự cố ý tô vẽ để vu hãm người vô tội, cũng đáng phải ứng tội giết phạt, để răn trị lời sàm có hại, dứt tuyệt đường gian trá. Xin minh chúa hãy khảo xét kỹ lưỡng, khiến cho đen trắng được rõ ràng!"*

Thư tấu lên, Thiên tử lại dùng Tôn làm Thứ sử Từ châu.

6. Dạ Lang vương là Hưng, Cù Đĩnh vương là Vũ, Lậu Ngọa hầu là Du[3] trước sau khởi binh đánh lẫn nhau. Thái thú Tang Kha thỉnh xin phát binh đánh giết bọn Hưng. Kẻ nghị bàn cho rằng đường đất xa chẳng nên tiến đánh, triều đình bèn phái Thái trung đại phu Trương Khuông người Thục Quận cầm phù tiết đến hòa giải. Bọn Hưng không theo mệnh, khắc tượng gỗ làm quan lại nhà Hán, dựng ở bên đường, bắn tên vào tượng gỗ.

Đỗ Khâm khuyên Đại tướng quân Vương Phượng rằng:

- Vương hầu Man Di khinh thường sứ giả Hán triều, chẳng sợ uy quyền quốc gia, e rằng kẻ nghị bàn khiếp nhược không có ý dâng lời, lại giữ kế sách hòa giải; Thái thú xét động tĩnh thấy có biến, lại đem việc báo lên. Như thế, thì qua lại mất một mùa, Vương hầu Man Di đắc ý thu nhặt bộ chúng của mình, đưa ra kế mưu rồi hoàn thiện, bè đảng trợ giúp đông, đều chẳng ngăn nổi cáu giận, tất tàn diệt lẫn nhau. Họ tự biết là tội đã thành, ngông cuồng xâm phạm các Quận thú, Quận úy, rồi trốn xa đến chỗ đất nắng nóng có độc; dẫu có Tôn, Ngô làm tướng, Bôn, Dục làm quân,[4] nếu xông vào chỗ nước lửa, tất chết cháy chết

---

[1] Là nơi Khổng tử giết Thiếu Chính Mão vì tội làm rối loạn chính sự nước Lỗ.

[2] Pháp luật nhà Hán quy định: Tuyển cử người không xứng chức, xử đồng tội với cái tội của người mà mình tiến cử.

[3] Dạ Lang, Cũ Đĩnh, Lậu Ngọa, là các huyện, đều thuộc quận Tang Kha.

[4] Tôn, Ngô tức Tôn Vũ, Ngô Khởi, đều là những danh tướng lắm trí nhiều mưu; còn Bôn, Dục là dũng sĩ Mạnh Bôn, Hạ Dục, đều là những võ sĩ nổi tiếng về sức khỏe.

chìm, trí dũng không có chỗ mà thi thố. Nếu đóng trại lập đồn điền thủ giữ, phí tổn chẳng thể tính được. Nên nhân lúc tội ác của họ chưa thành, chưa nghi ngờ triều đình có ý tru diệt, mà ngầm sắc lệnh cho Quận thú, Quận úy của các quận bên cạnh thao luyện sĩ mã, Đại tư nông dự sẵn việc điều quân lương chứa ở các chỗ yếu hại, tuyển người nhận chức Thái thú qua đó, lúc thu lương thì tiến vào, giết Vương hầu Man Di ngang ngược không tuân phép tắc. Nếu cho rằng chỗ đó là xứ cỏ cây không mọc nổi, vô dụng với dân, thánh vương không vì chỗ đó mà lao nhọc Trung Quốc, thì nên bãi quận huyện, vứt bỏ dân của quận ấy, tuyệt giao với Vương hầu của họ không qua lại nữa. Nếu vì cái công lao mà tiên đế nhiều đời gây dựng không thể vứt hủy, thì nên nhân lúc biến loạn mới manh nha, sớm quét diệt đi, chứ đợi đến khi biến loạn đã thành rồi mới nhọc quân tác chiến, thì muôn dân mắc hại.

Vì thế Vương Phượng tiến cử Tư mã Kim Thành là Trần Lập người huyện Lâm Cung làm Thái thú Tang Kha.

Lập đến Tang Kha cáo dụ Dạ Lang vương là Hưng, Hưng không theo mệnh. Lập thỉnh xin giết Hưng, chưa nhận được đáp tin. Lập đem mấy chục quan lại theo mình tuần hành huyện thuộc, đến Thả Đồng Đình thuộc địa phận của Hưng, triệu gọi Hưng. Hưng đem mấy nghìn bộ chúng đến Thả Đồng Đình, dẫn mấy chục quân trưởng các ấp phụ thuộc vào gặp Lập. Lập trách mắng Hưng, thừa cơ chặt đầu hắn. Quân trưởng các ấp nói:

- Tướng quân giết kẻ bội nghịch, vì dân trừ hại, bọn ta xin ra ngoài hiểu dụ sĩ chúng!

Rồi đem đầu Hưng ra cho bộ chúng xem, chúng đều buông khí giới hàng. Cù Đĩnh vương Vũ, Lậu Ngọa hầu Du đều run sợ, nộp nghìn hộc thóc và bò dê khao quân sĩ. Lập quay về quận.

Nhạc phụ của Hưng là Ông Chỉ, cùng với con mình là Tà Vụ thu số binh sót, bức ép hai mươi hai ấp bên cạnh làm phản. Đến mùa đông, Lập tấu xin chiêu mộ binh của các tộc người Di,

cùng Đô úy, Trưởng sử chia nhau đi đánh bọn Ông Chỉ. Ông Chỉ chiếm giữ chỗ hiểm lập lũy, Lập sai kỳ binh cắt đứt đường vận lương của chúng, tung phản gián dụ dỗ bộ chúng của Ông Chỉ. Đô úy Vạn Niên nói:

- Binh để lâu không quyết chiến, phí dụng chẳng thể cung ứng được.

Liền một mình dẫn quân tiến đánh; thua vỡ bỏ chạy, hướng đến doanh của Lập. Lập giận, quát gọi thuộc hạ lệnh sai đánh đuổi. Độ úy lại quay lại giao chiến, Lập đi cứu viện. Bấy giờ trời đại hạn, Lập đánh cắt đứt đường nước của địch. Người Man Di cùng chém Ông Chỉ, mang đầu ra hàng, Tây Di liền bình định.

Năm Hà Bình thứ ba (Ất Mùi – TCN 26)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Sở vương Lưu Hiêu đến triều kiến. Tháng hai, ngày Ất Hợi, Đế hạ chiếu, vì Hiêu phẩm hạnh thuần khiết tốt đẹp, được đặc cách gia phong nêu tỏ sự khác thường, phong con của Hiêu là Huân làm Quảng Thích hầu.

2. Ngày Bính Tuất, quận Kiền Vi có động đất, núi lở, lấp sông Giang, nước sông chảy ngược.

3. Mùa thu, tháng tám, ngày Ất Mão là ngày hối, có nhật thực.

4. Chúa thượng vì sách vở cất trong cung bị thất tán nhiều, sai Yết giả Trần Nông tìm kiếm các thư tịch rơi rớt trong thiên hạ. Hạ chiếu sai Quang lộc đại phu Lưu Hướng hiệu chính kinh truyện, thơ phú, sách vở của các nhà, Bộ binh Hiệu úy Nhâm Hoành hiệu chính sách binh thư, Thái sử lệnh Doãn Hàm hiệu chính các sách chiêm bốc, Thị y Lý Trụ Quốc hiệu chính sách y thuật. Mỗi bộ sách hiệu chính xong, Hướng liền chia rõ chương mục của sách ấy, rút lấy các ý cốt yếu, sao chép lại tấu lên.

5. Lưu Hướng cho là quyền của họ Vương quá thịnh, mà chúa thượng hiện tại chỉ chú ý đến cổ văn *Thi, Thư*, Hướng bèn

căn cứ thiên *Hồng phạm* trong sách *Thượng thư*, tập hợp các việc từ thời thượng cổ đến bấy giờ, qua thời Xuân Thu, lục quốc đến Tần, Hán, soạn chép hết các điềm lành dữ, tai vạ dị thường, suy diễn căn nguyên biến hóa của thiên tượng, liên hệ đến họa phúc, nêu rõ các chiêm nghiệm từ đấy, chia riêng từng loại, đều lập thành điều mục, cả thảy mười một thiên, gọi là *Hồng phạm Ngũ hành truyện luận*, tấu lên. Thiên tử trong lòng biết Hướng tinh tế trung thành, vốn vì anh em Vương Phượng quyền quá lớn mới soạn sách ấy; nhưng rút cục chẳng thể đoạt được quyền của họ Vương.

6. Sông Hoàng Hà lại vỡ ở Bình Nguyên, nước tràn vào quận Tế Nam, Thiên Thừa, sức phá hoại do nước ngập gây ra bằng một nửa thời năm Kiến Thủy. Đế lại phái Vương Diên Thế và Thừa tướng sử Dương Yên cùng Tương tác đại tượng Hứa Thương, Gián đại phu thừa Mã Diên Niên chung phụ trách trị lý, sáu tháng mới hoàn thành. Đế lại ban cho Diên Thế trăm cân vàng. Binh tốt trị lý Hoàng Hà không cấp tiền công, đều biên chép họ tên lại, miễn trừ dao dịch sáu tháng.

Năm Hà Bình thứ tư (Bính Thân – TCN 25)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Thiền vu Hung Nô đến chầu.

2. Xá miễn tù đồ trong thiên hạ.

3. Tháng ba, ngày Quý Sửu là ngày sóc, có nhật thực.

4. Thái thú Lang Nha là Dương Dung cùng Vương Phượng kết thông gia, quận Lang Nha bị thiên tai gây hại, Thừa tướng Vương Thương xét hỏi việc ấy. Vương Phượng vì Dung thỉnh xin, Thương không nghe, rút cục dâng tấu xin bãi chức Dung, bản tấu quả nhiên bị giữ lại không giao xuống. Phượng vì việc ấy oán hận Thương, ngầm tìm chỗ kém của Thương, sai Cảnh Định người huyện Tân Dương dâng thư, nói "Thương và tì nữ

hầu hạ cha thông gian; em gái của Thương dâm loạn, dẫn đến việc kẻ nô bộc giết chết gian phu, e rằng việc đấy là do Thương sai khiến." Thiên tử cho là lỗi mờ ám không rõ ràng, chẳng đáng để phương hại đến đại thần. Phượng cố tranh biện, đòi giao việc ấy cho Tư lệ tra xét. Thái trung đại phu Trương Khuông người Thục Quận, vốn gian nịnh xảo quyệt, lại dâng thư cực lực hủy báng Thương. Hữu ti tấu xin triệu Thương đến "chiếu ngục", chúa thượng vốn coi trọng Thương, biết lời của Khuông thâm hiểm không thật, hạ chế lệnh nói: "Không được cứu xét!" Phượng cố tranh biện việc ấy.

Mùa hạ, tháng tư, ngày Nhâm Dần, Đế hạ chiếu thu ấn thụ Thừa tướng của Thương. Thương bị cách chức Thừa tướng ba ngày, phát bệnh, thổ huyết hoăng, được ban thụy là Lệ hầu. Thế rồi các con em thân thuộc của Thương làm Phụ mã đô úy, Thị trung, Trung thường thị, Tào quan, Đại phu, Lang lại, đều bị cho ra ngoài bổ làm Tiểu lại, không ai được lưu lại làm Cấp sự, Túc vệ. Hữu ti tấu xin trừ bỏ ấp phong của Thương; Đế hạ chiếu rằng: "Con trưởng của Thương là Vương An được kế thừa tước vị làm Lạc Xương hầu."

5. Chúa thượng lúc còn làm Thái tử, theo học *Luận ngữ* ở chỗ Trương Vũ người huyện Liễn Chước, lúc tức vị ban cho Vũ tước Quan nội hầu, bái làm Chư lại, Quang lộc đại phu, phẩm trật Trung nhị thiên thạch, Cấp sự trung, kiêm quản việc Thượng thư. Vũ và Vương Phượng chung quản việc Thượng thư, trong lòng tự thấy bất an, nhiều lần xưng bệnh, dâng thư xin từ chức về nghỉ, muốn lui tránh Phượng; chúa thượng không đồng ý, phủ dụ đãi ngộ càng hậu. Tháng sáu, ngày Bính Tuất, Đế lấy Vũ làm Thừa tướng, phong tước An Xương hầu.

6. Ngày Canh Tuất, Sở Hiếu vương Lưu Hiêu hoăng.

7. Khi trước, Vũ đế thông Tây Vực, nước Kế Tân tự cho rằng mình ở chỗ rất xa, binh Hán chẳng đến được, một mình không

quy phục, nhiều lần cướp giết sứ giả nhà Hán. Rất lâu sau, sứ giả nhà Hán là Văn Trung cùng con của Dung Khuất vương là Âm Mạt Phó hợp mưu đánh giết vua nước Kế Tân; lập Âm Mạt Phó làm Kế Tân vương. Về sau Quân hậu là Triệu đức đi sứ nước Kế Tân, cùng Âm Mạt Phó bất hòa; Âm Mạt Phó dùng xích sắt trói Đức, giết từ phó sứ trở xuống cả thảy hơn bảy mươi người, phái sứ giả dâng thư tạ tội. Hiếu Nguyên đế cho rằng chỗ ấy là cõi tuyệt vực, không xét, đuổi sứ giả của nước ấy đến Huyền Độ, dứt tuyệt không qua lại.

Lúc Đế tức vị, nước Kế Tân lại phái sứ đến tạ tội. Hán triều muốn phái sứ giả đáp lễ, hộ tống sứ thần nước ấy về. Đỗ Khâm khuyên Vương Phượng rằng:

- Ngày trước Kế Tân vương là Âm Mạc Phó, vốn được Hán triều lập nên, sau đột nhiên phản nghịch. Xét ra người làm vua, cái đức lớn nhất chẳng gì hơn giữ nước yêu dân, cái tội lớn nhất chẳng gì bằng bắt giết sứ giả, sở dĩ Âm Mạt Phó không báo ân, chẳng sợ bị giết, vì tự biết mình ở nơi xa cách tuyệt, binh Hán chẳng đến được vậy. Bọn họ cầu xin thì dùng lời nhún nhường, không muốn thì kiêu căng ngạo mạn, rút cục chẳng thể vỗ về thu phục được họ. Đại để cái lý do mà Trung Quốc muốn hậu đãi Man Di, đáp ứng đầy đủ cái yêu cầu của họ, là vì cương thổ kề nhau có thể bị họ vào cướp phá. Nay cái hiểm trở của Huyền Độ, không phải là chỗ mà quân Kế Tân có thể vượt được vậy; nếu họ ngưỡng mộ quy thuận, cũng chẳng đủ để yên Tây Vực; dẫu họ không phục, cũng chẳng nguy hại đến các nước thành quách. Ngày trước, họ tự mạo phạm phù tiết, tội ác phơi lộ tại Tây Vực, cho nên Trung Quốc đoạn tuyệt không giao vãng; nay họ hối cái lỗi cũ, nhưng lại không phải thân thuộc, quý tộc đến, mà người dâng cống đều là con buôn ti tiện, đấy là muốn thông thương buôn bán, lấy việc dâng cống làm danh, cho nên nhọc sức sứ giả đưa họ đến Huyền Độ, e là không hợp với thân phận thực tế của họ, bị họ dối lừa. Đại để phái sứ giả đưa tiễn khách,

là muốn phòng ngừa bảo vệ họ không bị cướp hại vậy. Từ nước Bì Sơn xuôi nam, có bốn, năm nước không phụ thuộc Hán triều, quân sĩ trinh sát hơn trăm người, mỗi đêm năm canh chia nhau cảnh giới thủ vệ, vẫn thường bị cướp bóc xâm hại. Dùng lừa chở lương, vẫn phải đợi các nước trên đường đi cấp đồ ăn, mới có thể đủ dùng. Có nước nhỏ nghèo chẳng thể giúp, có nước lớn ngang bướng không chịu cấp, sứ giả cầm phù tiết của nước Hán cường mạnh vẫn phải chịu đói giữa vùng sơn cốc, xin ăn chẳng được gì, thiếu lương một, hai tuần, người và gia súc bỏ mạng nơi hoang dã chẳng thể trở về. Lại phải đi qua núi Đại Đầu Thống, Tiểu Đầu Thống, qua dốc núi Xích Thổ, Thân Nhiệt, khiến người đi thân thể nóng ran, mặt không sắc khí, đau đầu nôn mửa, gia súc cũng đều như thế. Còn có dốc Tam Trì, sườn Thạch Phản, chỗ đường hẹp chỉ rộng có sáu thước bảy tấc, dài dằng dặc ba mươi dặm, ngó lên cao chót vót, nhìn xuống sâu hun hút, người ngựa nâng nhau mà đi, dùng dây dắt kéo nhau, qua hơn hai nghìn dặm, mới đến được Huyền Độ. Gia súc rơi xuống, chưa đến nửa lũng đã nát vụn xương; người rơi xuống, thi thể không thu nhặt được; hiểm trở nguy hại, chẳng thể nói hết. Thánh minh quân vương chia cửu châu, chế Ngũ phục,[1] cốt mong sự phồn thịnh phía trong, không tìm lấy ở bên ngoài; nay phái sứ giả phụng mệnh chí tôn, đưa tiễn bọn con buôn Man Di, lao nhọc số đông sĩ chúng, lặn lội đường đất nguy nan, người Trung Quốc mệt nhọc để giúp đỡ nước Man Di phương xa vô dụng, không phải là kế hay vậy. Hiện giờ sứ giả đã tiếp nhận phù tiết, nhưng chỉ nên đưa sứ của họ đến Bì Sơn rồi quay về.

Vì thế Phượng bẩm bạch lên, Đế theo lời của Khâm. Nước Kế Tân quả thực tham đồ ban thưởng và cái lợi buôn bán, nên sứ giả của họ mấy năm lại đến một lần.

---

[1] Cửu châu xưa (vua Đại Vũ chia), gồm có các châu: Ký, Duyện, Dự, Thanh, Từ, Kinh, Dương, Lương, Ung. Ngũ phục (chia đất theo cự ly xa hay gần so với kinh sư, cứ năm trăm dặm một mức), gồm: Điện, Hầu, Tuy, Yêu, Hoang.

Năm Dương Sóc nguyên niên (Đinh Dậu – TCN 24)

1. Mùa xuân, tháng hai, ngày Đinh Mùi là ngày hối, có nhật thực.

2. Tháng ba, xá miễn tù đồ trong thiên hạ.

3. Mùa đông, Kinh Triệu doãn Vương Chương người quận Thái Sơn bị bắt tống ngục, xử tử.

Thời ấy Đại tướng quân Vương Phượng nắm đại quyền, chúa thượng mềm yếu khiêm nhường không có thực quyền. Tả hữu từng tiến cử con út của Quang lộc đại phu Lưu Hướng là Hâm vốn thông đạt có tài lạ, chúa thượng triệu kiến, Hâm tụng đọc thơ phú, Đế rất hài lòng, muốn dùng làm Trung thường thị; lệnh sai lấy mũ áo, sắp hành lễ bái quan, tả hữu đều nói:

- Còn chưa dụ ý Đại tướng quân.

Chúa thượng nói:

- Việc nhỏ này, hà tất phải đợi thông qua Đại tướng quân!

Tả hữu rập đầu can gián, chúa thượng vì thế nói với Phượng, Phượng cho là không nên, việc bèn dừng.

Con em họ Vương đều làm Quan khanh, Đại phu, Thị trung, Chư tào, chia nhau giữ chức quan quyền thế, đầy cả triều đình. Đỗ Khâm thấy Phượng chuyên quyền quá nặng, khuyên răn Phượng rằng:

- Xin tướng quân học theo sự khiêm cung cẩn trọng của Chu công, giảm bớt cái uy phong của Nhưỡng hầu, buông bỏ lòng tham muốn của Vũ An, không để cho bọn người như Phạm Tuy có lời ly gián![1]

---

[1] Chu công phụ giúp Thành vương, nắm triều chính, bị Quản Thúc Tiên, Sái Thúc Độ đồn rằng Chu công mưu cướp ngôi, Chu công rời triều đình đi về ở phía đông; Việc về Nhưỡng hầu Ngụy Nhiễm, xem ở Chu kỷ, quyển 3, quyển 4, sự kiện đời Chu Noãn vương; việc về Phạm Tuy (gièm pha Bạch Khởi), xem ở Chu kỷ, quyển 5, sự kiện đời Chu Noãn vương; việc về Vũ An hầu Điền Phân, xem ở Hán kỷ, các quyển 8, 9, 10, sự kiện đời Hán Vũ đế.

Phượng không nghe.

Bấy giờ chúa thượng không có con kế tự, thân thể lắm bệnh bất an. Định Đào Cung vương đến triều kiến, Thái hậu và chúa thượng vâng theo di ý của tiên đế, đãi ngộ Cung vương rất hậu, ban thưởng gấp bội so với các Vương khác, chẳng vì việc cũ mà hiềm nghi nhỏ mọn;[1] lưu Cung vương lại kinh sư, không phái về nước phong. Chúa thượng bảo Cung vương rằng:

- Ta không có con, số mệnh vô thường, chẳng ai tránh được cái chết, một khi có chuyện biến hóa, lại chẳng gặp nhau được nữa, ngươi hãy lưu lại lâu dài theo hầu ta!

Sau đấy bệnh của Thiên tử khỏi dần, Cung vương liền lưu lại phủ đệ nước Định Đào, sớm tối phục thị chúa thượng; chúa thượng rất xem trọng Cung vương. Đại tướng quân Phượng trong lòng thấy việc Cung vương lưu lại kinh sư không lợi cho mình, đúng lúc có nhật thực, Phượng nhân đó nói:

- Nhật thực, là điềm khí âm thịnh. Định Đào vương dẫu thân, về lễ đáng phải vâng mệnh ở nước phiên; nay lưu lại kinh sư, là không chính đáng, trái lẽ thường, cho nên trời cao xuất hiện điềm cảnh báo, nên phái Vương về nước phong!

Chúa thượng bất đắc dĩ phải vì Phượng mà đồng ý việc ấy. Cung vương từ biệt đi, chúa thượng và Cung vương đối mặt khóc lóc rồi chia biệt.

Vương Chương vốn là người cương trực dám nói, tuy được Phượng tiến cử[2], nhưng chê bai Phượng chuyên quyền, không thân gần nương bám Phượng, bèn dâng tấu thư phong kín, nói: "Điềm xấu nhật thực, đều bởi lỗi Phượng chuyên quyền che lấp

---

[1] Định Đào Cung vương, tức Lưu Khang, con của Nguyên đế và Phó Chiêu nghi. Việc cũ, tức nói việc Hán Nguyên đế từng muốn phế Lưu Ngao (Hán Thành đế), lấy Lưu Khang làm Thái tử, nhờ có Sử Đan ra sức khuyên can, việc ấy mới thôi.

[2] Vương Chương được tuyển là Kinh Triệu doãn là do Phượng tiến cử vậy, việc này xảy ra sau khi Vương Tôn vị bãi chức, nhưng Tư trị không chép rõ.

chúa thượng." Chúa thượng triệu kiến Chương, đem việc hỏi han thỉnh ý. Chương thưa rằng:

- Đạo trời thông suốt sáng láng, giúp thiện trừ ác, dùng điềm lành hoặc điềm vạ báo hiệu chứng nghiệm. Nay Bệ hạ vì chưa có con kế tự, dẫn dắt thân gần Định Đào vương, là vì việc kế thừa tông miếu, xem trọng xã tắc, trên thuận lòng trời, dưới yên bách tính, đấy là việc thiện chính đáng, phải là điềm lành, sao lại là rước vạ được? Tai vạ dị thường phát sinh, là bởi đại thần chuyên quyền vậy. Nay nghe nói Đại tướng quân quy lỗi điềm xấu nhật thực phát sinh cho Định Đào vương, kiến nghị phải quay về nước phong, cũng ví như muốn khiến Thiên tử bị cô lập ở trên, được chuyên quyền triều chính ở dưới, để tiện mưu đồ riêng, đấy không phải là trung thần vậy. Vả lại nhật thực, là khí âm lấn khí dương, lỗi bởi bầy tôi chuyên mệnh vua. Nay chính sự lớn nhỏ đều từ Phượng xuất ra, Thiên tử co tay không thể nâng nhấc, Phượng chẳng phản tỉnh tự trách mình, lại quy lỗi cho người thiện, đẩy Định Đào vương đến nơi xa. Hơn nữa, Phượng còn vu hãm dối lừa bất trung, không chỉ một việc vậy. Trước kia Thừa tướng Lạc Xương hầu Vương Thương, vốn là thân thích bên ngoại của tiên đế, phẩm hạnh đôn hậu, có uy trọng, trải ngôi vị văn võ, là bầy tôi lương đống của quốc gia, người ấy giữ chính nghĩa, chẳng chịu khuất tiết uốn mình theo Phượng; rút cục bị Phượng dùng việc kín nơi khuê phòng dẫn tội bãi truất, Thương lo buồn mà chết, bách tính xót thương. Lại nữa, Phượng biết rõ em gái tiểu thiếp của mình là Trương mỹ nhân đã từng gả cho người khác, về lễ không thích hợp để hôn phối với bậc Chí tôn, nhưng thác rằng đấy là người thích hợp để sinh con trai, đem dâng vào hậu cung, cẩu thả dựa em tiểu thiếp để mưu lợi riêng; nghe nói Trương mỹ nhân chưa từng mang thai đến ở Cát quán[1] vậy. Vả lại người Khương, người

[1] Cát quán (吉馆) là nơi các bậc thứ thiếp của vua đến ở khi sắp đến kỳ sinh nở.

Hồ còn giết người con đầu để tẩy rửa ruột của nữ nhân, đảm bảo huyết thống thuần chính, huống chi bậc Thiên tử, há có thể gần gũi nữ nhân đã gả chồng! Ba việc đấy đều là đại sự, là các việc mà Bệ hạ tự trông thấy, đủ để biết được những việc khác mà Bệ hạ không trông thấy. Chẳng nên để Phượng chủ trì quốc sự lâu, nên cho từ quan lui về phủ đệ, tuyển chọn lấy người trung hiền để thay thế ông ta!

Từ lúc Phượng bạch tội bãi truất Thương, sau lại đuổi Định Đào vương, chúa thượng uất ức bất bình; lúc nghe Chương nói, Thiên tử cảm ngộ, thu nhận lời ấy, bảo Chương rằng:

- Nếu chẳng có Kinh Triệu doãn nói thẳng, thì ta không nghe được đại kế xã tắc. Vả lại chỉ người hiền mới biết người hiền, ngài hãy thử vì trẫm tìm giúp một người phụ chính.

Vì thế Chương lại dâng tấu thư phong kín, tiến cử cậu của Tín Đô vương là Thái thú Lang Nha Phùng Dã Vương, trung tín chính trực, trí mưu có thừa. Chúa thượng từ lúc còn là Thái tử, nhiều lần nghe thanh danh của Dã Vương, chuẩn bị cậy dựa để thay Phượng. Chương mỗi khi được triệu kiến, chúa thượng thường đuổi tả hữu ra. Bấy giờ con của em họ Thái hậu là Thị trung Vương Âm nghiêng tai nghe trộm, biết hết những lời Chương nói, đem kể với Phượng. Phượng nghe tin ấy, rất lo sợ. Đỗ Khâm khuyên Phượng ra ở phủ đệ, dâng sớ xin từ chức về nghỉ, lời lẽ trong thư ấy rất bi thương. Thái hậu nghe chuyện, vì Phượng rơi nước mắt, không chịu ăn cơm. Chúa thượng từ nhỏ thân gần cậy dựa Phượng, chẳng nỡ phế, bèn hạ ưu chiếu đáp lại Phượng, sai gắng giữ chức; vì thế Phượng dậy coi xét việc.

Chúa thượng sai Thượng thư tấu hặc Chương rằng:

"Chương biết rõ Dã Vương trước đây vì là cậu của Vương chư hầu nên mới cho ngoài bổ làm quan[1], thế mà lại tư tâm tiến cử, muốn

[1] Việc Dã Vương được cho ra ngoài triều bổ làm Thái thú Thượng Quận, đã nói ở Hán kỷ quyển 21, sự kiện năm Kiến Chiêu thứ năm.

để ông ấy nhận chức ở triều, a dua xu phụ chư hầu; lại biết rõ Trương mỹ nhân vào cung hầu hạ bậc Chí tôn, mà xằng bậy viện dẫn việc người Khương, người Hồ giết con đầu tẩy ruột nữ nhân, đấy không phải là những lời nên nói vậy."

Rồi đem Chương giao xuống cho pháp quan xử trị. Đình úy dùng văn từ dẫn tội của Chương thành "đại nghịch bất đạo", cho rằng "so chúa thượng với Di Địch, muốn tuyệt mầm mống người kế tự; bội phản Thiên tử, tư tâm giúp Định Đào vương." Chương rút cục chết ở trong ngục, vợ con bị đày đến Hợp Phố. Từ đấy công khanh gặp Phượng, chỉ dám liếc mắt mà trông.

Phùng Dã Vương lo sợ chẳng tự yên, vì thế mắc bệnh; tròn ba tháng, Đế cho cáo bệnh về nghỉ, Dã Vương cùng vợ con trở về Đỗ Lăng tìm thầy thuốc chữa bệnh. Đại tướng quân Phượng ngầm bảo Ngự sử trung thừa dâng tấu hặc tội Dã Vương, nói: "Dã Vương được cho về nghỉ chữa bệnh mà tự tiện theo ý riêng, cầm hổ phù ra khỏi địa giới về nhà,[1] phụng chiếu bất kính." Đỗ Khâm dâng tấu ký lên Phượng rằng:

"Nhị thiên thạch mắc bệnh, được cho cáo bệnh về nhà, có tiền lệ; việc không được rời quận, không nêu rõ trong pháp lệnh. Truyện nói: 'Thưởng nghi tòng dữ'[2], là để rộng rãi thi ân, khuyến khích người có công vậy, nói 'Phạt nghi tòng khứ'[3], là để thận trọng hình phạt, tránh sai lầm vậy. Nay bỏ pháp lệnh và tiền lệ mà dùng điều luật bất kính trị tội, thực trái với cái ý 'Phạt nghi tòng khứ' của cổ nhân. Nếu cho rằng Nhị thiên thạch giữ đất nghìn dặm, nhận trọng trách binh mã, chẳng nên rời quận, đem chế định thành điều luật làm phép tắc về sau, thì cái tội của Dã Vương xảy ra trước khi có chế lệnh vậy. Thưởng phạt là điều đại tín, chẳng thể không cẩn thận!"

---

[1] Theo pháp chế nhà Hán, khi không có lệnh vua mà cầm hổ phù ra khỏi địa phận mình cai quản thì bị bắt tội.

[2] Việc thưởng còn ngờ thì thưởng.

[3] Việc phạt còn ngờ thì tha.

Phượng không nghe, rút cục bãi chức quan của Dã Vương.

Bấy giờ dân chúng đa phần cho là Vương Chương oan uổng mà chê bai triều đình, Khâm muốn cứu cái lỗi ấy, lại khuyên Phượng rằng:

- Kinh Triệu doãn Chương mắc tội là việc bí mật, ở ngay kinh sư còn không hiểu được, huống chi là người ở phương xa! Sợ rằng thiên hạ không biết Chương đích xác mắc tội, mà cho rằng Chương vì nói thẳng mắc tội. Như thế, sẽ lấp đường can ngăn của mọi người, tổn hại đến thánh đức khoan dung hiền minh của chúa thượng. Khâm ngu muội cho rằng nên nhân việc của Chương mà tiến cử người trực ngôn can gián thẳng, đồng thời triệu kiến thuộc quan của các quan lang, cho họ phát biểu hết ý kiến của mình, khiến triều đình có được cái tiếng rộng rãi, hơn hẳn so với ngày trước, để bốn phương hiểu rõ ý, khiến thiên hạ đều biết rằng chúa thượng thánh minh, không vì lời nói mà trị tội người dưới vậy. Như thế, thì lời đồn sẽ tiêu trừ, nghi hoặc sẽ tự giải.

Phượng bẩm xin thi hành theo kế sách của Khâm.

4. Năm ấy, Đế lấy Thái thú Trần Lưu là Tiết Tuyên làm Tả phùng dực. Tuyên quản quận, ở đâu cũng có chính tích thanh liêm. Con của Tuyên là Huệ làm Bành Thành lệnh, Tuyên có lần đi qua huyện ấy, trong lòng biết rõ là Huệ không có tài năng, chẳng hỏi đến việc sửa trị. Có người hỏi Tuyên:

- Sao ngài chẳng chỉ giáo răn dạy Huệ về chức trách của quan lại?

Tuyên cười nói:

- Cái đạo của việc sửa trị, là lấy pháp lệnh làm thầy, có thể tra cứu mà biết; còn như có tài hay không có tài, tự có tư chất, sao có thể học được?

Chúng nhân truyền bá khen lời ấy, cho rằng lời của Tuyên là đúng.

Năm Dương Sóc thứ hai (Mậu Tuất – TCN 23)

1. Mùa xuân, tháng ba, đại xá thiên hạ.

2. Ngự sử đại phu Trương Trung chết.

3. Mùa hạ, tháng tư, ngày Đinh Mão, triều đình lấy Thị trung, Thái bộc Vương Âm làm Ngự sử đại phu. Vì thế họ Vương lại càng thịnh, từ Thái thú, Quốc tướng các quận, quốc cho đến Thứ sử các châu đều xuất ra từ môn hạ họ Vương. Anh em Ngũ hầu đua nhau làm chuyện xa xỉ, đồ trân bảo biếu tặng hối lộ từ bốn phương đổ đến, năm nhà đều thông tỏ và nhanh nhẹn chuyện nhân sự, thích kẻ sĩ, dưỡng hiền tài, dốc tiền của thi ân cho tặng để tranh nhau cao thượng; tân khách đầy nhà, đua nhau vì họ truyền tiếng khen. Lưu Hướng bảo Trần Thang rằng:

- Nay điềm trời tai vạ dị thường như thế, mà nhà ngoại ngày một thịnh, việc này lâu dần tất gây nguy cho họ Lưu. Ta may mắn là chi ngọn của hoàng tộc, nhiều đời chịu hậu ân của nhà Hán, thân là người cao tuổi còn sót trong tông thất, trải thờ ba chủ[1]. Chúa thượng vì ta là cựu thần của tiên đế, nên mỗi khi ta tiến kiến, thường dùng lễ hậu đối đãi. Ta mà không nói, ai sẽ nói đây!

Bèn dâng thư phong kín cực lực can rằng:

"Thần nghe nói người làm vua chẳng ai không muốn quốc gia yên ổn, thế nhưng vẫn thường có nguy cơ; chẳng ai không muốn quốc gia trường tồn, thế nhưng vẫn thường bị vong quốc; đấy là vì quân vương đánh mất cái thuật chế ngự bầy tôi vậy. Đại thần nắm giữ quyền bính, chủ trì quốc chính, chưa có ai không thành họa hại vậy. Cho nên Kinh Thư viết: 'Thần tử tác uy tác phúc, họa hại đến gia tộc, hung hiểm với quốc gia.' Khổng tử nói: 'Quyền ban lộc không ở nhà vua, thì chính sự ở trong tay đại phu', là điềm triệu nguy vong vậy.

---

[1] Tức các vua Tuyên đế, Nguyên đế và Thành đế vậy.

Nay Vương thị cùng một họ, người ngồi xe bánh đỏ trục hoa đến hai mươi ba người, người đeo dây thao xanh, dây thao tía, đội mũ điêu, mũ cánh ve[1] đầy cả triều đình, người làm tả hữu la liệt như vảy cá. Đại tướng quân chủ trì quốc sự, nắm giữ quyền bính, Ngũ hầu kiêu xa tiếm phép quá mức, cùng tác uy tác phúc, phóng túng mặc lòng công kích đánh giết, quyết việc, phẩm hạnh dơ bẩn mà được phó thác xử trị, bản thân tư tâm mà thác là vì việc công, cậy dựa sự tôn quý của Đông cung, lợi dụng sự thân thích là cậu của Hoàng đế, lấy đấy làm uy trọng. Thượng thư, Cửu khanh, Châu mục, Quận thú đều xuất ra từ dưới cửa nhà họ, quản giữ các bộ quan cơ yếu, bè đảng mưu việc riêng; ai khen ngợi tán dương họ thì được thăng tiến, ai chống đối ghét hận họ thì bị giết hại; người du thuyết giúp họ thuyết giải, người nắm quyền vì họ nói lời. Bài xích ruồng đuổi tông thất, cô lập làm suy yếu công tộc; người trong số ấy có tài trí thì chê bai hủy báng không tiến cử, phải xa cách dứt tuyệt trách nhiệm với tông thất, không cho được giúp việc ở trong cung và triều đình, vì sợ họ chia quyền thế với bản thân mình; nhiều lần nêu việc Yên vương và Cái chủ mưu loạn để chúa thượng nghi ngờ,[2] nhưng lại kiêng tránh việc họ Lã, họ Hoắc mà không chịu nói đến.[3] Bọn họ bên trong có cái mầm mống của Quản, Sái, bề ngoài lại mượn lời ngôn luận của Chu công, anh em nắm quyền nặng, tông tộc đắp đổi cho nhau, từ thời thượng cổ đến thời Tần, Hán, ngoại thích vượt phận được tôn quý chưa có ai như họ Vương vậy.

Vật thịnh tất có biến hóa phi thường hiển hiện trước, là dự báo cho người biết cái điềm suy vi. Thời Hán Chiêu đế, mũ đá dựng đứng ở Thái Sơn, cây liễu chết sống lại ở Thượng lâm,[4] mà Hiếu Tuyên đế

---

[1] Phép chế nhà Hán quy định: Liệt hầu đeo dây thao tía; Nhị thiên thạch đeo dây thao xanh; Thị trung và Trung thường thị đội mũ gắn đuôi điêu, mũ cánh ve.

[2] Xem việc Yên vương Lưu Đán và Ngạc Ấp công chúa mưu loạn ở Hán kỷ, quyển 15, năm Nguyên Phượng nguyên niên, đời Hán Chiêu đế.

[3] Việc họ Lã chuyên quyền suýt làm mất ngôi Hán, xem ở Hán kỷ, quyển thứ năm; việc về họ Hoắc, xem ở Hán kỷ, các quyển 15, 16 và 17.

[4] Xem Hán kỷ, quyển 15, sự kiện Năm Nguyên Phượng thứ ba, đời Hán Chiêu đế.

tức vị. Nay mộ phần của tổ tiên họ Vương tại Tế Nam, cây cột gỗ ở đó nảy lá xanh, lá rậm rạp vượt lên nóc nhà, rễ cây cắm sâu vào lòng đất, dẫu điêm mũ đá dựng đứng, cây liễu khô sống lại, cũng không lấy gì rõ hơn được vậy. Hình thế của sự vật chẳng thể hai nhà cùng tồn tại, họ Vương và họ Lưu chẳng thể cùng đứng, nếu kẻ dưới được yên ổn như núi Thái, thì người trên có mối nguy trứng chồng. Bệ hạ là con cháu của họ Lưu, chủ trì coi giữ tông miếu, mà để quốc lộc chuyển dời đến tay họ ngoại, giáng địa vị họ Lưu xuống hàng ti tiện, ví thử chẳng vì mình, nhưng còn tông miếu phải làm sao? Với người phụ nữ, nhà chồng là bên nội mà nhà cha mẹ là bên ngoại, đấy cũng không phải là phúc của Hoàng thái hậu vậy. Hiếu Tuyên hoàng đế chẳng cho cậu là Bình Xương hầu nắm quyền, đấy là để bảo toàn cho họ Lưu vậy.[1]

Người sáng suốt thì tạo phúc từ lúc phúc vô hình, trừ họa từ lúc họa chưa sinh, Bệ hạ nên phát minh chiếu, mở đức lành, dẫn tiến tông thất gần gũi, thân gần rồi thu nạp tín nhiệm, bãi truất xa lánh ngoại thích, không đem quyền chính giao cho họ, đều bãi chức cho về phủ đệ, bắt chước cái phép tắc mà tiên vương thi hành, hậu đãi vỗ yên ngoại thích, bảo toàn cho tông tộc bọn họ, đúng với ý của Đông cung, là phúc khí của nhà ngoại vậy. Họ Vương vĩnh viễn tồn tại, giữ được tước lộc của mình, họ Lưu được yên ổn lâu dài, không mất xã tắc, đấy là lý do khiến hai họ nội ngoại được hòa mục, là cách để con con cháu cháu nối dài đến vô cùng. Nếu chẳng thi hành kế sách ấy, cái việc họ Điền lại xuất hiện ở đời nay[2]*, cái họa Lục khanh lại hưng ở thời Hán*[3]*, thành mối lo cho hậu thế, việc thực hết sức rõ ràng. Mong Bệ hạ hãy lưu tâm suy nghĩ kỹ."*

---

[1] Bình Xương hầu Vương Vô Cố, là cậu của Hiếu Tuyên đế. Tuyên đế chỉ ban cho nhiều vàng bạc, bổng lộc, không cho nắm thực quyền.

[2] Công tử Hoàn, con của Trần Lệ công lưu vong đến nước Tề, được phong làm Đại phu, qua năm đời, đến Điền Thường, nắm được quốc chính, đến Điền Hòa thì đoạt nước Tề.

[3] Lục khanh, tức sáu họ lớn làm quan khanh ở nước Tấn (Trung Hàng, Tuân, Phạm, Triệu, Ngụy, Hàn). Sáu họ này nắm quyền tranh lợi, thâu tóm đánh diệt nhau, cuối cùng ba họ mạnh nhất chia đoạt nước Tấn.

Thư tấu lên, Thiên tử triệu kiến Hướng, vì tâm ý của Hướng mà than thở rất bi thương, bảo rằng:

- Ngài hãy tạm về nghỉ đã, ta sẽ nghĩ việc này!

Nhưng rút cục chẳng thể dùng lời của Hướng.

4. Mùa thu, vùng Quan Đông có thủy tai.

5. Tháng tám, ngày Giáp Thân, Định Đào Cung vương Lưu Khang hoăng.

6. Năm ấy, chuyển phong Tín Đô vương Hưng làm Trung Sơn vương.

---ॐ---

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ HAI MƯƠI BA]

HIẾU THÀNH HOÀNG ĐẾ

Năm Dương Sóc thứ ba (Kỷ Hợi – TCN 22)

1. Mùa xuân, tháng ba, ngày Nhâm Tuất, có tám viên đá trời rơi ở Đông Quận.

2. Mùa hạ, tháng sáu, một trăm tám mươi người bọn Thiết quan đồ[1] của quận Dĩnh Xuyên là Thân Đồ Thánh giết Trưởng lại, cướp kho binh khí, tự xưng là Tướng quân, chiến sự lan khắp chín quận xung quanh. Đế phái Thừa tướng Trưởng sử và Ngự sử Trung thừa đuổi bắt, xét việc trưng binh theo quân pháp, bọn giặc đều bị giết.

3. Mùa thu, Vương Phượng mắc bệnh, Thiên tử đích thân đến thăm hỏi, tự mình cầm tay Phượng sa nước mắt, khóc nói:

- Tướng quân ốm bệnh, nếu như có việc không may, Bình A hầu Vương Đàm kế sau Tướng quân thôi!

Phượng rập đầu khóc nói:

- Bọn Đàm tuy với thần là chí thân, hành vi đều xa xỉ tiếm vượt, không lấy gì để làm gương dẫn dắt bách tính, chẳng bằng Ngự sử đại phu Vương Âm hết mực cẩn trọng, thần xin lấy cái chết để bảo cử cho ông ấy!

---

[1] Là các tù đồ được tha, sai đi đúc quặng sắt, thuộc quyền quản của Thiết quan.

Lúc Phượng sắp chết, dâng sớ tạ chúa thượng, lại cố sức tiến cử Vương Âm thay mình, nói năm người bọn Đàm nhất định không nên dùng; Thiên tử cho là đúng.

Khi trước, Đàm xấc xược, không chịu kính phụng Phượng, nhưng Âm kính trọng Phượng, nhún mình cung kính như con, cho nên Phượng tiến cử Âm. Tháng tám, ngày Đinh Tỵ, Phượng hoăng. Tháng chín, ngày Giáp Tý, Đế lấy Vương Âm làm Đại tư mã, Xa kỵ tướng quân, còn Vương Đàm nhận ngôi vị Đặc tiến, kiêm quản Thành môn binh[1]. Thái thú An Định là Cốc Vĩnh nhân việc Đàm mất chức[2], khuyên Đàm chối nhường, không nhận chức Thành môn binh; từ đấy Đàm, Âm bất hòa với nhau.

4. Mùa đông, tháng mười một, ngày Đinh Mão, lấy Quang lộc huân Vu Vĩnh làm Ngự sử đại phu. Vĩnh, là con của Vu Định Quốc vậy.

Năm Dương Sóc thứ tư (Canh Tý – TCN 21)

1. Mùa xuân, tháng hai, đại xá thiên hạ.

2. Mùa hạ, tháng tư, có mưa tuyết.

3. Mùa thu, tháng chín, ngày Nhâm Thân, Đông Bình Tư vương Lưu Vũ hoăng.

4. Đế lấy Thiếu phủ Vương Tuấn làm Kinh Triệu doãn. Tuấn, là con của Vương Cát vậy. Trước đấy, những người nhận chức Kinh Triệu doãn là Triệu Quảng Hán, Trương Sưởng, Vương Tôn, Vương Chương, cho đến Tuấn, đều nhờ tài cán nổi danh, cho nên người ở kinh sư khen rằng: "Trước có Triệu, Trương, sau có Tam Vương."

5. Tháng nhuận, ngày Nhâm Tuất, Vu Vĩnh chết.

---

[1] Thành Trường An có mười hai cửa ra vào, đều có binh đồn trú.

[2] Ở đây là chỉ việc Đàm không được thay chức Vương Phượng như ý nguyện.

6. Tiểu Côn di của Ô Tôn là Ô Tựu Đồ chết, con là Phù Li thay lập; bị em là Nhật Nhị giết chết. Nhà Hán phái sứ giả lập con của Phù Li là An Nhật làm Tiểu Côn di. Nhật Nhị trốn đến nước Khang Cư; An Nhật sai quý tộc là ba người bọn Cô Mạc Nặc giả trốn theo Nhật Nhị, đâm chết hắn. Vì thế các nước Tây Vực dâng thư, xin lại được Đoàn Hội Tông làm Đô hộ như lúc trước[1]; chúa thượng theo lời. Các nước thành quách nghe tin ấy, đều nhất trí thân dựa Hán triều.

7. Cốc Vĩnh tấu rằng:

"Bậc thánh vương không xem tiếng khen hơn hiệu quả thực; Ngự sử đại phu là chức lớn, trách nhiệm rất nặng, Thiếu phủ Tiết Tuyên thông đạt về xử lý chính sự, xin Bệ hạ lưu tâm xét kỹ."

Chúa thượng theo lời.

Năm Hồng Gia nguyên niên (Tân Sửu – TCN 20)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Quý Tỵ, Đế lấy Tiết Tuyên làm Ngự sử đại phu.

2. Tháng hai, ngày Nhâm Ngọ, chúa thượng tuần hành đến Sơ lăng, xá miễn tội đồ bị phạt làm vườn mộ; lấy hương Hí của huyện Tân Phong lập huyện Xương Lăng, để cung phụng cho Sơ lăng.

3. Chúa thượng bắt đầu vi hành, các quan lang hoặc tư nô đi theo chúa thượng hơn chục người, hoặc đi xe nhỏ, hoặc đều cưỡi ngựa, ra vào chợ búa và các ngõ xóm, đi xa đến các huyện lân cận[2] như Cam Tuyền, Trường Dương, Ngũ Tạc, chơi đấu gà, đuổi ngựa, thường tự xưng là gia nhân của Phú Bình hầu. Phú Bình hầu, là Trương Phóng, cháu bốn đời của Trương An Thế vậy. Cha của Phóng là Lâm, lấy Kính Vũ công chúa, sinh ra

[1] Đoàn Hội Tông khi trước từng làm Đô hộ Tây Vực.

[2] Trỏ các huyện phụ cận vùng Trường An vậy.

Phóng, Phóng làm Thị trung, Trung lang tướng, lấy em gái của Hứa hoàng hậu, đương thời vinh sủng không ai sánh bằng, cho nên Đế tự xưng như thế.

4. Tháng ba, ngày Canh Tuất, Trương Vũ vì già lão bệnh tật nghỉ chức, lấy thân phận Liệt hầu hội triều vào ngày sóc, vọng, ngôi vị Đặc tiến, lúc triệu kiến được kính lễ như Thừa tướng; trước sau ban thưởng mấy nghìn vạn tiền.

5. Mùa hạ, tháng tư, ngày Canh Thìn, Đế lấy Tiết Tuyên làm Thừa tướng, phong tước Cao Dương hầu; lấy Kinh Triệu doãn Vương Tuấn làm Ngự sử đại phu.

6. Vương Âm thân phận chỉ là cậu họ của Đế mà lại vượt hẳn những người thân khác được trọng dụng, nên một lòng cẩn thận vâng giữ chức phận. Chúa thượng vì Âm từ chức Ngự sử đại phu được thăng làm Tướng quân, không thể có được tước phong của Tể tướng. Tháng sáu, ngày Ất Tỵ, phong Âm làm An Dương hầu.[1]

7. Mùa đông, rồng vàng xuất hiện ở huyện Chân Định.

8. Năm ấy, Thiền vu Phục Chu Luy của Hung Nô chết, em là Thả Mi Tư nối lập, là Thiền vu Sưu Hài Nhược Đê; phái con là Tả chúc đô Hàn vương Ha Lưu Tư Hầu tới làm con tin, lấy Thả Mạc Xa làm Tả hiền vương.

Năm Hồng Gia thứ hai (Nhâm Dần – TCN 19)

1. Mùa xuân, chúa thượng tuần hành đến Vân Dương, Cam Tuyền.

2. Tháng ba, Bác sĩ cử hành lễ "đại xạ". Có con chim trĩ bay đến đậu ở sân đình, vượt qua bậc thềm lên sảnh đường rồi cất

[1] Từ thời Công Tôn Hoằng làm Tể tướng (Thừa tướng) đến bấy giờ, người giữ chức vị Thừa tướng được phong tước Hầu. Vương Âm bấy giờ không làm Thừa tướng mà cũng được phong tước Hầu, vì được Thành đế sủng ái vậy.

tiếng kêu; sau đấy lại bay đến đậu ở phủ Thái thường, Tông chính, Thừa tướng, Ngự sử đại phu, Xa kỵ tướng quân, tiếp đó lại bay tới đậu trên nóc điện Thừa Minh của cung Vị Ương. Xa kỵ tướng quân Vương Âm và bọn Đãi chiếu Sủng dâng tấu nói:

"Khí trong trời đất, đồng loại hô ứng lẫn nhau, trách bảo người làm vua, tuy từ việc rất nhỏ nhưng rõ ràng vậy. Chim trĩ thính nhạy, nghe được tiếng sấm trước nhất,[1] *cho nên trong Nguyệt lệnh*[2] *dùng tiếng chim ấy để ghi chép tiết khí. Kinh Thư chép chuyện Cao Tông thấy điềm lạ tiếng chim trĩ, là minh chứng rõ ràng về việc chuyển họa thành phúc*[3]*. Nay chim trĩ đến vào ngày Bác sĩ hành lễ, vượt qua bậc thềm lên điện đường, muôn người ngước mắt ngẩng trông, kinh sợ qua ngày, lại bay qua phủ Tam công, Thái thường, Tông chính là nơi chủ trì lễ nghi tông miếu và quan thự coi xét sự vụ của hoàng tộc, rồi sau bay vào cung điện. Chim trĩ đỗ lại là cáo dụ với người, rất đầy đủ, sâu sắc mà thiết yếu; dẫu người ta chỉ dẫn răn bảo nhau, cũng không lấy gì hơn thế được!"*

Sau đấy, Đế sai Trung thường thị Triều Hoành truyền chiếu hỏi Vương Âm rằng:

"Nghe nói con chim trĩ bắt được, có rất nhiều lông vũ bị gãy, giống như chim ấy từng bị bắt trói, không phải là có người cố ý làm ra việc ấy chứ?"[4]

Âm lại đáp chiếu rằng:

"Bệ hạ sao có thể nói ra được những lời vong quốc ấy? Chẳng biết ai là người chủ mưu bày kế siểm nịnh, dối loạn hại thánh đức đến như

---

[1] Chim trĩ thường kêu vào tháng cuối đông, sang xuân bắt đầu có sấm, là báo chuyển mùa tiết vậy.

[2] Nguyệt lệnh (月令), là lịch pháp lập theo lịch mặt trăng. Trong sách *Lễ ký* hiện nay có một thiên Nguyệt lệnh.

[3] Theo ghi chép trong *Kinh Thư*, lúc vua Cao tông (Vũ Đinh) tế Thành Thang, thấy điềm lạ chim trĩ đậu trên trên vạc hót vang, liền giữ vững chính đạo, sau đó họa hại đều tiêu trừ.

[4] Ý nói có người nào đó cố tình bắt và thả chim trĩ ở sân đình ngụy tạo điềm lạ.

thế? Tả hữu a dua đón ý chúa thượng rất nhiều, chẳng phải đợi tôi thần là Âm này siểm nịnh nữa mới đầy đủ. Từ công khanh trở xuống, đều giữ quan vị tự thủ, chẳng ai dám nói lời chính trực. Nếu khiến được Bệ hạ giác ngộ, sợ rằng đại họa sắp đến thân, Bệ hạ nghiêm khắc quở trách quần thần, dùng phép tắc để trừng phạt, Vương Âm thần đáng bị giết trước, há có cách để tự biện giải sao? Bệ hạ tức vị đến nay đã mười lăm năm, người kế tự không lập, ngày ngày xe giá xuất du, hành vi lỗi đạo lan đồn, hải nội truyền tiếng, ở kinh sư lại càng nặng. Nay bên ngoài có cái hại vi hành, bên trong có mối lo bệnh tật, thượng thiên nhiều lần hiện tai biến dị thường, muốn người dưới cải chính, nhưng rút cục Bệ hạ không sửa đổi. Trời cao còn chẳng thể cảm động được Bệ hạ, kẻ thần tử mong ngóng gì đây! Thần chỉ biết lấy lời thẳng cực lực can gián mà đợi tội, tính mệnh trong sớm tối mà thôi. Nếu Bệ không nghe trời trách người can mà sửa đổi, mẹ già sao được an cư, còn làm Hoàng thái hậu được nữa sao? Thiên hạ của Cao tổ sẽ phó thác cho ai? Bệ hạ nên mưu việc với những người hiền trí, "tự khắc chế mình mà khôi phục lễ nghĩa"[1], để cầu sự che chở của trời, người kế tự có thể lập được, tai biến còn có thể tiêu trừ được."

3. Khi trước, Nguyên đế kiệm ước, làm Vị lăng không dời dân lập ấp[2]; Đế khởi dựng Sơ lăng, mấy năm sau, lại thích chỗ đất phía nam Khúc Đình thuộc Bá Lăng, bèn đổi đặt lăng mộ tại đó. Tương tác đại tượng là Giải Vạn Niên sai Trần Thang làm bản tấu, thỉnh xin khi làm Sơ lăng thì dời dân dựng lập ấp ở đó, muốn lấy việc ấy làm công của mình, mong được trọng thưởng. Thang nhân đó tự thỉnh xin dời dân trước, hy vọng có được chỗ đất màu mỡ dựng nhà làm ruộng. Chúa thượng theo lời của Thang, quả nhiên dựng ấp Xương Lăng.

Mùa hạ, di dời hào tộc của các quận, quốc có tài sản từ năm trăm vạn tiền trở lên cả thảy năm nghìn hộ đến Xương Lăng.

---

[1] Vương Âm dẫn lời của Khổng tử đối đáp với Nhan Uyên.

[2] Xem việc này ở Hán kỷ, quyển hai mươi hai, sự kiện năm Vĩnh Quang thứ tư.

4. Tháng năm, ngày Quý Mùi, có ba viên đá trời rơi ở huyện Đỗ Bưu.

5. Tháng sáu, lập cháu của Trung Sơn Hiến vương là Lưu Vân Khách làm Quảng Đức vương.

6. Năm ấy, Thành Dương Ai vương Lưu Vân hoăng; không có con, nước phong bị xóa bỏ.

Năm Hồng Gia thứ ba (Quý Mão – TCN 18)

1. Mùa hạ, tháng tư, đại xá thiên hạ.

2. Trời đại hạn.

3. Ngũ hầu họ Vương ganh đua nhau lấy việc xa xỉ để tranh hơn. Thành Đô hầu Thương từng mắc bệnh, muốn tránh nóng, tới gặp chúa thượng xin mượn cung Quang Minh để ở. Sau lại đào đường xuyên tường thành Trường An, dẫn nước sông Phong chảy vào, rót đến tận ao lớn trong nhà mình để đi thuyền, trên thuyền dựng lọng lông chim, căng màn trướng, sai người chèo thuyền hát khúc Việt ca. Chúa thượng đến phủ đệ của Thương, thấy đường đào xuyên thành dẫn nước, có ý giận, nhưng nuốt hận, không nói ra lời. Về sau chúa thượng vi hành ra ngoài, qua phủ đệ của Khúc Dương hầu, lại thấy trong vườn đắp Thổ sơn, Tiệm đài, phỏng theo Bạch Hổ điện, vì thế nổi giận, đem tội đó trách hỏi Xa kỵ tướng quân Vương Âm. Anh em Thương, Căn muốn tự thích chữ vào mặt, cắt mũi để tạ tội với Thái hậu. Chúa thượng nghe tin ấy, cả giận, bèn sai Thượng thư trách hỏi Tư lệ Hiệu úy và Kinh Triệu doãn về việc biết rõ bọn Thành Đô hầu xa xỉ tiếm việt không tuân phép tắc, còn bao che kẻ gian, đều a dua dung túng, không cử tấu dùng phép xử trị họ[1]; hai người rập đầu dưới cửa cung thỉnh tội.

---

[1] Tư lệ Hiệu úy quản xét vùng Tam phụ, Kinh Triệu doãn trị lý Kinh Áp, biết các việc đó nhưng không cử tấu, cho nên bị trách hỏi.

Đế lại ban sách thư cho Xa kỵ tướng quân Vương Âm rằng:

"Nhà ngoại sao lại can tâm vui thích với họa bại? Còn muốn tự thích chữ bôi mực vào mặt, cắt mũi, chịu hình nhục nhã trước mặt Thái hậu, hại đến tấm lòng của từ mẫu, thành mối nguy loạn quốc gia! Tông tộc nhà ngoại cường mạnh, trẫm chỉ một mình, thế lực suy kém từ lâu, nay trẫm muốn một lần dụng hình phạt với họ, ngài hãy triệu các Liệt hầu nhà mình tới, lệnh sai họ đợi ở phủ xá của ngài!"

Hôm ấy, Đế hạ chiếu lệnh sai Thượng thư tấu báo việc Văn đế giết Bạc Chiêu ngày trước[1]. Xa kỵ tướng quân Vương Âm tự ngồi trên chiếu cỏ đợi tội, Thương, Lập, Căn đều vác búa rìu trên lưng tỏ ý chịu hình, mãi sau mới được xá tội. Chúa thượng chỉ muốn bọn họ sợ hãi, thực không có ý giết họ vậy.

4. Mùa thu, tháng tám, ngày Ất Mão, cửa bắc miếu thờ Hiếu Cảnh bị hỏa tai.

5. Khi trước, Hứa hoàng hậu và Ban Tiệp dư đều được chúa thượng sủng ái. Chúa thượng có lần đi du ngoạn ở Hậu đình, muốn cùng Ban Tiệp dư ngồi chung xe liễn, Tiệp dư từ chối nói:

- Thần thiếp xem các bức vẽ thời cổ, quân vương hiền thánh đều có danh thần ở bên cạnh, quân vương Tam đại thời mạt thế mới có thê thiếp sủng ái ở bên cạnh; nay Bệ hạ muốn thần thiếp ngồi chung xe liễn, không phải là gần giống như họ rồi sao?

Chúa thượng khen lời bèn dừng ý định. Thái hậu nghe được chuyện ấy, mừng nói:

- Thời cổ có Phàn Cơ[2], đời nay có Ban Tiệp dư!

Ban Tiệp dư dâng người hầu là Lý Bình lên cho Đế, Bình được sủng ái, cũng làm Tiệp dư, ban cho họ là Vệ.

---

[1] Bạc Chiêu là cậu của Hán Văn đế vậy, việc Hán Văn đế giết Bạc Chiêu, xem Hán kỷ quyển sáu, sự kiện năm Tiền Nguyên thứ mười.

[2] Phàn Cơ (樊姬), là phi thiếp của Sở Trang vương, Trang vương thích đi săn bắn, Phàn Cơ muốn can ngăn vì đi săn nguy hiểm, bèn không ăn thịt cầm thú.

Sau đấy, chúa thượng vi hành qua nhà Dương A công chúa, mê nàng ca vũ là Triệu Phi Yến[1], liền triệu vào cung, rất sủng ái; Phi Yến có em gái, lại được triệu vào cung, tư dung hết sức diễm lệ, tả hữu của Đế gặp họ, đều tấm tắc khen ngợi. Có vị Phi hương Bác sĩ[2] thời Tuyên đế là Náo Phương Thành ở phía sau Đế nhổ nước bọt nói:

- Người này là họa nước vậy, dập lửa tất là nước rồi![3]

Chị em Phi Yến đều làm Tiệp dư, quý hiển đè lấn Hậu cung. Hứa hoàng hậu và Ban Tiệp dư đều thất sủng. Thế rồi Triệu Phi Yến dùng lời nịnh nọt vu gièm Hứa hoàng hậu và Ban Tiệp dư dùng bùa chú nguyền rủa người ở Hậu cung, mắng mỉa cả chúa thượng. Mùa đông, tháng mười một, ngày Giáp Dần, Hứa hậu bị phế chuyển đến ở cung Chiêu Đài, bọn chị gái của Hứa hậu là Yết đều bị giết, thân thuộc bị đuổi về cố quận. Xét hỏi Ban Tiệp dư, Tiệp dư thưa rằng:

- Thiếp nghe nói "sống chết có mệnh, phú quý tại trời." Giữ mình ngay thẳng còn chưa được hưởng phúc, làm việc tà ác còn mong ngóng nỗi gì? Nếu quỷ thần có trí, tất chẳng thu nhận lời trù yểm ác độc với chúa thượng; nếu quỷ thần vô tri, lời chê mỉa trù yểm ích gì? Đương nhiên thần thiếp không làm thế vậy.

Chúa thượng khen lời đối đáp ấy, tha miễn, ban cho trăm cân vàng. Chị em họ Triệu kiêu căng đố kỵ, Ban Tiệp dư sợ rằng lâu ngày bị nguy, bèn xin đến cung Trường Tín chăm dưỡng Thái hậu. Chúa thượng đồng ý.

6. Bọn nam tử quận Quảng Hán là Trịnh Cung, cả thảy mười sáu người đánh phủ quan, cướp tù đồ, đoạt binh khí của kho phủ; Trịnh Cung tự xưng là Sơn quân.

---

[1] Triệu Phi Yến (赵飞燕), là con nuôi nhà họ Triệu, tên là Nghi Chủ, được tuyển vào phủ của Dương A công chúa tập múa hát, vì thân hình uyển chuyển, khi múa hát trông nhẹ nhàng như chim yến bay lướt, cho nên được gọi là Phi Yến.

[2] Phi hương Bác sĩ (披香博士), là một chức nữ quan trong Hậu cung vậy.

[3] Là câu nói ví von hình ảnh. Nhà Hán, hành Hỏa (lửa), kỵ thủy (nước).

Năm Hồng Gia thứ tư (Giáp Thìn – TCN 17)

1. Mùa thu, sông Hoàng Hà tại các quận Bột Hải, Thanh Hà, Tín Đô cuộn trào, rót chìm ba mươi mốt huyện ấp, phủ quan và hơn bốn vạn nhà dân bị đổ nát. Người huyện Bình Lăng là Lý Tầm tấu rằng:

"Kẻ bàn kế trị thủy thường muốn tìm kiếm chín nhánh cũ của sông Hoàng Hà mà đào lại. Nay nhân lúc Hoàng Hà tự vỡ, nên tạm thời không lấp chỗ vỡ, để quan sát hình thế của dòng nước; muốn sông Hoàng Hà được ổn định, nên để nó dần dần tự hình thành dòng, lôi cuốn đất cát đi, rồi sau mới thuận ý trời mà mưu tính sửa trị, tất có được thành công, mà tiền của, sức lực bỏ ra ít."

Vì thế dừng lại, không lấp chỗ sông vỡ. Triều thần nhiều lần nói đến tình cảnh thảm thương của bách tính, chúa thượng sai sứ giả đi phủ dụ và phát chẩn cứu tế cho bách tính.

2. Bè đảng của bọn Trịnh Cung ở Quảng Hán ngày càng lan rộng, phạm khắp bốn huyện, bộ chúng gần vạn người; châu quận chẳng khống chế được. Mùa đông, Đế lấy Đô úy Hà Đông là Triệu Hộ làm Thái thú Quảng Hán, phát binh trong quận và binh của Thục Quận, hợp được ba vạn người, đánh chúng, lệnh rằng nếu quân giặc kẻ nào bắt chém lẫn nhau thì tha cho cái tội cũ của kẻ đó; trong vòng tuần trăng bình được. Triều đình thăng Hộ làm Chấp kim ngô, ban cho trăm cân vàng.

3. Năm ấy, Bình A hầu Vương Đàm hoăng. Chúa thượng hối việc phế Đàm khiến Đàm không được nhận chức phụ chính mà hoăng, bèn lại tiến dụng Thành Đô hầu Vương Thương, cho lấy thân phận Đặc tiến chủ quản Thành môn binh, đặt Mạc phủ, được cử quan lại như Tướng quân[1].

Đỗ Nghiệp người Ngụy Quận lúc làm quan lang, vốn thân thiết với Xa kỵ tướng quân Vương Âm, thấy Âm lúc trước hiềm khích với Bình A hầu, liền khuyên Âm rằng:

---

[1] Theo phép chế nhà Hán, Tướng quân mới được đặt Mạc phủ, cử quan lại.

- Thân thích thì không vì khác ý mà xa lánh nhau, ai chẳng có chỗ oán hận? Xưa kia Tần Bá giữ cái nước nghìn thặng mà chẳng dung được người em cùng mẹ của mình, *Kinh Xuân Thu* chê việc đó.[1] Chu, Thiệu thì không như thế, tận trung để giúp nhau phù tá, theo đại nghĩa để giúp nhau nắn sửa, xem người kia như bản thân mình, tôn trọng như người cùng địa vị, không cậy thánh đức độc chiếm vinh sủng quốc gia, lại chẳng chiếm riêng địa vị vinh hiển lâu dài, phân đất Thiểm chia nhau chức trách, chung làm phụ chính,[2] cho nên trong không có mối hiềm khích oán hận, ngoài không có nỗi nhục bị xâm phạm, cùng hưởng phúc trời, hai người ấy nhận danh cao, đại khái vì như thế vậy. Ta trộm thấy Thành Đô hầu lấy thân phận Đặc tiến quản Thành môn binh, lại có chiếu chỉ cho được tiến cử quan lại như ngũ phủ,[3] ý chiếu thư rõ ràng là muốn nhất định sủng ái Bình A hầu vậy. Tướng quân nên vâng thuận thánh ý, thay đổi hơn so với lúc trước, với mỗi việc phải bàn bạc, tất phải cùng nhau thương nghị. Sự chí thành phát từ tâm, thì ai không thích thú nghe theo?

Âm rất khen ngợi lời ấy, bởi thế cùng Thành Đô hầu Thương thân gần. Hai người đều xem trọng Nghiệp.

Năm Vĩnh Thủy nguyên niên (Ất Mão – TCN 16)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Quý Sửu, nhà chứa băng của Thái quan bị cháy. Ngày Mậu Ngọ, cửa phía nam lăng tẩm của Lệ hậu phát hỏa.

---

[1] Tần Bá (秦伯), tức Tần Cảnh công thời Xuân Thu. Em của Tần Cảnh công là Công tử Châm, được cha sủng ái. Khi Cảnh công được lập, Châm sợ, trốn sang nước Tấn, *Kinh Xuân Thu* chê Cảnh công không bao dung với em của mình.

[2] Chu công và Thiệu công vô tư không oán riêng, cùng giúp Thành vương trị thiên hạ, hai người thống nhất lấy địa giới đất Thiểm chia nhau chức trách, từ đất Thiểm về đông thì Chu công quản trị, từ đất Thiểm về tây Thiệu công chủ trị.

[3] Ngũ phủ, tức các phủ Thừa tướng, Ngự sử và phủ Xa kỵ, Tả, Hữu tướng quân.

2. Chúa thượng muốn lập Triệu Tiệp dư làm Hoàng hậu, Hoàng thái hậu hiềm vì Triệu Tiệp dư xuất thân ti tiện, ngăn trở việc ấy. Con của chị gái Thái hậu là Thuần Vu Trường làm Thị trung, nhiều lần qua lại thông tin tức với Đông cung; hơn năm, mới có được chỉ dụ của Thái hậu, đồng ý việc ấy. Mùa hạ, tháng tư, ngày Ất Hợi, chúa thượng phong cha của Tiệp dư là Lâm làm Thành Dương hầu trước.[1] Gián đại phu là Lưu Phụ người nước Hà Gian dâng thư, nói:

"Xưa kia Vũ vương, Chu công vì vâng thuận trời đất được hưởng điềm lành cá trắng, quạ đỏ,[2] vậy mà vua tôi vẫn kính sợ, biến sắc răn bảo nhau. Huống chi nay vào thời mạt thế, không được phúc khí sinh con kế tự, liên tục nhận uy trời giận dữ giáng tai biến dị thường? Dẫu sớm khuya tự trách, hối lỗi sửa đức, kính sợ thiên mệnh, nghĩ đến nghiệp tổ tông, tinh tuyển người có phẩm đức trong gia tộc, xét chọn thục nữ yểu điệu, để phụng thừa tông miếu, thuận ứng tâm ý của thần minh, lấp đầy mong ngóng của thiên hạ, hưởng phúc lành sinh con cháu vẫn sợ rằng quá muộn! Nay lại hứng tình buông thả theo dục vọng, dốc lòng mê đắm nữ tử ti tiện, muốn dùng làm mẫu nghi thiên hạ, chẳng kính sợ trời, không thẹn với người, nỗi mê hoặc nào lớn bằng đây? Lời tục nói: 'Hủ mộc bất khả dĩ vi trụ; nhân tì bất khả dĩ vi chủ.[3]' Cái việc mà trời và người chẳng tán thành, tất hữu họa mà vô phúc, người nơi ngõ chợ và kẻ đi đường đều biết cả, vậy mà triều đình chẳng ai chịu nói một lời. Thần trộm vì thế đau lòng, chẳng dám không liều chết khuyên can!"

---

[1] Phong tước hầu cho cha được quyền quý thì xuất thân của con không phải là ti tiện nữa, thích hợp để lập làm Hoàng hậu vậy.

[2] Theo truyền thuyết: Vũ vương đi đánh vua Trụ, bơi thuyền qua sông Hoàng Hà, có con cá trắng nhảy vào trong thuyền, tướng sĩ đều sợ, cho là gở, Vũ vương cho là điềm lành, về sau quả nhiên đánh thắng vua Trụ, kiến lập triều Chu.

Cũng theo truyền thuyết, có con quạ đỏ ngậm sách vàng đậu trên đền thờ tổ tiên nhà Chu, quần thần sợ hãi, Văn vương cho là điềm trời báo rằng hành Hỏa thịnh, nghiệp nhà Chu hưng vượng, về sau con của Văn vương là Vũ vương diệt vua Trụ nhà Ân, lập cơ nghiệp nhà Chu.

[3] Gỗ mục chẳng thể dùng làm cột trụ; tì nữ chẳng thể dùng làm chủ nhân.

Thư tấu lên, chúa thượng sai Thị ngự sử bắt trói Phụ, giam trong bí ngục của Dịch đình, quần thần chẳng ai biết nguyên cớ của việc ấy.

Bấy giờ Tả tướng quân Tân Khánh Kỵ, Hữu tướng quân Liêm Bao, Quang lộc huân Sư Đan người quận Lang Nha, Thái trung đại phu Cốc Vĩnh đều dâng thư nói:

"Chúng thần trộm thấy Lưu Phụ lúc trước lấy thân phận Huyện lệnh cầu kiến, được cất nhắc làm Gián đại phu, thế thì nghị luận của Phụ hẳn có chỗ trác việt dị thường, xác đáng thiết thực, hợp thánh ý, nên mới được đề bạt đến vị trí như thế. Trong vòng tuần trăng, bị bắt giam vào bí ngục. Bọn thần ngu muội cho rằng Phụ may mắn vì xuất thân là thân thích công tộc, ở hàng ngũ bầy tôi can gián, mới từ huyện ấp lên, chưa hiểu rõ thể chế triều đình, một mình xúc phạm kỵ húy, chẳng đáng bị xét lỗi nghiêm khắc. Nếu là tội nhỏ thì nên giấu, nhẫn nhịn mà thôi, nếu phạm tội đại ác thì nên phơi lộ, giao Đình úy xử trị, cho chúng nhân cùng biết. Nay ý trời chưa thỏa, điềm tai dị liên tục giáng xuống, thủy tai hạn hán thay nhau kéo đến, chính là lúc nên mở lòng khoan dung, rộng cầu kiến nghị, khen lời nói thẳng, khiến quần hạ hết lòng, vậy mà Bệ hạ lại gấp rút dùng thảm hình xử phạt với đại thần dốc sức can ngăn, khiến quần hạ kinh hãi, mất lòng người trung thẳng. Ví thử Phụ chẳng mắc lỗi trực ngôn, tội lỗi không rõ ràng, thì người thiên hạ chẳng thể hiểu rõ. Phụ là cận thần cùng họ, vốn nhờ nói thẳng được quý hiển, theo cái nghĩa quản thân tộc, dưỡng trung lương, thật chẳng nên giam cấm tại bí ngục của Dịch đình. Các quan từ công khanh trở xuống, thấy Bệ hạ tiến dụng Phụ gấp rồi lại nhanh chóng bẻ diệt, người người có lòng lo sợ, nhuệ khí tiêu tan, chẳng ai dám dốc khí tiết nói lời phải, đấy không phải là nêu tỏ hành vi nghe lời can gián của Hữu Ngu,[1] mở rộng phong khí phát dương đức tốt! Bọn thần trộm vì việc này hết sức đau lòng, xin Bệ hạ lưu tâm xét kỹ!"

---

[1] Là nói việc vua Thuấn khuyến khích việc quần thần khuyên can, cho đặt trống ở giữa triều đường, ai muốn can thì gõ trống báo ý, đưa lời can vậy.

Chúa thượng bèn chuyển Phụ đến nhà ngục công, giảm tội chết xuống một bậc, phán xử chịu hình phạt "quỷ tân"[1].

3. Khi trước, Thái hậu có tám anh em, duy có người em là Mạn chết sớm, không được phong hầu, Thái hậu thương xót. Vợ góa của Mạn là Cừ được nuôi ở Đông cung, con của Mạn là Mãng nhỏ tuổi mồ côi, không bằng được các anh em khác; anh em của Mãng đều là con của Tướng quân, Ngũ hầu, nên cậy dựa địa vị phú quý xa xỉ, du đãng phóng túng dùng xe ngựa nữ sắc tranh hơn. Mãng nhún mình cung kiệm, siêng năng khổ học, kiến thức uyên bác, mặc áo như nho sinh; thờ phụng mẫu thân và chị dâu góa, dưỡng con côi của anh,[2] hành vi hết sức chu đáo; lại nữa, bên ngoài giao kết với kẻ sĩ anh tuấn, bên trong kính thờ chú bác, khuất ý kính lễ. Đại tướng quân Phượng mắc bệnh, Mãng hầu chăm bệnh, đích thân nếm thuốc, đầu bù tóc rối, mặt mũi cáu bẩn, suốt tháng không thay áo. Phượng sắp chết, đem Mãng phó thác cho Thái hậu và Đế, Mãng được bái làm Hoàng môn lang, rồi thăng làm Xạ thanh Hiệu úy. Rất lâu sau, chú của Mãng là Thành Đô hầu Vương Thương dâng thư, xin chia hộ ấp của mình để phong cho Mãng. Bọn Thiếu phủ Trường Lạc là Đái Sùng, Thị trung Kim Thiệp, Trung lang Trần Thang đều là danh sĩ đương thời, hết thảy ca ngợi Mãng, chúa thượng bởi thế xem Mãng là hiền, Thái hậu lại nhiều lần vì Mãng nói giúp. Tháng năm, ngày Ất Mùi, Đế phong Mãng làm Tân Đô hầu, thăng làm Kỵ đô úy, Quang lộc đại phu, Thị trung.

Mãng làm Túc vệ hết mực cẩn trọng, tước vị càng tôn quý, tiết tháo càng khiêm nhường, đem xe ngựa, áo cừu của mình chu cấp thi ân cho tân khách, trong nhà không có của thừa; Mãng thu nhận và cấp giúp cho danh sĩ, giao kết với rất nhiều văn quan, võ tướng, quan khanh, đại phu. Vì thế quan viên tại vị đua

---

[1] Ứng Thiệu nói: Quỷ tân (鬼薪), là hình phạt phải đi kiếm củi cấp cho tông miếu, thời gian chịu hình là ba năm.

[2] Anh của Vương Mãng là Vương Vĩnh, chết sớm, con của Vĩnh tên là Quang.

nhau tiến cử Mãng, kẻ du thuyết vì Mãng nói bàn, tiếng khen hư hão vang động khắp, đã đè lấn chú bác của Mãng rồi.

Mãng dám làm việc lập dị trái tập tục, vẫn thản nhiên không có sắc thẹn. Mãng có lần ngầm mua một thị tì, anh em con chú bác có người nghe biết, Mãng liền nói:

- Hậu tướng quân Chu Tử Nguyên[1] không có con, Mãng nghe nói dòng giống nữ nhân này thích hợp để sinh con trai.

Ngay hôm ấy đem nữ tì dâng cho Chu Bác. Mãng giấu giếm tình ý cầu danh như thế.

4. Tháng sáu, ngày Bính Dần, lập Triệu thị làm Hoàng hậu, đại xá thiên hạ.

Sau khi Hoàng hậu được lập, sủng ái giảm dần; nhưng em gái của Hậu lại được sủng ái hết mực, phong làm Chiêu nghi, cho ở Chiêu Dương xá, đồ vật trong đình viện đều sơn đỏ, còn các đồ vật trên điện đều sơn đen; bực cửa bọc đồng, đường đi dát vàng; bậc thềm bạch ngọc; vách tường nơi nơi treo ống vàng, nạm ngọc Lam Điền, minh châu, lông chim phỉ thúy để trang sức; sự xa hoa ở đấy hậu cung chưa từng có. Triệu hậu ở biệt quán, nhiều lần tư thông với Thị lang và bọn cung nô[2] có nhiều con trai, Chiêu Nghi từng bảo Đế rằng:

- Chị gái thiếp tính cách cứng rắn, nếu như bị người ta hãm hại, thì họ Triệu mất giống rồi!

Liền đó khóc lóc thê thảm. Đế tin lời, có người bạch với Đế về thực trạng gian dâm của Hậu, Đế liền giết người đó. Từ đấy Hậu công nhiên làm chuyện dâm đãng phóng túng, không ai dám nói, nhưng rút cục vẫn không có con.

Quang lộc đại phu Lưu Hướng cho rằng vương giáo nên thi hành từ trong ra ngoài, bắt đầu từ người thân gần, vì thế chọn

---

[1] Chu Bác (朱博), tự Tử Nguyên (子元).

[2] Cung nô (宮奴), là bọn có tội bị bắt vào cung làm nô bộc.

lấy những bài nói về hiền phi, trinh phụ hưng nước rạng nhà cho đến những bài nói về phi tần nghiệt ác, hèn hạ được sủng loạn nước diệt nhà ghi chép trong *Thi, Thư,* theo thứ tự, biên thành *Liệt nữ truyện,* cả thảy tám thiên. Đồng thời trích truyện ghi chép việc cũ, soạn thành sách *Tân tự, Thuyết uyển,* cả thảy năm mươi thiên, tấu lên; Hướng lại nhiều lần dâng sớ nói việc được mất, bày kể làm khuôn phép để khuyên răn. Thư dâng lên mấy chục lần, giúp Thiên tử xem xét, bổ khuyết thiếu sót. Chúa thượng tuy chẳng thể dùng hết, nhưng trong lòng rất khen ngợi những lời ấy, thường cảm thán không thôi.

5. Quy mô công trình Xương lăng cực lớn, xa xỉ, làm rất lâu không thành. Lưu Hướng dâng sớ nói:

"Thần nghe nói bậc vương giả tất thông hiểu Tam thống[1]*, biết rõ cái mà thiên mệnh trao là rất rộng, không chỉ cho một họ vậy. Từ xưa đến nay, chưa có nước nào không diệt vong. Hiếu Văn hoàng đế từng khen cái bền vững của quách đá, Trương Thích Chi nói: 'Nếu ở trong ấy có thứ người ta thích, dẫu hàn cả núi Nam vẫn có chỗ hở.' Người chết không toàn vẹn được mãi mà quốc gia có phế hưng, cho nên lời ấy của Thích Chi là vì Văn đế tính kế lâu dài vậy.*[2] *Hiếu Văn cảm ngộ, vì thế táng sơ sài.*

Việc chế tác quan quách, bắt đầu từ Hoàng Đế. Các vị Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ và Chu công, gò mộ đều nhỏ, vật táng giản đơn. Hiền thần, hiếu tử của các vị ấy cũng vâng mệnh thuận ý mà táng sơ sài, đấy thực là rất mực trung hiếu vâng mệnh khiến vua cha được bình yên vậy. Khổng tử táng mẫu thân ở ấp Phòng, mộ phần cao bốn thước. Diên Lăng Quý Tử táng con mình, đắp mả che

---

[1] Xem việc ở Hán kỷ, quyển sáu, sự kiện năm Tiền Nguyên thứ ba, đời Hán Văn đế.

[2] Nhà Hạ lấy tháng Kiến Dần (tháng giêng) làm tháng đầu năm, gọi là Nhân thống (人统); nhà Thương lấy tháng Kiến Sửu (tháng chạp) làm tháng đầu năm, gọi là Địa thống (地统); nhà Chu lấy tháng Kiến Tý (tháng mười một) làm tháng đầu năm, gọi là Thiên thống (天统). Ấy tức là Tam thống (三统). Ở đây chỉ chung lịch pháp của các triều Hạ, Thương, Chu.

huyệt mộ, độ cao có thể ẩn đi được. Cho nên Trọng Ni là hiếu tử, mà Diên Lăng là cha hiền, Thuấn, Vũ là trung thần, Chu công là em hiếu đễ, họ táng vua, thân sinh, cốt nhục đều rất sơ sài vậy; đấy không phải là cẩu thả tiết kiệm, mà đích xác là tiện với thi thể vậy.

Tần Thủy Hoàng táng dựa vào Ly Sơn, dưới đất sâu bít kín ba dòng suối, trên mả đắp cao như núi, lấy thủy ngân làm sông lớn, bể cả, lấy vàng ròng làm vịt lội, nhạn bay, trân bảo cất giấu, máy móc xảo diệu, quan quách hoa lệ, cung quán nguy nga, chẳng thể kể xiết[1]; thiên hạ khổ sở vì lao dịch mà phản lại, Ly Sơn tạo tác chưa thành, mà trăm vạn quân của Chu Chương đã đến chân Ly Sơn rồi[2]. Hạng Tịch đốt phá cung thất, phòng ốc của nhà Tần[3], trẻ chăn muông cầm đuốc cháy sáng đến giữa mộ tìm dê lạc, lửa rơi xuống thiêu rụi quan quách trong đó. Từ cổ chí kim, việc chôn táng chưa có ai được hậu như Thủy Hoàng vậy; trong vòng mấy năm, bên ngoài bị cái vạ đốt phá của Hạng Tịch, bên trong gặp họa rơi lửa của trẻ chăn muông, há chẳng đáng thương sao? Thế nên đức càng hậu thì táng càng đơn giản, trí càng sâu thì táng càng sơ sài. Vô đức ít trí, táng càng hậu hĩ, mộ phần càng cao, cung khuyết cực hoa lệ, việc bị đào bới tất đến rất mau. Từ đấy mà xét, chiêm nghiệm việc sáng suốt hay ám muội, xem cái tốt hay xấu trong chôn táng, chẳng phải có thể thấy được rất rõ ràng sao?

Bệ hạ tức vị, tự mình thi hành tiết kiệm, ban đầu làm Sơ lăng, quy mô rất nhỏ hẹp, thiên hạ chẳng ai không khen là hiền minh[4]; lúc dời chuyển địa điểm làm Xương lăng, thêm thấp thành cao, đắp đất làm núi, đào mộ phần của dân, tính kể vạn ngôi, sửa dựng ấp trú, hạn kỳ cấp bách, công phí tổn hơn trăm ức vạn tiền. Người chết oán hận dưới đất sâu, người sống sầu khổ trên dương thế, thần vì việc ấy hết sức đau lòng! Nếu cho rằng người chết còn biết được, đào xới mộ phần của họ, cái hại đấy lớn xiết bao; nếu cho rằng người chết không biết

---

[1] Xem việc ở Tần kỷ, quyển hai, sự kiện năm thứ 37, đời Tần Thủy Hoàng.

[2] Xem việc ở Tần kỷ, quyển ba, sự kiện năm thứ hai, đời Tần Nhị thế.

[3] Xem việc ở Hán kỷ, quyển thứ nhất, sự kiện năm thứ nhất, đời Hán Cao tổ.

[4] Xem việc ở Hán kỷ, quyển thứ hai mươi mốt, sự kiện năm Kiến Thủy thứ hai.

nữa, có sao phải đắp dựng mộ phần lớn thế? Người hiền trí bàn luận chẳng ai vui, đem bảo với dân đen thì dân mang lòng oán, nếu chỉ khiến người ngu xuẩn xa xỉ vui sướng, làm thế ích gì đâu? Xin Bệ hạ trên xem phép chế của bậc thánh sáng lấy đó làm khuôn mẫu, dưới xét cái họa vong quốc của nhà Tần lấy đó làm điều răn, quy mô của Sơ lăng, nên theo như lời bàn của công khanh đại thần, để dân đen được nghỉ sức!"

Chúa thượng cảm kích vì lời ấy.

Khi trước, Giải Vạn Niên tự nói xằng là dựng Xương lăng ba năm có thể thành, rút cục chẳng làm nổi. Quần thần có nhiều người nói việc xây dựng ấy không thỏa đáng. Việc giao xuống cho Hữu ti nghị bàn, chúng đều nói:

- Xương lăng dựa chỗ đất thấp làm thành cao, tính ra thì biệt điện trong lăng vẫn ở nơi đất bằng; trong chỗ đất mượn không giữ được linh hồn ở chốn u minh, đất phía ngoài nông chẳng vững chắc. Sĩ tốt, tù đồ, thợ khéo, dân phu tính kể ức vạn, đến mức đốt lửa ban đêm làm việc, lấy đất ở Đông Sơn, giá trị đất ngang bằng giá thóc. Tạo tác mấy năm trời, người khắp thiên hạ bị lao nhọc vì việc ấy. Lăng cũ tùy theo địa thế tự nhiên, dựa nguyên thổ, ở chỗ cao thoáng rộng rãi, xung quanh gần mộ tổ tiên, lúc trước lại đã có chục năm sửa dựng, nên quay về khôi phục lại lăng cũ, không dời dân là tiện.

Mùa thu, tháng bảy, Đế hạ chiếu rằng:

"Trẫm giữ đức không đủ vững, mưu tính với quần hạ chẳng tận, lầm lỗi tin nghe Tương tác đại tượng Vạn Niên nói 'Xương lăng ba năm có thể dựng thành', hưng dựng năm năm, Trung lăng[1] và cửa trong của điện Tư mã còn chưa làm đến. Thiên hạ hư hao, bách tính nhọc mệt, đất mượn lỏng lẻo, rút cục chẳng thể dựng thành, trẫm nghĩ đến cái khó nhọc ấy, trong lòng sợ hãi xót xa. Cổ nhân nói 'có lỗi mà không sửa, thế mới thực là sai.' Nay bãi việc dựng Xương lăng, dùng

[1] Trung lăng, là cái nhà chính trong khu lăng mộ.

lại lăng cũ, không phải dời chuyển quan dân, khiến lòng người thiên hạ không bị lay động."

6. Khi trước, con của Toản hầu Tiêu Hà kế tự nhận tước Hầu, người không có con, người mắc tội, cả thảy năm lần tuyệt tự. Cao hậu, Văn đế, Cảnh đế, Vũ đế, Tuyên đế nghĩ nhớ công của Hà, thường lấy chi thứ của Hà kế phong. Năm ấy, cháu bảy đời của Hà là Toản hầu Hoạch mắc tội sai gia nô giết người, được giảm tội chết, phạt sai đi đắp thành. Trước đấy, chúa thượng hạ chiếu cho Hữu ti dò tìm hậu duệ của công thần thời Hán sơ, rất lâu chưa biên chép rõ được. Đỗ Nghiệp thuyết chúa thượng rằng:

"Thời Đường, Ngu, Tam đại đều phong dựng chư hầu, để thành toàn cái cao đẹp của thời thái bình, vì thế việc tế tự của vua Yên, vua Tề và Thiên tử nhà Chu cùng truyền, con kế em nối, trải nhiều năm không dứt.[1] *Há phải các nước ấy không có con cháu bị tội hình? Đấy là vì tổ tiên các nước ấy dốc sức với quốc gia, cho nên chi thứ của họ được cậy nhờ công ấy. Công thần nhà Hán khi xưa, đều được chẻ phù nối đời kế tước, nhận lời thề sông núi;*[2] *vậy mà trong vòng hơn trăm năm, người nối phong hết nhẵn, xương cốt công thần mục khô trong mộ, con cháu của họ lưu lạc trên đường, lúc sống làm tôi tớ khổ sở, khi chết chẳng có đất táng thây. Đem thời xưa so với thời nay, thực rất bi thương vậy. Thánh triều thương xót, hạ chiếu sai tìm hậu duệ của bọn họ, bốn phương hớn hở mừng vui, chẳng ai không tin phục. Thế nhưng đi đi về về suốt mấy năm mà chẳng tra xét được, e là kẻ nghị bàn chẳng lý giải rõ đại nghĩa, chỉ bày đặt lời hão, thế thì đức dày của chúa thượng bị che lấp, cái tiếng tiếc danh vị và tước hiệu sẽ lan truyền, đấy không phải là cách hay để tỏ giáo hóa, khuyến khích người sau vậy. Dẫu khó tìm hết được người kế thừa, nhưng nên chọn từ các công thần có công lớn nhất."*

---

[1] Thái công được phong ở đất Tề, Thiệu công được phong ở đất Yên, hai nước ấy đều trải rất nhiều đời rồi mới bị diệt, sau cả nhà Chu.

[2] Hán Cao tổ khi phong dựng chư hầu, thề rằng: "Dẫu Hoàng Hà như dải áo, Thái Sơn như hòn đá, nước phong vĩnh viễn trường tồn, truyền mãi đến cháu con."

Chúa thượng thu nạp lời ấy. Ngày Quý Mão, phong cháu sáu đời của Tiêu Hà là Tiêu Hỉ là Trưởng huyện Nam Cưỡng làm Toản hầu.

7. Đế lập em của Thành Dương Ai vương là Lý làm Vương.

8. Tháng tám, ngày Đinh Sửu, Thái hoàng thái hậu Vương thị băng.

9. Tháng chín, có rồng đen xuất hiện ở quận Đông Lai.

10. Ngày Đinh Tỵ là ngày hối, có nhật thực.

11. Năm ấy, Đế lấy Thái thú Nam Dương là Trần Hàm làm Thiếu phủ, Thị trung Thuần Vu Trường làm Thủy hành đô úy.

Năm Vĩnh Thủy thứ hai (Bính Thìn – TCN 15)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Kỷ Sửu, An Dương Kính hầu Vương Âm hoăng. Gia tộc họ Vương chỉ có Âm là người giữ mình nghiêm cẩn, nhiều lần can gián chính sự, có khí tiết trung thẳng.

2. Tháng hai, ngày Quý Mùi, ban đêm, sao băng như mưa, sáng lòa, rơi chưa đến mặt đất thì tắt ngấm.

3. Ngày Ất Dậu, là ngày hối, có nhật thực.

4. Tháng ba, ngày Đinh Dậu, Đế lấy Thành Đô hầu Thương làm Đại tư mã, Vệ tướng quân; Hồng Dương hầu Vương Lập nhận ngôi vị Đặc tiến, lĩnh Thành môn binh.

5. Lấy Kinh Triệu doãn Trạch Phương Tiến làm Ngự sử đại phu.

6. Cốc Vĩnh làm Thứ sử Lương châu, về kinh sư tấu việc,[1] xong, sắp quay về sở quan, chúa thượng sai Thượng thư hỏi Vĩnh, rồi thu nhận những lời mà Vĩnh nói. Vĩnh đáp ý chỉ rằng:

---

[1] Theo phép chế nhà Hán thời ấy, Thứ sử các châu quận thường đi tuần hành các sở quan, khảo xét chính tích quan lại, biên chép về sổ tù đồ, hết năm về kinh tấu việc.

"Thần nghe nói người làm vua thiên hạ trị lý quốc gia, điều đáng sợ ở chỗ có việc nguy vong mà lời nói về mối nguy vong không được truyền lên. Nếu lời nói về mối nguy vong được truyền lên, thì hai nhà Thương, Chu chẳng đổi họ mà nối đời hưng khởi, lịch pháp chẳng biến cải mà luân phiên dùng. Lúc nhà Hạ, nhà Thương sắp vong, người đi đường đều biết rõ; mà quân chủ an nhiên tự cho là mình giống như mặt trời ở trên cao, chẳng thể nguy vong.[1] *Thế nên làm việc ác ngày một nhiều mà chẳng tự biết, đại mệnh nghiêng nguy mà chẳng tỉnh ngộ. Dịch nói: 'Nguy giả hữu kỳ an giả dã, vong giả bảo kỳ tồn giả dã.'*[2] *Bệ hạ nếu thực sự rủ lòng khoan hậu lắng nghe các ý kiến sáng suốt, không vì kỵ húy chém giết người, khiến kẻ bầy tôi thảo dã được nói hết những điều mình nghe thấy ở trước mặt, đấy là tâm nguyện cao nhất của quần thần, là phúc khí lâu dài của xã tắc vậy!*

Năm trước, tháng chín, có rồng đen xuất hiện; ngày hôi tháng ấy, có nhật thực. Tháng hai năm nay, ngày Kỷ Mùi, lúc nửa đêm, sao băng rơi; ngày Ất Dậu, có nhật thực. Trong vòng sáu tháng, điềm lạ lớn bốn lần phát sinh, hai lần phát ra cùng một tháng. Dẫu cuối thời Tam đại hay hỗn loạn thời Xuân Thu, cũng chưa từng có vậy. Thần nghe nói cái lý do mà Tam đại đánh rơi xã tắc, tan mất tông miếu, đều bởi đàn bà và bọn tiểu nhân tà ác, mê đắm với tửu nhạc; cái lý do nhà Tần truyền có hai đời, mười sáu năm mà diệt vong, là vì dưỡng sinh quá xa xỉ, tống chung bồi táng quá hậu vậy. Hai điều ấy, Bệ hạ kiêm gồm đủ, thần xin bày kể những chỗ đại lược chứng minh việc ấy.

Giữa những năm Kiến Thủy, Hà Bình, cái tôn quý của hai họ Hứa, Ban nghiêng động tiền triều, chiếu rọi bốn phương, nữ nhân được sủng ái cực điểm, chẳng ai hơn được họ rồi; những người mới nổi lên hiện nay, nhận sủng ái gấp bội so với trước. Bệ hạ phế bỏ chế độ của tiên đế, nghe dùng lời của họ, cho họ tước vị và phẩm trật không thỏa

---

[1] Kinh *Thượng thư, Đại truyện* viết: Vua Kiệt nói: "Trên trời có mặt trời cũng như ta có dân. Mặt trời có mất được chăng? Mặt trời mất, ta cũng vong thôi."

[2] Khi nguy hiểm thì có cách để chuyển nguy thành an; khi sắp vong quốc thì có cách để giữ nước trường tồn.

đáng, buông thả kẻ phạm vương mệnh đáng xử tử, khiến thân thích của họ kiêu căng, lợi dụng uy quyền, tung hoành loạn chính sự, quan lại giám xét vạch lỗi chẳng ai dám phụng phép. Bọn họ còn đào hầm hố lớn trong lòng đất tại Dịch đình làm nhà ngục, dùng roi gậy đánh đập đau đớn sánh ngang cái thảm khốc của hình phạt 'pháo lạc'[1], tuyệt diệt tính mệnh người ta, chủ yếu là để hai nhà Triệu, Lý báo ân phục oán. Lại trừ bỏ người bạch kẻ có tội, kiến nghị trị tội quan lại công chính, nhiều người vô tội bị cùm trói, dùng đòn roi bức bách lập tội danh, đến mức bắt người ta nhận nợ mới thả, rồi chia lợi nhận báo tạ. Người sống đưa vào, người chết đưa ra, chẳng thể nào tính xuể. Vì thế nhật thực hai lần xuất hiện, là để nêu rõ tội lỗi của bọn ấy vậy.

Đế vương tất phải tự diệt mình trước, rồi sau trời mới tuyệt diệt họ. Nay Bệ hạ vứt bỏ cái cực kỳ tôn quý của ngôi vạn thặng, vui thích với việc mọn của gia nhân; chán ghét cái tôn hiệu cao đẹp, thích cái danh tự thấp hèn của kẻ thất phu;[2] chuộng việc tụ tập lũ tiểu nhân khinh bạc vô nghĩa, xem họ là khách riêng, nhiều lần rời xa cái vững chắc chốn thâm cung, dấn thân sớm khuya, cùng lũ tiểu nhân theo chân nhau, ô hợp tụ bạ, ăn uống no say tại nhà quan dân, phục sức hỗn loạn ngồi chung một chỗ, say sưa đùa bỡn, nói năng khinh mạn, tạp loạn khó phân; lại ra sức trốn lánh tìm thú vui, ngày đêm trên đường cái, chủ quản môn hộ và đại thần giữ chức túc vệ cầm mâu canh cung điện trống không, công khanh trăm quan chẳng biết Bệ hạ ở nơi nào, việc như thế đã nhiều năm rồi.

Đế vương lấy dân làm nền móng, dân lấy tiền tài làm gốc rễ, tiền tài kiệt thì thiên hạ phản, thiên hạ phản thì nước diệt vong. Vì thế vua sáng yêu tiếc dưỡng cái gốc của mình, chẳng dám để dân khốn cùng,

---

[1] Là hình phạt do vua Trụ nhà Ân đặt ra. Đại để đặt một cây cột lớn bằng đồng vắt ngang đống lửa đỏ, trên cột đồng bôi mỡ trơn, sai tội nhân đi qua cột đồng, người đi trơn trượt, ngã xuống bể than đỏ rực, bị thiêu cháy khét lẹt, kêu khóc giãy giụa. Vua Trụ và bế thiếp lấy thế làm vui.

[2] Hán Thành đế thích vi hành, xưng là gia nhân của Phú Bình hầu Trương Phóng. Việc nói ở sự kiện năm Hồng Gia nguyên niên.

"sai khiến dân như đảm đương lễ lớn".[1] *Nay Bệ hạ khinh suất đoạt của cải của dân, chẳng yêu tiếc sức dân, nghe kế của tà thần, vứt bỏ chỗ cao rộng Sơ lăng, đổi làm Xương lăng, thú dịch gấp trăm lần Kiền Khê, hao phí sánh ngang làm Ly Sơn,*[2] *thiên hạ khốn bại, năm năm chẳng thành rồi sau lại quay về chỗ cũ. Bách tính sầu hận cảm ứng đến trời, đói kém mất mùa liên tục kéo đến, dân lưu tán tứ xứ kiếm ăn, chết đói ở trên đường, tính kể trăm vạn. Phủ công không đủ một năm tích chứa, bách tính không có trữ phòng đủ mười ngày, trên dưới đều thiếu, không lấy gì để cứu nhau. Kinh Thi nói: 'Ân giám bất viễn, tại Hạ hậu chi thế.'*[3] *Mong Bệ hạ nghĩ xét cái lý do vong quốc của các nhà Hạ, Thương, Chu, Tần để soi chiếu hành vi của mình, xem có chỗ nào không hợp, thần xin nép mình chịu giết phạt vì tội nói xằng.*

Nhà Hán hưng truyền chín đời, hơn một trăm chín mươi năm, quân chủ huyết mạch kế nối có bảy vị, đều vâng trời thuận đạo, tuân theo pháp độ tổ tông, người được tiếng chấn hưng, người được tiếng trị an; cho đến Bệ hạ, một mình trái đạo phóng túng theo dục vọng, khinh thân làm bừa, đang tuổi tráng niên thịnh vượng, không được phúc khí có con kế tự, lại có mối lo nguy vong, tích chứa cái đạo lý của quân vương mắc lỗi, không hợp thiên ý, cũng rất nhiều rồi. Là người kế tự, giữ cơ nghiệp của tổ tông như thế, há chẳng phụ tổ tiên sao? Mấu chốt họa phúc an nguy của xã tắc và tông miếu hiện nay là ở Bệ hạ, nếu Bệ hạ thực chịu thấu hiểu sự lý, tỏ ngộ cái ý sâu xa, chuyên tâm quay về chính đạo, sửa đổi hết thảy các lỗi cũ, nêu tỏ đức mới, thì tai biến dị thường phẫn nộ có thể được tiêu trừ, thiên mệnh rời đi cơ

---

[1] Câu trong sách *Luận ngữ*. Nguyên văn: "Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tế". Ý là: "Ra khỏi cửa như thấy khách quý, sai dân như vâng lễ lớn."

[2] Thời Xuân thu, Sở Linh vương xa xỉ vô độ, dân không kham nổi thú dịch, về sau thua trận ở Kiền Khê, Linh vương thắt cổ chết; việc dựng Ly Sơn của Tần Thủy Hoàng, nói ở Tần kỷ. Đại khái, ý Cốc Vĩnh nói, việc thú dịch làm Xương lăng của Hán Thành đế lớn gấp bội so với lao dịch thời Sở Linh vương, hao phí của cải sánh ngang việc Tần Thủy Hoàng làm Ly Sơn vậy.

[3] Đại ý: "Tấm gương của nhà Ân không xa, là sự diệt vong của nhà Hạ đó." Muốn nói tấm gương vong quốc của nhà Ân chẳng phải tìm xa, xét ngay việc cuối thời nhà Hạ là biết được.

hồ sẽ quay trở lại, xã tắc tông miếu có thể được bảo toàn! Mong Bệ hạ lưu tâm không phạm thêm lỗi lầm, xét tính kỹ những lời thần nói!"

Đế bản tính khoan hậu, thích văn chương câu từ, nhưng chìm đắm với vui chơi yến nhạc, khiến Hoàng thái hậu và các cậu thường sớm khuya lo lắng; người chí thân khó dùng lời khuyên can, cho nên xui bọn Cốc Vĩnh lấy lý do thiên tượng biến hóa mà khẩn thiết can gián, khuyên chúa thượng chọn dùng lời ấy. Vĩnh tự biết có nội ứng, bày tỏ ý kiến không ngờ vực do dự, mỗi khi tấu việc tại triều thường được đáp lại đúng lẽ. Đến lần dâng tấu đối đáp này, chúa thượng cả giận. Vệ tướng quân Thương bí mật bắt lấy Vĩnh điều phái đi xa. Chúa thượng sai Thị ngự sử bắt Vĩnh, sắc lệnh rằng đi qua Giao đạo cứu[1] rồi thì bất tất phải truy đuổi nữa; Ngự sử không đuổi kịp Vĩnh, quay về. Ý giận của chúa thượng cũng tan dần, tự hối hận.

7. Chúa thượng từng cùng Trương Phóng và các Thị trung Triệu, Lý cùng yến ẩm trong cung cấm, đều "dẫn mãn cử bạch"[2], nói cười đùa bỡn huyên náo. Có lần mọi người ngồi trong xe trướng giương bức họa trên bình phong, vẽ vua Trụ say rượu đè lên người Đát Kỷ, hoan lạc thông đêm. Thị trung, Quang lộc đại phu Ban Bá bị bệnh lâu mới khỏi, chúa thượng ngoảnh sang chỉ bức họa rồi hỏi Bá rằng:

- Trụ vương vô đạo đến mức này sao?

Bá đáp rằng:

- *Kinh Thư* chỉ nói: "Nghe dùng lời của đàn bà", há có việc phóng túng ở triều đình như thế đâu! Đấy gọi là mọi điều xấu đều quy về một chỗ, vua Trụ không tệ đến như thế vậy![3]

---

[1] Tấn Chước chú: Giao đạo cứu, cách Trường An sáu chục dặm, gần Diên lăng.

[2] Đại để là nâng chén rượu đầy, uống xong, dốc ngược chén, chén rượu phải hết sạch, nếu còn sót rượu rớt xuống thì bị phạt uống chén khác.

[3] Ý rằng: Kinh Thư chỉ chép lỗi của vua Trụ là "nghe dùng lời của đàn bà", nhưng vì người quân tử ghét, nên quy hết điều xấu cho vua Trụ, chứ bản thân vua Trụ không xấu xa đến mức như thế.

Chúa thượng hỏi:

- Nếu không như thế, bức vẽ này răn bảo điều gì?

Bá thưa rằng:

- "Đắm say với rượu", là lý do khiến Vi Tử làm bài cáo rồi bỏ đi vậy.[1] "Say rượu hô gào", là lý do khiến thi nhân sáng tác lời thơ *Đại nhã* tuôn nước mắt vậy.[2] *Thi, Thư* răn bảo sự dâm loạn, nguyên do của nó đều bởi rượu!

Chúa thượng vì thế bùi ngùi than rằng:

- Ta rất lâu không gặp Ban sinh, hôm nay lại được nghe lời nói thẳng!

Bọn Phóng không vừa ý, chốc lát tự đứng dậy thay áo, nhân đó bãi tiệc đi ra. Bấy giờ Lâm biểu của Trường Tín cung đình[3] vừa sai người đến, nghe thấy việc ấy. Sau đấy chúa thượng triều kiến Đông cung, Thái hậu khóc nói:

- Gần đây sắc diện của Đế đen sạm gầy mòn. Thị trung Ban Bá vốn là người được Đại tướng quân tiến cử, nên sủng ái khác thường; hãy tìm thêm người giống như ông ấy, để phù tá thánh đức. Nên đuổi Phú Bình hầu[4] về nước phong!

Chúa thượng nói: "Dạ."

Các cậu của chúa thượng nghe tin ấy, ngầm đánh tiếng với Thừa tướng và Ngự sử, tìm xét các lỗi lầm của Phóng. Vì thế Thừa tướng Tuyên, Ngự sử đại phu Phương Tiến dâng tấu nói: "Phóng kiêu ngạo phóng túng, xa xỉ dâm dật chẳng biết tiết chế; đóng cửa cự tuyệt sứ giả, tàn hại người vô tội, thân thuộc tùy

---

[1] Vi Tử, là quan khanh nhà Ân, vì Ân Trụ thác loạn thiên mệnh, Vi Tử làm bài cáo, rồi bỏ đi. Lời trong bài ấy có câu đại ý rằng: "Đắm say với rượu, loạn nước bại đức. Ta phát bệnh cuồng, lánh đến cõi hoang." Lời bài cáo này chép trong *Kinh Thư*.

[2] *Kinh Thi*, *Đại nhã*, bài *Đãng*, có lời thơ rằng "Say rượu hô gào, lấy ngày làm đêm."

[3] Mạnh Khang cho rằng, Trường Tín là cung của Thái hậu, Đình lâm biểu là quan danh của người nữ trong cung. Sư Cổ cho rằng, Lâm biểu là chức quan của Trường Tín cung đình. Nay tạm theo Sư Cổ.

[4] Tức Trương Phóng vậy.

tòng của Phóng đều dựa quyền thế, làm việc bạo ngược. Xin bãi chức Phóng đuổi về nước phong". Chúa thượng bất đắc dĩ, giáng chức Phóng làm Đô úy Bắc Địa. Sau đấy mấy năm, liên tục xuất hiện tai biến, nên Phóng rất lâu không được quay về, Đế gửi tỉ thư úy lạo thăm hỏi không dứt. Kính Vũ công chúa mắc bệnh, Đế hạ chiếu triệu Phóng về nhà thăm bệnh mẫu thân. Qua mấy tháng, bệnh của công chúa đỡ, lại điều Phóng ra ngoài làm Đô úy Hà Đông. Chúa thượng tuy yêu mến Phóng, nhưng trên bị Thái hậu bức bách, dưới bị đại thần kiềm chế, cho nên thường khóc mà phái Phóng đi.

8. Lúc Cung Thành thái hậu băng, tang sự rất vội, quan lại dùng tiền thuế thu được để gấp gáp lo việc, chúa thượng nghe biết việc ấy, trách tội Thừa tướng và Ngự sử. Mùa đông, tháng mười một, ngày Kỷ Sửu, Đế hạ chiếu sách cách chức Thừa tướng Tuyên làm thứ dân, Ngự sử đại phu Phương Tiến bị giáng chức làm Chấp kim ngô. Chức Thừa tướng khuyết hơn hai mươi ngày, quần thần nhiều người tiến cử Phương Tiến; chúa thượng cũng xem trọng tài năng của Phương Tiến, tháng mười một, ngày Nhâm Tý, cất nhắc Phương Tiến làm Thừa tướng, phong tước Cao Lăng hầu; dùng Chư lại, Tán kỵ, Quang lộc huân Khổng Quang làm Ngự sử đại phu.

Phương Tiến nhờ kinh thuật thăng tiến, lúc làm quan, dùng phép rất hà khắc, thích dựa thế lập uy; người mà Phương Tiến ghét, thường bị dùng điều văn nghiêm khốc mắng mỉa, người bị hại rất nhiều. Có người nói Phương Tiến theo ý riêng chê mỉa người khác không công bằng, chúa thượng cho là Tiến nêu điều luật thích hợp, không coi việc đấy là sai.

Quang, là con út của Bao Thành quân Khổng Bá vậy[1], lĩnh chức Thượng thư, nắm việc cơ mật hơn chục năm, giữ pháp độ, chỉnh phép tắc, chúa thượng có việc hỏi han, Quang căn cứ vào

[1] Khổng Bá được nói đến ở Hán kỷ, quyển thứ hai mươi, sự kiện năm Vĩnh Quang nguyên niên, đời Hán Nguyên đế.

phép tắc kinh sách, vấn tâm không thẹn mà đối đáp, chẳng xu nịnh mong hợp ý chỉ; nếu có chỗ không được nghe theo, cũng chẳng dám gắng can ngăn, vì thế giữ chức lâu mà được yên ổn. Lúc có thư dâng lên, Quang thường chẻ bỏ bản thảo, cho rằng nêu lỗi của chúa thượng để cầu lấy tiếng trung thẳng, là đại tội của kẻ nhân thần vậy. Hễ tiến cử ai, chỉ sợ người đó nghe biết. Ngày nghỉ về nhà tắm gội, cùng với anh em vợ con ăn yến nói chuyện, nhất định không đề cập đến chính sự trong triều. Có người hỏi Quang: "Cây trồng trong điện Ôn Thất là những cây gì vậy?" Quang lặng yên không đáp, đổi sang nói chuyện khác với họ, Quang cẩn thận không lộ chuyện như thế.

9. Chúa thượng tuần hành đến đất Ung, cúng tế ở Ngũ Chỉ.

10. Vệ tướng quân Vương Thương ghét Trần Thang, tấu nói: "Thang nói xằng rằng nhà cửa ở Xương lăng chỉ tạm di chuyển,[1] lại nói rằng rồng đen xuất hiện ở phía đông, là ứng việc chúa thượng nhiều lần vi hành."[2] Đình úy tấu: "Những lời mà Thang nói, là đại bất kính." Đế hạ chiếu cho rằng Thang có công,[3] cách chức làm thứ dân, đày đến biên ải.

Lúc chúa thượng lập Triệu hậu, Thuần Vu Trường có giúp sức, nên Đế nhớ ân đức, bèn truy tỏ cái công lúc trước hắn bẩm xin triệt bỏ Xương lăng, giao xuống công khanh, sai nghị bàn phong tước cho Trường. Quang lộc huân Bình Đương cho rằng: "Trường tuy có lời hay, nhưng không phù hợp điều luật phong tước."[4] Đương đắc tội bị giáng chức làm Thái thú Cự Lộc. Chúa

---

[1] *Hán thư, Trần Thang truyện* chép: Ban đầu, Thang xin dựng ấp Xương lăng; sau khi bãi dựng Xương lăng, Thừa tướng, Ngự sử xin phế bỏ nhà cửa ở đấy. Có người hỏi Trần Thang: "Nhà cửa ở đấy không bị nứt, lẽ đâu lại chuyển đi?" Thang nói: "Chúa thượng tạm nghe lời quần thần, sẽ đến lúc phải chuyển lại."

[2] *Hán thư, Trần Thang truyện* chép: Quận Đông Lai có rồng đen xuất hiện, có người đem việc hỏi Thang, Thang nói: "Đấy gọi là huyền môn rộng mở, chúa thượng nhiều lần xuất hành, ra vào không đúng thời điểm, nên rồng xuất hiện không đúng thời."

[3] Thang có công chém Thiền vu Chất Chi, đã nói ở Hán kỷ quyển 21 sự kiện năm Kiến Chiêu thứ ba, đời Hán Nguyên đế.

[4] Điển lệnh của Cao tổ quy định, không có công thì không được phong tước Hầu.

thượng bèn hạ chiếu, cho rằng Thường thị Hoành và Vệ úy Trường là những người đầu tiên dâng kế sách hay, ban cho Trường và Hoành tước Quan nội hầu. Tương tác đại tượng Vạn Niên tà nịnh bất trung, di hại khắp dân đen, cùng Trần Thang đều bị đày đến Đôn Hoàng.

Khi trước, Thiếu phủ Trần Hàm và Vệ úy Phùng Tín về công tích và sự từng trải đều ở trên Trạch Phương Tiến; Phương Tiến thăng tiến chậm, khi làm Kinh Triệu doãn, cùng Hàm thân thiện. Lúc chức Ngự sử đại phu khuyết, ba người đều là quan khanh nổi danh, cùng trong số tuyển chọn, rồi Phương Tiến được chức ấy. Đúng lúc Thừa tướng Tuyên đắc tội, cùng Phương Tiến có liên quan, chúa thượng sai năm vị quan Nhị thiên thạch hội xét Thừa tướng và Ngự sử, Hàm cật vấn trách hỏi Phương Tiến, hy vọng lấy được vị trí ấy, Phương Tiến rất hận. Trần Thang vốn nhờ tài năng được Vương Phượng và Vương Âm tán thưởng, Hàm và Tín đều thân thiện với Thang, Thang nhiều lần ở chỗ Phượng, Âm xưng tụng họ, vì thế hai người có được địa vị Cửu khanh. Lúc Vương Thương truất đuổi Thang, Phương Tiến liền tấu rằng: "Hàm và Tín vin dựa Thang để mưu cầu được tiến cử, cẩu thả được chức không biết thẹn". Hai người đều bị bãi chức.

11. Năm ấy, triều đình lấy Thái thú Lang Nha là Chu Bác làm Tả phùng dực. Bác trị quận, thường lệnh cho huyện thuộc đều dùng hào kiệt của bản huyện làm Đại lại, các chức văn võ được tùy tài sắp xếp. Huyện nào có giặc nghiêm trọng hay nảy việc hại rất bất thường, Bác liền gửi thư xuống quở trách, người nào dốc sức có hiệu quả, tất ban thưởng hậu; kẻ nào có lòng trí trá không xứng chức, lập tức giết phạt ngay. Vì thế cường hào khiếp phục, không việc nào không xong.

Năm Vĩnh Thủy thứ ba (Đinh Tỵ – TCN 14)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Kỷ Mão là ngày hối, nhật thực.

2. Khi trước, Đế dùng lời bàn của Khuông Hành,[1] bãi đàn tế Thái Chỉ ở Cam Tuyền. Hôm ấy, gió lốc làm đổ Trúc cung[2] ở Cam Tuyền, hơn trăm cây cổ thụ trong đàn chu vi từ chục vi[3] trở lên bị gãy đổ bật gốc. Đế kinh lạ vì chuyện ấy, đem việc hỏi Lưu Hướng, Hướng thưa rằng:

- Nhà thứ dân còn chẳng muốn dứt bỏ miếu tế của tổ tông, huống chi với đàn tế thần quan trọng của quốc gia thời trước lại bỏ sao? Vả lại Cam Tuyền, Phần Âm và Ngũ Chỉ ở đất Ung lúc bắt đầu lập, đều có thần linh cảm ứng ở đó, rồi sau mới dựng, không phải tùy ý mà làm vậy. Thời Vũ, Tuyên thờ tam thần ở đấy, kính lễ chu đáo đầy đủ, thần quang hiển hiện rất rõ. Các thần vị cũ mà tổ tiên lập, thực tại chưa dễ thay đổi. Lúc trước bắt đầu thu nạp lời bàn của Cống Vũ, người đời sau cứ thế noi theo, gây ra nhiều sự xao động. *Kinh Dịch* phần *Đại truyện* nói: "Vu thần giả cập tai ương tam thế.[4]" E rằng cái lỗi sai ấy không chỉ bị quy cho bọn Vũ!

Chúa thượng có ý hối việc ấy, lại vì rất lâu không có con kế tự, mùa đông, tháng mười, ngày Canh Thìn, chúa thượng bạch với Thái hậu, chiếu lệnh cho Hữu ti khôi phục đàn Thái Chỉ ở Cam Tuyền, đàn tế Hậu thổ ở Phần Âm như cũ, cho đến các đàn tế Ngũ Chỉ ở đất Ung, đền thờ Trần bảo, các đền thờ nổi danh ở Trường An và các quận, quốc, đều khôi phục lại.

Bấy giờ, chúa thượng vì không có con kế tự, rất ưa thích các chuyện về quỷ thần, phương thuật, người dâng thư nói việc tế tự, phương thuật được đợi chiếu mệnh rất đông, phí dụng cho việc cúng tế rất nhiều. Cốc Vĩnh dâng thư nói:

---

[1] Xem việc này ở Hán kỷ, quyển hai mươi mốt, sự kiện năm Kiến Thủy nguyên niên.

[2] Thời Hán Vũ đế tế giao ở Cam Tuyền, từ Trúc cung vọng bái, Trúc cung ở cách đàn tế ba dặm. Cung điện này dựng bằng trúc, nên có tên gọi ấy.

[3] Vi (圍), là đơn vị dùng để đo các thứ đồ có hình tròn thời xưa, cứ năm tấc thì tính bằng một vi.

[4] Lừa dối thần thì tai ương đến ba đời.

"Thần nghe nói người hiểu rõ về bản tính của trời đất, chẳng thể lấy chuyện thần quái mê hoặc được, người biết rõ cái thực của muôn vật, chẳng thể bị các việc tương tự đánh lừa. Bọn người trái chính đạo nhân nghĩa, chẳng tuân theo khuôn phép ngôn luận của Ngũ kinh, lại phóng đại xưng tụng việc quỷ thần quái dị, khơi rộng việc xem trọng phương thuật tế tự, đi cầu khấn ở những đền miếu vô phúc, còn nói trên đời có người tiên, có thứ phương dược uống vào được trường sinh bất lão, lại có thuật nhấc thân vọt đến phương xa, luyện đan sa hóa thành vàng, đấy đều là kẻ gian mê hoặc chúng nhân, cậy dựa bàng môn tà đạo, mang lòng trá ngụy, để dối lừa quân chủ trên đời, nghe lời đàm luận của chúng, thao thao bất tuyệt, tựa như sắp gặp được người tiên; đi cầu người tiên, thì mênh mang như ngóng gió chộp ảnh, rút cục chẳng thể cầu được. Vì thế, với việc quỷ thần, minh quân cự tuyệt chẳng nghe, thánh nhân tuyệt đối không bàn. Xưa kia Tần Thủy Hoàng sai Từ Phúc phái đồng nam, đồng nữ vào biển tìm thần tiên và tiên dược, họ lại nhân đó bỏ trốn không về, người thiên hạ oán hận. Nhà Hán hưng, bọn Tân Viên Bình, Thiếu Ông, Công Tôn Khanh và Loan Đại người nước Tề đều dùng thuật số trá lừa, chịu tội di diệt. Xin Bệ hạ hãy cự tuyệt những lời bàn đại loại như thế, không để bọn người gian tà mượn cơ hội nhòm ngó việc triều đình!"

Chúa thượng khen lời ấy.

3. Tháng mười một, nam tử huyện Úy Thị là bọn Phàn Tịnh cả thảy ba mươi người mưu phản, giết Thái thú Trần Lưu, cướp bắt quan dân, tự xưng là Tướng quân; lũ lính thú là bọn Lý Đàm, Xưng Trung, Chung Tổ, Ti Thuận cùng giết Tịnh, đem việc báo lên, đều được phong tước Hầu.

4. Tháng mười hai, Thiết quan đồ của huyện Sơn Dương là bọn Tô Lệnh gồm hai trăm mười tám người đánh giết Trưởng lại, cướp kho vũ khí, tự xưng là Tướng quân; đánh cướp quanh mười chín quận, quốc, giết Thái thú Đông Quận và Đô úy Nhữ Nam. Thái thú Nhữ Nam là Nghiêm Hân bắt chém bọn Lệnh. Triều đình thăng Hân làm Đại tư nông.

5. Nam Xương úy ngày trước là Mai Phúc người huyện Cửu Giang dâng thư nói:

"Xưa kia Cao tổ nạp lời thiện như sợ không theo kịp, theo lời can như thuận hướng bánh xe, nghe lời thiện bất kể tài năng của họ, khen công lao chẳng truy xét phẩm hạnh của người. Trần Bình từ trong số kẻ trốn được cất nhắc làm Mưu chủ, Hàn Tín trong hàng trận sĩ tốt được đề bạt làm Thượng tướng; cho nên kẻ sĩ thiên hạ như mây hợp theo về Hán, tranh nhau hiến kỳ mưu dị sách, trí giả dốc kiệt kế, ngu phu dốc tận tâm, dũng sĩ trổ tiết khí, kẻ hèn không tránh chết. Hợp trí tuệ trong thiên hạ, gộp uy vũ trong thiên hạ, vì thế thổi bạt Tần như cái lông tơ, lấy đất Sở như nhặt đồ rơi vãi, đấy là cái lý do mà Cao tổ vô địch thiên hạ vậy.

Hiếu Vũ hoàng đế thích lời can trung thẳng, vui nghe lời cao minh, xuất tước không đợi cử Hiếu liêm, Mậu tài, ban thưởng không đợi lúc công lao nổi rõ. Vì thế kẻ sĩ áo vải trong thiên hạ đều gắng chí dốc lòng vội đến chốn khuyết đình, trổ tài năng tự tiến cử mình, chẳng thể tính xuể, nhà Hán có được người hiền, vì thế thành cường mạnh. Ví như Hiếu Vũ hoàng đế nghe dùng kế của mọi người, thời thái bình có thể đến được, nhưng bấy giờ Vũ đế lại thống khoái với việc đánh người Hồ, người Việt, khiến thiên hạ chất thây phơi xương, cho nên Hoài Nam vương Lưu An thừa thời mà khởi loạn[1]; sở dĩ kế mưu của An không thành mà mưu bàn tiết lộ, là vì có đông người hiền tụ ở bản triều, cho nên đại thần của An bị đè lấn, không dám hòa theo vậy. Hiện nay kẻ áo vải rình ngó sơ hở của quốc gia, thấy thời cơ thì khởi loạn, Thục Quận là nơi như thế vậy. Đến như lũ lính thú bỏ trốn ở Sơn Dương là bọn Tô Lệnh, dẫm xéo danh đô, quận lớn, chiêu tụ bè đảng, tìm kẻ phụ họa, mà không có ý trốn náu, đấy là chúng khinh miệt đại thần triều đình, không úy kỵ gì, bởi quyền thế của quốc gia nhẹ, cho nên kẻ thất phu muốn cùng chúa thượng tranh quyền vậy.

---

[1] Việc về Hoài Nam vương Lưu An, xem Hán kỷ 11, sự kiện năm Nguyên Thú nguyên niên, đời Hán Vũ đế.

Hiền sĩ, là khí vật trọng yếu của quốc gia. Có được hiền sĩ thì quyền thế của quốc gia nặng, mất hiền sĩ thì quyền thế của quốc gia nhẹ. Kinh Thi nói: 'Tể tể đa sĩ, Văn vương dĩ ninh.'[1] *Nghị bàn ở chốn miếu đường, không phải là điều mà kẻ ở nơi thảo dã được nói vậy. Thần thực sợ rằng phải bỏ thân chốn đồng cỏ, phơi thây nơi binh trận, cho nên nhiều lần dâng thư cầu kiến, nhưng thường nhận báo thư cự tuyệt. Thần nghe nói thời Tề Hoàn, có người dùng thuật mọn cửu cửu xin cầu kiến, Hoàn công không cự tuyệt, đấy là muốn dẫn dụ người đại trí vậy. Nay lời mà thần nói, không phải chỉ là thuật cửu cửu vậy; Bệ hạ cự tuyệt thần ba lần rồi, đấy là lý do mà hiền sĩ thiên hạ không đến triều đình vậy. Xưa kia Tần vương ưa kẻ dũng lực, Nhâm Bỉ gõ cửa Hàm Cốc tự tiến cử;*[2] *Mục công thi hành bá nghiệp, Do Dư đến dựa đức.*[3] *Nay muốn chiêu vời hiền sĩ thiên hạ, dân chúng có người dâng thư cầu kiến, nên sai họ đến chỗ Thượng thư, hỏi cái điều họ muốn nói, lời nói nếu có thể chọn dùng được, thì cấp cho chức quan bổng lộc một thăng hay một đấu, ban thưởng dùng một bó lụa. Như thế, hiền sĩ thiên hạ cởi bỏ được uất ức phiền muộn, thổ lộ lời trung, mưu hay hàng ngày đến tai chúa thượng, việc thiên hạ mạch lạc, quốc gia trong ngoài phân minh, mọi thứ có thể tách bạch rõ ràng rồi.*

Dựa vào cái rộng lớn của bốn bể, cái đông đảo của sĩ dân, kẻ dâng hiến được lời trung nhất định có rất nhiều; nhưng người tuấn kiệt trong số ấy, trỏ tay bình thế sự, bày tỏ chính trị, xuất ngôn thành chương, đưa luận chứng về bậc tiên hiền thánh triết mà chẳng sai nhầm, thi hành ở đời nay thì ứng hợp thời thế, người như thế cũng không có bao nhiêu. Cho nên tước lộc và lễ vật, là để mài giũa chí khí người thiên hạ, đấy là thứ mà Cao tổ dùng để khích lệ người đời vậy. Khổng tử nói: 'Công dục thiện kì sự, tất tiên lợi kì khí.'[4] *Như triều*

---

[1] Hiền sĩ lớp lớp đông đảo, Văn vương nhờ thế được yên.

[2] Việc nói ở Chu kỳ, quyển 3, sự kiện năm thứ bảy đời Chu Noản vương.

[3] Tầm Mục công muốn mở mang bá nghiệp, tìm hiền tài, Do Dư từ Tây Nhung đến quy hàng.

[4] Người thợ muốn làm việc cho khéo, tất phải làm cho khí cụ của mình được sắc bén trước. Ở đây, người thợ ví như việc quốc chính, khí cụ là hiền tài vậy.

Tần thì không thế, giương lưới quây bắt người phỉ báng, thành ra xua đuổi nhân tài đến Hán triều, cầm ngược kiếm Thái A[1], trao chuôi kiếm cho người khác. Bởi vậy thực chẳng nên đánh mất cái chuôi kiếm, thiên hạ dẫu có kẻ bất thuận, chẳng ai dám húc vào mũi kiếm nhọn, đấy là cái lý do khiến Hiếu Vũ hoàng đế mở đất dựng công, thành Thế tông của nhà Hán vậy.

Nay Bệ hạ đã chẳng thu nạp lời bàn của người thiên hạ, lại gia hình giết chóc. Ôi, chim ưng, chim khách bị hại thì loan phượng trốn đi, ngu phu bị giết chóc thì trí sĩ lui ẩn. Lúc trước ngu dân dâng sớ, đa phần phạm phép 'nói việc không cấp thiết', người bị giao xuống Đình úy xử trị chết nhiều. Từ năm Dương Sóc đến nay, người thiên hạ cho rằng nói là phạm húy[2], ở triều đình lại càng nghiêm trọng, quần thần đều vâng thuận ý chỉ của chúa thượng, chẳng ai dám giữ ý đúng đắn. Vì đâu biết rõ được như thế? Lấy một lá thư mà dân chúng dâng lên, Bệ hạ cho là thư ấy hay, thử giao xuống cho Đình úy, Đình úy tất nói: 'Lời này không phải là lời nên nói, đại bất kính!' Chỉ dùng một phép thử như thế, là bao quát hết được rồi! Cố Kinh Triệu doãn Vương Chương, tư chất trung thẳng, dám đối mặt tranh biện ở triều đình, Hiếu Nguyên hoàng đế cất nhắc ông ấy, để khích lệ những bầy tôi sung cho đủ số mà nắn sửa triều chính. Cho đến thời Bệ hạ, giết đến cả vợ con ông ấy.[3] Vả lại có câu 'Phạt ác chỉ dừng ở bản thân kẻ ác'[4], Vương Chương không mắc tội phản loạn mà vạ liên can đến cả nhà, đấy là bẻ gãy khí tiết của kẻ sĩ ngay thẳng, trói buộc miệng lưỡi của tôi thần can gián. Quần thần đều biết cái sai của việc đó, nhưng chẳng ai dám tranh biện. Thiên hạ lấy họa miệng lưỡi làm điều răn, đấy là mối đại họa lớn nhất của quốc gia vậy! Mong Bệ hạ noi theo

---

[1] Thái A (泰阿) là thanh kiếm rất sắc, do Việt vương lệnh cho Âu Dã Tử (欧冶子) đúc thành. Ở đây ý nói nhà Tần vô đạo, khiến dân chúng phát loạn, cũng như cầm lưỡi kiếm sắc đưa cho người khác cầm chuôi.

[2] Mở miệng nói thì phạm húy, bị giết, vì thế khóa miệng bặt lời.

[3] Xem sự kiện năm Dương Sóc nguyên niên.

[4] Lời xuất từ *Công Dương truyện*: Phạt ác chỉ dừng ở bản thân kẻ ác, thưởng thiện thì ban đến cháu con (ác ác chỉ kỳ thân, thiện thiện cập tử tôn).

phép tắc của Cao tổ, lấp kín con đường vong quốc của triều Tần, trừ bỏ cái phép 'nói việc không cấp thiết', hạ chiếu lệnh 'được nói không che giấu', xem rộng nghe khắp, mưu bàn với kẻ sơ giao và ti tiện, khiến người thâm trầm không giấu lời, người xa không bị cách trở, đấy gọi là 'tịch tứ môn, minh tứ mục'[1] vậy. Việc trước kia không làm kịp, ngày sau vẫn có thể làm được.

Hiện nay mệnh vua bị xâm phạm, uy quyền của chủ bị cướp đoạt, quyền thế của ngoại thích ngày càng thịnh; Bệ hạ chẳng thấy tình thế ấy, xin hãy xét tượng trời! Từ năm Kiến Thủy đến nay, nhật thực, động đất, theo đại khái mà nói, nhiều gấp ba lần thời Xuân Thu, về thủy tai không tính được để so sánh, âm thịnh dương suy, kim khí hóa sao bay,[2] đấy là cảnh tượng gì? Từ khi Hán triều hưng lập đến nay, xã tắc ba lần nguy nan: Họ Lã, họ Hoắc, họ Thượng Quan, đều là nhà mẫu hậu vậy. Theo đạo lý yêu mến người thân, bảo toàn cho họ là thượng sách, nên cho họ làm sư phó hiền lương, dùng đạo trung hiếu dạy dỗ họ; nay lại cho họ địa vị quý sủng, trao cho quyền binh đứng đầu, khiến họ kiêu ngạo ngang ngược, đi đến chỗ bị di diệt, đấy là lỗi về đại nghĩa yêu mến người thân của mình. Đến như Hoắc Quang là hiền thần, còn chẳng thể nghĩ tính bảo toàn cho con cháu, thế nên đối với quyền thần, đổi thay triều đại là việc chí nguy. Kinh Thư nói: 'Lửa không vụt cháy to, đều bắt đầu từ đốm nhỏ.'[3] Đợi đến lúc thế lực lấn vua, quyền thịnh hơn chủ, rồi mới đề phòng, cũng chẳng kịp nữa rồi!"

Chúa thượng không thu nạp ý kiến.

---ॐ---

[1] Đại ý: Mở cửa lớn bốn phía để chiêu vời hiền tài, người tài khắp nơi kéo đến, thì như có mắt nhìn thấu bốn phương vậy.

[2] Trương Yến chú trong *Hán thư* rằng: Năm Hà Bình thứ hai, Thiết quan của Bái Quận đúc kim khí như ngôi sao bay, là ý rằng chúa thượng rời bỏ uy quyền, đại thần chuyên mệnh vậy.

[3] Ý nói: Lửa bắt đầu đều từ đốm nhỏ, không sớm diệt trừ, thì lửa cháy mạnh dần; đại thần quý sủng chuyên quyền, cũng nên sớm mưu tính, phế truất quyền của họ.

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ HAI MƯƠI TỪ]

HIẾU THÀNH HOÀNG ĐẾ

Năm Vĩnh Thủy thứ tư (Mậu Thân – TCN 13)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành đến Cam Tuyền, tế giao tại đàn Thái Chỉ; đại xá thiên hạ. Tháng ba, tuần hành đến Hà Đông, tế Hậu thổ.

2. Mùa hạ, trời đại hạn.

3. Tháng tư, ngày Quý Mùi, điện Lâm Hoa của cung Trường Lạc và cửa Tư mã phía đông cung Vị Ương cùng bị cháy. Tháng sáu, ngày Giáp Ngọ, cửa khuyết của vườn mộ Bá lăng bị hỏa tai.

4. Mùa thu, tháng bảy, ngày Tân Mùi là ngày hối, nhật thực.

5. Mùa đông, tháng mười một, ngày Canh Thân, Vệ tướng quân Vương Thương mắc bệnh nghỉ chức.

6. Lương vương Lưu Lập kiêu căng phóng túng vô độ, thậm chí một ngày mười một lần phạm phép. Quốc tướng nước Lương là Vũ tấu rằng: "Lập oán hận nhà ngoại, có lời xấu." Hữu ti tra xét nghiệm chứng, nhân đó phát hiện ra việc gian dâm của Lập với cô ruột của mình là Viên Tử[1], tấu rằng: "Lập có hành vi cầm thú, xin giết đi." Thái trung đại phu Cốc Vĩnh dâng thư nói:

---

[1] Lương vương Lưu Lập là con của Lưu Gia, sau khi Lưu Gia chết được kế tước, Viên Tử là em gái của Lưu Gia, đã lấy chồng, nhưng vẫn trẻ đẹp, Lưu Lập thích bèn tư thông.

"Thần nghe nói theo lễ, bên ngoài cửa Thiên tử dựng tường chắn, vì không muốn thấy tình cảnh ở bên ngoài vậy; bởi thế bản ý của Đế vương, là không muốn nhòm ngó việc kín nơi khuê môn của người ta, nghe nói chuyện ở trong nhà người khác. Kinh Xuân Thu nói: 'Vì thân nên tránh húy'[1]. Nay Lương vương trẻ tuổi, lắm cuồng vọng, ban đầu vì tra xét chứng nghiệm lời xấu, tuy không thấy chứng cứ thực, nhưng lại phát hiện việc kín nơi khuê phòng, không phải là ý chỉ gốc của tấu chương. Vương bị tố cáo lại không chịu thừa nhận, vì kiên quyết hặc tội mới dẫn đến việc khó tỏ, nếu chỉ dựa lời tố cáo thiên lệch để thành tội định án, là vô ích với đạo trị lý; đem cái việc ô nhục tông thất là hành vi dâm loạn trong nhà, vạch ra bố cáo thiên hạ, đấy không phải là cái cách giấu giếm lỗi sai giúp cho công tộc, làm tăng vinh hoa của triều đình, nêu rạng phong khí và giáo hóa của của bậc thánh đức vậy. Thần ngu muội cho rằng Vương còn trẻ mà cô ruột đứng tuổi, về tuổi tác bất xứng, cái giàu có của nước Lương đủ để dùng nhiều tiền của rước nạp mỹ nữ, chiêu vời gái đẹp; huống chi người cô ruột cũng tự thẹn nhục trong lòng; kẻ tra xét vốn đang nghiệm chứng lời xấu, có sao việc bỉ ổi tự phát ra? Lấy ba điểm ấy suy xét, e rằng việc này không hợp lẽ thường tình, thần ngờ rằng Vương vì cung từ bức bách khẩn thiết, nói năng nhầm lẫn, văn lại bám vào đó xét tìm vết, khiến lời cung không xoay chuyển được. Vào lúc việc mới manh nha, gia ân không xử trị, là thượng sách vậy. Đã tra xét nghiệm chứng phải dùng phép tắc nêu lên cái tội Vương bị tố cáo không chịu thừa nhận, chiếu lệnh sai Đình úy tuyển quan viên có phẩm đức cao, thấu tình lý, thẩm xét kỹ lưỡng, nêu rõ chỗ không đúng, không thật, chỉ ra chỗ định tội sai lầm, khi sứ giả về, đem sự thực giao cho Hữu ti xử lý, để nêu cao đức tốt của công tộc họ xa, giúp tông thất tẩy rửa sạch nỗi thẹn nhục ô uế, là cách xử lý quan hệ thân thuộc rất hay vậy."

---

[1] *Công Dương truyện* chép: Lỗ Mẫn Công năm đầu, Tề Trọng Tôn đến (nước Lỗ). Tề Trọng Tôn là ai? Là Công tử Khánh Phủ vậy. Sao lại gọi là Tề Trọng Tôn? Vì là người họ ngoại vậy. Là họ ngoại tức là thân thích, là thân thích nên *Kinh Xuân Thu* kiêng tránh gọi tên húy vậy.

Thiên tử vì thế bỏ qua mà không xử trị.

7. Năm ấy, lấy Tư lệ Hiệu úy Hà Vũ người Thục Quận làm Kinh Triệu doãn. Vũ làm quan, giữ phép, tận tâm với việc công, tiến thiện trừ ác, lúc tại vị tuy không có thanh danh hiển hách, nhưng sau khi rời đi thường được người ta nghĩ nhớ.

Năm Nguyên Diên nguyên niên (Kỷ Dậu – TCN 12)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Kỷ Hợi là ngày sóc, có nhật thực.

2. Ngày Nhâm Tuất, Vương Thương lại nhận chức Đại tư mã, Vệ tướng quân.[1]

3. Tháng ba, chúa thượng tuần hành đến đất Ung, tế tự ở Ngũ Chỉ.

4. Mùa hạ, tháng tư, ngày Đinh Dậu, trời không mây mà sấm vang; có ngôi sao băng từ bên dưới mặt trời chạy về hướng đông nam, ánh sáng chói lòa bốn phía, rơi xuống như mưa, từ xế trưa đến chập tối mới dừng.

5. Đại xá thiên hạ.

6. Mùa thu, tháng bảy, có sao chổi xuất hiện ở chỗ sao Tỉnh.

Chúa thượng vì tai biến phát sinh, rộng hỏi ý quần thần. Thái thú Bắc Địa là Cốc Vĩnh dâng đối sách rằng:

"Bậc vương giả đem thân thi hành đạo nghĩa, vâng thuận trời đất, thì tiết khí thuận hòa, bách tính trường thọ, điềm lành nhất tề giáng xuống; nếu hành sự bừa bãi lỗi đạo, trái trời hại vật, thì tai họa ứng nghiệm nổi rõ, điềm yêu nghiệt cùng xuất hiện, mùa màng thất bát liên tục kéo đến; rút cục vẫn không tỉnh ngộ hối cải, việc xấu lan tràn, thượng thiên không cảnh báo khiển trách nữa, đem thiên mệnh trao về người có đức. Đấy là đạo thường trời đất, trăm vương đều theo quy

[1] Vương Thương năm trước vì mắc bệnh nghỉ chức, nay lại được phục chức.

luật ấy. Lại thêm, công đức của quân vương có dày mỏng, kỳ hạn trị lý có ngắn dài, tư chất có cao thấp, thời đại có trước sau, thiên đạo có thịnh suy. Bệ hạ kế thừa công nghiệp tám đời, là mùa cuối cùng trong dương số, hướng đến ách vận 'tam thất', gặp phải quẻ vận 'vô vọng', chính là tai ách 'bách lục', ba vận nạn suy tính từ ba môn bói toán khác nhau, hỗn tạp như thế sao lại cùng hội họp?[1]

Từ năm Kiến Thủy nguyên niên đến nay, trong vòng hai mươi năm, rất nhiều tai vạ dị thường, tạp loạn như ong nổi, nhiều hơn cả ghi chép ở Kinh Xuân Thu. Bên trong thì ở chốn thâm cung hậu đình, có nội thần kiêu căng, cơ thiếp hung dữ,[2] *say rượu ngông cuồng trái lẽ đột nhiên phá loạn quốc gia, trên đường ngõ trong vườn của Bắc cung, ở chốn u tĩnh an nhàn tại nhà cận thần và cơ thiếp, có mối loạn Trương Thư, Thôi Trữ;*[3] *bên ngoài thì khắp thiên hạ, có mối họa vung tay nổi dậy của bọn Phàn Tịnh, Tô Lệnh, Trần Thắng, Hạng Lương.*[4] *Nay đang ở cái ranh giới của sự an nguy, là mối lo lớn cho tông miếu, thần là Vĩnh vì những việc ấy vỡ mật ghê lòng, dự báo trước đã nhiều*

---

[1] Hán Thành đế là vị hoàng đế đời thứ chín của nhà Tây Hán (tám đời trước là Cao đế, Huệ đế, Văn đế, Cảnh đế, Vũ đế, Chiêu đế, Tuyên đế, Nguyên đế). Theo *Kinh Dịch*, các số lẻ 1,3,5,7,9 là dương số, số 9 là số đứng hàng cuối cùng trong dương số (ứng với thứ tự kế nối của Thành đế, là chín đời).

Tam thất là thuật ngữ của khoa Độn giáp, chỉ chu kỳ 210 năm. Đại khái, theo thuật kỳ môn độn giáp, đến chu kỳ tam thất là gặp vận tai ách. Năm ấy, tính từ khi Cao đế lập nhà Hán là 194 năm, đang hướng đến ách vận tam thất.

Ứng Thiệu nói: Trời tất kéo mây trước rồi mới nổi sấm, có sấm rồi mới có mưa, trời không mây mà có sấm, là "vô vọng". Vô vọng là tên quẻ Thiên lôi vô vọng (không mây mà có sấm). Lời quẻ nói: "Vạn vật vô sở vọng ư thiên, tai dị chi tối đại giả dã", tức là "vạn vật không nơi trông cậy, tai ách cực lớn."

Theo thuật bói toán, bách lục là "dương cửu chi ách", đang có kiếp nạn lớn. Theo *Hán thư, Luật lịch chí*, kiếp nạn ở đây là nói đến nạn thủy tai hạn hán.

Ba thứ tai nạn, tức là ách vận "tam thất", "vô vọng" và "bách lục" vậy.

[2] Nội thần, là chỉ bọn Thuần Vu Trường, cơ thiếp là nói chị em Triệu Phi Yến.

[3] Trần Linh công tư thông với mẹ của Hạ Trưng Thư là Hạ Cơ, Trưng Thư oán hận, nấp ở chuồng ngựa bắn chết Linh công; Tề Trang công tư thông với vợ của Thôi Trữ là Khương thị, nhiều lần đến nhà Trữ; cuối cùng Trữ sai giáp sĩ phục sẵn ở nhà, giết Trang công.

[4] Việc về Phàn Tịnh, Tô Thắng nói đến ở Hán kỷ quyển 23, sự kiện năm Vĩnh Thủy thứ ba. Việc về Trần Thắng, Hạng Lương nói ở Tần kỷ, quyển 2, đời Tần Nhị Thế.

năm. Dưới đất có mầm mống biến loạn, rồi sau mới thấy biến hóa ở trên trời, há chẳng nên thận trọng sao!

Họa nổi từ chỗ rất nhỏ, gian dối nảy sinh từ sự sơ suất. Mong Bệ hạ hãy đoan chính nghĩa quân thần, không cùng lũ tiểu nhân hèn hạ dơ bẩn chung yến ẩm; cẩn trọng giữ cái uy nghiêm 'tam cương'[1], tu chỉnh sự vụ ở hậu cung, nén mình xa lánh kẻ được sủng ái kiêu căng đố kỵ, xem trọng thân gần người có đức hạnh nhún thuận; bầy tôi chầu gặp thì bày pháp giá trước rồi đi ra sau, bày binh dẹp đường rồi mới xuất hành, không nên khinh rẻ bản thân một mình ra khỏi cung, đến ăn uống ở nhà thần thiếp. Ba điểm ấy[2] trừ bỏ được, thì con đường dẫn đến nội loạn bị lấp rồi.

Khắp thiên hạ cất binh, mầm loạn là bởi mất mùa dân đói mà quan lại chẳng thương xót, loạn hưng là bởi bách tính khốn khó mà thuế khóa nặng, loạn phát ra là bởi thiên hạ oán lìa mà chúa thượng chẳng biết. Truyện nói: 'Cơ nhi bất tổn, tư vị thái, quyết cữu vong.[3]' Mấy năm gần đây, các quận, quốc bị hại bởi thủy tai, lúa mạch không có thu hoạch, chính là lúc nên giảm bớt thuế khóa, vậy mà Hữu ti lại thỉnh xin thu thêm, rất trái với nghĩa lý kinh sách, nghịch dân tâm, đấy là cái lối chiêu oán rước họa vậy. Thần mong Bệ hạ không chuẩn lời tấu xin tăng thuế, giảm bớt các phí dụng xa hoa, rộng ban rải ân trạch, phát chẩn cấp giúp người khốn khó, hạ chiếu sắc khuyến khích việc cày ruộng trồng dâu, để vỗ về úy lạo lòng dân đen, bạo loạn khắp nơi hồ như có thể dừng!"

Trung lũy Hiệu úy Lưu Hướng dâng thư nói:

"Thần nghe nói Đế Thuấn răn Bá Vũ rằng: 'Chớ như Đan Chu ngạo ngược'[4], Chu công răn Thành vương rằng: 'Chớ như vua Trụ

---

[1] Tức là quan hệ vua tôi, cha con và chồng vợ.

[2] Tức là: Vi hành, tụ tập ăn uống và hiếu sắc.

[3] Ý là: Đói kém mà thuế chẳng giảm, lại tuyên xưng quốc thái dân an, nhất định phải rước họa bại vong.

[4] Lời trong *Ngu thư*, thiên *Ích Tắc*. Nguyên văn: Vô nhược Đan Chu ngạo.

nhà Ân'[1], *bậc đế thánh vua sáng thường lấy việc bạo loạn tự răn mình, chẳng kiêng nói chuyện phế hưng, cho nên thần mới dám cực lực bày tỏ lòng ngu của mình, xin Bệ hệ lưu tâm nghĩ xét!*

Cẩn trọng tính xét hai trăm bốn mươi hai năm thời Xuân Thu, có ba mươi sáu lần nhật thực, nay ba năm liên tiếp gần đây xuất hiện nhật thực, từ năm Kiến Thủy đến nay, trong vòng hai mươi năm mà nhật thực tám lần, đại khái là hai năm sáu tháng một lần xuất hiện, xưa nay ít có. Điềm tai dị có lớn nhỏ, ít nhiều, việc chiêm nghiệm có sớm muộn, hoãn gấp. Quan sát việc nhà Tần, nhà Hán hoán đổi triều đại, xem việc Huệ đế, Chiêu đế không có người nối tự, xét việc Xương Ấp không được trọn vẹn, coi việc Hiếu Tuyên nổi lên kế vị, đều có biến đổi khác lạ được chép rõ trong sách sử của nhà Hán. Thiên mệnh rời bỏ rồi trở lại, há chẳng phải rất rõ ràng sao?

Thần may mắn là hậu duệ chi ngọn của hoàng tộc, thực thấy được cái đức khoan hậu hiền minh của Bệ hạ, mong rằng sẽ tiêu trừ được tai biến dị thường mà hưng lại được cái tiếng của Cao tông, Thành vương,[2] *để tăng cao công nghiệp của họ Lưu, cho nên liên tục khẩn thiết liều chết dâng thư! Tượng trời phức tạp khó nói rõ ra được, thần dẫu dâng trình đồ hình thiên văn, vẫn phải dùng lời giải thích, rồi sau mới hiểu được; mong được Bệ hạ ban cho thời gian rỗi rãi, thần xin chỉ đồ hình bày kể thực trạng."*

Chúa thượng liền triệu Hướng vào cung, nhưng rút cục chẳng thể dùng lời của Hướng.

7. Hồng Dương hầu Vương Lập tiến cử Trần Hàm làm Phương chính; dâng đối sách, được bái làm Quang lộc đại phu, Cấp sự trung. Thừa tướng Trạch Phương Tiến lại dâng tấu nói

---

[1] Lời trong *Kinh Thượng thư*, thiên *Vô dật*. Nguyên văn: Vô nhược Ân vương Trụ.

[2] Vào thời vua Cao tông (Vũ Đinh) nhà Hạ, vua Thành vương nhà Chu cũng từng có các điềm tai vạ, nhưng các vị vua này hiền minh nên hưng thịnh được triều đại đang trên đà suy vong. Lưu Hướng cũng mong vua Thành đế nhà Hán qua các điềm tai vạ dị thường mà hưng thịnh nhà Hán như hai vị ấy.

"Hàm lúc trước làm Cửu khanh, vì tham tà mắc tội bị bãi chức,[1] chẳng nên theo danh nghĩa Phương chính tiến cử, cho dự vào hàng triều thần"; đồng thời tấu hặc "Hồng Dương hầu Lập tuyển cử cố ý không theo tình huống thực." Đế hạ chiếu bãi chức Hàm, nhưng cấm hặc tội Lập.

8. Tháng mười hai, ngày Ất Mùi, Đế lấy Vương Thương làm Đại tướng quân. Ngày Tân Hợi, Thương hoăng. Em của Thương là Hồng Dương hầu Lập, theo thứ tự đáng được làm phụ chính; trước đấy Lập sai môn khách thông qua Thái thú Nam Quận là Lý Thượng lấy danh nghĩa khẩn điền chiếm mấy trăm khoảnh ruộng của bách tính mới khai khẩn, rồi dâng thư xin đem nhập vào đất của phủ quan, thu tiền bán ruộng hơn ấy trên ức vạn tiền, Thừa tướng Tư trực là Tôn Bảo phát giác ra việc ấy, chúa thượng vì thế phế Lập, rồi dùng em của Lập là Quang lộc huân Khúc Dương hầu Vương Căn. Ngày Canh Thân, lấy Căn làm Đại tư mã, Phiêu kỵ tướng quân.

9. Đặc tiến, An Xương hầu Trương Vũ thỉnh xin Đế đem đất Phì Ngưu đình thuộc Bình lăng cấp cho mình; Khúc Dương hầu Căn can ngăn, cho rằng đất ấy ở phụ cận chính điện tông miếu tại Bình lăng, trên đường mũ áo xuất du[2], nên đổi ban cho Vũ chỗ đất khác. Chúa thượng không nghe, rút cục đem chỗ đất ấy ban cho Vũ. Căn vì thế căm ghét việc Vũ được sủng ái, nhiều lần chê mỉa Vũ. Thiên tử càng kính trọng hậu đãi Vũ, mỗi khi Vũ bệnh, Đế thường hỏi han việc ăn uống ngủ nghỉ, xa giá tự đến thăm, chúa thượng đích thân bái Vũ ở dưới giường, Vũ rập đầu tạ ân; con út của Vũ chưa có quan vị, Vũ nhiều lần nhìn con nhỏ; chúa thượng lập tức bái phong đứa con ấy của Vũ làm Hoàng môn lang, Cấp sự trung ngay dưới giường bệnh của Vũ. Vũ tuy ở nhà, nhưng vẫn lấy thân phận Đặc tiến làm thầy của

---

[1] Việc Trần Hàm bị bãi chức, xem ở Hán kỷ, quyển hai mươi hai, sự kiện năm Vĩnh Thủy thứ hai.

[2] Tức là trên đường mà Hoàng đế đi tế tự tông miếu.

Thiên tử, mỗi khi có đại sự quốc gia, Đế nhất định phải cùng Vũ nghị bàn rồi mới quyết định.

Bấy giờ quan dân rất nhiều người dâng thư nói việc tai vạ dị thường xuất hiện, ngầm chê bai họ Vương chuyên quyền dẫn đến rước điềm vạ, chúa thượng cho rằng lời bàn có lý, nhưng chưa hiểu rõ lời ấy có đúng thực không; bèn ngồi xe đến phủ đệ của Vũ, đuổi tả hữu đi, đích thân hỏi Vũ về việc thiên tượng biến hóa, nhân đó đem các lời của quan dân nói về họ Vương bảo với Vũ. Vũ tự thấy mình tuổi cao, con cháu còn nhỏ, lại cùng Khúc Dương hầu bất hòa, sợ bị họ Vương oán hận, bèn bảo chúa thượng rằng:

- Khi *Kinh Xuân Thu* ghi chép việc nhật thực, động đất, hoặc chư hầu đánh giết lẫn nhau, hoặc Di Địch lấn Trung Quốc. Hàm ý của điềm tai biến rất sâu xa khó thấy được, thế nên thánh nhân rất ít khi đàm luận về thiên mệnh, chẳng nói chuyện thần dị quái lạ; tính mệnh và thiên đạo, từ bọn Tử Cống còn chưa nghe được,[1] huống chi là lời nói bàn của lũ nho sinh bỉ lậu kiến thức nông cạn. Bệ hạ nên tu sửa chính sự, làm việc thiện để đáp lời cảnh báo của thượng thiên, cùng quần hạ chung hưởng phúc lành, như thế mới đúng đại nghĩa kinh sách vậy. Bọn học trò tân học hồ ngôn loạn ngữ, mê hoặc người khác, không nên tin dùng, mọi việc chỉ nên xét đoán bằng kinh thuật!

Chúa thượng vốn tin tưởng yêu mến Vũ, bởi thế không nghi ngờ họ Vương. Về sau Khúc Dương hầu Vương Căn cùng con em các nhà họ Vương nghe biết lời ấy của Vũ, đều vui mừng, vì thế thân gần với Vũ.

Hòe Lý lệnh lúc trước là Chu Vân[2] dâng thư cầu kiến, ở trước mặt công khanh, Vân nói:

---

[1] Tử Cống nói: "Văn chương của thầy (Khổng tử) chúng ta có thể được nghe. Lời của thầy nói về thiên tính và đạo trời thì chưa được nghe vậy."

[2] Thời Nguyên đế, Chu Vân làm Hòe Lý lệnh, vì luận tội Thạch Hiển bị phế chức.

- Nay đại thần triều đình, trên chẳng khuông phò được chúa thượng, dưới không làm gì để giúp dân, đều ngồi không ăn lộc, chính như Khổng tử nói "Kẻ bỉ lậu chẳng nên sai thờ vua, họ lo mất quan vị, không gì không dám làm' vậy! Thần xin được ban Thượng phương trảm mã kiếm[1], chém đầu một kẻ nịnh thần để cảnh cáo những kẻ còn lại!

Chúa thượng hỏi:

- Ai là kẻ nịnh thần vậy?

Vân thưa rằng:

- Là An Xương hầu Trương Vũ!

Chúa thượng cả giận nói:

- Tiểu thần ngôi dưới báng bổ đại thần, tại triều đình nhục mạ sư phó, tội chết không tha!

Ngự sử lôi Vân xuống, Vân bám vào lan can điện, lan can bị gãy. Vân hô to rằng:

- Thần được theo Long Bàng, Tỉ Can du ngoạn ở dưới đất,[2] là đủ rồi! Không biết thánh triều sẽ thế nào đây?

Ngự sử bèn lôi Vân đi. Bấy giờ Tả tướng quân Tân Khánh Kỵ bỏ mũ, cởi ấn thụ, rập đầu dưới điện nói:

- Kẻ tôi thần này vốn nhờ cuồng trực nổi danh ở đời, nếu lời ấy đúng, chẳng nên giết; nếu lời ấy sai, càng nên dung tha. Thần dám lấy cái chết để can ngăn!

Khánh Kỵ rập đầu chảy máu ròng ròng, ý giận của Đế mới tan dần, rồi sau mới bỏ qua việc giết Vân. Sau này sửa lại chỗ lan can gãy, chúa thượng nói:

---

[1] Thượng phương (尚方) là thuộc quan của Thiếu phủ, chuyên chế tác khí vật cho nhà vua. Trảm mã kiếm (斩马剑), là thứ kiếm rất sắc, có thể chém được đầu ngựa, cho nên có tên như thế.

[2] Long Bàng (龙逢), là đại thần của vua Kiệt; Tỉ Can (比干) là đại thần của vua Trụ. Hai người này đều vì can gián vua mà chết, cho nên Vân nói như vậy.

- Đừng thay, hãy giữ nguyên mà ghép lại, để biểu chương bầy tôi thẳng thắn!

10. Thiền vu Sưu Hài của Hung Nô sắp về triều kiến; chưa vào biên hiểm, bị bệnh chết. Em là Thả Mạc Xa nối lập, là Thiền vu Xa Nha Nhược Đê; lấy Nang Tri Nha Tư làm Tả hiền vương.

11. Đô úy Bắc Địa là Trương Phóng đến nhận chức ở sở quan được mấy tháng, lại được triệu về làm Thị trung. Thái hậu gửi thư cho Đế nói:

"Việc ta nói lúc trước ngươi còn chưa làm,[1] sao Phú Bình hầu lại quay về kinh sư, ta có thể yên lặng được sao?"

Chúa thượng tạ rằng:

- Xin phụng chiếu làm ngay!

Vì thế chúa thượng đuổi Phóng ra làm Thiên Thủy thuộc quốc Đô úy; cất nhắc Thiếu phủ Hứa Thương, Quang lộc huân Sư Đan làm Quang lộc đại phu, Ban Bá làm Thủy hành Đô úy, cùng kiêm chức Thị trung, đều hưởng phẩm trật Trung nhị thiên thạch, mỗi khi Đế chầu gặp Đông cung, họ thường đi theo; lúc có việc quốc chính, Đế đều sai họ truyền dụ chỉ với công khanh. Chúa thượng cũng dần chán ghét việc yến tiệc du ngoạn, lại sửa đổi bản thân nghiên cứu kinh sách; Thái hậu rất vui.

12. Năm ấy, Tả tướng quân Tân Khánh Kỵ chết. Khánh Kỵ là hổ thần của quốc gia, gặp thời thái bình, Hung Nô, Tây Vực đều thân gần nương dựa, sùng kính uy tín của Khánh Kỵ.

Năm Nguyên Diên thứ hai (Canh Tuất – TCN 11)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành đến Cam Tuyền, tế giao tại đàn Thái Chỉ. Tháng ba, tuần hành đến quận Hà Đông, tế Hậu thổ. Tế xong, du ngoạn núi Long Môn, lên Lịch quán, trèo lên đỉnh Tây Nhạc rồi quay về.

---

[1] Việc Thái hậu yêu cầu đuổi Trương Phóng, xem ở sự kiện năm Vĩnh Thủy thứ hai.

2. Mùa hạ, tháng tư, lập con của Quảng Lăng Hiếu vương là Lưu Thủ làm Vương.

3. Khi trước, Tiểu Côn di nước Ô Tôn là An Nhật bị người hàng giết chết, các Hấp hầu đại loạn; Đế hạ chiếu vời Thái thú Kim Thành lúc trước là Đoàn Hội Tông làm Tả tào, Trung lang tướng, Quang lộc đại phu, sai phủ dụ vỗ yên nước Ô Tôn; lập em của An Nhật là Mạt Chấn Tương làm Tiểu Côn di, yên định nước ấy rồi về. Bấy giờ Đại Côn di là Thư Lật Mĩ dũng mãnh cường kiện, Mạt Chấn Tương sợ bị hắn thôn tính, sai quý tộc là Ô Nhật Lĩnh trá hàng, đâm chết Thư Lật Mĩ; Hán triều muốn đem binh đánh dẹp Mạt Chấn Tương nhưng chưa thể làm được, phái Trung lang tướng Đoàn Hội Tông lập cháu của công chúa[1] là Y Trật Mĩ làm Đại Côn di. Rất lâu sau, Đại Côn di và Hấp hầu Nan Tê giết Mạt Chấn Tương, con của An Nhật là An Lê Mĩ thay làm Tiểu Côn di. Hán triều hận không tự giết được Mạt Chấn Tương, lại phái Đoàn Hội Tông điều phát quân của Mậu Kỷ hiệu úy và binh của các nước tới giết Thái tử Phiên Khâu của Mạt Chấn Tương. Hội Tông sợ đại binh tiến vào nước Ô Tôn, kinh động Phiên Khâu, nếu hắn bỏ trốn thì không thể bắt được, liền lưu số binh lính điều phát ở đất Điếm Lâu, tuyển ba mươi tinh binh đeo nỏ cứng, theo đường nhỏ đến thẳng nơi Côn di ở, triệu Phiên Khâu, trách hỏi hắn về cái tội của Mạt Chấn Tương, rồi tự tay cầm kiếm đâm chết Phiên Khâu. Quan thuộc thủ hạ của Phiên Khâu kinh hoảng, ruổi ngựa chạy về. Tiểu Côn di An Lê Mĩ lĩnh mấy nghìn quân kỵ vây Hội Tông, Hội Tông đem cái ý phụng mệnh Thiên tử đi giết Phiên Khâu giảng giải, nói:

- Hôm nay vây giữ giết ta, cũng như nhổ một cái lông bò của nhà Hán thôi. Việc đầu của Uyển vương và Chất Chi treo ở Cảo Nhai,[2] là điều mà người Ô Tôn biết vậy.

---

[1] Tức Giải Ưu công chúa vậy.

[2] Việc về Uyển vương xem ở Hán kỷ quyển 13, sự kiện năm Thái Sơ thứ ba. Việc về Chất Chi xem ở Hán kỷ quyển 21, sự kiện năm Kiến Chiêu thứ ba.

Từ Côn di trở xuống đều phục lạy, nói:

- Mạt Chấn Tương phụ lại nhà Hán, giết con của hắn là việc nên làm vậy, sao không thể báo với ta, để ta cho hắn ăn uống một bữa!

Hội Tông nói:

- Báo trước với Côn di, hắn trốn náu, là phạm đại tội. Nếu cho hắn ăn uống xong rồi đem giao cho ta, sẽ hại đến cái ân cốt nhục, cho nên ta không báo trước.

Côn di và thủ hạ gào khóc rồi bãi binh bỏ đi. Hội Tông quay về, tấu việc, Thiên tử ban cho Hội Tông tước Quan nội hầu, thưởng một trăm cân vàng. Hội Tông vì việc Nan Tê giết Mạt Chấn Tương, tấu lên xin phong Nan Tê làm Kiên thủ đô úy.[1] Lại trách mắng Đại lộc, Đại giám vì việc để Thư Lật Mĩ bị giết, đoạt kim ấn, dây thao tía của họ, đổi cấp ấn đồng, dây thao đen. Em của Mạt Chấn Tương là Ti Viên Chí vốn cùng mưu giết Đại Côn di, đem tám vạn dân chúng của mình lên bắc nương dựa nước Khang Cư, mưu tính mượn binh Khang Cư kiêm tính cả hai vị Côn di; Hán triều lại phái Hội Tông cùng Đô hộ Tôn Kiến hợp sức để phòng bị hắn.

4. Từ lúc nước Ô Tôn chia lập hai vị Côn di,[2] nhà Hán lo lắng lao nhọc, gần như không năm nào được yên. Bấy giờ Khang Cư vương lại phái con vào chầu nhà Hán, dâng cống, Đô hộ Quách Thuấn dâng thư nói:

"Trước kia Hung Nô cường thịnh, không phải vì kiêm tính Ô Tôn và Khang Cư mà họ cường thịnh; lúc họ quy phục xưng thần, không phải vì mất hai nước ấy mà xưng thần. Nhà Hán tuy cùng nhận con của họ làm tin, nhưng ba nước vẫn bán buôn, biếu tặng lẫn nhau, qua lại như cũ; lại rình chờ dò xét lẫn nhau, thấy tiện lợi thì sinh chuyện.

---

[1] Việc nói ở Hán kỷ, quyển 19, sự kiện năm Cam Lộ nguyên niên, đời Hán Tuyên đế.

[2] Nan Tê vì Thư Lật Mĩ báo thù, giữ vững khí tiết bầy tôi, khác với các Hấp hầu khác, cho nên dùng hai chữ "kiên thủ" (giữ vững) để ban cho, tỏ rõ vinh sủng.

Lúc hòa hợp cũng chẳng thân gần tin tưởng nhau, khi phân lìa cũng chẳng thần phục nhau. Lấy thực trạng hiện nay mà nói, Hán triều kết hôn phối với Ô Tôn, rút cục chưa có lợi ích gì, mà trái lại họ sinh việc thêm cho Trung Quốc. Nhưng Ô Tôn đã cùng Hán triều kết giao từ trước, nay lại cùng với Hung Nô đều xưng thần, về nghĩa chẳng nên cự tuyệt bọn họ. Còn nước Khang Cư ngạo mạn giảo hoạt, nhất định không chịu hành lễ bái sứ giả; quan lại phủ Đô hộ đến nước ấy, lúc tiếp kiến thì bị bắt ngồi ở dưới các sứ giả nước Ô Tôn, lúc ăn uống thì quốc vương và các quý tộc ăn trước, xong rồi mới đem đồ ăn đến cho quan lại phủ Đô hộ, cố ý ra vẻ không xét đến sứ giả nhà Hán để khoa trương với nước lân bang. Từ việc đấy suy xét, vì có gì họ phải con vào làm tin? Là vì họ muốn buôn bán nên dùng lời dối trá hay ho vậy. Hung Nô, là nước lớn nhất trong trăm man, nay thờ phụng Hán triều rất chu đáo; nghe việc Khang Cư vương không hành lễ bái sứ giả, sẽ khiến Thiền vu có ý hối hận vì thấp hèn.[1] *Nay nên đưa Vương tử của Khang Cư làm con tin về nước, dứt tuyệt không thông sứ nữa, để tỏ rõ rằng nhà Hán không thông sứ với cái nước vô lễ!"*

Hán triều cho rằng, nước Khang Cư mới thông sứ, xem trọng việc chiêu vời người ở xa, rút cục chỉ dùng cách lung lạc họ chứ không đoạn tuyệt quan hệ.

Năm Nguyên Diên thứ ba (Tân Hợi – TCN 10)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Bính Dần, núi Dân Sơn thuộc Thục Quận lở, lấp chặn sông Giang ba ngày, hạ du sông Giang khô kiệt. Lưu Hướng trước tai họa ấy rất lo sợ, nói:

- Xưa kia thời nhà Chu, núi Kì sụt lở, tam xuyên[2] khô kiệt, rồi U vương bị giết. Núi Kì, là nơi nhà Chu hưng khởi vậy. Nhà

[1] Thiền vu thấy Khang Cư không thờ Hán là cao đẹp, mình thờ Hán là thấp hèn.

[2] Việc này xảy ra vào năm thứ hai đời Chu U vương. Tam xuyên, tức ba con sông, gồm: sông Lạc, sông Vị và sông Kính. Chu U vương bị rợ Khuyển Nhung giết hại.

Hán vốn nổi lên ở vùng Thục, Hán,[1] nay ở nơi nhà Hán hưng khởi, núi lở sông khô, sao chổi lại đi qua Nhiếp Đề, Đại Giác, từ sao Sâm đến sao Thần, e rằng tất có việc vong quốc đấy!

2. Tháng hai, ngày Bính Ngọ, Đế phong Thuần Vu Trường làm Định Lăng hầu.

3. Tháng ba, chúa thượng tuần hành đến đất Ung, tế tự ở Ngũ Chỉ.

4. Chúa thượng muốn khoa trương với người Hồ rằng mình có nhiều cầm thú. Mùa thu, lệnh cho Hữu phù phong điều phát dân tiến vào Nam Sơn, phía tây tới Bao Cốc, Tà Cốc, phía đông đến tận Hoằng Nông, phía nam đến Hán Trung, giăng bày lưới quây, bắt beo gấu cầm thú, dùng xe cũi chở, chuyển thú đến Xạ Hùng quán trong cung Trường Dương, dùng lưới lập vòng vây, thả cầm thú vào trong đó, lệnh sai người Hồ dùng tay không đánh bắt dã thú, ai giết được dã thú thì sở hữu con thú ấy, chúa thượng thân đến ngắm xem.

Năm Nguyên Diên thứ tư (Nhâm Tý – TCN 09)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành đến Cam Tuyền, tế giao tại đàn Thái Chỉ.

2. Trung Sơn vương Lưu Hưng, Định Đào vương Lưu Hân đều đến triều kiến, Trung Sơn vương chỉ đem theo Phó tướng, Định Đào vương đem hết Phó tướng, Thừa tướng và Trung úy đến. Chúa thượng thấy kỳ quái, liền hỏi Định Đào vương, Định Đào vương thưa rằng:

- Theo pháp lệnh: Vương chư hầu triều kiến, được đem theo quan Nhị thiên thạch của nước mình. Phó tướng, Thừa tướng,

---

[1] Nhà Chu từ đời Thái vương tránh rợ Địch rời đến đất Bân, dựng ấp dưới chân núi Kì, nghiệp nhà Chu hưng thịnh từ đấy. Hán Cao tổ Lưu Bang làm Hán Trung vương, khởi binh định Tam Tần, trừ Hạng Vũ, có thiên hạ.

Trung úy, đều là quan Nhị thiên thạch của nước phong, nên thần đem hết bọn họ đi theo.

Chúa thượng lệnh sai tụng đọc *Kinh Thi*, Vương đọc thông, lại có thể giảng được nghĩa kinh. Ngày khác, Đế hỏi Trung Sơn vương rằng:

- Ngươi chỉ đem theo Phó tướng, là căn cứ pháp lệnh nào?

Trung Sơn vương không đáp được; lệnh sai tụng đọc *Kinh Thư*, lại đọc không thông; lúc Đế ban cho ăn ở trước mặt, thì ăn xong sau, lúc đứng dậy, vạt thắt áo bị trễ.[1] Đế vì thế cho rằng Trung Sơn vương không có năng lực, mà Định Đào vương mới hiền năng, nhiều lần khen tài của Định Đào vương.

Bấy giờ trong số Vương chư hầu chỉ có hai người là chí thân với Đế, tổ mẫu của Định Đào vương là Phó thái hậu theo Vương đến triều kiến, đem của riêng đưa biếu, hối lộ Triệu hoàng hậu, Chiêu nghi và Phiêu kỵ tướng quân Vương Căn. Hoàng hậu, Chiêu nghi và Căn thấy chúa thượng không có con, cũng muốn tự kết giao kết, làm kế lâu dài, đều thay nhau xưng tụng Định Đào vương, khuyên Đế dùng làm người nối tự. Đế cũng tự khen tài của Định Đào vương, vì Định Đào vương chủ trì lễ Gia nguyên phục rồi phái về nước phong, Định Đào vương bấy giờ mười bảy tuổi rồi.

3. Tháng ba, chúa thượng tuần hành đến Hà Đông, tế Hậu thổ.

4. Có hai viên đá trời rơi ở vùng Quan Đông.

5. Vương Căn tiến cử Cốc Vĩnh, Đế triệu về triều, dùng làm Đại tư nông. Vĩnh trước sau dâng thư nói hơn bốn mươi việc, đại để lật qua lật lại, chuyên công kích bản thân chúa thượng và hậu cung mà thôi; Vĩnh bè đảng với họ Vương, chúa thượng

---

[1] Đế ban cho ăn uống là tỏ ý kính, Trung Sơn vương lại ăn xong sau vua, là thiếu ý kính, đứng dậy, dây buộc áo trễ mà không biết, cũng là thiếu ý kính, không giữ lễ.

cũng biết chuyện đó, không thân gần tin tưởng lắm. Vĩnh làm Đại tư nông hơn một năm, bị bệnh; tròn ba tháng, chúa thượng không cho cáo bệnh giữ vị, lập tức miễn chức quan. Được mấy tháng, Vĩnh bệnh chết.

Năm Tuy Hòa nguyên niên (Quý Sửu – TCN 08)

1. Mùa xuân, tháng giêng, đại xá thiên hạ.

2. Chúa thượng triệu Thừa tướng Trạch Phương Tiến, Ngự sử đại phu Khổng Quang, Hữu tướng quân Liêm Bao, Hậu tướng quân Chu Bác vào cung cấm, nghị bàn việc: "Trung Sơn vương và Định Đào vương, ai là người thích hợp để kế thừa đế vị?" Phương Tiến, Căn[1], Bao, Bác đều cho rằng:

- Định Đào vương, là con của em trai Đế. *Kinh Lễ* nói, 'con của anh em cũng như con mình. Lập làm người kế tự, là lập con mình vậy.' Định Đào vương là người thích hợp để kế vị.

Riêng Quang cho rằng:

- Theo lễ, lập người kế tự dùng quan hệ thân sơ. Lấy phép truyền vương vị của quân vương nhà Ân ghi chép trong *Kinh Thượng thư* thiên *Bàn Canh* làm lệ, anh mất em nối. Trung Sơn vương, là con của tiên đế, là em thân thích của Đế, thích hợp làm người kế tự.

Chúa thượng cho rằng: "Trung Sơn vương bất tài; thêm nữa theo lễ, bài vị của anh em không thể cùng đưa vào tông miếu được.[2]" Bèn không theo lời bàn của Quang.

---

[1] Theo *Hán thư, Khổng Quang tuyện*, trước đấy, Phiêu kỵ tướng quân Vương Căn khuyên Đế lập Định Đào vương làm người kế tự, sau đó Đế mới triệu bốn người kể trên vào cung. *Tư trị thông giám* rút gọn, không chép đầy đủ từ *Hán thư* vậy.

[2] Quy định bày bài vị, bên trong miếu thờ, ở giữa là bệ thờ tổ, các đời thứ hai, bốn, sáu thờ bên trái, gọi là hàng chiêu (昭), các đời thứ ba, năm và bảy thờ bên phải, gọi là hàng mục (穆), đại khái là cha ở hàng chiêu, con ở hàng mục, nếu là anh em thì không bày bài vị được.

Tháng hai, ngày Quý Sửu, Đế hạ chiếu lập Định Đào vương Lưu Hân làm Hoàng thái tử, phong cậu của Trung Sơn vương là Gián đại phu Phùng Tham làm Nghi Hương hầu, thêm ba vạn hộ cho nước Trung Sơn, để vỗ về tâm ý của Trung Sơn vương; sai Chấp kim ngô Nhâm Hoành giữ chức Đại hồng lư, cầm phù tiết trưng triệu Định Đào vương. Định Đào vương tạ rằng:

- Tư chất và tài năng của thần không đủ để sung vào cung Thái tử; thần muốn tạm thời lưu lại phủ đệ tại kinh sư, để sớm tối thăm hầu, đợi khi Hoàng thượng có con nối tự, lại xin quay về nước phong giữ vị phiên thần.

Thư tấu lên, Thiên tử phê đáp: "Đã xem.[1]" Ngày Mậu Ngọ, Khổng Quang vì nghị bàn không hợp ý, bị giáng chức làm Đình úy; lấy Hà Vũ làm Ngự sử đại phu.

3. Khi trước, Đế hạ chiếu truy tìm hậu duệ của nhà Ân, phát hiện họ đã phân tán thành hơn chục họ,[2] suy tìm đến dòng đích, không thể tìm được. Khuông Hành, Mai Phúc đều cho rằng nên phong gia tộc Khổng tử là hậu duệ Thương Thang, chúa thượng theo lời ấy, phong Khổng Cát làm Ân Thiệu Gia hầu. Tháng ba, Ân Thiệu Gia hầu và Chu Thừa Hưu hầu cùng được tiến tước làm Công, ấp phong đều trăm dặm.

4. Chúa thượng tuần hành đến đất Ung, cúng tế tại Ngũ Chỉ.

5. Khi trước, lúc Hà Vũ là Đình úy, dâng thư kiến nghị rằng:

"Cái tệ bệnh của tập tục thời mạt thế là chính sự rất phiền hà, tài năng của Tể tướng lại chẳng theo kịp thời cổ, vậy mà Thừa tướng một mình kiêm việc của Tam công, đấy là lý do khiến một thời gian rất lâu công việc bị phế hỏng không sửa trị được. Nên đặt chức quan Tam công."

Chúa thượng theo lời bàn ấy.

---

[1] Ý nói đã xem bản tấu nhưng không chuẩn y.

[2] Đại để gồm một số họ như: Tống, Khổng, Hoa, Đái, Hoàn, Hướng, Nhạc ...

Mùa hạ, tháng tư, ban cho Khúc Dương hầu Căn ấn thụ Đại tư mã, được đặt quan thuộc, bãi bỏ chức quan Phiêu kỵ tướng quân; lấy Ngự sử đại phu Hà Vũ làm Đại tư không, phong tước Phiếm Hương hầu. Đều được tăng bổng lộc như Thừa tướng, ngôi Tam công thành hoàn chỉnh.

6. Mùa thu, tháng tám, ngày Canh Tuất, Trung Sơn Hiếu vương Lưu Hưng hoăng.

7. Thiền vu Xa Nha của Hung Nô chết; em là Nang Tri Nha Tư nối lập, là Thiền vu Ô Châu Lưu Nhược Đê. Thiền vu Ô Châu Lưu đã lập, dùng em là Nhạc làm Tả hiền vương, em nữa là Dư làm Hữu hiền vương, Hán triều phái Trung lang tướng Hạ Hầu Phiên, phó Hiệu úy Hàn Dung đi sứ Hung Nô.

Có người khuyên Vương Căn rằng:

- Hung Nô có một vùng đất ăn sâu vào đất nhà Hán, kéo dài tới quận Trương Dịch, chỗ ấy xuất ra loại tre tốt và lông chim thứu[1] dùng làm tên; nếu lấy được chỗ ấy, biên ải giàu đủ, quốc gia mở rộng được cương thổ, cái công lao hiển hách của tướng quân truyền đến vô cùng.

Căn nói với chúa thượng về cái lợi nếu lấy được đất ấy, chúa thượng muốn trực tiếp hướng đến Thiền vu xin đất, sợ không được đáp ứng, sẽ hại chiếu mệnh tổn uy tín. Căn lập tức đem ý của chúa thượng bảo rõ với Phiên, lệnh cho Phiên đem ý kiến cá nhân khuyên Thiền vu mà xin chỗ đất ấy. Phiên đến Hung Nô, nhân lúc đàm luận khuyên Thiền vu rằng:

- Ta trộm thấy Hung Nô có một vùng đất ăn sâu vào đất nhà Hán, kéo dài tới quận Trương Dịch, ba viên Đô úy của nhà Hán phải trú giữ ở đỉnh biên giới, sĩ tốt mấy trăm người, rét mướt khổ sở, rình xét lao nhọc đã lâu. Thiền vu nên dâng thư biếu chỗ đất ấy, theo đường thẳng mà cắt, nhà Hán sẽ bớt được hai

[1] Thứu (鵰), là một loại chim điêu, có bộ lông cánh rất cứng khỏe.

viên Đô úy và mấy trăm sĩ tốt, lấy việc đó để báo đáp hậu ân của Thiên tử, sẽ được Thiên tử báo đáp rất hậu!

Thiền vu hỏi:

- Đấy là lời trong chiếu mệnh của Thiên tử chăng? Hay là thỉnh cầu của sứ giả vậy?

Phiên nói:

- Là ý trong chiếu mệnh vậy; nhưng Phiên cũng vì Thiền vu mà vạch kế hay thôi.

Thiền vu nói:

- Đấy là chỗ đất mà Ôn Ngẫu Đồ vương cư trú vậy, ta chưa rõ địa hình và sản vật chỗ ấy, xin phái sứ giả đi hỏi xem.

Phiên và Dung sau khi quay về đất Hán, lại đi sứ Hung Nô, khi đến nơi lại xin đất. Thiền vu nói:

- Cha anh ta truyền năm đời[1], Hán triều không xin chỗ đất ấy, đến nay ta kế vị mới xin, sao vậy? Ta đã hỏi Ôn Ngẫu Đồ vương rồi, các chư hầu ở tây biên Hung Nô làm nhà rạp và xe, đều trông vào gỗ tốt ở đất ấy, vả lại đất của tiên phụ[2], ta chẳng dám để mất vậy.

Phiên quay về, được đổi làm Thái thú Thái Nguyên. Thiền vu phái sứ giả dâng thư, đem thực trạng việc Phiên xin đất báo lên. Đế hạ chiếu đáp lại Thiền vu rằng:

"Phiên tự tiện xưng chiếu, tới chỗ Thiền vu xin đất, theo phép đáng tội chết; vì qua hai lần đại xá, nay điều chuyển Phiên làm Thái thú Tế Nam, không cho ở phía đối diện với Hung Nô."

8. Mùa đông, tháng mười, ngày Giáp Dần, Vương Căn mắc bệnh, bị miễn chức.

---

[1] Năm đời gồm: Thiền vu Hô Hàn Gia, Thiền vu Phục Chu Luy, Thiền vu Sưu Hài, Thiền vu Xa Nha và Thiền Ô Châu Lưu vậy.

[2] Trỏ Thiền vu Hô Hàn Gia vậy.

9. Chúa thượng vì Thái tử đã vâng mệnh kế nối dòng Đại tông, không được đoái nghĩ người thân cốt nhục, tháng mười một, Đế lập cháu của Sở Hiếu vương là Lưu Cảnh làm Định Đào vương. Thái tử nghị bàn muốn tạ ân; Thiếu phó Diêm Sùng cho rằng: "Theo lễ, đã nhận kế thừa người khác, không được nghĩ nhớ đến người thân cốt nhục của mình, không nên tạ ân." Thái phó Triệu Huyền cho rằng: "Nên tạ", Thái tử theo lời ấy. Đế hạ chiếu hỏi thực trạng lý do tạ ân, Thượng thư dâng tấu hặc tội Huyền, Huyền bị giáng chức làm Thiếu phủ; Đế lấy Quang lộc huân Sư Đan làm Thái phó.

Khi trước, lúc Thái tử còn nhỏ, được tổ mẫu là Phó thái hậu tự mình trông nom nuôi dưỡng; lúc làm Thái tử, có chiếu lệnh sai Phó thái hậu và Đinh Cơ[1] tự đến ở phủ đệ của nước Định Đào, không được tương kiến Thái tử. Ít lâu sau, Vương thái hậu muốn cho Phó thái hậu và Đinh Cơ cứ mười ngày được một lần đến nhà Thái tử, Đế nói:

- Thái tử kế thừa chính thống, đáng phải cung dưỡng Bệ hạ[2], không được nghĩ nhớ đến người thân cốt nhục[3].

Vương thái hậu nói:

- Thái tử lúc nhỏ thì được Phó thái hậu ôm bế nuôi dưỡng; nay cho đến nhà Thái tử, vì cái ân nhũ mẫu thôi, chẳng đủ để thành trở ngại!

Vì thế Đế cho Phó thái hậu được đến nhà Thái tử; Đinh Cơ vì không nuôi dưỡng Thái tử, không được đến.

10. Vệ úy, Thị trung Thuần Vu Trường được chúa thượng sủng ái, rất tín nhiệm trọng dụng, quý hiển đè lấn công khanh, bên ngoài giao kết với chư hầu, châu mục, quận thú, đồ biếu

---

[1] Đinh Cơ (丁姬), là thiếp của Định Đào Cung vương, mẹ ruột của Thái tử vậy.

[2] Thời nhà Hán, Thái hậu cũng xưng là Bệ hạ; hậu thế đa phần xưng là Điện hạ, duy có lúc lâm triều mới xưng là Bệ hạ.

[3] Người thân cốt nhục của Thái tử là Phó thái hậu và Đinh Cơ vậy.

tặng hối lộ, ban thưởng chồng chất ức vạn, phóng túng với thanh sắc. Chị gái của Hứa hậu tên Mĩ, là phu nhân của Long Lạc Tư hầu, ở góa; Trường cùng Mĩ tư thông, nhân đó lấy làm tiểu thiếp. Bấy giờ Hứa hậu ở cung Trường Định,[1] thông qua Mĩ đưa hối lộ cho Trường, muốn lại được làm Tiệp dư. Trường nhận tiền vàng, xe kiệu và các thứ y vật khí cụ trước sau hơn nghìn vạn tiền, lừa dối hứa sẽ bẩm bạch chúa thượng, lập làm Tả hoàng hậu. Mĩ mỗi lần vào cung Trường Định, Trường liền gửi thư qua Mĩ, đùa bỡn vũ nhục Hứa hậu, lời bẩn thỉu khinh bạc không gì không nói; thư tín qua lại, hối lộ nhiều năm.

Thời ấy Khúc Dương hầu Vương Căn phụ chính, bị bệnh lâu, nhiều lần xin từ chức về nghỉ. Trường vì là thân thích bên ngoại[2] ở lâu ngôi vị Cửu khanh, theo thứ tự sẽ thay Căn. Thị trung, Kỵ đô úy, Quang lộc đại phu Vương Mãng trong lòng đố kỵ ân sủng của Trường, ngầm nghe nói việc ấy. Mãng trong lúc hầu bệnh Khúc Dương hầu, nhân tiện nói:

- Trường thấy Tướng quân mắc bệnh lâu có ý mừng, tự cho là mình đáng được thay làm phụ chính, đến mức nói bàn với các sĩ đại phu và con em quý tộc về việc sẽ sắp đặt chức quan.

Rồi nói hết tội lỗi của Trường. Căn giận hỏi:

- Nếu có việc như thế, sao không bạch với ta?

Mãng nói:

- Vì không biết ý của Tướng quân, nên chưa dám nói!

Căn nói:

- Phải gấp báo cho Đông cung!

Mãng cầu kiến Thái hậu, nói hết việc Trường kiêu căng phóng túng, muốn thay Khúc Dương hầu; việc Trường bí mật

---

[1] Hứa hậu bị phế, đày đến cung Chiêu Đài, hơn một năm, lại được đưa về. Lúc đó Hoàng hậu của Hán Thành đế là Triệu Phi Yến.

[2] Thuần Vu Trường, là con của chị gái Thái hậu vậy.

tư thông với chị gái của Trường Định quý nhân, nhận các thứ y vật mà họ hối lộ. Thái hậu cũng nổi giận nói:

- Thằng nhóc này phóng túng đến mức như thế! Hãy qua bẩm với Đế!

Mãng bẩm với chúa thượng; chúa thượng vì Trường có quan hệ với Thái hậu, miễn chức quan của Trường, nhưng không trị tội, đuổi về nước phong.

Khi trước, Hồng Dương hầu Vương Lập không được phụ chính, nghi ngờ bị Trường gièm pha chê mỉa, thường căm hận Trường; chúa thượng biết rõ việc ấy; lúc Trường phải trở về nước phong, con trưởng kế tự của Lập là Dung thỉnh xin số xe ngựa thường đi theo Trường[1], Trường đem đồ trân bảo thông qua Dung biếu tặng Lập. Lập vì thế dâng thư phong kín, giúp Trường xin lưu lại kinh sư, thư nói: "Bệ hạ đã lấy cớ chiếu thư là vì Hoàng thái hậu,[2] thực không nên trừng phạt thêm nữa." Vì thế Thiên tử nghi ngờ việc đó,[3] giao xuống cho Hữu ti tra xét chứng nghiệm. Quan lại bắt Dung, Lập lệnh cho Dung tự sát để diệt khẩu. Chúa thượng càng ngờ có kế đại gian trong đó, bèn bắt Trường giam vào chiếu ngục[4] tại Lạc Dương, tra khảo đến cùng. Toàn bộ các lời đùa bỡn vũ nhục Trường Định cung, mưu lập Tả hoàng hậu của Trường đều phơi lộ, tội danh đến mức đại nghịch, Trường chết ở trong ngục; vợ con mắc tội liên đới bị đày đến quận Hợp Phố; mẹ của Trường là Nhã bị đuổi về bản quận. Chúa thượng sai Đình úy Khổng Quang cầm phù tiết đến ban thuốc độc cho phế hậu, Hứa thị tự sát. Thừa tướng Phương Tiến lại tấu hặc:

---

[1] Thuần Vu Trường là quan quý hiển, ra vào có xe ngựa đi theo, nay bị phải về nước phong, số xe ngựa ấy vô dụng, cho nên con của Vương Lập thỉnh xin.

[2] Đấy là lúc Đế hạ chiếu cách chức Trường lấy lý do Trường là thân thích của Thái hậu vậy.

[3] Thành đế biết việc Lập oán hận Thuần Vu Trường rất sau, nhưng nay lại vì Trường cầu xin nên nảy ý hoài nghi.

[4] Là chỗ giam giữ người theo chiếu lệnh sai bắt giữ của nhà vua.

- Hồng Dương hầu Lập giảo hoạt bất đạo, xin giam vào ngục.

Chúa thượng nói:

- Hồng Dương hầu, là cậu của trẫm, trẫm chẳng nỡ dùng phép tắc trị tội; hãy đuổi về nước phong.

Vì thế Phương Tiến lại tấu hặc bè đảng của Lập là Hậu tướng quân Chu Bác, Thái thú Cự Lộc Tôn Hoành; cả hai đều bị miễn chức quan, cùng Quang lộc đại phu Trần Hàm lúc trước đều phải quay về bản quận. Hàm tự biết mình bị phế truất cấm cố, lo buồn mà chết.

Phương Tiến trí mưu năng lực có thừa, kiêm thông điều văn pháp lệnh và việc sửa trị, dùng nho học kinh điển tô vẽ, hiệu xưng là "thông minh tướng"[1], Thiên tử rất xem trọng Phương Tiến; Phương Tiến lại khéo suy xét ý chỉ của bậc nhân chủ, tấu việc không gì không đúng ý. Đang lúc Thuần Vu Trường được trọng dụng, Phương Tiến chỉ kết giao với Trường, xưng tụng tiến cử hắn; lúc Trường mắc tội đại nghịch bị giết, chúa thượng cho rằng Phương Tiến là đại thần, bèn giúp giấu diếm che đậy, Phương Tiến trong lòng xấu hổ, dâng sớ cáo bệnh xin từ chức về nghỉ. Chúa thượng đáp sớ rằng:

- Định Lăng hầu Trường đã phục tội, ngài dẫu cùng hắn có giao vãng, nhưng *Kinh truyện* chẳng nói rằng: "Triêu quá tịch cải, quân tử dữ chi"[2], ngài sao còn nghi ngờ việc đó? Hãy chuyên tâm nhất ý tĩnh dưỡng, không nên biếng lười uống thuốc, để tự trị bệnh.

Vì thế Phương Tiến dậy coi việc, lại lần lượt dâng tấu, phân thành điều mục đàn hặc những người thân gần với Trường là Kinh Triệu doãn Tôn Bảo, Hữu phù phong Tiêu Dục và các quan từ Thứ sử Nhị thiên thạch trở lên, miễn chức hơn hai mươi

---

[1] Thừa tướng thông đạt thấu lý.

[2] Lời trong sách *Luận ngữ*: Buổi sớm mắc lỗi, chiều muộn hối cải, người quân tử khen ngợi.

người. Đô úy Hàm Cốc, Kiến Bình hầu Đỗ Nghiệp, vốn cùng Phương Tiến bất hòa, Phương Tiến tấu: "Nghiệp nhận thư nhờ cậy của Hồng Dương hầu, bất kính", Nghiệp bị cách chức, đuổi về đất phong.

Chúa thượng cho rằng Vương Mãng là người đầu tiên phát giác việc đại gian, khen lòng trung thẳng của Mãng; Vương Căn nhân đó tiến cử Mãng thay mình. Ngày Bính Dần, Đế lấy Mãng làm Đại tư mã, bấy giờ mới ba mươi tám tuổi.

Mãng đã được đề bạt vượt hẳn người đồng hạng, kế bốn vị chú bác[1] mà làm phụ chính, muốn khiến danh tiếng của mình vượt qua tiền nhân, bèn khắc chế dục vọng tu dưỡng không biết mệt. Dùng lễ mời các vị hiền lương làm Duyện, Sứ, đồ được ban thưởng, tiền bạc thu từ ấp phong đều đem đãi danh sĩ; còn mình lại càng kiệm ước, mẫu thân Mãng bị bệnh, Công khanh, Liệt hầu đều phái phu nhân đến thăm bệnh, vợ Mãng nghênh đón khách, áo không quét đất, quần vải bố che đầu gối, người đến gặp còn cho là hầu nhỏ, sai người hỏi, mới biết là phu nhân của Mãng. Mãng làm bộ để thu lấy thanh danh đến như thế.

11. Thừa tướng Phương Tiến, Đại tư không Hà Vũ tấu nói:

"Theo đại nghĩa kinh Xuân Thu, dùng người tôn quý trị kẻ ti tiện, không dùng kẻ ti tiện đốc xét người tôn quý. Địa vị của quan Thứ sử ngang với Hạ đại phu mà đốc xét Nhị thiên thạch, tiêu chuẩn nặng nhẹ không công bằng. Chúng thần thỉnh xin bãi chức quan Thứ sử, đổi đặt chức Châu mục để ứng với phép chế xưa!"

Tháng mười hai, Đế bãi bỏ chức Thứ sử, đổi đặt chức Châu mục, phẩm trật Nhị thiên thạch.

12. Có người quận Kiến Vi bắt được cái khánh đá thời cổ có mười sáu núm tại bãi sông, kẻ nghị bàn cho là điềm lành. Lưu Hướng nhân việc đấy khuyên chúa thượng rằng:

---

[1] Bốn người họ Vương là Vương Phượng, Vương Thương, Vương Âm, Vương Căn cùng làm Đại tư mã, đều là chú bác của Vương Mãng vậy.

"Nên hưng dựng Tích Ung[1], lập các trường học ở địa phương, bày lễ nhạc, khiến tiếng Nhã, Tụng cất lên tràn đầy, nghi lễ vái nhường thịnh hành, để giáo hóa phong tục thiên hạ. Làm thế mà chẳng đại trị, là điều chưa từng có vậy.

Hoặc giả có người nói: 'Lễ nghĩa chẳng thể hoàn bị được.' Thần cho rằng: Lễ là cái gốc dạy dỗ người, ví như còn có lỗi, thì dẫu có lỗi vẫn là giáo dục người vậy. Lỗi về hình phạt sẽ có người chết hoặc bị thương, hình pháp hiện nay không phải hình pháp thời Cao Đào vậy, nhưng Hữu ti xin chế định hình pháp, chỗ cần bớt thì bớt, chỗ cần thêm thì thêm, để giúp nắn sửa lúc đương thời. Còn như việc bày lễ nhạc, nói là không dám, thì đấy là dám giết người mà không dám bồi dưỡng người vậy. Vì thứ đựng vật phẩm cúng lễ và nhạc khí còn thiếu không hoàn chỉnh mà bỏ lễ nhạc không thi hành, đấy là bỏ cái không hoàn chỉnh nhỏ mà kết quả thành cái không hoàn chỉnh lớn, có thứ mê lầm nào lớn hơn thế? So sánh giáo hóa và hình pháp, thì hình pháp là nhẹ, đấy chính là vứt bỏ cái nặng mà chú tâm đến cái nhẹ vậy[2]. Giáo hóa, là chỗ nương dựa để trị lý vậy; hình pháp, là thứ để phụ trợ cho trị lý vậy; nay phế bỏ chỗ nương dựa mà chỉ lập thứ phụ trợ, đấy không phải là cái cách dẫn thiên hạ tới thái bình.

Tại kinh sư có những hạng con cháu bội nghịch bất thuận, đến nỗi bị hãm vào đại hình, kẻ chịu hình lục không dứt, là bởi không thạo đạo lý Ngũ thường[3] vậy. Xét ra, nhà Hán kế nối cái suy bại nghìn năm của triều Chu, tiếp nối tàn dư tệ hại của cường Tần, dân đã nhiễm ngấm tập tục xấu, tham lam hiểm ác, không quen nhân nghĩa đạo lý, không nêu tỏ giáo hóa lớn mà chỉ ra sức dùng hình phạt, nhất định chẳng thể cải biến nổi!"

Đế đem lời của Hướng giao xuống công khanh nghị bàn, Thừa tướng và Đại tư không dâng tấu thỉnh xin lập Tích Ung,

---

[1] Tích Ung (辟雍), ở đây là nói nhà Thái học tại kinh sư vậy.

[2] Ý nói: Bỏ lễ nhạc mà hưng hình pháp, là bỏ cái nặng, theo cái nhẹ vậy.

[3] Tức nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Đấy là năm phẩm đức đáng có của con người.

tuần xét phía nam thành Trường An chọn chỗ xây dựng; chưa làm thì bãi bỏ. Bấy giờ lại có người nói: "Khổng tử là kẻ áo vải, dạy dỗ ba nghìn môn môn đồ, nay nhà Thái học của Thiên tử quá ít đệ tử." Vì thế lại tăng thêm số đệ tử đến học tới ba nghìn người; hơn một năm sau, lại khôi phục như cũ.[1]

Lưu Hướng tự thấy mình được chúa thượng tín nhiệm, nên thường công khai vì tông thất tranh biện, chê bai họ Vương và các đại thần tại vị, ngôn từ của Hướng rất thống thiết, chí thành phát từ trong tâm. Chúa thượng nhiều lần muốn dùng Hướng làm Cửu khanh, thường không được những người họ Vương giữ ngôi cao cùng Thừa tướng, Ngự sử ủng hộ, cho nên rút cục không thể thăng chức cho Hướng. Hướng ở hàng đại phu giữ chức trước sau hơn ba mươi năm thì chết. Mười ba năm sau thì họ Vương thay nhà Hán.

---ॐ---

[1] Tức như thời Nguyên đế, đệ tử nghìn người.

HÁN KỶ
[QUYỂN THỨ HAI MƯƠI LĂM]

HIẾU THÀNH HOÀNG ĐẾ

Năm Tuy Hòa thứ hai (Giáp Dần – TCN 07)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa thượng tuần hành đến Cam Tuyền, tế giao ở đàn Thái Chỉ.

2. Tháng hai, ngày Nhâm Tý, Thừa tướng Trạch Phương Tiến hoăng.

Bấy giờ, sao Huỳnh Hoặc xâm phạm sao Tâm, Nghị tào phủ Thừa tướng là Lý Tầm người huyện Bình Lăng dâng tấu ký lên Phương Tiến nói:

"Tai biến bức rất gấp, điềm trách nghiêm khắc ngày một tăng, đâu phải chỉ trừng phạt ruồng đuổi mà thôi! Dưới cửa phủ có hơn ba trăm người[1], xin quân hầu hãy chọn người trong số đó, cùng họ tận tiết dời chuyển điềm hung hiểm."

Phương Tiến lo buồn việc ấy, không biết tính thế nào. Đúng lúc có vị quan lang là Bí Lệ giỏi thiên văn, nói với Đế rằng đại thần nên gánh họa thay chúa thượng. Chúa thượng liền triệu kiến Phương Tiến, Phương Tiến từ trong cung trở ra, chưa kịp tự sát, chúa thượng liền ban sách thư, trách mắng Phương Tiến vì chính sự không chỉnh trị, thiên tai nhân họa cùng kéo đến, bách tính cùng khốn, sách thư nói:

---

[1] Là quan thuộc của phủ Thừa tướng vậy.

- Trẫm định bãi chức ngài, nhưng còn chưa nỡ, sai Thượng thư lệnh ban cho ngài mười thạch rượu "thượng tôn"[1], một con bò, ngài hãy xét kỹ mà tự xử đi!

Phương Tiến ngay hôm ấy tự sát. Chúa thượng giữ kín việc đó, phái Cửu khanh ban sách thư tặng Phương Tiến ấn thụ, ban xe kiệu, khí vật chôn táng, Thiếu phủ bày màn trướng, cột trụ và lan can đều bọc lụa trắng. Thiên tử đích thân đến viếng rất long trọng, ban đồ lễ khác hẳn lệ cũ đối với Thừa tướng.

Thần Quang nói: Án Anh có nói: "Thiên mệnh không nghi hoặc, mệnh vận chỉ có một.[2]*" Họa phúc giáng xuống, sao có thể chuyển dời! Xưa kia Sở Chiêu vương và Tống Cảnh công chẳng nỡ dời vạ xuống quan khanh phụ tá, nói: "Dời bệnh đến tim bụng, chuyển đến tứ chi, có ích gì đâu?"*[3] *Ví như tai họa có thể chuyển dời, quân vương nhân từ còn chẳng nỡ làm, huống chi là không thể chuyển dời? Nếu tội của Phương Tiến chẳng đến nỗi chết mà giết ông ấy để gánh chịu tai biến, đấy là dối trời vậy; nếu Phương Tiến có tội đáng phải tử hình, lại giấu việc giết ông ấy rồi hậu táng, đấy là lừa người vậy; Hiếu Thành muốn dối trời, lừa người mà rút cục không ích gì, có thể gọi là người không hiểu biết thiên mệnh rồi.*

---

[1] Một đấu gạo nấu thành một đấu rượu, dùng gạo từ lúa gié nấu rượu gọi là rượu "thượng tôn", từ lúa tắc nấu thành gọi là rượu "trung tôn", từ lúa tẽ nấu thành gọi là rượu "hạ tôn".

[2] Ý nói lòng trời đã rũ bỏ thì không còn nghi hoặc gì nữa, mệnh vận không có cách gì thay đổi được.

[3] Theo *Tả truyện*, năm thứ sáu đời Lỗ Ai công, thiên tượng nước Sở có điềm dữ, có đám mây đỏ như hình bầy chim, bay quanh mặt trời, ba ngày không tan. Sở tử (vua nước Sở) hỏi quan Thái sử cách hóa giải, quan Thái sử nói: "Vạ nạn ấy đang ở trên mình nhà vua, nếu giải điềm ấy, sẽ dời vạ xuống quan Lệnh doãn và Tư mã." Sở tử nói: "Dời bệnh tật từ tim bụng đến chân tay, ích gì!" Bèn không làm, sau khỏi bệnh.

Cũng theo *Tả truyện*, Tống Cảnh công (vua Tống) gặp điềm sao xấu Huỳnh Hoặc, quan xem thiên văn báo là vua sẽ chết, đề nghị làm phép chuyển tai ương sang cho quan tể tướng, Cảnh công nói: "Tể tướng như tay chân của ta, không làm thế được." Quan xem thiên văn xin chuyển tai ương sang cho dân chúng, Cảnh công nói: "Dân là gốc của nước, sao làm thế được." Quan xem thiên văn xin chuyển tai họa sang mùa màng, Cảnh công nói: "Dân sống nhờ mùa màng, mất mùa dân sao sống được." Bèn không làm, sau thoát vạ nạn.

3. Tháng ba, chúa thượng tuần hành đến quận Hà Đông, tế Hậu thổ.

4. Ngày Bính Tuất, Đế băng ở cung Vị Ương.

Đế vốn cường tráng không có bệnh tật. Hôm ấy Sở Tư vương Lưu Diễn và Lương vương Lưu Lập đến triều kiến, sáng hôm sau, sắp từ biệt về nước phong, chúa thượng giữ lại nghỉ đêm, bày trướng ở điện Bạch Hổ; Đế muốn bái Tả tướng quân Khổng Quang làm Thừa tướng, đã khắc ấn Hầu, soạn chiếu thư khen ngợi để phong bái. Ban đêm, vẫn bình yên, gần sáng, Đế khoác áo lót muốn dậy, nhưng áo tuột khỏi tay, miệng không nói được, trời sáng được chục khắc thì băng. Dân gian huyên náo, đều quy tội cho Triệu Chiêu nghi. Hoàng thái hậu chiếu lệnh cho Đại tư mã Mãng cùng Ngự sử, Thừa tướng, Đình úy truy xét, hỏi thực trạng việc ngủ nghỉ và phát bệnh của Đế; Triệu Chiêu nghi tự sát.

Ban Bưu tán rằng: Cô của thần được sung vào hậu cung làm Tiệp dư, cha con, anh em hầu hạ nơi màn trướng, nhiều lần nói với thần rằng: "Thành đế khéo chỉnh nghi biểu, lên xe đứng thẳng nghiêm nghị, đoan nghiêm không liếc quanh, nói năng không vội vã, không quay mình chỉ trỏ, lâm triều thần thái thâm trầm, tôn nghiêm như thần, có thể gọi là nghi dung của bậc Thiên tử nghiêm kính ôn hòa rồi. Đế xem rộng sách vở, thông suốt cổ kim, lại dung nạp lời thẳng, tấu nghị của công khanh đưa lên có thể chọn chỗ đáng xem. Gặp lúc thời thế thái bình, trên dưới hòa mục. Nhưng Đế mê đắm với tửu sắc, Triệu thị náo loạn nội cung, ngoại thích chuyên quyền triều chính, nói ra thực khiến người ta uất ức!" Từ năm Kiến Thủy về sau, họ Vương bắt đầu nắm vận mệnh quốc gia, hai vua Ai, Bình đều đoản mệnh, Mãng vì thế soán vị, đại khái uy phúc của họ Vương là do Thành đế từ từ đưa đến thôi![1]

5. Hôm ấy, Khổng Quang bái nhận ấn thụ Thừa tướng, Bác Sơn hầu ở trước linh cữu hoàng đế.

---

[1] Tư Mã Quang nói rõ, cái họa họ Vương, bắt đầu từ đời Thành đế vậy.

6. Phú Bình hầu Trương Phóng nghe tin Đế băng hà, nghĩ nhớ khóc lóc mà chết.

Tuân Duyệt luận rằng: Phóng không phải là không yêu mến chúa thượng, nhưng không có lòng trung vậy. Cho nên yêu mến mà bất trung, là cái hại của nhân nghĩa vậy!

7. Hoàng thái hậu hạ chiếu tế giao ở hai phía nam bắc thành Trường An như cũ.[1]

8. Mùa hạ, tháng tư, ngày Bính Ngọ, Thái tử tức vị Hoàng đế, bái yết miếu Cao tổ; tôn Hoàng thái hậu thành Thái hoàng thái hậu, tôn Hoàng hậu làm Hoàng thái hậu, đại xá thiên hạ.

Ai đế mới được lập, tự mình thi hành kiệm ước, giảm bớt các thứ phí dụng, chính sự do mình quyết, hết thảy văn võ triều đình hy vọng thiên hạ đến thời đại trị.

9. Ngày Kỷ Mão, táng Hiếu Thành hoàng đế ở Diên lăng.

10. Thái hoàng thái hậu lệnh cho Phó thái hậu và Đinh Cơ cứ mười ngày được đến cung Vị Ương một lần.

Đế hạ chiếu hỏi Thừa tướng và Đại tư không:

- Thái hậu của Định Đào Cung vương nên bố trí ở đâu mới thích hợp?

Thừa tướng Khổng Quang vốn nghe nói Phó thái hậu bản tính cứng rắn bạo liệt, sở trường về quyền mưu, từ lúc Đế còn trong địu được Phó thái hậu dưỡng dục trưởng thành, Đế được lập bà ta có giúp sức;[2] Quang trong lòng sợ Phó thái hậu can dự chính sự, không muốn bà ta cùng Đế sớm tối kề cận, liền nghị bàn cho rằng:

- Nên xây dựng cung riêng cho Định Đào thái hậu đến trú.

---

[1] Năm Vĩnh Thủy thứ ba, khôi phục đàn Thái Chi ở Cam Tuyền, Ngũ Chi ở đất Ung, đàn tế Hậu thổ ở Phần Âm; bãi việc tế ở hai phía nam, bắc thành Trường An. Nay khôi phục việc tế giao ở nam, bắc thành Trường An.

[2] Xem việc nói ở Hán kỷ, quyển thứ hai mươi bốn, sự kiện năm Nguyên Diên thứ tư.

Đại tư không Hà Vũ nói:

- Nên để trú ở Bắc cung.

Chúa thượng theo lời bàn của Vũ. Bắc cung có đường phức đạo từ buồng nghỉ của Thái hậu ăn thông đến cung Vị Ương, Phó thái hậu quả nhiên theo đường phức đạo sớm tối đến chỗ Đế ở, xin Đế gia phong tôn hiệu, cho thân thuộc của mình được quý sủng, khiến chúa thượng không thể theo đạo thẳng hành sự. Cao Xương hầu Đổng Hoành a dua đón ý chỉ, dâng thư nói:

"Trang Tương vương nước Tần, mẹ vốn họ Hạ, nhưng làm con của Hoa Dương phu nhân, lúc Tương vương tức vị, cả hai đều được xưng là Thái hậu.[1] *Nên lập Vương hậu của Định Đào Cung vương làm Thái hậu của Đế."*

Việc được giao xuống Hữu ti, Đại tư mã Mãng, Tả tướng quân, Quan nội hầu, kiêm Thượng thư sự Sư Đan tấu hặc Đổng Hoành rằng:

"Hoành biết rõ hiệu xưng Hoàng thái hậu rất mực tôn quý, thiên hạ nhất thống, mà lại viện dẫn việc của nước Tần vong quốc làm ví dụ, lừa dối mê hoặc thánh triều, đấy không phải là lời nên nói ra, phạm tội đại nghịch bất đạo!"

Chúa thượng mới kế vị, khiêm nhường, thu nạp chọn dùng lời của Mãng và Đan, cách chức Hoành làm thứ dân. Phó thái hậu cả giận, ép chúa thượng, muốn nhất định xưng tôn hiệu. Chúa thượng bèn bẩm Hoàng thái hậu, khiến Thái hậu hạ chiếu tôn Định Đào Cung vương làm Cung hoàng.

11. Tháng năm, ngày Bính Tuất, lập Phó thị làm Hoàng hậu, đấy là con gái Phó Yến, mà Yến, là em họ của Phó thái hậu vậy.

12. Đế hạ chiếu rằng:

"Kinh Xuân Thu nói: 'Mẹ nhờ con được quý hiển'. Nên tôn Định Đào thái hậu thành Cung Hoàng thái hậu, Đinh Cơ thành Cung

[1] Việc nói ở Tần kỷ, quyển thứ nhất, năm thứ sáu đời Hiếu Văn vương.

Hoàng hậu, đều đặt Tả, Hữu chiêm sự, thực ấp giống như Trường Tín cung, Trung cung.[1]"

Lại truy tôn cha của Phó thái hậu làm Sùng Tổ hầu, cha của Đinh Cơ làm Bao Đức hầu; phong cậu của Đế là Đinh Minh làm Dương An hầu, con của cậu là Đinh Mãn làm Bình Chu hầu, cha của Phó hoàng hậu là Phó Yến làm Khổng Hương hầu, em của Hoàng thái hậu là Thị trung, Quang lộc đại phu Triệu Khâm làm Tân Thành hầu.

Thái hoàng thái hậu hạ chiếu cho Đại tư mã Mãng về phủ đệ, tránh ngoại thích của Ai đế; Mãng dâng sớ xin từ chức về nghỉ. Đế phái Thượng thư lệnh mang chiếu thư đến lệnh sai Mãng dậy coi việc, lại phái Thừa tướng Khổng Quang, Đại tư không Hà Vũ, Tả tướng quân Sư Đan, Vệ úy Phó Hỉ bạch với Hoàng thái hậu rằng:

- Hoàng đế nghe nói Thái hậu có chiếu, rất bi thương! Đại tư mã không dậy coi việc, Hoàng đế sẽ không dám nghe chính sự!

Thái hậu[2] vì thế lại ra lệnh cho Mãng lên triều coi xét việc.

13. Thời Thành đế, thanh âm của nước Trịnh cực thịnh, bọn Hoàng môn hát xướng có tiếng là Bính Cường, Cảnh Vũ đều giàu có quý hiển ở đời, từ quý thích cho đến bậc nhân chủ tranh giành nữ nhạc. Đế từ lúc còn là Định Đào vương ghét phong khí ấy, lại vốn tính không thích nhạc, tháng sáu, hạ chiếu rằng:

"Chẳng phải Khổng tử đã nói rằng: 'Dẹp bỏ thanh âm nước Trịnh, thanh âm nước Trịnh dâm tà'[3] *đó sao? Nay bãi bỏ quan lại của Nhạc phủ; âm nhạc giao tế và vũ nhạc trong quân pháp thời cổ được ghi*

---

[1] Trường Tín cung, là chỉ Hoàng thái hậu. Trung cung, là chỉ Hoàng hậu vậy.

[2] Chỗ này nguyên văn chỉ chép là danh xưng Thái hoàng thái hậu là Thái hậu, là do văn tự ở sách sử lược bớt chữ đi vậy.

[3] Nguyên văn câu trong sách *Luận ngữ*: "Phóng Trịnh thanh, viễn nịnh nhân. Trịnh thanh dâm, nịnh nhân đãi." Nghĩa là: "Dẹp bỏ thanh âm nước Trịnh, xa lánh kẻ nịnh hót. Thanh âm nước Trịnh thì dâm tà, kẻ nịnh hót thì nguy hiểm."

chép trong kinh sách, không phải là thứ âm nhạc của nước Trịnh, nước Vệ, nên chia ra giao cho quan thự khác quản lý."[1]

Thế rồi giải tán giảm bớt nhân số quá nửa. Nhưng bách tính ngấm nhiễm thứ âm nhạc ấy quá lâu rồi, lại không chế được Nhã nhạc tương ứng để hoán đổi, quan dân hào phú cứ mê đắm thứ nhạc ấy như cũ.

14. Vương Mãng tiến cử nói Trung lũy Hiệu úy Lưu Hâm là người có đức hạnh, cho làm Thị trung, ít lâu thăng làm Quang lộc đại phu, được quý sủng; Lưu Hâm đổi tên thành Lưu Tú. Chúa thượng lại ra lệnh cho Tú chủ quản thẩm hạch *Ngũ kinh*, hoàn thành sự nghiệp lúc trước của cha[2]; Tú vì thế gom hết các thứ sách vở rồi biên thành sách *Thất lược* tấu lên, gồm *Tập lược, Lục nghệ lược, Chư tử lược, Thi phú lược, Binh thư lược, Thuật số lược, Phương kỹ lược*. Toàn sách lục lược[3], bao gồm ba mươi tám loại sách vở, chép về năm trăm chín mươi sáu nhà, một vạn ba nghìn hai trăm sáu mươi chín quyển. Trong sách ấy liệt kể về chư tử, chia thành Cửu lưu[4], gọi là Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạp gia, Nông gia; tấu rằng:

"Chín học phái đều hưng khởi vào lúc vương đạo đã suy vi, chư hầu dùng vũ lực cai trị, quân chủ thời bấy giờ yêu ghét rất khác nhau, vì thế cái thuật của chín nhà đồng thời nổi lên, đều dẫn một đầu mối, tôn sùng cái học thuyết mà mình thích, dùng cái học thuyết ấy đi du thuyết các nước, mong hợp ý vua chư hầu, lời họ đưa ra dẫu có khác biệt, cũng giống như nước lửa diệt lẫn nhau, thì vẫn sinh nhau.[5] *Ví*

---

[1] Việc lập Nhạc phủ bắt đầu vào năm Nguyên Thú thứ ba đời Hán Vũ đế (Hán kỷ, quyển 11), các loại nhạc công rất nhiều, đến cả trăm cả nghìn.

[2] Cha Lưu Tú là Lưu Hướng, việc làm sách xem tại Hán Kỷ quyển 22, sự kiện năm Hà Bình thứ ba.

[3] *Tập lược* (辑略), là ghi chép tổng mục về tất cả các pho sách khác.

[4] Cửu lưu (九流), tức chín dòng phái.

[5] Ví như Thủy diệt Hỏa, Thủy lại cũng sinh Mộc, rồi Mộc lại sinh Hỏa.

như so 'nhân' với 'nghĩa', 'kính' với 'hòa', tuy tương phản nhau đấy nhưng đều bổ sung cho nhau vậy. Kinh Dịch nói: 'Thiên hạ đồng quy nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự.'[1] *Nay các học phái bất đồng tôn sùng cái sở trường của mình, nếu nghiên cứu đến cùng để làm sáng tỏ cái tôn chỉ của họ, tuy đều có việc che chỗ sở đoản, nhưng tổng hợp các điểm cốt yếu của các dòng phái, cũng là một chi nhánh hoặc là dòng cuối của Lục kinh vậy. Ví như có người nào đó gặp được minh chủ thánh vương, điều hòa được các ý kiến trong ấy, kẻ đó có thể trở thành bầy tôi lương đống vậy. Trọng Ni có nói: 'Lễ thất nhi cầu chư dã.'*[2] *Hiện nay cách thời đại của thánh nhân quá xa, đạo thuật khuyết thiếu rơi rụng, không có cách gì để truy tìm, chọn ở học phái của chín nhà chẳng hơn đi tìm ở trong dân sao? Nếu như nghiên cứu cái thuật trong Lục nghệ lại tham khảo học thuyết của chín nhà, bỏ cái chỗ sở đoản chọn lấy chỗ sở trường, thì có thể tinh thông được vạn thứ phương lược rồi."*

15. Hà Gian Huệ vương Lưu Lương học được phẩm hạnh cao của Hiến vương, mẹ là Thái hậu hoàng, phục tang theo lễ; Đế hạ chiếu phong thêm ấp vạn hộ, xem là khuôn mẫu của người trong tông thất.

16. Trước kia, Đổng Trọng Thư từng khuyên Vũ đế rằng:

"Nhà Tần dùng phép tắc của Thương Ưởng, phế bỏ chế độ "tỉnh điền",[3] *dân chúng được phép mua bán đất, người giàu có thì ruộng đất liền thiên mạch, người nghèo khốn thì không tấc đất cắm dùi, ấp có người tôn quý như quân vương, làng có người giàu sánh với công hầu, tiểu dân sao không khốn khó được? Phép "tỉnh điền" thời cổ tuy khó thực hành ngay được, nhưng nên tiệm cận dần với phép cổ, hạn chế việc dân chúng dùng danh nghĩa tư chiếm ruộng đất để cấp giúp*

---

[1] Nghĩa là: "Thiên hạ cùng theo về một mối, nhưng đường đi thì khác nhau; đạo lý vốn đồng nhất, nhưng muôn người thì có muôn suy nghĩ biệt lập."

[2] Lễ nghĩa thất truyền thì phải tìm lại lễ nghĩa trong dân.

[3] Việc phế bỏ chế độ "tỉnh điền", xem ở Chu kỷ, quyển hai, sự kiện năm thứ mười chín, đời Chu Hiển vương.

cho người không đủ, thì lấp được con đường kiêm tính đất đai; dứt bỏ chế độ nô tì, phế trừ việc tự tiện ra uy giết người; giảm thuế khóa, bớt dao dịch, để khoan hoãn sức dân, rồi sau mới có thể trị lý tốt vậy!"

Lúc chúa thượng tức vị, Sư Đan lại kiến nghị rằng:

- Nay qua nhiều đời được thái bình, quan dân hào phú gia sản hàng ức vạn, mà kẻ nghèo ngày càng thiếu khốn, nên quy định đại lược để lập giới hạn về ruộng đất.

Thiên tử giao xuống cho công khanh nghị bàn, Thừa tướng Quang, Đại tư không Vũ thỉnh tấu:

"Kể từ Vương chư hầu, Liệt hầu, Công chúa đều định hạn ngạch về ruộng đất; Quan nội hầu, quan lại, thứ dân chiếm cứ ruộng đất đều không được quá ba mươi khoảnh; nô tì không được quá ba chục người. Hết kỳ hạn ba năm, ai vi phạm thì tịch thu tài sản nhập vào phủ quan."

Bấy giờ giá ruộng đất và nô tì giảm, quý thích và người thân gần của Đế đều cho là bất tiện, Đế hạ chiếu thư nói: "Nên đợi để bàn sau". Vì thế việc dừng không thi hành. Đế lại hạ chiếu rằng:

"Quan Tam phục ở đất Tề và các quan chủ quản dệt lụa của Hoàng gia dệt gấm lụa khó thành, hại đến vật phẩm nghề nữ công, đều dừng chế tác, không phải chuyển vật phẩm về kinh. Phế trừ Nhâm tử lệnh[1] và phép luận tội "phỉ báng dối lừa". Cung nhân trong Dịch đình từ ba mươi tuổi trở xuống[2], cho xuất giá; quan nô tì từ năm mươi tuổi trở lên, tha miễn cho làm thứ dân. Cấp thêm cho quan lại có bổng lộc dưới ba trăm thạch."

17. Chúa thượng bày tiệc rượu ở cung Vị Ương, Nội giả lệnh giúp Phó thái hậu căng trướng, ngồi ở bên cạnh Thái hoàng thái hậu. Đại tư mã Mãng tuần xét việc, mắng Nội giả lệnh rằng:

---

[1] Nhâm tử lệnh (任子令), là chế độ cho phép quan viên Nhị thiên thạch coi việc đủ ba năm được phép bổ nhiệm một người trong số con em làm quan Lang, không phải dựa vào đức hạnh mà tiến cử như thông thường. Nay phế bỏ việc đó.

[2] Ở đây dịch theo nguyên văn, nhưng có lẽ đúng ra nên là "ba mươi tuổi trở lên".

- Định Đào thái hậu, là thiếp của phiên vương, sao được ngồi ngang với bậc chí tôn?

Liền triệt bỏ chỗ ngồi trước đó, sai bày lại. Phó thái hậu nghe biết việc đó, cả giận, không chịu đến yến hội, cực kỳ phẫn hận Mãng; Mãng lại xin từ chức về nghỉ. Mùa thu, tháng bảy, ngày Đinh Mão, chúa thượng ban cho Mãng năm trăm cân vàng, an xa tứ mã, bãi chức về phủ. Công khanh đại phu đa phần xưng tụng Mãng, chúa thượng bèn cấp thêm ân sủng, đặt quan Trung hoàng môn, để Mãng tùy ý sai khiến, mười ngày một lần ban đồ ăn. Lại hạ chiếu phong thêm hộ ấp cho Khúc Dương hầu Căn, An Dương hầu Thuấn, Tân Đô hầu Mãng, Thừa tướng Quang và Đại tư không Vũ, đều theo thứ bậc. Mãng nhận địa vị Đặc tiến, Cấp sự trung, hội chầu vào các ngày sóc, vọng, khi triều kiến hưởng lễ như Tam công. Lại triệu gọi Hồng Dương hầu Vương Lập về kinh sư.[1]

Em họ của Phó thái hậu là Hữu tướng quân Phó Hỉ, thích học vấn, có chí tiết và phẩm hạnh. Sau khi Vương Mãng bị bãi chức về nghỉ, mọi người trông mong ở Hỉ. Khi trước, lúc chúa thượng phong quan tước cho ngoại thích, một mình Phó Hỉ giữ ý xưng bệnh từ chối; Phó thái hậu mới dự chính sự, Hỉ nhiều lần can gián; bởi thế Phó thái hậu không muốn cho Hỉ làm phụ chính. Ngày Canh Ngọ, Đế lấy Tả tướng quân Sư Đan làm Đại tư mã, phong tước Cao Hương đình hầu; ban cho Hỉ trăm cân vàng, sai dâng trả lại ấn thụ Hữu tướng quân, lấy thân phận Quang lộc đại phu ở nhà dưỡng bệnh; lấy Quang lộc huân Bành Tuyên người Hoài Dương làm Hữu tướng quân. Đại tư không Hà Vũ, Thượng thư lệnh Đường Lâm đều dâng thư nói:

"Hỉ hành sự nhân nghĩa, phẩm hạnh cao khiết, dốc lòng trung lo cho nước, đáng dùng làm bầy tôi phù giúp nội triều. Nay vì mắc bệnh,

---

[1] Việc Hồng Dương hầu Vương Lập bị đuổi đến nước phong nói ở Hán kỷ quyển hai mươi lăm, sự kiện năm Tuy Hòa nguyên niên.

đột nhiên bị phái về nhà, hết thảy quần thần thất vọng, đều nói: 'Phó thị là người hiền năng, vì nghị luận không hợp với Định Đào thái hậu, cho nên bị gạt bỏ', trăm quan chẳng ai không vì nước oán tiếc. Trung thần, là người phòng giữ cho xã tắc vậy; như nước Lỗ dựa Quý Hữu trị loạn,[1] nước Sở dựa Tử Ngọc quyết nặng nhẹ,[2] nước Ngụy dựa Vô Kỵ xông pha,[3] Hạng Vũ dựa Phạm Tăng quyết tồn vong.[4] Có trăm vạn bộ chúng, chẳng bằng có được một người hiền; thế nên nước Tần dùng nghìn vàng để ly gián Triệu vương với Liêm Pha,[5] nhà Hán buông vạn cân vàng khiến Hạng Vũ xa rời Á phụ.[6] Hỉ đứng ở triều đình, là ánh sáng rực rỡ của Bệ hạ, là mấu chốt quyết việc phế hưng của họ Phó vậy."

Chúa thượng cũng tự mình xem trọng Hỉ, nên không lâu lại lần nữa tiến dụng Hỉ.

18. Kiến Bình hầu Đỗ Nghiệp dâng thư nói xấu Khúc Dương hầu Vương Căn, Cao Dương hầu Tiết Tuyên và An Xương hầu Trương Vũ, lại tiến cử Chu Bác. Đế từ nhỏ nghe biết họ Vương kiêu ngạo ngang ngạnh, trong lòng không có thiện cảm, vì mới được lập, nên tạm thời ưu đãi bọn họ. Hơn một tháng sau, Tư lệ Hiệu úy Giải Quang dâng tấu nói:

---

[1] Quý Hữu (季友), là tông chủ đầu tiên của Quý Tôn thị tại nước Lỗ. Nước Lỗ có loạn, Khánh Phủ giết vua, Quý Hữu đón con thứ của Lỗ Trang công là Công tử Thân sang cầu cứu vua nhà Chu, sau đó lập Công tử Thân lên ngôi, là Lỗ Hi công, dẹp yên loạn lạc tại nước Lỗ.

[2] Thành Đắc Thần (成得臣), tự Tử Ngọc (子玉), là tướng giỏi của nước Sở thời Xuân Thu. Tấn Văn công Trùng Nhĩ rất xem trọng nước Sở, sợ Thành Đắc Thần. Về sau Thành Đắc Thần vì thua trận đánh, vua Sở giận, bức Thành Đắc Thần tự sát, Tấn Văn công nghe tin ấy rất mừng.

[3] Việc nước Ngụy dùng Công tử Vô Kỵ bẻ gãy quân Tần, xem ở Tần kỷ quyển thứ nhất, sự kiện năm thứ ba, đời Trang Tương vương.

[4] Việc Hạng Vũ dùng Phạm Tăng, xem ở Hán kỷ, việc thời Hán Cao tổ.

[5] Việc nước Tần dùng vàng để ly gián Triệu vương và Liêm Pha, xem ở Chu kỷ, quyển năm, sự kiện năm thứ năm mươi lăm, đời Chu Noãn vương.

[6] Á phụ, tức Phạm Tăng vậy. Việc Hạng Vũ xa lánh Phạm Tăng, xem ở Hán kỷ, quyển hai sự kiện năm thứ ba, đời Hán Cao tổ.

"Khúc Dương hầu, giữa lúc tiên đế chưa táng vào Sơn lăng, công nhiên chọn lấy bọn nữ nhạc của Dịch đình là Ngũ quan[1] Ân Nghiêm và Vương Phi Quân bày tiệc rượu ca múa. Còn con của anh trai Căn là Thành Đô hầu Huống, cũng chọn lấy Quý nhân lúc trước của Dịch đình làm vợ, đều không theo lễ nhân thần, đại bất kính, bất đạo!"

Vì thế Thiên tử nói:

- Tiên đế đãi ngộ cha con Căn, Huống[2] rất hậu vậy, nay bọn họ lại bội ân quên nghĩa!

Bởi Căn từng kiến nghị giúp kế cho xã tắc,[3] vì thế phải Căn về nước phong; bãi chức Huống làm thứ dân, sai về quận nhà. Những người mà Căn và cha của Huống là Thương tiến cử làm quan đều bị bãi chức.

19. Tháng chín, ngày Canh Thân, đất rung chuyển, từ kinh sư đến các quận, quốc tại biên bắc là hơn ba mươi chỗ, đổ thành quách, cả thảy hơn bốn trăm người bị đè chết. Chúa thượng đem việc tai biến dị thường hỏi Đãi chiếu Lý Tầm, Lý Tầm đáp rằng:

"Mặt trời, đứng đầu dương tính, là biểu tỏ của quân vương vậy. Quân vương không tu chỉnh chính đạo, thì mặt trời lỗi vẻ sáng, dương quang ảm đạm. Gần đây mặt trời không sáng tỏ, ánh dương quang bị che lấn lạc sắc, tà khí len lỏi, cầu vồng nhiều lần xuất hiện. Tiểu thần không hiểu việc trong nội đình, trộm lấy việc mặt trời biến hóa để quan sát chí tiết của Bệ hạ, thấy chí hướng và tiết tháo suy hơn so với lúc mới tức vị rồi. Mong Bệ hạ giữ đức cứng rắn, quyết chí giữ pháp độ, không thuận theo thái độ của nữ nhân được sủng ái và tà thần, các lời thỉnh cầu ngon ngọt đáng thương của bảo a và nhũ mẫu, tuyệt đối không nghe. Gắng thực hiện đại nghĩa, dứt bỏ nghĩa mọn với kẻ tiểu nhân; nếu thực bất đắc dĩ, nên dùng tiền của ban cho họ, chẳng nên tư tình ban cho quan vị, đấy thực là điều cấm kỵ của hoàng thiên vậy!

---

[1] Theo *Hán thư, Ngoại thích truyện*, Ngũ quan (五官), là quan danh, lộc ba trăm thạch.

[2] Ở đây dịch theo nguyên văn, nhưng có lẽ phải là chú cháu mới đúng.

[3] Ý nói việc lập Định Đào vương Lưu Hân (tức Ai đế) làm Thái tử, xem sự kiện năm Nguyên Diên thứ tư.

Thần nghe nói, mặt trăng đứng đầu âm tính, là hình tượng của phi hậu, đại thần và chư hầu vậy. Gần đây, mặt trăng nhiều lần sinh biến, đấy là việc mẫu hậu can dự chính sự làm rối loạn triều đình, âm dương đều thương tổn, không hòa hợp nhau; thần ở ngoài chẳng biết việc triều đình, trộm theo dấu hiệu thiên văn, nếu thiên tượng như thế, cận thần của Bệ hạ chẳng đủ để nhờ cậy rồi. Mong Bệ hạ hãy tự thân cầu người hiền, không cho bọn tà ác lớn mạnh, để xã tắc được coi trọng, bản triều được tôn quý hùng cường!

Thần nghe nói ngũ hành lấy hành thủy làm gốc, nước là tiêu chuẩn công bằng, vương đạo công bình, chính trị sáng suốt, thì trăm dòng thuận lý, nguồn mạch thông thoáng; vương đạo thiên lệch, giềng mối lầm lỗi, thì nước xối vọt tràn, gây thành họa bại. Nay sông Nhữ, sông Dĩnh nước vọt ầm ầm, hợp với mưa lớn đồng thời gây hại cho dân, đấy là cái lúc được gọi là 'trăm dòng sôi sục'[1], cái lỗi ở lũ khanh sĩ là ngoại thích. Mong Bệ hạ hãy dần đè nén áp chế ngoại thích đại thần!

Thần nghe nói đạo đất nhu hòa tĩnh lặng, là đạo thường của âm tính vậy. Gần đây vùng Quan Đông nhiều lần phát sinh động đất, nên chuộng tính dương, đè nén tính âm để cứu vớt cái lỗi này. Bệ hạ nên vững chí lập uy, lấp tuyệt đường thỉnh xin riêng, đề bạt tiến cử người tài tuấn, bãi đuổi người không xứng chức, để bản triều cường mạnh! Xét ra, gốc cường mạnh thì tinh thần phấn chấn, bẻ gãy được nguy hại; gốc suy yếu thì vời gọi tai ương, bị mưu tà đè lấn. Thần nghe nói khi xưa lúc Hoài Nam vương mưu phản, người khiến ông ấy lo sợ chỉ có Cấp Ảm, còn cho rằng Công Tôn Hoằng chẳng đáng nói.[2]

---

[1] Đây là một câu thơ trong *Kinh Thi*, phần *Tiểu nhã*, bài *Thập nguyệt chi giao*. Nguyên văn như sau: "Diệp diệp chấn điện. Bất ninh bất linh. Bách xuyên phí đằng. Sơn trùng tốt băng. Cao ngạn vi cốc. Thâm cốc vi lăng."

Tạm dịch: "Sấm chớp sáng lòa. Thời chẳng yên bình. Trăm dòng sôi sục. Núi lớn bỗng sụt. Bờ cao thành lũng. Lũng sâu thành gò."

Đại để bài thơ này nói về tai biến động đất thời vua U vương nhà Chu, núi sụt, sông cạn, mất mùa kéo dài, người xưa cho đó là vì âm dương bất hòa mà gây ra vậy.

[2] Xem việc này ở Hán kỷ, quyển mười một, sự kiện năm Nguyên Thú nguyên niên, đời Hán Vũ đế.

Hoằng, là Thừa tướng danh tiếng của Hán triều, thời nay không ai sánh được, mà còn bị khinh rẻ, huống chi giờ đây không ai được như Hoằng! Vì thế mới nói, triều đình không có người hiền, thì bị tặc loạn khinh thường, đấy là đạo lý tự nhiên vậy."

20. Kỵ đô úy Bình Đương được sai quản việc đắp đê Hoàng Hà, dâng tấu nói:

"Chín nhánh của sông Hoàng Hà nay đều bị lấp mất, tra xét nghĩa kinh văn, trong việc trị thủy có phương cách khơi sâu, chia dòng chảy mà không có văn tự ghi chép việc đắp đê ngăn chống. Sông Hoàng Hà từ Ngụy Quận về phía đông nhiều lần bị tràn vỡ, vết tích dòng nước khó thấy rõ ràng, bốn bể người đông chẳng thể lừa dối được, nên rộng rãi tìm người có năng lực để khơi thông Hoàng Hà."

Chúa thượng theo lời ấy.

Đãi chiếu Giả Nhượng tấu nói:

"Trị lý Hoàng Hà có thượng, trung và hạ sách. Người xưa lập nước yên dân, vạch định cương giới, tất theo sự phân bố của dòng nước và đầm lạch, liệu xét thế nước không đến được chỗ ở. Sông lớn không đắp đê ngăn, khơi dòng nhỏ dẫn nước chảy vào chỗ có địa thế thấp, hình thành hồ đầm nước đọng, nếu mùa thu nước nhiều dùng chỗ đó làm nơi chứa, mặt nước rộng rãi, nước chảy thong thả không cấp bách. Trên mặt đất có dòng chảy, cũng như người ta có cái miệng vậy, dùng đất ngăn lấp dòng chảy, cũng giống việc ngăn đứa trẻ khóc mà bịt miệng nó, há chẳng phải là rất mau chóng dừng được, nhưng việc đứa trẻ chết có thể đứng mà đợi vậy. Vì thế nói: 'Người khéo trị thủy thì khơi dòng cho sông chảy, người khéo trị dân thì cho họ được nói ra lời.'

Đại khái là việc làm đê ngăn, hưng khởi vào thời Chiến Quốc gần đây, việc đắp đê ngăn lấp dòng chảy, đều vì lợi ích riêng. Nước Tề và Triệu, Ngụy lấy Hoàng Hà làm mốc giới, Triệu, Ngụy dựa vào thế núi, nước Tề địa thế thấp, đắp đê ở cách Hoàng Hà hai mươi lăm dặm, nước sông Hoàng Hà xuôi đông, bị đê của nước Tề ngăn trở thì đổ về

tây tràn ngập Triệu, Ngụy; hai nước Triệu, Ngụy cũng làm đê ở cách Hoàng Hà hai mươi lặm dặm, tuy không phải là phương cách đúng, nhưng lòng sông còn rộng đủ để dung nạp. Nước dâng lên rồi rút, bùn lắng đọng lại khiến đất đai màu mỡ, dân chúng cấy trồng trên đó; có khi rất lâu không phát sinh thủy tai, dân chúng dần dần dựng nhà cửa tại đó, vì thế thành thôn xóm; lúc nước lớn tràn đến nhấn chìm, thì lại đắp cao đê ngăn để tự cứu, rồi sau mở rộng dần thành quách, lấn đầm nước mà cư trú tại đó, việc bị nước nhấn chìm nảy sinh từ đấy vậy. Đê phòng hiện nay, gần thì cách sông mấy trăm bước chân, xa thì cách mấy dặm, phía trong đê lớn cũ lại có mấy tầng đê ngăn, dân cư trú trong vùng ấy, đấy đều là chỗ thoát nước thời trước vậy. Sông Hoàng Hà từ Lê Dương của Hà Nội tới Chiêu Dương của Ngụy Quận, hai bờ đông tây đắp đê ngăn bằng đá, nước xói vòng quanh, trong vòng hơn trăm dặm, sông Hoàng Hà hai lần chuyển hướng tây, ba lần chuyển hướng đông, bị ngăn trở bức bách như thế, không thể yên ả được.

Nay thi hành thượng sách, là dời dân của Ký châu đương ở vùng nước ngập, khơi tháo đê Già Hạt Đình ở Lê Dương, giải phóng sông Hoàng Hà khiến nước chảy lên phía bắc đổ vào bể; phía tây Hoàng Hà gần núi Đại, phía đông gần đê Kim, thế nước chẳng thể đọng lâu, ngập chìm một tháng thì tự ổn định. Sẽ có người nói: 'Nếu làm như thế thì thành quách, nhà cửa, ruộng đất, phần mộ bị hủy hoại tính kể hàng vạn, trăm họ oán hận.' Xưa kia Đại Vũ trị thủy, Sơn Lăng chặn đường thì phá hủy Sơn Lăng, vì thế tạc Long Môn, mở Y Khuyết, bửa cột trụ, phá đá tảng, phá nát hình tính của trời đất; thành quách, thế thì các công trình do con người tạo tác, sao đáng để nói đây? Nay gần sát sông Hoàng Hà có mười quận[1], mỗi năm phí tổn đắp đê ngăn gần vạn vạn tiền; lúc nước lớn đê vỡ, các thứ bị nước phá hủy vô số. Nếu bỏ ra số phí dụng trị lý Hoàng Hà trong mấy năm để bố trí di dời ổn định dân, tuân theo phép tắc của bậc thánh nhân thời cổ, xác định vị

[1] Theo *Hán thư*, các quận gồm có: Hà Nam, Hà Nội, Đông Quận, Trần Lưu, Ngụy Quận, Bình Nguyên, Thiên Thừa, Tín Đô, Thanh Hà, Bột Hải.

trí của sông núi, có thể khiến thần và người đều ở đúng chỗ của mình, không phạm lẫn nhau; vả lại quốc thổ Đại Hán đất vuông vạn dặm, hà tất phải tranh giành một thước đất đai với Hoàng Hà? Một khi công ấy được dựng lập, Hoàng Hà ổn định, bách tính yên ổn, nghìn năm không lo họa, vì thế phương cách ấy được gọi là thượng sách.

Còn như đào nhiều kênh dẫn nước ở Ký châu, để dân chúng dùng nước ấy bón tưới ruộng đồng, chia bớt thế dữ của nước, tuy không phải là cách làm của thánh nhân, nhưng cũng là phương pháp hay để cứu giúp thế cục vậy. Nên đắp đê ngăn bằng đá từ cửa sông Kỳ đổ về đông, lại làm nhiều đập chứa nước. Nếu e ngại kẻ nghị bàn hoài nghi là sông lớn như Hoàng Hà khó chế phục, thì kênh vận nước Huỳnh Dương đủ để nghiệm chứng. Kênh dẫn nước của Ký châu từ đầu đến cuối, nên dựa vào đập chứa nước, thảy đều lấy nước từ đó mà chia đi: Trời hạn hán thì mở đập nước thấp ở phía đông, bón tưới cho đồng ruộng Ký châu; nước đầy tràn thì mở đập nước cao ở phía tây, chia nhánh dòng nước, ruộng của dân được quản lý thích hợp, đê sông cũng hình thành. Đấy thực là cách khiến nước giàu dân yên, hưng lợi trừ hại, khống chế họa nước mấy trăm năm, vì thế phương cách ấy được gọi là trung sách.

Còn như chỉ sửa chữa lại đê ngăn cũ, đắp cao chỗ thấp, gia cố chỗ mỏng, công sức phí tổn không dừng, vẫn luôn gặp cái cái họa nước ngập, đấy là kế sách kém nhất vậy!"

21. Khổng Quang, Hà Vũ tấu nói:

"Miếu tế tổ tông theo thứ tự, tình thân đã hết phải hủy,[1] nên kịp thời xác định lại, xin Bệ hạ và quần thần cùng thảo luận."

Bấy giờ bọn Quang lộc huân Bành Tuyên cả thảy năm mươi ba người cho rằng: "Hiếu Vũ hoàng đế tuy công nghiệp rực rỡ, nhưng tình thân đã tận, miếu thờ nên hủy bỏ." Thái phó Vương Thuấn, Trung lũy Hiệu úy Lưu Hâm bàn rằng:

---

[1] Thời Hán Nguyên đế, Cống Vũ từng kiến nghị hủy bớt miếu thờ. Vi Huyền Thành và Khuông Hành cũng đều chủ trương như thế, thờ bốn miếu, tình thân hết thì hủy.

- Theo lễ, Thiên tử có bảy miếu thờ.[1] Bảy miếu là số lượng chính thức, nên phải giữ số lượng ấy theo phép thường. Người được tôn hiệu là "Tông" không nằm trong số đó, tôn hiệu "Tông" là phi thường vậy. Nếu có công đức thì được tôn hiệu là "Tông", không nên tính vào số miếu theo quy định của tổ tông. Thần ngu muội cho rằng Hiếu Vũ hoàng đế công nghiệp rực rỡ như thế, Hiếu Tuyên hoàng đế được tôn sùng như thế, không nên hủy miếu thờ.[2]

Chúa thượng xem xét lời bàn ấy, ban chế mệnh rằng: "Kiến nghị của Thái phó Thuấn và Trung lũy Hiệu úy Hâm nên được thi hành."

22. Mẹ kế của Hà Vũ ở tại Thục Quận, Hà Vũ phái tiểu lại về nghênh đón; đúng lúc Thành đế băng hà, tiểu lại sợ trên đường đi có đạo tặc, liền lưu mẹ kế của Vũ lại không đi. Tả hữu của Đế có người chê Vũ thờ mẹ kế không thuần hậu, Đế cũng muốn hoán đổi đại thần, mùa đông, tháng mười, hạ chiếu sách bãi chức Vũ, cho lấy thân phận Liệt hầu về nước phong. Ngày Quý Dậu, lấy Sư Đan làm Đại tư không.

Đan thấy chúa thượng đối với khuôn phép của Thành đế đa phần thay đổi , bèn dâng thư nói:

"Đế vương thời cổ trong kỳ cư tang không nói,[3] mọi việc theo xử trí của quan Chủng tể; trong vòng ba năm không thay đổi đạo trị của cha.[4] Lúc trước linh cữu Đại hành còn ở linh đường, mà từ bọn thần cho đến thân thuộc nhận quan tước, đột nhiên đều được quý sủng.

---

[1] *Kinh Lễ* chép: Thiên tử thờ bảy miếu, ba miếu hàng chiêu, ba miếu hàng mục, cùng với miếu Thái tổ là bảy.

[2] Hán Vũ đế, Hán Tuyên đế sau khi chết được tôn hiệu là Thế tông và Trung tông.

[3] Sách *Luận ngữ* dẫn lời của Tử Trương rằng: "Vua Cao tông trong kỳ tang lặng yên không nói."

[4] Nguyên văn câu trong sách *Luận ngữ:* "Phụ tại, quan kỳ chí; phụ một, quan kỳ hành. Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hĩ." Tức là: "Cha còn sống, xem cái chí của cha; cha chết rồi, xem việc làm của cha. Ba năm không thay đổi đường lối của cha, là người có hiếu vậy."

Như cậu của chúa thượng được phong làm Dương An hầu, tôn hiệu của Hoàng hậu chưa định, lại ban phong cho cha của Hậu làm Khổng Hương hầu; rồi phế trừ chức vụ của bọn Thị trung Vương Ấp, Xạ thanh Hiệu úy Vương Hàm. Chiếu thư liên tiếp ban xuống, chính sự biến động, đột nhiên gấp gáp không đắn theo thứ tự. Thần không lập tức công khai bày tỏ đại nghĩa, lại chẳng thể kiên quyết chối nhường tước vị, theo việc nổi trôi, tiếp nhận tước hầu vô duyên cớ, làm tăng thêm cái lỗi sai của Bệ hạ. Gần đây các quận, quốc nhiều lần nảy sinh động đất, nước lớn vọt trào, giết hại người dân, mặt trời mặt trăng không sáng, ngũ tinh chệch đường, đấy đều là điềm báo ứng với việc nâng nhấc mất công bằng, hiệu lệnh bất định, pháp độ sai lỗi với phép thường, âm dương vẩn đục hỗn tạp vậy.

Thần cúi xét cái tình thường của người đời, nếu như không có con, tuổi tác dẫu sáu bảy mươi, vẫn có thể lấy nhiều thê thiếp để rộng cầu con nối. Hiếu Thành hoàng đế hiểu sâu thiên mệnh, thấu rõ đức hạnh cao chót của Bệ hạ, lúc còn tráng niên khắc chế mình, lập Bệ hạ làm người kế tự. Tiên đế đột nhiên lìa bỏ thiên hạ, rồi Bệ hạ kế nối, bốn bể yên tĩnh, bách tính không kinh sợ, đấy là thánh đức của tiên đế ứng hợp với cái công hợp nhất của trời và người vậy. Thần nghe nói: 'Thiên uy bất vi nhan chỉ xích.[1]' Mong Bệ hạ nghĩ kỹ đến thâm ý dựng lập Bệ hạ của tiên đế, tạm thời khắc chế hành vi của mình, để quan sát người dưới thuận theo giáo hóa ra sao. Thiên hạ này, là nhà của Bệ hạ vậy, người nương dựa vào Bệ hạ thì lo gì phú quý chẳng đến, Bệ hạ không nên vội vàng như thế, đấy không phải là cách hay lâu dài vậy."

Sư Đan dâng thư mấy chục lần, ngôn từ đa phần thống thiết thẳng thắn.

Cháu họ của Phó thái hậu là Thiên hầu hạ bên cạnh Đế, rất âm hiểm gian tà, chúa thượng ghét hắn, bãi chức, đuổi về cố quận. Phó thái hậu giận; chúa thượng bất đắc dĩ, lại lưu Thiên ở lại. Thừa tướng Quang và Đại tư không Đan tấu nói:

---

[1] Lời trong *Tả truyện*: Uy trời chỉ trong gang tấc, chẳng nên trái nghịch.

- Chiếu thư trước sau trái ngược nhau, người thiên hạ nghi hoặc, không có cách gì thủ tín. Thần thỉnh xin đuổi Thiên về cố quận, để trừ sạch gian đảng.

Rút cục không đuổi được Thiên, phục chức cho hắn làm Thị trung. Đế bị bức bởi Phó thái hậu, đại loại đều như thế vậy.

23. Nghị lang Cảnh Dục dâng thư minh oan cho Trần Thang rằng:

"Cam Diên Thọ, Trần Thang, vì Đại Hán nêu cao uy vũ ở chỗ rất xa, rửa sạch nỗi thẹn nhục nhiều năm của quốc gia, thảo phạt quân chủ của các nước ở cõi tuyệt vực không ràng buộc được, trói cổ giặc rợ khó khống chế ngoài vạn dặm,[1] *há mấy ai sánh được? Tiên đế khen ngợi, liền hạ minh chiếu, tuyên dương công lao của họ, vì việc đó đổi niên hiệu,*[2] *chép công huân, truyền đến vô cùng. Ứng việc ấy, quận phương nam dâng cống bạch hổ, biên thùy không phải lo phòng bị.*[3] *Thời ấy tiên đế mắc bệnh nằm giường, nhưng vẫn nghĩ nhớ không quên, nhiều lần sai Thượng thư trách hỏi Thừa tướng, Ngự sử, thúc họ sớm định công ban thưởng; một mình Thừa tướng Khuông Hành bài xích ngăn trở, chỉ phong cho Diên Thọ và Thang ấp mấy trăm hộ, đấy là lý do khiến công thần và chiến sĩ thất vọng vậy.*

Hiếu Thành hoàng đế kế thừa gốc nghiệp đã dựng lập, nhân cái uy chinh phạt, không phải động dụng binh đao, quốc gia vô sự, nhưng đại thần tà ác bất chính, muốn độc chiếm quyền uy của bậc nhân chủ, ghen ghét đè lấn người có công, khiến Thang trơ trọi một mình, bị bắt giam vào ngục, chẳng thể tự minh, rút cục là vô tội tuổi cao bị vứt bỏ

---

[1] Trần Thang bị Hán Thành đế đày đến quận Đôn Hoàng, việc nói ở Hán kỷ, quyển thứ hai mươi ba, sự kiện năm Vĩnh Thủy thứ hai. Các công lao của Trần Thang lập nơi biên viễn, xem ở Hán kỷ, quyển thứ hai mươi mốt.

[2] Đại đế bản tấu này nói việc cải niên hiệu từ Kiến Chiêu thành Cánh Ninh thời Hán Nguyên đế vậy. Thực chất, việc đổi niên hiệu này xuất phát từ việc Hung Nô xin giữ biên ải làm phiên thần, biên thùy nhà Hán vô sự nên Hán đế theo đó hạ chiếu đổi niên hiệu thành Cánh Ninh. Người dâng bản tấu này chỉ mượn việc mà nêu ra thôi.

[3] Hổ trắng (bạch hổ) là loài thú ở phương tây, chủ về uy vũ, vì thế người dâng tấu cho rằng điềm ấy ứng vào việc bọn Trần Thang đánh thắng giặc rợ ở phía tây.

tới Đôn Hoàng, chính là con đường thông đến Tây Vực, khiến tôi thần xung trận uy danh trở gót mắc họa đến thân, lại bị giặc rợ Chất Chi ở đấy chê cười, thực đáng thương vậy! Đến nay người phụng mệnh đi sứ các nước Man ở cõi ngoài, chưa hề có ai không truyền kể việc giết Chất Chi để tuyên dương cái thịnh của Hán triều. Ôi, viện dẫn công tích của người khác để uy hiếp địch, lại ruồng bỏ bản thân người hùng khiến kẻ sàm khoái ý, há chẳng đau xót sao?

Vả lại khi yên chẳng quên nguy, lúc thịnh tất lo suy, nay quốc gia bình thời không có cái tiết kiệm nhiều năm như thời Văn đế khiến của cải tích chứa giàu có, lại không có đại thần thiện chiến được tiến dụng như thời Vũ đế để cầm bắt treo đầu địch[1]*, chỉ có một Trần Thang mà thôi! Giả như Trần Thang sống ở đời khác không cùng thời Bệ hạ, còn mong quốc gia truy xét công lao, đắp dựng mộ phần, để khuyến khích người sau. Thang may mắn còn sống ở thời thánh minh, công dựng lập chưa lâu, triều đình lại nghe lời tà thần dùng roi gậy xua đuổi đến nơi xa, khiến phải lưu vong trốn náu, chết không đất táng. Kẻ sĩ biết nhìn xa, chẳng ai không nghĩ tính, cho là công của Thang nhiều đời chẳng ai theo kịp, mà lỗi của Thang người đời đều có cả, Thang còn bị như thế, nay dẫu có vì nước tan gân nát cốt, thây phơi sa trường, cũng lại bị áp chế bởi miệng lưỡi của quần thần, bị đại thần ghen ghét trói buộc thành tù đồ thôi. Đấy là lý do khiến thần lo lắng vì quốc gia vậy."*

Thư tấu lên, Thiên tử cho Thang quay về, sau Thang chết ở Trường An.

HIẾU AI HOÀNG ĐẾ

Năm Kiến Bình nguyên niên (Ất Mão – TCN 06)

1. 1. Mùa xuân, tháng giêng, có mười sáu viên đá trời rơi ở quận Bắc Địa.

---

[1] Trỏ việc cầm bắt giết Chất Chi, treo đầu tại Cảo Nhai vậy.

2. Đại xá thiên hạ.

3. Tư lệ Hiệu úy Giải Quang tấu nói:

"Thần nghe nói Hứa Mỹ nhân và Trung cung sử Tào Cung[1] ngày trước đều được Hiếu Thành hoàng đế sủng hạnh, sinh được con trai; con nhỏ bị giấu kín không thấy được. Thần phải quan lại đi tra hỏi, họ đều báo thực trạng việc ấy:

Năm Nguyên Diên nguyên niên, Tào Cung có mang; tháng mười năm ấy, Cung sinh hạ con nhỏ tại Ngưu quan lệnh xá ở Dịch đình. Trung hoàng môn Điền Khách cầm chiếu ký[2] giao cho Định đình ngục thừa là Tịch Vũ, lệnh cho hắn bắt Tào Cung đến Bạo thất ngục[3], bảo hắn: 'Không hỏi trai hay gái, không hỏi con của ai!' Tào Cung nói: 'Hãy khéo giấu đứa nhỏ này giúp ta. Ngục thừa biết đứa nhỏ này là con ai chứ?[4]' Ba ngày sau, Điền Khách cầm chiếu ký giao cho Vũ, hỏi: 'Đứa nhỏ chết chưa?' Vũ đáp: 'Chưa chết.' Khách nói: 'Chúa thượng và Chiêu nghi rất tức giận, vì sao không giết?' Vũ khấu đầu khóc lớn nói: 'Không giết hài nhi, ta tự biết sẽ chết; giết hài nhi, cũng chết![5]' Liền nhờ Khách tấu lên một phong thư dán kín viết: 'Bệ hạ chưa có con kế tự, con cái bất kể quý tiện, xin Bệ hạ lưu tâm!' Tấu trình lên, Khách lại cầm chiếu ký sai lấy đứa nhỏ, giao cho Trung hoàng môn Vương Thuấn. Thuấn nhận chiếu, đem đứa nhỏ vào trong điện, vì nó chọn nhũ mẫu, bảo: 'Khéo nuôi dưỡng đứa nhỏ này, sẽ có thưởng, không được để lộ tin tức!' Thuấn chọn quan tì[6] là Trương Khí làm nhũ mẫu. Ba ngày sau, Khách lại cầm chiếu ký và thuốc độc để Tào Cung uống. Tào Cung nói: 'Quả nhiên là muốn cho chị em họ chiếm riêng thiên hạ! Đứa nhỏ con ta, là con trai vậy, trước trán có tóc dựng đứng, giống Hiếu Nguyên hoàng đế. Nay con ta ở đâu? Bọn họ

---

[1] Trung cung (中宫), tức là cung Hoàng hậu; Sử (史), là nữ quan vậy.

[2] Chiếu ký (诏记), tức chiếu thư do chính Hoàng đế thủ bút.

[3] Bạo thất ngục (暴室狱), là nơi giam giữ cung nhân, phi tần... có tội.

[4] Ý nói là con của Thiên tử vậy.

[5] Không giết là trái chiếu chỉ, giết là sát hại Hoàng tử, đều là tội chết vậy.

[6] Người có tội bị đưa vào Dịch đình làm phục dịch, người nam gọi là "quan nô', người nữ gọi là "quan tì".

sẽ hại chết nó mất thôi! Làm sao để Trường Tín cung[1] nghe biết việc này?' Thế rồi uống thuốc độc chết. Trương Khí nuôi dưỡng hài nhi, được mười một ngày, Cung trưởng[2] Lý Nam đem chiếu thư lấy đứa nhỏ đi trốn, nay không biết an trí ở đâu.

Năm Nguyên Diên thứ hai Hứa Mỹ nhân mang thai, tháng mười một sinh con nhỏ. Chiêu nghi bảo Thành đế rằng: 'Bệ hạ thường lừa dối ta, nói rằng từ Trung cung[3] đến. Nếu từ Trung cung đến, con nhỏ của Hứa Mỹ nhân từ đâu sinh ra? Hứa thị đáng được lập lại sao?' Rồi oán giận, lấy tay tự đánh vào đầu, húc vào cột vách, từ trên giường lao xuống đất, gào khóc không chịu ăn, nói: 'Giờ hãy an trí ta, ta muốn về nhà!' Đế nói: 'Nay ta đem việc Hứa Mỹ nhân sinh con bảo với ngươi, sao lại tức giận, ta rất không hiểu vậy!' Đế cũng không ăn. Chiêu nghi nói: 'Bệ hạ tự biết mình đúng, không ăn là sao? Bệ hạ từng nói: 'Ta thề không phụ ngươi!' Nay Mỹ nhân có con, rút cục phụ ước, phải nói thế nào?' Đế nói: 'Ta đã giao ước sẽ vì Triệu thị nhất quyết không lập Hứa thị, khiến thiên hạ không có người nào ở trên Triệu thị, đừng lo vậy!' Sau đấy Đế hạ chiếu sai Trung hoàng môn Cận Nghiêm tới chỗ Hứa Mỹ nhân lấy đứa nhỏ đưa đến, đựng trong cái tráp bện bằng cỏ lau, để ở phía nam rèm cửa của Sức thất[4]. Đế và Chiêu nghi cùng ngồi, sai kẻ hầu là Vu Khách Tử cởi dây buộc tráp, cởi chưa xong, Đế sai Khách Tử và kẻ hầu đều ra ngoài, tự đóng cửa lại, một mình cùng Chiêu nghi ở đó. Chốc lát mở cửa ra, hô gọi Khách Tử, sai buộc tráp lại, viết chiếu ký lệnh sai Trung hoàng môn Ngô Cung cầm giao cho Tịch Vũ, nói: 'Bảo với Vũ, trong tráp có đứa nhỏ chết, hãy chôn ở chỗ kín, không để người khác biết!' Vũ đào một hố dưới chân tường nhà ngục Dịch đình, chôn đứa nhỏ tại đó.

Còn những người khác bị ép phải uống thuốc đọa thai nhiều vô số, việc đều xảy ra trước ngày Bính Thìn tháng tư là ngày ban bố xá lệnh.

---

[1] Tức Thái hậu vậy.

[2] Người nhiều tuổi trong số cung nữ.

[3] Cung của Hoàng hậu.

[4] Sức thất (饰室), là gian phòng được trang trí bằng vàng ngọc, trỏ Chiêu Dương xá.

Thần kính xét: Năm Vĩnh Quang thứ ba, lũ nam tử là bọn Trung đào bới mộ của Phó phu nhân ở Trường lăng, việc phát sinh trước hai lần đại xá. Hiếu Nguyên hoàng đế hạ chiếu nói: 'Đấy là thứ tội mà trẫm không thể tha được vậy!' Vì thế nghiêm trị, hết thảy bọn chúng đều theo phép chịu tội. Thiên hạ cho là đúng. Triệu Chiêu nghi làm nghiêng loạn thánh triều, tự thân diệt người kế tự của Hoàng đế, gia thuộc đáng phải ứng tội trời giết. Thế nhưng người thân thuộc cùng mẹ của Chiêu nghi đều ở địa vị tôn quý, gần sát nơi màn trướng, thiên hạ ghê lòng, xin Bệ hạ suy xét sự việc đến cùng!"

Từ Thừa tướng trở xuống đến quan viên triều thần nghị bàn nên xử theo phép chế, Đế vì thế bãi miễn tước của Tân Thành hầu Triệu Khâm và con của anh trai Khâm là Hàm Dương hầu Triệu Hân, đều biếm làm thứ dân, đày gia thuộc họ Triệu đến quận Liêu Tây.

Nghị lang Cảnh Dục dâng sớ nói:

"Thần nghe nói việc truyền ngôi kế tự mất cương kỷ, phế đích lập thứ, thánh nhân lập phép nghiêm cấm, xưa nay xem đó là điều răn. Nhưng Thái Bá xét Quý Lịch biết đấy là người kế vị thích hợp, cung kính cố nhường, rồi gửi thân ở đất Ngô, Việt, đấy là theo cách tùy cơ ứng biến, không tính xét đến phép thường, đem vương vị nhường cho Vương Quý, để xem trọng người kế tự thánh minh, rút cục có được thiên hạ, con cháu kế nghiệp, trải bảy tám trăm năm, công huân đứng đầu Tam vương, đạo đức hoàn bị nhất, vì thế tôn hiệu truy đến Thái vương.[1] *Cho nên thế gian nhất định phải có cái biến phi thường, rồi sau mới có cái mưu phi thường vậy.*

---

[1] Cổ Công Đản Phủ (古公亶父) là thủ lĩnh bộ tộc Chu, có ba người con là Thái Bá, Trọng Ung và Quý Lịch (Vương Quý). Quý Lịch có con trai là Cơ Xương rất tài giỏi, vì thế Cổ Công Đản Phủ có ý truyền ngôi cho Quý Lịch để Cơ Xương được hưởng cơ nghiệp. Thái Bá, Trọng Ung biết ý ấy, bỏ trốn đến Kinh Nam để nhường vương vị cho Quý Lịch. Sau khi Cổ Công Đản Phủ chết, Quý Lịch lên nối. Về sau con của Cơ Xương (Chu Văn vương) là Cơ Phát (Chu Vũ vương) diệt vua Trụ nhà Ân Thương lập nhà Chu. Cổ Công Đản Phủ được truy tôn là Thái vương. Thái Bá được khen là người hiền.

Hiếu Thành hoàng đế tự biết mình không kịp lập người nối tự, nghĩ rằng dẫu lúc tuổi cao có thể sinh hạ được hoàng tử, nhưng sau khi mình muôn tuổi, con vẫn chưa thể trị lý quốc gia, quyền bính trọng yếu bị khống chế bởi nữ chủ, nữ chủ kiêu ngạo cương ngạnh thì tham dục vô biên, thiếu chủ nhỏ dại thì đại thần không theo sai khiến, trên đời lại không có người như Chu công phò tá, sợ xã tắc nguy hiểm, thiên hạ nghiêng loạn. Lại biết Bệ hạ có đức thông minh hiền thánh, có tình nhân ái hiếu thuận, một mình xét rõ trong lòng, tự thân quyết đoán đại sự, cho nên dần phế việc đến nghỉ ở Hậu cung, dứt tuyệt căn nguyên họa loạn về người nối tự, bèn có ý đem ngôi vị truyền cho Bệ hạ để yên tông miếu. Có tôi thần ngu muội[1] đã chẳng thể xét rõ an nguy, chế định kế sách lâu dài, lại chẳng biết suy rộng thánh đức, biểu tỏ được chí hướng của tiên đế, còn đi tra xét lật lại việc tại cấm cung, phơi lộ việc sinh hoạt riêng tư ở cung đình, vu miệt tiên đế bị mê hoặc bởi nữ sắc, dựng chuyện sủng thiếp đố kỵ ghen ghét giết người, trái ngược với tiên kiến sáng suốt của bậc hiền thánh, phụ lại bản ý lo cho nước của tiên đế!

Ôi, luận đại đức bất tất phải câu nệ với thế tục, dựng đại công bất tất phải tương hợp với chúng nhân, đấy là cái lý do khiến suy nghĩ của Hiếu Thành hoàng đế cao minh hơn hẳn muôn vạn chúng thần, là lý do khiến thánh đức của Bệ hạ phù hợp với ý muốn của hoàng thiên vậy, há phải đạo lý tầm thường mà kẻ bầy tôi thấp hèn có thể theo kịp được sao? Vả lại, phải rộng khen mỹ đức để tuyên dương vua cha, nắn sửa giúp và trừ diệt cái lỗi lầm trong quá khứ, là đại nghĩa xuyên suốt xưa nay vậy. Sự việc nảy sinh, chẳng ra sức can ngăn lúc đương thời, phòng họa từ lúc chưa nảy mầm, đều theo ý chỉ a dua xu nịnh để cầu yên; sau khi tiên đế giá băng, tôn hiệu đã định, van sự đã xong, mới truy xét các việc không có cách vãn hồi, bới móc cái lỗi bị che giấu khó tra xét, đấy là điều khiến thần rất thống hận vậy! Mong Bệ hạ giao việc xuống Hữu ti nghị luận, nếu đúng như lời thần nói, nên công khai

---

[1] Ám chỉ Giải Quang vậy.

tuyên bố thiên hạ, khiến mọi người đều hiểu được thánh ý mà tiên đế khởi xướng. Không như thế, sẽ khiến lời nghị bàn phỉ báng hão gây hại đến Sơn lăng, lưu truyền hậu thế, xa thì lan đến coi trăm man, gần thì truyền trong hải nội, rất trái với bản ý phó thác hậu sự của tiên đế vậy.

Đại đế, người hiếu thuận, khéo ở chỗ tuân theo di chí của tiên phụ, giỏi ở chỗ hoàn thành sự nghiệp của người trước, xin Bệ hạ xét kỹ!"

Đế cũng cho là lúc trước mình được làm Thái tử, Triệu thái hậu giúp sức rất nhiều,[1] bèn không truy cứu việc đó. Phó thái hậu chịu hậu ân của Triệu thái hậu, Triệu thái hậu cũng dốc lòng giao kết, cho nên Thái hoàng thái hậu và gia tộc họ Vương đều hết sức oán hận.

4. Ngày Đinh Dậu, lấy Quang lộc đại phu Phó Hỉ làm Đại tư mã, phong tước Cao Vũ hầu.

5. Mùa thu, tháng chín, ngày Giáp Thìn, có hai viên đá trời rơi xuống huyện Ngu.

6. Bọn Lang trung lệnh Linh Bao, Hoàng môn lang Đoàn Do lại dâng tấu nói:

"Định Đào Cung hoàng thái hậu và Cung hoàng hậu đều không nên dùng lại danh xưng của phiên quốc Định Đào, để xứng với tôn hiệu đứng đầu; xe ngựa, y phục đều nên xứng ý của chữ 'Hoàng', nên cho đặt quan thuộc từ Nhị thiên thạch trở xuống, để cung phụng hai cung theo chức phận; lại nên vì Cung hoàng lập miếu thờ ở kinh sư."

Chúa thượng lại giao việc ấy xuống cho quần thần nghị bàn, quần thần đa phần thuận theo ý chỉ, nói: "Mẹ nhờ con được tôn quý, nên lập tôn hiệu để trọng hiếu đạo." Duy có Thừa tướng Quang, Đại tư mã Hỉ, Đại tư không Đan cho rằng không nên. Đan tấu rằng:

---

[1] Việc Định Đào vương Lưu Hân (Hán Ai đế) được lập làm Thái tử, xem Hán kỷ quyển thứ 24, sự kiện năm Nguyên Diên thứ tư.

"Thánh vương chế định lễ, tuân thủ phép tắc của trời đất. Cao hay thấp, là theo sắp bày địa vị của trời đất, chẳng thể loạn vậy[1]. Nay Định Đào Cung hoàng thái hậu và Cung hoàng hậu đã lấy "Định Đào Cung" làm hiệu, tỏ rõ cái nghĩa mẹ theo con, vợ theo chồng vậy.[2] Nếu lập quan chức, đặt thuộc lại, xe ngựa và phục sức cùng một dạng với Thái hậu, đấy không phải là cách hay để sáng tỏ cái nghĩa 'địa vị chí tôn không có hai người' vậy. Thụy hiệu của Định Đào Cung hoàng đã được xác định trước, về nghĩa không thể đổi lại được.

Kinh Lễ nói: 'Cha là sĩ nhân, con làm Thiên tử, tế viếng có thể dùng lễ Thiên tử, nhưng áo liệm vẫn dùng trang phục sĩ nhân', là tỏ rõ cái nghĩa người con không phong tước cho cha, là tôn kính phụ mẫu vậy. Vì người khác làm con nối tự, cố nhiên phải vì người mà mình nối tự mặc áo xô chịu tang ba năm, lại phải giảm bớt kỳ tang với cha mẹ của mình, để rõ việc tôn trọng tổ tiên của người mà mình kế tự, xem trọng sự chính thống vậy.

Hiếu Thành hoàng đế thánh ân sâu xa, cố ý vì Cung vương lập người kế nối[3], phụng thừa kế tự, khiến Cung hoàng mãi mãi được làm Thái tổ nước phiên, miếu tế vạn đời không hủy, ân nghĩa đã đầy đủ. Bệ hạ đã làm người kế nối huyết mạch của tiên đế, chủ trì tế tự dòng đại tông, kế thừa tế tự tông miếu, trời đất và xã tắc, về nghĩa chẳng thể lại thờ phụng Định Đào Cung hoàng, đến tế tự ở miếu ấy. Nay muốn lập miếu thờ ở kinh sư, sai quần thần tế miếu ấy, đấy là việc cúng tế mà không có người chủ tế vậy. Thêm nữa, miếu tế hoàng đế, tình thân đã hết phải hủy; vứt bỏ địa vị Thái tổ một phiên quốc được tế tự vạn đời không bỏ,[4] để nhận sự cúng tế mà không có chủ tế,

---

[1] Lấy ý từ câu "Thiên tôn địa ti, quân thần định hĩ. Ti cao dĩ trần, quý tiện vị hĩ."

[2] Lấy hiệu "Cung hoàng thái hậu", là nghĩa mẹ theo con; hiệu "Cung hoàng hậu", là nghĩa vợ theo chồng.

[3] Cung vương ở đây cũng chính là Cung hoàng, việc lập người kế nối xem tại Hán kỷ quyển 24, sự kiện năm Tuy Hòa nguyên niên đời Hán Thành đế.

[4] Theo phép chế quy định, tại nước phong, miếu Thái tổ được thờ cúng muôn đời, từ Thái tổ trở xuống thờ bốn miếu theo thứ tự thân thích, tình thân đã hết thì hủy tế tự.

trong tương lai còn bị triệt bỏ, lại không phù hợp theo chính đạo, đấy không phải là cách hay để tôn trọng và hậu đãi Cung hoàng vậy."

Sư Đan từ đấy dần dần không hợp ý chúa thượng.

Đúng lúc có người dâng thư nói: "Người xưa dùng mai rùa, vỏ sò làm tiền của, nay dùng tiền để thay thế thứ đó, dân vì thế nghèo khó, nên thay đổi vật dụng làm tiền của."

Chúa thượng đem việc ấy hỏi Đan, Đan đáp rằng nên thay đổi. Chúa thượng giao việc xuống cho Hữu ti nghị bàn, mọi người cho rằng việc lưu hành tiền đã từ lâu, đột nhiên thay đổi rất khó. Đan già lẫn, quên lời mình nói lúc trước, lại theo ý công khanh nghị bàn.

Lại có lần Đan sai thuộc lại chép tấu chương, thuộc lại bí mật sao chép lại bản thảo của Đan; con em hai nhà Đinh, Phó biết việc ấy, sai người dâng thư tố cáo: "Đan dâng tấu thư phong kín, người đi đường cầm bản sao thư ấy." Chúa thượng đem việc hỏi Tướng quân và triều thần, mọi người đều nói:

- Trung thần không hiển lộ lời can. Đại thần tấu việc, chẳng nên tiết lậu, nên giao việc xuống cho Đình úy xử trị.

Việc giao xuống Đình úy, Đình úy hặc tội Đan đại bất kính, việc chưa quyết, Cấp sự trung, Bác sĩ là Thân Hàm, Quế Khâm dâng thư nói:

"Kinh học và phẩm hạnh của Đan không ai so bì được, từ thời cận thế đến nay, đại thần tài năng như Đan rất ít. Vì buồn phiền phát phẫn, mới dâng tấu thư phong kín, chẳng kịp lo tính sâu xa, sai Chủ bộ chép thư, cái lỗi tiết lộ thư không phải tại Đan, vì việc này biếm truất, sợ rằng không thỏa ý chúng nhân."

Chúa thượng biếm phẩm trật của bọn Hàm, Khâm hai bậc; thế rồi hạ sách thư bãi chức Đan, viết:

"Trẫm nghĩ ngài quan vị tôn quý, trách nhiệm nặng nề, lại mang lòng trí trá mê hoặc quốc gia, nói và làm trái với chiếu mệnh, ngôn từ trước sau mâu thuẫn nhau, trẫm vì ngài rất hổ thẹn! Bởi ngài từng

nhận địa vị sư phó[1], trẫm không nỡ khảo xét ngài ở chỗ Đình úy, nay hãy giao lại ấn thụ Đại tư không, Cao Lạc hầu, cho bãi chức về quê!"

Thượng thư lệnh Đường Lâm dâng sớ nói:

"Thần trộm thấy sách thư bãi chức Đại tư không Đan, trong lòng hết sức đau xót. Người quân tử lúc sáng tác văn chương, vì người hiền che lỗi.[2] Đan, về kinh học là bậc nho tông đương thời, về phẩm đức là bậc trưởng lão của quốc gia, bản thân là sư phó phù tá Bệ hạ, ngôi vị ở hàng Tam công; cái lỗi mà Đan mắc phải là rất nhỏ, người trong nước chưa thấy được cái lỗi lớn. Sự việc đã qua, miễn tước vị là quá nặng; người có kiến thức ở kinh sư đều cho rằng nên khôi phục lại tước ấp cho Đan, khiến Đan được tham dự hội triều. Mong Bệ hạ nghĩ xét đến tâm ý của mọi người, để an ủy và báo đáp đại thần từng làm sư phó."

Chúa thượng theo lời của Lâm, hạ chiếu, ban cho Đan tước Quan nội hầu.

Chúa thượng dùng lời bàn của Đỗ Nghiệp, triệu kiến Chu Bác, khôi phục lại quan vị, cho nhận chức Quang lộc đại phu[3]; rồi thăng làm Kinh Triệu doãn. Mùa đông, tháng mười, ngày Nhâm Ngọ, lấy Bác làm Đại tư không.

7. Trung Sơn vương Lưu Cơ Tử, từ nhỏ mắc bệnh ở mắt, tổ mẫu là Phùng thái hậu tự mình chăm dưỡng, nhiều lần cầu cúng xin bệnh tật tiêu trừ. Chúa thượng phái Trung lang Yết giả là Trương Do đi chữa trị cho Cơ Tử. Do vốn mắc bệnh cuồng, biến đổi bất thường[4], khi đến nước Trung Sơn, bệnh phát tác, nổi giận bỏ đi, sang tây quay về Trường An. Thượng thư phát công văn trách hỏi Do về nguyên nhân tự tiện bỏ đi, Do sợ, liền ngụy

---

[1] Sư Đan từng làm Thái tử Thái phó.

[2] Ý nói Khổng tử soạn chép *Kinh Xuân Thu*, dùng câu chữ che lỗi cho người hiền.

[3] Việc Chu Bác bị miễn chức quan, xem ở Hán kỷ, quyển hai mươi lăm, sự kiện năm Tuy Hòa nguyên niên, đời Hán Thành đế.

[4] Có lẽ là bệnh động kinh vậy.

tạo lời dối trá nói Thái hậu nước Trung Sơn làm bùa chú nguyền rủa chúa thượng và Phó thái hậu. Phó thái hậu và Phùng thái hậu cùng thờ Nguyên đế, Phó thái hậu nhớ đến oán cũ, nhân việc ấy phái Ngự sử Đinh Huyền tra xét chứng nghiệm; tra xét mấy chục ngày, không thu được gì; lại sai Trung yết giả lệnh Sử Lập đi xét trị việc ấy; Lập nhận chỉ của Phó thái hậu, mong lập công để được phong tước hầu, liền xử trị em gái của Phùng thái hậu là Tập và em dâu của Phùng thái hậu là Quân Chi, người chết đến mấy chục, làm bản tấu bậy rằng: "Phùng thái hậu làm bùa chú nguyền rủa, mưu hại chết chúa thượng, lập Trung Sơn vương." Lúc chất vấn Phùng thái hậu, Phùng thái hậu không chịu nhận lời cung. Lập nói:

- Lúc cản con gấu ở trên điện sao hùng dũng thế,[1] nay sao khiếp nhát vậy?

Phùng thái hậu quay về bảo tả hữu rằng:

- Đấy là lời nói lúc ở trong cung, làm sao quan lại biết được? Có người muốn hãm hại ta, ta đoán được vậy!

Bèn uống thuốc độc tự sát. Nghi Hương hầu Phùng Tham, Quân Chi, Phùng Tập và chồng con đều mắc tội liên đới, người tự sát, người bị xử tử, cả thảy mười bảy người chết. Chúng nhân chẳng ai không thương xót họ.

Tư lệ Tôn Bảo tấu xin thẩm xét lại án của Phùng thị, Phó thái hậu cả giận nói:

- Đế đặt chức Tư lệ, là chủ đích muốn tra xét ta chăng? Việc mưu phản của Phùng thị đã rõ ràng, cố nhiên là có người muốn bới móc để nêu cái xấu của ta, ta muốn trị tội kẻ đó!

---

[1] Phùng thái hậu, tức Thái hậu nước Trung Sơn, chính là Phùng Chiêu nghi của Hán Nguyên đế vậy. Phùng thái hậu vì việc con gấu sống chuồng xông lên điện, tự đứng ra che chắn cho Nguyên đế, nói lời rất khí phách, được Nguyên đế sủng ái, Phó thái hậu vì chuyện đó mà căm ghét Phùng thái hậu. Xem việc này Hán kỷ, quyển 21, sự kiện năm Kiến Chiêu nguyên niên, đời Hán Nguyên đế.

Chúa thượng bèn thuận theo ý chỉ, giam Tôn Bảo vào ngục. Thượng thư bộc xạ Đường Lâm vì Bảo tranh biện, chúa thượng cho là Lâm a dua kết đảng mưu việc riêng, giáng chức Lâm làm Ngư trạch chướng hậu ở Đôn Hoàng. Đại tư mã Phó Hỉ, Quang lộc đại phu Cung Thắng cố sức can ngăn, chúa thượng đem lời của họ báo với Thái hậu, Bảo được thả ra, khôi phục chức quan. Trương Do vì cáo giác sự việc trước tiên, được ban tước Quan nội hầu; Sử Lập được thăng làm Trung thái phó.

---ॐ---

CÁC ĐỜI VUA VÀ NIÊN HIỆU
[THEO TƯ TRỊ THÔNG GIÁM]

Tên thụy/hiệu	Họ tên	Niên hiệu	Năm -> năm
Nhà Hán			
Thế tông Hiếu Vũ hoàng đế	Lưu Triệt	Kiến Nguyên	- 140-> - 135
		Nguyên Quang	- 134-> - 129
		Nguyên Sóc	- 128-> - 123
		Nguyên Thú	- 122-> - 117
		Nguyên Đỉnh	- 116-> - 111
		Nguyên Phong	- 110-> - 105
		Thái Sơ	- 104-> - 101
		Thiên Hán	- 100-> - 97
		Thái Thủy	- 96-> - 93
		Chính Hòa	- 92-> - 89
		Hậu Nguyên	- 88-> - 87
Hiếu Chiêu hoàng đế	Lưu Phất Lăng	Thủy Nguyên	- 86-> - 81
		Nguyên Phượng	- 80-> - 75
		Nguyên Bình	74
Trung tông Hiếu Tuyên hoàng đế	Lưu Tuân	Bản Thủy	- 73-> - 70
		Địa Tiết	- 69-> - 66
		Nguyên Khang	- 65-> - 62
		Thần Tước	- 61-> - 58
		Ngũ Phượng	- 57-> - 54
		Cam Lộ	- 53-> - 50
		Hoàng Long	49

Tên thụy/hiệu	Họ tên	Niên hiệu	Năm -> năm
Hiếu Nguyên hoàng đế	Lưu Thích	Sơ Nguyên	- 48-> - 44
		Vĩnh Quang	- 43-> - 39
		Kiến Chiêu	- 38-> - 34
		Cánh Ninh	33
Hiếu Thành hoàng đế	Lưu Ngao	Kiến Thủy	- 32-> - 29
		Hà Bình	- 28-> - 25
		Dương Sóc	- 24-> - 21
		Hồng Gia	- 20-> - 17
		Vĩnh Thủy	- 16-> - 13
		Nguyên Diên	- 12-> - 09
		Tuy Hòa	- 08-> - 07
Hiếu Ai hoàng đế	Lưu Hân	Kiến Bình	- 06

MỤC LỤC
[TẬP II – QUYỂN 17 ĐẾN QUYỂN 33]

Chỉ mục	Trang
Lời nói đầu	5
Quyển 09 (140 TCN – 134 TCN) – gồm 07 năm	11
- Kiến Nguyên nguyên niên (-140)	*11*
- Kiến Nguyên thứ hai (-139)	*20*
- Kiến Nguyên thứ ba (-138)	*24*
- Kiến Nguyên thứ tư (-137)	*30*
- Kiến Nguyên thứ năm (-136)	*30*
- Kiến Nguyên thứ sáu (-135)	*31*
- Nguyên Quang nguyên niên (-134)	*40*
Quyển 10 (133 TCN – 125 TCN) – gồm 09 năm	43
- Nguyên Quang thứ hai (-133)	*43*
- Nguyên Quang thứ ba (-132)	*48*
- Nguyên Quang thứ tư (-131)	*50*
- Nguyên Quang thứ năm (-130)	*51*
- Nguyên Quang thứ sáu (-129)	*59*
- Nguyên Sóc nguyên niên (-128)	*61*
- Nguyên Sóc thứ hai (-127)	*67*
- Nguyên Sóc thứ ba (-126)	*74*
- Nguyên Sóc thứ tư (-125)	*78*
Quyển 11 (124 TCN – 119 TCN) – gồm 06 năm	79
- Nguyên Sóc thứ năm (-124)	*79*
- Nguyên Sóc thứ sáu (-123)	*85*
- Nguyên Thú nguyên niên (-122)	*88*
- Nguyên Thú thứ hai (-121)	*95*
- Nguyên Thú thứ ba (-120)	*101*
- Nguyên Thú thứ tư (-119)	*104*
Quyển 12 (118 TCN – 110 TCN) – gồm 09 năm	115
- Nguyên Thú thứ năm (-118)	*115*
- Nguyên Thú thứ sáu (-117)	*117*

- *Nguyên Đỉnh nguyên niên (-116)* 119
- *Nguyên Đỉnh thứ hai (-115)* 119
- *Nguyên Đỉnh thứ ba (-114)* 125
- *Nguyên Đỉnh thứ tư (-113)* 126
- *Nguyên Đỉnh thứ năm (-112)* 131
- *Nguyên Đỉnh thứ sáu (-111)* 135
- *Nguyên Phong nguyên niên (-110)* 141

Quyển 13 (109 TCN – 99 TCN) – gồm 11 năm 147
- *Nguyên Phong thứ hai (-109)* 147
- *Nguyên Phong thứ ba (-108)* 151
- *Nguyên Phong thứ tư (-107)* 155
- *Nguyên Phong thứ năm (-106)* 156
- *Nguyên Phong thứ sáu (-105)* 157
- *Thái Sơ nguyên niên (-104)* 160
- *Thái Sơ thứ hai (-103)* 163
- *Thái Sơ thứ ba (-102)* 165
- *Thái Sơ thứ tư (-101)* 169
- *Thiên Hán nguyên niên (-100)* 171
- *Thiên Hán thứ hai (-99)* 175

Quyển 14 (98 TCN – 87 TCN) – gồm 12 năm 183
- *Thiên Hán thứ ba (-98)* 183
- *Thiên Hán thứ tư (-97)* 184
- *Thái Thủy nguyên niên (-96)* 185
- *Thái Thủy thứ hai (-95)* 186
- *Thái Thủy thứ ba (-94)* 186
- *Thái Thủy thứ tư (-93)* 188
- *Chính Hòa nguyên niên (-92)* 188
- *Chính Hòa thứ hai (-91)* 190
- *Chính Hòa thứ ba (-90)* 199
- *Chính Hòa thứ tư (-89)* 202
- *Hậu Nguyên nguyên niên (-88)* 207
- *Hậu Nguyên thứ hai (-87)* 209

Quyển 15 (86 TCN – 75 TCN) – gồm 12 năm 215
- *Thủy Nguyên nguyên niên (-86)* 215

- *Thủy Nguyên thứ hai (-85)* 218
- *Thủy Nguyên thứ ba (-84)* 220
- *Thủy Nguyên thứ tư (-83)* 220
- *Thủy Nguyên thứ năm (-82)* 221
- *Thủy Nguyên thứ sáu (-81)* 223
- *Nguyên Phượng nguyên niên (-80)* 227
- *Nguyên Phượng thứ hai (-79)* 234
- *Nguyên Phượng thứ ba (-78)* 234
- *Nguyên Phượng thứ tư (-77)* 238
- *Nguyên Phượng thứ năm (-76)* 242
- *Nguyên Phượng thứ sáu (-75)* 242

Quyển 16 (74 TCN – 68 TCN) – gồm 07 năm 243
- *Nguyên Bình nguyên niên (-74)* 243
- *Bản Thủy nguyên niên (-73)* 263
- *Bản Thủy thứ hai (-72)* 265
- *Bản Thủy thứ ba (-71)* 268
- *Bản Thủy thứ tư (-70)* 274
- *Địa Tiết nguyên niên (-69)* 275
- *Địa Tiết thứ hai (-68)* 276

Quyển 17 (67 TCN – 62 TCN) – gồm 06 năm 281
- *Địa Tiết thứ ba (-67)* 281
- *Địa Tiết thứ tư (-66)* 290
- *Nguyên Khang nguyên niên (-65)* 299
- *Nguyên Khang thứ hai (-64)* 302
- *Nguyên Khang thứ ba (-63)* 308
- *Nguyên Khang thứ tư (-62)* 313

Quyển 18 (61 TCN – 59 TCN) – gồm 03 năm 317
- *Thần Tước nguyên niên (-61)* 317
- *Thần Tước thứ hai (-60)* 335
- *Thần Tước thứ ba (-59)* 341

Quyển 19 (58 TCN – 49 TCN) – gồm 10 năm 345
- *Thần Tước thứ tư (-58)* 345
- *Ngũ Phượng nguyên niên (-57)* 348
- *Ngũ Phượng thứ hai (-56)* 351

- *Ngũ Phượng thứ ba (-55)* 353
- *Ngũ Phượng thứ tư (-54)* 356
- *Cam Lộ nguyên niên (-53)* 359
- *Cam Lộ thứ hai (-52)* 365
- *Cam Lộ thứ ba (-51)* 367
- *Cam Lộ thứ tư (-50)* 370
- *Hoàng Long nguyên niên (-49)* 371

Quyển 20 (48 TCN – 42 TCN) – gồm 07 năm 373
- *Sơ Nguyên nguyên niên (-48)* 373
- *Sơ Nguyên thứ hai (-47)* 376
- *Sơ Nguyên thứ ba (-46)* 386
- *Sơ Nguyên thứ tư (-45)* 387
- *Sơ Nguyên thứ năm (-44)* 388
- *Vĩnh Quang nguyên niên (-43)* 390
- *Vĩnh Quang thứ hai (-42)* 400

Quyển 21 (41 TCN – 33 TCN) – gồm 09 năm 405
- *Vĩnh Quang thứ ba (-41)* 405
- *Vĩnh Quang thứ tư (-40)* 405
- *Vĩnh Quang thứ năm (-39)* 407
- *Kiến Chiêu nguyên niên (-38)* 410
- *Kiến Chiêu thứ hai (-37)* 410
- *Kiến Chiêu thứ ba (-36)* 420
- *Kiến Chiêu thứ tư (-35)* 425
- *Kiến Chiêu thứ năm (-34)* 426
- *Cánh Ninh nguyên niên (-33)* 427

Quyển 22 (32 TCN – 23 TCN) – gồm 10 năm 441
- *Kiến Thủy nguyên niên (-32)* 441
- *Kiến Thủy thứ hai (-31)* 444
- *Kiến Thủy thứ ba (-30)* 447
- *Kiến Thủy thứ tư (-29)* 449
- *Hà Bình nguyên niên (-28)* 456
- *Hà Bình thứ hai (-27)* 459
- *Hà Bình thứ ba (-26)* 464
- *Hà Bình thứ tư (-25)* 465

- *Dương Sóc nguyên niên (-24)* 469
- *Dương Sóc thứ hai (-23)* 475

Quyển 23 (22 TCN – 14 TCN) – gồm 09 năm 479
- *Dương Sóc thứ ba (-22)* 479
- *Dương Sóc thứ tư (-21)* 480
- *Hồng Gia nguyên niên (-20)* 481
- *Hồng Gia thứ hai (-19)* 482
- *Hồng Gia thứ ba (-18)* 485
- *Hồng Gia thứ tư (-17)* 488
- *Vĩnh Thủy nguyên niên (-16)* 489
- *Vĩnh Thủy thứ hai (-15)* 498
- *Vĩnh Thủy thứ ba (-14)* 506

Quyển 24 (13 TCN – 08 TCN) – gồm 06 năm 513
- *Vĩnh Thủy thứ tư (-13)* 513
- *Nguyên Diên nguyên niên (-12)* 515
- *Nguyên Diên thứ hai (-11)* 522
- *Nguyên Diên thứ ba (-10)* 525
- *Nguyên Diên thứ tư (-9)* 526
- *Tuy Hòa nguyên niên (-8)* 528

Quyển 25 (07 TCN – 06 TCN) – gồm 02 năm 539
- *Tuy Hòa thứ hai (-7)* 539
- *Kiến Bình nguyên niên (-6)* 558

Phụ lục: Các đời vua và niên hiệu 569

TƯ TRỊ THÔNG GIÁM

TẬP 2

Chủ biên: TƯ MÃ QUANG

Đồng soạn: PHẠM TỔ VŨ - LƯU THỨ - LƯU BAN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
Điện thoại: 024.37161518 - 024.37163409 * Fax: 024.38294781
Website: www.nxbvanhoc.com - www.nxbvanhoc.vn
- Email: tonghopvanhoc@vnn.vn
*** Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**
290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3
Điện thoại: 028.38469858 * Fax: 028.38483481
*** Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng**
344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng
Điện thoại - Fax: 0511.3888333

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN ANH VŨ
Biên tập: PHẠM THỊ THANH ĐIỆP
Bìa: HOÀNG TÚ
Sửa bản in: DỊCH GIẢ

Đối tác liên kết
CÔNG TY TNHH SÁCH VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM
(NHÀ SÁCH TRI THỨC TRẺ)
Đc: Số nhà 23 ngách 56 ngõ 376 đường Bưởi -
P. Vĩnh Phúc - Q. Ba Đình - Hà Nội
ĐT: 04. 6293 2066 - Faxx: 04. 3838 9613

In 2.000 cuốn, khổ 16x24cm, tại Công ty CP In Sao Việt.
Đ/c: Số 9/40 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội
Số ĐKXB: 636-2018/CXBIPH/32-32/VH cấp ngày 27-2-2018.
Quyết định xuất bản số: 701/QĐ-VH cấp ngày 19-4-2018.
Số ISBN: 978-604-963-464-2
In xong và nộp lưu chiểu năm 2018